Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê

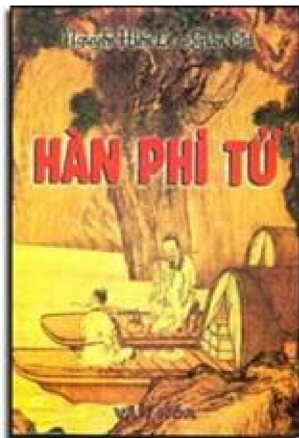
HÀN PHI TỬ



HÀN PHI TỬ

Nguyễn Hiến Lê & Giản Chi

Nguồn: Việt Nam Thư Quán



Tạo eBook lần 1: Santseiya

Tạo eBook lần 2: Goldfish

Ngày hoàn thành: 09/05/2013

MỤC LỤC:

mà là dùng cái thế để trừng trị dân, sửa đổi họ

3. Thuật dùng bề tôi: Không cho một người kiêm nhiệm nhiều chức, không để cho bọn tả hữu ngăn cách vua với quần thần

4. Không có công thì không thưởng, không có tội thì không phạt

5. Vua phải giữ đạo vua, bề tôi phải giữ lễ bề tôi

6. Bề tôi mà khinh vua thì là loạn

7. Không tha kẻ có tội

8. Bề tôi phải trọng vua, làm sáng tỏ pháp luật, không được đòi vua tăng tước lộc cho mình

9. Có thuật thì dùng hai cận thần cũng không sao; không có thuật mà dùng họ thì họ sẽ tranh quyền nhau mà kết giao với nước ngoài, nếu chỉ

dùng một thì người đó sẽ chuyên quyền giết mình

Thiên XXXVII: NẠN NHỊ (trích)

1. Hình phạt cần phải thích đáng, nhiều ít không thành vấn đề

2. Không có công thì không thưởng mà có tội thì phải phạt

3. Muốn tránh họa thì đừng làm, đừng cho thấy

4. Ngũ Bá (Tề Hoàn Công, Tống Tương công, Tấn Văn Công, Tần Mục công, Sở Trang công) sở dĩ thành công là nhờ sức của các vua lẫn bề tôi, chứ không phải của riêng bề tôi, hoặc của riêng vua

5. Trị nước không phải là việc dễ, nhàn, vì dù lựa được bề tôi giỏi rồi, cũng phải có thuật sai khiến họ, xét họ, đối phó với họ

6. Cần xét kỹ lý do rồi mới kết luận được

7. Vua không cần xông pha tên đạn mà cần biết cách thưởng phạt

Thiên XXXVIII: NẠN TAM (trích)

1. Phải trọng dụng kẻ cáo gian (tố cáo kẻ gian)

2. Không nên nghe lời tô điểm (giả dối, tự biện hộ) của bề tôi

3. Không để cho kẻ dưới lấn người trên, địa vị trên dưới phải phân minh

4. Làm cho dân vui, chọn người hiền và tiết kiệm, ba việc đó không cần bằng biết rõ bề tôi

5. Trị dân thì đừng cậy ở trí khôn của mình mà cứ theo pháp luật - Phải lấy vật trị vật, lấy người trị người

6. Trị nước chỉ nên dựa vào cái thế của mình thôi

7. Thưởng phạt mà chỉ căn cứ vào bề ngoài thì bề tôi gian dối sẽ gạt mình được

8. Pháp (luật) thì phải cho mọi người biết, thuật thì phải giấu mọi người

Thiên XXXIX: NẠN TỨ (trích)

1. Bề tôi và vua nên giữ phận mình

2. Vua nên sáng và nghiêm

3. Chưa đáng giận thì đừng tỏ sắc giận ra, chưa đáng phạt thì đừng tỏ ý muốn phạt ra

4. Dùng người thì tránh đừng dùng kẻ mình yêu mà không thực hiền

Thiên XXII: THUYẾT LÂM THƯỢNG (trích)

Phái Pháp trị - Cực hữu vi

Vài lời thưa trước

Khoảng tháng 5 năm 2011, tôi nhờ bạn Quocsan chuyển eBook do bạn Santseiya thực hiện (từ bản đăng trên http://vnthuquan.net/*, do Trần Mạnh Hùng, tuusacqui, heo_mapyeu, Cobe, sherlockhomes, muatrongdem, snowqueen244, cunhoi, Ct.Ly, hoa sua, caufale, Chipmuck, taczan299, hai au trang, Ut cung, tuyenduong114 đánh máy – về sau gọi là bản nguồn) thành file .doc để tôi chép thêm một số truyện trong Chiến Quốc sách và trong Liệt tử và Dương tử vì trong Hàn Phi tử có một số truyện tương tự 2 sách kia đã được dịch*

rồi nên hai cụ Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê không dịch lại. Nhưng vì không tìm được sách giấy nên tôi đành gác lại. Gần đây bạn Xuanthe89 có gởi cho tôi ảnh chụp bản Hàn Phi tử do nhà Lạc Việt thực hiện (về sau gọi là bản Lạc Việt) nên mới thực hiện được ước muốn từ hai năm trước. Xin chân thành cảm ở tất cả các bạn.

Tôi châm chước bản nguồn và bản Lạc Việt, có khi phải tham khảo thêm các tài liệu khác, để sửa đổi và ghi thêm chú thích.

Để tiện tham khảo, trong phần Đọc thêm, ngoài các bài trích trong Chiến Quốc sách, Liệt tử và Dương tử – như đã nói ở trên – tôi còn chép tiết Phái

Pháp trị – Cực hữu vi, trích trong bộ Sử Trung Quốc của cụ Nguyễn Hiến Lê.

Goldfish

Tháng 05/2013

LỜI MỞ ĐẦU

Hàn Phi tử là tư tưởng gia cuối cùng của thời Tiên Tần, tập đại thành các pháp gia (các nhà cho rằng trị nước, dùng pháp luật có hiệu quả hơn, là những người chủ trương pháp trị, trái với Khổng, Mặc chủ trương nhân trị) trong 3-4 thế kỷ, nên trước khi giới thiệu đời sống và tư tưởng của Hàn Phi, chúng tôi ôn lại hai thời Xuân Thu và Chiến Quốc về phương diện xã hội, chính trị và học thuật, lược thuật tư tưởng và chính sách của các pháp gia trước Hàn Phi: Quản Trọng, Tử Sản, Lý Khôi, Ngô Khởi, Thân Bất Hại, Thận Đáo, Thương Uởng.

Ba điểm chính trong học thuyết của Hàn là:

- Trọng cái thế: Người cầm quyền không cần phải hiền và trí, mà cần có quyền thế và địa vị. Hiền và trí không đủ cho đám đông phục tùng, mà quyền thế và địa vị đủ khuất phục được người hiền. Trọng thế thì tất nhiên trọng sự cưỡng chế: Vua nắm cả quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, và phải được tôn trọng triệt để, bắt chết thì phải chết.

- Trọng pháp luật: Mà pháp luật phải hợp thời, dễ biết dễ thi hành, phải công bằng.

- Trọng thuật trừ gian: Dùng người, điểm này rất quan trọng.

Hàn đưa ra nhiều thuật tàn nhẫn rồi dùng nhiều cố sự để dẫn chứng, đại khái cũng như Kautilya ở Ấn Độ sau cuộc xâm lăng Ấn của Alexandre le Grand, một thế kỷ trước Hàn Phi; và như Machiavel, tác giả cuốn Le prince ở Ý cuối thế kỷ XV.

Học thuyết của Hàn giúp Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Quốc, nhưng từ đời Hán ảnh hưởng của Hàn giảm nhiều, ảnh hưởng của Khổng học lại mạnh lên.

Từ năm 1977, được nhàn rỗi, tôi lại tiếp tục nghiên cứu hết các triết gia lớn đời Tiên Tần, để thực hiện xong chương trình tôi đã vạch từ sáu năm trước, và soạn thêm năm cuốn nữa: Mặc Học, Lão Tử, Luận Ngữ, Khổng Tử, Kinh Dịch.

*(**Trích Hồi kí Nguyễn Hiến Lê**)*

PHẦN I

THỜI XUÂN THU VÀ CHIẾN QUỐC

CHƯƠNG I

TÌNH HÌNH XÃ HỘI

Hàn Phi là tư tưởng gia cuối cùng của thời Tiên Tần, tập đại thành các Pháp gia trong 3-4 thế kỷ, nên trước khi giới thiệu đời sống cùng tư tưởng của ông, chúng tôi nghĩ cần ôn lại hai thời Xuân Thu và Chiến

Quốc về phương diện xã hội, chính trị và học thuật. Có sách cho vua Văn Vương là người khai sáng nhà Chu; sự thực ông chỉ là một chư hầu (Tây Bá) có tài có đức dưới quyền vua Trụ nhà Thương (cũng gọi là nhà Ân). Chính con ông, Võ Vương, mới diệt Trụ mà lên ngôi, mở đầu cho nhà Chu (năm -1122)[1].

Qua đời sau, con Võ Vương là Thành Vương còn nhỏ[2], Chu công tên là Đán, em Võ Vương (tức là chú của Thành Vương) làm chức Trủng Tể, coi việc nước, sửa sang lại chế độ, nhạc lễ, giáo hóa, làm cho nhà Chu cường thịnh, văn minh. Từ đó chế độ phong kiến lần lần thay chế độ thị tộc. Sử chép đầu đời Chu có tới 1600 chư hầu, chúng tôi nghĩ là

những bộ lạc, chưa thật sự là chư hầu như giữa đời Tây Chu trở đi[3].

Theo bộ *Mạnh Tử* (Vạn Chương hạ - bài 2) đại khái chế độ phong kiến đời Chu như sau:

Về tước vị các vua trong thiên hạ có 5 bậc:

1) Thiên Tử,
2) Công,
3) Hầu,
4) Bá và
5) Tử với Nam cùng bậc.

Về phép phong đất thì có 4 hạng:

1) Đất của Thiên Tử vuông vức 1.000 dặm;
2) Đất của Công và Hầu vuông

vức 100 dặm;

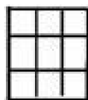
3) Đất của Bá 70 dặm;

4) Đất của Tử và Nam 50 dặm.

Binh lực cũng quy định tùy theo nước lớn nhỏ. Thời đó chỉ dùng chiến xa, chưa có bộ binh và kỵ binh. Mỗi chiến xa có 4 ngựa, 1 người đánh xe ở giữa, 1 quân bắn cung ở bên trái, và 1 quân cầm thương ở bên phải. Nước của Thiên Tử có vạn chiến xa, nước của Công Hầu có ngàn chiến xa, dưới nữa là trăm chiến xa.

Chư hầu có bổn phận tuân lệnh, trung thành với thiên tử; ngược lại thiên tử có bổn phận che chở, giúp đỡ chư hầu. Đúng một kỳ hạn nào đó, các chư hầu phải tới triều cống thiên tử; và theo lệ, cứ năm năm một lần, thiên tử đi thăm khắp các chư hầu,

xem xét chính tích của họ, tình hình trong xứ: Đời sống của dân chúng, lễ nhạc, nhất là ca dao, vì nỗi vui buồn, lo lắng của dân hiện rõ trong ca dao hơn hết (kinh *Thi* sở dĩ được trọng ngang kinh *Thư*, kinh *Lễ* là vì vậy).



Chế độ chia đất cày cho dân, chế độ "**tỉnh điền**" có lẽ xuất hiện từ đời Hạ[4], sang đời Chu được chỉnh đốn lại, mỗi miếng đất vuông vức 900 mẫu (mỗi mẫu theo Wieger, bằng khoảng 600 mét vuông) chia làm 9 phần bằng nhau như hình trên, mỗi phần 100 mẫu. 8 phần chung quanh chia đều cho 8 gia đình; phần ở giữa để lại một ít làm chỗ ở cho 8 gia đình, còn bao

nhiêu 8 gia đình cày cấy chung, nộp lúa cho nhà vua. Hình miếng đất khi chia như vậy, giống chữ □ nên gọi là phép tỉnh điền.

Ngoài công việc canh nông đó ra, dân còn phải săn chồn, trồng dâu, nuôi tằm, dệt lụa để quý tộc may y phục.

Ấy là chưa kể lâu lâu phải lại nhà quý tộc hầu hạ nữa. Đời họ vất vả thật, nhưng xã hội được tổ chức nên đời sống cũng được bảo đảm ít nhiều. Đất còn rộng, dân còn thưa, gặp những lãnh chúa tốt thì những năm không có chiến tranh và mưa gió thuận hòa, họ có thể đủ ăn, đủ mặc, sống vui vẻ.

Chế độ phong kiến đó tập trung quyền hành trong tay quý tộc, làm cho hạng này được ăn sung mặc sướng, có thì giờ nhàn

rỗi học hành, trau dồi văn thơ nghệ thuật, nhờ vậy mà văn minh Trung Hoa dưới đời Chu phát triển. Để được hưởng thụ, giới quý tộc thích sống ở thành thị hơn, và ở đâu họ cũng khuyến khích công nghệ, thương mại, do đó thành thị mọc nhiều và mau thịnh.

Nhược điểm của chế độ đó là nền tảng không vững được lâu, phải dựa trên uy quyền của quý tộc. Uy quyền đó mà suy nhược, hoặc bọn cầm quyền mà tham nhũng, là nội loạn nổi lên liền: Chư hầu không tuân lệnh thiên tử, dân không tuân lệnh các quan, kẻ mạnh hùng cứ một phương, thôn tính kẻ yếu ở chung quanh mà làm bá chủ. Số bộ lạc nhỏ cứ giảm dần từ 1.600 xuống 1.000, 500, vài trăm, 100... mà các chư hầu hùng cường, đất đai mỗi

ngày một rộng, dân chúng mỗi ngày một đông, gấp 5 gấp 10 của thiên tử.

Nhà Chu chỉ thịnh trên một thế kỷ, từ đời Võ Vương đến hết đời Chiêu Vương. Qua đời Mục Vương ("trước Tây lịch" - 1001 - 936) đã bắt đầu suy, tới đời U Vương (thế kỷ thứ 8 trước T.L.) thì triều đình loạn, U Vương bị rợ Khuyển Nhung giết; thái tử nối ngôi là Bình Vương, sợ các rợ phía Tây (Tây Nhung) lại uy hiếp nữa, phải dời đô qua Lạc Ấp (-700) ở phía đông, trong sử gọi là đời Đông Chu (-700 - 221). Từ đó vua Chu tuy vẫn còn giữ cái danh thiên tử, nhưng mất hết cả quyền hành, thường bị chư hầu lấn áp mà chế độ phong kiến lần lần lung lay.

Trong *Chiến Quốc sách*, phần 1 trang 100 (Lá Bối 1973) chúng tôi đã nói rằng

sự phân chia đời Đông Chu chia thành hai thời kỳ:

- Thời Xuân Thu (-700 - 403) từ đời Chu Bình Vương tới gần cuối đời Chu Uy Liệt Vương.

- Thời Chiến Quốc (-403 - 221) từ gần cuối đời Uy Liệt Vương tới khi Tần diệt Tề và thống nhất Trung Quốc có một điểm gượng: Năm -403 không đánh dấu một biến cố gì quan trọng đủ để mở đầu một thời đại, chỉ là năm ba đại phu nước Tấn: Hàn Kiều, Triệu Tích, Ngụy Tư được vua Chu phong hầu (do đó mà sau Tấn tách ra thành ba nước Hàn, Triệu, Ngụy), còn xã hội, lịch sử Trung Hoa vẫn biến chuyển liên tục, không bị gián đoạn, từ chế độ phong kiến tới

chế độ quân chủ chuyên chế, từ tình trạng phân tán tới tình trạng thống nhất. Tuy nhiên có điều này hiển nhiên là càng về sau xã hội càng loạn, biến cố càng dồn dập, và xét chung thì thời Chiến Quốc quả có nhiều điểm khác thời Xuân Thu.

Về kinh tế, canh nông, phương pháp canh tác rất tiến bộ. Thời Ân người ta dùng lưỡi cày bằng gỗ, thời Tây Chu đã có lưỡi cày bằng đồng đỏ; cuối thời Xuân Thu ở Ngô và Việt, người ta đã tìm ra sắt. Sắt lúc đó gọi là "ác kim" (vàng, bạc, đồng là mỹ kim) và chỉ dùng chế tạo những đồ dùng tầm thường như lưỡi cày, lưỡi cuốc... Năm -513 vua Tấn bắt mỗi người dân phải nộp một ít sắt để đúc những đỉnh ghi hình luật. Cũng vào khoảng đó xuất

hiện những truyền thuyết về hai thanh gươm Can Tương và Mạc Da, bén hơn những thanh gươm thường dùng nhiều, chỉ vì đúc bằng sắt và từ đó sắt mới được dùng làm binh khí. Có xưởng đúc phải dùng tới 300 người kéo bễ cho lò đủ nóng mà làm chảy được sắt. Tới thời Chiến Quốc, sắt đã thông dụng, và sách *Mạnh Tử*, thiên Đằng Văn Công thượng, bài 4, chép một câu Mạnh Tử hỏi Trần Tương: "Hứa Tử có dùng nồi đồng, trách đất nấu ăn không, có dùng (lưỡi cày bằng) sắt mà cày không?" (Hứa Tử dĩ phủ tắng thoán, dĩ thiết canh hồ?).

Nhờ lưỡi cày bằng sắt, nhờ biết dùng bò để kéo cày, mà cày sâu hơn, nhanh hơn, đỡ tốn sức hơn. Người ta lại biết bỏ phân, làm hai mùa, đào kinh dẫn nước. Nước

chư hầu nào cũng muốn phú cường để thôn tính các nước bên cạnh, mà muốn phú cường thì trước hết phải khuếch trương canh nông, nghĩa là phải vừa cải tiến phương pháp canh tác vừa khuyến khích khai phá đất đai mới, vừa thay đổi cách đánh thuế.

Sự khai phá đất đai mới có hiệu quả hơn hết mà cũng cấp thiết nhất vì dân số tăng lên khá mau (tổng số nhân khẩu thất quốc đời Đông Chu độ 20 triệu, tới đầu kỷ nguyên Kitô, tăng lên 60 triệu) tới nỗi Mạnh Tử đã lo thiếu thực phẩm và nguyên liệu, nên phải khuyên các nhà cầm quyền cấm dân bủa lưới mắt nhỏ quá trong các bưng, hồ, cấm đốn cây phá rừng sái mùa, (Lương Huệ Vương - bài 3); và 100 năm sau Hàn Phi đã phải phàn nàn dân số tăng

lên quá mau, (theo cấp số nhân, chẳng hạn một người có 5 người con trai, mỗi người con trai lại có 5 người con trai nữa, thành thử chỉ trong hai thế hệ, khoảng 40-50 năm, một người thành ra 25 người), thực phẩm mỗi ngày một khó kiếm.

Muốn mở mang đất đai thì nên khuyến khích hoặc bắt buộc thanh niên thoát ly gia đình đi tìm đất mới, và đừng hạn chế số đất canh tác của mỗi gia đình. Vì vậy chế độ tỉnh điền không hợp thời nữa, dù Mạnh Tử bênh vực nó đến mấy thì nó cũng phải bỏ; mà sở dĩ ông hăng hái binh vực nó chính vì nó đã bị bỏ ở vài nước rồi. Theo Maspéro trong *La Chine Antique* (PUF - 1965) thì Tấn là nước đầu tiên bỏ chính sách tỉnh điền từ thời Xuân Thu, trước thời Mạnh Tử một hai trăm năm. Sau Mạnh Tử,

Tần Hiếu Công nghe lời khuyên của Thương Ưởng bỏ chính sách đó từ năm -350, cho dân được tự do khai hoang canh tác. Bỏ chính sách tỉnh điền thì đồng thời cũng bỏ luôn phép đánh thuế thời đó gọi là trợ (giúp): 8 gia đình làm giúp một khoảng ruộng công ở giữa cho chủ điền (tức là cho chính phủ, cho quý tộc), mà thay bằng thứ thuế thường bằng 1/10 huê lợi, huê lợi có khi tính từng năm một, có khi lấy số trung bình của nhiều năm. Lối sau này bất lợi cho nông dân: Năm được mùa, lúa thóc dư nhiều, chính phủ có thể thu nhiều mà lại thu ít, dân tiêu pha hết không chịu để dành; tới năm mất mùa, huê lợi chỉ đủ trả phí tổn canh tác thì chính phủ lại bắt nộp đủ số, dân đói phải vay nặng lãi của chủ điền, của con buôn, có kẻ trả nợ suốt đời không

hết, như ở Ấn Độ gần đây. Gần thời Chiến Quốc, các ông vua chư hầu cần tiền mua khí giới, nuôi binh lính, đánh thuế rất nặng, có nơi bằng 50% huê lợi của dân, dân tình cực điêu đứng. Tuy nhiên chính sách đóng thuế vào huê lợi cũng có lợi cho nông dân về mặt khác: Họ tương đối được tự do, độc lập hơn đối với chủ điền, không bị "cột" vào công điền nữa.

Công nghệ đầu đời Chu còn thô sơ: Dân chúng đa số chế tạo lấy đồ dùng trong nhà và đồ làm ruộng; một số nô lệ chuyên môn chế tạo khí giới và các đồ dùng đẹp và quý cho giai cấp quý tộc, làm việc trong các xưởng của quốc gia hoặc trong những gia đình lớn. Đọc tiểu thuyết của Gogol, Tolstoi, Tourgueniev, ta thấy thế kỷ XIX ở Nga có lối công nghệ đó, các đại

điền chủ Nga có hàng ngàn, hàng vạn "linh hồn" (tức nông nô), và trong điền trang của họ, có hàng chục, hàng trăm nông nô đàn ông và đàn bà chuyên xây cất, đóng xe, dệt vải, chế tạo nông cụ và dụng cụ cho chủ. Rất ít khi điền chủ mua đồ đạc ở thị trấn - thường rất xa - chở về điền trang dùng.

Tới thời Xuân Thu, công nghệ phát triển hơn, các đồ đồng bằng đồng đỏ, các đồ cẩn, khảm đã đạt được kỹ thuật cao, đồ bạc và bằng ngọc đã xuất hiện.

Qua thời Chiến Quốc, thêm đồ sơn, đồ thủy tinh; kỹ thuật đồ gốm, kỹ thuật dệt và nhuộm (có khi người ta nhuộm tới bảy màu), rất tiến bộ và người ta đã tìm được những hợp kim để chế tạo những tấm gương soi mặt rất tốt. Ngoài ra, chính sách thực sản của Quản Trọng ở nước Tề (thời

Xuân Thu): Khai mỏ, đúc tiền, nấu nước bể làm muối, lập kho lẫm... có nhiều kết quả, làm cho Tề phú cường, và qua thời Chiến Quốc, nước nào cũng chịu ảnh hưởng của Tề. Thương mại còn phát triển hơn công nghệ nữa. Những nơi như Hàm Dương ở Tần, Lâm Tri ở Tề, Hàm Đan ở Triệu, Đại Lương ở Ngụy đều là những thị trấn thương mại rất đông dân và thịnh vượng.

Sử còn chép tên những thương gia danh tiếng như Ỷ Đốn, người nước Lỗ, Đoan Mộc Tứ (tức Tử Cống, một môn đệ của Khổng Tử), cả hai đều ở cuối đời Xuân Thu; qua thời Chiến Quốc có những phú thương rất có thế lực, giao thiệp với hạng vua chúa, có kẻ được giao phó chức tướng quốc nữa như Lã Bất Vi. Một người buôn

súc vật ở Trịnh, tên là Huyền Cao, trong khi đem súc vật ra chợ bán, gặp một đạo quân của Tấn muốn xâm chiếm nước mình, bèn giả làm sứ giả của vua Trịnh, dâng đạo quân đó tiền bạc và súc vật để xin họ đừng tiến quân nữa; vậy mà họ tin, đủ biết bọn phú thương được trọng ra sao.

Thương gia nổi tiếng nhất ở đầu thế kỷ thứ V là Phạm Lãi. Ông vốn là một trung thần của Việt Vương Câu Tiễn, giúp Câu Tiễn báo thù Ngô Vương Phù Sai; khi đã toại chí, ông không thích làm một quan lớn trong triều đình Việt, vì sợ luỵ đến thân, bỏ nước Việt, qua nước Đào, đổi tên là Đào Chu Công, kinh doanh buôn bán mà giàu lớn. Quy tắc làm giàu của ông là áp dụng luật cung cầu để biết lúc nào nên trữ hàng, lúc nào nên bán ra. Như năm hạn

hán, thuyền rẻ, nên mua trữ để sang năm ngập lụt bán ra; trái lại năm ngập lụt nên mua trữ xe để năm hạn hán bán ra. Ông tính rằng trong 12 năm thế nào cũng có một năm đói lớn, và trung bình cứ một năm được mùa, lại có một năm mất mùa. Ông còn bỏ vốn vào việc khai thác mỏ sắt và bất kỳ công việc nào có lợi, không bao giờ để tiền nằm yên trong nhà, mà cho nó lưu thông không ngừng, cho nên chỉ trong ít năm gây được một sản nghiệp vĩ đại. Thật là một chính trị gia kiêm một nhà kinh doanh đại tài của Trung Hoa thời Tiên Tần.

Hạng con buôn nhỏ, chẳng cần mạo hiểm kinh doanh, cứ bỏ tiền cho vay lãi cũng đủ sung sướng, chẳng cần cày cấy, nuôi tằm, dệt lụa mà cũng ăn ngon mặc

đẹp; nông dân khi túng tiền, cần bán nông cụ cho họ, họ mua rẻ, bằng nửa giá; rồi tới ngày mùa, cần chuộc nông cụ về, họ bắt trả gấp đôi.

Có lẽ chính vì bọn đó mà dân tộc Trung Hoa đặt giai cấp thương dân sau ba giai cấp sĩ, nông, công; chứ hạng đại kinh doanh như Phạm Lãi thì không bao giờ bị khinh, mà trái lại bọn quý tộc còn muốn làm quen với họ, mời họ "ngồi cùng xe" nữa.

Về chính trị và xã hội, thời Chiến Quốc khác thời Xuân Thu cũng rõ rệt, có phần rõ rệt hơn về kinh tế nữa, vì kinh tế biến chuyển đều đều, còn chính trị có thể ở vài nước như Sở, Tần có những bước nhảy vọt.

- Chế độ phong kiến suy vi. Trong

Chiến Quốc sách (trang 10, 11) chúng tôi đã viết: Từ khi dời đô sang phía đông (Lạc Ấp), nhà Chu suy nhược lần lần, đất đai thì phải chia cắt để phong cho các chư hầu công khanh, nên mỗi ngày mỗi thu hẹp lại (hóa ra nghèo), chỉ còn trông cậy vào sự cống hiến của các chư hầu mà chư hầu như nước Lỗ, trong 242 năm chỉ triều cống có 3 lần: Không những vậy, vì cái danh nghĩa thiên tử, đôi khi còn phải giúp lương thực cho chư hầu những năm họ mất mùa hoặc có chiến tranh.

Nhà Chu suy nhưng một số chư hầu mỗi ngày một mạnh vì chính trị tốt, kinh tế phát đạt như Tề, hoặc vì thôn tính được những nước nhỏ hơn, khai thác được những đất mới như Sở, Tần. Số chư hầu trước kia còn ngàn rưỡi, tới thời Đông

Chu (Xuân Thu) chỉ còn lại trên 100, qua thời Chiến Quốc, giảm xuống nữa, còn dưới một chục: Tề, Tần, Sở, Hàn, Ngụy, Triệu, Yên; trong số thất hùng, mạnh nhất là Tần, Sở, Tề vì đất đai đã rộng (nhất là Sở) mà tài nguyên lại nhiều. Gần cuối thời Chiến Quốc họ thành những quốc gia độc lập, không phục tùng nhà Chu nữa, không chịu xưng bá mà tự xưng vương (tức tự coi mình ngang với nhà Chu) như Tề, Ngụy năm -334, Tần năm -325, Hàn, Yên năm -323...; sau Tần Chiêu Tương vương còn tự xưng là đế (Tây Đế) - năm -228 - sai sứ lập vua Tề làm Đông Đế nữa, nghĩa là coi Trung Quốc không còn nhà Chu, chỉ còn Tần và Tề là đáng làm thiên tử của các chư hầu thôi, Tần làm chủ phương Tây, Tề làm chủ phương Đông. Họ thành những

quốc gia độc lập.

Trong quốc gia của họ, họ cũng bỏ chế độ phong kiến mà dùng chế độ quận huyện. Tấn là nước đầu tiên lập ra một huyện, huyện Khuê Trung thời Xuân Thu (cuối thế kỷ thứ VII), sau khi chiếm được một miền của một rợ về phía tây. Sau đó là các nước Sở, Tề, Ngô, nhưng những quận huyện thời đó vẫn còn có vài nét thái ấp, vì quyền cai trị vẫn còn cha truyền con nối. Qua thời Chiến Quốc, nhất là từ năm -350, Thương Ưởng làm tướng quốc ở Tần, chế độ quận huyện thực sự mới được phổ biến và mất hẳn tích cách thái ấp, nghĩa là viên quan cai trị do chính quyền trung ương bổ nhiệm, có thể bị thay thế bất kỳ lúc nào, y như một công chức thời nay. Đó là một tiến bộ lớn đưa tới chế độ quân chủ

chuyên chế các đời sau này.

- Mỗi khi một nước chư hầu bị thôn tính - mà suốt đời Xuân Thu và Chiến Quốc, có hàng trăm nước như vậy - thì một bọn quý tộc mất địa vị, tức như trường hợp Khổng Tử. Tổ tiên ông vốn người nước Tống, vì bị một quyền thừa áp bức, họ Khổng phải dời qua nước Lỗ, được năm đời thì sinh ra ông. Gia đình sa sút, 18 tuổi chưa có một chức vụ gì cả, 19 tuổi thành gia thất rồi mới nhận chức ủy lại, coi việc gạt thóc ở kho, sau làm tư chức lại (chức tư lại?), coi việc nuôi bò dê để dùng vào việc cúng tế, đều là những chức thấp nhất trong chính quyền. Mạnh Tử cũng giống ông, thuộc dòng dõi công tộc Mạnh Tôn ở nước Lỗ, nhưng đến đời ông cha đã sa sút, tuy là quý tộc mà sống như bình

dân.

Qua thời Chiến Quốc, một số vua chư hầu muốn tước quyền của bọn quý tộc, một mặt không phong thái ấp cho họ nữa, một mặt thâu tước lộc của con cháu những người đã được phong, như nước Sở dưới triều Điệu Vương đầu thế kỷ thứ IV, Ngô Khởi vạch cho Điệu Vương thấy cái hại của bọn đại thần được phong quá đông, khiến cho nước nghèo, binh yếu, nên khuyên Điệu Vương sau ba đời thì thâu tước lộc lại. Điệu Vương nghe theo, bỏ các chức quan không cần thiết, bớt lương bổng của một số khác, để lấy tiền nuôi chiến sĩ. Bọn quý tộc bất mãn, khi Điệu Vương chết, bèn hùa nhau hãm hại Ngô Khởi, giết và chặt chân tay Ngô Khởi. Giữa thế kỷ thứ IV, Tần còn làm mạnh hơn

nữa, đặt ra 41 quận huyện trong khắp nước, hằng trăm gia đình quý tộc mất địa vị.

Tóm lại thời Chiến Quốc, giai cấp quý tộc cũ lần lần tan rã, không nắm quyền hành nữa, và một giới hữu sản mới lên thay: Họ là những người khai phá những đất mới, những thương nhân làm giàu rồi mua đất và thành những tân địa chủ, lối sống cũng như bọn quý tộc cũ, nhưng tư tưởng tiến bộ hơn, và một số có tài nhảy ra làm chính trị. Thời Xuân Thu đã có một số ít người trong giai cấp đó chiếm được những địa vị cao: như Bách Lý Hề, Quản Trọng, Ninh Thích..., nhưng thời Chiến Quốc mới thực là thời của họ tung hoành. Họ là những kẻ sĩ áo vải[5] giỏi về chính

trị, ngoại giao, kinh tế hay võ bị, làm quân sư hoặc tướng quốc cho các vua chúa. Họ là Tô Tần, Trương Nghi, Cam Mậu, Phạm Tuy, Ngô Khởi, Bạch Khởi, Lã Bất Vi, Lý Tư...

Họ thông minh, có chí, quyết lập nên sự nghiệp, trau dồi kiến thức, tìm hiểu tình hình mỗi nước, rồi đi kiếm một ông vua để thờ. Họ phải chờ người giới thiệu hay đút lót mua chuộc bọn hầu cận nhà vua để xin được tiếp kiến. Được tiếp kiến, họ phải dùng ba tấc lưỡi để thuyết phục nhà vua - coi thiên Thuế nan (trong phần dịch ở sau), độc giả sẽ thấy thuật thuyết phục đó khó khăn và nguy hiểm ra sao. Khi thuyết phục được rồi, nghĩa là nhà vua chịu nghe theo kế hoạch của họ, tin dùng họ, thì một bước họ nhảy lên chức tướng quốc. Nhưng muốn

giữ địa vị đó, họ phải đánh át ảnh hưởng của bọn "cha anh" nhà vua, tức bọn quý tộc cũ, bọn này vốn bảo thủ, muốn bám lấy quyền lợi, ghét mọi sự cải cách, ghen quyền hành của họ, nên nhiều khi làm cho họ mất mạng, như trường hợp Ngô Khởi, Thương Ưởng - coi thiên Cô phẫn trong phần dịch. Sự thăng tiến đó của kẻ sĩ là một nét đặc biệt trong thời Chiến Quốc.

- Một nét đặc biệt nữa là thời Xuân Thu, các vua chúa còn trọng nhân nghĩa, vài ba ông còn dùng nhân nghĩa để trị dân; qua thời Chiến Quốc, họ chỉ dùng thuật. Như vậy một phần do xu thế của đương thời, một phần cũng do sự thúc đẩy của bọn sĩ kể trên.

Người ta thấy chính sách "nhân chính" dùng nhân nghĩa để trị dân của Nghiêu,

Thuấn mà Khổng, Mạnh đề cao nếu không phải là vu khoát thì cũng chậm có kết quả, không thể thi hành được.

Tới thời Mạnh Tử còn có một số vua chư hầu thích nghe thuyết nhân chính, như Tề Tuyên Vương, Lương Huệ Vương, nhưng họ chỉ nghe thôi, chứ không đủ kiên nhẫn để theo. Như Lương Huệ Vương phàn nàn với Mạnh Tử rằng đã hết lòng trị nước theo nhân nghĩa, cứu giúp dân nghèo mà sao kết quả không hơn gì các nước láng giềng, dân số vẫn không đông hơn các nước ấy. Mạnh Tử đem trận chiến ra giải thích, bảo: "Quân hai bên giao chiến, mà quân của nhà vua thua, cởi bỏ áo giáp, kéo đao thương mà chạy, kẻ chạy trăm bước mà ngừng, kẻ năm chục bước rồi ngừng. Kẻ chạy năm chục bước có quyền chê kẻ

chạy trăm bước không?”

Huệ Vương không đáp, và Mạnh Tử kết luận: “Vậy thì nhà vua cũng đừng nên mong nước nhà vua đông dân hơn các nước chung quanh”.

Nghĩa là chưa thấy kết quả chỉ tại chưa thi hành nhân nghĩa đến nơi đến chốn, còn phải kiên nhẫn nhiều, gắng sức nhiều nữa, mới bấy nhiêu tuy đã khá hơn các vua khác, nhưng chưa đủ.

Ngay như Đằng Văn Công thành tâm tin thuyết nhân chính, gắng sức thi hành, nhưng bị Tề, Sở ép ở hai bên, lăm le thôn tính, nên luôn luôn lo sợ mất nước, mấy lần khẩn khoản xin Mạnh Tử chỉ cho cách đối phó. Mạnh Tử chẳng đưa ra kế hoạch nào hay cả, trước sau cũng chỉ khuyên ráng cùng với dân kháng chiến, kháng chiến

không được thì bỏ nước mà đi. Lời đó càng làm Đằng Văn Công lo thêm. Bí quá Mạnh Tử đành phải bảo: "Nhà vua cứ làm điều thiện đi, đời sau sẽ có người lập được nghiệp vương mà thống trị thiên hạ". Thật là một lời vô trách nhiệm, nước sắp mất đây, dân sắp làm nô lệ đây, mạng mình không biết còn hay không đây, mà hy vọng ở đời sau!

Không có lời nào tỏ được sự thất bại của chính sách nhân chính và tả được tâm trạng xót xa của các Nho gia thời Chiến Quốc bằng lời Mạnh Tử trách Tề Tuyên Vương dưới đây:

"Có người hồi nhỏ học đạo (trị quốc) của thánh hiền, lớn lên mong thi hành sở học của mình. Nhưng nhà vua lại bảo: "Khoan, hãy để qua một bên sở học của

nhà ngươi mà làm theo ý ta đã". Như vậy mới làm sao! Nay nhà vua có một hạt ngọc chưa mài, dù đáng vạn dật thì cũng giao cho thợ ngọc mài giũa. Đến việc trị nước thì nhà vua lại bảo: "Khoan, hãy để qua một bên sở học của nhà ngươi mà làm theo ý ta đã! Sao hành động lại khác khi giao ngọc cho thợ mài giũa?" (Lương Huệ Vương, hạ -9).

Hành động phải khác chứ, sao lại không? Hạt ngọc đem mài giũa ngay thì nó đẹp lên ngay, chứ không hại gì cả. Còn dùng sở học của Mạnh Tử tức nhân chính, để trị nước Tề thì Tề đã không thể mạnh lên ngay được mà còn có thể bị Tần, Sở đánh bại nữa. Mạnh Tử có tật ví von, thành thử lý luận của ông nhiều khi bông lông, không thực tế.

Thời Chiến Quốc là thời bảy người đuổi bắt một con hươu, kẻ nào mưu mô, nhanh chân khéo tay là được. Nhân nghĩa đôi khi cũng có ích đấy, nhưng không đủ, phải làm sao cho nước mau giàu, mau mạnh, phải dùng thuật - thuật hiểu theo hai nghĩa: Kỹ thuật và tâm thuật (tức thủ đoạn). Cho nên bọn Ngô Khởi, Thương Ưởng, Tô Tần, Trương Nghi... tư cách kém xa Mạnh Tử, Tuân Tử mà được trọng dụng, làm cho Tần, Sở mau hùng cường.

Trong khi Nho gia chỉ bàn về nhân nghĩa, chê kỹ thuật (Khổng tử chê một môn đồ là quê mùa vì hỏi ông về nghề nông)[6], cho sự cải cách chế độ, kinh tế là tầm thường (Mạnh Tử chê sự nghiệp của Quản Trọng là thấp kém) thì bọn sĩ kia tìm

cách cải thiện chính trị, canh nông, binh bị, dùng thuật ngoại giao làm hậu thuẫn, dùng thuật kiểm soát, điều khiển bề tôi để củng cố quân quyền, kết quả chỉ trong 5, 10 năm là thấy rõ, nên ông vua nào mà chẳng tin họ?

- Quan trọng nhất là sự cải thiện kỹ thuật chiến tranh. Thời Xuân Thu chiến tranh còn theo luật quân tử.

Đọc *Tam Quốc Chí*, chúng ta mỉm cười khi thấy hai bên dàn trận rồi, tướng bên này xông ra, múa giáo thách đố, có khi sỉ vả hoặc mỉa mai khuyên nhủ tướng bên kia; họ đối đáp với nhau một hồi rồi mới xáp lại đọ sức nhau, trong khi quân lính ở đàng sau ngó. Không biết thời Tam Quốc người ta đánh nhau như vậy có thật không, nhưng thời Xuân Thu thì chắc chắn như

vậy, có khi người ta cực kỳ lễ độ với nhau là khác. Marcel Granet, tác giả cuốn *La Civilisation chinoise* (Albin Michel - Paris - 1948) trong một chương rất lý thú, chương La vie publique, cho ta biết thời Xuân Thu, trước khi lâm chiến, tướng hai bên phái sứ giả định giờ giao tranh. Khi ra trận, tướng hai bên đứng trên chiến xa cúi đầu ba lần để chào nhau; nếu tướng bên đây thấy tướng bên kia chức tước hoặc danh tiếng lớn hơn mình nhiều thì xuống xe, lột mũ trụ để chào nữa. Có khi họ còn trao đổi thức ăn và rượu với nhau. Một nhà quý tộc mà ra trận thì chỉ giết nhiều lắm là ba tên địch chứ không giết hơn. Có kẻ nhắm mắt mà bắn địch, nếu lỡ mà trúng thì là tại số phận của địch. Nực cười nhất là trong một cuộc giao chiến giữa Tấn và

Sở, một chiến xa của Tấn sa lầy, tiến không được, tình cảnh nguy ngập, tướng Tấn loay hoay không biết làm sao. Tướng Sở đứng bên ngó, rồi chỉ cho cách gỡ bỏ bớt then ngang cùng cờ và khí giới đi, quân Tấn nghe theo thoát ra khỏi chỗ lầy được.

Dĩ nhiên cũng có nhiều lúc họ hăng hái chém giết nhau, nhưng không bao giờ người ta muốn tận diệt quân địch, và có người không muốn thừa lúc địch chưa chuẩn bị kịp mà tấn công ngay, cho vậy là không quân tử. Chẳng hạn một lần Tống và Sở giao tranh ở Trác Cốc. Quân Sở đương qua sông. Quân Tống đòi thừa dịp tấn công ngay. Tống Tương công không cho, bảo để địch qua sông đã. Khi quân Sở qua sông hết rồi, quân Tống lại xin tấn công. Tương

công cũng bảo: "Khoan, đợi chúng dàn trận xong đã". Sở dàn trận xong, đánh bại Tống, Tương công bị thương, mà còn bảo: "Bậc quân tử không đánh quân địch khi họ ở trong bước cùng khốn". Truyện đó chép trong thiên 32 sách *Hàn Phi tử*, sẽ dịch ở sau.

Tấn Văn Công đồng thời với Tống Tương công (ông này mất năm -637 thì năm sau Văn công lên ngôi) cũng vì ham cái tiếng nhân nghĩa mà có một hành động mâu thuẫn: Trong chiến tranh với Sở, Hồ Yển khuyên ông nên dùng mưu gạt Sở, còn Ung Quý khuyên ông đừng, kẻo mất chữ tín, trái đạo. Ông theo Hồ Yển, thắng Sở rồi thì thưởng công Ung Quý hậu hơn Hồ Yển, vì theo ông, Ung Quý biết "cái lợi muôn đời" còn Hồ Yển thì chỉ nghĩ đến cái

lợi nhất thời mà thôi. (Hàn Phi chê thái độ đó trong thiên 36 - coi phần dịch.)

Chiến tranh thời Xuân Thu chắc chết ít người lắm.

Nhưng qua thời Chiến Quốc thì khác hẳn. Mạnh Tử đã phải phàn nàn rằng các chư hầu đều “tranh thành dĩ chiến, tranh địa dĩ chiến”, “sát nhân doanh dã, sát nhân doanh thành”. Hết cái luật quân tử, mà chỉ còn cái luật rừng rú: Chém giết cho thật nhiều, để cướp bóc cho thật nhiều.

Kỹ thuật chiến tranh, khí giới được cải thiện. Người ta dùng nỏ giương bằng chân, bắn được xa hơn, tương truyền là bắn được kẻ thù cách xa non một cây số.

Kỵ binh xuất hiện; nhờ rút kinh nghiệm của Hung Nô, người ta vừa phi ngựa vừa

bắn. Năm -307, Triệu Võ Linh vương có lẽ là ông vua đầu tiên ăn mặc như người Hồ, cưỡi ngựa bắn cung như người Hồ, nghĩa là dùng kỵ binh như người Hồ để chống lại họ. (coi *Chiến Quốc sách* - Triệu II.4 - Lá Bối - 1972). Bộ binh cũng xuất hiện và thành binh chủng quan trọng nhất. Có những đạo quân hàng trăm ngàn người. Ngay từ thế kỷ thứ IV, Tần là nước đầu tiên bắt buộc mọi người mạnh mẽ phải đi lính. Người ta chế những cái thang mây, những cái tháp để công phá thành địch; có những cuộc công phá kéo dài tới 2-3 năm. Người ta dùng thuật do thám, tuyên truyền, nghĩa là dùng cả chiến tranh tâm lý.

Càng về cuối thời Chiến Quốc, chiến tranh càng tàn khốc; kinh tởm nhất là tướng Tần Bạch Khởi chôn sống 40 vạn

quân Triệu đã đầu hàng (năm -260).

Do đó tình hình dân chúng thật điêu đứng. Già nửa dân phải đi lính, kẻ ở nhà phải nộp thuế có khi tới ba phần tư hoa lợi. Những năm được mùa, dân cũng không được hưởng vì triều đình thu hết lúa để nuôi lính; mà những năm mất mùa thì kẻ già, người bệnh chết hàng loạt trên đường, trong ruộng.

Dù chiến tranh chấm dứt thì họa cũng kéo dài hàng chục năm, "vì tổn phí vào chiến tranh, mười năm thu lúa cũng chưa đủ bù. Quân đội mà chiến đấu xong thì mâu và kích gẫy, vòng và dây cung đứt, nỏ hao tổn, xe hư hỏng, ngựa mệt mỏi, tên mất đi già nửa, áo giáp cùng binh khí triều đình đã phát ra, kẻ sĩ và đại phu giấu đi một phần, sĩ tốt lấy trộm đi một phần, dù

thu thuế ruộng mười năm cũng chưa đủ bù vào” (*Chiến Quốc sách* - Tề V.1). Ấy là chưa kể bao nhiêu người chết, bao nhiêu đất đai bị bỏ hoang, nhân lực và tài nguyên quốc gia có thể bị kiệt quệ.

Mà chiến tranh trong hai năm cuối cùng thời Chiến Quốc liên miên bất tuyệt, có khi nào chấm dứt đâu, chỉ tạm dừng ở nước này hay nước khác để chuẩn bị cho một chiến tranh khác.

Dân chúng khổ sở vì nỗi bọn vua chúa trụy lạc, bóc lột nữa. Bọn này sống cực kỳ xa hoa trên xương máu của dân: Vợ họ đeo đầy châu báu, ngọc thạch, họ ngồi trong những xe phủ gấm vóc, sống trong những lâu đài lộng lẫy, tiệc tùng suốt ngày này qua ngày khác, có bữa tiệc hàng trăm món ăn, tới nỗi “mắt không nhìn thấy hết được,

tay không gắp hết được, miệng không nếm hết được". Một vị đại thần nước Ngụy (tức nước Lương) mà có mấy trăm cỗ xe trang hoàng đẹp đẽ, cả ngàn con ngựa mập và mấy trăm nàng hầu ăn mặc như các công chúa. Như vậy ta tưởng tượng cách sống của các vua nước lớn như Tề, Tần, Sở ra sao.

Quan lại đa số tham nhũng: Tư Mã Thiên trong bộ *Sử Ký*, thiên 119, chỉ chép truyện có 5 vị quan tốt (tuần lại) mà thiên 122 chép truyện 10 tên quan xấu (khốc lại) điều đó rất có ý nghĩa. Kẻ sĩ chỉ tranh nhau ăn, tới nỗi Phạm Tuy, tể tướng Tần, tư cách cũng chẳng cao đẹp gì mà cũng phải ví họ với bày chó của vua Tần: "(khi bình thường) nằm thì cùng nằm, đi thì cùng đi, ngừng thì cùng ngừng, không cắn nhau;

nhưng hễ ném cho chúng một khúc xương thì chúng vùng dậy, nhe nanh ra cắn nhau. Chỉ tại tranh ăn” (*Chiến Quốc Sách* - Tần III.13).

Thấy xã hội từ trên xuống dưới đầy trộm cướp như vậy, bọn quý tộc sa sút bất bình, muốn trở lại thời Xuân Thu, ổn định hơn, nhưng bất lực; hạng thư sinh thì chỉ thở dài, giảng nhân nghĩa; còn hạng võ dũng thì chỉ biết dùng thanh gươm để rửa nhục cho kẻ bị oan ức, bênh vực kẻ bị áp bức, thành bọn thích khách mà người ta gọi là hiệp sĩ. Chúng ta không thấy làm lạ rằng thời Chiến Quốc có nhiều hiệp sĩ hơn các thời khác, và Tư Mã Thiên không tiếc lời ca tụng họ trong thiên 124: *Du hiệp*.

Họ tiếc thời cũ, muốn trở lại thời Xuân Thu, một phần vì thời đó ổn định hơn, tôn

trọng nhiều giá trị tinh thần (nhân nghĩa...) hơn, một phần cũng vì muốn khôi phục lại địa vị cũ của họ. Nhưng họ lại bất lực; dòng lịch sử chỉ chảy xuôi chứ không chảy ngược.

CHƯƠNG II

CÁC PHÁP GIA TRƯỚC HÀN PHI

Chiến Quốc là một thời đại đặc biệt chẳng những trong lịch sử Trung Hoa mà cả trong lịch sử nhân loại nữa. Đọc lịch sử thế giới thời thượng cổ và trung cổ, chúng tôi không thấy một dân tộc nào có một chương sử như vậy: Đất đai rộng chia làm thành nhiều nước nhỏ, dân đông mà loạn lạc liên miên trong ba thế kỷ, càng loạn, dân tình càng khổ, mà nhà nào cũng chỉ nghĩ cứu dân ra khỏi cảnh lầm than, thống nhất quốc gia bằng cách này hay cách khác, tích cực có, tiêu cực có, một cảnh "trăm hoa đua nở", trong hai ngàn năm sau

không hề tái hiện nữa.

Lâm Tri, kinh đô nước Tề, có thể coi là kinh đô văn hóa của Trung Hoa thời đó, nơi tụ tập của các danh sĩ bậc nhất. Tư tưởng được hoàn toàn tự do, mà vua Tề trọng đãi mọi nhà, cho họ ở trong những dinh thự lộng lẫy ở Tắc môn, cửa tây kinh đô (do đó có tên là Tắc Hạ tiên sinh), tặng họ chức tước (liệt đại phu) và lương bổng rất hậu, chỉ để thỉnh thoảng hỏi ý kiến họ về việc nước, hoặc mời họ về triều giảng đạo lý, viết sách truyền bá đạo của họ. Riêng Mạnh Tử, thời Tề Tuyên Vương cũng đã dắt mấy trăm môn sinh với một đoàn xe mấy chục chiếc lại ở kinh đô Tề trong mấy năm; Thuần Vu Khôn, Thận Đáo, Hoàn Uyển, Điền Biền..., còn biết bao triết gia khác cũng đã qua đó: Như

vậy ta đủ tưởng tượng được sự thịnh vượng của văn hóa ra sao.

Tề là nước giầu nhất thời đó, có thể nuôi hàng ngàn hàng vạn kẻ sĩ; ngay nước Tấn là nước không giàu bao nhiêu, mà cũng là nơi trọng đãi kẻ sĩ, đa số là pháp gia. Theo Léon Vandermeersch[7] thì Tử Sản, Đặng Tích, Lý Khắc, Ngô Khởi, Thương Ưởng, Thân Bất Hại đều có thời sống ở Tấn hoặc những nước chịu ảnh hưởng Tấn.

Sau cùng tới đời Tần Thủy Hoàng, Hàm Dương là kinh đô văn hóa của Trung Hoa đã thống nhất. Lã Bất Vi tập hợp các học giả danh tiếng đương thời, cấp dưỡng cho họ để họ soạn chung bộ *Lã Thị Xuân Thu*, gồm 26 quyển, chép lại Nho thuật và

tư tưởng của Đạo gia, Mặc gia, Âm dương gia.

Người ta thường gọi thời Chiến Quốc là thời của Bách gia (trăm nhà) chư tử, lời đó không quá đáng.

Trong *Chiến Quốc sách*, trang 17-19, chúng tôi đã sắp xếp tư tưởng của những triết gia muốn vãn hồi trật tự cho Trung Hoa thời đó thành hai chủ trương.

"Một chủ trương muốn giữ lại chế độ cũ, chế độ phong kiến, tăng uy quyền cho thiên tử, bắt các chư hầu phải phục tòng;

"Một chủ trương đạp đổ chế độ cũ vì biết rằng nó không tồn tại bao lâu nữa, mà lập một chế độ mới.

"Theo chủ trương thứ nhất có Nho gia và Mặc Gia. Mới đầu Khổng Tử muốn cứu

vãn nhà Chu. Rồi sau, Mặc Tử, Mạnh Tử, Tuân Tử thấy nhà Chu suy quá, không thể cứu được, mong có vị minh quân thay thế nhà Chu để thống nhất Trung Hoa mà thi hành chế độ cũ sau khi sửa đổi ít nhiều. Rõ nhất là chủ trương của Mạnh Tử.

Một lần Lương Tương vương hỏi ông: - Khi nào thiên hạ yên định được?

Ông đáp: - Khi nào thống nhất thiên hạ thì yên định được... và ai không thích giết người thì thống nhất được... Hiện nay trong thiên hạ chẳng có bậc chăn dân nào mà chẳng ham giết người. Nếu có một vị vua có lòng nhân, chẳng ham giết người hại chúng thì mọi người trong thiên hạ sẽ quay đầu ngóng cổ trông về vị ấy (Lương Huệ vương, thượng - 6).

Nghĩa là ông không tin gì nhà Chu nữa,

muốn gặp bất kỳ ông vua nào biết theo đạo của ông - biết dùng nhân nghĩa trị dân - để ông phò tá thống nhất thiên hạ.

"Theo chủ trương thứ nhì, có Đạo gia và Pháp gia. Đạo gia muốn dùng chính sách phóng nhiệm, giảm thiểu chính quyền, cứ theo tự nhiên như thời sơ khai; họ tin rằng khi không còn giai cấp thì sẽ hết loạn, chẳng cần thống nhất cũng như thống nhất. Như vậy phái này đả đảo một cái cựu (chế độ phong kiến) để trở về một cái cựu hơn (xã hội nguyên thủy).

"Pháp gia trái lại, không muốn trở về cái cựu, mà muốn tiến tới một chế độ mới; họ muốn dùng chính sách độc tài, dùng vũ lực lật đổ chế độ phong kiến mà lập một chế độ quân chủ chuyên chế. Họ cho đạo

"Vô Vi"[8] của Lão, Trang là hoang đường, họ muốn cực "hữu vi"; họ lại nghĩ rằng "vương đạo" của Khổng, Mạnh, chỉ làm quốc gia thêm loạn, nên họ chủ trương "bá đạo".

Trong cuốn này viết về Hàn Phi, người tập đại thành tư tưởng của các pháp gia thời Xuân Thu và thời Chiến Quốc, chúng tôi đứng về một khía cạnh khác mà chia lại, cũng làm hai chủ trương:

1. Chủ trương lý tưởng, trọng đạo đức của Nho (Khổng, Mạnh, Tuân) Mặc, Dương, Lão, Trang.

2. Chủ trương thực tế, trọng quyền lực của Pháp gia, như Quản Trọng, Thận Đáo, Thân Bất Bại, Thương Ưởng, Hàn Phi...

Phái trên hoàn toàn là những triết gia bàn về chính trị; phái dưới gọi là triết gia cũng được, nhưng thực sự họ là chính trị gia hơn triết gia. Phái trên có công với triết học, đạo đức, với sự đào tạo tâm hồn dân tộc Trung Hoa nhưng hoàn toàn thất bại về chính trị (Khổng được cầm quyền ở Lỗ không lâu; Mạnh chỉ làm khách khanh ở Tề, Lương, Đằng; Tuân chỉ làm một viên huyện lệnh; Mặc bôn ba khắp chư hầu mà không ai theo học thuyết của ông[9], còn Dương, Lão, Trang thì lánh đời).

Phái dưới trái lại, đã hoàn toàn thành công thống nhất được Trung Hoa, lập được chế độ quân chủ chuyên chế nhờ họ.

- Không ngăn cản sự biến chuyển của dòng lịch sử mà còn thúc đẩy nó

tiến mau hơn.

- Trọng thực tế, không bàn suông, chỉ nhắm kết quả ngắn hạn, tách rời chính trị và đạo đức[10].

Đời sau có nhiều người không phục họ vì họ không đứng về quan niệm của dân, mà đứng về quan niệm của vua (của quốc gia); nhưng chính sách của họ từ Tần, Hán trở đi không thời nào nhà cầm quyền không theo, sau khi dung hòa nó ít nhiều với chính sách của Nho gia.

Trong chương này chúng tôi xét sơ lược sự tiến triển của học thuyết Pháp gia trong thời Xuân Thu và Chiến Quốc, tức tư tưởng của một số Pháp gia quan trọng để độc giả nhận được uyên nguyên của học thuyết Hàn Phi.

QUẢN TRỌNG

Người mở đường cho các Pháp gia là Quản Trọng. Không ai biết ông sinh năm nào, chỉ biết ông làm tướng quốc cho Tề Hoàn Công từ năm -685 đến năm -645, năm ông mất.

Thời đó Tề Tương công hoang dâm vô độ, bị một công tôn là Vô Tri giết, nước Tề loạn. Hai vị công tử có tư cách nối ngôi là công tử Củ và công tử Tiểu Bạch. Bảo Thúc Nha là đại phu nước Tề đem Tiểu Bạch chạy sang nước Cử lánh nạn, còn Quản Trọng đưa công tử Củ sang Lỗ.

Quản Trọng tên là Di Ngô người đất Dĩnh Thượng (Tề), sinh trong giới bình dân, nhưng có học, nhà nghèo, phải đi buôn dầu, hồi trẻ chơi thân với Bảo Thúc

Nha. Hai người hẹn với nhau sau hễ ai thành công thì giúp đỡ người kia. Năm -648, Vô Tri bị một đại phu giết, nước Tề không có vua, Bảo Thúc Nha mượn quân đội của Cử đưa Tiểu Bạch về; Lỗ cũng đưa công tử Củ với Quản Trọng về. Tiểu Bạch về trước, có thì giờ sắp đặt để đối phó với Lỗ, Lỗ thua, công tử Củ chết, Quản Trọng bị cầm tù để trả về Tề. Tiểu Bạch lên ngôi, tức Tề Hoàn Công. Bảo Thúc Nha biết tài Quản Trọng, chẳng những thuyết phục được Hoàn Công tha rồi trọng dụng Quản Trọng, mà còn tự đặt dưới quyền Quản Trọng nữa.

Hoàn Công phong Quản Trọng làm tướng quốc, trọng ông như cha chú, nên gọi ông là Trọng phụ (cũng như thúc phụ). Hoàn Công là một ông vua rất tầm thường

hiếu sắc, thích ăn ngon, ưa nịnh, chỉ nhờ biết tin dùng Quản Trọng trong 40 năm liên tiếp, mọi việc trong nước đều giao phó cho ông hết, mà nước Tề đương suy hóa thịnh, thành bá chủ các nước chư hầu. Quản Trọng chết rồi, Tề lại suy liền vì Hoàn Công không nghe lời Quản Trọng, dùng bọn tiểu nhân Dịch Nha, Thụ Điêu..., và hai năm sau bị bọn này nhốt, bắt nhịn đói, chết, thây thành dòi mà không được chôn.

Đời sau truyền lại bộ *Quản Tử* (gồm 86 thiên, mất 10 thiên) chép thành tích chính trị, tư tưởng cùng pháp chế của Quản Trọng. Tư Mã Thiên, trong *Sử ký* bảo đã đọc những thiên Mục dân, Sơn cao, Thừa mã, Khinh trọng, Cử phụ của Quản Trọng, lại bảo bộ đó nhiều người có; Hàn Phi

cũng bảo trong dân gian nhiều nhà có bộ đó, vậy ta có thể tin rằng nó đã xuất hiện trễ lắm vào cuối đời Chiến Quốc. Nhưng hết thảy các học giả đời sau đều nhận rằng nó không phải của Quản Trọng soạn, mà của người đời Chiến Quốc viết vì trong bộ đó có nhiều đoạn trùng nhau, nhiều chữ mâu thuẫn, nhiều tư tưởng y hệt học thuyết Pháp gia đời sau. Tuy nhiên nó cũng chứa một phần di thuyết của Quản Trọng, và dưới đây là những điều chúng ta có thể gần tin được, sau khi tham khảo một số sách khác như *Sử ký*, *Trung Quốc cổ đại chính trị gia*, *Trung Quốc chính trị tư tưởng sử*...

1) Chủ trương của Quản Trọng là "lời bàn luận không cao xa mà dễ thi hành (luận ti nhi dị hành), nghĩa là ông có óc

thực tế, không bàn chuyện viễn vông, tránh những lý thuyết cao siêu (như Mặc tử, Lão, Trang sau này).

2) Mục đích trị nước theo ông là làm sao cho quốc phú, binh cường. Ông chú trọng nhất đến sự phú quốc vì “kho lẫm đầy rồi mới biết lễ tiết, y thực đủ rồi mới biết vinh nhục”.

Thời đó là Xuân Thu, Tề cũng như mọi nước khác trọng nông nghiệp hơn hết. Nhưng Tề tương đối hẹp hơn các nước khác, mà lại ở gần biển và có nhiều mỏ, nên ông khuyến khích sự khai thác mỏ để đúc tiền, nấu nước biển làm muối. Muối sản xuất được nhiều, chở đi bán các nước khác ở xa bờ biển, thành một mối lợi lớn, nhờ vậy mà Tề mau giàu.

Ông lại biết lưu thông hóa vật, thu mua

hàng hóa trong thiên hạ để một chỗ, đợi dịp giá cao bán lấy lãi, lập ra 300 nhà nữ lư (tức như thanh lâu) cho khách buôn đi lại tụ họp, để thu thuế. Như vậy ông đề xướng ra hai cải cách: Coi công và thương cũng quan trọng ngang nông nghiệp, nếu không hơn, và quốc hữu hóa một số nguồn lợi trong nước.

3) Muốn cho binh cường, ông có sáng kiến "ngụ binh ư nông" (gởi việc binh vào nghề nông), thời bình dân làm ruộng, những lúc rảnh rỗi thì luyện võ bị, có bao nhiêu nông dân khoẻ mạnh là có được bấy nhiêu binh sĩ.

Như vậy cần phải nhiều giáp binh; ông đặt ra lệ cho chuộc tội: Tội nặng thì chuộc bằng một cái tê giáp (áo giáp bằng da con tê), tội nhẹ thì chuộc bằng một cái quy

thuẫn (cái thuẫn bằng mai rùa); tội nhỏ thì nộp kim khí, tội còn nghi thì tha hẳn; còn như hai bên thưa kiện nhau mà bên nào cũng có lỗi một phần thì ông bắt nộp mỗi bên một bó tên rồi xử hòa.

Ông tổ chức lại quân đội: 5 người họp thành 1 ngũ, 50 người (tức 10 ngũ) thành 1 tiểu nhung, 200 người thành 1 tốt, 2.000 người thành 1 lữ, một vạn người thành một quân. Mùa xuân tổ chức những cuộc đi săn để nhân thể chấn chỉnh hàng ngũ; mùa thu cũng nhân những cuộc đi săn mà luyện tập binh sĩ.

4) Về quốc chế, sự tổ chức cũng hết sức nghiêm mật: 5 nhà thành 1 quĩ, 10 quĩ thành 1 lý, 4 lý thành 1 liên, 10 liên thành 1 hương; như vậy mỗi hương gồm hai ngàn

(5 x 10 x 4 x 10) người[11].

Ông cho 4 hạng dân (sĩ, nông, công, thương) ở trong những khu riêng: Bọn sĩ ở những khu yên tĩnh, bọn công nhân ở gom lại gần những quan nha dinh thự, bọn thương nhân ở những vùng thị tứ, còn nông dân quy tụ ở điền dã; như vậy con em dễ luyện tập quen tay nghề, không vất vả mà còn nhiều kết quả.

5) Trong bộ *Quản tử* có nhiều thiên bàn về pháp luật như: Bản pháp, Lập pháp, Pháp cấm, Trọng lệnh, Pháp pháp..., và có tác giả như Tiêu Công Quyền trong bộ *Trung Quốc chính trị tư tưởng sử* (Trung Hoa Văn hóa xuất bản - 1961) căn cứ vào đó mà cho rằng Quản Trọng đã lập ra một học thuyết rất hoàn bị về pháp luật, xét về

đủ các vấn đề:

- **Lập pháp** là quyền của vua, quy tắc lập pháp là phải lấy tình người và phép trời làm tiêu chuẩn;

- **Hành pháp** thì phải chuẩn bị, công bố cho rõ ràng, thi hành cho nghiêm chỉnh, đừng thay đổi hoài, mà phải chí công vô tư, "vua tôi sang hèn đều phải theo luật pháp", thưởng phạt phải nghiêm minh, tóm lại nếu "danh chính, phép hoàn bị thì bực minh quân chẳng có việc gì phải làm nữa, vô vi mà được trị".

Chúng tôi nghĩ điều đó khó tin được, tác giả Quản tử đã đem tư tưởng của các Pháp gia đời Chiến Quốc mà gán cho Quản Trọng đấy thôi. Đại khái chúng ta chỉ có thể căn cứ vào câu này của Tư Mã Thiên "Người trên có pháp độ thì sáu

người thân mới được yên ổn" đoán rằng Quản Trọng trọng pháp luật, đặt ra một số cấm lệnh và mong rằng người trên (vua, quan, cha, anh) theo đúng lẽ làm gương cho người dưới, như vậy xã hội mới có trật tự được.

6) Ông chủ trương tôn quân như mọi tư tưởng gia thời Xuân Thu, nhưng sự tôn quân của ông có điểm khác với Nho gia. Chẳng hạn Khổng tử, sinh sau Quản Trọng khoảng 150 năm, tôn quân vì vua là người được nhận lệnh mệnh của trời để trị dân, cho nên đi ngang qua ngai vàng dù không có vua ngồi, ông cũng tỏ vẻ sợ sệt. Vua có lỗi ông không dám trách thẳng, nhưng khi vua Lỗ say mê sắc đẹp, ca hát, bỏ bê việc nước, ông muốn bỏ đi nước khác nhưng phải đợi vua Lỗ làm lễ tế Giao, không chia

thịt cho các quan, rồi mới từ chức, qua nước Vệ, để tỏ rằng vua không muốn dùng mình nữa nên mình mới đi, chứ không phải là ông chê vua vô đạo ham mê tửu sắc.

Quản Trọng khác hẳn, tuy không làm trái ý Hoàn Công, khéo can gián Hoàn Công không nên vì giận Thiếu Cơ, một quý phi lỡ vô lễ với mình, mà đem quân đánh nước Thái, lại để mặc Hoàn Công gần gũi với bọn tiểu nhân Dịch Nha, Thụ Điêu; nhưng đối với Hoàn Công ông có thái độ thân mật, mà Hoàn Công cũng trọng ông như cha chú, cơ hồ như ông tôn quân chỉ vì vua đại biểu cho quốc gia; lòng trọng vua của ông không có chút màu sắc thần quyền hay tôn giáo gì cả. Chắc chắn ông không tin rằng vua là "con trời". Ông không đòi hỏi gì nhiều ở Hoàn Công, không mong

rằng Hoàn Công phải sáng suốt, có uy, có đức; chỉ cần tin dùng ông, nghe lời ông, yêu dân một chút, đừng tàn bạo, ngoài ra, có ham tửu sắc mà đừng trụy lạc thì cũng không sao, vì ông nghĩ còn mình thì bọn Dịch Nha, Thụ Điêu không làm hại xã tắc được.

Cách dùng người, ông chỉ chú trọng tới tài năng, không cần biết đến giai cấp của họ, chẳng hạn giới thiệu Ninh Thích, một ẩn sĩ chăn bò, với Hoàn Công, và Hoàn Công phong làm đại phu, cho cùng coi việc nước với ông. Điều đó dễ hiểu, chính ông cũng ở trong giai cấp bình dân mà được Bảo Thúc Nha tiến cử với Hoàn Công.

Tuy nhiên, đối với các quý tộc ở Tề, như họ Cao, họ Quốc, ông tỏ ra nhã nhặn,

không nghi kỵ tìm cách triệt hạ quyền lợi của họ như Ngô Khởi và Thương Ưởng sau này; một phần do ông ôn hòa, khôn khéo, một phần có lẽ do bọn quý tộc thời đó uy quyền còn mạnh lắm, không suy như cuối đời Chiến Quốc, ông biết rằng không thể lật họ được.

7) Quản Trọng biết thuận ý dân, "dân muốn gì thì cấp cho cái đó, không muốn cái gì thì trừ cho cái đó" (*Sử ký*). Ông tìm cách giúp đỡ dân, giảm bớt thuế má, khuếch trương công thương, dùng chính sách kinh tế tự do làm cho dân giàu.

Có người cho rằng ông yêu dân là vì thủ đoạn, nghĩa là yêu dân không vì dân mà vì vua, vì quốc gia; chúng tôi nghĩ lời chê đó vô căn cứ và cũng vô lý: Ông vừa làm lợi cho nước, mà lại vừa làm lợi cho dân

thì là thành công lớn, còn đòi gì hơn nữa.

8) Sau cùng ông cũng chú trọng đến đạo đức, bảo lễ, nghĩa, liêm, sỉ là 4 điều cốt yếu (tứ duy) trong nước, người cầm quyền ráng giữ mà trị dân.

Xét kỹ 8 điểm kể trên, 2 điểm cuối cùng rất hợp với quan điểm của Nho gia, điểm 6 cũng hơi giống Nho gia, còn 5 điểm đều là những sáng kiến rất thực tế của Quản Trọng ảnh hưởng lớn đến các Pháp gia sau này. Cho nên chúng ta có thể coi ông là thủy tổ của Pháp gia mà cũng là chiếc cầu nối Nho gia[12] với Pháp gia, biết dung hòa thực tế với lý tưởng, trọng kinh tế, võ bị mà cũng biết lễ nghĩa, nhân tín. Công của ông rất lớn chẳng những đối với Tề, mà đối với cả văn minh Trung

Quốc nữa. Cho nên chính Khổng tử đã hai lần khen ông.

Bài 18 - chương Hiến vấn (*Luận ngữ*) - "Tử Cống hỏi: - Quản Trọng không phải là người nhân chăng? Hoàn Công giết công tử Củ (chúa của Quản Trọng), ông ta đã không chết theo mà còn làm tướng quốc giúp Hoàn Công.

Khổng tử đáp: - Quản Trọng giúp Hoàn Công làm bá chủ chư hầu, bình định được thiên hạ. Dân tới nay còn mang ơn ông. Nếu không có ông thì chúng ta đã thành mọi rợ, đầu dóc tóc, áo cài nút bên trái hết rồi.

Nghĩa là Khổng tử nhớ ơn Quản Trọng đã dẹp rợ hồ phương Bắc, cứu nền văn minh Trung Quốc.

Lần khác (bài 17 cũng chương trên), Tử Lộ cũng chê Quản Trọng bất nhân, không chết theo công tử Củ.

Khổng tử đáp: - Hoàn Công chín[13] lần họp chư hầu mà không dùng đến vũ lực (binh xa), đó là nhờ tài sức Quản Trọng. Như vậy chẳng phải là nhân sao?[14]

Còn Mạnh Tử, sinh sau Quản Trọng 350 năm, chê Quản Trọng được chuyên dùng 40 năm mà chỉ giúp Hoàn Công lập được nghiệp bá, thì tài chưa gọi là cao. Đức độ và kiến thức Mạnh tử quả chưa bằng Khổng tử; ông ta chưa biết rằng thời Quản Trọng, Trung Quốc chưa loạn lạc lắm, chế độ phong kiến còn khá vững, chư hầu, ngay cả Tề vẫn còn tôn trọng nhà Chu, chưa có vấn đề phải thống nhất như sau

này.

TỬ SẢN

Tử Sản sinh sau Quản Trọng 100 năm, cầm quyền nước Trịnh từ -554 đến khi chết -523 (hay -522); vậy có thể lớn hơn Khổng tử 30-40 tuổi (Khổng tử sinh năm -551).

Ông là một công tôn (cháu vua, ngành thứ) của nước Trịnh, tên là Kiều, nên thường gọi là Công tôn Kiều. Trịnh thời đó là một nước nhỏ, thịnh về thương mại, có nhiều tân địa chủ, nằm kẹp giữa hai nước mạnh: Tấn ở Bắc, Sở ở Nam, lại thêm phía Tây có Tần, phía đông có Tống, Tề, Lỗ, thành một cái đích cho mọi mũi tên nhắm vào, thường bị lân bang xâm phạm, khó mà tự cường được, cố giữ được cho khỏi bị

diệt vong là may.

Đã vậy, triều đình lại hỗn độn, quyền hành ở trong tay bọn công tử, công tôn, họ hoành hành, tranh giành ngôi vua, chém giết nhau, có kẻ muốn nhờ cậy Tấn hoặc Sở tiêu diệt kẻ địch của mình để đưa mình lên ngôi nữa.

Tử Sản có lòng ái quốc cao, hồi trẻ chuyên tâm học hỏi, lớn lên lưu ý tới việc nước, không chủ trương dùng võ lực mà dùng ngoại giao để cứu nước. Nhờ học rộng, có tài ngoại giao, mà tư cách lại cao, ông được các chính trị gia đương thời (như Án Anh ở Tề, Quý Trát ở Ngô, Thúc Hướng ở Tấn...) quý trọng, các nước khác không gây sự với Trịnh nữa. Trong nước ông cương quyết và ngay thẳng áp dụng Pháp chế, tỉa lần bọn thế gia hào phiệt mà

an định được xã tắc. Khi đặt ra một luật lệ mới, ông để cho dân tự do phê bình. Ông lập ra nhiều "hương hiệu" (trường làng), dân thường tới đó bàn về chính sự. Có người khuyên ông nên dẹp đi, ông bảo: "Tại sao lại dẹp? Cứ để cho dân tới mà bàn bạc, đưa ý kiến. Dân thích điều gì thì ta theo, không thích thì ta sửa đổi, dân là thầy của chúng ta mà?"

Ông tôn trọng dư luận như vậy lại thương dân nữa, có một lần cho người dân ngồi xe ông để qua sông. Mạnh tử chê rằng làm chính trị sao mà lo ban những ân huệ nhỏ mọn cho dân như vậy, thì giờ đâu mà lo việc lớn nữa; nhưng Khổng tử lại khen là người nhân.

Trước Tuân Tử mấy trăm năm, ông đã đả đảo dị đoan: Có lần Trịnh bị lụt lớn,

dân cho rằng tại các con rồng tranh đấu nhau, xin ông cầu đảo long thần, ông đáp: "Rồng tranh nhau là việc của rồng, liên quan gì tới việc của chúng ta? Chúng ta không cầu gì ở rồng, thì rồng cũng không cầu gì ở chúng ta".

Lần khác sao chổi xuất hiện, có người bảo 4 nước Tống, Vệ, Trần, Trịnh sắp bị hỏa tai, xin ông cầu đảo cho Trịnh tránh được họa, ông không nghe. Sau quả nhiên 4 nước đều bị hỏa tai, người ta lại thúc ông cầu đảo, ông đáp: "Đạo trời ở xa, đạo người ở gần, không liên quan gì tới nhau". Tư tưởng đó ảnh hưởng tới Tuân tử và một số Pháp gia đời sau như Hàn Phi.

Những lý do chính chúng tôi đặt ông vào phái Pháp gia, là ông cho đúc "hình thư", nghĩa là cho đúc những cái đỉnh để

ghi lại hình pháp.[15]

Hễ có quốc gia thì tất nhiên phải có pháp luật và Trung Hoa đã có pháp điển từ lâu. Tương truyền có các bộ Vũ hình (đời vua Vũ), Thang hình (đời vua Thang) và Cửu hình (đời Chu), cả ba đều thành lập trong khi quốc gia rối loạn. Lại có thuyết cho rằng đời vua Thuấn (trước đời vua Vũ nữa) ông Cao Dao đã coi việc hình. Những hình luật đó được chép trong sử mỗi nước. Chứng cớ là trong lần họp chư hầu ở Ninh Mẫu (Sơn Đông) năm -653. Quản Trọng bảo Tề Hoàn Công rằng các quyết định trong cuộc hội họp đều được ghi vào sử mỗi nước chư hầu, tức khắc trên thẻ tre, cất trong thư khố của mỗi triều đình.

Tới năm -536, 18 năm sau khi cầm quyền, Tử Sản mới cho đúc hình pháp của Trịnh trên những cái đỉnh bằng sắt[16], rồi năm -513, Tuân Dần và Triệu Ưởng noi gương, cũng cho đúc hình pháp của Tấn trên đỉnh.

Khổng Tử và Thúc Hướng nước Tống đều chỉ trích hành vi đó của Tử Sản, không phải vì đúc trên đỉnh thì hình pháp sẽ có tính cách cố định, không thay đổi được, cũng không phải vì như vậy hình pháp sẽ được công bố, dân chúng ai cũng biết rồi sẽ khó trị (dù khắc trên thẻ tre hay đúc trên đỉnh thì cũng vẫn là để ở triều đình, dân chúng làm sao vô mà đọc được); mà chỉ vì lẽ đúc trên đỉnh, hình pháp có tính cách bớt bí mật: Các quan coi về hình không

còn được giữ riêng những thẻ tre ghi luật pháp nữa, không thể tự ý giải thích luật pháp nữa, mà hễ giải thích sai thì các quan trong triều so sánh với bản văn trên đỉnh, không ai cất giấu được mà sẽ chỉ trích, bắt giải thích lại.

Chúng ta nên nhớ thời đó các quan coi về hình cũng như các quan đại thần ở triều đình đều ở trong giới quý tộc, họ thường giải thích luật pháp theo quan niệm lễ tục của họ, có lợi cho họ. Việc đúc hình thư làm cho họ mất quyền giải thích pháp luật theo tự ý, tức là làm giảm quyền uy của họ. Họ cố giữ các tục "lễ bất há thứ nhân, hình bất thướng đại phu" (Lễ ký), nghĩa là giữa họ với nhau có xảy ra việc gì thì họ theo pháp điển bất thành văn (lễ) của họ mà dàn xếp; còn đối với dân thường họ mới dùng

hình mà chỉ họ được biết thôi.

Vì vậy Thúc Hướng ngại người ta sẽ tranh nhau giải thích hình thư mỗi người một ý, rồi nạn hối lộ sẽ nảy nở, nước sẽ loạn, "tới đời con cháu chúng ta, nước Trịnh sẽ nguy mất". Tử Sản đáp: "Kiều tôi bất tài, đâu dám nghĩ đến đời con đời cháu chúng ta, chỉ mong cứu đời lúc này thôi. Nhưng mặc dầu tôi không vâng lời ngài, tôi vẫn không dám quên cái đức lớn của ngài" (tức lòng nhân từ của ngài đối với tôi).

Tử Sản chưa phải chủ trương pháp trị, nhưng cũng đã làm cho pháp luật có tính cách khách quan hơn trước, nhà cầm quyền không thể tự ý giải thích theo quyền lợi của mình nữa; vì dân ông đã tước một chút quyền của giai cấp quý tộc, tức giai cấp

của ông. Ông thực sự có lòng yêu dân và ngay thẳng. Cho nên Khổng Tử dù chê việc đúc hình thư mà vẫn khen ông là người quân tử: "khiêm cung đối với người, thờ vua thì kính trọng, thường ban ân huệ cho dân, sai khiến dân một cách hợp lẽ" (*Luận Ngữ* - Công Dã Tràng - 15). Tương truyền khi hay tin Tử Sản chết, ông khóc.

Theo Hàn Phi (thiên 30) thì trước khi chết, Tử Sản dặn dò Du Cát, người sẽ nối chức ông: - Tôi chết rồi, ông sẽ cầm quyền nước Trịnh, ông phải nghiêm khắc trị dân. Lửa có vẻ dữ dằn, nên ít người bị chết thiêu; nước có vẻ nhu nhược nên nhiều người chết đuối. Ông nên dùng hình phạt nghiêm khắc, đừng để cho dân chết đuối vì sự nhu nhược của ông.

Du Cát không nghe, tới khi

thanh niên muốn nổi loạn, mới ân hận thẳng tay trừng trị. Nếu truyện đó đúng thì Thương Ưởng và Hàn Phi sau này đều chịu ảnh hưởng của Tử Sản.

LÝ KHÔI

Thế kỷ thứ 4 trước T.L., các pháp gia nối tiếp nhau xuất hiện. Đáng ghi trước hết là Lý Khôi ở sơ kỳ thời Chiến Quốc. Có sách gọi ông là Lý Khắc (có lẽ vì âm Khắc và âm Khôi gần nhau), có sách gọi ông là Lý Đoái (vì chữ Khắc □ với chữ Đoái □ rất giống nhau). Ông làm quan thú đất Thượng Địa rồi làm tướng quốc cho Ngụy Văn hầu, không rõ năm sinh tử, chỉ biết

sống ở hậu bán thế kỷ thứ 4. Tương truyền ông viết bộ *Pháp kinh* gồm 6 thiên và Thương Ưởng sau này dùng bộ đó để biến pháp ở Tần. Bộ đó đã thất lạc. Ông lại có công đưa ra thuyết "Tận địa lực" tức tăng gia nông sản tới mức tối đa.

Hàn Phi chịu ảnh hưởng ít nhiều của ông và trong thiên 30 - Nội trừ thuyết thượng (coi phần dịch) có nhắc tới ông như sau:

Khi làm quan thú Thượng Địa, muốn cho dân nơi đó bắn giỏi, ông ra lệnh rằng hễ trong việc tranh tụng mà còn hồ nghi thì cho hai bên bắn vào đích, ai bắn trúng sẽ thắng kiện, ai bắn

trật sẽ thua. Dân đua nhau tập bắn, hóa ra bắn giỏi, nhờ vậy mà khi chiến tranh với Tần, ông đại thắng.

NGÔ KHỞI

Ông chính là một Binh gia, nhưng đồng thời cũng là một Pháp gia về thực hành: Binh gia và Pháp gia tinh thần có nhiều điểm giống nhau. Ông sống cùng thời với Lý Khôi, mới đầu là tướng quân nước Sở, sau làm quan thú đất Tây Hà và tướng quốc cho Ngụy Vũ hầu, con Ngụy Văn hầu, sau cũng làm tướng quốc cho Sở Điệu vương. Theo Hàn Phi thì thời của Hàn, người ta chứa cất nhiều sách của Thương Quân, Quản tử, Tôn tử, Ngô tử. Ngô tử tức

Ngô Khởi và bộ binh thư của ông gồm 18 thiên.

Khi làm quan thú đất Tây Hà, muốn triệt hạ một cái “đình của Tần ở biên giới mà không phải trưng binh, chỉ dùng dân trong miền thôi, ông nghĩ ra một thuật: Chống cái càng xe ở cửa bắc, bảo ai dời nó qua cửa nam thì sẽ được thưởng ruộng và nhà thượng hạng. Mới đầu dân không tin, chỉ cười; sau đó có một người cứ thử dời đi, quả nhiên được thưởng như đã hứa. Một lát sau ông đặt 1 thạch (10 đấu) ở cửa đông bảo ai dời qua cửa tây thì cũng sẽ được thưởng như trước; dân tranh nhau dời đi. Rồi ông lại ra lệnh hôm sau đánh chiếm cái đình, người đầu chiếm được sẽ được phong chức đại phu, thưởng ruộng và nhà thượng hạng. Dân tranh nhau tấn công,

chỉ trong buổi sáng chiếm được. Có lẽ Thương Ưởng sau này dùng thuật đó để được lòng tin của dân chúng nước Tần trước khi ông biến pháp.

Làm tướng quốc nước Sở, thấy quyền thế bọn quý tộc quá lớn, ông muốn tước bớt, khuyên vua ra lệnh rằng con cháu các vị hầu được phong đất, cứ ba đời thì thu tước lộc lại. Ông có lẽ là người đầu tiên dám tấn công bọn quý tộc, họ rất oán ông, chặt chân tay ông khi Điệu vương chết, nghĩa là chỉ một năm sau khi kế hoạch của ông được thực hiện.

Hàn Phi trọng và thương ông muốn cho Sở được phú cường mà phải chết thảm, nên hai lần nhắc tới ông trong tác phẩm

của mình, một lần thiên 30, một lần thiên 13. Trong thiên 13, Hàn viết: “Sở không dùng Ngô Khởi bị mất nước và loạn, Tần thi hành pháp của Thương Quân (tức Thương Uởng) mà phú cường. Lời hai ông ấy đều đúng mà Ngô Khởi bị chặt chân tay, Thương quân bị xe xé thây là tại sao? Tại bọn đại thần oán pháp thuật mà dân chúng ghét sự cai trị.”

THÂN BẤT HẠI

Quản Trọng và Tử Sản đều tôn trọng đạo đức, vẫn còn tư cách của Nho gia. Thân Bất Hại mới cho chính trị ly khai đạo đức, nên có người cho chính ông mới thực là thủy tổ của Pháp gia. Ông thuộc giai cấp địa chủ mới nên mới chống lễ, đề cao pháp.

Thiên 63 trong *Sử ký*, Tư Mã Thiên sắp ông chung với Hàn Phi và cho biết qua loa về đời của ông. Ông gốc gác đất Kinh □ thuộc nước Trịnh, (đừng lầm Kinh □ là nước Sở), mới đầu làm một chức quan nhỏ ở Trịnh. Chuyên học về hình danh (học thuyết của phái Danh gia), sau được Chiêu Ly hầu nước Hàn (Trịnh lúc này đã bị Hàn thôn tính) dùng làm tướng quốc.

Trong 15 năm - từ -351 đến -337,[17]

có sách chép là từ -355 đến -341, xê xích 4 năm - nhờ tài nội trị và ngoại giao của Thân mà Hàn thành một nước mạnh, không bị nước nào xâm lấn cả.

Thân để lại hai thiên, nhan đề là *Thân tử*.

Về năm sinh năm tử, *Sử ký* không cho ta biết. Các học giả đời sau đưa ra hai thuyết:

- Sinh năm -401, mất năm -337 ("-" trước Tây lịch).
- Sinh năm nào chưa quyết, mất năm -341.

Chúng ta còn nhớ năm -376, nước Tấn chia ba thành Ngụy, Hàn, Triệu. Trong ba nước đó, Hàn nhỏ nhất, đất lại khô cằn, dân chúng nghèo khổ. Khi Thân Bất Hại

làm tướng quốc cho Chiêu Ly hầu, nước Hàn mới thành lập được độ vài chục năm, chưa tổ chức kịp, luật lệ cũ của Tấn chưa bỏ mà lại ban thêm luật lệ mới, có khi mâu thuẫn nhau, nội chính rối loạn, quan lại không biết áp dụng luật lệ nào, kẻ dưới có khi không phục tùng kẻ trên. Thân Bất Hại phải lập lại trật tự trước hết, theo thuyết hình danh (danh phải đúng với thực), chủ trương "tôn quân, ti (trái với tôn) thần, sùng thượng ức hạ". Ông chú trọng nhất đến "thuật", tức phương tiện, mưu mô để đạt được mục đích: Vua chọn và dùng bề tôi cách nào, thử tài họ, điều tra họ ra sao.

Cuốn *Thân tử* đã không còn, học thuyết của ông, chúng ta chỉ biết được đại khái nhờ ít đoạn trong thiên Định pháp (coi phần trích dịch ở sau) của Hàn Phi.

Gần đầu thiên đó, Hàn viết: “Thuật là nhân tài năng mà giao cho chức quan, theo cái danh mà trách cứ cái thực (tức là nói sao thì phải làm đúng như vậy, hoặc giữ chức vụ nào thì phải làm đúng nhiệm vụ); nắm quyền sinh sát (cho sống hay bắt bề tôi chết) trong tay, mà xét khả năng của quần thần. Đó là cái mà bực vua chúa phải nắm trong tay.”

(□□□□□□□□□□□□□□□□□□ □□□□□□□□□□□□□□□□□□ - Thuật giả, nhân nhiệm nhi thụ quan, tuần danh nhi trách thực, thao sát sinh chi bính, khóa quần thần chi năng giả dã, thử nhân chủ chi sở chấp dã).

Gần cuối thiên Hàn Phi lại viết: “Thân tử bảo: “Quan lại không được vượt chức, dù biết cũng không được nói” (□□□□□

□□□□ - Trị bất du quan, tuy tri phất ngôn).

Nghĩa là theo thuật hình danh, giữ một chức quan nào đó thì phải làm đúng chức quyền của mình thôi, việc gì ngoài chức quyền thì dù biết cũng không được nói[18].

Cũng trong thiên đó Hàn Phi chê Thân Bất Hại chỉ chuyên dùng thuật, không lo về pháp, nên có kẻ lợi dụng sự mâu thuẫn giữa lệnh cũ của Tấn và luật lệ mới của Hàn mà làm nhiều điều gian trá, thấy luật lệnh nào có lợi cho họ thì họ theo. Do đó, Hàn có một vạn cỗ chiến xa, Thân cầm quyền được 17 năm mà Hàn không làm bá chủ được. Lời đó có phần nghiêm khắc quá. Thân không đưa Hàn lên ngôi bá chủ

được vì có những nước mạnh hơn Hàn nhiều như Tần, Sở, Tề, Triệu, nhất là nước Tần lúc đó đã lớn lại có Thương Ưởng giúp mà hùng cường lên rất mau. Hàn làm sao bằng được? Về nội trị, ông có lẽ chưa diệt hết bọn tham nhũng như Hàn Phi trách, nhưng về ngoại giao, ông giúp cho nước Hàn khỏi bị xâm lấn, như vậy cũng đã khá rồi.

Trong thiên 34 - Ngoại trừ thuyết hữu thượng, Hàn còn dẫn một đoạn của Thân, đại ý khuyên bậc vua chúa phải có cái thuật "bí hiểm" đừng để lộ ra cho bề dưới biết sự sáng suốt hay không sáng suốt, sự hiểu biết hay không hiểu biết, sự yêu hay ghét của mình; nếu không kẻ dưới đề phòng, tìm cách gạt, nhử mình. Cuối cùng Thân bảo "Ta không dựa vào đâu mà biết

người (bề tôi) được, chỉ có vô vi (không làm gì cả) là có thể dò xét được họ mà thôi”. Có lẽ vì câu đó mà Tư Mã Thiên bảo học thuyết của Thân gốc ở Hoàng, Lão chăng? Bộ *Thân tử* đã thất truyền, chúng ta không biết chắc được Thân đã chịu ảnh hưởng của Lão tử tới mức nào: Nhưng xét chung thì phép vô vi của pháp gia khác xa thuyết vô vi của đạo gia - Điểm này chúng tôi sẽ xét kỹ trong một phần sau.

Chiến quốc sách (Hàn sách III - 5) chép lại chuyện dưới đây của Thân Bất Hại: Hàn với Ngụy là hai nước ngang hàng nhau mà Thân Bất Hại với Chiêu Ly hầu cầm khuê ngọc

lại yết kiến vua Lương (tức vua Ngụy), không phải là thích sự ti tiện mà ghét sự tôn quý, cũng không phải là vụng suy mà tính lầm. Thân Bất Hại mưu tính như vầy: "Ta cầm ngọc khuê yết kiến vua Ngụy, vua Ngụy tất tự đắc rằng Hàn phải thần phục mình, tất sẽ miệt thị thiên hạ, thế là nguy cho Ngụy vì chư hầu ghét Ngụy tất sẽ thờ Hàn, mà ta chịu khuất thân dưới một người để được duỗi mình trên vạn người. Làm cho binh lực

của Ngụy suy nhược đi mà làm cho quyền thế của Hàn mạnh lên, thì không gì bằng triều phục Ngụy”. Rồi khen Thân: “Chiêu Ly hầu thi hành kế đó quả là một vị minh quân; Thân Bất Hại mưu tính việc nước mà bày kế đó, quả là một trung thần”. Chuyện đó có thể tin được mà cho ta biết một “thuật” nữa của Thân Bất Hại về ngoại giao. Rõ là cái không khí của thời Chiến Quốc, thời của các biện sĩ áo vải mà Thân

Bất Hại là một.

THẬN ĐÁO

Chúng ta được biết rất ít về đời Thận Đáo, mặc dù học thuyết của ông được nhiều người nhắc tới; như Tuân tử, Hàn Phi, và tác giả thiên Thiên hạ[19] trong *Trang tử*. Nguyên do có lẽ tại ông khác hẳn các Pháp gia trước và sau ông, không làm chính trị, nên sử không nhắc tới[20]. Ông thuần túy là một tư tưởng gia.

Các sách chúng tôi có chỉ nói rằng ông đồng thời với Thân Bất Hại, Thương Ưởng; duy *Trung Quốc triết học đại cương* của Vũ Đồng (Thương vụ ấn thư quán - 1958) là cho biết ông sinh vào

khoảng -370, mất vào khoảng -290 mà không hề dẫn chứng hoặc cho xuất xứ.

Sử ký của Tư Mã Thiên có hai chỗ nhắc qua tới ông:

- Thiên 46 về Điền Kính, Trọng Hoàn, bảo Tề Tuyên Vương trọng kẻ sĩ đi du thuyết, như Trâu Diễn, Thuần Vu Khôn, Điền Biền, Tiếp Dư, Thận Đáo, Hoàn Uyên, phong họ chức đại phu và cho họ nhà ở tại Tắc Hạ. Có tới 76 người như vậy, người ta gọi họ là Tắc Hạ tiên sinh. Rồi sau số đó tăng lên tới cả trăm, cả ngàn. Họ tự do tranh luận nhưng không dự vào việc trị nước của Tề.

- Thiên 74 về Mạnh Kha, Thuần Vu Khôn, Thận Đáo, Trân Thích, Tuân Khanh, cho ta biết thêm rằng Thận Đáo là người nước Triệu, Điền Biền, Tiếp Dư là

người nước Tề, Hoàn Uyên là người nước Sở, hết thẩy đều theo đạo Hoàng Lão.

Ông viết 12 bài luận, có sách nói là 42 thiên sách, nhưng thất truyền[21].

Thiên Thiên hạ trong *Trang tử* bảo ông chủ trương "bỏ trí tuệ, quên mình đi, cứ theo thế bất đắc dĩ mà hành động, thản nhiên thuận theo sự vật, như vậy hợp với đạo lý (...) Ông tròn trịa theo sự biến hóa, bỏ quan niệm thị phi để khỏi bị lụy về vật, ông không tin tri thức cùng sự suy nghĩ của mình, không biết trước sau, đứng một mình một cõi..."

Vậy là ông cùng một chủ trương với Lão, Trang.

Tuân tử trong thiên Phi thập nhị tử sắp ông vào phái Pháp gia, chê ông quá trọng

"pháp" và "thế".

"Nói rằng trọng pháp mà chính mình lại không giữ pháp luật, cho việc tu thân để trị quốc là thấp mà ưa bày đặt sinh sự, trên khiến được vua nghe theo, dưới làm cho bọn thế tục vừa lòng, suốt ngày nói cùng dẫn văn trưng điển, nhưng xét kỹ thì thấy bông lông xa vời, không đưa tới đâu, không kiến thiết được quốc gia, chuẩn định được chế độ, vậy mà biện luận vẫn có chứng cớ, bàn luận vẫn mạch lạc, đủ để gạt gẫm bọn ngu, đó là trường hợp Thận Đáo và Điền Biền".

Nét chính trong tư tưởng ông là trọng "thế", mà hễ trọng thế thì tự nhiên trọng pháp luật.

Theo Hàn Phi trong thiên Nạn thế, thì Thận Đáo bàn về "thế" như sau:

“Con phi long cưỡi mây (mà bay lên trời), con đằng xà (một loài rắn như rồng, không có chân) chế ngự sương mù mà lượn trong đó. Mây tan, sương tạnh rồi thì hai con đó cũng chỉ như con giun, con kiến vì mất chỗ dựa. Người hiền mà chịu khuất kẻ bất tiếu là vì quyền (thế) nhẹ, (địa) vị thấp; kẻ bất tiếu mà phục được người hiền là vì quyền trọng, vị cao. Nghiêu hồi còn là dân thường thì không trị được ba người, mà Kiệt khi làm thiên tử thì có thể làm loạn cả thiên hạ. Do đó tôi biết rằng quyền thế và địa vị đủ để nhờ cậy được, mà bậc hiền, trí không đủ cho ta hâm mộ.

Cây ná yếu mà bắn được mũi tên lên cao là nhờ sức gió đưa đi, kẻ bất tiếu mà lệnh ban ra được thi hành là nhờ sức giúp đỡ của quần chúng. Nghiêu khi còn là kẻ

lệ thuộc, đi giảng dạy thì dân không nghe; đến khi ngồi quay mặt về phương Nam, làm vua thiên hạ, ban lệnh là người ta thi hành liền, cấm đoán là người ta phải ngừng ngay. Do đó mà xét thì hiền và trí không đủ cho đám đông phục tùng; mà quyền thế, địa vị đủ khuất phục được người hiền.”

□□□□ □□ □□ □□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□

(Thận tử viết: Phi long thừa vân, đằng

xà du vụ. Vân bãi vụ tễ, nhi long xà dữ dẫn nghĩ đồng hĩ, tắc thất kì sở thừa dã. Cố hiền nhân nhi khuất[22] ư bất tiếu giả, tắc quyền khinh vị ti dã; bất tiếu nhi năng phục ư hiền giả, tắc quyền trọng vị tôn dã. Nghiêu vi thất phụ bất năng trị tam nhân, nhi Kiệt vi thiên tử năng loạn thiên hạ. Ngô dĩ thử tri thế vị chi túc thị, nhi hiền trí chi bất túc mộ dã. Phù nỗ nhược nhi thỉ cao giả, kích ư phong dã. Thân bất tiếu nhi lệnh hành giả, đắc trợ ư chúng dã. Nghiêu giáo ư lệ thuộc nhi dân bất thính, chí ư nam diện nhi vương thiên hạ, lệnh tắc hành, cấm tắc chỉ. Do thử quan chi, hiền trí vị túc dĩ phục chúng, nhi thế vị túc dĩ khuất hiền giả dã.)

Thận Đáo đề cao sức mạnh và tác dụng

của quyền thế, địa vị; điều đó đúng. Nhưng không đủ. Không rõ trong 42 thiên đã thất truyền, ông có bàn gì thêm không, có xét quyền thế, địa vị do đâu mà có, khi nào thì chính đáng, khi nào không, và một khi đã có được rồi thì làm sao giữ được... Vì trọng "thế" nên Thận Đáo chủ trương tập quyền, cấm không được lập bè đảng, địa vị và quyền lợi của vợ lớn bé, con cả con thứ phải rõ ràng, đại thần không được lấn vua, phải bỏ ý riêng mà chỉ theo luật.

THƯƠNG ƯỞNG

Pháp gia có ba phái chính, phái **trọng thuật** là Thân Bất Hại, phái **trọng thế** là Thận Đáo, phái thứ ba **trọng pháp** là Thương Ưởng. Về đời của Thương Ưởng chúng ta được biết khá đầy đủ. *Sử ký* dành

riêng một thiên về ông: Thiên 68 Thương Quân Ưởng.

Ưởng, không rõ sinh năm nào, có thể vào khoảng -388, sống cùng thời với Thân Bất Hại và Thận Đáo, nhỏ tuổi hơn Thân và lớn tuổi hơn Thận. Ông là người nước Vệ (vì vậy còn gọi là Vệ Ưởng), một nước nhỏ phụ dung của nước Ngụy, tên họ là Công tôn (vậy là dòng dõi quý tộc sa sút, khác hẳn Ngô Khởi và Thân Bất Hại) cho nên còn gọi là Công tôn Ưởng.

Ông thích môn học hình danh, làm chức Trung thứ tử, tức như bí thư, cho quan tướng quốc nước Ngụy là Công Thúc Tọa (có sách nói là dạy con cho Tọa); Công Thúc Tọa khen là có kỳ tài, khi đau nặng, tiến cử ông với Ngụy Huệ vương và dặn: "Nếu đại vương không dùng hắn thì giết

hắn đi, đừng cho hắn ra khỏi nước Ngụy". Lúc Huệ vương ra về rồi, Công Thúc Tọa lại bảo nhỏ Vệ Ưởng: "Ta tiến cử thầy với nhà vua và dặn nhà vua nếu không dùng thầy thì nên giết thầy đi. Ta coi ý nhà vua không muốn dùng thầy đâu, vậy nên mau mau trốn đi". Ưởng điềm nhiên đáp: "Nhà vua đã không nghe lời ngài mà dùng tôi thì lẽ nào lại nghe lời ngài mà giết tôi", rồi cứ ở lại nước Ngụy. Nếu chuyện đó có thực thì Vệ Ưởng quả là biết người, gan dạ mà có bản lĩnh cao. Trong thời giúp việc cho Công Thúc Tọa, chắc Ưởng được biết tư tưởng của Ngô Khởi.

Sau nhân dịp vua Tần Hiếu công cầu hiền, Vệ Ưởng qua Tần năm -361, nhờ một viên quan thân tín của Hiếu công là Cảnh Giám tiến cử, được Hiếu Công cho yết

kiến. Mới đầu ông bàn về đạo làm "đế" (tức đạo trị nước của các bậc thánh như Nghiêu, Thuấn), Hiếu công chán không buồn nghe. Lần sau, ông hạ thấp xuống, bàn về đạo làm "vương" (vương đạo), dùng nhân nghĩa để trị dân, Hiếu công cũng không thích. Sau cùng, bàn về bá đạo thì Hiếu công lộ nét vui, nghe Vệ Ưởng thuyết mấy ngày mà không chán. Truyện đó chưa chắc có thật, nhưng cho ta biết rằng thời đó đạo Nho đã suy, các vua chư hầu chỉ thích dùng bá đạo thôi, cho vương đạo là vu khoát.

Vệ Ưởng được trọng dụng ngay, hai năm sau (-359) đưa ra một cải cách về pháp luật. Một vị đại thần tên Cam Long phản đối, bảo: - Thánh nhân tùy theo dân mà dậy, theo pháp luật cũ mà trị, như vậy

không mệt sức mà thành công.

Vệ Ưởng đáp: - Đó là lời thế tục, bọn người thường thích giữ tục cũ, không biết rằng tam đại (Hạ, Thương, Chu), lễ không giống nhau mà đều làm được vương nghiệp, các ông bá, pháp luật không giống nhau mà đều lập được bá nghiệp. Bậc trí nhân lập ra luật pháp mới, bậc hiền nhân đặt ra các điều lệ mới. Không phải chỉ có mỗi một cách trị nước. Vua Thang, vua Vũ không theo cổ mà làm bậc vương, Hạ và Ân có thời theo cổ mà mất nước. Vậy làm khác thời trước chưa hẳn là đáng chê, mà cổ chưa hẳn là đáng khen.

Hiếu công cho Vệ Ưởng là có lý, và theo đề nghị của Ưởng mà ra lệnh:

-Tổ chức liên gia 5 nhà và 10 nhà, bắt

phải tố cáo lẫn nhau[23], thấy kẻ có tội mà không tố cáo thì bị chém ngang lưng, tố cáo thì được thưởng như chém được một đầu giặc; chứa chấp kẻ gian thì bị xử như tội hàng quân địch.

- Có hai người con trai trưởng thành trở lên mà ở chung nhà thì người trong nhà phải đóng thuế gấp đôi.

- Ai có chiến công thì được phong chức, ai gây lộn nhau thì bị trừng trị.

- Ai cầy cấy, nuôi tằm, dệt lụa năng suất trên mức đã định thì khỏi phải làm khổ dịch; ai làm giàu bằng thương mại hoặc làm biếng không sản xuất thì phải làm nô lệ.

- Quý tộc mà không có chiến công thì sẽ hạ xuống thường dân.

Trước khi ban bố sắc lệnh, sợ dân không tin, Thương Ưởng dùng thuật dưới đây:

Ông cho dựng một khúc cây dài ba trượng ở cửa Nam chợ Kinh đô, bảo hễ có người nào dời được khúc cây ấy qua cửa Bắc thì được thưởng 10 nén vàng[24]. Dân lấy làm lạ; việc dễ như vậy sao mà thưởng hậu như vậy, ngờ triều đình có ẩn ý gì nên do dự. Hôm sau ông lại ra lệnh dời được thì thưởng năm chục nén vàng. Một người thử dời khúc cây xem sao, quả nhiên được thưởng năm mươi nén. Từ đó dân Tần tin rằng lệnh của triều đình ban ra thì thi hành đúng. Cố sự này rất giống cố sự về Ngô Khởi ở Tây Hà mà chúng tôi đã dẫn ở trên; Thương Ưởng chắc đã chịu ảnh

hưởng của Ngô Khởi.

Lệnh ban ra, trong triều nhiều người chống đối, mà dân chúng cũng kéo nhau cả hàng ngàn người tới kinh đô để phản kháng. Chính Thái tử cũng bất bình, có lần phạm pháp. Thương Ưởng bảo mọi người chẳng kể sang hèn, đều bình đẳng về pháp luật. Nhưng thái tử sẽ nối ngôi vua, vậy hai sư phó của thái tử phải chịu tội thay. Từ đó dân đều sợ lệnh của ông, trong 10 năm của rơi ngoài đường không ai dám lượm, tại rừng núi cũng không còn trộm cướp, chẳng bao lâu Tần đã hơi mạnh, thắng được Ngụy một trận.

Từ năm -350 đến -348, Thương Ưởng lại biến pháp lần nữa, lần này về hành chánh và tài chánh:

- Cấm cha con anh em đồng cư để

cho công việc khẩn hoang mau phát triển.

- Chia nước thành quận huyện.

- Mở mang đất đai, ai vỡ thêm được đất thì làm chủ đất, đặt một thứ thuế công bằng, ai cũng như ai.

Hai việc lập quận huyện và mở mang đất đai này đã có từ thời Xuân Thu, Thương Ưởng chỉ có công đưa ra thành quốc sách, và áp dụng một cách đại quy mô thôi.

- Thống nhất đồ đo lường.

Ít năm sau, Tần mạnh lên, thắng Ngụy một trận lớn ở Mã Lục, giết được tướng Ngụy và cầm tù thái tử Ngụy. Từ đó Ngụy không ngóc đầu lên được nữa, vua Ngụy chắc ân hận đã không nghe lời Công Thúc

Tọa, không dùng mà cũng không giết Thương Ưởng.

Danh vọng, chức tước của Thương Ưởng bây giờ lên đến tột bực. Tần Hiếu công phong cho ông một khu gồm 15 ấp ở đất Thương, với tước Thương quân, vì vậy ông có tên là Thương Ưởng. Tất cả triều đình, nhất là giới quý tộc, cha anh của vua đều ghét ông. Sở dĩ ông còn đứng vững được chỉ nhờ Hiếu công che chở. *Chiến Quốc sách* (Tần sách - I.1) chép rằng khi Hiếu công đau nặng, muốn truyền ngôi cho ông, ông không nhận vì giữ đúng chủ trương của Pháp gia: Bề tôi giữ phận bề tôi.

Hiếu công mất rồi, Huệ vương lên thay. Huệ vương chính là thái tử hồi trước đã bị Thương Ưởng làm nhục. Có người bảo

Huệ vương:

- Đại thần mà quyền lớn quá thì nước nguy; kẻ tả hữu thân cận quá thì bản thân nguy. Nay ở Tần, đàn bà trẻ con đều nói: Pháp lệnh của Thương quân, chứ không nói pháp lệnh của đại vương, thế là chính Thương quân mới làm vua, mà đại vương hóa thành bề tôi. Vả chăng Thương quân chính là kẻ thù của đại vương, xin đại vương xét kỹ.

Huệ vương sai bắt Thương Ưởng, ông trốn ra biên giới, tới một lữ điếm, chủ lữ điếm không dám chứa, bảo: - Theo lệnh của Thương quân, khách tới trọ phải có "thân phận chứng", tức như thẻ căn cước. Ông không có, chứa ông tôi sẽ bị tội.

Thương quân đành phải trốn sang Ngụy, người Ngụy đuổi ông về Tần. Cùng

quá, ông liều trở về đất Thương, dùng binh đất Thương chống lại triều đình, thất bại bị giết ở Thằng Trì (thuộc đất Trịnh). Thây ông bị "xa liệt": Cột đầu và tay chân vào 5 con ngựa, rồi đánh cho ngựa chạy về 5 phía. Năm đó là năm -338; ông sống khoảng 50 tuổi. Người ghét ông, cho rằng ông bị quả báo, nhưng người phục ông như Hàn Phi thương ông chết vì bổn phận, vì lý tưởng.

Sách *Hán chí* chép rằng ông có soạn một bộ nhan đề *Thương tử* nay còn 24 thiên, nhưng theo các học giả gần đây thì bộ đó hoàn toàn của người sau viết.

Chủ trương của ông là:

- Pháp luật phải rất nghiêm, ban bố khắp trong nước, và từ trên xuống dưới ai cũng phải thi hành, không phân biệt giai

cấp; pháp đã định rồi thì không ai được bàn ra bàn vào nữa, không được "dùng lời khéo mà làm hại pháp", nghĩa là làm sai ý nghĩa của pháp để tìm lợi cho mình.

- Tội dù nhẹ cũng phạt rất nặng, để cho dân sợ, mà sau khỏi phải dùng hình phạt. Đó là cách "dùng hình phạt để trừ bỏ hình phạt" (Dĩ hình khử hình). Tử Sản cũng đã chủ trương như vậy trước khi dặn Du Cát phải dùng hình phạt cho thật nghiêm. Về việc thưởng, ông cho rằng làm điều thiện là bổn phận của dân, không đáng thưởng; nhưng ông lại trọng thưởng bọn cáo gian, đó là điểm mâu thuẫn (Hàn Phi rộng rãi hơn, bảo làm điều thiện cũng đáng khuyến khích).

Ông bảo: Nước sở dĩ được trọng, vua sở dĩ được tôn là nhờ sức mạnh. Mà

muốn cho nước mạnh thì phải trọng nông và chiến, nông để nuôi chiến: Học thuật và cả công nghệ.

Thương mại ông cho là vô dụng, có hại cho nước: "Có ngàn người dân làm việc nông, chiến, mà có một người đọc thi thư, tranh biện nhau về trí tuệ, thì ngàn người kia đều hóa ra làm biếng về nông chiến. Có trăm người dân làm việc nông, chiến mà có một người lo về kỹ nghệ thì trăm người kia đều hóa ra làm biếng về việc nông chiến. Nước nhờ nông, chiến mà yên, vua nhờ nông chiến mà được tôn".

Vì vậy ông khuyến khích, gần như bắt buộc nông dân phải khẩn hoang, cho họ làm chủ đất họ khai thác được; mặt khác bắt toàn dân phải là lính (chúng ta thấy

ông đã chịu ảnh hưởng của Quản Trọng): "Tráng nam họp lại thành một quân, tráng nữ họp lại thành một quân, còn các ông già bà cả hoặc đàn ông đàn bà ốm yếu hợp thành một quân gọi là tam quân. Quân tráng nam thì cho ăn nhiều và luyện tập việc binh, sắp hàng đợi địch, quân tráng nữ cũng cho ăn nhiều và đắp thành, sắp hàng đợi lệnh; (...) Quân già yếu thì chăn bò, dê heo, trồng trọt, kiếm cây cỏ, thức ăn nào ăn được thì thu thập để nuôi bọn tráng nam, tráng nữ".

Theo *Hậu Hán thư*, chính sách đó rất có hiệu quả; qua đời Hán, nghĩa là trên 100 năm sau khi Thương Ưởng mất, ở Quan Tây, nghĩa là ở đất Tần, ở phía Tây cửa ải Hàm cốc, phụ nữ còn biết dùng khí

giới ra trận.

Hơn nữa, Thương Ưởng còn muốn tạo một giai cấp quý tộc gồm các quân nhân - như giai cấp noblesse d’épée thời Trung cổ châu Âu; ông đề nghị: “*Chỉ bọn đánh giặc mới được giàu sang*[25]*, như vậy dân nghe thấy ra trận là chúc mừng nhau, đứng ngồi ăn uống lúc nào cũng ca hát chiến tranh*”.

□□□□□□□□□□□□□□□□
□□□□□□□□□□□□□□□□

(Phú quý chi môn, tất xuất ư binh, thị cố dân văn chiến nhi tương hạ dã; khởi cư ẩm thực sở ca dao giả, chiến dã).

- “Ai chặt được đầu giặc thì tước được thăng một cấp, muốn làm quan thì được

một chức quan lương bổng là 50 thạch (100 thúng là một thạch); chặt được hai đầu giặc, tước được thăng hai cấp, muốn làm quan thì được một chức quan lương bổng là 100 thạch; quan tước thăng đều xứng đáng với công chém đầu giặc".

Như vậy là Thương Ưởng đánh một đòn mạnh vào giai cấp quý tộc đương thời không có công lao gì với quốc gia mà cũng được hưởng tước lộc ông cha truyền lại. Có lẽ về điểm đó ông cũng đã chịu ảnh hưởng của Ngô Khởi vì Ngô Khởi đề nghị với Sở Điệu vương: Đối với con cháu những người được phong thì cứ ba đời sẽ thâu tước lại. Nhưng thời đó giai cấp quý tộc còn mạnh, họ quật lại: Ngô Khởi và Thương Ưởng đều bị họ giết một cách tàn nhẫn. Phải đợi tới đời Hán, giai cấp tân

địa chủ mới thắng được giai cấp quý tộc và có một địa vị vững vàng.

Như vậy là giai cấp tân địa chủ với một số quý tộc tiến bộ như Tử Sản và tiện dân như Mặc Tử đã can đảm tranh đấu khoảng năm thế kỷ - có kẻ bị bọn quý tộc quật lại tới chỗ chết không toàn thây - mới xóa bỏ được một số đặc quyền của quý tộc, bỏ được lệ "hình bất thướng đại phu, lễ bất há thứ dân" ở đầu đời Chu; và lần lần tạo được một xã hội tương đối công bằng (thứ dân được tuyển dụng và xử theo luật pháp cũng như quý tộc), một xã hội tạm ổn định trong non 2000 năm, được tiếng là dân chủ sớm hơn Tây phương 10 thế kỷ.

Mãi tới gần thế kỷ chúng ta, sau hai cuộc cách mạnh liên tiếp của tiểu tư sản và

vô sản, tình trạng xã hội đầu đời Chu mới lật ngược lại; giai cấp vô sản giành được quyền lợi và địa vị của giai cấp quý tộc ba ngàn năm trước. Một chu kỳ chấm dứt. Rồi bắt đầu một vòng trôn ốc khác chăng?

Tới đây học thuyết của Pháp gia có đủ ba phái: **Thế của Thận Đáo**, **Thuật của Thân Bất Hại**, và **Pháp của Thương Ưởng**; kể như đã hoàn bị. Chỉ cần một người tập đại thành, sửa chữa, thêm bớt. Người đó là Hàn Phi mà chúng tôi sẽ xét trong các phần sau. Nhưng Hàn Phi muốn làm chính trị mà không được dùng; người áp dụng học thuyết của ông làm cho Tần thống nhất được Trung Quốc là Lý Tư, một bạn học của ông.

Xét lại, trong thời Xuân Thu và Chiến Quốc, những người có công thúc đẩy sự

biến chuyển của xã hội Trung Hoa từ chế độ phong kiến qua chế độ quân chủ chuyên chế, không phải Nho gia, Mặc gia hay Đạo gia mà chính là Pháp gia. Những nước Tề, Trịnh, Hàn, Ngụy, Tần[26] nhờ Quản Trọng, Tử Sản, Thân Bất Hại, Ngô Khởi, Thương Ưởng, Lý Tư đã thay nhau nổi bật lên nhiều hay ít trong số các nước chư hầu, đánh dấu những giai đoạn quan trọng, vì vậy mà có nhà như Vandermeersch[27] đã nghĩ nên chia lại thời Xuân Thu và Chiến Quốc theo những giai đoạn đó, mà bỏ lối phân chia từ trước tới nay chỉ căn cứ vào sử của nhà Chu. Ý kiến đó mới mẻ và có lý một phần.

PHẦN II

HÀN PHI: ĐỜI SỐNG VÀ TÁC PHẨM

CHƯƠNG I

ĐỜI SỐNG

Về tiểu sử Hàn Phi chúng ta chỉ có ba nguồn tài liệu: *Chiến Quốc sách*, *Hàn Phi tử* và *Sử ký* của Tư Mã Thiên; nhưng những tài liệu ấy đa số đều mập mờ hoặc không đáng tin, có khi mâu thuẫn nhau nữa.

Trước hết chúng ta có thể gạt bỏ tài

liệu trong *Chiến Quốc sách*, tức bài *Diệu Cổ đáp vua Tần* (Tần - V.8- bản dịch của chúng tôi, nhà Lá Bối 1973) vì *Chiến Quốc sách* không đáng coi là một tác phẩm về sử (nhiều bài chỉ có giá trị về văn học, về luận thuyết thôi, điều này chúng tôi đã trình bày trong phần giới thiệu *Chiến Quốc sách* trang 40, nhất là bài *Diệu Cổ đáp vua Tần* có giọng tiểu thuyết quá, không thể tin được). Đại khái truyện như sau:

Hàn Phi thấy Diệu Cổ là người nước Ngụy, giúp vua Tần (Thủy Hoàng) đắc lực được phong chức thượng khanh, mà ghen ghét, dèm pha, tấu với vua Tần: "Cổ đem châu báu, phía Nam đi sứ Kinh (tức nước Sở), Ngô, phía Bắc đi sứ Yên, Đại. Ba năm sau, tình giao thiệp với các nước vị

tất dùng quyền của đại vương, bảo vật của quốc gia mà tự kết giao với chư hầu xin đại vương xét lại. Vả lại tên lính giữ cửa của nước Lương đó đã ăn cướp ở Lương, lại có lần làm bề tôi ở Triệu mà bị đuổi (...) mà đem bàn việc xã tắc với hắn thì còn đâu cái nghiêm khắc đối với quần thần".

Vua Tần bèn vời Diệu Cổ vô hỏi. Cổ nhận hết, nhưng bảo Thái Công Vọng, Quản Trọng, Bách Lý Hề đều xấu xa đê tiện vì Thái Công Vọng có lúc làm tên đồ tể, Quản Trọng vốn là một con buôn tham bỉ, Bách Lý Hề là một tên ăn xin ở đất Ngu, vậy mà vua Văn vương, vua Tề Hoàn Công, vua Tần Mục công vẫn dùng họ mà nhờ họ lập được nghiệp vương, nghiệp bá, còn hạng cao khiết như các ẩn sĩ Biện

Thùy, Vụ Quang, Thân Đồ Địch thì không vua nào dùng được, nên họ chẳng giúp gì cho xã tắc. Vậy là khi dùng người, nhà vua chỉ nên xem xét kẻ đó giúp được việc cho mình không, chớ đừng câu nệ họ dơ bẩn, xấu xa; nhất là đừng nghe lời gièm pha mà sẽ không có bề tôi trung với mình đâu.

Rốt cuộc, "vua Tần khen là phải, lại dùng Diệu Cổ mà giết Hàn Phi".

Nhân vật Hàn Phi trong bài đó bị bôi nhọ quá thành một biện sĩ hạ đẳng, vô tư cách mà Tần Thủy Hoàng cũng không đáng là một ông vua dựng được nghiệp lớn nhất thời Chiến Quốc: Đã hồ đồ nghe lời Hàn Phi, rồi lại dễ dàng bị Diệu Cổ thuyết phục, giết Hàn Phi một cách vô lý. Sự thực, Hàn có thể bị Lý Tư (và có lẽ cả Diệu Cổ nữa) gièm pha, nhưng chết vì một

lý do khác hẳn.

Chiến Quốc sách chỉ chép mỗi truyện đó về Hàn Phi. Bộ *Hàn Phi tử* cho ta được nhiều tài liệu hơn: Năm thiên hết thảy.

Thiên 1- *Sơ kiến Tần*, mà nhiều tác giả chú giải là bài biểu Hàn Phi dâng vua Tần trong lần hội kiến đầu tiên, nhưng họ không cho ta biết việc xảy ra năm nào. Đại ý bài đó bảo Tần đừng sợ lục quốc (Triệu, Yên, Ngụy, Kinh "Sở", Tề, Hàn) hợp tung đánh Tần vì kho lẫm của họ trống rỗng mà sĩ tốt của họ sợ chết, nên họ sẽ thua. Còn Tần có điều kiện để làm bá chủ, sở dĩ chưa thôn tính được thiên hạ vì mưu thần bất tài, bất trung (Hàn dẫn chứng Tần vì lầm lẫn mà ba lần để lỡ cơ hội làm bá).

Cuối cùng, Hàn kết: "Thần không sợ

chết, xin yết kiến đại vương để bàn về cách phá thế hợp tung của các nước trong thiên hạ, thắng Triệu, *diệt Hàn*[28] bắt Kinh, Ngụy phải thần phục, bắt Tề, Yên phải kết thân với mình, để thành cái danh bá vương. Xin đại vương thử nghe thuyết của thần, một lần ra quân mà quân trong thiên hạ không bị phá (...) danh bá vương không thành, chư hầu 4 phương không thần phục thì xin đại vương chém đầu thần đi để mọi người trong nước biết rằng thần mưu tính mà không trung thành với chúa".

Có ba lý do để nghi ngờ bài đó không phải của Hàn Phi:

- Không có một sách nào khác chép truyện đó cả, trước sau Hàn Phi chỉ đi sứ Tần có một lần để dâng vua Tần bài biểu

Tồn Hàn (coi phần dưới) thôi.

- Giọng bài đó cũng là giọng bọn biện sĩ như Tô Tần, Trương Nghi, chứ không phải giọng một tư tưởng gia về chính trị như Hàn. Có người ngờ là của Thái Trạch (người nước Thái, lấy tên nước làm tên họ, làm tể tướng Tần Chiêu vương sau khi Phạm Tuy từ chức); nhưng *Chiến Quốc sách* cho là của Trương Nghi thuyết Tần Huệ Vương. Bài trong *Chiến Quốc sách* (Tần sách I.5) y hệt bài trong *Hàn Phi tử*, chưa rõ bộ nào chép bộ nào.

- Tư tưởng của Hàn Phi trong bài đó, tức thiên 1- *Sơ kiến Tần* trái ngược hẳn với thiên 2- *Tồn Hàn*. Trong Sơ kiến Tần, Hàn Phi nguyện giúp Tần diệt lục quốc, trong đó có nước Hàn, tổ quốc của Hàn Phi. Trong *Tồn Hàn*, trái lại Hàn Phi cố

thuyết phục Tần Thủy Hoàng duy trì nước Hàn: Lúc đó Triệu và Tần xích mích với nhau, Tần muốn chiếm Hàn trước vì Hàn nằm giữa Tần và Triệu. Hàn Phi khuyên đừng đánh Hàn vì Hàn từ trước vẫn cống nộp và thi hành mệnh lệnh của Tần, chưa chắc đã diệt ngay được, Hàn sẽ cố thủ; trong khi đó Ngụy, Triệu sẽ hướng về Tề, khối hợp tung sẽ mạnh mà Tần sẽ nguy: "Hàn vốn là một nước nhỏ, phải chống cự sự công kích ở 4 phía, chúa nhục, tôi khổ, trên dưới cùng lo lắng với nhau từ lâu rồi, cho nên phòng bị kỹ, đề phòng kẻ địch mạnh, tích trữ lương thực, xây đắp hào lũy để cố thủ. (Như vậy) Tần mà đánh Hàn thì một năm chưa chắc đã diệt được, còn nếu như chỉ chiếm được một thành rồi rút lui thì quyền uy của Tần sẽ bị thiên hạ coi

thường, mà thiên hạ sẽ bẻ gẫy binh của ta, (vì) Hàn mà phản (chống) Tần thì Ngụy sẽ hưởng ứng, Triệu sẽ dựa vào Tề, được Tề hậu viện. Như vậy Hàn, Ngụy thêm sẽ cho Triệu, mượn cái phúc của Triệu, cái họa của Tần”[29].

Vì vậy tốt hơn, Tần nên giao hảo với Kinh (Sở), Ngụy, rồi đánh Triệu, thắng được Triệu, Tề rồi thì tự nhiên Hàn, Ngụy, Kinh đều qui phục Tần: “Theo kế ngu của thần thì nên (một mặt) sai người đi sứ Kinh, dùng lễ hậu mua chuộc các bề tôi có trọng trách, trình bày cho họ thấy Triệu đã khinh nhau (hay gạt) Tần ra sao; mặt khác trao đổi con tin với Ngụy cho Ngụy an tâm, rồi đốc suất quân của Hàn để đánh Triệu[30], dù Triệu có liên kết với Tề

cũng không đáng lo. Dẹp xong hai nước đó (Triệu, Tề) rồi, chỉ cần gởi một bức thư là định được nước Hàn. Như vậy là nhất cử mà hai nước bị suy vong, lại thêm Kinh, Ngụy cũng tự qui phục ta”.

Đoạn trên, Hàn Phi giữ được tư cách một sứ giả, đề cao tinh thần đoàn kết quyết tâm cố thủ của vua tôi Hàn; đoạn dưới lý luận vững nên Tần thủy Hoàng có vẻ xiêu, nhưng còn do dự.

Thiên *Tồn Hàn* đó có học giả cũng ngờ không phải của Hàn Phi, vì giọng cũng hơi có giọng biện sĩ nhưng sự việc kể trong thiên thì chắc đúng, vì hợp với *Sử ký* của Tư Mã Thiên (coi đoạn sau)

Thiên 3- *Nan ngôn*, nhiều nhà chú giải cũng cho là một bài biểu của Hàn Phi vì mở đầu “Thần là Phi, không phải là khó

nói...” mà tư tưởng cũng hợp với Hàn Phi (so sánh thiên đó với thiên 12- Thuế Nan), nhưng không học giả nào biết được bài biểu đó dâng vua nào, nên chúng tôi không thể dùng để viết tiểu sử của Hàn được.

Thiên 19- *Sức tà* - Bài này cũng có giọng một bài biểu, các nhà chú giải cho là Hàn Phi viết để dâng vua Hàn, khuyên đừng nên tin dị đoan, đừng nên trông cậy vào nước lớn, chỉ nên tin ở chính mình thôi, và muốn nước mạnh thì vua phải sáng suốt trong việc thưởng, nghiêm khắc trong việc phạt, thưởng và phạt không được quá đáng mà cũng không được bất cập.

Những tư tưởng đó đúng là của Hàn Phi, nên chúng ta có thể tạm tin được.

Sau cùng Thiên 42- *Vấn Điền* - có chép một đoạn Hàn Phi trả lời Đường Khê

công, một mưu thần của nước Hàn:

Đường Khê công cảnh cáo Hàn Phi rằng lập ra pháp luật và thuật thì sẽ nguy cho thân như Ngô Khởi và Thương Ưởng. Hàn đáp rằng mình vẫn biết vậy nhưng đặt ra pháp luật là việc lợi cho dân, cho nên mình cứ làm, dù có gặp bề trên hôn ám, không hiểu mình mà bị tai họa ra sao thì cũng chịu, như vậy mới đáng là bậc nhân, trí.

Đoạn đó rõ ràng là của người sau viết và không đáng tin, vì theo một học giả Trung Hoa hiện đại, Trần Thiên Quân, thì Đường Khê Công lớn hơn Hàn Phi khoảng bảy chục tuổi, khó có thể nói chuyện với Hàn Phi như vậy được (Coi Léon Vadermeersch - sách đã dẫn trang 58-59).

Tóm lại những tài liệu trong *Hàn Phi*

tử chỉ có hai điểm này là có thể tin được:

- Hàn Phi muốn cho nước Hàn mạnh, khuyên vua Hàn nên trọng pháp luật, đừng tin dị đoan, đừng trông cậy nước lớn.
- Hàn Phi ráng thuyết phục Tần Thủy Hoàng bảo tồn nước Hàn.

Chung qui, tài liệu giúp chúng ta được nhiều nhất vẫn là *Sử ký* của Tư Mã Thiên. Trong *Sử ký* có ba thiên nhắc tới Hàn Phi:

- Thiên 63: Lão tử, Trang tử, Thân Bất Hại, Hàn Phi trong phần *Liệt truyện*.
- Thiên 6: Tần Thủy Hoàng trong phần *Bản kỉ*.
- Thiên 45: Hàn trong phần *Thế gia*.

Thiên 63, Tư Mã Thiên viết: “Hàn Phi

là một công tử[31] của nước Hàn, thích cái học về hình danh, pháp, thuật, nhưng gốc là cái học của Hoàng đế, Lão tử".

Ông vốn cà lăm, nói không hay nhưng viết hay. Ông cùng với Lý Tư theo học Tuân Khanh; Lý Tư tự xét không bằng ông. Ông thấy nước Hàn mất đất, suy nhược, mấy lần dâng thư can gián vua Hàn[32], nhưng vua Hàn không biết dùng ông, nên ông bực mình rằng nhà vua trị nước không lo sửa chữa, làm sáng tỏ pháp chế, không nắm lấy cái thế để chế ngự bề tôi, làm cho nước giàu binh mạnh, không tìm hiền tài giao cho chức vụ mà trái lại, cất nhắc bọn sâu mọt bậy bạ, trọng dụng chúng hơn hạng người thật có lòng. Ông cho rằng bọn Nho sĩ dùng văn làm loạn pháp luật, còn bọn

hiệp sĩ dùng võ mà phạm cấm lệnh. Thời thong thả (bình an), nhà vua quí hạng người có danh tiếng (hão), đến khi cấp bách thì lại dùng kẻ sĩ mang áo giáp, đội mũ trụ (nón trận), như vậy kẻ dùng được không nuôi mà kẻ được nuôi lại không dùng được. Ông buồn vì nỗi kẻ liêm khiết ngay thẳng là nạn nhân của bọn bề tôi gian tà, cong queo, xét các biến cố nên hay hỏng trong thời trước, mà viết các thiên Cô phẫn, Ngũ đố, Nội, ngoại trừ, Thuế nan... gồm trên 10 vạn chữ.

"Có người đem sách của ông đến nước Tần, vua Tần[33] đọc các thiên Cô phẫn và Ngũ đố, bảo: "A, nếu quả nhân được gặp người này, giao du với ông ta thì chết cũng không hận!""

Lý Tư tâu rằng tác giả những thiên đó là Hàn Phi.

Lúc đó Tần đương đánh nước Hàn. Vua Hàn trước kia không dùng Hàn Phi, bây giờ lâm nguy mới sai Hàn Phi đi sứ Tần. Vua Tần thích ông nhưng chưa tin dùng thì Lý Tư và có lẽ Diêu Cổ muốn hại ông, gièm pha ông với vua Tần rằng: "Phi là công tử nước Hàn. Nay nhà vua muốn kiêm tính chư hầu; rốt cuộc Phi tất vị Hàn chứ không vị Tần đâu, nhân tình như vậy. Nhà vua không dùng hắn, giữ hắn lâu ở đây rồi cho về Hàn thì là tự chuốc lấy họa vào mình. Sao bằng buộc tội hắn rồi giết đi." Vua Tần cho là phải, xử tội Hàn Phi. Lý Tư sai người đem thuốc độc cho Hàn Phi, bảo nên sớm tự xử, Hàn Phi muốn trần tình, xin yết kiến vua Tần mà không được.

Sau vua Tần ăn năn, sai người tha cho Hàn Phi thì Hàn Phi đã chết.

"Nguyên nhân cái chết của Hàn Phi ở đây đáng tin hơn trong *Chiến Quốc sách*, hợp với thiên *Tồn Hàn* trong *Hàn Phi tử*. Hàn Phi được nhà vua Hàn Vương An phái qua thuyết phục Tần Thủy Hoàng nên tồn Hàn, nhưng Hàn Phi thất bại, bị vua Tần nghi ngờ mà chết oan.

Thiên 6: Trong phần Bản kỉ cho ta biết thêm: Năm thứ 10 đời Tần Thủy Hoàng, Lý Tư bàn với vua Tần chiếm Hàn trước cho các nước khác sợ. Vua Tần bèn phái Lý Tư qua Hàn để thuyết phục vua Hàn thần phục Tần. Vua Hàn cảm thấy Tần muốn thôn tính mình, bàn với Hàn Phi về cách làm cho Tần yếu đi. 4 năm sau, tức năm 14, Hàn Phi được phái qua Tần thuyết

phục vua Tần tồn Hàn, nhưng vua Tần nghe lời Lý Tư[34], muốn chiếm Hàn, nên giữ Hàn Phi lại và Hàn Phi chết ở Vân Dương. Năm 17, Tần chiếm Hàn, đổi thành quận Dĩnh Xuyên.

Sau cùng, thiên 45, phần thế gia Tư Mã Thiên chép:

- Năm thứ 5 đời (Hàn) Vương An: Tần đánh Hàn, Hàn lâm nguy, phái Hàn Phi qua Tần, nhưng Tần giữ Hàn Phi lại xử tử.

- Năm thứ 9 đời Vương An, Tần bắt sống được Vương An, chiếm hết nước Hàn, đổi thành quận Dĩnh Xuyên. Hàn bị diệt.

Vậy Tư Mã Thiên ghi rõ Hàn Phi chết năm thứ 14 đời Tần Thủy Hoàng tức năm

thứ 5 đời Hàn Vương An, Tây lịch là -234 và 4 năm sau, tức năm -230 Hàn bị diệt.

Tất cả các tài liệu chúng tôi kiếm được, đời Hàn Phi chỉ có bấy nhiêu. Tóm lại, chúng ta có thể tin được những điều dưới đây:

¤ Hàn Phi là một công tử nước Hàn, học rộng, biết cả đạo Nho (vì là môn đệ của Tuân Tử), đạo Lão, nhưng thích nhất học thuyết của các Pháp gia, có nhiều tư tưởng mới về chính trị, được Lý Tư phục là giỏi. Ông ở trong giai cấp quí tộc nhưng có tinh thần tiến bộ, trọng kẻ sĩ giỏi pháp thuật (tức bọn tân địa chủ), chê bọn "trọng nhân" (quí tộc) là cổ hủ, vô dụng.

¤ Ông có tinh thần ái quốc cao. Nước Hàn nhờ Thân Bất Hại mà được yên ổn 10 lăm năm. Từ khi Thân chết, nước Hàn lại

rất suy nhược. Đất hẹp, không được ngàn dặm mà ở vào một vị trí nguy hiểm, tại ngay cửa ngõ của Tần. Khi Tần mạnh lên, muốn thôn tính chư hầu, Hàn thành ra cái đích của các chư hầu nhắm vào. Thờ Tần không được, sẽ bị Tần nuốt; mà chống Tần thì không đủ sức. Hợp tung hay liên doanh thì Hàn ở địa đầu, bao giờ cũng bị tai họa trước nhất. Cho nên trong thiên *Ngũ đố* (coi phần trích dịch), Hàn Phi rất ghét bọn du thuyết dùng miệng lưỡi ngoại giao nay liên kết với nước này, mai liên kết với nước khác, chỉ nghĩ đến lợi của họ mà không nghĩ đến cái lợi nước. Theo ông muốn cho nước mạnh, thì phải dùng thuật và pháp, cải tổ lại nội chính, đừng trông cậy vào ngoại giao. Chắc ông đã nhiều lần đề nghị với vua Hàn như vậy mà vua

không nghe, nên ông buồn rầu. Thiên *Cô phẫn* (coi phần dịch) của ông có lẽ viết vào lúc ông không được dùng ở Hàn, chứ không phải trong khi bị giam ở Tần. Mãi tới khi Hàn lâm nguy, sắp bị Tần thôn tính, Vương An mới phái ông đi sứ qua Tần để thuyết phục Tần Thủy Hoàng bảo tồn Hàn, nhưng Tần Thủy Hoàng không nghe lời ông mà nghe lời Lý Tư, ngờ ông không thực tình mà chỉ làm lợi cho Hàn thôi nên giết ông năm -234. Có sách chép là đầu năm -233. Chúng tôi dùng năm này. Ba năm sau Vương An bị bắt sống, tổ quốc ông bị diệt.

¤ Năm tử của ông không còn gì nghi ngờ cả. Còn năm sinh thì Tư Mã Thiên không cho ta biết, nhưng các học giả gần đây, chẳng hạn Tiền Mục dựa vào các giả thuyết này: Hàn Phi và Lý Tư cùng học

chung một thầy là Tuân tử, tuổi chắc xấp xỉ nhau; rồi đoán rằng Lý Tư khi tới Tần, ít nhất cũng khoảng 30 tuổi, ở Tần khoảng 40 năm rồi mới bị Nhị thế Hoàng đế (Hồ Hợi) giết năm -208; như vậy Lý Tư phải sinh vào khoảng 70 năm trước, tức khoảng -280, mà Hàn Phi cũng vậy. Các sách chúng tôi có đều theo thuyết đó, nhưng chúng ta nên nhớ rằng niên đại -280 chỉ là phỏng chừng, có thể là sai 10 năm.

Có người đọc tiểu sử Hàn Phi trong *Sử ký* đưa ra nghi vấn này: Lý Tư vốn là con người thủ đoạn, biết Hàn Phi giỏi hơn mình, tất ghen tài Hàn Phi, tại sao lại giới thiệu Hàn với vua Tần khi mà vua Tần khen các thiên Cô phẫn và Ngũ đố của Hàn? Mà đã giới thiệu rồi, tại sao sau lại gièm pha bạn bị xử tử? Rốt cuộc là Hàn

chết vì yêu nước hay vì bị gièm pha? Chúng tôi nghĩ rằng có thể vì cả hai: Lý Tư có thể vô tình, buột miệng ra mà bảo tác giả là Hàn Phi, không ngờ rằng sau Hàn Phi đi sứ qua Tần, mà vua Tần được gặp rồi thích; rồi tới khi Hàn Phi thuyết phục vua Tần duy trì Hàn, trái với chủ trương của Lý Tư thì tất nhiên phải bác, gièm pha Hàn là tô điểm lời nói để che đậy mưu gian, vì nếu vua Tần nghe mà Tần và Hàn thân thiết với nhau thì lợi cho Hàn, nhất là cho Phi vì Phi sẽ được trọng dụng.

Nhưng truyện vua Tần thích văn của Hàn Phi tới nỗi than rằng được gặp thì chết cũng không hận, có đáng tin không đã? Chúng tôi ngờ rằng chỉ là một giai thoại cho vui thôi, vì Tư Mã Thiên đã mâu thuẫn với chính ông. Trong tiểu sử Hàn Phi đó,

ông bảo vua Tần đọc hai thiên *Cô phẫn* và *Ngũ đố* trước khi gặp Hàn Phi; rồi cuối bộ *Sử ký*, trong thiên 130 Thái sử công, tự ông lại bảo "Hàn Phi bị giam ở Tần nên mới viết hai thiên *Thuế Nan* và *Cô phẫn*". Vậy thì thiên *Cô phẫn* viết lúc nào? Trước khi Hàn Phi qua Tần hay khi Hàn Phi[35] chỉ là một giai thoại, như vậy cái chết của Hàn Phi rất dễ hiểu: Lý Tư sợ thuyết của Hàn Phi làm trở ngại chủ trương của mình nên mới tìm cách hại Hàn Phi, và Hàn Phi chết vì có tài bênh vực cho tổ quốc.

Tinh thần ái quốc của Hàn Phi thật đáng khen, chúng tôi đã có lần nói (trong *Chiến Quốc sách*) rằng quan niệm quốc gia của người Trung Hoa thời Xuân thu và Chiến quốc không như quan niệm của

chúng ta ngày nay. Thời đó tuy Trung Hoa chia làm nhiều nước, phong tục, ngôn ngữ, y phục một số nước ở phương Bắc (như Yên, Triệu) rất khác một số nước ở phương Nam (như Sở, Việt), một số nước ở phương Đông (như Tề, Lỗ) cũng rất khác một nước ở phương Tây (như Tần) nhưng hết thẩy đều tôn nhà Chu là thiên tử, tự mình cùng là chư hầu cả - ít nhất trên danh nghĩa và cho tới giữa đời Chiến quốc - vì vậy một triết gia hay một kẻ sĩ ở thời này, không được vua mình trọng dụng vẫn thường đi nước khác tìm một "minh quân" để thờ, coi mọi người trong "thiên hạ" là dân của nhà Chu[36] đều là anh em với nhau cả; Khổng Tử, Mạnh Tử, Tuân Tử... đều như vậy hết, nói gì tới Tô Tần, Trương Nghi, Thái Trạch...

Đọc *Hàn Phi tử*, chúng ta thấy Hàn có một lý tưởng rõ rệt: Giúp các ông vua làm cho nước phú cường lên mà hết loạn. Suốt đời ông hoài bão lý tưởng đó, nhiệt tâm với nó tới nỗi biết rằng mình nói ra không ai nghe, sẽ bị cô lập vì mình phải "chọi lại ý của chúa", chống lại bọn "bề tôi gian tà", "chỉ có một miệng mà muốn tranh với cả nước" (*Cô phẫn*); hơn nữa, có thể nguy tới tính mạng vì người ta có thể vu oan cho tội lỗi rồi dùng phép công để giết, nếu không thì sẽ tìm cách ám sát, nghĩa là có thể chịu cảnh của Ngô Khởi - tướng quốc của Sở Điệu vương - bị giết và chặt tay chân, hoặc cảnh Thương Ưởng - tướng quốc của Tần Hiếu công - bị xé xác, nhưng ông vẫn giữ lý tưởng, không sợ chết mà chỉ hận rằng không gặp được một bực vua

chúa biết nghe như Sở Điệu vương, như Tần Hiếu công để ông được chết như Ngô Khởi và Thương Ưởng sau khi làm sáng tỏ pháp luật và thuật của ông (Hòa Thị). Tác giả thiên *Vấn Điền* hiểu tâm sự đó của ông, nên đã cho ông trả lời Điền Khê công như trên chúng tôi đã tóm tắt.

Bây giờ xét lại đời ông, chúng ta thấy ông sinh vào khoảng -280 thì

- Năm đó tướng Tần là Bạch Khởi đánh Triệu,
- Năm -260 (Hàn Phi mới vào khoảng 20 tuổi), Bạch Khởi lại thắng Triệu, chôn sống 40 vạn quân Triệu đã đầu hàng.
- Bốn năm sau, năm -256, Tần vô Chu, Chu phải dâng hết đất cho Tần.

Vậy khi Hàn Phi dựng được học thuyết của ông về chính trị rồi (trên dưới 30 tuổi) thì ông tất thấy rõ rằng trong thất hùng, Tần mạnh nhất, chỉ có Tần mới thống nhất được Trung Quốc và thời cơ gấp lắm rồi, muốn thực hiện lý tưởng của ông thì phải về với Tần. Thời đó, như chúng tôi đã dẫn chứng, bỏ tổ quốc mà thờ nước khác là chuyện bình thường. Chính Lý Tư bạn học của ông, người nước Sở mà cũng thờ Tần, và chẳng ai trách cả. Vậy mà ông không bỏ Hàn qua Tần, mặc dầu ông không được trọng dụng ở Hàn, lại biết Hàn rất suy nhược - tới Triệu và Sở kia, lớn gấp mấy Hàn mà không chống nổi Tần - thì sớm muộn gì cũng bị Tần thôn tính. Ông trung với Hàn tới phút chót, tới khi vua Hàn phái ông qua Tần thuyết phục Tần đừng

diệt Hàn, ông vẫn làm tròn sứ mạng của ông, khiến Lý Tư phải nhận rằng lời văn, giọng biện thuyết của ông thật tài, có sức mê hoặc mạnh mẽ. Và chính vì vậy mà ông bị giết! Cho nên Vương Sung đời Hán tiếc rằng vua Hàn đã không nghe lời ông nên mới mất nước và gần đây Trần Khải Thiên bảo ông bị Lý Tư hại mà thực ra là ông hi sinh cho tổ quốc.

Thật chua xót cho ông. Thà gặp được một ông vua biết nghe mình, thực hiện một phần lý tưởng của mình rồi bị giết như Ngô Khởi, Thương Ưởng thì ông cũng cam tâm, đằng này, chỉ vì một ông vua tầm thường, không chịu nghe lời ông, ông phải chết oan uổng mà không ích gì cho tổ quốc cả: Ba năm sau khi ông mất, nước Hàn bị Tần tiêu diệt.

Lòng ái quốc của ông ngang với Khuất Nguyên mà còn có kẻ còn căn cứ vào bài biểu *Sơ kiến Tần* không một chút gì đáng tin để trách ông là rước voi về giày mồ nữa! Nhưng thốn tâm của ông đã được lưu lại thiên cổ trong hai thiên *Cô phẫn* và *Thuế nan* mà từ Tư Mã Thiên đến nay ai cũng nhận là bất hủ.

Lời này của ông ở cuối thiên *Nan ngôn*: "Dù *là hiền thánh cũng không tránh được chết chóc và lăng nhục (...) chỉ vì bọn ngu khó thuyết phục được*" là một lời chua xót hơn là một lời tự phụ.

NIÊN BIỂU HÀN PHI

Trước T.L	Kỷ nguyên Tần	Kỷ nguyên Hàn	BI CỐ V SỰ VI
	Hiếu công, Ý hầu		
359	3	12	Tầ dùng Thươn Ưởng biến pl
	Chiêu hầu		
351	11	8	Th Bất Hạ làm tư

			quốc c Hàn.
343	19	16	Tầ Hiếu Công bá.
338	24	21	Tầ Hiếu Công chết... Thươn Ưởng xé thây
	Huệ Văn Vương		
			Th Bất

337	1	22	(tướng quốc H chết.
	Chiêu Tương Vương, Vương		
290	17	6	Th Đáo vào khoảng này
280	27	16	Tư Tần Bạch Khởi đ Triệu. *Hàn sinh*

			khoảng *này.*
	Huệ Hoàn Vương		
266	41	7	Pha Tuy tể tư Tần - đánh Ngụy.
260	47	13	Tư Tần Bạch Khởi phá Tr ở Trư Bình, chôn s

			40 quân Triệu đầu hà
259	48	14	Tầ Thủy Hoàng sinh.
256	51	17	Nh Chu m Thái Trạch thay P Tuy tể tư nước T Tuân Khanh

			Tề qua làm L doãn Lan Lă
254	53	19	Cá nước cả Hàn triều p Tần. *I* *Phi và* *Tư* *Tuân* *Khanh* *chắc* *vào* *năm n*
	Trang Tương Vương		

249	1	24	Lã Vi làm tướng Tần.
247	3	26	Tầ đánh H Tín L Quân nước Ngụy quân nước đ bại T Lý Tư Tần đ Lã Bất dùng

			chức la *Hàn và Lý học T Khanh chắc trước năm n nghĩa trong khoảng 253 246.*
	Thủy Hoàng		
246	1	27	Lý làm c xá nhân
			Tầ

244	3	29	lấy thành Hàn.
239	8	34	*Hà Phi sách c vào khoản này.*
	Vương An		
238	9	1	*Hà Phi d biểu vua I có lẽ khoản*

237	10	2	*này.* *Vu* *Hàn* *Hàn* *tìm c* *làm* *Tần* *đi.*
235	12	4	Tần giúp N đánh S Lã Bất chết.
234	13	5	Tần đánh Triệu *Hàn*

			đi sứ T
233	14	6	Tầ chiếm được thành Triệu, Tư đi Hàn. *theo của Lý giữ Phi Hàn chết Vân Dương*
			Tầ đánh H

230	17	9	chiếm được đổi quận D Xuyên. Vua là Vư An bị Nước mất.

Xin lưu ý: - Những niên đại về Hàn trong bảng trên, chúng tôi không theo *Sı* mà theo Từ Hải.

CHƯƠNG II

TÁC PHẨM

1. Các bản từ trước đến nay

Theo niên biểu ở chương trên thì Hàn Phi bắt đầu viết sách vào khoảng năm thứ 8 đời Tần Thủy Hoàng và theo *Sử ký* thì năm, sáu năm sau khi Hàn Phi đi sứ Tần, cả Lý Tư và Tần Thủy Hoàng đều đã được đọc một phần tác phẩm của Hàn. Thời đó người làm sách và kẻ sao lại đều phải khắc chữ lên thẻ tre hoặc dùng que nhúng vào sơn rồi viết lên lụa. Vậy mà chỉ trong có mấy năm, tác phẩm của Hàn Phi đã

vượt biên giới Hàn và qua Tần, đủ biết nó nổi danh và phổ biến rất mau.

Sau khi Hàn Phi mất, Lý Tư và Tần Nhị thế Hoàng đế đều có dẫn lời trong sách của Hàn (coi thiên *Truyện Lý Tư* trong *Sử ký*).

Hơn 100 năm sau Tư Mã Thiên bảo tác phẩm của Hàn Phi gồm trên một vạn chữ và có những thiên *Cô phẫn*, *Ngũ đố*, *Nội, ngoại trừ*, *Thuyết Lâm*, *Thuế nan*, mà không cho biết trọn bộ có bao nhiêu thiên. Tới khoảng đầu kỉ nguyên tây lịch, Lưu Hướng là con của Lưu Hâm mới thu thập lại được 55 thiên, nhưng không chia thành quyển. Bản ngày nay chúng ta dùng có lẽ là bản đời Hán hay đời Lương đó.

Gần đây, nghe nói ở Trung Quốc, người ta khai quật được một bản trong

ngôi mộ đời Hán, không rõ bản này có khác nhiều không.

Từ đời Hán đến đời Tống, các bản sao hay khắc lại đều mang nhan đề là *Hàn Tử*. Bắt đầu từ đời Tống, mới có nhà gọi là *Hàn Phi tử* để phân biệt với bộ *Hàn tử* ghi chép tư tưởng của Hàn Dũ, được Nho gia tôn trọng gần ngang với Mạnh tử.

Tuy nhiên đời Tống và đời Minh vẫn có nhà dùng nhan đề cũ, qua đời Thanh, nhan đề *Hàn Phi tử* mới thật thông dụng.

Theo Trần Khải Thiên trong *Hàn Phi tử hiệu thích* (Trung Hoa tùng thư - 1958) thì từ thời Bắc Ngụy tới nay có ít nhất là 30 tác phẩm hiệu đính và chú thích *Hàn Phi tử*; mỗi thời tiến bộ hơn một chút, nhưng hiện nay vẫn còn ít chỗ sai hoặc thiếu.

Họ Trần khen bản *Hàn Phi tử tập giải* của Vương Tiên Thận (đời Thanh) là tập đại thành những bản hiệu thích của người trước, nhưng có chỗ còn sai sót.

Ông cũng có nhắc tới bản *Hàn Phi tử bổ tiên* của Cao Hanh, nhà này cũng có tiếng, cải chính được nhiều chỗ, phát minh được nghĩa mới, giúp cho ông nhiều, nhưng ông chỉ được đọc trên tạp chí *Văn Triết quí san*, quyển II, số 3 và 4 (1933) của trường Đại học Vũ Hán, không biết tới nay đã xuất bản chưa.

Ngoài ra hai bản:

- *Hàn Phi tập giải các (giác) chứng* của Vương Thúc Mãn (Dân)
- *Hàn Phi tử tập giải bổ chính* của Long Vũ Thuần cũng có chỗ dùng

được, nhưng cả hai cũng chỉ mới đăng trên tạp chí.

Chúng tôi chỉ kiếm được 3 bản chữ Hán:

- *Hàn Phi tử tập giải* của họ Vương: Bản này khắc từ năm Quang Tự thứ 22 (1896), không chấm câu, chú thích sơ sài, rất khó đọc.

- *Hàn Phi tử bạch thoại chú giải* của Diệp Ngọc Lân (Hoa Liên xuất bản xã - không đề in năm nào), chỉ tuyển 33 trong số 55 thiên. Chú thích sơ sài, chỉ được cái lợi là dịch ra bạch thoại, nhưng có nhiều chỗ dịch không chắc đã đúng.

- *Hàn Phi tử hiệu thích* của Trần Khải Thiên. Bản này quí nhất. Họ Trần đã bỏ ra hàng chục năm nghiên cứu *Hàn Phi*

tử, thu thập được nhiều bản cũ, tham khảo nhiều nhà, hiệu đính và chú thích lại rất kỹ, đưa ý kiến về vấn đề chân, ngụy của mỗi thiên, cuối bộ lại có phần tiểu sử Hàn Phi, tổng hợp tư tưởng Hàn Phi, sau cùng chép thêm cả những lời phê bình Hàn Phi từ đời Hán tới nay. Toàn bộ gồm trên một ngàn trang khổ lớn. Thật là một tác phẩm rất công phu (tuy hơi rườm) đã giúp chúng tôi được nhiều. Không nhờ một ông bạn - ông Tạ Trọng Hiệp - kiếm giùm cho bộ đó thì chưa chắc chúng tôi đã quyết tâm viết về Hàn Phi.

- Và một bản Việt dịch của Nguyễn Ngọc Huy (Lửa Thiêng xuất bản - 1974) gồm hai cuốn. Bản dịch này khá công phu, dùng được[37], căn cứ vào bản

Vương Tiên Thận và có lẽ một phần vào bản Trần Khải Thiên nữa. Ông Nguyễn chú thích kỹ, gồm các chú thích vào cuối mỗi cuốn và cuối bộ lại thêm một bản Mục lục các nhân danh và địa danh, với một bản Mục các đề tài.

Ngoài ra chúng tôi tham khảo thêm ba bộ dưới đây:

- *La Formation du Légisme* của Léon Vandermeersch (Ecole Française d'Extrême Orient - Paris 1965);

- *Trung Quốc chính trị tư tưởng sử* của Tiêu Công Quyền - (Trung Hoa Văn hóa xuất bản xã - Đài Bắc 1961);

- *Trung Quốc cổ đại chính trị gia* của Tần Cảnh Dương (Hoa Quốc xuất bản xã Hương Cảng - 1950)

- *Lịch sử tư tưởng chính trị Trung Quốc* của Lã Thiên Vũ - bản Việt dịch của Trần Văn Tân, xuất bản năm 1963 ở Hà Nội, không biết do nhà nào vì mất bìa.

2. Nội dung tác phẩm

Các bản *Hàn Phi tử* ngày nay đều theo đúng cách trình bày của người xưa, chia ra làm 20 quyển, 55 thiên. Sự sắp đặt các thiên khá tạp loạn, không hợp lý, không theo một quy tắc nào cả. Trần Khải Thiên có sáng kiến sắp đặt lại, chia thành 10 quyển theo quy tắc này: Những thiên nào quan trọng nhất như *Hiển học*, *Ngũ đố*, *Nạn thế*... đưa lên trên, những thiên kém quan trọng hoặc còn nghi là không phải của Hàn Phi viết thì đưa xuống dưới.

Ngay trong từng thiên, đôi khi nội dung cũng không được nhất trí, chẳng hạn thiên 42 *Vấn Điền* gồm hai đoạn không liên quan gì với nhau: Đoạn trên bàn về lẽ nên đề cử các quan văn cũng như võ từ chức thấp lần lần lên chức cao; đoạn dưới là lời Hàn Phi đáp Đường Khê công, đại ý rằng mình đặt ra pháp luật độ số để làm lợi cho dân, dù có bị hôn quân hãm hại cũng cam tâm. Thiên 18 *Nam diện* cũng vậy: Phần đầu nói về thuật dùng bề tôi, phần cuối bàn về lẽ không ngại sửa đổi pháp chế thời cổ.

Về nhan đề của mỗi thiên, đa số tóm tắt được nội dung của thiên, như *Cô phẫn*, *Thuế nan*, *Nhị bính*, *Bát gian*, *Bát kinh*, *Giải lão*, *Dụ lão*, *Hiển học, Ngũ đố*..., nhưng cũng có nhiều thiên chỉ dùng hai chữ trong câu đầu làm nhan đề, như thiên

Vấn Điền đã ghi ở trên. Thiên 52 *Nhân chủ* cũng vậy: Đoạn trên nói về thế, ý nghĩa giống thiên *Nhị bính*, đoạn dưới nói về sự thù ghét nhau giữa các kẻ sĩ giỏi pháp thuật và bọn quí tộc cầm quyền, ý nghĩa giống thiên *Cô phẫn*. Nhưng nhan đề là *Nhân chủ* tức hai chữ ở đầu thiên không liên quan một chút gì với nội dung cả. Những nhan đề như vậy có thể do người sau đặt, chứ không phải của Hàn.

Khuyết điểm thứ nhì là trong một thiên, sự trình bày có khi lỏng lẻo: Trên hô mà dưới không ứng như thế là thiếu, hoặc trên không hô mà dưới lại ứng, như vậy là thừa. Chẳng hạn trong thiên 33 *Ngoại trừ thuyết tả hạ*, có cố sự nêu ra trong phần Kinh mà không thấy giải thích trong phần Truyện; ngược lại trong phần Truyện có

những cố sự không liên quan gì tới phần Kinh.

Khuyết điểm thứ ba: Có nhiều ý lặp đi lặp lại một cách vô ích, chứng tỏ rằng Hàn Phi khi viết không bố cục trước, cứ thuận tay nghĩ tới đâu viết tới đó, hoặc có thể do nhiều người chứ không phải một mình Hàn Phi viết. Như thiên 52 *Nhân chủ* lặp lại những ý trong hai thiên 7 *Nhị bính* và 11 *Cô phẫn* nên bị nghi ngờ là của người đời sau ngụy tác. Hai thiên 12 *Thuế nan* và 3 *Nan ngôn* đều diễn tả nỗi khó khăn, nguy hiểm của bọn biện sĩ muốn thuyết phục các vua chúa. Cách dùng người và nhất là cách thưởng phạt được nhắc đi nhắc lại trong cả chục thiên.

Khuyết điểm thứ tư là tư tưởng có nhiều chỗ mâu thuẫn: Chẳng hạn các thiên

49- *Ngũ đố*, 46- *Lục phản*, 47- *Bát thuyết*, 30- *Nội, trừ thuyết thượng* chê nhân nghĩa; mà thiên 27- *Dụng nhân* lại có câu đề cao liêm sỉ, nhân nghĩa; thiên 51- *Trung hiếu* chê Nghiêu Thuấn không biết lễ vua tôi, mà thiên 25- *An nguy*, 26- *Thủ đạo* lại đề cao Nghiêu Thuấn; thiên 3- *Nan ngôn*, thiên 10- *Thập quá* khen Quan Long Phùng là người hiền, mà thiên 44- *Thuyết nghi* lại chê Quan là can gián mạnh bạo, muốn thắng vua, hăm chúa, chết là đáng; Ngũ Tử Tư cũng vậy, thiên 3- *Nan ngôn*, thiên 25- *An nguy*, thiên 26- *Thủ đạo* khen, mà thiên 44- *Thuyết nghi* lại chê.

Do 4 lẽ kể trên: Nội dung tạp loạn trình bày không kỹ, cách đặt nhan đề không nhất trí, nhiều ý lặp lại, một số tư tưởng mâu thuẫn; và cũng do lẽ lời văn có thiên già

dặn như *Thuế nan, Cô phẫn*, có thiên rất tầm thường như thiên *Nhân chủ*; đa số hoàn toàn là văn xuôi, một số ít lại dùng văn vần, số chữ mỗi vế cân nhau (thiên *Chủ đạo* và thiên *Dương giác*) nên học giả nào cũng nhận rằng *Hàn Phi tử* không phải hoàn toàn của Hàn Phi, mà có nhiều thiên do người sau ngụy tác thêm vào. Vì vậy trước khi nghiên cứu tư tưởng Hàn Phi, chúng ta cần xét thiên nào là chân, thiên nào là ngụy đã.

Công việc này rất khó. Chúng tôi đã tham khảo ý kiến của Trần Khải Thiên và Léon Vandermeersch và theo quy tắc, thiên nào nội dung trái với thuyết Hàn Phi thì có thể tin là ngụy mà gạt bỏ đi, thiên nào mà mọi nhà đều bảo là của Hàn Phi thì giữ lại; có những thiên nào tư tưởng hoặc

giọng văn còn có điều đáng ngờ thì tồn nghi.

Chúng ta đã có một bản dịch đầy đủ rồi - bản của ông Nguyễn Ngọc Huy - nên trong cuốn này, chúng ta chỉ dịch tất cả những thiên chắc chắn của Hàn và một số thiên nữa, tuy khả nghi nhưng chúng tôi cho là quan trọng thôi.

Để cho những độc giả nào không có bản dịch của ông Nguyễn Ngọc Huy cũng có được một khái niệm về nội dung toàn bộ, chúng tôi tóm tắt trong bản dưới đây ý chính của mỗi thiên và đưa thêm ít nhận xét về sự chân ngụy của từng thiên. Về số thứ tự các thiên, chúng tôi vẫn theo các bản cũ để độc giả dễ kiếm trong các bản chữ Hán.

Số	Nhan đề	Nội dung	Nhận xét
1	*Sơ kiến Tần*	Bài biểu Hàn Phi dâng vua Tần bảo có thể thôn tính thiên hạ, phá thế hợp tung của lục quốc (trong số đó có Hàn) mà thành bá, vì lục quốc kho lẫm rỗng mà quân lính sợ	Chắc chắn không phải của Hàn Phi vì nội dung trái với thiên 2. Dung Triệu Tổ và Trần Khải Thiên bảo là của

		chết. Tần đã mấy lần mất cơ hội làm bá vì thiếu bề tôi trung. Hàn Phi nguyện làm tôi trung của vua Tần.	Thái Trạch. *Chiến Quốc sách* chép là của Phạm Tuy (Tần 1.5)
2	*Tồn Hàn*	Bài biểu Hàn Phi dâng Tần Thủy Hoàng khi vâng lệnh vua Hàn qua	Có phần chắc chắn là của Hàn Phi, mặc dầu có

		thuyết phục vua Tần đừng đánh chiếm nước Hàn	người ngờ là của người sau chép.
3	*Nan ngôn*	Bài biểu của Hàn Phi dâng một ông vua (có người bảo là vua Hàn, có người bảo là vua Tần) vạch ra 12 lý do tại sao thuyết phục	Chắc chắn của Hàn Phi vì nội dung hợp với thiên *Thuế nan*

		vua chúa là việc đã khó lại nguy hiểm, và dẫn chứng trong sử đã có hơn 10 người bị cái họa vì nói thẳng.	mà ai cũng nhận là của Hàn.
4	*Ái*	Cái nguy của vua là bề tôi giàu quá, chư hầu lớn quá. Muốn chế ngự họ, vua phải	Tư tưởng rất hợp với Hàn Phi, nhưng lời

	thần	nhất thiết theo đúng pháp luật, phòng bị trước mà giữ cho họ ngay thẳng.	văn hơi khác cho nên còn ngờ.
5	*Chủ đạo*	Dùng thuyết vô vi của Lão, thuyết hình danh của Danh và thuyết thưởng phạt của Pháp. Vua phải hư tỉnh, giữ cho	Không phải của Hàn Phi, mà có lẽ của một Đạo gia. Văn có vần, giống văn *Hoài Nam tử*

		hình và danh hợp nhau, thưởng phạt cho đúng	(theo Lương Khải Siêu)
6	*Hữu độ*	Đại ý là vua phải dùng phép nước, chứ đừng theo ý mình. Dùng	Trong thiên có đoạn nhì và đoạn cuối hơn giống *Quản tử* mà Quản tử do người đời Chiến Quốc viết, đầu thời

phép thì bề tôi không lấn mình được.

Nhị bính là hai quyền bính của vua, tức thưởng và phạt.

Hán thêm thắt. Nên chưa quyết được là của Hàn hay không mặc dầu tư tưởng đều hợp với Hàn Phi.

Vì lời văn có chỗ khác với thiên chắc chắn

7	*Nhị bính*	Thưởng phạt thì danh phải hợp với hình, vua phải bỏ ham, ghét đi, đừng có tự ý.	của Hàn, nên còn phải tồn nghi, mặc dầu tư tưởng hợp với Hàn.
	Dương giác	Dương giác có nghĩa là đưa ra những cốt yếu (của việc trị nước). Đại ý như thiên *Chủ đạo*.	Văn cũng có

8	(Nhiều bản chép là Dương quyền, hai chữ quyền giác hơi giống nhau)	Bàn về thuật vua chế ngự bề tôi. Cũng theo Lão (vô vi), theo Danh (hình danh), theo Pháp (thưởng phạt). Đặc biệt có một đoạn về sự mâu thuẫn quyền lợi giữa vua tôi.	vần, cứ 4 chữ là một vế như thiên *Chủ đạo*, nên chắc chắn không phải của Hàn Phi.
			Có lẽ của Hàn

			Phi, chỉ hơi ngờ ngợ có đoạn nói về việc tiến cử kẻ hiền tài, không hợp với tư tưởng của Hàn Phi.
9	*Bát gian*	Xét tám lẽ bề tôi hóa gian; muốn đề phòng thì vua phải dùng thuật nào.	
	Thập	Dùng cố sự để chứng minh 10 cái lỗi của vua. Những cố sự đó cũng thấy chép	Tư tưởng có vẻ hợp với Hàn Phi.

10 *quá*	trong nhiều khác như *Quốc sách*, *Hoài Nam tử*, *Lữ giám*...	Bút pháp kém, lời rườm, nên rất đáng ngờ.
Cô	Kẻ sĩ giỏi pháp thuật và bọn quý tộc cầm quyền không thể cùng sống với nhau được. Tranh nhau với bọn quý tộc thì kẻ sĩ	Chắc chắn của Hàn Phi, viết hồi

11 *phẫn*	sẽ chết. Bọn quý tộc chuyên quyền che lấp nhà vua mà nước sẽ nguy. Cái lợi của chúng với của vua trái ngược nhau. Du thuyết là việc khó và nguy hiểm. Những trường hợp nguy vào	không được trọng dụng ở Hàn.

12	*Thuế nan*	thân. Chứng cớ trong lịch sử. Cần nhất là phải biết vua chúa thích cái gì, ghét cái gì mà đừng làm cho họ giận.	Chắc chắn của Hàn.
		Nội dung giống thiên *Cô phẫn*. Bọn sĩ đề cao pháp thuật cũng không được mà	

13	*Hoà thị*	còn nguy vào thân như người họ Hòa có ngọc bích dâng vua mà bị chặt chân, vì không ai biết là ngọc quí. Dẫn chứng Ngô Khởi và Thương Ưởng bị giết.	Chắc của Hàn. Tư tưởng hợp

			với Hàn Phi.
14	*Gian kiếp thí thần*	Bọn gian thần dùng thuật nào để lừa vua? Muốn ngừa họ thì phải giữ "quyền thế" và làm sáng tỏ pháp luật. Phải dùng nghiêm hình, đừng dùng nhân nghĩa.	Nhưng có một đoạn ở giữa nói về Xuân Thân Quân, Thương Ưởng, Ngô Khởi không có chút liên lạc gì với đoạn trên và đoạn dưới, nên ngờ là của

15	*Vong trưng*	Kể 47 điểm suy vong. Nhưng nếu biết dùng thuật và pháp thì vẫn có thể cứu được.	thiên *Hòa thị* đặt lầm vô đây. Tư tưởng hợp với Hàn, trừ điều 43, nói đến cái hiếu của vua chúa với cái hiếu của kẻ thất phu, thì giọng lại không phải của

Hàn, nên còn tồn nghi.

16	*Tam thủ*	Vua phải giữ ba điều: Đừng tiết lậu, đừng nghe lời khen chê kẻ khác, đừng giao quyền cho ai, để bề tôi khỏi cướp mất cái danh, công việc và	Không chắc của Hàn nhưng cũng không có xác chứng rằng không phải của Hàn.

		quyền hình phạt của mình.	
18	*Nam diện*	Thuật chế ngự bề tôi: Làm rõ pháp luật và xét xem lời nói của bề tôi có đúng với việc làm không.	Đoạn cuối không liên lạc với hai đoạn trên, vì xét về lẽ có thể thay đổi phép cổ. Có phần tin được của Hàn.

19	*Sức tà*	Giữ pháp thì mạnh; đừng tin dị đoan cứ thưởng phạt cho đúng, khuyến khích bề tôi bỏ tư tâm mà lo cho nghĩa công.	Đáng ngờ vì có đoạn khen tiên vương, không hợp với tư tưởng Hàn Phi; lại thêm đoạn nói về Tư Mã Tử Phản y hệt một đoạn ở thiên *Thập quá*. Không phải của

			Hàn Phi.
20	*Giải Lão*	Trích một số đoạn *Đạo Đức kinh* rồi giải thích. Tư tưởng hợp với Lão, trái hẳn với pháp.	Không phải của Hàn.
21	*Dụ Lão*	Lấy việc cũ để dẫn dụ cho dễ hiểu học thuyết Lão Tử. Xét chung thì tư tưởng hợp	Cũng không phải của Hàn.

	với Lão Tử, trừ một vài chỗ hơi hợp với Pháp gia.	
22 *Thuyết Lâm thượng*	Hàn Phi đọc nhiều sách, gồm trong thiên này và thiên sau một số cố sự cho biết thuật của người xưa; nhiều cố sự chép	Lương Khải Siêu bảo "hai thiên *Thuyết Lâm*" cơ hồ như là tài liệu Hàn Phi dự bị để viết các thiên Nội ngoại trừ

		trong *Chiến Quốc sách*.	thuyết ở sau. Chắc chắn của Hàn.
23	*Thuyết Lâm hạ*	(như trên)	(như trên)
24	*Quan hành*	Thiên này diễn hai ý: Bậc vua chúa phải dùng đạo mà sửa thân mình cho ngay; nhân cái thế mình có được mà tìm cái đạo	Tư tưởng của Đạo gia, không phải của Hàn Phi.

		dễ thi hành, như vậy ít tốn sức mà nhiều kết quả.	
25	*An nguy*	Có bảy thuật làm cho nước yên ổn và sáu con đường khiến cho nước nguy. Phải nghe can gián của bề tôi trung mặc dầu nó chối tai;	Đề cao Nghiêu, Thuấn, trái với tư tưởng Hàn Phi. Không phải của Hàn.

phải sửa mình như vua Nghiêu.

26	*Thủ đạo*	Phép giữ nước là thưởng cho hậu và phạt cho thật nghiêm.	Hợp với tư tưởng Hàn Phi, nhưng có câu khen vua Nghiêu sáng suốt, không để lọt kẻ gian, nên chắc của người sau bắt chước Hàn,

			không phải của Hàn.
27	*Dụng nhân*	Đại ý: Phép dùng người phải theo trời, thuận người và làm rõ việc thưởng phạt. Phải khuyến khích sự liêm sỉ, vời bậc nhân nghĩa tới giúp. Đừng đặt ra việc	Đề cao liêm sỉ, nhân nghĩa, không phải tư tưởng của Hàn.

		khó làm, thưởng kẻ dở, phạt kẻ không đáng phạt.	
28	*Công danh*	Xét về đạo lập công và thành danh; phải theo thiên thời, nhân tâm, dùng tài năng, dùng quyền thế, địa vị.	Thuyết theo thiên thời và nhân tâm (như thiên trên) không hợp với Pháp gia mà hợp với Đạo gia. Không

			phải của Hàn.
29	*Đại thể*	Nhân mệnh trời mà nắm cốt yếu của việc trị nước, khiến cho dân không mắc cái tội rồi (không theo) pháp luật, như cá mắc cái họa rời khỏi nước.	Mệnh trời đây là lẽ tự nhiên. Chủ trương theo tự nhiên này của Đạo gia, trái hẳn chủ trương của Pháp gia. Không phải của Hàn.

Thiên này và năm thiên sau đều gom góp các quy tắc, các cố sự về việc trị nước, để cho vua chúa dùng. Cả sáu thiên cùng theo một lối trình bày: Mới đầu đưa ra cái cương yếu làm quy tắc, gọi là

Có học giả cho phần kinh là của Hàn, phần truyện là của người sau; nhưng cũng có học giả cho rằng cả hai phần kinh và truyện đều của Hàn, chỉ những

30	*Nội trừ thuyết thượng*	phần kinh, sau dẫn những cố sự để giải thích phần kinh, gọi là phần truyện. Thiên này đưa ra bảy thuật về việc xem xét cho đủ, thưởng phạt cho nghiêm và minh, nghe hết lời bề tôi trình bày giả vờ	chỗ: “nhất viết”: (có thuyết khác bảo) mới là của người sau. Vậy ta có thể coi 6 thiên đại khái là của Hàn. Thiên nào cũng kết cấu chặt chẽ, có giá trị về luận thuyết, trừ

ra lệnh, tập hợp các nguồn tin, đổi lời, tráo việc để biết tình gian của bề tôi.	vài chỗ chép thiếu có trong truyện mà không có trong Kinh hoặc ngược lại.
Nhận định chung như trên. Thiên này nói về sáu điều bậc vua chúa phải dò xét: Quyền giao cho kẻ	Nhận

31	*Nội trừ thuyết hạ*	dưới, lợi của vua tôi khác nhau, kẻ dưới dựa vào sự dối trá, lợi hại đều có bề trái, địa vị không rõ ngoại quốc can thiệp vào việc nước mình. Đưa ra 6 thuật trị nước dùng người; xét xem hành	định chung như trên.

32	*Ngoại trừ thuyết tả, thượng*	động của bề tôi có hợp với lời nói hay không, xem lời có thực dụng không, đừng khen tiên vương, không tự làm thì dân không tin, đừng dùng kẻ sĩ bàn suông, phải giữ chữ tín, rồi mới hành pháp.	Nt

33	*Ngoại trừ thuyết tả, hạ*	Lại đưa ra 6 thuật nữa: Thưởng phạt cho đúng, trông cậy vào thế và thuật của mình, cứ theo khả năng mà dùng người, đừng cho bề tôi quá xa xỉ hoặc quá biển lận... Lại đưa ra 3 thuật	Nt

34	*Ngoại trừ thuyết hữu, thượng*	nữa: Bề tôi nào không cải hòa được thì giết đi, đừng để lộ sự thích và ghét của mình, người thân cũng theo pháp mà trị.	Nt
35	*Ngoại trừ thuyết*	Lại đưa ra 5 thuật nữa: Về sự thưởng phạt, đừng tin bọn biện sĩ, trị	Nt

	hữu, hạ	quan lại chứ không trị dân, tùy theo việc mà làm.	
36	*Nạn nhất*	Thiên này và ba thiên sau đều chỉ trích hành động của một số nhà cầm quyền và học giả thời xưa, như Khổng Tử, Quản Trọng, Tề Hoàn	Chắc chắn của Hàn Phi.

Công, Án tử, Tử Sản.v.v. Để làm rõ chủ trương của Pháp gia.

Nhận định chung như thiên trên. Đại ý: Hình phạt mà xứng với tội thì không ngại nhiều, không xứng đáng với tội thì mới là nhiều; đừng

Duy có đoạn 3 có câu "theo đạo thì nên vô vi, đừng

37 *Nạn nhị*

nên nhân từ, phải dùng hình danh thống nhất, sự đo lường để làm tiêu chuẩn; thu được nhiều hóa vật vị tất đã là tốt. Nhận định chung như thiên 36. Đại ý: Phải phạt kẻ giấu cái ác, thưởng kẻ tố cáo bọn	cho thấy” cơ hồ hợp với đạo gia hơn là pháp gia.

38	*Nạn tam*	gian tà, đừng nghe lời giả dối của bề tôi, đừng cho bề tôi lấn vua, phi tần lấn Hoàng hậu, con thứ lấn con cả, pháp phải ban bố rõ ràng, thuật thì đừng nên cho người ta biết...	Chắc chắn của Hàn Phi.

Nhận

		định chung như thiên 36. Đại ý: Vua giữa phận vua, bề tôi giữ phận bề tôi; vua nên nghiêm khắc mà sáng suốt; giận và ghét phải đúng lúc...	
39	*Nạn tứ*		Nt
40	*Nạn thế*	Phê bình và bổ túc thuyết giữ "thế" (tức chủ quyền) của Thận	Nt

		Đáo.	
41	*Vấn biện*	Thiên này dùng để vấn đáp, khác hẳn các thiên trên. Hàn Phi ghét không khí tranh biện thời Chiến Quốc. Hàn tìm cách ngăn sự tranh biện: Vua cứ coi hành vi của bề tôi xem	Chắc chắn của Hàn Phi.

có công dụng không, ngôn hành phải có ích mới được; hễ bàn bạc mà không hợp với pháp lệnh thì trị tội.

Thiên này gồm hai đoạn không liên lạc gì với nhau. Đoạn trên diễn ý: Đoạn

42	*Vấn Điền*	Dùng người thì đừng đề cử ngay lên một chức cao, để cho người đó tiến lần lần từng cấp. - Đoạn dưới bảo Hàn Phi định pháp thuật để làm lợi cho dân, dù có bị tội cũng không ân hận.	dưới nhất định không phải của Hàn Phi, mà do người sau viết. Do đó đoạn trên cũng đáng ngờ.
		Hàn Phi	

43	*Định pháp*	phê bình Thân Bất Hại về "thuật" và Thương Ưởng về "pháp", bảo phải dùng cả hai thuyết đó, thiếu một không được. Xét về thuật dùng bề tôi. Phải cấm bề tôi có lòng	Có phần chắc chắn là của Hàn Phi.

44	*Thuyết nghĩ*	gian, có lời gian, có hành vi gian. Năm hạng người không dùng được. Nên cấm 5 cái gian, phá 4 cái tương tự như nhau so sánh với nhau, chống đối nhau (con vợ lẽ với con đích, thiếp	Thể văn có vẻ như luận thuyết lại có vẻ như một bài biểu, nên còn tồn nghi.

với thê, bề tôi với tướng quốc, bề tôi được vua yêu với vua), đừng để sinh loạn.

Ba đạo trị nước là lợi, uy và danh. Vậy mà người đương thời lại trọng những kẻ trái với đạo trị nước như cao, hiền,

45	*Nguỵ sử*	trung, liệt, dũng mà khinh hạng người làm lợi cho nước. Cho nên cách thưởng phạt cũng ngược đời hết. Nguyên tắc là phải đặt ra pháp lệnh, để bỏ cái riêng tư. Sáu hạng người	Chắc chắn của Hàn Phi.

46 *Lục phản*

đáng phạt mà dân lại khen (là môn đồ Lão, Nho, Âm dương gia, Danh, Mặc...) ngược lại sáu hạng người đáng thưởng thì bị chê. Ai cũng tham lợi, cha con cũng chỉ nghĩ tới tư lợi. Cho nên

Chắc chắn của Hàn Phi.

phải dùng hình pháp cho nghiêm, phải xét hành vi và lời nói phù hợp nhau không.

47 *Bát thuyết*

Tám hạng người không nên dùng. Dùng người phải có thuật nghe bề tôi tố cáo lẫn nhau. Lập pháp phải theo thời

Cũng có phần chắc là của Hàn Phi., nhưng nội

		theo việc. Thời đó không dùng nhân ái được. Đừng cho sủng thần ra lệnh.	dung thiên này hỗn tạp.
48	*Bát kinh*	Tám thuật trị nước: Thưởng phạt, nghe ý của mọi người, phòng gian, cách xét bề tôi, phải bí	Nội dung hợp với thuyết của Hàn Phi, nhưng hình như nguyên văn thiếu sót người sau thêm

		mật... Năm hạng mọt dân: Nho gia, biện sĩ, hiệp sĩ, bọn thị thần, bọn công và thương.	vào, nên khó hiểu.
49	*Ngũ đố*	Quan trọng nhất là lịch sử quan của Hàn Phi: Thời dị tắc sự dị, sự dị tắc biến, và chủ trương: Dĩ pháp vi	Chắc chắn của Hàn Phi. Lý Tư từng dùng ý trong thiên này.

giáo, dĩ lại vi sư.

50	*Hiển học*	Đả đảo các thuyết nổi danh, có thế lực đương thời: Khổng và Mặc, Nho và hiệp sĩ (Mặc gia) không cày ruộng, không đánh giặc, vô dụng. Đạo Nho vu	Nt

		khoát, không cần dùng nhân nghĩa, chỉ cần sức mạnh.	
51	*Trung hiếu*	Ý chính là trọng pháp chứ không trọng hiền. Đả Nghiêu, Thuấn, Thang, Vũ là bất trung bất hiếu (trung, hiếu theo quan niệm Pháp	Nội dung tạp: Đoạn cuối đả bọn Tung hoành gia, không liên lạc với các đoạn trên. Chắc chắn là của Hàn.

		gia).	
52	*Nhân chủ*	Ý như hai thiên *Nhị bính* và *Cô phẫn*: Bề tôi mà có thế mạnh hơn vua thì nguy cho vua; bọn sĩ đề cao pháp luật là kẻ thù của bọn quý tộc cầm quyền thời đó.	Lời văn kém. Chắc là người sau viết thêm.
			Ý và

53	*Sức lệnh* (Chỉnh lý hiệu lệnh cho nghiêm chỉnh)	Cũng lại xét về cách thưởng phạt: Hình phải nghiêm, thưởng nên ít; có chiến công mới cho quan tước.	lời nhiều chỗ giống *Thương quân thư* (tương truyền của Thương Ưởng nhưng không chắc Thương Ưởng viết); vì vậy còn ngờ, không biết của ai,

sách nào chép của sách nào.

54 *Tâm độ*

Tâm đây là lòng dân. Lòng dân thích loạn; ghét khó nhọc nên thưởng phải sáng suốt, hình phải nghiêm. Vua phải ngăn kẻ địch bên ngoài, chặn tư tâm tư ý của bề tôi

Ý thì giống Hàn Phi mà lời thì khác. Nên còn tồn nghi.

		bên trong, chỉ trông cậy nơi mình thôi.	
55	*Chế phân*	Bàn về pháp chế định thưởng phạt, và phân biệt công với tội. Hình, thưởng nên nặng và phân minh. Bắt dân phải cáo gian, liên đới chịu	Nt

trách nhiệm. Không được bỏ pháp luật mà dùng trí tuệ.

PHẦN III

HỌC THUYẾT HÀN PHI

CHƯƠNG I

LỊCH SỬ QUAN

Trừ Khổng Tử[38], không triết gia nào không bất mãn về xã hội thời Đông Chu, nhà nào cũng đưa ra một biện pháp để cứu thế. Đại khái có hai phái: Phái quý tộc suy vi không muốn đổi mới, phái tân địa chủ

muốn đổi mới.

Trong phái trên, Lão tử chủ trương hoàn toàn thoái hóa, trở về chế độ bộ lạc thời nguyên thủy. Nòng cốt tư tưởng về chính trị (mà cũng về nhân sinh nữa) của ông ở trong câu: "phản giả đạo chi động" (*Đạo đức kinh* - chương 40).

Chữ "phản" đó có thể hiểu theo hai nghĩa:

- Nghĩa thứ nhất là tuần hoàn, hết một vòng rồi lại trở về, như trăng tròn rồi lại khuyết, mặt trời lên tới đỉnh rồi lại xuống, triều dâng rồi rút, hết đông rồi sang xuân, tóm lại là "vật cùng tắc biến, vật cực tắc phản".
- Nghĩa thứ nhì là trở về cái gốc, tức cái tự nhiên như "vô". Vì theo

ông, vạn vật từ cái hữu mà ra, cái "hữu" lại từ cái "vô" mà ra.

Vì vậy, ông cho rằng trị nước tốt nhất là "vô vi", mà lý tưởng là một nước nhỏ, dân ít mà không đi đâu xa. Có xe thuyền mà không ngồi, có gươm giáo mà không bày. Bỏ hết văn tự, dùng lối thắt dây (kết thằng) đời thượng cổ; ai nấy chỉ ăn no, mặc ấm, ở yên ổn; đến chết cũng không qua lại các nước láng giềng. Nhà cầm quyền không can thiệp đến đời sống của nhân dân để dân sống theo tự nhiên. (Xem *Đại cương triết học Trung Quốc* của chúng tôi, quyển hạ, trang 690, 691- Cảo thơm - Sài Gòn, 1996).

Khổng Tử muốn duy trì chế độ phong kiến, nhưng nghĩ rằng phải tùy thời biến dịch, cho nên tuy ông "tổ thuật Nghiêu

Thuấn, hiến chương Văn Võ”[39] (bắt chước vua Văn, vua Võ nhà Chu), khen tổ chức nhà Chu là rực rỡ, đáng theo (Chu giám ư nhị đại, úc úc[40] hồ văn tai! Ngô tòng Chu: Nhà Chu noi theo hai nhà Thương và Hạ mà định lễ tiết, rực rỡ, đẹp đẽ thay, cho nên ta theo lễ tiết nhà Chu - *Bát dật* - 14) mà cũng có tinh thần cải cách cho hợp thời:

1) Đưa ra chủ trương chính danh - phải có tư cách ông vua thì mới đáng gọi là vua - viết sách *Xuân Thu* để “chính danh tự, định danh phận, ngu bao biếm”.

2) Bảo vua phải vậy mới gọi là cha mẹ dân được (dân chi sở hiếu, hiếu chi, dân chi sở ố, ố chi, thử chi

vị dân chi phụ mẫu - *Đại học*), và kẻ cai trị dân mà dùng chính hà khắc thì còn gớm hơn cọp (*Lễ Kí*).

Trên một thế kỷ sau, xã hội loạn hơn, bọn quý tộc suy hơn, bọn tân địa chủ lớn mạnh, Mạnh tử đứng về phía bọn tân địa chủ, có tư tưởng tiến bộ hơn, cơ hồ không tin cậy gì ở nhà Chu nữa, muốn ủng hộ bất kì một ông vua Chư hầu nào chịu thi hành nhân chính để thay thế nhà Chu. Ông quí dân hơn Khổng tử, bảo: "dân vi quí, xã tắc thứ chi, quân vi khinh", lớn tiếng mạt sát những ông vua tàn bạo ham giết người, xa xỉ, để cho dân đói, bảo Trụ là tên thất phu, giết Trụ là giết một tên thất phu chứ không phải thí quân, mắng Lương Huệ vương là "cho loài thú ăn thịt dân"; có lần còn dọa Tề Tuyên vương là coi chừng kẻo bị truất

ngôi, khiến cho Tuyên vương biến sắc (Vạn Chương hạ - 9). Ông cho bề tôi có quyền coi vua là giặc: "Vua xem bề tôi như chó như ngựa thì bề tôi xem vua như người lạ trong nước, vua xem bề tôi như đất như cỏ thì bề tôi xem vua như giặc như thù[41]" (Quân chi thị thần như khuyển như mã, tắc thần thị quân như quốc nhân; quân chi thị thần như thổ giới, tắc thần thị quân như khấu thù - Li Lâu hạ)[42].

Mạnh còn sáng kiến đưa ra thuyết "nhất trị nhất loạn"[43] trong lịch sử: Thiên Đằng Văn công hạ, bài 9, ông bảo một môn đệ là "đương thời vua Nghiêu, các dòng bị ngăn nên chảy nghịch, nước ngập tràn cõi Trung Quốc. Các giống rắn rồng ở lẫn lộn

với người trên mặt đất, dân không có nơi ở yên. Kẻ ở dưới thấp phải làm chòi mà ở, kẻ trên hang phải đào hang mà trú. *Kinh Thư* chép: "Nước tràn ta nên phòng bị. Nước tràn bờ là nạn lụt (hồng thủy) đấy".

Đó là một thời loạn.

"Vua Thuấn sai ông Vũ trị thủy. Ông Vũ đào vét những chỗ bế tắc cho nước chảy ra biển. Ông đuổi rắn rồng ra nơi đồng xa cỏ rậm. Các dòng nước mới theo chiều đất mà chảy, đó là mấy sông Giang, Hoài, Hà, Hán. Những cái ngăn trở sông rạch đã dẹp xong, loài chim loài thú hại người đều bị tiêu diệt, từ đó nhân dân mới được đất bằng mà ở". Đó là thời trị.

"Vua Nghiêu vua Thuấn đã mất, đạo trị quốc của hai ông thánh đó mỗi ngày một suy. Những ông vua bạo ngược nối nhau

mà ngất ngưởng trên ngai; họ phá cung tường, nhà cửa bách tính để đào ao xây hồ, dân chúng chẳng có chỗ an nghỉ. Họ lấy ruộng đất của bách tính làm vườn bách thảo, bách thú, khiến cho dân thiếu ăn thiếu mặc. Lại thêm những tà thuyết bạo hạnh nổi lên. Vườn bách thảo bách thú, ao hồ, bái (hồ trồng hoa), đầm ngày càng nhiều thì các chim và thú quí tụ càng đông. Tới đời vua Trụ loạn cực điểm". Đó lại là một thời loạn nữa.

"Bấy giờ, ông Chu công giúp ông Võ vương, giết vua Trụ, phạt nước Yên, ba năm mới giết được vua nước Yên, đuổi Phi Liêm (kẻ sủng ái của vua Trụ) ra tận góc biển mà giết. Năm chục vua chư hầu (theo nhà Thương, tức theo vua Trụ) bị Võ vương tiêu diệt hết. Những đoàn thú như

cọp, beo, tê, voi (vua Trụ nuôi), ông thả ra và đuổi đi xa. Thiên hạ rất mừng rỡ". Đó là một thời trị nữa.

"Rồi đời càng suy, đạo càng kém, những tà thuyết, bạo hạnh lại nổi lên, có kẻ bề tôi giết vua, có kẻ làm con giết cha". Đó lại là một thời loạn nữa. Khổng tử sợ, mới soạn bộ *Xuân Thu*, chép hành vi các vua để răn đời" (...).

"Ngày nay bậc thánh vương không ra đời, các vua chư hầu thì luông tuồng, mà hạng xử sĩ thì bàn ngang luận càn, học thuyết của Dương Chu và Mặc Địch lan tràn thiên hạ, khi bàn bạc người nào không theo Dương thì theo Mặc. Dương chỉ biết có mình, như vậy là không có vua; Mặc thương tất cả mọi người (như nhau), như vậy là không có cha. Không vua, không

cha, tức là cầm thú". Loạn cực rồi. Mạnh tử còn bảo cứ 500 năm lại một thời thịnh, rồi lấy sử ra để chứng thực:

- Từ vua Nghiêu, vua Thuấn đến vua Thang là trên 500 năm (1);

- Từ vua Thang đến Văn vương là trên 500 năm (2)

- Từ Văn vương đến Khổng tử là trên 500 năm nữa (3)[44].

(Tận tâm hạ - 38)

Ông biết rằng từ Khổng tử đến ông mới được trên trăm năm, nhưng lại không tính theo từ Khổng tử, mà từ vua Thang đến ông được non 1500 năm (sự thực cũng gần đúng), nên ông hi vọng đã đến một thời thịnh, ông có thể nối nghiệp của Khổng tử được. Ông đã thất vọng: Thuyết nhất thịnh

nhất suy đúng (có bao giờ một triều đại, một dân tộc thịnh hoài được đâu) nhưng cái luật 500 năm của ông sai (từ Văn vương đến Khổng tử là 634 năm) mà ông chết rồi (năm -289), Trung Quốc còn tiếp tục loạn thêm 68 năm nữa, đến năm -221, Tần Thủy Hoàng mới diệt hết lục quốc, thống nhất được toàn cõi. Thực ra suốt triều Tần, Trung Hoa cũng không thể coi là trị được, phải đợi đến năm -206, Hán Cao Tổ lên ngôi, mới bắt đầu một thời bình trị, vậy là từ khi Võ vương chết phải đợi 909 năm sau mới có một thời trị (-1115 đến -206) chứ không phải 500 năm.

Đưa ra thuyết nhất trị nhất loạn đó là Mạnh tử đã trình bày một lịch sử quan rồi. Trước thế kỉ thứ 4 trước T.L, ở Trung Quốc chưa xuất hiện một lịch sử quan nào

cả; từ thế kỉ đó nối tiếp nhau, chúng ta có tới ba lịch sử quan: của Mạnh tử, của Trâu Diễn và của Thương Ưởng.

Trâu Diễn (-340 - -260) sinh sau Mạnh tử, thuộc phái Âm dương, cũng chủ trương thịnh suy hữu thời, nhưng thuyết của ông rất kì cục, dùng ngũ hành - ông gọi là ngũ đức - để giảng lịch sử. Theo ông thì "ngũ đức chuyển di, trị các hữu nghi". Ngũ hành thay phiên nhau: Thổ rồi tới mộc, mộc rồi tới kim, kim rồi tới hỏa, hỏa rồi tới thủy, hết thủy rồi lại trở về thổ; cứ mỗi hành thịnh cực rồi lại suy và cái hành khắc nó lên thay nó (mộc khắc thổ, kim lại khắc mộc, hỏa lại khắc kim, thủy lại khắc hỏa, thổ lại khắc thủy), như vậy là "ngũ đức chuyển di", và người trị dân, cầm quyền trong nước phải hành động hợp với hành

nào đang thịnh ở thời mình, như vậy là "trị các hữu nghi". Khi một thời đại nào suy đến cùng cực, thời đại khác sắp dấy lên thì trời có điềm báo cho dân biết.

Thời Hoàng đế, hiện ra điềm ở các loài côn trùng vàng. Màu vàng là màu của thổ. Hoàng đế biết là khi thổ mạnh, cho nên ông chuộng màu vàng, và công việc chú trọng vào đất. Tới thời vua Vũ (nhà Hạ) có điềm cây cỏ mùa đông, mùa thu không tàn lụi, ông biết là khi mộc mạnh, nên chuộng màu xanh (màu của mộc) và công việc chú trọng vào cây cối. Qua đời vua Thang (nhà Thương) có điềm các loài kim thuộc sinh ra ở chất nước (?), ông biết là khí kim mạnh, nên chuộng màu trắng (màu của kim), và công việc làm theo tính chất của kim (?). Đến đời Văn vương (nhà Chu), có

điềm con quạ đỏ ngậm sách vàng trên nền thờ nhà Chu, ông biết là khi hỏa thịnh nên chuộng màu đỏ và công việc làm theo tính chất hành hỏa. Thay thế hành hỏa tất sức là hành thủy, tất cũng sẽ có điềm khi thủy mạnh, và ông vua thời sau sẽ chuộng màu đen (màu của thủy), công việc là sẽ theo tình chất hành thủy. Tới khi hành thủy suy cực rồi, sẽ trở về hành thổ. Các thời đại trong lịch sử cứ nối tiếp nhau, thay nhau theo luật ngũ hành đó, hết một vòng rồi trở về thổ là nguyên thủy, hơi giống thuyết "phản giả đạo chi động" của Lão tử.

Nhưng thuyết của Lão tử hợp với thiên nhiên, còn thuyết của Trâu Diễn có tính cách thần bí, phản khoa học mà cũng không thể chứng minh bằng lịch[45] được. Thời

vua Thang có thật chuộng màu trắng không, mà công việc làm tính chất hành kim là như thế nào? Và kim thuộc sinh ra ở chất nước là kim thuộc nào? Truyện con quạ đỏ ngậm sách vàng đậu trên nền thờ nhà Chu là truyện hoang đường, và chúng ta cũng không hiểu công việc làm tính chất hành hỏa là làm sao?

Tuy nhiên tư tưởng của Trâu Diễn cũng có điểm đúng: Ông nhận ra rằng lịch sử luôn luôn biến động, theo những mâu thuẫn bên ngoài (mâu thuẫn đó ông gọi là sự xung khắc của ngũ hành); và mỗi thời có một chế độ, văn hóa riêng (ông gọi là công việc làm theo tính chất của mỗi hành); cái gì không hợp thời đều phải bỏ, đời sau không nên theo chính sách của đời trước. Ông bảo:

"Chính trị, giáo dục, văn hóa, nghi thức cụ thể là những cái để bổ cứu cho thời đạo. Hợp thời thì dùng, lỗi thời thì bỏ, (thời thế) có thay đổi thì thay đổi. Cho nên người cố chấp mà không biến đổi thì chưa thấy việc chính trị được đạt đến hết mức vậy" (Theo sách *Hán thư*, chương Nghiêm An truyện - do Lã Chấn Vũ trích trong sách đã dẫn - trang 190).



Lịch sử quan thứ ba của Thương Ưởng. Thương lớn tuổi hơn Mạnh. Theo Hàn Phi thì ở thời ông nhiều người còn giữ bộ *"Thương Quân thư"*. Bộ đó có thể không phải của Thương Ưởng viết, và cũng như bộ *Quản tử*, do người đời sau ngụy tạo, vậy không đáng tin hẳn. Nhưng các học giả gần đây như Phùng Hữu Lan, Tần Khải

Thiên, Lã Chấn Vũ... đều cho rằng Thương Ưởng có thuyết "tam thế", nên dưới đây chúng tôi cũng dẫn một đoạn trong chương *Khai tắc* về thuyết đó:

"Có trời đất lập ra rồi mới có dân, thời bấy giờ dân biết mẹ mà không biết cha; đạo lý của họ là thân cận với người thân thuộc và yêu cái riêng tư (...). Người thì đông mà ai cũng lo cho cái riêng tư, không biết đến ai thì sẽ gây ra loạn. Ở thời ấy dân chỉ nhằm lợi cho mình và dùng sức mà đè nén nhau. Muốn có lợi cho mình thì phải đè nén nhau; tranh giành nhau thì phải kiện tụng nhau; kiện và mất lòng ngay thẳng thì sẽ không còn là bản tính của mình. Cho nên khi người hiền đặt ra lẽ công bằng và đạo vô tư thì dân lại dần dần yêu thích đạo nhân. Và lúc bấy giờ người

ta đã bỏ việc thân yêu người thân thuộc, mà tôn quý người hiền và lập họ lên (...). Đông người mà không có chế độ nhất định (...) thì sẽ có loạn, cho nên bậc thánh nhân nhận thấy điều đó mới có sự phân biệt ruộng đất, tài sản và nam nữ. Phân biệt như vậy mà không có chế độ để giữ gìn thì không được, cho nên đặt ra pháp lệnh cấm. Đặt ra pháp lệnh mà không có người thi hành bảo vệ thì không được, cho nên phải đặt ra quan. Có các quan rồi mà không có người thống nhất lại một khối thì không được, cho nên lập ra vua. Đã lập ra vua thì phải bỏ lệ tôn quý và lập người hiền, mà lại quý trọng người sang mà lập họ lên. Như vậy là thời thượng cổ thì thân yêu người thân thuộc và quý chuộng cái riêng tư, thời trung thế thì yêu quý người hiền và

yêu thích đạo nhân, thời hạ thế thì quý người sang và tôn trọng các quan. Tôn quý người hiền là lấy việc giúp đỡ nhau làm đạo; mà lập ra vua là khiến cho người hiền thành vô dụng; thân yêu người thân thuộc là lấy cái riêng tư làm đạo lý; mà lập ra đạo công thì làm cho cái riêng tư không thực hành được. Ba điều đó không phải là trái ngược nhau nhưng khi đạo trong dân xấu nát thì phải đổi đi" (Lã Chấn Vũ trích trong sách đã dẫn, trang 193-194).

Thời mà Thương Ưởng gọi là "thượng thế" tức là thời nguyên thủy, thời xã hội gồm những bộ lạc mà gia đình theo chế độ mẫu hệ. "Trung thế" là thời theo chủ nghĩa nhân trị, tức như nhà Nho gọi là thời Nghiêu, Thuấn. Còn "hạ thế" là thời "quan trị", tức "pháp trị", thời của Thương

Ưởng. Thuyết đó chưa phát hiện được quy luật của lịch sử; mà quan niệm thành lập vua, quan của ông cũng không đúng: Các nhà xã hội học ngày nay cho rằng chiến tranh giữa các bộ lạc tạo nên quốc vương và quốc gia. (Xem *Nguồn gốc văn minh* - Chương III, tiết I, Nguồn gốc quốc gia của Will Durant - bản dịch của tôi, nhà Phục Hưng 1974). Tuy nhiên lịch sử quan đó với hai lịch sử quan trên của Mạnh tử và Trâu Diễn tiến bộ hơn cả: Không có chút gì thần bí, mà có tính chất tất nhiên; không có thời nào tốt đẹp hơn thời nào, không có một hoàng kim thời đại trong dĩ vãng như Lão, Khổng tin tưởng vì theo ông, thân yêu người thân, theo cái riêng tư, hay tôn quí người hiền mà giúp đỡ lẫn nhau, hoặc lập ra vua quan, theo đạo công, ba cái đó,

"không trái ngược nhau" - ông muốn nói là đều theo luật tự nhiên cả, đều là hợp với mỗi thời cả, không thể gọi là tốt hay xấu được, hễ việc đời biến đổi thì việc hành đạo cũng phải khác.

Cho nên ông bảo: "Phải tùy thời đại mà định chế độ, mỗi cái đều phải thuận theo hoàn cảnh của nó".

Trong phần I chúng tôi đã dẫn lời ông đáp Tần Hiếu công: "Thời tam đại (Hạ, Thương, Chu) lễ không giống nhau mà đều làm được vương nghiệp; các ông bá pháp luật không giống mà đều lập được bá nghiệp (...). Vua Thang, vua Vũ không theo cổ mà làm bậc vương, Hạ và Ân có thời theo cổ mà mất nước. Vậy làm khác thời trước chưa hẳn là đáng chê mà theo thời cổ cũng chưa hẳn là đáng khen". Quy tắc

là phải theo thời và hợp lý.

"Lễ độ và pháp luật phải theo thời mà qui định; chế độ và pháp luật phải thuận theo lẽ phải mà thích nghi với hoàn cảnh; quân đội, võ khí, các đồ dùng đều phải thuận tiện cho việc sử dụng".

^¤^

Nếu những đoạn chúng tôi mới dẫn đó thực là tư tưởng của Thương Uởng (do người đời sau chép lại) thì Hàn Phi đã chịu ảnh hưởng rất lớn của ông.

Hàn cũng đưa ra thuyết "tam thế". Thiên *Bát thuyết* ông viết: "Người đời (thượng) cổ gấp lo về đức hạnh, người đời Trung cổ ganh nhau về trí, người đời nay tranh nhau về sức mạnh. (Cổ nhân cứu đức, trung thệ trục ư trí, đương kim tranh ư

lực). Thời thượng cổ ít việc mà dùng thiết bị đơn giản, chất phác, thô lậu mà không tinh, cho nên mài vỏ trai lớn để dẫy cỏ, dùng xe bánh không có tay hoa. Thời thượng cổ ít người mà thân nhau, tài vật nhiều nên người ta khinh cái lợi và dễ nhường nhau, do đó mới có việc vái nhau mà nhường thiên hạ (ám chỉ việc Nghiêu, Thuấn nhường ngôi).

Thời thượng cổ theo Hàn là thời Nghiêu, Thuấn, Thang, Vũ, thời trung cổ là thời Xuân Thu, còn thời "đương kim" là thời Chiến Quốc. Chúng ta nhận thấy Thương Ưởng bảo "thời thượng cổ thì thân yêu người thân", mà Hàn Phi cũng nói "thời thượng cổ ít người mà thân nhau". Nhưng thuyết tam thế của Hàn Phi không tinh vi bằng thuyết của Thương Ưởng.

Lại thêm sự phân chia ra thượng cổ, trung cổ, hiện kim của Hàn cũng không nhất trí. Đầu thiên *Ngũ đố*, ông cho thời thượng cổ là thời Hữu Sào, Toại Nhân, tức thời loài người còn ăn lông ở lỗ; thời trung cổ là thời ông Vũ trị thủy (tức thời mà trong thiên *Bát thuyết* ông gọi là thời thượng cổ); thời cận cổ là thời ông Thang nhà Thương và ông Võ Vương nhà Chu:

"Đời thượng cổ nhân dân ít mà cầm thú nhiều, nhân dân không thắng nổi cầm thú, trùng rắn. Sau đó thánh nhân ra đời, kết cành làm ổ (trên cây) để các loài đó khỏi xâm hại, nhân dân mừng, tôn làm vua thiên hạ - (quan niệm về sự lập vua này cũng khác của Thương Ưởng) - gọi là họ Hữu Sào (có ổ). Nhân dân ăn trái cây, rau cỏ, trai hến, tanh tao hôi hám hại ruột, bao tử,

nhiều người đau ốm. Sau các thánh nhân ra đời, dùng cái "toại" dùi cây khô để lấy lửa, nướng các thức ăn cho hết tanh tao, nhân dân mừng, tôn làm vua thiên hạ, gọi là họ "Toại nhân". Thời trung cổ, thiên hạ bị lụt lớn, ông Côn và ông Vũ (người sáng lập ra nhà Hạ), khơi ngòi (cho nước rút). Đời cận cổ, Kiệt Trụ bạo loạn, ông Thang, ông Võ Vương chinh phạt họ" (*Ngũ đố*).

Chắc hai thiên *Bát thuyết* và *Ngũ đố* viết cách nhau khá xa và Hàn Phi không coi lại, nhưng điểm đó không quan trọng. Chúng tôi chỉ nhấn vào chỗ ông chủ trương phải biến cổ và dùng sức mạnh, ở đây chúng tôi xem xét điểm thứ nhất: Biến cổ, trong một chương sau chúng tôi sẽ xét triết lý sức mạnh (làm cho quốc gia phú cường) của ông.

Cũng như Thương Ưởng, ông bảo thời đại đã khác thì việc cũng phải khác (thế dị tắc sự dị). Cho nên sau đoạn trong thiên Ngũ đố chúng tôi mới dẫn ở trên, ông viết tiếp: “Nếu có người ở đời Hạ dạy dân kết cành làm ổ hoặc dùng cái “toại” để lấy lửa, tất bị ông Côn, ông Vũ chê cười; có người ở đời Ân (Thương), Chu khơi ngòi, tất bị ông Thang ông Võ chê cười. Hiện nay nếu có người lại ca tụng đạo cái ông Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Võ tất bị các ông thánh đời nay chê cười. Vậy thì thánh nhân không nhất định phải theo cổ, giữ cựu lệ mà phải xét việc đương thời rồi tùy nghi tìm biện pháp”.

□□□□□□□□□□□□□□□□□□□
□□□

(Thánh nhân bất kì tuần cổ, bất pháp

thường hành, luận thế chi sự, nhân vi chi bị).

Thiên *Bát thuyết*, ông cũng bảo: "Sống ở thời nhiều việc - tức thời ông - mà dùng những khí cụ của thời ít việc, không phải là cách xử sự của người có trí. Giữa thời tranh đấu gay gắt mà theo lối vái nhường, không phải là phép trị nước của thánh nhân".

Lời đó rất đúng. Chúng ta còn nhớ giai thoại vua Yên tên là Khoái ở thế kỷ thứ 4 trước TL, khi về già, vì muốn được người ta khen như vua Nghiêu, nên nhường ngôi cho Tử Chi, chỉ trong vài năm nước Yên đại loạn, bị Tề đánh, cả vua Yên lẫn Tử Chi đều bị giết.

"Người không biết cách trị nước tất bảo: "Không biến cổ, không đổi tập tục".

Thánh nhân không nhất định phải biến đổi hay không biến đổi, miễn việc trị nước được thích nghi mà thôi”

□□□□□□□□“□□□□□□□”□□□□□□□□□□□□□□□□

(Bất tri trị giả tất viết: Vô biến cổ, vô dịch thường. Biến dữ bất biến, thánh nhân bất thính, chính trị nhất dĩ).

Y Doãn không biến đổi nhà Ân, Thái công không biến đổi nhà Chu thì vua Thang vua Võ đâu lập được nghiệp vương. Quản Trọng không biến đổi nước Tề, Quách Yển không biến đổi nước Tấn thì Tề Hoàn Công và Tấn Văn Công đâu lập được nghiệp bá” (*Nam diện*).

Thời Hàn Phi, sau những cuộc tấn công mạnh bạo của Lý Khôi, Ngô Khởi, Thân

Bất Hại, Thương Ưởng vào giai cấp quí tộc cũ, trong cái khí thế đương lên của bọn biện sĩ Tô Tần, Trương Nghi, chắc có ít vua chúa và chính khách nào chủ trương phục cổ. Ngay đến Nho gia cuối cùng của thời đại là Tuân Tử cũng không "pháp tiên vương" mà "pháp hậu vương" - nghĩa là không theo pháp độ của các vua thời xa xăm về trước mà theo pháp độ của các vua gần Tuân hơn như từ các vua đầu đời Chu trở đi - cũng đả đảo chế độ thế tập; dù là con cháu các Vương công mà không có tài có đức, không thuộc lễ nghĩa, thì cũng phải làm thường dân, con thường dân có tài có đức thì cũng được làm khanh tướng, đại phu. Nhưng cũng còn một bọn quân sư và nhiều xử sĩ không lãnh trách nhiệm gì ở triều đình vẫn đề cao thời Nghiêu Thuấn,

viện dẫn lời Nghiêu Thuấn để mạt sát thời hiện tại, làm ngăn trở một phần công việc cải cách của các kẻ sĩ chủ trương dùng pháp thuật chứ không dùng nhân nghĩa, nên Hàn Phi rất ghét bọn đó. Trong *Hàn Phi tử* có trên chục lần ông lớn tiếng mắng mỏ họ, mỉa mai họ và ngọn bút của ông luôn luôn sắc bén.

Trong thiên *Hiển Học*, ông bảo các việc viện dẫn Nghiêu Thuấn là vô căn cứ, nếu không phải là ngu thì là lừa gạt:

"Khổng tử và Mặc tử đều xưng tụng Nghiêu Thuấn mà chủ trương khác nhau và đều tự cho là chân truyền của Nghiêu Thuấn. Nghiêu Thuấn đã không thể sống lại thì ai là người quyết định được học thuyết nào mới thực là của Nghiêu Thuấn? Đời Ngu và đời Hạ dài trên 700 năm, đời

Ân và Chu dài trên 2000 năm[46] mà còn không quyết định được Nho hay Mặc là chân chính; nay muốn khảo sát đạo cách đây 3000 năm của Nghiêu Thuấn thì cơ hồ không sao xác định được! Không tham nghiệm mà cứ xác định thì là ngu; không xác định được mà dùng làm chứng cứ thì là lường gạt người ta. Vậy căn cứ vào các tiên vương mà theo đạo Nghiêu Thuấn thì nếu không phải là ngu, cũng là lừa gạt thiên hạ. Cái học ngu và gạt người ấy, hỗ tạp và mâu thuẫn ấy, bậc minh chủ không thể chấp nhận được".

Ý Hàn Phi muốn nói Khổng Tử và Mặc Tử sống tương đối gần đời Nghiêu Thuấn mà còn không biết chắc thời Nghiêu Thuấn ra sao (nên mỗi nhà hiểu Nghiêu Thuấn

một khác); thế thì những người thời ông, sống sau Khổng tử và Mặc tử, còn cách xa Nghiêu Thuấn hơn nữa, làm sao biết được thời đó mà dám viện ra làm chứng cớ.

Việc "thác cổ" (viện dẫn thời cổ) đó rất dễ, ai làm cũng được, muốn nói sao thì nói, hiểu cách nào thì hiểu, vì có ai biết thời cổ ra sao đâu bắt bẻ. Y như các chuyện vẽ quỉ, Hàn chép trong *Ngoại trừ thuyết tả thượng* vậy:

"Có người vẽ cho vua nước Tề. Vua Tề hỏi:

- Vẽ cái gì khó nhất?

Người đó đáp:

- Vẽ chó, ngựa khó nhất.

- Vẽ gì dễ nhất?

- Ma quỉ dễ nhất.

(Vì) chó với ngựa ai cũng biết, cũng thấy trước mặt từ sáng tới chiều, không thể vẽ bậy được, cho nên khó vẽ. Còn ma quỉ không có hình trạng, không thấy trước mắt nên dễ vẽ".

Không kể trường hợp người "thác cổ" thiếu chính trực về tinh thần, cố ý hiểu sai, bẻ cong tư tưởng cổ nhân cho phù hợp với chủ trương của mình; ngay giữa người thành thực mà thiếu thông minh không chịu suy xét, tham khảo, cũng gán cho cổ nhân những ý không phải của cổ nhân, mà hạng người ngu đó thời nào cũng rất nhiều. Hàn Phi cũng trong thiên kể trên đưa ra ba ví dụ, chúng tôi xin phép chép lại hai:

"(Chu) thư có câu "thí nó, buộc nó". Một người nước Tống đọc tới đấy lấy hai cái dây lưng tự thắt buộc bụng.

Người ta hỏi: - Làm gì (kì) vậy?

Đáp: - Vì sách dạy vậy.

Sách dạy việc tu thân, phải giữ gìn, làm chủ dục vọng của mình, đừng phóng túng, chứ đâu phải bảo cột bụng cho chắc.

"Một người khác ở đất Dĩnh (kinh đô nước Sở) viết thư cho vị tướng quốc nước Yên. Viết ban đêm, lửa không đủ sáng, bèn bảo người cầm đuốc: - Đưa cây đuốc lên!

(Miệng nói vậy) tay chép ngay vào thư "đưa đuốc lên". Mấy chữ đó không phải là ý trong thư. Tướng quốc nước Yên đọc tới đó mừng lắm, bảo: "Đưa cây đuốc lên là trọng sự sáng, trọng sự sáng tức là tiến cử, bổ dụng người hiền". Rồi ông ta tâu với vua, vua hoan hỉ (theo lời) và nhờ vậy nước Yên thịnh trị. Tuy thịnh trị đấy nhưng

đâu phải là ý trong thư. Đa số các học giả ngày nay giống như vậy.” Hai trường hợp đó, gọi là *nệ cổ*, tin từng chữ của cổ nhân, không có phán đoán, thành thử cổ nhân nói một cách, ta hiểu một cách, hoặc cổ nhân lầm lẫn mà mình cứ tin là đúng.

Thời khác thì sự việc phải khác. Dù chính sách của tiên vương có hay mà không hợp thời thì cũng phải bỏ. Thời của Hàn người ta tranh nhau về sức mạnh thì đem nhân nghĩa ra dậy đời, ca tụng tiên vương là vô ích. Thiên *Hiển học*, ông viết:

“Khen Mao Tường, Tây Thi (hai mỹ nhân đời cổ) có ích gì cho mặt mình đâu; dùng son, phấn, dấu, than (thuốc màu đen) mà tô điểm thì mặt mới đẹp gấp bội. Khen tiên vương là nhân nghĩa, có ích lợi gì cho việc trị nước đâu; làm sáng pháp độ,

thưởng phạt cho đúng và nghiêm, đó mới là thứ son phấn, dấu, than của quốc gia. Cho nên bậc minh chủ gấp lo việc có kết quả (tức pháp độ, thưởng phạt) mà hoãn cái việc ca tụng "tiên vương" lại".

Bọn ca tụng tiên vương, khoe khoang rằng cứ nghe theo lời họ, theo phép người xưa mà trị nước thì sẽ lập được nghiệp vương là bọn nói láo đáng khinh như bọn cô đồng thầy cúng:

Bọn cô đồng thầy cúng bảo một người: "tôi sẽ cầu cho ông sống ngàn vạn năm tuổi". Những tiếng ngàn vạn năm tuổi loạn cả tai người đó mà không có gì chứng tỏ rằng người đó thọ thêm được một ngày, vì vậy mà người ta khinh bọn thầy cúng cô đồng. Ngày nay bọn Nho sĩ thuyết các vua thì không chỉ cách thời nay phải trị nước

ra sao mà cứ kể cái kết quả trị nước thời xưa, không xét đến cách trị dân của quan lại cùng lòng kẻ gian tà, mà chỉ kể những lời khen đời thượng cổ truyền lại, dùng sự nghiệp của tiên vương. Họ khoe khoang: "Cứ nghe lời tôi thì sẽ lập được nghiệp bá vương"; họ chính là bọn thầy cúng cô đồng trong giới du thuyết đấy; bậc vua chúa có pháp độ không dùng họ. Bậc minh chủ vụ cái thiết thực, bỏ cái vô dụng, không giảng thuyết nhân nghĩa, không nghe lời của bọn học giả" (*Hiển học*).

Hàn chê chính sách nhân nghĩa của cổ nhân là không hợp thời, vô dụng, chỉ như những trò chơi của trẻ con. Thiên *Ngoại trừ thuyết tả thượng* của ông viết:

"Trẻ con chơi với nhau, lấy đất làm cơm, bùn làm canh, dăm bào làm thịt,

nhưng chiều thì về nhà ăn cơm, vì cơm bằng đất, canh bằng bùn, chơi thì được chứ ăn không được. Khen những điều thời thượng cổ truyền lại, nghe thì hay mà thực tế thì vô dụng; giảng thuyết nhân nghĩa của tiên vương mà không biết cách chỉnh lý quốc gia, đó cũng là những việc để chơi chứ không để đem trị nước được”

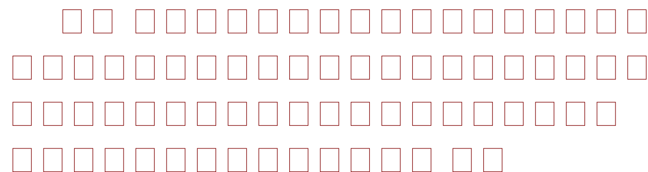
□□□□□□□□□□□□□□□□ □□□ □□□□□□□□□□□□□□□□□□□□ □.□□□□□□□□□□□□□□□□□□□ □□□□□□□□□□□□□□□□□□□□ □□□□□□□□

(Phù anh nhi tương dữ hí dã, dĩ trần vi phạm, dĩ đồ vi canh, dĩ mộc vi chi, nhiên chí nhật vãn, tất qui hướng giả, trần phan đồ canh khả dĩ hí nhi bất khả dĩ thực dã. Phù xưng thượng cổ chi truyền tụng, biện

nhi bất khác, đạo tiên vương nhân nghĩa nhi bất năng chính quốc gia, thử diệc khả dĩ hí nhi bất khả dĩ vi trị dã).

Thiên *Gian kiếp thí thần*, giọng ông còn gay gắt hơn nữa:

"Các học giả ngu trên đời, đều không hiểu tình hình trị loạn, cứ lảm nhảm tụng hoài sách cổ, làm loạn sự cai trị hiện thời; trí lự của họ không đủ để tránh cái hố bẫy mà lại chế bậy các thuật sĩ (kẻ sĩ dùng pháp thuật). Nghe lời họ thì nguy, dùng kế họ thì loạn, ngu tới như vậy là cùng cực mà hại cũng là tột bực".



(Thả phù thế chi ngu học giai bất tri trị loạn chi tình, chiếp giáp đa dụng tiên cổ chi thư, dĩ loạn đương thế chi trị; trí lự bất túc dĩ tỉnh tỉnh chi hãm, hựu vọng phi hữu thuật chi sĩ. Thính kì ngôn giả nguy, dụng kì kế giả loạn, thử diệc ngu chi chí đại, nhi loạn chi chí thậm giả dã).

Trong *Ngoại trừ thuyết tả thượng* Hàn dẫn chứng:

"Trọng nhân nghĩa (tức theo đạo của tiên vương) thì nước yếu loạn, đó là ba nước Tấn (tức Hàn Ngụy Triệu từ Tấn tách ra); không trọng nhân nghĩa mà mạnh là nước Tần".

Ông nhận thấy thời ông nước nào loạn cũng có cái thói: "bọn học giả thì khen đạo tiên vương, tạ khẩu là trọng nhân nghĩa, trau chuốt dung mạo, y phục và lời ăn tiếng

nói để làm loạn pháp độ đương thời, làm mê hoặc lòng vua chúa”

□□□□□□□□□□□□□□□□□□
□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□
□□□

(Loạn quốc chi tục kì học giả tắc xưng tiên vương chi đạo, dĩ tạ nhân nghĩa, thịnh dung phục nhi sức biện thuyết dĩ nghi đương thế chi pháp nhi nhị nhân chủ chi tâm - *Ngũ đố*).

Và ông gọi bọn học giả đó là một loại sâu mọt của quốc gia. Họ ngu xuẩn cũng như anh chàng nước Tống ôm cây đợi thỏ:

“Nước Tống có người đi cày, trong ruộng có một gốc cây khô, một con thỏ đâm bổ vào, gãy cổ, chết. Anh ta thấy vậy, bỏ cày mà ôm gốc cây khô, hy vọng lại bắt

được con thỏ nữa. Thỏ không được thêm mà bị cả nước cười chê” (*Ngũ đố*).

Và anh chàng nước Trịnh tin cái ni mà không tin mình:

“Một người nước Trịnh muốn mua giày, đo bàn chân mình rồi đặt cái ni ở chỗ ngồi. Anh ta ra chợ mà quên đem cái ni theo. Tìm được đôi giày muốn mua rồi, anh ta (sực nhớ lại), bảo: “Tôi quên đem cái ni theo, để tôi trở về lấy”. Rồi quay về nhà, khi trở lại thì chợ đã tan, không mua được giày. Người ta hỏi: “Sao anh không lấy chân để thử giày?” Anh ta đáp “Nên tin cái ni chứ không nên tin mình”.

^¤^

Tuy nhiên chúng ta cũng nên nhận rằng Hàn Phi vì bị bọn học giả quá tin cổ làm

cản trở việc thuyết phục vua Hàn theo chính sách dùng pháp thuật của ông, nên thường nặng lời với họ, chứ ông không phản cổ đến triệt để, cái gì của thời xưa cũng là phải bỏ hết. Rốt cuộc chủ trương của ông cũng như của Thương Ưởng: Không nhất định bỏ cổ hay chạy theo cổ, cứ cái gì hợp thời thì làm, "miễn việc trị nước được thích nghi mà thôi". Chẳng hạn ông cũng tôn quân như Nho gia, còn hơn Nho gia nữa, vẫn trọng nông như Nho gia, trọng lợi như Mặc gia có điều về quan niệm về "quân" (vua), về "lợi" của ông có khác quan niệm của Nho và Mặc, như trong một chương sau chúng ta sẽ thấy.

CHƯƠNG II

XÃ HỘI QUAN: DÂN

Trong chương này và hai chương sau chúng tôi xét quan niệm của Hàn Phi về:

- Bản tính con người.
- Vua.
- và Quốc gia.

Về lịch sử quan, Hàn chịu ảnh hưởng trực tiếp của Thương Ưởng, chỉ khai thác tư tưởng của Thương Ưởng, mà không phát huy thêm được gì. Về xã hội quan, Hàn cũng chịu ảnh hưởng trực tiếp của thầy, tức Tuân tử nhưng có nhiều sáng kiến và đưa tới những kết luận ngược hẳn với Tuân:

Tuân chủ trương tính ác để khuyên nhà cầm quyền dùng lễ giáo uốn nắn lại cái tính cho dân, còn Hàn chủ trương dùng hình phạt để ngăn ngừa những hành động của dân có hại cho nước. Có phải vì đi ngược lại đường lối của Tuân mà Hàn muốn tránh không nhắc Tuân trong khi thường nhắc tới Quản Trọng, Thương Ưởng, Thân Bất Hại, Ngô Khởi... Đọc bộ *Hàn Phi tử* chúng tôi chỉ thấy Tuân xuất hiện hai lần: Một lần ở đầu thiên *Hiển học*: "có Nho phái của họ Tôn"[47] và một lần ở thiên *Nạn tam* trong câu: "Tử Khoái nước Yên cho Tử Chi là hiền mà không chịu Tôn Khanh cho nên thân chết mà bị chê cười". Nhưng sự kiện Tử Khoái "không chịu Tôn Khanh" ra sao thì từ trước tới nay không ai tra ra được, vì vậy

có người ngờ Tôn Khanh đó không phải là triết gia Tuân Hướng, người đưa ra thuyết tính ác.

Chuyện đó không quan trọng, chúng tôi sở dĩ ghi lại để cho độc giả thấy Hàn Phi là môn đệ của Tuân tử mà đã sớm tách biệt với Nho gia, đứng hẳn về phía Pháp gia.

Hàn Phi chịu ảnh hưởng của Tuân tử ít nhất là về hai điểm: Tính ác và không tin trời, quỉ thần (thiên nhân bất tương quan)[48]. Chúng tôi xin xét điểm tính ác trước đã.

Tuân tử là triết gia lớn nhất ở cuối thời Tiên Tần, tư tưởng rất có hệ thống, đã viết riêng một thiên - thiên *Tính ác* - để đả thuyết tính thiện của Mạnh tử. Trong bộ *Tuân tử* chúng tôi đã phân tích thuyết đó

và trọn thiên *Tính ác*, ở đây chỉ xin trích dẫn vài đoạn quan trọng nhất[49].

Tuân: định nghĩa chữ *tính* là cái tự nhiên trời sinh ra, cái sinh ra đã có sẵn không đợi làm (học tập) rồi mới có (Sinh chi sở dĩ nhiên giả, vị chi tính - Bất sự nhi tự nhiên giả, vị chi tính)

Và ông bảo rằng: "Cái tính của con người là đói thì muốn ăn, mệt thì muốn nghỉ. (Kim nhân chi tính, cơ nhi dục bão, lao nhi dục hưu, thử nhân chi tình tính dã).

Ba đặc điểm nữa của con người là hiếu lợi, đố kỵ, thích thanh sắc: "Tính con người sinh ra là hiếu lợi, thuận theo tính đó thì thành ra tranh đoạt lẫn nhau mà sự từ nhượng không có; sinh ra là đố kỵ, thuận theo tính đó thì thành ra tàn tặc, mà lòng

trung tín không có; sinh ra là có lòng muốn của tai mắt, có lòng thích về thanh sắc, thuận theo tính đó thì thành dâm loạn mà lễ nghĩa, văn lý không có. Như thế thì theo cái tính của người ta, thuận cái tình của người ta, tất sinh ra tranh đoạt, phạm vào cái phận (tức quyền lợi của nhau), làm loạn cái lý mà mắc cái lỗi tàn bạo. Cho nên phải có thầy, có phép để cải hòa cái tính đi, có lễ nghĩa để dắt dẫn nó, rồi sau mới có từ nhượng hợp văn lý mà thành ra trị. (Kim nhân chi tính sinh nhi hiếu lợi yên, thuận thị cố tranh đoạt sinh, nhi từ nhượng vong yên; sinh nhi hữu tật ố yên, thuận thị cố tàn tặc sinh, nhi trung tín vong yên. Sinh nhi hữu nhi mục chi dụng hữu hiếu sắc yên, thuận thị cố dâm loạn sinh, nhi lễ nghĩa văn lý vong yên. Nhiên tắc

tòng nhân chi tính, thuận nhân chi tình, tất xuất vụ tranh đoạt, hợp vu phạm phận loạn lý, nhi qui vu bạo. Cố tất tương hữu sư pháp chi hòa, lễ nghĩa chi đạo, nhiên hậu xuất từ nhượng, hợp vụ văn lý nhi qui vu trị - *Tính ác*).

Vậy theo Tuân tử, tính của con người là tính thỏa mãn ba nhu cầu chính: Ăn, ngủ, truyền chủng; ngoài ra lại còn hiếu lợi, đố kị.

Hàn Phi không phải là một triết gia, chỉ là một lý thuyết gia về chính trị, có óc thực tế, không bàn về tính như Mạnh tử, Tuân tử. Chúng ta chỉ biết theo ông thì con người thời thượng cổ chất phác, thân với nhau, trọng đức hơn thời trung cổ, và người thời trung cổ lại hơn người thời ông. Vậy có thực ông chủ trương rằng bản tính

con người thời nguyên thủy vốn tốt rồi sau vì hoàn cảnh xã hội mà hòa xấu không? Ông không hề giảng rõ điều đó cho ta. Mặt khác, ông lại bảo trừ một số ít thánh nhân, còn thì hạng thường nhân

- tranh nhau vì lợi
- làm biếng, khi có dư ăn rồi thì không muốn làm gì nữa.
- chỉ phục tòng quyền lực

Vậy thì cơ hồ ông cho rằng con người có một số rất ít tính vốn thiện, còn đại đa số tính vốn ác, ông thiên về Tuân, nhưng cũng nhận Mạnh có lý phần nào chăng?

Về tính ham lợi, ông bi quan thái quá, cho rằng ngay giữa cha con vợ chồng chớ đừng nói giữa vua tôi, bạn bè, người ta hành động, cư xử với nhau cũng chỉ vì tư

lợi.

“Cha mẹ không săn sóc con kỹ khi nó còn nhỏ thì lớn lên nó oán mình. Con được nuôi cho thành người rồi mà cung dưỡng cha mẹ không được hậu thì cha mẹ giận oán trách nó. Cha con là tình chí thân mà có khi còn trách nhau, oán nhau là do ai nấy đều muốn cho người khác phải vì mình (cha muốn con phải vì cha, con muốn cho cha phải vì con), chứ không muốn cho mỗi người phải vì bản thân người đó thôi”

□□□

(Nhân vi anh nhi dã, phụ mẫu dưỡng chi giản, tử trưởng nhi oán. Tử thịnh tráng thành nhân, kì cung dưỡng bạc, phụ mẫu bộ

nhi tiếu chi. Phụ tử[50] chí thân dã nhi hoặc tiếu hoặc oán giả, giai hiệp tương vị nhi bất chu ư vị kỉ dã - *Ngoại trừ thuyết tả thượng*).

Rồi Hàn so sánh với việc chủ nuôi thợ:

"Mướn người gieo mạ, cày ruộng cho mình thì người chủ không ngại phí tổn mà cho họ ăn ngon, lại còn lựa tiền, vải tốt mà trả công cho họ, như vậy không phải vì yêu thương họ đâu mà vì nghĩ: "Có vậy họ cày mới sâu, cào cỏ mới kỹ cho mình". Người làm công đó hết sức cày và cào cỏ, sửa sang lại bờ ruộng, không phải vì yêu chủ mà vì nghĩ: "Có vậy chủ mới cho ăn ngon, mà tiền, vải mới tốt." Như vậy một bên cung dưỡng hậu hĩ, một bên gắng sức làm việc, có cái

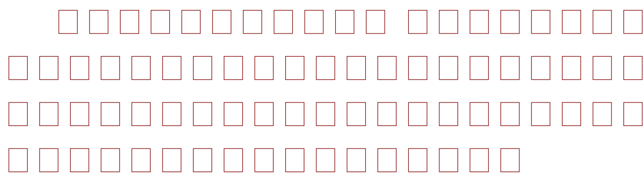
ân trạch giữa cha con, hai bên đều hết nghĩa vụ (vì) đều mưu cái lợi cho chính mình cả. Bởi vậy con người làm việc với nhau, cho, tặng nhau, nếu thấy có lợi cho mình thì dù là người nước Việt (thời đó người Trung Hoa ở miền bắc coi người nước Việt ở miền Đông Nam là ngoại nhân) cũng dễ hòa, nếu lòng thấy có hại thì dù là cha con cũng xa nhau, oán nhau."

□ □□□□□□□□□□□□□□□□□□
□□□□□□□□□

(Cố nhân hành sự thi dữ, dĩ lợi vi chi tâm, tắc Việt nhân dị hòa, dĩ hại chi vi tâm, tắc phụ tử li thả oán - *Như trên*)

Đoạn dưới đây trong thiên *Lục phản* còn tàn nhẫn hơn nữa:

"Cha mẹ đối với con, sanh con trai thì mừng, sanh con gái thì giết, trai gái đều trong lòng cha mẹ mà ra, mà con trai thì mừng, con gái thì giết, là do nghĩ đến sau này, đứa nào có lợi lâu dài cho mình hơn. Vậy cha mẹ đối với con mà còn đem lòng tính toán lợi hại, huống hồ là những người không có tình cha con với nhau"



(Phụ mẫu chi ư tử dã, sản nam tắc tương tự, sản nữ tắc sát chi. Thử câu xuất phụ mẫu chi hoài nhậm nhiên nam tử thụ hạ, nữ tử sát chi giả, lự kì hậu tiện, kế chi trường lợi dã. Cố phụ mẫu chi ư tử dã, do dựng kế toán chi tâm dĩ tương đãi dã, nhi

huống vô phụ tử chi trạch hồ!)

Tình giữa cha con như vậy thì tình giữa vợ chồng cũng không hơn gì:

"Chúa có vạn cỗ xe, vua có ngàn cỗ xe thì hoàng hậu, thứ phi, phu nhân, đích tử (thế nào cũng) có người muốn cho vua chết sớm. Làm sao biết được như vậy? Là vì vợ không có tình cốt nhục với chồng, hễ yêu thì thân, không yêu thì sợ. Tục ngữ có câu: "Mẹ được yêu thì con được chiều". Ngược lại hễ mẹ bị ghét thì con bị bỏ. Đàn ông năm chục tuổi vẫn còn hiếu sắc mà đàn bà ba chục tuổi sắc đã tàn. Vợ sắc đã tàn mà thờ ông chồng hiếu sắc thì tất ngại mình bị hắt hủi, con tất ngờ sẽ không được nối ngôi. Đó là lẽ tại sao hoàng hậu, thứ phi, phu nhân mong cho vua chết sớm. (...) Do đó mà có

những vụ đầu độc bằng rượu và thắt cổ lén. Vì vậy mà sách Đào Ngột Xuân Thu bảo: "Bậc vua chúa chết vì bệnh chưa được phân nửa". Làm vua mà không hiểu điều đó thì loạn sẽ sinh ra nhiều. Cho nên có câu: "Số người có lợi thấy vua chết mà nhiều thì tính mạng của vua sẽ nguy".

□ □□□□□□□□□

(Lợi quân tử giả chúng, tắc nhân chủ nguy - *Bị nội*)

"Giữa vua và tôi, đã không có tình cốt nhục mà cái lợi hại còn khác nhau, nếu không muốn nói là ngược nhau: Bề tôi muốn không có công mà được thưởng, còn vua thì muốn bề tôi phải hi sinh cho mình mà đừng kể công. Đã ở cái thế muốn không có công mà được thưởng,

còn vua thì muốn bề tôi bó buộc không thể không thờ vua thì bề tôi tất luôn luôn dò xét lòng vua, không một lúc nào ngưng”

□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□ □□□□□□□□□□

(... Nhân thần chi ư kì quân, phi hữu cốt nhục chi thân dã, phọc ư thế nhi bất đắc bất sự dã, cố vi nhân thần giả, khuy siêm kì quan tâm dã, vô tu du chi hưu... *Bị nội*) (Vì vậy mà có vụ Lý Đoái làm quan thái phó nước Triệu, theo phe Huệ vương, bao vây cung của Triệu Chủ Phụ để Chủ Phụ chết đói; vụ Tề Hoàn Công chết mấy chục ngày không được chôn tới nỗi giòi bò ra cửa phòng và biết bao vụ bề tôi giết vua.)

Hành động nào của con người cũng vì

lợi cả:

"Thầy lang khéo mút vết thương, ngậm máu bệnh nhân đâu phải là vì tình cốt nhục mà chỉ vì lợi. Thợ đóng xe mong cho nhiều người giàu sang, còn thợ đóng quan tài thì mong cho nhiều người chết yểu, không phải là thợ đóng xe có lòng nhân mà thợ đóng quan tài tàn nhẫn, chỉ vì người ta không giàu sang thì không mua xe, người ta không chết thì quan tài không bán được. Thợ đóng quan tài không phải là ghét người, nhưng người ta chết thì chú ta mới có lợi".

□□

(Y thiện duẫn[51] nhân chi thương, hàm nhân chi huyết, phi cốt nhục chi thân dã, lợi sở gia dã. Dư nhân thành dư, tắc dục nhân chi phú quí; tượng nhân thành quan, tắc dục nhân chi yểu tử dã. Phi dư nhân nhân nhi tượng nhân tặc dã; nhân bất quí tắc dư bất thụ, nhân bất tử tắc quan bất mãi. Tình phi tăng nhân dã, lợi tại nhân chi tử dã - *Bị nội*)

Thời Tiên Tần, không có tác giả nào cực tả lòng vị lợi của con người bằng Hàn trong những đoạn dẫn ở trên. Ông nhận rằng thời ông, con người xấu xa hơn các thời trước, như vậy chỉ vì dân nghèo, người đông mà tài vật ít, phải làm lụng cực nhọc, tranh giành nhau mới sống được.

Thiên *Ngũ đố* có một đoạn bất hủ đủ

cho Hàn Phi lưu danh lại cho hậu thế. Ông đã thấy dân số tăng gia theo cấp số nhân cả hai ngàn năm trước nhà kinh tế học Anh, Malthus: *Thời cổ đàn ông không phải cày ruộng, trái cây và hột cỏ đủ ăn rồi; đàn bà không phải dệt vải, da cầm thú đủ che thân rồi. Họ không phải gắng sức mà đủ ăn đủ mặc, nhân dân ít mà vật dụng thừa, cho nên không tranh giành nhau. Vì vậy khỏi phải thưởng hậu phạt nặng mà dân tự nhiên khỏi loạn. Ngày nay một người có năm người con, không phải là nhiều, mỗi người con lại có năm người con nữa, thành thử ông chưa chết mà đã có hai mươi lăm đứa cháu, vì vậy nhân dân đông mà tài sức ít, phải lao lực nhiều mà thức ăn đồ mặc lại ít, cho nên họ phải tranh giành nhau, dù có thưởng hậu gấp*

hai, phạt nặng gấp mấy thì cũng không tránh khỏi loạn.

□□□□□□□□□□□□□□□□□□
□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□
□ □□□□□□□□□□□□□□□□□□□
□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□
□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□
□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□
□□

(Cổ giả trượng phu bất canh, thảo mộc chi thực túc thực dã; phụ nữ bất chức, cầm thú chi bi túc y dã. Bất sự lực nhi dưỡng túc, nhân dân thiểu nhi tài hữu dư, cố dân bất tranh. Thị dĩ hậu thương bất hành, trọng phạt bất dụng nhi dân tự trị. Kim nhân hữu ngũ tử bất vị đa, tử hựu hữu ngũ tử, đại phụ vị tử nhi hữu nhị thập ngũ tông. Thị dĩ nhân dân chúng nhi hóa tài quả, sự

lực lao nhi cung dưỡng bạc, cố dân tranh. Tuy bội thưởng lũy phạt nhi bất miễn ư loạn).

Vì lẽ tình trạng kinh tế ảnh hưởng lớn - nếu không phải là quyết định - tới tâm tình, cách cư xử, đời sống tinh thần của con người, nên người thời cổ có từ nhượng hơn người đời nay cũng không đáng khen, người đời nay có tàn bạo hơn người thời cổ cũng không đáng chê, chỉ là luật tự nhiên cả. Hàn Phi viết tiếp:

"Ông Nghiêu làm vua thiên hạ mà nhà lợp bằng cỏ tranh không xén, cột rui bằng gỗ không đẽo, ăn cơm gạo xấu với canh rau lê, rau hoắc, mùa đông mặc áo da hươu da nai, mùa hè mặc áo vải thô, dẫu kẻ canh cổng cũng không sống đạm bạc hơn. Ông Vũ làm vua thiên hạ mà tự

cầm bừa xách sọt đi trước nhân dân, đùi và ống chân trụi hết lông, đến kẻ nô lệ cũng không cực khổ hơn. Do đó mà xét, các vua thời cổ nhường ngôi thiên tử thì cũng chỉ là từ bỏ cuộc sống của người giữ cổng, đời lao khổ của tên nô lệ, có gì đáng khen đâu. Một viên huyện lệnh ngày nay khi chết rồi thì con cháu mấy đời sau còn được (ung dung) ngựa xe, vì vậy mà người ta quí chức huyện lệnh. Cho nên về cái việc từ nhượng, thời xưa nhường ngôi thiên tử thật là dễ mà ngày nay từ chức huyện lệnh thật khó, chỉ do cái lợi hậu hay bạc khác nhau xa (...) Mùa xuân những năm đói kém, dù là em ruột còn nhỏ, người ta cũng không nhường cho thức ăn, mùa thu những năm được mùa (mùa thu là mùa gặt lúa ở

Trung Hoa), dù là khách lạ đến cũng mời ăn, đâu phải sơ với tình ruột thịt mà thân với khách qua đường, chỉ là vì thực phẩm còn nhiều hay ít đấy thôi. Cho nên cổ nhân khinh tài vật không phải là có lòng nhân, mà vì tại vật có nhiều; ngày nay người ta tranh đoạt của nhau không phải là ti tiện mà vì tài vật có ít. Ngày xưa người ta coi thường và từ bỏ ngôi thiên tử không phải là cao thượng mà vì quyền thế ít, ngày nay người coi trọng và tranh nhau quan chức không phải là đê tiện mà vì quyền thế nhiều".

□□□□□□□□□□□ □□□

(Cố cơ tuế chi xuân ấu đệ bất hướng, nhương tuế chi thu, sơ khách bất tự, phi sơ cốt nhục ái quá khách dã, đa thiểu chi thực dị dã. Thị dĩ cổ chi dị tài phi nhân dã, tài đa dã; kim chi tranh đoạt, phi bỉ dã, tài quả dã, khinh từ thiên tử phi cao dã, thế bạc dã; trọng tranh sĩ thác phi hạ dã, quyền trọng dã - *Ngũ đố*).

Hàn tả đời sống cực khổ của vua Nghiêu chắc là quá đáng: Dĩ nhiên vua Nghiêu không có nhà cao cửa rộng, có ngựa xe gấm vóc như một viên huyện lệnh thời Chiến Quốc, nhưng dù là một tù trưởng thì ông ta cũng có kẻ hầu người hạ, có thịt ăn vì thời đó thú rừng không hiếm, đâu tới nỗi phải ăn toàn rau lê rau hoắc. Nhưng cái tinh thần khinh tài vật của người thượng cổ thì có thực, không phải chỉ vì tài

vật nhiều mà còn vì nhu cầu người thời đó ít nữa. Ai cũng biết các dân tộc bán khai hiếu khách hơn các dân tộc “văn minh” chúng ta. Ông Will Durant - trong sách đã dẫn - chép lại một chuyện lý thú: “Một người Anh tên là Turner kể cho một thổ dân Samoa nghe tình cảnh bọn người nghèo ở Luân Đôn (London) thì chú “mọi” đó rất ngạc nhiên hỏi: “Làm sao có thể như vậy được kìa? Không gì để ăn? Vậy họ không có bạn bè, không có nhà cửa sao? Nhưng họ ở đâu mà ra? Còn nhà cửa của bạn bè chứ?” Người da đỏ nào đói cứ đi xin ăn là có liền; nghèo tới mấy thì cũng không ai từ chối một người đói: “Trong thành phố mà còn lúa thì không ai bị nhịn đói cả” (trang 35 - 36).

Cái lẽ “có hằng sản rồi mới có hằng

tâm” Quản Trọng đã giảng cho Tề Hoàn Công tử đời Xuân Thu, rồi Mạnh tử nhắc tới hai lần, trong *Lương Huệ vương thượng* - 7: “Không có hằng sản mà chỉ có hằng tâm thì chỉ kẻ sĩ mới được như vậy. Còn thường dân, nếu không có hằng sản thì không có hằng tâm”, và trong *Đằng Văn công thượng* 3: “Cách ăn ở của dân là: Có hằng sản mới có hằng tâm, không có hằng sản thì không có hằng tâm” (Dân chi vi đạo dã: Hữu hằng sản giả hữu hằng tâm; vô hằng sản giả vô hằng tâm). Nếu dân đói thì họ tranh giành nhau, và thời Hàn Phi là thời “người ta tranh đoạt của nhau”, thời trọng sức mạnh.

Hàn Phi đã thấy luật “đấu tranh để sống”. Luật đó ở thời Chiến Quốc thật gay gắt. Như ở phần I chúng tôi đã nói, bọn tân

địa chủ có học vấn tài năng, trong *Chiến Quốc sách* gọi là kẻ sĩ, trong Hàn Phi tử gọi là kẻ sĩ giỏi pháp thuật - phải tranh đấu với bọn quí tộc cũ, tức bọn cha anh của vua chúa, bọn "trọng nhân" nắm hết quyền hành ở triều đình.

Trong *Chiến Quốc sách* (Lá Bối - 1972) phần I chúng tôi đã nói bọn biện sĩ như Tô Tần, Trương Nghi, Phạm Tuy... phải đút lót kẻ hầu cận các vua chư hầu, phải ăn dầm nằm dề trong một quán trọ ở một kinh đô nào đó mới xin được vào yết kiến vua. Được yết kiến, trình bày kế hoạch của mình, được vua chấp nhận rồi còn phải đánh át bọn "cha anh" nhà vua; bọn này ảnh hưởng lớn tới chính sách của nhà vua, mà vì quyền lợi nên có tinh thần bảo thủ, ghét bọn biện sĩ. ("Bọn biện sĩ sợ

thế lực của bọn “cha anh” đó nhất. Tính mạng họ ở trong tay bọn này; ngày nào mà vua không dùng họ, nghe lời bọn “cha anh” thì họ phải trốn đi nước khác ngay, nếu không thì chết, có khi trốn mà không thoát, rốt cuộc cũng bị phân thây (trường hợp Thương Ưởng). Cho nên họ luôn luôn nhắc vua chúa phải trọng kẻ sĩ, tức trọng họ, (...) nhắc vua chúa về cách dùng người theo tài năng...

“Đã phải đối phó với bọn quí tộc, các biện sĩ còn phải đối phó với chính bọn họ với nhau nữa vì chính họ với nhau cũng thường gièm pha nhau, lừa gạt nhau, kèn cựa nhau như Cam Mậu và Công Tôn Diễn (Tần II - 13) Công Tôn Hãn đối với Điền Kị (Tề I - 8)” (trang 54 - 58)

Họ cũng phải tranh đấu gay gắt non hai

thế kỉ, tới đầu đời Hán địa vị mới có thể gọi là vững.

Hàn Phi hiểu rất rõ tình cảnh đó vì chính ông đã phải chiến đấu và đã thất bại mà lưu lại lời ai oán trong thiên *Cô phẫn*. Ông bảo bọn sĩ giỏi pháp thuật như ông với bọn "trọng nhân" thù nhau đến một mất một còn, mà biện sĩ giỏi pháp thuật có năm cái thế để bại:

"Bọn đại thần được cầm quyền ít khi không được tin yêu, lại được vua chúa biết từ lâu, cho nên đón được ý vua, vua thích hay ghét cái gì thì họ cũng thích hay ghét cái đó, nhờ vậy mà tiến thân. Quan tước cao quí mà bè đảng lại đông nên được cả nước khen. Còn kẻ sĩ giỏi pháp thuật, có muốn được yết kiến vua thì đã thì thiếu tình thân yêu tin cậy, không được cái may

mắn vua biết từ lâu, mà lại đem lời pháp thuật ra kiểu chính lòng vua, tất làm trái ý vua. Địa vị họ thấp mà không bè đảng nên bị cô lập. Họ là kẻ sơ tình mà muốn tranh với kẻ thân cận của vua, tất nhiên không thắng được; họ mới tới mà muốn tranh với kẻ quen biết từ lâu, tất nhiên là không thắng được; họ ở địa vị thấp hèn mà muốn tranh với với kẻ cao quí, tất nhiên là không thắng được; họ chỉ có một miệng mà muốn tranh với cả nước (vì người ta về hùa với bọn quyền quí còn dân thì ngại sự cải cách của họ) tất nhiên là không thắng được. Kẻ sĩ giỏi pháp thuật ở vào năm cái thế không thể thắng được đó (...). Thế đã không thắng được mà lại không sống chung được (với bọn trọng nhân) tất có kẻ mất người còn, kẻ sĩ giỏi pháp thuật làm sao khỏi bị nguy?

Bọn trọng nhân nếu có thể vu tội lỗi cho ai thì sẽ dùng phép công mà giết người đó; không thể vu được thì sai người ám sát. Tóm lại, làm sáng tỏ phép thuật mà trái ý vua chúa, nếu không bị quan giết, tất cũng chết vì bị ám sát." (*Cô phẫn*).

Từ quan niệm "đấu tranh để sống" tới quan niệm đấu tranh giai cấp, con đường có vẻ như không xa. Vậy mà thời Chiến Quốc, Pháp gia tức giai cấp tân địa chủ lẻ tẻ đánh vào giai cấp lãnh chúa cũ bằng các hình thư, bằng quy tắc mọi người bình đẳng trước pháp luật, bằng chính sách tước quyền thế tập của quí tộc như chính sách của Ngô Khởi, Thương Ưởng (cả Tuân tử nữa), nhưng không có một nhà nào có một quan niệm giai cấp cả; họ cũng không lập nên một đoàn thể chính trị nữa,

như Khổng gia, Mặc gia.

Trong cuốn *Nho giáo, một triết lý chính trị* và *Đại cương triết học Trung Quốc* chúng tôi đã nhiều lần nhấn vào tính cách chính trị của Nho giáo: "Nhân đạo, Chính vi đại" □□□□□□□ Ngũ kinh của Khổng tử đều có mục đích chính là dạy về chính trị, mà cuốn *Đại học* dạy cách sửa mình để tề gia trị quốc và bình thiên hạ, nghĩa là để thành một người dân tốt, một ông quan, một ông vua tốt. Vậy có thể nói trường học của Khổng tử là một trường dậy chính trị mà ông cùng mấy ngàn môn sinh là một đoàn thể chính trị, một chính đảng[52].

Xét lời ông nhận định về sở trường của các môn sinh trong chương *Tiên tiến* - 2,

ta cũng thấy ông có ý đào tạo những người ra làm việc nước. Ông bảo: “Về đức hạnh có Nhan Uyên, Mẫn Tử Khiêm, Nhiễm Bá Ngưu, Trọng Cung; về ngôn ngữ (tài ăn nói) có Tể Ngã, Tử Cống; về chính trị có Nhiêm Hữu, Quí Lộ; về văn học có Tử Du, Tử Hạ”.

Khi ông bôn ba các nước chư hầu, ông dắt các môn sinh theo và khi phải giao thiệp với người ngoài, ông thường sai Tử Cống, Tể Ngã đi thay, coi họ như những nhà ngoại giao.

Mạnh tử nối chí Khổng Tử cũng dạy học và dắt các môn sinh đi khắp các nước, lần nào cũng gồm mấy trăm người trên mấy chục cỗ xe.

Còn đạo Mặc thì rõ ràng là một đoàn thể chính trị có quy luật nghiêm khắc hơn

cả một chính đảng ngày nay: Môn sinh phải tuyệt đối tuân lời Mặc tử. Ông thành một đảng chủ, gần như một giáo chủ. Người có tài đức trong đảng được cử làm "cự tử" (tức như thủ lãnh) và các người trong đảng hễ làm quan, có lộc phải nộp cự tử một phần để chi dùng cho đảng. Có một lần ở Dương Thành, 83 đệ tử cùng chết theo một cự tử tên là Mạnh Thắng; lần khác con trai một cự tử tên là Phúc Thôn giết người, Tần Huệ vương thương Phúc Thôn đã già mà chỉ có mình nó là con, tha tội cho nó; Phúc Thôn không tha, tự giết con, vì phải theo luật của đạo Mặc: Hễ giết người thì phải đền mạng.

Lão tử và Trang tử tuy có bàn về chính trị - Lão tử chủ trương vô vi, Trang tử chủ trương hoàn toàn tự do, gần như vô chính

phủ - nhưng không hoạt động về chính trị. (Trang tử muốn làm con rùa sống mà lết đuôi trong bùn còn hơn một con rùa chết được trân tàng ở miếu đường) cho nên không lập đảng, mà không có hoặc có rất ít môn sinh. Lẽ ấy là dễ hiểu.

Nhưng Pháp gia hầu hết ở trong giai cấp tân địa chủ, chuyên hoạt động về chính trị mà trong suốt 30-40 chục năm không nhà nào đào tạo môn sinh, thành lập một đảng, là tại sao? Họ rời rạc: Thương Ưởng không nhận là môn đệ của Ngô Khởi, Hàn Phi không coi Thương Ưởng là thầy. Hình như họ chỉ như người phương Tây ngày này gọi lài "technocrate" (kỹ phiệt), chỉ là những kỹ thuật gia về chính trị, về pháp thuật, không được như giai cấp "bourgeoisie" của Pháp ở thế kỷ XVIII,

nên không gây được một cuộc cách mạng, không có ý lật đổ quân quyền, trái lại còn quá tôn trọng quân quyền nữa. Hàn Phi tập đại thành tư tưởng các Pháp gia đời Tiên Tần, học thuyết của ông tuy có hệ thống nhưng ông quá chú trọng tới thuật trị nước, còn tinh thần tranh đấu của ông kém Thương Ưởng, chỉ nhận thấy rằng "các huyện lệnh thời ông khi chết rồi, con cháu mấy đời còn được (ung dung) ngựa xe" (*Ngũ đố*) còn các nông dân, chiến sĩ làm cho nước giàu và mạnh thì sống cực khổ; không thấy ông chủ trương triệt các đặc quyền của giai cấp quí tộc, một phần có lẽ giai cấp đó là giai cấp của ông.

Tóm lại, cũng như các Pháp gia khác, ông không có ý thức rõ rệt về giai cấp đấu tranh. Phải chăng đó là một hạn chế của

thời đại? Nếu họ có ý thức đó và lập được một đảng chính trị thì lịch sử và văn minh Trung Hoa có lẽ đã thay đổi hẳn.



Về bản tính thứ nhì, Tuân tử bảo con người "mệt thì muốn nghỉ" (có thể hiểu là ít chịu gắng sức); Hàn Phi gay gắt hơn, cho là làm biếng, hễ có dư ăn rồi thì không muốn làm gì nữa. Hàn cũng có lý: Loài người thời ăn lông ở lỗ chắc chắn là như vậy. Một người "esquimau" (thổ dân Bắc Mỹ sống gần Bắc cực) bảo: "Khi tôi dư thịt ăn rồi thì tôi chẳng nghĩ tới gì cả" Và theo ông Loskiel thì một bộ lạc láng giềng sẽ chia lương thực cho họ". Và những bộ lạc này thấy người siêng năng cứ phải nuôi báo cô kẻ làm biếng, nên càng ngày trồng trọt càng ít đi (Will Durant - sách đã dẫn).

Tuy nhiên, Hàn cũng nhận rằng có một số ít rất siêng năng có đủ dùng mà vẫn chịu gắng sức, nhờ họ mà nhân loại mới tiến bộ được; nhưng người trị dân là trị số đông, nên bắt buộc dân phải gắng sức, Thiên *Lục phản* ông viết:

"Con người bẩm sinh hễ có tài sản đủ dùng rồi thì hóa ra lười biếng, không chịu gắng sức, bề trên không nghiêm trị thì kẻ dưới phóng túng làm bậy. Tài sản đủ dùng rồi mà vẫn gắng sức làm lụng thì chỉ có Thần Nông thôi; bề trên không nghiêm trị mà kẻ dưới có đức hạnh thì chỉ có Tăng Sâm và Sử Ngư. Hạng dân thường không bằng được Thần Nông, Tăng Sâm và Sử Ngư là điều hiển nhiên rồi (...) Cho nên bậc minh chủ trị nước phải thích nghi với thời mà sản xuất

nhiều tài vật, định thuế má sao cho giàu nghèo bình quân (công bằng), ban nhiều tước lộc để dùng hết tài năng trong dân, dùng hình phạt nặng để ngăn cấm gian tà, khiến cho dân hễ gắng sức làm lụng thì sẽ giàu, hễ có công nghiệp thì sẽ sang, làm bậy thì bị tội, có công thì được thưởng, chứ không mong được bề trên nhân từ ban cho ân huệ...”

□□□ (...) □□□ □□□□□...

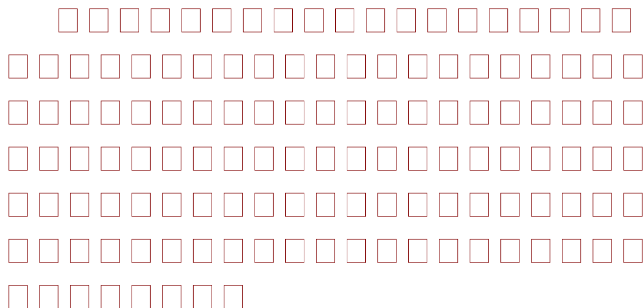
(Phàm nhân chi sinh dã, tài dụng túc tắc

huy ư dụng lực, thượng trị nọa[53] tắc tứ ư vi phi. Tài dụng túc nhi lực tác giả, Thần Nông dã; thượng trị nọa nhi hạnh tu giả, Tăng Sử dã. Phù dân bất cập Thần Nông, Tăng, Sử diệc dĩ minh hĩ (...) Cố minh chủ chi trị quốc dã, thích kì thời sự dĩ trí tài vật, luận kì thuế phú dĩ quân bần phú, hậu kì tước lộc tận hiền năng, trọng kì hình phạt dĩ cấm gian tà, sử dân dĩ lực đắc phú, dĩ sự trí quí, dĩ quá thu tội, dĩ công trí thưởng nhi bất niệm từ huệ chi tứ...)

Hễ ai gắng sức nhiều thì được hưởng nhiều, được giàu sang, làm biếng thì chịu nghèo. Nhưng vì quá mong cho nước giầu và mạnh, quá theo "chủ nghĩa thực lợi", nên có khi ông bất công, tàn nhẫn với người nghèo:

"Đa số học giả ngày nay nói đến việc trị nước đều bảo: "Cấp đất cho dân nghèo, cho người không có đủ tư sản đủ ăn". Nay có người cũng như những người khác, không trúng mùa, không có nguồn lợi nào khác mà riêng được dư ăn, thì nếu không phải là nhờ siêng năng, tất là nhờ tiết kiệm. Lại có người cũng như người khác không gặp năm đói kém, không bị bệnh tật, tội lỗi gì mà riêng cùng khốn, thì nếu không phải là do xa xỉ, tất là do biếng nhác. Xa xỉ và biếng nhác thì nghèo, siêng năng và tiết kiệm thì giàu. Nay bậc vua chúa thu thuế của người giàu để bố thí cho người nghèo, thế thì cướp của người siêng năng và tiết kiệm để phân phát cho kẻ xa xỉ và biếng nhác, như vậy mà muốn cho dân gắng

sức làm lụng tiêu pha bớt đi thì không thể được”



(Kim chi học sĩ ngữ trị giả, đa viết: Dữ bần cùng địa, dĩ thực vô tư. Kim phú dữ nhân tương nhược dã, vô phong niên bàng nhập chi lợi, nhi độc dĩ hoàn cấp dã, phi lực tắc kiệm dã. Dữ nhân tương nhược dã, vô cơ cận tật cứu họa tội, chi ương, độc dĩ bần cùng giả, phi xỉ tắc nọa dã. Xỉ nhi nọa giả bần[54], nhi lực nhi kiệm giả phú. Kim

thượng trưng liễm ư phú nhân dĩ bố thí ư bần gia, thị đoạt lực kiệm nhi dữ nọa dã, nhi dục sách dân chỉ tật tác nhi tiết dụng, bất khả dã - *Hiển học*).

Có phải người nghèo nào cũng do xa xỉ hoặc làm biếng cả đâu, có phải người giàu nào cũng do tiết kiệm và siêng năng cả đâu, nhất là trong xã hội thời ông mà đã phải nhận rằng sự đấu tranh để sống rất gay go. Mà trong xã hội lí tưởng của ông, thưởng phạt rất công minh, thì vẫn có những người sinh ra yếu đuối, đần độn hơn người khác, hoặc cha mẹ nghèo nàn không nuôi nấng giáo dục như những người khác, những người đó khốn khổ đâu phải tại họ, sao lại không cưu mang, bố thí cho họ. Tâm lý Hàn đúng là tâm lý hạng tân địa chủ, tôn trọng sự cần kiệm nhưng bất công

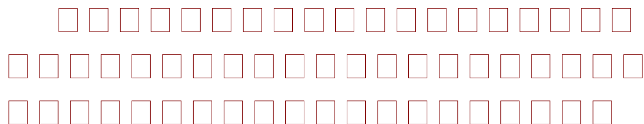
và có phần tàn nhẫn.

^¤^

Bản tính thứ ba của con người theo Hàn, là chỉ phục tùng quyền lực mà thôi. Về điểm này ông hoàn toàn khác Tuân tử. Tuân tin ở công dụng của sự giáo hóa bằng lễ, nghĩa, ông thì không.

Thiên *Lục phản*, ông viết:

"Mẹ yêu con gấp bội cha yêu con mà cha ra lệnh thì con tuân lệnh gấp 10 mẹ ra lệnh. Quan lại không yêu gì dân mà lệnh được dân tuân lệnh gấp vạn lần của cha mẹ. Mẹ tích lũy lòng yêu con mà lệnh không được theo; quan lại dùng oai nghiêm mà dân tuân lệnh. Vậy dùng oai nghiêm hay dùng lòng yêu, cách nào nên theo là điều dễ quyết định được rồi".



(Mẫu chi ái tử dã bội phụ, phụ lệnh chi hành ư tử giả thập mẫu. Lại chi ư dân vô ái, lệnh chi hành ư dân dã vạn phụ. Mẫu tích ái nhi lệnh cùng, lại dụng uy nghiêm nhi dân thính tòng[55]; nghiêm ái chi sách diệc khả quyết hĩ).

Thiên *Ngũ đố*, ông cho sự giáo hóa không có công hiệu, chỉ có nghiêm hình mới trị được thanh niên:

"Nay có đứa con hư, cha mẹ giận la ó, nó không sửa tính, người trong làng trách nó, nó cứ trơ trơ, thày dạy nó, nó cũng không chừa. Lòng yêu của cha mẹ, hành động của người trong làng, và lời

giáo huấn sáng suốt của thầy dậy, có đủ cả ba cái đẹp đẽ đó mà chung qui châu bộ đem binh tới thi hành phép nước, lùng bắt kẻ gian, lúc đó nó mới hoảng sợ, thay đổi tính khí, hạnh kiểm. Vậy lòng yêu của cha mẹ không đủ để dạy con, phải đợi có nghiêm hình của châu bộ mới được, vì dân vốn được yêu thì nhờn, phải dùng uy lực mới chịu nghe".

□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□

(Cố phụ mẫu chi ái bất túc dĩ giáo tử, tất đãi châu bộ chi nghiêm hình giả, dân cố kiêu ư ái, thính ư uy hĩ).

Cha mẹ yêu con, con vị tất đã không loạn. Vua cũng vậy, dù yêu dân như con, dân cũng vị tất cũng không loạn. Muốn ngăn loạn, dùng nhân nghĩa không được

phải dùng uy thế. Vì bản tính của dân là chỉ sợ hình phạt, tin ở tính thiện của họ là lầm lớn:

“Bậc thánh nhân trị nước, không mong gì dân làm điều thiện[56]*, chỉ cốt sao cho dân đừng làm bậy thì khắp nước có thể không làm bậy. Người trị nước dùng chính sách nào thích hợp với đại chúng, mà bỏ chính sách nào thích hợp với một số ít người, cho nên không vụ đức mà chỉ vụ pháp luật”.*

□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□ □□

(Phù thánh nhân chi trị quốc, bất thị nhân chi vi ngô thiện dã, nhi dụng kì bất

đức vi phi dã. Thị nhân chi vi ngô thiện dã, cảnh nội bất thập số, dụng nhân bất đắc vi phi, nhất quốc khả sử tề. Vi trị giả dụng chúng nhi xả quả, cố bất vụ đức nhi vụ pháp - *Hiển học*).

Hàn Phi thật bi quan, không cho hạng bình dân có một đức nào cả, chỉ chê họ là tự tư tự lợi, biếng nhác, không dạy được để kết luận rằng muốn trị họ chỉ có một cách là dùng nghiêm hình, nhưng ông quên rằng thiên *Ngũ đố* ông đã bảo dù có thưởng hậu phạt nặng cũng không làm cho dân khỏi loạn được! Đó là một điểm mâu thuẫn của ông.

CHƯƠNG III

XÃ HỘI QUAN (tiếp): VUA

Pháp gia là những chính trị gia rất thực tế, chỉ tìm những pháp thuật làm cho nước giàu và mạnh, không thắc mắc về nguồn gốc của chế độ phong kiến quân chủ. Ông vua nào trọng dụng thì họ thờ, không thì bỏ, tìm ông vua khác, không bao giờ tự hỏi một ngôi vua được truyền ra sao, một ông vua nào đó giữ ngôi vua có xứng đáng không. Về điểm đó, họ không "khó tính" như Nho gia. Chẳng hạn sách *Luận ngữ*, chương *Thuật nhi*, bài 14 chép truyện Tử Cống thấy Khổng tử khen Bá Di, Thúc Tề,

biết rằng thầy mình kín đáo chê vua Vệ (cướp ngôi cha trong khi cha tị loạn ở nước ngoài) tất không chịu thờ. Quả nhiên sau đó, Khổng tử dắt môn đồ bỏ nước Vệ mà đi[57]. Chúng tôi không thấy một Pháp gia nào có thái độ đó của Khổng tử.

Họ có một điểm tiến bộ là không tin rằng vua được Trời giao cho sứ mạng thay Trời trị dân, và theo họ thì cơ hồ như xã hội đặt ra vua. Ở một chương trên chúng tôi đã dẫn một câu của Thương Ưởng, đại ý bảo phải đặt ra pháp lệnh để giữ gìn trật tự trong xã hội; có pháp lệnh thì phải có người bảo vệ pháp lệnh, vì vậy phải đặt ra quan, đặt ra quan rồi lại phải đặt ra vua để "thống nhất" thành một khối, tức để cầm đầu hết thảy. Còn Hàn Phi thì bảo thời

thượng cổ, Hữu Sào và Toại Nhân có công với nhân dân - một ông vua chỉ cho dân kết cành làm ổ, một ông tìm ra cách lấy lửa - nên nhân dân mừng, tôn làm vua thiên hạ.

Thương và Hàn chỉ nói sơ sài vậy thôi, không đào sâu vấn đề. Có lẽ họ chủ trương rằng quyền thế của vua nếu là thứ quyền thế chính vua thiết lập nên là tốt hơn cả. Quyền thế có chính đáng hay không, họ không cần xét kỹ, nhưng họ rất quan tâm đến vấn đề làm sao nắm vững được quyền thế.

Muốn nắm vững được quyến thế thì vua phải đích thân và một mình giữ quyền thưởng phạt mà Hàn Phi gọi là "nhị bính" (hai quyền của vua), tuyệt nhiên không được san sẻ quyền đó cho một người nào, nếu không thì sẽ bị bề tôi chế ngự liền.

Thưởng phạt là công cụ hiệu lực nhất để trị dân. Trong chương trên chúng ta đã thấy thường dân chỉ ham lợi và chỉ phục tùng quyền lực. Bản tính của dân như vậy thì trị dân phải thuận theo nó, lợi dụng lòng ham lợi của dân, nghĩa là khen thưởng khi dân có công với quốc gia, và đánh vào lòng sợ quyền lực của dân, nghĩa là trừng trị khi họ có tội.

Một mình nắm hết quyền thưởng phạt như vậy nhất định là chuyên chế rồi, vì hồi đó Trung Hoa chưa biết thuyết phân quyền: Lập pháp là do vua, hành pháp cũng do vua mà quyền thưởng phạt (tư pháp) cũng do vua nữa.

Hàn Phi cũng nhiều lần nhắc vua phải chí công vô tư, phải bỏ tư lợi tà tâm mà theo phép công thì nước mới thịnh được.

Thiên *Hữu độ* ông viết:

"Không nước nào luôn luôn mạnh, không nước nào luôn luôn yếu. Người thi hành pháp luật (tức vua) mà cương cường thì nước mạnh, người thi hành pháp luật mà nhu nhược thì nước yếu (...). Cho nên ở vào thời này, nhà cầm quyền nào biết bỏ tư lợi tà tâm mà theo phép công thì dân sẽ yên, nước trị: Biết bỏ hành động riêng tư mà làm theo phép công thì binh sẽ mạnh, mà địch sẽ yếu".

□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□ (…) □□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□

(Quốc vô thường cường, vô thường nhược. Phụng pháp giả cường, tắc quốc cường, phụng pháp giả nhược, tắc quốc

nhược (...). Cố đương kim chi thời, năng khứ tư khúc, tựu công pháp giả, dân an nhị quốc trị; năng khứ tư hành, hành công pháp giả, tắc binh cường nhi địch nhược).

Nhưng Hàn chỉ cảnh cáo, nhắc nhở các vua chúa như vậy thôi, còn như nếu gặp ông vua hôn ám như Kiệt, Trụ chẳng hạn thì Hàn không nghĩ ra cách nào ngăn cản được, mà hạng sĩ giỏi pháp thuật có lòng như ông đành trốn qua nước khác hoặc chịu chết; còn dân chúng thì Hàn lại càng không quan tâm tới, họ phải ráng mà chịu. Hàn không cho dân chúng có quyền làm cách mạng như Mạnh tử, cũng không dám nói rằng dân như nước, vua như thuyền, nước chở thuyền mà cũng lật được thuyền. Đọc bộ *Hàn Phi tử* chúng tôi thấy Hàn Phi như tránh vấn đề đó, chỉ bày mưu thuật cho

vua nắm dân,[58] chỉ tìm cách làm cho nước giàu và mạnh, mà không xét đến nỗi đau khổ của dân, chỉ cho dân mỗi cái quyền này: Kẻ làm lợi cho nước thì được thưởng, thế thôi. Muốn được hưởng cái quyền đó, dân và các quan lớn nhỏ tuyệt đối phải phục tùng vua:

"Người hiền làm bề tôi thì (...) không có hai lòng, ở triều đình không dám từ chối một địa vị thấp hèn, trong quân đội không dám từ chối việc gian nan, một mực thuận tòng việc làm, pháp độ của vua, hư tâm (nghĩa là không sẵn có ý riêng) để đợi mệnh lệnh, không dám dị nghị phải trái; cho nên có miệng mà không được nói ý riêng, ví như cánh tay, trên che đầu, dưới che thân, thân thể

nóng hay lạnh thì phải cứu, dù có lưỡi kiếm Mạc Da kề thân cũng không dám không bắt.”

□□□□□□... □□□□□□□□□□□□ □□□□□□; □□□□□□□□□□□□□ □□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□ □□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□ □□□□□□□□□□□□□□□□□□□□ □□□□□□□

(Hiền giả chi vi nhân thần... vô hữu nhị tâm. Triều đình bất cảm từ tiện, quân lữ bất cảm từ nan; thuận thượng chi vi tùng chủ chi pháp, hư tâm dĩ đãi lệnh, nhi vô thị phi dã. Cố hữu khẩu bất tư ngôn, hữu mục bất tư thị, nhi thượng tận chế chi. Vi nhân thần giả, thí chi nhược thủ, thượng dĩ tu đầu, hạ dĩ tu túc, thanh noãn hàn nhiệt, bất đắc bất cứu, Mạc Da phó thể, bất cảm phất

bác - *Hữu độ*).

Thật ngược hẳn với Mạnh tử.

Hơn nữa, Hàn còn cho hạng ẩn sĩ đáng giết vì tuy họ không làm hại gì cho nước nhưng cũng không làm lợi gì cho nước. Thiên *Ngoại trừ thuyết hữu thượng* ông chép truyện Thái Công Vọng khi mới được phong ở nước Tề, sai giết ngay hai anh em ruột Cường Dật và Hoa Sĩ chỉ vì họ đều là cư sĩ, "cày ruộng mà ăn, đào giếng mà uống, không cầu gì ở người, không nhận bổng lộc, danh hiệu của vua". Chu Công Đán ngạc nhiên sai người tới hỏi tại sao lại giết những người hiền như vậy, Thái Công Vọng đáp: "Họ không chịu làm bề tôi thiên tử (nhà Chu) thì Vọng tôi (chư hầu) không coi họ là bề tôi được; họ không chịu làm bạn chư hầu thì Vọng tôi không

thể sai khiến họ được; họ cày ruộng mà ăn, đào giếng mà uống, không cần gì ở người khác thì tôi không thể thưởng phạt, khuyên cấm họ được. Vả lại họ không nhận danh hiệu của vua ban thì họ dù có tài trí cũng không thể cho Vọng tôi dùng; họ không cần bổng lộc thì dù họ có hiền đức cũng không lập công với Vọng được. Họ không chịu làm quan thì không trị họ được, họ không chịu lãnh nhiệm vụ thì họ không trung với mình. Tiên vương sở dĩ sai khiến thần dân được là nhờ tước lộc hoặc hình phạt. Nay dùng cả 4 cái đó không đủ sai khiến họ thì Vọng tôi sai khiến được ai bây giờ? (...). Họ tự cho là hiền sĩ trong đời mà không để cho chúa dùng (...) có khác chi con ngựa kí (chạy rất nhanh) mà không lái qua tả qua hữu được, vì vậy mà tôi phải giết".

Chuyện đó chắc là bịa (Hàn đã không nghiệm trước khi dẫn chứng) vì thời gian đó người ta còn trọng các ẩn sĩ như Bá Di, Thúc Tề, mà Thái Công Vọng là người tốt, có thời đã ở ẩn câu cá trên sông Vị, đâu có hành động như vậy. Đó là chủ trương của pháp gia. Trang tử mà sống ở nước Hàn, cùng thời với Hàn thì khó mà được "lết cái đuôi trong bùn"!

Vì Hàn Phi không xét quyền uy như thế nào là chính đáng, không đặt vấn đề nếu vua dùng bậy quyền uy thì sao, chỉ tôn quân triệt để mà không quý dân, cho nên mặc dầu học thuyết của ông có nhiều điểm độc đáo mà hậu thế cũng chỉ coi ông là một lý thuyết gia về chính trị, chứ không phải là một triết gia. Người ta còn trách rằng chính vì Thương Ưởng và ông mà

Tần mới có câu: *"Vua bắt bề tôi chết mà bề tôi không chết là bất trung"*. - Quan niệm quái gở về đạo trung quân đó của Pháp gia chứ đâu phải của Nho gia.



Sự cách biệt giữa vua và dân có lẽ cũng vì Pháp gia mà rộng thêm, sâu thêm. Chủ trương của Hàn Phi là dùng uy quyền, dùng sức mạnh vì thời ông là thời trọng sức mạnh (Nước sở dĩ được trọng, vua sở dĩ được tôn là nhờ sức mạnh) chứ không dùng nhân nghĩa, nhân nghĩa là nhu nhược.

Chương trên chúng ta đã thấy vì quyền lợi ngược nhau, vua phải coi bề tôi như kẻ lúc nào cũng muốn đoạt ngôi của mình, không nên tin họ mà phải đề phòng họ. Chương này chúng ta lại thấy vua không được thương dân, không cần được lòng

dân, vì dân như trẻ con, không biết cái lợi lâu dài, chỉ nhìn cái lợi trước mắt thôi, theo ý dân thì sẽ loạn. Thiên *Hiển học*, Hàn viết:

"Bọn không biết trị nước ngày nay nhất định bảo: "Cần được lòng dân". Nếu được lòng dân là nước được trị thì còn cần dùng gì đến Y Doãn (khai quốc công thần của vua Thành Thang), Quản Trọng nữa, cứ nghe lời dân là đủ rồi, nhưng cái trí của dân không dùng được, cũng như cái lòng của trẻ con vậy. Một đứa trẻ đau ở đầu, không cạo đầu thì nó lại đau lại, không nặn mụn nhọt cho nó thì mụn nhọt ngày càng tấy lên. Muốn cạo đầu nặn mụn nhọt thì một người phải ghì nó để cho mẹ hiền của nó làm việc ấy. Như vậy mà nó còn gào khóc không

ngừng, vì nó không biết phải chịu đau một chút rồi mới được cái lợi lớn (là hết bệnh). Nay bậc vua chúa gấp vỡ đất, cày ruộng để dân có thêm tài sản mà dân oán là tàn khốc; sửa hình pháp và trừng phạt để ngăn cấm bọn gian tà mà dân oán là nghiêm khắc; thu thuế bằng tiền gạo để cho kho lẫm được đầy mà cứu tế khi đói kém, cung cấp cho quân đội, mà dân oán là tham lam (...) gom sức lại đánh cho mạnh để bắt giặc mà dân oán là tàn bạo. Bốn việc đó để trị an mà dân không biết mừng. Sở dĩ vua chúa cầu bậc sĩ thánh trí là vì dân trí không đủ cho mình theo được. Ngày xưa ông Vũ khơi sông (Dương Tử), đào sông (Hoàng Hà) mà dân gom ngói và đá (tính ném ông).Tử Sản vỡ đất trồng dâu mà người nước

Trịnh chê bai. Ông Vũ làm lợi cho thiên hạ, ông Tử Sản bảo tồn cho nước Trịnh mà đều bị hủy báng, như vậy dân trí có thể dùng được không là điều ta thấy rõ rồi. Cho nên (...) làm chính trị mà mong vừa lòng dân đều là mối loạn, không thể theo chính sách đó trị nước được".

□□□□□□□□“□□□□□”□□□□□
□□ □□□□□□□□□□□□□□□□□□
□□□...□□□□□□□□□□□□□□□□□
□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□
□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□
□□□□ [...]□□□□□□□□□□□□□□
□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□
□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□
□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□
□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□
□□□(...)□□□□□□□□□□□□□□ □

□ □ □ □

(Kim bất tri trị giả tất viết: "Đắc dân chi tâm". Đắc dân chi tâm nhi khả dĩ vi trị, tắc thị Y Doãn, Quản Trọng vô sở dụng dã, tương thính dân nhi dĩ hĩ (...) Kim thượng cấp canh điền khẩn thảo, dĩ hậu dân sản dã, nhi dĩ thượng vi khốc; tu hình trọng phạt, dĩ vi cấm tá dã, nhi dĩ thượng vi nghiêm; trưng phú tiền túc, dĩ thực thương khổ, thả dĩ cứu cơ cận, bị quân lữ dã, nhi dĩ thượng vi tham [ ][59] tính lực tật đấu sở dĩ cầm lỗ dã, di nhĩ thượng vi bạo. Thử tứ giả sở dĩ trị an dã, nhi dân bất tri duyệt[60] dã. Phù cầu thánh thông chi sĩ giả, vi dân trí chi bất sư dụng. Tích Vũ quyết Giang tuấn Hà, nhi dân tụ ngoã thạch, Tử Sản khai mẫu thụ tang, Trịnh

nhân báng tí. Vũ lợi thiên hạ, Tử Sản tồn Trịnh, giai dĩ thụ báng, phù dân trí chi bất túc dụng diệc minh hĩ. Cố (...) vi chính nhi kì thích dân, giai loạn chi đoan, vị khả dữ vi trì dã).

Đoạn đó ông chê Nho và Mặc là mị dân. Thiên *Lục phản*, ông nói rõ thêm: "Dùng pháp luật (nghiêm khắc) thì trước chịu khổ sau được lợi lâu bền; còn theo đạo nhân từ thì mới đầu được vui mà sau sẽ khốn cùng. Bậc thánh nhân cân nhắc, lựa cái lợi lớn cho nên dùng pháp luật mà bắt nhau chịu cực, và bỏ sự nhân ái đối với nhau." Ông đưa một số thí dụ để chúng ta dễ thấy; gia chủ nào bắt con em chịu lao khổ, cần kiệm thì sẽ khá lên, dù gặp năm mất mùa cũng được no ấm, còn gia chủ nào vì thương con em cho chúng ở không

vui chơi thì tất sẽ nguy, mà gặp năm đói kém, tất phải bán vợ đợ con.

Sau cùng, thiên *Nam diện*, ông bảo khi nước loạn thì phải cương quyết, nghiêm khắc lập lại sự bình trị, đừng ngại bị ám sát, như Thương Ưởng đi đâu lúc nào cũng dùng cái "thù" (một binh khí dài, có mũi nhọn) sắt, cái thuẫn nặng để đề phòng, như Tấn Văn Công phải dùng vệ sĩ, và Tề Hoàn Công phải dùng xe có vũ trang để đề phòng dân chúng.

Dân không phải là luôn luôn ngu như Hàn nghĩ, mà đại đa số là ngại sự thay đổi, muốn được yên thân, không nghĩ xa; phải kiên nhẫn, khéo léo giảng cho dân hiểu, mà khi dân đã vui vẻ theo đường lối của chính quyền rồi thì kết quả sẽ nhiều, còn như dùng chính sách mạnh của Hàn thì kết quả

có thể sẽ mau đấy nhưng không bền. Hàn chê dân chúng chỉ thấy cái lợi trước mắt mà không thấy cái lợi lâu dài, nhưng chính Hàn cũng mắc cái lỗi đó.

Lạ nhất là Hàn bảo quan, dân phải bỏ lòng trung với vua, nghĩa là cứ thi hành đúng lệnh của vua, giữ đúng pháp luật chứ không được hi sinh cho vua, không được tỏ lòng yêu vua. Trong *Ngoại trừ thuyết tả hạ*, ông kể chuyện Tần Chiêu Vương phạt dân vì dân cầu nguyện cho mình hết bệnh:

"Tần Chiêu Vương đau, dân chúng mỗi lý (hai mươi lăm nhà là một lý) chung nhau mua bò và nhà nào cũng cầu cho vua hết bệnh. Công Tôn Thuật ra ngoài thấy vậy, bèn vào mừng vua: "Trăm họ đều chung nhau mỗi lý mua bò để cầu nguyện cho vua hết bệnh". Chiêu Vương sai người

đi hỏi, quả có như vậy, ra lệnh: “Phạt mỗi lý phải nộp hai áo giáp (bằng da tê ngưu). Không ra lệnh mà tự ý cầu nguyện là thương quả nhân. Họ thương quả nhân thì quả nhân cũng phải đổi pháp luật mà làm vừa lòng họ, như vậy pháp luật không đứng được, sẽ đưa tới loạn và mất nước. Không bằng phạt mỗi lý hai áo giáp mà làm cho nước được trị trở lại”.

□□□□□□□□□□□□□□□□ □□□□□□□□□□□□“□□□□□□□ □□□”□□□□□□□□□□□□□“□□

(Tần Chiêu Vương hữu bệnh, bách tính

mãi ngưu[61] nhi gia vị vương đảo. Công tôn Thuật xuất kiến chi, nhập hạ vương viết: “Bách tính nãi giai lý mãi ngưu vị vương đảo”. Vương sử nhân vấn chi, quả hữu chi. Vương viết: “Tứ[62] chi nhân nhị giáp. Phù phi lệnh nhi thiện đảo giả, thị ái quả nhân dã. Phù ái quả nhân, quả nhân diệc thả cải pháp nhi tâm dữ chi tương tuần giả, thị pháp bất lập, pháp bất lập loạn vong chi đạo dã; bất như nhân phạt nhị giáp, nhi phục dữ vi trị”).

Thật là trái nhân tình. Chúng ta tưởng tượng mỗi một xã hội mà từ trên xuống dưới chỉ biết tuân pháp luật, không còn lòng thương, không còn chút tình nghĩa gì nữa, và kẻ nào tỏ ra có chút tình người thì bị nghi ngờ ngay là vị lợi, và bị phạt.

Truyện đó là một cố sự hay chỉ là một ngụ ngôn Hàn đặt ra?

^¤^

Giữ uy thế, nắm quyền thưởng phạt, sinh sát trong tay là để bắt các quan lại làm việc cho mình; nhưng trước hết phải lựa người, bổ dụng người trước đã. Suốt thời Tiên Tần, mà có lẽ cả hai ngàn năm sau nữa, không có một chính trị gia nào xét kỹ vấn đề dùng người như Hàn Phi.

Ông coi sự dùng người là một cái thuật rất khéo, thuật hiểu theo hai nghĩa là kỹ thuật và tâm thuật - và chúng ta có thể bảo, theo Hàn, thuật trị nước chỉ là thuật dùng người, cả "thế" - tức uy quyền - lẫn pháp luật, chung quy cũng chỉ là để chế ngự, sai khiến người.

Ông bảo một ông vua giỏi phải biết cách tận dụng trí lực của toàn dân:

"Sức một người không địch nổi đám đông, trí một người không biết được mọi việc; dùng một người không bằng dùng cả nước (...). Bậc vua thấp kém dùng hết khả năng của mình, bậc vua trung bình dùng hết sức của người, bậc vua cao hơn dùng hết trí của người (...). Khiến cho người nào cũng dùng hết tài trí của mình thì vua như thần, vua như thần thì kẻ dưới tận lực, kẻ dưới tận lực thì bề tôi không lợi dụng vua được; đạo làm vua như vậy là hoàn tất" (Lực bất địch chúng, trí bất tận vật, dữ kì dụng nhất nhân, bất như dụng nhất quốc (...) Hạ quân tận kỉ chi năng, trung quân tận nhân chi lực, thượng quân tận nhân chi trí (...) Sử nhân tương

dụng tắc quân thần, quân thần tắc hạ tận, hạ tận tắc thần bất nhân quân, nhi chủ đạo tất hĩ - *Bát kinh*). Vua phải hỏi ý kiến, dò xét lòng của mỗi bề tôi, mà không để lộ tình cảm, ý muốn của mình ra; như vậy có thể dùng được hết tài năng của họ, chế ngự được họ mà không để họ đoán được ý nghĩa của mình, mà mình sẽ như bậc thần linh. Cũng trong thiên *Bát kinh*, Hàn Phi còn bảo vua phải như trời, như quỉ: *"Truất giáng hay cất nhắc người dưới mà không theo pháp chế thì quyền lờn; thưởng phạt mà kẻ dưới cùng được dự vào thì uy của vua bị chia xẻ. Bởi vậy bậc minh chủ không vì thương yêu mà nghe lời người, không vì vui thích mà tính việc. Nghe lời người mà không tham khảo xem có đúng không thì quyền sẽ bị*

chia cho kẻ gian; không dùng trí thuật thì bị khốn vì bề tôi. Cho nên bậc minh chủ thi hành pháp chế thì (không thiên vị) như trời, dùng người thì (kín đáo) như quỉ. Như trời thì không bị chê, như quỉ thì không bị người ta dò xét mà lợi dụng.” (Cố minh chủ chỉ hành chế dã thiên, kì dụng nhân dã quỉ. Thiên tắc bất phi, quỉ tắc bất nhân). Vậy vua phải vừa là trời, là thần, vừa là quỉ. Muốn vậy điều quan trọng nhất là phải bỏ yêu ghét: *“Nếu vua để lộ lòng ghét của mình thì bề tôi che giấu cái xấu của họ; vua để lộ lòng yêu thích thì bề tôi làm ra bộ tài năng để hợp với sở thích của vua; vua để lộ lòng muốn thì bề tôi sửa đổi tính tình thái độ để thích ứng với lòng vua mà cầu lợi. Cho nên Tử Chi làm bộ hiền nhân mà*

đoạt được ngôi vua; Thụ Điêu, Dịch Nha lợi dụng sở thích của vua (Tề Hoàn Công) mà lấn vua; (kết quả là) Tử Khoái (vua Yên nhường ngôi cho Tử Chi) chết vì nội loạn, Hoàn Công chết đến khi giòi bò ra khỏi phòng mà chưa được chôn. Nguyên do tại đâu? Tại vua để lộ tình dục của mình để bề tôi lợi dụng (mà mưu lợi cho họ). Bề tôi vị tất đã yêu vua, họ chỉ tính cái lợi lớn cho họ thôi. Bậc vua chúa không che dấu tình dục, để bề tôi có cơ hội lấn át mình thì bề tôi học cái thói của Tử Chi, Điền Thường đâu có khó. Cho nên bảo: "Vua bỏ yêu, bỏ ghét đi thì chân tướng của bề tôi sẽ hiện, mà vua sẽ không bị che lấp" (... Cố quân hiện ô tắc quân nặc đoan, quân hiện tắc quần thần vu năng, nhân chủ dục hiện tắc quần thần chi

tình thái đắc kỳ tư hĩ (...). Cố viết: Khử hiếu, khử ố, quần thần hiện tố, tắc nhân quân bất tế hỉ - *Nhị bính*).

Không được tỏ tình thương hay ghét, mà cũng không được giả vờ thương hay ghét, vì nếu *“giả thương rồi thì không trở lại ghét được nữa, giả ghét rồi thì không trở lại thương được nữa.”* (*Ngoại trừ thuyết hữu hạ*). Phải lầm lì bí mật chẳng những đối với bề tôi mà ngay cả với vợ con nữa, vì như chương trên chúng ta đã thấy, dù vợ con cũng không tin được, vợ con cũng có thể vì tư lợi của họ mà mong cho vua chết, và không thiếu gì kẻ gian thần đứng về phe họ để lật mình. Tuyệt nhiên không được tin ai cả. Nhất là những khi vua mưu tính chuyện quan trọng thì càng phải kín tiếng đề phòng cả trong giấc

ngủ: Phải ngủ một mình, sợ ngủ mê nói mớ mà người khác nghe được.

Vua lại phải giữ ý ở điểm này nữa, ăn mặc, cư xử, lối sống phải hoàn toàn khác người, không để cho dân có thể lầm một người khác với mình được; khi đi đường, không ngồi cùng xe với người y phục cũng đẹp đẽ như mình; tại nhà thì không ở chung với người trong họ, để người ngoài khỏi lầm người đó là vua. (*Ngoại trừ thuyết hữu hạ*).

Quan niệm "vua phải hoàn toàn bí mật" đó, Hàn Phi chắc đã mượn của Thân Bất Hại rồi khai triển ra thôi. Vì theo Hàn (trong *Ngoại trừ thuyết hữu thượng*) thì Thân Bất Hại nói: "Sự sáng suốt của bề trên mà để lộ ra thì người dưới sẽ đề phòng, sự không sáng suốt của bề trên mà

để lộ ra thì người dưới sẽ gạt bề trên; sự hiểu biết của bề trên mà để lộ ra thì người dưới sẽ tô điểm sự thật, sự không hiểu biết của bề trên mà để lộ ra thì người dưới sẽ giấu sự thật; sự không ham muốn của bề trên mà để lộ ra thì người dưới sẽ rình bề trên, sự ham muốn của bề trên mà để lộ ra thì người dưới sẽ nhử bề trên".

Lời của Thân và Hàn đều đúng cả đấy, đều hợp lý đấy, nhưng không hợp tình. Con người mà năm này qua năm khác không để lộ một chút tình cảm trong đời công cũng như trong đời tư, đối với người ngoài cũng như đối với vợ con, anh em, không tin một ai, cô liêu, lạnh lùng như một băng đảo, lầm lì bí hiểm như con cú vọ, con người đó có thể là trời, là thần, là quỉ, nhưng không có tình người, mà từ khi có nhân

loại tới nay và từ nay tới khi không còn nhân loại, không thể có được một nhà cầm quyền như vậy.

Hàn Phi rất thực tế, quá thực tế khi khuyên các vua chúa nhớ rằng trị dân là trị số đông, chứ không phải trị một số ít siêu nhân nên đừng cần dân phải có nhân nghĩa, miễn họ tôn trọng pháp luật, không làm bậy là được rồi; nhưng ông lại quên hẳn nguyên tắc đó đi mà bắt các vua chúa phải là một hạng siêu quân, bỏ hết tình người, để được như trời, như thần, như quỉ mà mưu cái lợi cho quốc gia.

PHỤ LỤC

Vì vua nắm hết quyền hành trong nước cho nên cũng chịu hết trách nhiệm về sự thịnh suy của quốc gia.

Trong *Hàn Phi tử* có một thiên, cách trình bày rất đơn giản, chỉ kể vắn tắt 47 "điềm" (cũng tức là nguyên nhân) mất nước (Vong trưng), không giảng giải phê bình gì cả. Hàn phân tích rất tỉ mỉ, nhưng không tổng hợp, không sắp đặt, cũng không phân biệt nguyên nhân nào quan trọng, nguyên nhân nào thứ yếu.

Tổng hợp lại chúng tôi thấy ba nguyên nhân chính:

- Vua thiếu tư cách: Xa xỉ (điểm

4), nhu nhược (điểm 8), tàn bạo (điểm 23, 26, 35), ương ngạnh, tự tin quá (điểm 12, 18), ham lợi (điểm 9) cộng lại khoảng 13, 14 điểm;

- Vua không biết tề gia, trong cung không có trật tự, có kẻ dâm loạn, mâu thuẫn giữa hoàng hậu và cung phi, đích tử và thứ tử, tất cả khoảng 10 điểm (17, 20, 30, 34, 37, 38...)

- Vua không biết trị nước, không dùng pháp thuật, không biết dùng người, để kẻ kiều cư lấn át mình..., tất cả hơn 20 điểm (1, 2, 3, 6, 7, 10, 14, 15, 16, 25, 28, 29, 33, 40, 44, 45...)

Vậy thì thuyết tu (thân) tề (gia) trị (quốc) của Nho gia cũng áp dụng được trong pháp gia? Và Pháp gia tuy chủ

trương pháp trị mà vẫn trọng tư cách, tài trí của nhà cầm quyền như chủ trương nhân trị? Mà bất kì trong một việc gì, phương pháp tuy quan trọng nhưng yếu tố nhân sự vẫn là căn bản? Không có người tốt thì phương pháp hay tới mấy kết quả vẫn hỏng.

CHƯƠNG IV

XÃ HỘI QUAN (tiếp): QUỐC GIA

Thời của Hàn Phi là thời tranh hùng giữa Tần và Lục quốc. Nước Hàn ở ngay cửa ngõ của Tần (cửa Hàm Cốc nằm trên biên giới chung của Hàn và Tần), mà lại nhỏ và yếu, cho nên ở vào thế nguy nhất: Tần chỉ lăm le chiếm Hàn để tiến qua phía đông mà thôn tính các nước Sở, Ngụy, Tề, Triệu, Yên; năm nước này cũng muốn chiếm Hàn để bít cửa Hàm Cốc, nếu không thì buộc Hàn phải theo mình để chặn Tần.

Vốn là công tử nước Hàn, lại có tính ái quốc cao, Hàn Phi muốn làm cho tổ quốc

ông mạnh lên đã, chứ chưa tính tới việc thống nhất Trung Quốc như Mạnh tử, Lương Tương vương thời trước[63], hoặc như Tần Thủy Hoàng thời ông. Cuối bài biểu dâng Tần Thủy Hoàng (bài *Tồn Hàn*), ông bảo nếu Thủy Hoàng làm theo kế hoạch của ông thì có thể không tốn sức mà làm cho Triệu, Tề, Ngụy, Sở, Hàn quy phục, nghĩa là làm cho thiên hạ quy về một mối. Nhưng đó chỉ là vì muốn cứu tổ quốc nên ông khuyên Tần đánh Triệu, đừng vội xâm chiếm Hàn, chứ chưa chắc ông đã thực tâm mong Tần thống nhất Trung Quốc. Nếu Tần trọng dụng ông mà hòa hảo với Hàn thì có thể ông giúp Tần đấy, nhưng Lý Tư biết tài ông rồi, đâu có chịu cho ông lấn tài mình.

Vậy học thuyết của Hàn chỉ nhằm mục đích làm cho một quốc gia mạnh lên để chống với các nước khác; một khi mạnh lên rồi, có xâm chiếm các nước khác không, là điều ông không bàn tới. Cho nên ông chỉ xét cái lợi của quốc gia, chứ không mưu cái lợi cho khắp thiên hạ như Mặc tử.

Trái với Mạnh tử, ông coi quốc gia trọng hơn dân. Mạnh bảo: *Dân vi quí, xã tắc thứ chi, quân vi khinh*. Hàn bắt dân phải hi sinh cho vua, vua phải làm cho nước mạnh và giàu, nghĩa là cũng phải phục vụ cho quốc gia. Vua đã phải phục vụ cho quốc gia thì cũng phải trọng cái lợi của quốc gia mà không được có tư tâm, tư tình, không được nghĩ tới cái lợi của riêng cá nhân mình.

Điểm quan trọng nhất đối với mọi

người trong nước, từ vua tới quan lại, dân chúng, là phải phân biệt minh bạch công và tư. Thiên *Ngũ đố*, Hàn viết:

"Nước Sở có người được tiếng là "ngay thẳng", cha ăn trộm cừu, anh ta báo quan. Quan lệnh doãn ra lệnh: "Giết nó đi", vì anh ta ngay thẳng đối với vua mà lại có lỗi với cha, cho nên tuy báo quan mà bị giết. Do đó mà xét, người bề tôi chính trực đối với vua là đứa con hung bạo đối với cha.

□□□□□□□□□□□□

(Phù quân chi trực thần, phụ chi bạo tử dã).

"Nước Lỗ có kẻ theo vua ra trận, ba lần đánh, ba lần chạy. Trọng Ni hỏi nguyên do, người đó đáp: "Tôi có cha già, tôi chết

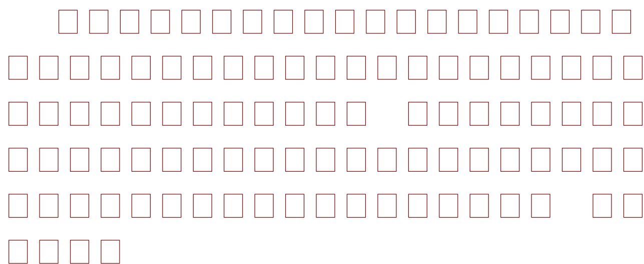
thì không ai nuôi”. Trọng Ni khen là hiếu, tiến cử người đó với vua Lỗ. Do đó mà xét, người con có hiếu với cha là kẻ bề tôi phản vua.

□□□□□□□□□□□□

(Phù phụ chi hiếu tử, quân chi bội thần dã).

“Cho nên quan lệnh doãn nước Sở giết kẻ tố cáo mà không ai tố cáo kẻ gian với bề trên nữa; Trọng Ni thương kẻ bỏ chạy khi ra trận mà dân Lỗ dễ hàng giặc, bại tẩu; cái lợi của người trên kẻ dưới (tức của quốc gia và của cá nhân) khác nhau như vậy đó. Bậc vua chúa muốn vừa khen hạnh tốt của nhân dân, vừa mưu cái phúc cho xã tắc thì tất không thể được. Đời xưa, ông Thương Hiệt đặt ra chữ viết dùng cái hình như cái vòng tròn

khép (□) gọi là chữ "tư" (nghĩa là riêng), trái với "tư" là gọi là "công" (□) (chung); vậy ông Thương Hiệt đã biết rằng công và tư trái nhau rồi. Ngày nay coi công và tư lợi hại như nhau là "do cái họa của sự không biết thẩm xét".



(Cố lệnh doãn tru nhi Sở gian bất thượng văn, Trọng Ni thưởng nhi Lỗ dân dị hàng bắc. Thượng hạ chi lợi, nhược thị kỳ dị dã, nhi nhân chủ kiêm cử thất phu chi hạnh nhi cầu trí xã tắc chi phúc, tất bất cơ hĩ. Cổ giả Thương Hiệt chi tác tự dã, tự

hoàn giả vị chi tư[64], bội tư vị chi công. Công tư chi tương bội dã, nãi Thương Hiệt cố dĩ tri chi hĩ. Kim dĩ vi đồng lợi giả, bất sát chi hoạn dã).

Đây là một điểm rất quan trọng mà từ xưa tới nay cơ hồ nhân loại vẫn chưa giải quyết được ổn thoả: Sự mâu thuẫn giữa công và tư, giữa trung và hiếu.

Truyện Khổng tử khen người con vì hiếu mà đào ngũ, không biết có thật không. Nếu có thật thì ông đáng trách: chỉ nên xin giảm tội cho người đó thôi chứ không nên tiến cử; mà vua Lỗ cũng đáng trách: không nên bắt người đó ra trận, nên cho làm một công việc khác có thể ở gần cha mà giúp nước được, hoặc triều đình nên có một tổ chức nuôi những ông già đó để con họ có

thể hi sinh cho tổ quốc mà khỏi lo lắng cho cảnh của cha già. Vì vậy chúng tôi chưa tin hẳn truyện đó.

Còn trường hợp của cha ăn trộm cừu và con tố cáo thì *Luận ngữ* có chép nhưng hơi khác, và Khổng Tử chê con người đó: "Diệp công nói với Khổng tử: "Ở xóm tôi[65], có người rất ngay thẳng như cha ăn trộm cừu thì con đứng ra làm chứng, khai thật". Khổng Tử bảo: "Người ngay thẳng trong xóm tôi cư xử khác vậy: cha che lỗi cho con, con che lỗi cho cha; như vậy là ngay thẳng (trực tại kỳ trung hĩ)". (Tử Lộ - 18). Có lẽ Khổng tử muốn bảo: không nên tố cáo, cũng không nên nói ngược lại, cứ im lặng như không biết thế thôi.

Ăn cắp là một tội nhỏ, nếu cha phạm một tội nặng hơn nhiều, như giết người thì sao? Trường hợp này Mạnh tử đã ráng tìm lời giải quyết:

Một môn đệ của ông là Đào Ứng hỏi ông:

- Vua Thuấn làm thiên tử, ông Cao Dao coi về hình phạt, nếu ông Cổ Tẩu là cha vua Thuấn giết người thì xử cách nào?

Mạnh tử đáp: "Cứ việc bắt ông Cổ Tâu chứ có gì đâu?"

- Vậy vua Thuấn không cản ư?

- Vua Thuấn làm sao ngăn cản được? Phép truyền từ đời nọ sang đời kia là phép công mà.

- Như vậy ông Thuấn nên làm như thế nào?

- Ông Thuấn (không màng ngôi đế vương), coi thiên hạ như một đôi dép rách vậy, sẽ cõng cha mà chạy ra bờ biển ở, trọn đời vui vẻ (vì giữ được đạo hiếu) mà quên thiên hạ đi" (Tận tâm thượng - 35).

Chúng ta không biết ở vào trường hợp Mạnh tử, Khổng tử sẽ trả lời ra sao, chứ cách giải quyết của Mạnh tử lúng túng lắm, không ổn: Cõng cha đi trốn cũng là trái pháp luật vì như vậy vẫn là một cách ngăn cản sự thi hành của pháp luật: mà lại còn làm cho quốc dân mất một ông vua nhân từ hiền minh.

Nhưng bài đó cũng cho thấy rằng thời Mạnh tử, nếu dân tộc Trung Hoa chưa có ý thức rõ rệt về sự phân biệt quyền hành pháp và quyền tư pháp thì ít nhất cũng đã nhận rằng mọi người đáng được bình đẳng

về pháp luật. Chúng ta nên nhớ Mạnh tử đồng thời với Thân Bất Hại, Thận Đáo, Thương Ưởng.

Khổng giáo coi trọng đạo hiếu, cho rằng nó là gốc của đạo trung. Quan niệm ấy không phải là vô lý hoàn toàn vì thời đó gia đình quan trọng hơn thời chúng ta nhiều, quả thật là nền tảng của xã hội, gia đình có vững vàng thì xã hội mới vững: vả lại thực tế mà xét chung thì con người có hiếu thời đó thường là người tôi trung. Cho nên trong tư tưởng của Khổng Mạnh, công và tư chưa phân biệt được rõ ràng.

Mặc gia và Pháp gia cho rằng công và tư mâu thuẫn lẫn nhau và phải hi sinh tư cho công. Ở một chương trên chúng tôi đã kể truyện con một cự tử đạo Mặc phạm tội giết người, Tần Huệ Vương thương cự tử

đó tên là Phúc Thôn già có mỗi mình nó là con trai, nên tha tội cho nó. Nhưng Phúc Thôn không chịu, tâu: - Cái phép của đạo Mặc, giết người thì phải tội chết, đả thương người thì bị tội hình, như vậy để cấm giết người và đả thương người; cấm giết người đả thương người là đại nghĩa của thiên hạ. Mặc dầu nhà vua tha tội, không giết nó nhưng Phúc Thôn tôi không thể không thi hành phép của đạo Mặc.

Rồi người cha đó tự giết con. Trong lịch sử Trung Hoa, chưa bao giờ sự mâu thuẫn giữa gia đình và xã hội được giải quyết một cách bi thảm ghê gớm như vậy.

Pháp gia đả đảo tất cả những cái gì gọi là tư: tư lợi, tư dục, tư tình, tư học (cái học không hợp với đường lối của quốc gia như Nho gia, Mặc gia... thời Hàn Phi), tư

kiếm (tay kiếm riêng, nghĩa là bọn hiệp sĩ dùng cây kiếm để chém giết nhau chứ không trừ địch)... Sủng thần của vua mà phạm tội thì cũng bị giết như Điền Hiệt trong truyện thiên *Ngoại trừ thuyết hữu thượng*; Thái tử mà phạm pháp thì cũng bị trừng trị như con vua Trang vương nước Kinh, trong truyện cũng thiên đó, hoặc như con Tần Hiếu công (coi đời Thương Ưởng - phần I). Vua không thể vì tình riêng mà khoan hồng với sủng thần, với con được vì "kẻ phạm pháp, bỏ lệnh, không tôn kính xã tắc là lấn quyền vua, phạm thượng. Bề tôi lấn quyền thế của vua thì vua mất uy, kẻ dưới phạm thượng bề trên thì nguy. Uy mất, địa vị nguy thì xã tắc không giữ được". Mọi người bình đẳng trước pháp luật tức là mọi người đều phải trọng công

lợi hơn tư lợi, phải đặt quốc gia lên trên gia đình.

Đó là một tiến bộ: có trọng công hơn tư thì nước mới mạnh được, nhưng Pháp gia chưa đặt ra vấn đề nếu vua phạm pháp thì sao. Đó là một hạn chế của thời đại. Ngày nay không còn vua thì trung với vua thành ra trung với nước, địa vị của gia đình không quan trọng như hồi xưa, không còn đại gia đình, chỉ còn tiểu gia đình tức vợ chồng con cái vị thành niên, thì hiếu thành ra hiếu với dân; nhưng con người, như Hàn Phi đã nhận thấy, vốn bẩm sinh nghĩ tới tư lợi trước hết, thì mâu thuẫn giữa cá nhân và xã hội vẫn còn; vấn đề là phải tìm cách hòa giải mà giảm lần lần mâu thuẫn đi tùy từng giai đoạn.

^¤^

Một điểm tiến bộ nữa của Hàn Phi là chinh sách tự cường, và chỉ tin ở sức mạnh của mình thôi, không tin mạng trời hay thần quyền, cũng không tin ở nước ngoài.

Ông cũng như Tử Sản, Tuân tử cho rằng nước mà thịnh hay suy là do người chớ không do trời. Tử Sản bảo: "Đạo trời ở xa, đạo người ở gần, không liên quan gì với nhau" (coi tiểu sử Tử Sản - phần I).

Tuân Tử bảo: "Sao mà sa, cây mà kêu... đó là cái biến hóa của trời đất, âm dương, là sự ít khi xảy ra của vạn vật; cho là quái lạ thì nên, mà lo sợ thì không nên. Mặt trời mặt trăng có khi ăn lẫn nhau, mưa gió có khi không hợp thời, những ngôi sao lạ có khi hiện lên bất ngờ[66], nhưng cái đó không thời nào không thấy. Người trên

sáng suốt mà chính trị phải lẽ thì dù tất cả những cái quái lạ đều xuất hiện cũng không sao. Người trên mờ ám mà chính trị hiểm ác thì dù không có quái lạ nào xuất hiện, cũng không hay gì (*Thiên luận*).

Đầu thiên *Hữu độ*, Hàn Phi viết: "Người thi hành pháp luật mà cương cường thì nước mạnh; người thi hành pháp luật ma nhu nhược thì nước yếu", đại ý cũng như hai câu cuối của Tuân tử.

Thiên *Sức tà*, ông đả đảo thói bói toán, tin các sao tốt, sao xấu, kể trường hợp nước Yên bói mái rùa cỏ thi, được quẻ "đại cát" mà lại thua Triệu; Triệu cũng được quẻ đại cát mà thua Tần.

Tin cậy vào nước ngoài còn tai hại nhiều nữa. Càng gần tới cuối thời Chiến Quốc thì các tung hoành gia lại càng tha hồ

tung hoành. Bọn biện sĩ đó không có lý tưởng gì cả, chẳng trung với một vua nào cả, nước nào mạnh thì theo để hễ nước đó chiếm được một nước khác thì kể công mà xin chia đất của nước bị diệt; nếu rủi mà phải thờ một nước yếu thì ăn hối lộ của nước mạnh mà khuyên vua cắt đất thờ nước mạnh.

"Tô Tần, một biện sĩ, mà cũng phẫn uất về bọn đó lắm, mấy lần lớn tiếng mắng họ: Ở Sở: "Cậy cái uy lực của Tần ở nước ngoài mà ở trong hiếp đáp vua mình để đòi vua cắt đất cho Tần, đại nghịch, bất trung đến vậy là cùng cực" (Sở - I - 16).

Rồi ở Triệu:

"Họ cầu hòa với Tần thì có thể xây cất đài cao, sửa sang cung đẹp (...) rồi khi có cái họa vì Tần thì bỏ mặc vua" (Triệu II

1).

(...) Nhưng chính Tô Tần muốn dụ vua các nước đó (Sở, Triệu...) theo kế hoạch hợp tung cũng hứa dâng họ những sản phẩm, bảo vật cùng gái đẹp của nước mà Tô đương phụng sự. Cho nên thời đó đường cái nườm nượp xe ngựa của các vị sứ thần mà xe nào cũng chở đầy vàng bạc gấm vóc..." (*Chiến Quốc sách* - trang 67, 68 - Lá Bối - 1972).

Vua quan nước Hàn cũng bị bọn biện sĩ đó mê hoặc, thao túng nên mỗi ngày một suy, Hàn Phi đau xót nên trong thiên *Ngũ đố* cảnh cáo nhà cầm quyền:

"Quần thần bàn về đối ngoại, nếu không chia ra hai phe hợp tung và liên hoành thì cũng nhân có mối thù với nước khác mà mượn sức mình để trả thù. Hợp

tung là liên hợp các nước yếu (tức lục quốc) để đánh một nước lớn (Tần); liên hoành là thờ một nước mạnh để đánh các nước yếu, hai phe đó đều không duy trì được quốc gia.

"Bọn bề tôi nói chuyện liên hoành đều bảo: "Không thờ nước lớn thì tất bị địch xâm lược." Thờ nước lớn đâu phải là nói suông, tất phải đem bản đồ nước mình và ấn của các quan giao cho nước lớn để xin họ phân phát. Dâng bản đồ thì nước bị cắt xén, giao ấn thì danh phận bị hạ thấp; đất đai bị cắt xén thì yếu đi, danh phận bị hạ thấp thì chính trị rối loạn. Vậy là theo chủ trương liên hoành để thờ nước lớn, lợi chưa thấy mà đã thấy mất đất và loạn chính.

"Bọn bề tôi nói chuyện hợp tung đều

bảo: "Không cứu nước nhỏ mà đánh nước lớn thì thiên hạ sẽ bị thôn tính mà thiên hạ mất thì nước mình nguy, nước nguy thì vua hoá thấp hèn". Cứu nước nhỏ chưa chắc đã bảo tồn được nước đó mà đành nước lớn vị tất đã không có sự sơ hở (?), có sự sơ hở thì sẽ bị nước khác chế ngự. Xuất quân thì quân thua, lui về thì thành bị phá. Vậy là theo chủ trương hợp tung để cứu nước nhỏ, lợi chưa thấy mà đã mất đất thua quân.

"Kẻ chủ trương thờ nước mạnh chỉ mong nhờ thế lực nước ngoài để có quan chức lớn ở trong nước; kẻ chủ trương cứu nước nhỏ chỉ mong muốn dùng thế lực của nước mình mà cầu lợi ở nước ngoài. Quốc gia chưa được lợi gì mà họ đã được đất phong, lộc hậu; địa vị của vua bị hạ thấp

mà quyền thế của bề tôi lại thêm cao, đất đai của quốc gia bị cắt xén mà nhà riêng (của bề tôi) thì giàu thêm. Việc thành thì họ được nắm quyền mà được trọng dụng hoài; việc hỏng thì họ cũng giàu có rồi, lui về mà hưởng.”

Trong đoạn trên Hàn đã phân tích kỹ và đúng chính sách ngoại giao của bọn biện sĩ, nhất là lòng gian trá, tự tư lợi của họ. Cá nhân hành động vì tư lợi thì quốc gia cũng vậy, không bao giờ có nước nào mà thật tâm giúp nước nào, hoàn toàn vì lợi của nước họ mà giúp cả. Trong Thiên *Thuyết lâm thượng*, ông kể hai trường hợp để các vua chúa suy ngẫm. Trường hợp thứ nhất là nước Tề đối với nước Hình:

“Nước Tấn đánh nước Hình, Tề Hoàn Công muốn cứu. Bảo Thúc Nha tâu: - Còn

sớm quá! Nước Hình không mất thì nước Tấn không mệt: Tấn không mệt thì Tề không được trọng. Vả lại cái công cứu một nước nguy không lớn bằng cái công phục hưng một nước đã mất. Tốt hơn đại vương nên chậm cứu nước Hình để làm cho nước Tấn mệt, đợi Hình mất rồi mới phục hưng lại cho, như vậy xét về thực lực có lợi, mà xét về danh lại càng tốt".

Hoàn Công không cứu Hình nữa.

Trường hợp thứ nhì là Kinh (Sở) đối với Tống:

"Tề đánh Tống, Tống sai Tang Tôn tử xuống phía Nam cầu cứu với nước Kinh. Vua Kinh rất mừng, hứa sẽ tận lực giúp. Tang Tôn tử lo lắng ra về, người đánh xe thấy vậy hỏi:

- Việc cầu cứu có kết quả mà sao ngài lại có vẻ lo lắng? Tang Tôn tử đáp:

- Tống nhỏ mà Tề lớn. Cứu nước Tống nhỏ mà để cho nước Tề lớn ghét, điều đó ai cũng lấy làm lo mà vua Kinh lại mừng, chắc ông ta (hứa hão) để chúng ta kiên tâm chống cự. Chúng ta nếu kiên tâm chống cự, Tề sẽ mệt, đó là điều lợi cho Kinh. (Quả nhiên) Tề chiếm năm thành của Tống rồi mà Kinh vẫn chưa đem quân cứu".

Tang Tôn tử thật là sáng suốt. Một chính khách Á Đông bảy chục năm trước đã khuyên một nhà cách mạng của ta: Cá nhân có thể vị tha nhưng một quốc gia thì bao giờ cũng nghĩ tới cái lợi của mình trước hết. Trong lịch sử ngoại giao của nhân loại, những truyện giả nhân giả nghĩa, phản nước bạn như Tề, Sở không thể nào

chép hết được. Không có nhân nghĩa, chỉ có lợi thôi, không có tình cảm chỉ có sức mạnh thôi. Mạnh thì không bị người tấn công mà được yên ổn, lại có thể tấn công người mà thêm mạnh. Và Hàn khuyên:

"Mà cái sự mạnh và trị (yên ổn) thì không thể trông vào việc ngoại giao, nó tùy nội chính (tốt hay không). Không thi hành pháp luật ở trong nước mà cứ trông vào mưu trí đối ngoại thì không thể trị và mạnh được. Tục ngữ có câu "Tay áo dài thì khéo múa, tiền của nhiều thì khéo buôn", nghĩa là có nhiều vốn thì dễ thành công. Nước trị và mạnh thì dễ mưu sự, nước yếu và loạn thì khó thiết kế. Cho nên dùng ở nước Tần (nước mạnh) mưu có thể thay đổi 10 lần cũng ít thất bại: Dùng ở nước Yên (nước yếu) mưu chỉ một lần thay

đổi mà cũng ít thành công; không phải vì mưu dùng ở Tần đều khôn cả, mưu dùng ở Yên đều ngu cả, chỉ vì cái “vốn” trị hay loạn khác nhau đấy thôi”.

□□□□□□□□ □□□□□□□□□□□□□□ □□□□□□ □□□□□□□□□□□□“□□□□□□□□□□”□□ □□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□

(Trị cường bất khả trách ư ngoại, nội chính chi hữu dã. Kim bất hành pháp thuật ư nội, nhi sự trí ư ngoại, tắc bất chí ư, trị cường hỉ. Bỉ ngạn viết: “Trường tụ thiện vũ, đa tiền[67] thiện cổ”. Thử ngôn đa tư chi dị vị công dã. Cố trị cường dị vi mưu,

nhược loạn nan vi kế. Cố dụng ư Tần giả, thập biến nhi mưu hi thất, dụng ư Yên giả, nhất biến nhi kế hi đắc. Phi dụng ư Tần giả tất trí, dụng ư Yên giả tất ngu dã. Cái trị loạn chi tư dị dã - *Ngũ đố*).

Hàn đưa ra chứng cứ: "Chu li khai Tần mà theo hợp tung, mới nửa năm đã mất. Vệ li khai Ngụy mà theo liên hoành, mới nửa năm đã mất. Giá Chu và Vệ khoan tính cái kế hợp tung hay liên hoành, mà gấp lo việc trị nước, làm cho pháp lệnh nghiêm minh, thưởng phạt xác định, khai phá hết đất đai để súc tích cho nhiều, khiến cho dân xuất tử lực ra giữ vững thành trì thì thiên hạ dù có chiếm được đất mình, lợi cũng không được bao, công phá được nước mình thì tổn thất cũng nặng (...). Đó là cái thuật chắc chắn giữ nước cho khỏi mất".

Lời khuyên thật xác đáng. Không một nước nào có thể cô lập được, ngoại giao tuy cần, và cũng phải có lúc nhờ đến nước người đấy, nhưng trước hết chính mình phải mạnh đã, mà khi mình mạnh thì không phải là nhờ người mà là sai người.

Muốn cho nước mạnh thì toàn dân phải là một khối, không được rời rạc, cho nên Hàn rất chú trọng đến sự "cáo gian" kiểm soát từng hành động của mỗi người dân, và thống nhất tư tưởng.

Chính sách cáo gian (tố cáo kẻ gian) ông mượn của Mặc Tử và Thương Ưởng. Vì tin rằng bản tính con người chỉ mưu tư lợi, vợ chồng, cha con, vua tôi đều có thể là kẻ thù của nhau cả, cho nên Hàn Phi thấy trong xã hội toàn những kẻ gian, gần như thiên nào trong sách ông cũng khuyên

nhà cầm quyền phải đề phòng kẻ gian, đặc biệt là các thiên *Bát gian, Gian kiếp thí thần, Bát thuyết, Bát kinh*. Ông cho sự cáo gian là bổn phận của mỗi người, một hành động tốt, đáng thưởng, và ai cũng được phép tố cáo bất kỳ ai, ở triều đình, trong các nha sở và ở khắp các làng xóm, châu quận.

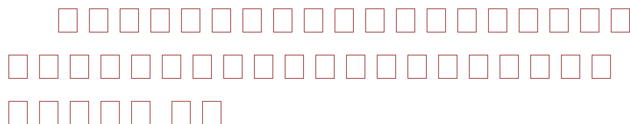
Thiên *Bát thuyết* ông viết:

"Cái đạo của minh quân là người hèn được tố cáo việc gian của người sang; thượng cấp có tội, thuộc hạ không tố cáo thì bị liên lụy; vua muốn biết rõ sự thực thì phải tham bác ý kiến của nhiều người...".

Thiên *Bát kinh*, ông lại nói:

"Trong một huyện, nhà nào cũng gần nhau, họp nhau thành từng "ngũ" (năm

nhà), từng "liên" (250 nhà), hễ ai tố cáo lỗi của người khác thì được thưởng, không tố cáo thì bị trừng trị. Bề trên đối với người dưới, người dưới đối với bề trên đều như vậy cả; như vậy thì trên dưới, sang hèn đều đem pháp luật ra răn nhau, đem điều lợi ra dạy nhau".



(Ngũ, gia, liên, huyện nhi lân, yết quá thưởng, thất quá tru. Thượng chi ư hạ, hạ chi ư thượng diệc nhiên. Thị cố thượng hạ quí tiện tương úy di pháp, tương hối dĩ lợi).

Trong thiên *Nạn tam*, ông chép lại truyện dưới đây:

“Lỗ Mục công hỏi Tử Tư (cháu nội của Khổng Tử): - Ta nghe nói con của Bàng Giản bất hiếu. Hạnh kiểm nó ra sao?

Tử Tư đáp: - Người quân tử tôn hiền trọng đức, nêu điều tốt ra để khuyên người, còn những hạnh kiểm lầm lẫn là để cho tiểu nhân nhớ, thần không biết tới.

Tử Tư lui ra, Tử Phục Lệ Bá (một đại phu nước Lỗ) vô, Mục công hỏi về con họ Bàng Giản, Tử Phục Lệ Bá nói: - Nó có ba cái lỗi mà nhà vua chưa được nghe.

Từ đó Mục công quí Tử Tư và coi thường Lệ Bá”.

Tử Tư đã theo được đúng lời dạy: “Quân tử thành nhân chi mĩ”[68] của ông nội. Pháp gia cho dạy dân như vậy là làm loạn nước. Hàn dẫn lời của Giang Ất bảo

vua nước Sở, đại ý rằng nếu người quân tử không che cái tốt của người, không vạch cái xấu của người thì những kẻ làm loạn sẽ thành công mà nước sẽ nguy.

Ông biết Thương Ưởng là nạn nhân của chính sách mình, nhưng ông đã can đảm bảo nếu gặp một ông vua theo pháp thuật của ông để làm cho nước mạnh thì dù chết thảm như Thương Ưởng ông cũng không ngại; mà lịch sử đã chứng minh rằng trong thời loạn, chính sách mạnh của Thương Ưởng làm cho quốc gia mau mạnh, nhưng lịch sử cũng chứng tỏ thêm rằng nếu chỉ dùng chính sách đó thôi thì khó mà bền được, nhất là khi kẻ thù ở sát biên giới luôn luôn tìm cách khai thác sự bất mãn của dân trong nước.

Hàn Phi cũng rất nghiêm khắc về việc

thống nhất tư tưởng: Cấm "học tư"[69], cấm tranh biện. "Học tư" là các thuyết của Nho, Mặc, Lão, Trang, Trâu Diễn... và của các biện sĩ, còn học công là pháp lệnh của quốc gia. Pháp gia cấm tất cả những cái riêng tư mà học tư là cái nguy hiểm nhất, làm cho vua quan và dân chúng hoang mang, chia rẽ, hoang mang thì không tin chính quyền, chính quyền khó sai khiến, mà chia rẽ thì yếu.

Thiên *Hiển học*, ông vạch những mâu thuẫn lẫn nhau giữa các học thuyết lưu hành đương thời, mà các vua chúa không biết phán đoán đều tin cả, thành thử không có chủ trương nhất định, đầu mối của loạn. Ông đưa ra hai thí dụ: Mặc khuyên phải tiết kiệm trong việc chôn cất, mà Nho thì

phá sản trong việc chôn cất. Nho và Mặc trái nhau như vậy, nếu khen Mặc là tiết kiệm thì phải chê Nho là xa xỉ, nếu khen Khổng Tử là hiếu thì phải chê Mặc tử là có tội, vậy mà các bậc vua chúa lại tôn trọng cả hai! Tất Điêu chủ trương hễ ai khinh mình, dù là vua chúa mình cũng dám nổi giận mà đáp lại, còn Tống Vinh tử (Tống Khanh) thì lại không cho bị người ta khinh là nhục. Hai nhà đó trái nhau như vậy, nếu khen Tất Điêu là cương trực thì phải chê sự khoan thứ của Tống Vinh tử là sai; ngược lại nếu khen Tống Vinh tử là phải thì phải chê Tất Điêu là trái, vậy mà các bậc vua chúa lại trọng cả hai. Rồi Hàn Phi kết:

"Cái học ngu và lường gạt, các lời tranh biện hỗn tạp và mâu thuẫn đó, các

bậc vua chúa đều tin cả, cho nên kẻ sĩ trong thiên hạ không lấy gì làm tiêu chuẩn, hành động không có chủ trương nhất định (...). Nay cũng nghe theo những cái học hỗn tạp, cùng làm theo những lời mâu thuẫn nhau thì làm sao khỏi loạn cho được?”

□□□□□□□□□□□□□□□□□□□ □□□□□□□□□□□□□□□(...)□□□□ □□□□□□□□□□□□□□□

(Tự ngu vu chi học, tạp phản chi từ tranh, nhi nhân chủ câu thính chi, cố hải nội chi sĩ, ngôn vô định thuật, hành vô thường nhị (...) Kim kiêm thính tạp học, mậu hành đồng dị chi từ, an đắc vô loạn hồ? - *Hiển học*).

Thiên *Ngụy sử*, ông nói thêm:

"Đặt ra pháp lệnh là để bỏ cái riêng tư, hễ pháp lệnh được thi hành thì cái đạo riêng bị phế. Riêng tư là cái làm loạn pháp. Kẻ sĩ có hai lòng, theo cái học riêng, ở trong núi trong hang, mượn cớ tìm những ý sâu xa, lớn thì mạt sát đời, nhỏ thì làm mê hoặc kẻ dưới mà bề trên không cấm lại còn theo, tặng họ danh hiệu tôn quý cùng tài sản, như vậy là kẻ không có công thì được vinh hiển, kẻ không làm lụng khó nhọc thì được giàu có. Như vậy kẻ sĩ hai lòng theo cái học riêng, làm sao mà khỏi cố tìm ra những ý mà họ cho là sâu xa, gắng dùng lời xảo trá phỉ báng pháp lệnh, để tự tạo ra cái thế chống lại đời? (...) Những kẻ được tiếng là thánh trí họp thành đám đông, lập thuyết giảng học để chê bai pháp luật trước mặt bề trên; bề

trên đã không cấm chỉ, lại còn theo mà tôn trọng, như vậy là dạy kẻ dưới không nghe lời người trên, không tuân pháp luật...”.

Vì vậy phải cấm ngặt mọi cái học tư, chỉ dạy cái học công, tức pháp luật:

“Một nước có minh chủ thì không dùng văn học trong sách, chỉ lấy pháp luật mà dạy dân, không dùng lời của các tiên sinh (các học giả như các Tắc hạ tiên sinh) chỉ dùng quan lại làm thầy (dạy pháp luật). Không có bọn hiệp khách hung hãn, chỉ chém được đầu giặc mới là dũng cảm. Nhờ vậy dân trong nước hễ đàm luận là căn cứ theo pháp luật, hễ hành động là hướng về sự lập công, sự dũng cảm đem dùng hết vào việc quân mà thời bình thì nước giàu, lúc có giặc thì binh mạnh. Đó là cái vốn để lập vương nghiệp”.

□ □□ □ □□□ □□ □ □□□ □□ □□□ □ □□ □□□ □ □ □□□ □□ □ □□□□□ □ □□□ □□ □ □□□□□ □□ □ □ □ □□□ □ □ □ □ □□□□ □ □ □ □ □ □□□□□□ □ □ □□□□ □ □ □□ □ □□ □ □□

(Cố minh chủ chi quốc, vô thư giản chi văn, dĩ pháp vi giáo; vô tiên sinh ngữ, dĩ lại vi sư; vô tư kiếm chi hãn, dĩ trảm thủ vi dũng. Thị dĩ cảnh nội chi dân, kỳ ngôn đàm giả tất quĩ ư pháp, động tác giả qui chi ư công, vi dũng giả, tận chi ư quân, thị cố võ sự tắc quốc phú, hữu sự tắc binh cường, thử chi vị vương tư - *Ngũ đố*).

Nghĩa là những kinh, thư của Khổng Tử, Mặc Tử, Lão tử... phải bỏ hết ráo, các trường của phái này phái nọ phải đóng cửa hết (ngay cả trường của Tuân tử cũng vậy).

Thiên *Vấn biện*, giọng của Hàn còn cương quyết hơn:

"Trong nước của một vì minh quân thì lệnh là lời rất quí, pháp luật là việc rất thích đáng. Cho nên lời nói và việc làm mà không theo pháp lệnh thì phải cấm".

□ □□□

(Minh chủ chi quốc, lệnh giả ngôn tối quí giả dã; pháp giả sự tối thích giả dã. Ngôn vô nhị quí, pháp bất lưỡng thích, cố ngôn hành nhi bất quĩ ư pháp lệnh giả, tất cấm).

Còn trong một nước loạn thì "vua ban lệnh mà dân lấy văn học để chê bai, công sở có pháp luật là dân lấy hành động riêng

để sửa pháp luật theo ý mình, vua làm loạn pháp lệnh mà trọng trí lược, hành vi của bọn học giả, vì vậy mới có nhiều văn học".

Lý Tư chắc đã đọc thiên *Ngũ đố* và có thể cả thiên *Vấn biện* của Hàn, khi dâng Tần Thủy Hoàng tờ sớ bất hủ đề nghị "đốt sách chôn Nho" mà chúng tôi xin trích một đoạn do Trần Trọng Kim dịch (*Nho giáo*, quyển thượng trang 350-351, Tân Việt in lần thứ ba, không đề năm):

"Thuở trước thiên hạ tán loạn không có thống nhất, cho nên chữ nho dấy lên, động nói cái gì là nói thời cổ để làm hại đời kim, trang sức những lời hư ngôn để làm rối mất sự thật. Người nào cũng cho cái học riêng của mình là phải, mà chê bai những điều kiến lập của người trên (...).

Mỗi khi nhà vua có một hiệu lệnh gì xuống, họ cứ lấy cái học của họ để nghị luận, vào thì trong lòng không cho là phải, ra thì túm năm tụm ba lại để bàn tán, khoe cái chủ kiến của mình để lấy tiếng, cố lập dị cái cách tháo thủ để làm cao, đem kẻ quần hạ để đặt lời hủy báng"... Vậy phải "Đốt hết thi thư cùng Bách gia ngữ, ai dám thì thầm với nhau về sách Thi, Thư thì chém bỏ xác ngoài chợ, ai lấy đời xưa để chê đời này thì chém cả họ (vì ngôn vô nhị quí). Những sách để lại là sách thuốc, sách bói (Lý khác Hàn ở điểm sách bói này), sách trồng cây. Ai muốn học pháp lệnh thì phải lấy kẻ lại làm thầy" (Dĩ lại vi sư).

Đúng là lý luận và ngôn ngữ của Hàn Phi. Thế là chấm dứt một thời tự do tư tưởng kéo dài mấy trăm năm, suốt thời

Xuân Thu và Chiến Quốc, thời rực rỡ nhất của Triết học Trung Hoa. Luật tự nhiên như vậy; loạn quá thì phải trị, tự do quá thì phải chặn lại. mà phản ứng thì bao giờ cũng mạnh quá mức cần thiết. Hàn Phi đã bảo thuốc có đắng mới hết bệnh, có mổ nhọt nhọt mới lành.

Quốc gia của Hàn không cần Thi, Thư, không cần văn học, coi bọn học giả khen đạo tiên vương, bọn biện sĩ "gian trá" là những loài mọt (Ngũ đố) - Chỉ bọn biện sĩ gian trá thôi vì biện sĩ mà trọng pháp thuật như ông thì tất nhiên là đáng được tôn trọng - rồi tới nông phu và chiến sĩ; nông phu có tận lực thì nước mới giàu, mới có lúa để nuôi chiến sĩ; chiến sĩ có hi sinh thì nước mới mạnh mà thắng được địch, lẽ đó dễ hiểu. Rất nhiều lần Hàn đề cao công lao

của “pháp thuật chi sĩ”, của “nông chiến chi sĩ”, và mạt sát bọn công thương vì theo ông hai hạng này là cái nghề ngọn (nghề nông là nghề gốc), không sản xuất được gì cả mà còn có hại cho nước. Chẳng hạn thiên *Ngụy sử*, ông bảo:

“Kho lẫm đầy là nhờ nghề gốc, tức canh nông, thế mà những kẻ làm những nghề ngọn như dệt gấm vóc, chạm vẽ lại giàu. Danh sở dĩ thành được, đất sở dĩ mở rộng được là nhờ chiến sĩ, mà nay con côi của tử sĩ chết đói xin ăn ở ngoài đường, còn bọn hề, kép hát, rượu chè lại ngồi xe, mặc đồ lụa (...) Bề trên cầm pháp độ để chuyên nắm quyền sinh sát trong tay, mà nay kẻ sĩ giữ pháp độ muốn đem lòng trung can gián thì không được yết kiến, còn kẻ khéo nói, bẻm mép, dùng

mưu gian, may mắn mà thành công ở đời thì lại thường được vua vời”.

□□□□□□□□□□□□□□□□□□□
□□□□□□□□□□□□□□□□□[70]□
□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□
□□□□□□□□□□(...)□□□□□□□□□
□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□
□□□□□□□□□□□□□□□□□□

(Thương lẫm chi sở dĩ thực giả, canh nông chi bản vụ dã, nhi cơ tổ cẩm tú, khắc họa vi mạt tác giả phú. Danh chi sở dĩ thành, địa chi sở dĩ quảng giả chiến sĩ dã, kim tử sĩ chi cô, cơ ngạ khuất ư đạo, nhi ưu tiếu tửu đồ chi thuộc thừa xa y ti (...) Thượng ác độ lượng sở dĩ thiện sinh sát chi bính dã, kim thủ độ phụng lượng chi sĩ, dục dĩ trung anh thượng nhi bất đắc kiến,

xảo ngôn lợi từ hành gian quĩ dĩ hãnh thâu, thế giả sắc[71] ngự).

Ý nghĩa đoạn đó cũng là ý trong những hàng: "làm cho thưởng phạt nghiêm minh, thưởng phạt xác định, khai phá hết đất đai để súc tích cho nhiều khiến cho dân xuất tử lực để giữ vững thành trì... đó là cái thuật chắc chắn giữ được nước cho khỏi mất" mà chúng tôi đã dẫn ở trên (trang 83).

Bọn thương nhân và bọn công nhân bị Hàn Phi liệt vào hạng du thủ du thực, hạng mọt của xã hội:

"Chính sách trị nước của bậc minh chủ là khiến cho bọn thương nhân, công nhân và bọn du thủ du thực ít đi và bị khinh để cho dân đổ xô vào các nghề gốc mà bỏ các nghề ngọn. Nay (...) quan tước

có thể mua được thì công nhân và thương nhân (nhờ giàu có) không còn thấp hèn nữa. Của gian và đồ gian được dùng ở chợ thì thương nhân tất nhiều. Tiền của họ tích tụ được nhiều gấp bội nhà nông mà địa vị của họ lại cao hơn nông gia và chiến sĩ, như vậy thì chiến sĩ tất ít mà bọn con buôn phải nhiều" (*Ngũ đố*).

Hàn bênh vực tân địa chủ, ghét thương gia, nhưng thương gia giàu có rồi thì tất mua đất mà thành tân địa chủ, lúc đó ông đối với họ ra sao?

Rốt cuộc, Hàn cũng giữ truyền thống trọng sĩ và nông, công thương; chỉ khác giai cấp sĩ của ông chỉ gồm pháp thuật chi sĩ và chiến sĩ, còn các kẻ sĩ khác (Nho sĩ, biện sĩ, hiệp sĩ...) đều phải diệt cho hết.

Tóm lại, quốc gia lý tưởng của Hàn Phi là một nước:

- Theo chế độ quân chủ chuyên chế; vua có uy thế tuyệt cao, nắm hết quyền hành, đích thân chế ngự quần thần, không ủy một chút quyền cho ai cả.

- Theo chủ nghĩa pháp trị: Ai cũng phải theo pháp luật, kể cả vua, chí công vô tư, mà không dùng nhân nghĩa, tình cảm.

- Thống nhất về tư tưởng, không dung nạp các "học tư" tức các học thuyết trái với chủ trương của chính quyền, cấm sự tranh biện và chỉ dạy pháp luật cho dân thôi (thầy học là các quan lại).

- Trọng nông và ức (gìm) công thương.

- Trọng vũ lực theo chủ nghĩa

quân quốc militarisme.

Trong một quốc gia như vậy, không có năm hạng "mọt" này:

1. "Bọn học giả khen đạo tiên vương, tạ khẩu là trọng nhân nghĩa, trau chuốt dung mạo, y phục và lời ăn tiếng nói để làm loạn pháp độ, làm mê hoặc lòng vua chúa" (ám chỉ Nho gia);

2. "Bọn du sĩ dùng thuyết gian trá, mượn thế lực của nước ngoài để đạt được tư lợi, làm thiệt hại cho quốc gia";

3. "Bọn đeo gươm tập hợp đàn em, lập tiết tháo để nổi danh mà phạm cấm lệnh" (ám chỉ Mặc gia);

4. "Bọn thị thần nịnh bợ, tích tụ tài sản, ăn hối lộ, mượn cái thế của nhà cầm quyền mà xin miễn dịch cho kẻ hối lộ họ";

5. “Bọn thương gia và công nhân sửa lại những đồ xấu xí, tích trữ những vật thường dùng để đợi thời bóc lột cái lợi của nông phu”. (*Ngũ đố*)

Còn sáu hạng “sĩ” có hại cho nước mà lại được người đời khen, thì cũng phải diệt:

1. Hạng “sĩ quí trọng sự sống”, sợ chết, trốn tránh hoạn nạn, hàng giặc.

2. Hạng “sĩ văn học” lập nên học thuyết làm trái pháp luật;

3. Hạng “sĩ tài năng” ở không, ăn bám

4. Hạng “sĩ biện trí” nói quanh co bậy bạ.

5. Hạng “sĩ dũng cảm” hung bạo, giỏi đâm chém người.

6. Hạng "sĩ hào hiệp" cứu sống giặc, giấu diếm kẻ gian (không cáo gian).

Trong quốc gia lý tưởng đó của Hàn, thương mại chỉ là trao đổi ít hàng hóa thường dùng, công nghệ cũng chỉ để chế tạo ít dụng cụ cần thiết, mĩ nghệ không có, không có âm nhạc, ca hát, trường học, nếu có thì cũng chỉ để dạy một số ít người biết đọc, biết viết, thuộc pháp luật để làm quan và giảng giải các pháp lệnh cho dân. Để trị nước, vua chỉ cần giữ cái thế, thi hành pháp luật và khéo dùng thuật chế ngự bề tôi. Trong những chương sau, chúng tôi sẽ lần lượt xét ba vấn đề đó: Thế, pháp và thuật.

CHƯƠNG V

THẾ

Trong phần I, chúng tôi đã nói Pháp gia đầu tiên bàn về cái "thế" là Thận Đáo. Đại ý ông ví vua với con rồng, rồng nhờ có mây mà bay lên cao được. Hiền và trí không đủ cho đám đông phục tòng mà quyền thế và địa vị đủ khuất phục được người hiền. Chẳng hạn "vua Nghiêu (bậc hiền trí) hồi còn là dân thường thì không trị được ba người, mà Kiệt khi làm thiên tử thì có thể làm loạn cả thiên hạ, nghĩa là ban lệnh nào - dù lệnh xấu - dân chúng răm rắp theo hết.

Chủ trương đó ngược với chủ trương của Nho gia mà Hàn Phi đã trình bày trong thiên *Nạn thế*, đoạn "Có kẻ trả lời Thân tử..." (coi phần dịch). Nho gia trọng hiền trí hơn địa vị, và cái uy thế của vua do giá trị của vua hơn là do địa vị. Con rồng mà bay được, đành rằng dựa vào cái thế của mây, nhưng trước hết là nhờ cái tài của nó, chứ nếu là con giun vô tài thì dù có mây cũng không cưỡi được. Vả lại cái thế - tức cái ngôi vua - tự nó không thể khiến cho người hiền dùng nó, kẻ bất tiếu không dùng nó. Người hiền dùng nó thì thiên hạ trị (như vua Nghiêu) kẻ bất tiếu dùng nó thì loạn (như vua Kiệt). Tính tình con người, hiền thì ít, bất tiếu thì nhiều. Lấy cái lợi của uy thế mà giúp kẻ bất tiếu thời loạn thì kẻ dựa thế làm loạn thiên hạ sẽ đông,

người nhờ thế làm lợi cho thiên hạ sẽ rất ít (...). Giúp cho kẻ bất tiếu có thế lực, tức là chắp cánh cho cọp. *(Nạn thế*). Vậy Nho cho rằng vua xấu khiến cho thời loạn.

Hàn Phi bác chủ trương đó của Nho trong đoạn "Lại có kẻ trả lời câu hỏi trên..." (*Nạn thế*). Đoạn này có vài chỗ khó hiểu, chẳng hạn trong mươi hàng đầu Hàn phân biệt "thế tự nhiên" và "thế do người lập ra" (nhân sở thiết) mà không cho biết thế nào là thế tự nhiên, cho nên có học giả hiểu là thiên mệnh, là thời thế, có học giả lại hiểu là sự truyền ngôi. Chúng tôi đoán Hàn muốn nói rằng thời suy như thời Kiệt thì sinh ra vua xấu, ngược lại với thuyết của Nho gia: Vua xấu làm cho thời loạn. Nhưng đoán vậy có sai chăng vì Hán vốn tin rằng thịnh suy do sức người, không

liên quan gì với sức trời kia mà.

Rồi những hàng sau, Hàn dẫn truyện người bán mâu và thuẫn khoe thuẫn mình chắc, không gì đâm thủng được, lát sau lại khoe “mâu mình bán không gì là đâm không thủng”. Trần Khải Thiên hiểu rằng Hàn muốn bảo sự hiền minh với cái thế không dung nhau được như cái mâu và cái thuẫn; Vandermeersch lại bảo Hàn cho rằng khi lý luận mà đưa những trường hợp cực đoan ra (như Nghiêu Thuấn, Kiệt Trụ) thì lý lẽ nào vững tới mấy cũng có thể bác được vì có mâu thuẫn. Trần Khải Thiên và Vandermeersch, ai hiểu đúng Hàn Phi? Bỏ những chỗ khó hiểu đó đi, đọc kỹ cả đoạn, tôi thấy Hàn rõ ràng bênh vực thuyết của Thuận Đáo, cho rằng cái “thế” không liên quan gì với giá trị về đạo đức và tài trí

của con người; và trong việc trị dân, cứ đợi có ông vua hiền thì ngàn đời mới gặp một ông, không lẽ trong 999 đời kia, để cho dân loạn sao. Ông viết:

"Nghiêu, Thuấn, Kiệt, Trụ ngàn đời mới xuất hiện một lần; số đó rất ít[72]. *Mà cái thường thấy trên đời thì là hạng người trung bình, cho nên tôi nói về thế là nói về hạng trung bình. Hạng người trung bình thì trên không bằng Nghiêu, Thuấn, dưới không đến nỗi như Kiệt, Trụ. Nếu cứ giữ chặt pháp luật, dùng quyền thế thì nước trị, quay lưng lại, bỏ quyền thế thì nước loạn. Nay bỏ quyền thế, quay lưng lại pháp luật mà đợi Nghiêu, Thuấn; Nghiêu, Thuấn tới là nước trị thì ngàn đời loạn mới có một*

đời trị. Giữ chặt pháp luật, dùng quyền thế mà đợi Kiệt, Trụ; Kiệt, Trụ tới là nước loạn thì ngàn đời trị thì mới có một đời loạn (...) Vả lại (...) nói về việc trị nước, không đưa ra trường hợp Nghiêu, Thuấn thì đưa ra trường hợp Kiệt, Trụ làm loạn nước; như vậy tức nói về khẩu vị, nếu không đưa ra đường mật thì đưa ra rau đắng, rau đay; nghị luận như vậy là nói cho nhiều mà không hợp lý hợp phép vì đưa ra hai trường hợp cực đoan, làm sao có thể bắt bẻ những lời hợp đạo lý được?”...

□□□(...)□(...)□□□□□□□□□□□□

□□□ □□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□[73]□□□□□□□

(... Trung giả, thượng bất cập Nghiêu, Thuấn, nhi hạ diệc bất vi Kiệt, Trụ; bảo pháp xử thế tắc trị, bội pháp khử thế tắc loạn. Kim phế thế bội pháp nhi đãi Nghiêu, Thuấn, Nghiêu, Thuấn chí nãi trị, thị thiên thế loạn nhi nhất trị dã; bão pháp xử thế nhi đãi Kiệt, Trụ; Kiệt, Trụ chí nãi loạn, thị thiên thế trị nhi nhất loạn dã (...) Thả (...) trị, phi sử Nghiêu, Thuấn dã, tất tắc sử Kiệt, Trụ loạn chi; thử vị phi di mật dã, tất khổ thái[74], đình lịch dã, thử tắc tích biện loạn, li lý thất luật, lưỡng mạt chi nghị dã, hề khả dĩ nạn, phù đạo lý chi ngôn hồ tai! - *Nạn thế*).

Hàn Phi đã vu oan cho Nho gia. Nho gia có bao giờ mong ông vua nào cũng được như Nghiêu, Thuấn đâu; chỉ nói rằng ở vào địa vị ông vua, có quyền thế của ông vua, mà có tài trí hiền đức, thì nước mới trị, nếu tàn bạo thì nước càng loạn thêm, Nghiêu Thuấn, Kiệt Trụ chỉ là những thí dụ vậy thôi. Mà chính pháp gia cũng nhận rằng vua cần sáng suốt, có tài năng mới áp dụng pháp thuật, họ luôn luôn nhắc đến bậc "minh chủ" biết dùng pháp thuật là vì vậy. Họ có khác gì Nho gia đâu.

Nho gia cũng không khác họ ở điểm nhận rằng địa vị, uy quyền - tức cái thế - rất quan trọng, cho nên họ mới tôn quân. Chung quy họ chỉ không đồng ý với nhau ở mỗi điểm này: Nho gia đặt tài đức lên trên địa vị, phải có tài đức tới một mức nào đó

thì mới xứng đáng với địa vị, mới không làm hại dân. Pháp gia đặt địa vị, quyền thế lên trên tài đức; miễn là tài đức trung bình mà có quyền thế là trị nước được rồi; Nho chủ trương nhân trị, Pháp chủ trương Pháp trị, nhưng dù chủ trương nhân trị thì cũng không thể bỏ pháp, mà chủ trương pháp trị thì càng không thể bỏ "nhân", nghĩa là bỏ cái yếu tố người (facteur humain) đi.

^¤^

Trọng cái "thế" tức là trọng sự cưỡng chế. Có thể nói Pháp gia hiểu ý nghĩa, mục đích của quốc gia nếu không đúng hơn thì cũng thực tế hơn Nho gia, vì từ hồi nào tới giờ, mục đích của quốc gia là "yên ổn trong nội bộ để chiến đấu với ngoại quốc"; và chính quyền nào cũng phải áp chế - nhiều ít tùy thời - bằng cách này hay cách

khác để giữ được trật tự, thực hiện một chương trình.

Vì trọng sự cưỡng chế, cho nên pháp gia chủ trương:

1. Chủ quyền (lập pháp, hành pháp, tư pháp) tập trung cả vào một người là vua;

2. Vua phải được tôn kính tuân theo triệt để: Dân không được quyền làm cách mạng, không được trái ý vua, vua bắt chết thì phải chết, không chết tức là không trung, điều đó chúng tôi đã xét ở chương trên; hơn nữa, dù vua có nhường ngôi cho, cũng không được nhận, vì nếu nhận thì vua sẽ thành bề tôi của mình mất, trái phép, bất trung.

Hàn Phi nhiều lần đả đảo chính sách

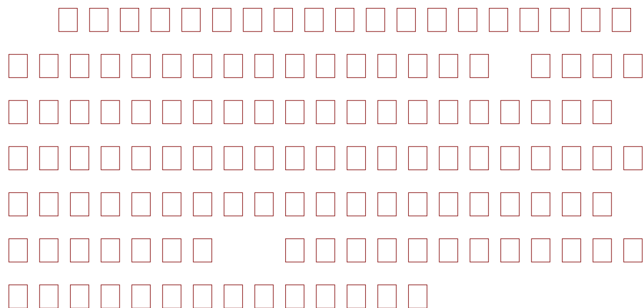
thiện nhượng.

Trong thiên *Ngũ đố*, ông cho việc vua Nghiêu truyền ngôi cho ông Thuấn là không hợp thời, mà hành động đó cũng không cao quý gì vì thời đó làm vua không sướng: ở nhà tranh, ăn cơm gạo xấu với rau, mặc áo da thú hoặc vải thô; nhường ngôi thiên tử chỉ là từ bỏ cuộc sống của người giữ cổng, của tên nô lệ, không có gì đáng khen.

Trong thiên *Trung hiếu*[75], Hàn còn mạt sát Nghiêu Thuấn là làm loạn đạo nghĩa. Thiên hạ đều cho rằng đạo hiếu, đễ, trung, thuận là phải nhưng không ai xét kỹ 4 đạo đó để thi hành cho đúng, vì vậy mà thiên hạ loạn.

"Thiên hạ đều cho đạo của Nghiêu

Thuấn là phải mà theo, vì vậy mới có những vụ thí vua, không coi cha là cha. Nghiêu, Thuấn, Thang, Võ đã phản lại nghĩa vua tôi, làm loạn sự giáo hóa đời sau. (Nghiêu làm vua mà lại làm cho bề tôi (tức Thuấn) thành vua của mình; Thang, Võ mà làm vua mà lại thí chúa, chém thây chúa[76]*. Vậy mà thiên hạ lại khen, cho nên thiên hạ đến nay vẫn không trị".*



(Thiên hạ giai dĩ hiếu đễ trung thuận chi đạo vi phụ[77] dã, nhi mạc tri sát hiếu đễ trung thuận chi đạo nhi thẩm hành chi, thị dĩ thiên hạ loạn. Giai dĩ Nghiêu, Thuấn chi đạo vi thị nhi pháp chi, thị dĩ hữu thí quân, hữu khúc phụ[78]. Nghiêu, Thuấn, Thang, Vũ hoặc phản quân thần chi nghĩa, loạn hậu thế chi giáo giả dã. Nghiêu vi nhân quân nhi quân thần kỳ thần, Thuấn vi nhân thần nhi thần kỳ quân; Thang, Võ vi nhân thần nhi thí kỳ chủ, hình kỳ thi, nhi thiên hạ dự chi, thử thiên hạ sở dĩ chí kim bất trị giả dã)

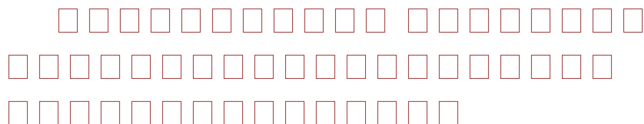
Vậy vua dù là tàn bạo như Kiệt, Trụ, bề tôi cũng không được đánh giết, đánh giết tức là trái đạo bề tôi, là nghịch thần chứ không bảo là cứu vớt dân được; còn

Nghiêu nhận ngôi vua cũng là trái đạo bề tôi. Tôn quân đến vậy là cực điểm, trái hẳn với chủ trương của Nho gia.

3. Sau cùng quy kết thứ ba của chủ trương trọng sự cưỡng chế; đó là hai cái "cán", hai quyền bính ở trong tay nhà vua, của riêng nhà vua. Muốn cho nước trị thì vua chỉ cần dùng thưởng phạt chứ không cần dùng giáo hóa, lễ nhạc. Đây cũng là một điểm trái hẳn với Nho giáo. Nho giáo dùng sức để giáo hóa dân dã, kẻ nào không thể cảm hóa bằng đức được thì mới bất đắc dĩ phải dùng đến hình phạt.

Khổng tử bảo: *"Bậc Thái thượng (tức cao nhất) lấy đức dạy dân, mà lấy lễ tề dân (tề là sửa lại cho ngay). Bậc thứ nhì lấy chính sự mà khiến dân và lấy hình (phạt) mà ngăn cấm: Hình đặt ra nhưng*

không dùng đến. Chỉ có lúc hóa dân mà dân không theo để đến hại nghĩa nát tục thì bây giờ mới phải dùng hình vậy.”



(Thái thượng dĩ đức giáo dân, nhi dĩ lễ tề chi. Kỳ thứ dĩ chính sự đạo dân, dĩ hình cấm chi, hình bất hình dã. Hóa chi phất biến, dân chi phất tòng, thương nghĩa nhi bại tục, ư thị hồ dụng hình hĩ - *Khổng tử gia ngữ - Ngũ hình giải*)[79]

Dùng đức và lễ để cảm hóa dân, kết quả tốt hơn dùng hình phạt, nên chương *Vi chính*, bài 3 (*Luận ngữ*) ông nói thêm: “Dùng pháp chế mà dắt[80] dẫn dân, dùng

hình phạt mà sửa dân cho ngay thì dân không phạm pháp nhưng không biết xấu hổ; dùng đức mà dắt dân, dùng lễ mà sửa cho ngay thì dân biết xấu hổ mà trở nên tốt”[81].

□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□

(Đạo chi dĩ chính, tề chi dĩ hình, dân miễn nhi vô sĩ; đạo chi dĩ đức, tề chi dĩ lễ, hữu sỉ thả cách).

Ông còn mong đạt được lý tưởng trong nước không còn sự tranh giành, kiện tụng nữa: “Xử kiện thì ta cũng như người, cốt sao cho không còn kiện tụng mới hay”.

□□□□□□□□□□□□ □□

(Thính tụng ngô do nhân dã, tất dã sử vô tụng hồ - *Nhan Uyên* - 13)

Vì Pháp gia cho sự thưởng phạt là cách tốt nhất để trị dân, nên chúng tôi để riêng tiết dưới đây để xét quan niệm về thưởng phạt của Hàn Phi.

Thưởng phạt

Hàn Phi cho rằng trừ một số ít siêu nhân, còn thì hầu hết loài người có nhiều tật xấu tham lợi, tranh giành nhau, làm biếng, chỉ sợ sức mạnh - (coi phần I) nên không mong gì họ làm điều thiện được, chỉ cầu sao họ biết sợ mà đừng làm điều ác thôi, vậy phải dùng chính sách cưỡng chế chớ không cảm hóa được. Tính người là có ưa có ghét - ưa tư lợi, ưa được khen, ghét bị cực khổ, bị hình phạt - cho nên có thể dùng sự thưởng phạt để dắt dẫn dân, ngăn cấm họ. "Đạo trị thiên hạ chỉ có vậy

thôi" (*Bát kinh*).

Chính sách cảm hóa của đạo Nho đẹp nhất đấy nhưng Hàn chê là không thực tế; lâu có kết quả mà phải bậc hiền minh như Nghiêu, Thuấn mới may ra thi hành được: Dùng sự thưởng phạt kết quả rất mau (chỉ trong mươi ngày, không phải đợi tới một năm) mà ông vua tầm thường nào cũng làm được. Thiên *Nạn thất*, Hàn chép lại một truyền thuyết về cách cảm hóa dân của vua Thuấn:

"Nông phu ở Lịch Sơn lấn ruộng nhau; ông Thuấn lại đó cày ruộng được một năm thì bờ ruộng đều chỉnh tề cả. Dân chài ở bờ sông Hoàng Hà tranh nhau các bãi trên sông: Ông Thuấn đến đó đánh cá, được một năm thì người trẻ nhường những bãi đó cho người lớn tuổi.

Đồ gốm thợ Đông Di làm đều xấu, dễ vỡ; ông Thuấn lại đó làm, đồ gốm được một năm, đồ gốm đều tốt, chắc chắn".

Khổng tử khen ông Thuấn là bậc thánh, dùng đức mà cảm hóa được dân.

Hàn Phi chê: "Ông Thuấn sửa khuyết điểm (cho dân), một năm mới sửa được một tật, ba năm được ba tật. Tuổi thọ của ông có hạn mà tật của dân thì vô cùng: Lấy cái hữu hạn để trừ cái vô cùng, thì trừ được bao nhiêu đâu? Nếu dùng sự thưởng phạt bắt dân thi hành mà ra lệnh rằng: "Hễ làm đúng phép thì được thưởng, trái phép thì bị phạt" thì sáng ban lệnh, chiều sự tình đã thay đổi, chiều ban lệnh thì sáng hôm sau sự tình đã thay đổi, chỉ trong 10 ngày là khắp nước thay đổi cả, đâu phải đợi đến một năm? (...) Vả lại nếu phải đích thân

chịu lao khổ rồi mới cảm hóa được dân thì ngay Nghiêu, Thuấn cũng khó làm được, còn dùng (quyền) thế mà uốn nắn thiên hạ mà lại bỏ cái cách một vị chúa tầm thường cũng dễ dàng làm, thì kẻ đó chưa có thể cho làm chính trị được”.

□□□□□□□□□□□□□□□□□□□ [82]

□□ □□□□□ □□□□□□□□□□□ □□□□□□□□□□□□□□□□□'□□□ □□□□□□□□'□□□□□□□□□□□□ □□□□□□□□□□□□(...)□□ □□□□ □□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□ □□□□□□□□□□□□□□□□□□□□ □□□□□□□□□□□□□□

(Thả Thuấn cứu bại, cơ niên dĩ nhất quá, tam niên dĩ tam quá, Thuấn thọ hữu tận, thiên hạ quá vô dĩ giả, dĩ hữu tận trục

vô dĩ, sở chỉ giả quả hĩ. Thưởng phạt sử thiên hạ tất hành chi, lệnh viết: "Trúng trình giả thưởng, phất trúng trình giả tru". Lệnh triêu chí mộ biến, mộ chí triêu biến, thập nhật nhi hải nội tất hĩ, hề đãi cơ niên? (...). Thả phù dĩ thân vi khổ nhi hậu hóa dân giả, Nghiêu, Thuấn chi sở nan dã; xử thế nhi kiêu hạ giả, dung chủ chi sở dị dã.[83] Tương trị thiên hạ, thích dung chủ chi sở dị, đạo Nghiêu, Thuấn chi sở nan, vị khả dữ vi chính dã).

Hàn Phi cho cách thưởng phạt là mầm trị hay loạn của quốc gia nên gần như thiên nào ông cũng nhắc tới, trước sau có tới trên trăm chỗ, dưới đây chúng tôi tổng hợp lại để tìm ra nguyên tắc chính.

1 . *Thưởng thì phải "tín", phạt thì*

phải “tất” (Ngũ đố): Chữ tất chúng tôi dịch là cương quyết, nghĩa là hễ kẻ cô tội thì phải trừng trị chớ không tha: Chữ “tín” khó dịch hơn, chúng tôi dịch tạm là xác thực, nghĩa là hễ có công thì phải được thưởng theo như luật định, trái lại không có tội thì dù là kẻ mình ghét cũng không được trừng phạt; không có công mà thưởng thì là thi ân, mầm của loạn vì dân sẽ không gắng sức làm việc nước để được thưởng mà tìm cách hối lộ quan lại, quan lại sẽ thi ân cho dân để mua lòng dân, kéo họ về phe mình mà mưu tư lợi. Ngay vua cũng không được thi ân cho dân, vì như vậy là trái phép, bất công, vả lại dân sẽ trông vào sự thi ân mà biếng nhác công việc. (Thưởng vô công tắc dân du hãnh nhi vọng ư thượng - *Nạn nhị*).

Hai chữ “Tín”, “Tất” đó còn có nghĩa là không được mâu thuẫn trong việc thưởng phạt; chẳng hạn “ban tước cho kẻ có (quân) công mà lại khinh thị quan võ, thương kẻ gắng canh tác mà lại coi rẻ nghề nông” (*Ngũ đố*); hoặc thưởng người chém được đầu quân địch, mà đồng thời lại đề cao hành vi nhân từ; (...) trông cậy vào nông dân để cho nước giàu, trông cậy vào quân lính để cự địch mà đồng thời lại trọng kẻ sĩ chuyên về văn học” (*Ngũ đố*) tức những kẻ chỉ nói suông, chê bai pháp thuật, ngăn cản việc trị nước, chứ không giúp ích được chút gì cả.

Nếu khiến cho kẻ phạm điều mình cấm lại được lợi, kẻ làm lợi cho mình lại bị cấm; hoặc khen kẻ có tội, chê kẻ đáng thưởng thì sự thưởng phạt chỉ làm cho

nước thêm loạn. (*Ngoại trừ thuyết tả hạ*)

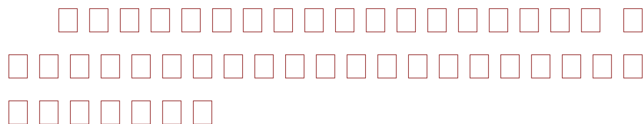
2. *Thưởng thì phải trọng hậu, phạt thì phải nặng*. Thưởng trọng hậu thì dân mới thấy lợi mà ham: Phạt nặng thì dân mới sợ mà tránh.

Thiên *Lục phản*, Hàn Phi viết:

"Các học giả đều bảo: Phải giảm nhẹ hình phạt đi", đó là thuật làm cho loạn vong. Thưởng phạt mà xác định là để khuyến thiện cấm ác. Thưởng hậu thì mau được cái mình muốn, phạt nặng thì mau cấm được cái mình ghét (...) Cho nên rất ham bình trị thì phải thưởng cho hậu, rất ghét rối loạn thì phải phạt cho nặng (...) Vả lại hình phạt nặng không phải chỉ để trị tội nhân, nó còn để làm sáng pháp độ của vua (...) cho nên bảo: "Phạt tội một kẻ gian mà ngăn cấm được mọi sự gian tà trong nước"

(...) kẻ bị phạt nặng là kẻ cướp mà kẻ sợ hãi là lương dân (...). Còn việc thưởng hậu không phải chỉ để thưởng công, còn để khuyến khích toàn dân trong nước nữa. Người được thưởng vui vì được lợi mà người chưa được thưởng sẽ ham được thưởng (...). Nay những kẻ không biết cách trị nước đều bảo: "Hình phạt nặng làm thương tổn dân, hình phạt nhẹ có thể cấm gian được rồi, cần gì phải dùng hình phạt nặng?". Đó là không xét kỹ về sự trị nước. Một tội ác có thể ngăn cấm bằng hình phạt nặng thì chưa chắc đã ngăn cấm được bằng hình phạt nhẹ; còn một tội ác ngăn cấm được bằng hình phạt nhẹ thì càng dễ ngăn cấm bằng hình phạt nặng. Cho nên đặt ra hình phạt nặng thì mọi sự gian tà sẽ chấm dứt, mọi sự gian tà sẽ chấm dứt thì thương

tổn cho dân ở chỗ nào? (...)



(Phù dĩ trọng chỉ giả, vị tất dĩ khinh chỉ dã; dĩ khinh chỉ giả, tất dĩ trọng chỉ hĩ. Thị dĩ thượng thiết trọng hình giả nhi gian tận chỉ; gian tận chỉ, tắc thử hồ thương ư dân dã?)

Vậy dùng hình phạt nặng thì dân mới sợ mà mau có kết quả, nước sẽ hết loạn, chỉ có lợi cho dân chứ không làm thương tổn gì cho họ cả. Hơn nữa, còn là nhân từ đối với dân nữa, vì nếu dùng hình phạt nhẹ, dân không sợ mà mắc tội, như vậy không khác gì bẫy dân, còn dùng hình phạt nặng là tránh cho dân sa vào bẫy (*Lục phản*).

Đó là chủ trương của Thương Ưởng: Dùng hình phạt để bỏ hình phạt (hình dĩ khử hình) trái với chủ trương đặt ra hình phạt mà không dùng (hình bất hình) của Khổng.

Nếu kẻ phạm tội mà trốn được thì phải truy nã cho tới cùng, quyết không để cho một tội nào đã phát giác mà thoát khỏi lưới pháp luật - đây cũng là một quy kết của nguyên tắc "phạt thì phải "tất"".

Trong *Nội trừ thuyết thượng* Hàn Phi đưa Vệ Tự Công ra làm gương: "Thời Vệ Tự Công có người bị tội đồ trốn qua nước Ngụy và trị bệnh cho hoàng hậu của Ngụy Tương vương. Tự Công hay tin sai người đem năm chục (lượng hay dật?) vàng để mua người có tội đó; sứ giả đi đi về về năm lần mà vua Ngụy không chịu giao: Tự

Công bèn lấy ấp Tả Thị để đổi”.

Đem một ấp để đổi lấy một tên phạm tội về mà trừng trị, cổ kim chắc chưa có ai như ông vua nước Vệ đó. Quần thần can, ông đáp: - Muốn trị nước thì đừng coi thường những việc nhỏ, loạn không phải là toàn là do việc lớn mà phát đâu. Pháp luật không vững, hình phạt không cương quyết thì dù có 10 ấp Tả Thị cũng vô ích, ngược lại pháp luật mà vững, hình phạt mà cương quyết thì dù mất 10 ấp Tả Thị cũng không hại.

□□□□□□□□□□□□□□□□□□□
□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□
□□□

(Phù trị vô tiểu nhi loạn vô đại. Pháp bất lập nhi tru bất tất, tuy hữu thập Tả Thị, vô ích dã, pháp lập nhi tru tất, tuy thất thập

Tả Thị, vô hại dã).

Trước sự cương quyết đó của Vệ Tự quân, vua Ngụy đành phải trao kẻ đã trị bệnh mẹ mình, để khỏi mất tình hòa hiếu với bạn chư hầu. Câu chữ Hán chúng tôi dẫn ở trên tóm tắt được một cách mạnh mẽ sự quan trọng của pháp và hình theo Pháp gia.

3 . *Sự thưởng phạt phải theo đúng phép nước, chí công vô tư.*

Thiên *Hữu độ*, Hàn bảo:

"Pháp luật nghiêm là để ngăn cấm tội lỗi, trừ bỏ riêng tư: Hình phạt gắt là để lệnh được thi hành khắp và trừng trị kẻ dưới". Nói tới thưởng phạt, nhất là phạt, Hàn thường kèm theo với pháp luật. Vì pháp luật như cái dây mực, cái thủy chuẩn,

cái quy cái củ, cứ theo đó thì hành động không sai; dù là người thợ khéo đến mấy cũng phải dùng những cái đó làm tiêu chuẩn, không nên theo ý mình.

"Dùng pháp luật để trị nước chỉ là để khen đúng người phải, trách đúng kẻ quấy mà thôi. Pháp luật không thể a dua người sang cũng như dây mực không thể uốn theo gỗ cong... (cho nên) Trị tội thì không chừa các quan lớn, thưởng công thì không bỏ sót dân thường (...). Hình phạt nặng thì người sang không dám khinh kẻ hèn; pháp luật phân minh thì người trên được tôn trọng, không bị lấn.

□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□(...)□□□□□□□□□□□□□(...)□□□□□□□□□□□□□□□□□□□

(Cố dĩ pháp trị quốc, cử thố nhi dĩ hĩ.

Pháp bất a quí, thằng bất nao khúc (...) Hình quá bất tị đại thần, thưởng thiện bất di thất phu (...). Hình trọng tắc bất cảm dĩ quí dị tiện, pháp thẩm tắc thượng tôn nhi bất xâm - *Hữu độ*)

Thiên *Chủ đạo*, cũng bảo: "Nếu quả thực có công thì dù là kẻ không thân và hèn mọn, cũng thưởng, nếu quả thực có tội thì dù là kẻ thân ái cũng phạt".

Thiên *Ngoại trừ thuyết hữu thượng*, Hàn nhắc lại nữa: "Không tránh người thân và đại thần, thi hành với cả người mình yêu" và kể ra hai cố sự mà chúng tôi đã dẫn ở trên. Truyện Tấn Văn Công rơi lệ để cho viên lại chém Điền Hiệt sủng thần của ông, vì tội tới trễ trong một buổi đi săn; và truyện thái tử nước Kinh "Sở" phạm cấm, bị viên đình lý "coi sân chầu' phạt, khóc

lóc xin với vua cha, vua cha đã không an ủi mà còn bênh vực viên đình lý.

Tóm lại thưởng phạt không được vì tư tình, không được có tư ý, không được để lộ vui buồn của mình ra nữa, mặt phải lạnh như tiền: "Hữu thưởng phạt nhi vô hỉ nộ" (*Dụng nhân*)

Cứ theo đúng pháp luật mà thưởng phạt, thì kẻ bị trừng phạt không oán bề trên, kẻ được thưởng cũng không mang ơn bề trên, vì không coi sự được thưởng là một ân huệ, chỉ là một sự công bằng mà thôi.

Đầu thiên *Ngoại trừ thuyết tả hạ*, Hàn kể lại hai cố sự để dẫn chứng: Một người phạm tội, bị Tử Cao làm chức coi ngục xử tội và chặt chân. Sau Tử Cao bị truy nã vì bị nghi là liên lụy trong một vụ làm loạn,

người cụt chân đó không oán, không tố cáo. Tử Cao ngạc nhiên, hỏi tại sao không oán mình, người đó đáp: - Tôi bị chặt chân vì tội tôi đáng vậy, làm sao khác được?

- Châu Mão có công du thuyết mà cứu Ngụy khỏi bị Tần và Hàn đánh, Ngụy Tương vương thưởng ông lộc năm cỗ xe, ông không mang ơn mà còn chê là thưởng ít.

Theo đúng pháp luật thì hình phạt sẽ thích đáng, nhiều hay ít không thành vấn đề: Nước loạn, nhiều kẻ phạm pháp thì trừng trị nhiều, tuy nhiều cũng vô hại. Đầu thiên *Nạn thị*, Hàn Phi chép truyện Án Anh trách khéo Tề Cảnh Công dùng nhiều hình phạt quá, Cảnh Công nghe lời, bỏ bớt đi năm hình phạt, Hàn Phi chê Án Anh không biết thuật trị nước.

"Hình phạt mà thích đáng thì nhiều cũng vô hại, nếu không thích đáng thì tuy ít cũng là hại. Án Tử không giảng cho vua lẽ thích đáng mà chỉ chê là nhiều quá, đó là cái hại vô thuật. Phạt quân thua trận thì đến số ngàn, số trăm vẫn chưa ngăn được sự bại tẩu, vậy thì hình phạt để dẹp loạn chỉ sợ không xuể mà kẻ gian vẫn còn. Án tử không xét là thích đáng hay không mà chỉ cho là nhiều quá, chẳng là bậy ư?"

□□□[84]□□!

(Phù hình đáng vô đa, bất đáng vô thiểu, vô dĩ bất đáng văn, nhi dĩ thái đa

thuyết, vô thuật chi hoạn dã. Bại quân chi tru dĩ thiên bách số, do bắc thả bất chỉ, tức trị loạn chi hình, như khủng bất thắng nhi gian thượng bất tận. Kim Án tử bất sát kỳ đáng phủ, nhi dĩ thái đa vi thuyết, bất diệt vong hồ! - *Nạn nhị*).

Sau cùng, nếu theo đúng pháp luật thì không lạm dụng hình phạt mà khỏi mất nước (*Vong trưng* - điểm 10).

4 . *Vua phải nắm hết quyền thưởng phạt:*

Quyền thưởng phạt là một lợi khí, đích thân vua phải nắm lấy, không được ủy quyền cho ai cả; giao cho người thì uy của vua sẽ phân tán, và sẽ bị bề tôi che lấp, không chế ngự họ được. Hàn Phi cảnh cáo các bậc vua chúa nhiều lần như vậy, như trong các thiên *Bát kinh*, *Nội trừ thuyết*

thượng, Nội trừ thuyết hạ, Ngoại trừ thuyết hữu hạ... đặc biệt là trong thiên *Nhị bính*.

Ông cho rằng vua sở dĩ chế ngự được bề tôi là nhờ 2 cái quyền (nhị bính): Thưởng mà ông gọi là “đức” và phạt mà ông gọi là “hình”, nếu không tự nắm lấy 2 quyền đó mà giao cho bề tôi thì dân sẽ sợ mà quy phục bọn bề tôi đó mà coi thường vua. Hai quyền đó như nanh vuốt của cọp vậy:

“Cọp làm cho chó khiếp phục là nhờ nanh với vuốt, nếu cọp bỏ nanh vuốt đi để cho chó dùng thì ngược lại nó phải khiếp phục chó”.

□□□□□□□□□□□□□□□□□□□
□□□□□□□□□□□□□

(Phù hổ sở dĩ năng phục cẩu giả, trảo nha dã, sử hổ thích kì trảo nha nhi sử cẩu dụng chi, tắc hổ phản phục ư cẩu hĩ - *Nhị bính*)

Bậc vua chúa dùng hình và đức để chế ngự bề tôi, nếu bỏ 2 quyền đó để cho bề tôi dùng thì ngược lại bị bề tôi chế ngự.

Vì vậy vua không được giao một quyền nào cho bề tôi cả. Giao quyền thưởng thì nguy cho vua đành rồi, như trường hợp Tề Giản Công để quyền thi ân cho một đại phu là Điền Thường dùng (Điền Thường được phép ban tước lộc cho quần thần) mà rốt cuộc bị Điền Thường giết, rồi sau đó con cháu họ Điền cướp luôn ngôi vua Tề; ngay đến việc giao quyền phạt cho bề tôi cũng rất tai hại nữa. Hai lần - ở thiên *Nhị bính* và ở thiên *Ngoại trừ thuyết hữu hạ*,

Hàn Phi dẫn truyện vua Tống (không rõ là ai) bị Tử Hãn đảm nhiệm việc hành phạt, việc mà ông ta cho là bị dân ghét:

Tử Hãn tâu với vua Tống: Khen thưởng và ban ơn là làm cho dân thích, việc đó xin nhà vua đảm nhiệm lấy. Chém giết, trừng phạt là làm cho dân ghét, việc này thần xin đảm đương".

Vua Tống cho là Tử Hãn yêu mình, chịu nhận tiếng xấu thay mình, chấp nhận liền, từ đó hễ có việc phải ban lệnh ra oai, trừng trị đại thần thì bảo: "Hãy hỏi Tử Hãn". Vì vậy mà đại thần đều sợ Tử Hãn, dân chúng đều theo Tử Hãn; được một năm ông bị Tử Hãn giết rồi cướp ngôi.

Cho vua nắm hết quyền thưởng phạt rồi buộc vua phải tuân theo pháp luật, đó là một điều hợp lý về nguyên tắc: uy quyền

của vua được mạnh nhưng hơi bị hạn chế vì còn có pháp luật hãm lại; nhưng đem ra áp dụng thì không hợp tình. Hàn đã cho rằng con người ai cũng có tư tình, tư lợi, thì sao lại mong vua - hạng vua bình thường - "dung chủ" - bỏ việc tư tình mà luôn luôn giữ đúng pháp luật được. Thuyết của ông nếu không mâu thuẫn thì cũng không thực tế. Có nhà cầm quyền nào từ xưa tới nay bỏ được yêu ghét, vui giận đâu? Cũng chưa hề có nhà cầm quyền nào chỉ dùng chính sách thưởng và phạt - tức như người phương Tây gọi là "củ cà rốt và cây gậy" - mà trị nước được lâu, vì con người còn biết trọng cái khác ngoài cái lợi, biết sợ cái khác ngoài hình phạt, xã hội không phải là một chuồng thú của một gánh xiếc.

Vua Hàn không theo chính sách của Hàn chưa chắc đã hoàn toàn vô lý.

CHƯƠNG VI

PHÁP

Nho gia dùng chữ "pháp" theo nghĩa phép tắc, như trong các từ ngữ "tiên vương chi pháp", "hậu vương chi pháp" (phép tắc của tiên vương, của hậu vương); còn Pháp gia nói tới "pháp" là luôn luôn trỏ pháp luật.

Trong thiên *Định pháp*, Hàn Phi định nghĩa chữ "pháp" như sau: "Pháp là hiệu lệnh công bố ở các công sở, thưởng hay phạt đều được dân tin chắc là thi hành, thưởng người cẩn thận giữ pháp luật, phạt kẻ phạm pháp, như vậy bề tôi sẽ theo

pháp”.

□□□□□□□□□□□□□□□□□□□
□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□

(Pháp giả, hiến lệnh trứ ư quan phủ; thưởng phạt tất ư dân tâm, thưởng tồn hồ thận pháp, nhi phạt gia hồ gian lệnh giả dã; thứ nhân thần chi sở sư dã).

Thiên *Hữu độ,* ông ví pháp luật với dây mực, cái thủy chuẩn, cái qui, cái củ, tức những đồ dùng làm tiêu chuẩn. Pháp luật tức là một thứ tiêu chuẩn để biết đâu là chính, đâu là tà, để khen đúng người phải, trách đúng kẻ quấy.

Trong phần I (tiểu sử Tử Sản) chúng tôi đã xét sự tiến triển của ý niệm về pháp luật ở thời Xuân Thu và Chiến Quốc ra sao, và các pháp gia từ Quản Trọng tới

Thương Ưởng đã lần lần lấy pháp luật thay cho lễ, bỏ tính cách giai cấp của lễ ra sao. Có điều đáng để ý là sự tôn quân càng tăng thì ý niệm về pháp luật càng mạnh. Nho gia tuy tôn quân nhưng coi vua là người chỉ nhận sứ mạng của trời, mà ý dân là ý trời, nên đòi vua phải có đạo đức (vua có ra vua thì bề tôi mới giữ đạo bề tôi), ông vua nào không có tư cách đều bị Khổng Tử, Mạnh Tử chê hoặc mạt sát; mà Nho gia lại chính là những chính trị gia chỉ có ý niệm về đạo đức (nhân) về bổn phận (nghĩa) chứ chưa có ý niệm về pháp luật. Trái lại Pháp gia tôn quân hơn Nho gia nhiều (coi chương II và III phần này) thì lại có ý niệm rất rõ về pháp luật và đòi hỏi các vua chúa phải luôn luôn áp dụng đúng pháp luật. Cơ hồ họ cảm thấy rằng

phải có pháp luật để giảm bớt uy quyền của vua. Họ không nói đến mệnh trời, ý dân nữa, không đề cao nhân nghĩa nữa mà chỉ nói đến pháp luật, đề cao pháp luật. Đó là một sự biến chuyển lớn trong tư tưởng chính trị của Trung Quốc thời Chiến Quốc mà chúng tôi chưa thấy học giả nào phân tích.

Ba thuyết thế, pháp, thuật của pháp gia liên quan chặt chẽ với nhau, chống đỡ lẫn nhau: "thế" như cái khung cửa tò vò, pháp và thuật như hai chân cột của cửa; có cái thế mới thi hành được pháp, thuật; mà có pháp, thuật thì mới giữ vững được cái thế, hễ thiếu một là sụp đổ hết. Vì vậy mà khi xét tới một trong ba cái đó, phải nhắc tới hai cái kia, không thể tách rời hẳn ra được. Chúng tôi bất đắc dĩ phải tạm chia làm ba

chương: Thế, pháp, thuật chỉ để cho dễ trình bày, chứ thực sự muốn hiểu rõ một chương nào thì phải tham khảo thêm hai chương kia.

Tính cách của pháp luật theo Hàn Phi

Theo chủ trương của Pháp gia, vua tượng trưng cho quốc gia, vua là quốc gia, nên nắm hết uy quyền: Lập pháp, hành pháp, tư pháp. Tuy nhiên vua không thể muốn đặt luật pháp ra sao cũng được, mà phải theo ba quy tắc chính dưới đây:

1. Luật pháp phải hợp thời: Trong chương Lịch sử quan của Hàn Phi, chúng tôi đã nói Hàn cũng như Thương Ưởng cho rằng lịch sử biến chuyển, thời sau không giống thời trước, mà hễ thời đã khác thì

việc cũng phải khác (thế dị tắc sự dị), thánh nhân không theo cổ, phải xét tình hình hiện tại mà tùy nghi tìm biện pháp.

Về việc lập pháp, Hàn tất nhiên không thể chủ trương khác được. Thiên *Tâm độ*[85] có câu:

“Pháp luật cùng với thời mà thay đổi thì nước trị, trị dân mà hợp với đời thì có kết quả (...) Thời thay mà pháp luật không đổi thì nước loạn, đời đã thay đổi mà cấm lệnh không biến thì nước bị chia cắt. Cho nên thánh nhân trị dân thì pháp luật theo thời mà đổi, cấm lệnh cùng với đời mà biến”.

□□□□□□□□□□□□□□(...) □□□ □□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□ □□□□□□□□□□□□□

(Pháp dữ thời chuyển tắc trị, trị dữ thế nghi tắc hữu công... Thời di nhi pháp bất dịch giả loạn, thế biến nhi cấm bất biến giả tước. Cố thánh nhân chi trị dân dã, pháp dữ thời di, nhi cấm dữ thế biến).

2. Pháp luật phải soạn sao cho dân dễ biết, dễ thi hành.

Thiên Ngũ đố, Hàn viết:

"Pháp luật không gì bằng thống nhất, cố định để cho dân dễ biết".

□□□□□□□□□□□□

(Pháp mạc như nhất nhi cố, sử dân tri chi).

Thống nhất nghĩa là pháp luật phải qui định cho cả nước theo, chứ nếu mỗi miền có luật lệ, cấm lệnh riêng thì dân miền này qua miền khác, cứ tưởng luật lệ cũng như

ở miền mình ở mà vô tình phạm pháp mất. Thống nhất còn có nghĩa là khi đã ban bố một pháp lệnh mới thì phải bỏ pháp lệnh cũ đi, nếu không thì kẻ gian sẽ lợi dụng tình trạng mập mờ đó, lựa pháp lệnh nào có lợi cho họ mà theo, như trường hợp nước Hàn khi mới tách ra khỏi nước Tấn, pháp luật của Tấn chưa bỏ mà pháp luật của Hàn đã ban hành, vì vậy mà nước Hàn chịu cảnh hỗn loạn một thời gian, không mau mạnh lên được (*Định pháp*). Cố định nghĩa là không được thay đổi hoài, mới ban một lệnh được ít ngày hay ít tháng đã ban một lệnh ngược lại. Việc thưởng phạt cũng vậy, đã thưởng thì không đổi ý, phạt thì không ân xá.

Pháp luật là để cho toàn dân theo, cho nên phải tường tận cho người không có học

cũng hiểu được, lại phải dễ thi hành:

"Cái gì mà kẻ sĩ có óc tinh tế mới biết được thì không nên ban làm lệnh, vì dân không phải người nào cũng có óc tinh tế cả. Cái gì mà bậc hiền mới làm được, thì không nên dùng làm phép tắc vì không phải người dân nào cũng hiền cả".

□□□□□□□□□□□□□□□□□□
□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□
□□

(Sát sĩ nhiên hậu năng tri chi, bất khả dĩ vi lệnh, phù dân bất tận sát. Hiền giả nhiên hậu năng hành chi, bất khả dĩ vi pháp, phù dân bất tận hiền - *Bát thuyết*).

Nhất là phải soạn ra sao cho minh bạch, mọi người đều hiểu như nhau; nếu tỉnh lược quá, mỗi người hiểu một cách thì

sinh ra nhiều việc tranh tụng, và có những kẻ lợi dụng sự mập mờ của pháp luật mà làm bậy. “Pháp luật mà tỉnh lược thì dân chúng hay tranh tụng, vì vậy mà (...) pháp luật của minh chủ ghi việc rất tường tận”.

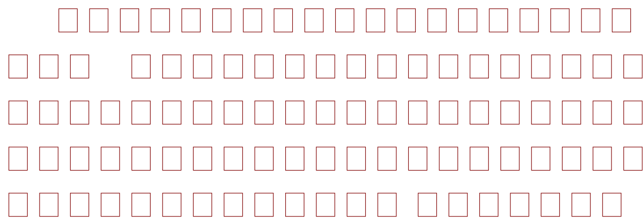
□□□□□□□□ □...□□□□□□□□

(Pháp tỉnh nhi dân manh tụng, thị dĩ (...) minh chủ chi pháp tất tường sự. - *Như trên*).

3. Pháp luật phải công bằng binh vực kẻ yếu, số ít, như vậy mới có trật tự trong nước được:

“Bậc thánh nhân xem sự thực của sự phải quấy, xét tình hình của sự trị loạn, cho nên trị nước thì minh định pháp luật, đặt ra hình phạt nghiêm khắc để cứu loạn cho quần chúng, trừ họa cho thiên

hạ, khiến cho kẻ mạnh không lấn kẻ yếu, đám đông không hiếp đáp số ít, người già được hưởng hết tuổi trời, bọn trẻ côi được nuôi lớn, biên giới không bị xâm phạm, vua tôi thân nhau, cha con bảo vệ nhau, không lo bị giết hay bị giặc cầm tù, đó cũng là cái công cực lớn vậy".



(Thánh nhân giả, thẩm ư thị phi chi thực, sát ư trị loạn chi tình dã. Cố kì trị quốc dã, chính minh pháp, trấn nghiêm hình, tương dĩ cứu quần sinh chi loạn, khử thiên hạ chi họa, sử cường bất lăng nhược, chúng tất bạo quả, kỳ lão đắc toại, ấu cô

đắc trưởng, biên cảnh bất xâm, quân thần tương thân, phụ tử tương bảo, nhi vô tử vong hệ lỗ chi hoạn, thử diệc công chi chí hậu giả dã - *Gian kiếp thí thần*).

Trọn bộ Hàn Phi tử chỉ có mấy hàng đó là có giọng thương dân. Tư tưởng không khác mà có phần đầy đủ hơn của Mạnh Tử trong các thiên Lương Huệ vương thượng và hạ:

"... người bảy chục tuổi có lụa mà mặc, có thịt mà ăn, dân cũng khỏi đói, khỏi lạnh..."

"... trên thì đủ phụng dưỡng cha mẹ, dưới thì đủ sức nuôi vợ con, năm được mùa thì mãi mãi no đủ, năm mất mùa thì cũng khỏi chết đói...", "... già mà goá vợ gọi là quan, già mà goá chồng gọi là quả, già mà không có con gọi là độc, trẻ

mà mồ côi cha gọi là cô. Đó là 4 hạng cùng khổ nhất trong thiên hạ, không biết nhờ cậy vào ai. Vua Văn vương bắt đầu trị nước, thi nhân, lưu tâm tới 4 hạng người ấy trước nhất".

Hàn khác Mạnh là chủ trương không ban ân huệ cho dân, không bố thí, bắt dân phải tận lực rồi mới thưởng. Thiên *Ngoại trừ thuyết hữu hạ*, ông chép lại truyện Chiêu Tương vương nước Tần từ chối không phát rau quả cho dân đói vì mất mùa, lấy lẽ rằng:

"Theo pháp luật của nước Tần ta thì dân có công mới được thưởng, có tội mới bị phạt. Nay phát cho dân rau quả trong năm vườn (của ông) tức là dân có công hay không có công đều được thưởng là gây loạn trong nước".

Xét chung, các Pháp gia chỉ muốn công bằng mà không muốn có tình thương; nhưng thiếu tình thương thì có thể công bằng được không? Công bằng còn có nghĩa là mọi người, chẳng kể sang hèn, đều bình đẳng trước pháp luật. Điểm này có tính cách tiến bộ, ngược lại với tính cách giai cấp của "lễ". Thời Xuân Thu, "hình bất thướng đại phu", bọn quý tộc không bị hình phạt như thường dân, không bị trị theo phép nước mà được xử theo lễ, tức theo các lệ riêng của quý tộc với nhau. Thương Ưởng và Hàn Phi muốn dùng luật để trừ cái đặc quyền đó của quý tộc, kéo họ xuống ngang hàng với bình dân.

4. Pháp luật có tính cách phổ biến, trái với lễ có tính cách bí mật. Pháp luật phải được phổ biến để không một người

dân nào có thể viện cớ rằng mình không biết pháp luật nên lỡ phạm pháp. Thiên *Nạn tam*, Hàn Phi phân biệt pháp và thuật như sau:

"Pháp luật là cái chép trong sách vở, bày ở công sở và công bố cho toàn dân. Thuật là cái giấu trong lòng để so sánh mọi việc mà ngầm chế ngự quần thần. Cho nên pháp luật không gì bằng phải bày ra cho mọi người biết mà thuật thì không muốn cho người khác thấy. Bậc minh chủ nói đến pháp luật thì hết thảy những kẻ ti tiện trong nước đều được nghe biết...; còn như dùng thuật thì những kẻ yêu mến, thân cận cũng không được nghe..."

□ □□□□□□□□□□□□□□□□□□
□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□

□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□
□□□□□□□□□□□□ □(...)□□□□□
□□□□□□□□□...

(Pháp giả, biên trứ chi đồ tịch, thiết chi ư quan phủ[86], nhỉ bố chi ư bách tính giả dã. Thuật giả, tàng chỉ ư hung trung, dĩ ngẫu chúng đoan nhi tiềm ngự quần thần giả dã. Cố pháp mạc như hiển, nhi thuật bất dục hiện. Thị dĩ minh chủ ngôn pháp, tắc cảnh nội ti tiện mạc bất văn tri dã... Dụng thuật, tắc thân ái cận tập, mạc chi đắc văn dã...).

Có hai cách để "hết thảy những kẻ ti tiện trong nước đều được nghe biết":

a. Viết hay khắc lên thẻ tre treo ở chỗ công cộng, như Đặng Tích đã làm từ thời Xuân Thu. Những thẻ đó gọi là trúc

hình. Cũng có thể đúc lên các đỉnh bằng sắt, nhưng đỉnh chỉ bày trong cung hay ở miếu đường, dân thường không tới coi được nên kém tính cách phổ biến;

b. Sai các quan lại dạy cho dân. Đây là chính sách "lấy pháp luật mà dạy dân" "dùng quan lại làm thầy" mà Hàn Phi đã nói trong thiên *Ngũ đố*. "Dĩ pháp vi giáo" tức là đem bộ luật làm sách giáo khoa, "dĩ lại vi sư" tức là dùng quan lại làm giáo viên, như vậy pháp luật vừa được thống nhất vừa được phổ biến.

Vậy từ thời Chiến Quốc, người Trung Hoa đã có ý dạy pháp luật chẳng những cho quan lại mà cả cho dân chúng nữa. Chủ trương đó hợp lý và thực tế, nếu được áp dụng lâu, chẳng hạn một thế kỷ, thì chưa biết chừng Pháp gia sẽ gây được một đảng

phái chính trị có quyền hành lớn mà sự diễn biến của lịch sử Trung Hoa có thể đã khác. Nhà Tần bị diệt rồi, lại phải đợi 12 thế kỷ sau, một nhà cách mạng là Vương An Thạch mới có ý dạy luật cho kẻ sĩ để sau bổ dụng họ; nhưng ông chưa kịp cải tổ nền giáo dục khoa cử chuyên về thơ phú đã làm hại nhân tài, thì phe ông đã bị "cựu đảng" (đảng thủ cựu) lật đổ, mà lối học từ chương lại sống thêm tám thế kỷ nữa.



Thiên *Định pháp*, Hàn Phi báo pháp và thuật đều là công cụ của đế vương, không thể thiếu một trong hai cái đó, cũng như ăn và mặc đều cần thiết như nhau cho cuộc sống cả. Vua có thuật mà bề tôi không có pháp luật thì nước sẽ loạn; có pháp luật mà vua không dùng thuật để biết kẻ gian

thì nước có giàu, mạnh cũng chỉ lợi cho bọn đại thần thôi. Vì vậy Hàn luôn luôn nhắc các bậc vua chúa phải theo pháp thuật, phải trọng kẻ sĩ giỏi pháp thuật.

Tuy nhiên trong thiên *Hữu độ*, ông lại bảo:

“Người thi hành pháp luật mà cương cường thì nước mạnh, người thi hành pháp luật mà nhu nhược thì nước yếu”.

“Nhà cầm quyền nào biết bỏ tư lợi tà tâm mà theo phép công thì dân sẽ yên, nước sẽ trị; biết bỏ hành động riêng tư mà làm theo phép công thì binh sẽ mạnh, địch sẽ yếu. Cho nên vua (theo pháp độ mà) xét sự thành bại của việc, dùng người biết giữ pháp độ mà đặt lên trên các quần thần thì không kẻ nào gian trá gạt vua được; (theo pháp độ mà) xét sự

thành bại của việc, dùng người biết cân nhắc mà giao cho các việc ở xa thì không kẻ nào lừa gạt về việc quan trọng hay không quan trọng trong thiên hạ được”.

□□□□□□□□□□□□□□□□□□□
□□□□□□□□□□ □□□□□□□□□□
□□□□□□□□[87]□□□□□□□□□□
□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□
□□□□□□□□□□

(Năng khử tư khúc, tựu công pháp giả, dân an nhi quốc trị; năng khử tư hành, hành công pháp giả, tắc binh cường nhi địch nhược. Cố thẩm đắc thất, hữu pháp độ chi chế giả, gia ư quần thần chi thượng, tắc chủ bất khả khi nguỵ trá[88]; thẩm đắc thất, hữu quyền hành chi xứng giả, dĩ thĩnh viễn sự, tắc chủ bất khả khi dĩ thiên hạ chi

khinh trọng - *Hữu độ*).

Ông muốn nói cứ theo phép công - tức theo pháp luật - thì nước yên và mạnh, mà không bị bề tôi lường gạt. Vậy ông có vẻ nhận rằng pháp luật quan trọng hơn thuật.

Gần cuối thiên đó ông lại nói:

"Áp dụng pháp luật thì kẻ trí phải theo mà kẻ dũng không dám cãi (...) Khiến cho toàn dân noi theo một đường thì không gì bằng pháp luật (...) Pháp luật phân minh thì người trên được coi trọng, không bị lấn; người trên được tôn trọng không bị lấn thì vua mạnh, nắm được các mối quan trọng. Vì vậy tiên vương quí pháp luật mà truyền lại đời sau".

□□□□□□□□□□□□□□ □□(...)□

□□□□,□□(...)□□□□□□□□□□□□
□□□□□□□□□□□□□□□□□□

(Pháp chi sở gia, tri giả phất năng từ, dũng giả phất cảm tranh (...) Nhất dân chi quĩ, mạc như pháp (...) Pháp thẩm tắc thượng tôn nhi bất xâm, thượng tôn nhi bất xâm tắc chủ cường nhi thủ yếu. Cố tiên vương quí chi[89] nhi truyền chi).

Vậy mặc dầu không thể thiếu thuật, pháp luật vẫn quan trọng nhất, cho nên áp dụng chính sách thưởng phạt để giữ cái thế, vua phải theo đúng pháp luật như chương trên chúng tôi đã nói, mà dùng thuật để tuyển và điều khiển bề tôi, vua cũng phải theo pháp luật, như chương sau độc giả sẽ thấy.

Vì pháp luật là cái qui cái củ *“Người*

thợ dù khéo, mắt nhìn và ý đoán không sai với dây mực, nhưng cũng phải dùng cái qui cái củ để đo trước đã; ông vua vào hạng thượng trí tuy cử sự nhanh chóng và thích đáng cũng phải dùng pháp độ của tiên vương làm tiêu chuẩn".

□□□□□□□□□□□□□□□□□□□
□□□□□□□□□□□□□

(Xảo tượng mục ý trúng thằng, nhiên tất tiên dĩ qui củ vi độ; thượng trí tiệp cử trúng sự, tất dĩ[90] tiên vương chi pháp vi tỉ - *Như trên*).

Nghĩa là đã không được theo ý riêng, mà cũng không được tin cậy ở sự sáng suốt của mình, mà nhất thiết hành vi nào cũng phải theo pháp luật.

Thiên *Nạn tam,* Hàn Phi dẫn truyện Tử

Sản nhờ thông minh, giỏi nhận xét, suy luận mà phát giác được một vụ vợ giết chồng:

Sáng hôm đó Tử Sản đi qua cửa phường Đông Tượng, thấy có một người đàn bà khóc, bèn bảo người đánh xe dừng lại, ông lắng nghe một lát, rồi sai thuộc hạ bắt người đàn bà đó lại tra hỏi, thì ra mụ đó đã tự tay thắt cổ chồng. Người đánh xe hỏi ông làm sao mà đoán được, ông đáp: *"Vì thấy tiếng khóc mụ đó run sợ. Thường tình hễ người thân của mình mới đau thì mình lo lắng, khi sắp chết thì mình run sợ, khi chết rồi thì mình đau xót. Mụ đó khóc chồng chết, không đau xót mà run sợ, vì vậy mà biết là có tình ý gian".*

Nếu chuyện đó có thật thì Tử Sản có

thể là thủy tổ của các nhà trinh thám Trung Hoa, là thầy của Bao Công sau này. Nhưng Hàn Phi chê:

"Tử Sản trị dân cách đó cũng chẳng rắc rối ư? Phải đợi trông thấy, nghe thấy rồi mới biết là gian thì nước Trịnh bắt được ít kẻ gian lắm. Không dùng bọn lại coi ngục tụng, không dùng chính sách khảo sát nhiều mặt, không làm sáng tỏ phép đo lường, mà cậy vào sự tận dụng trí thông minh, sự suy tư mệt trí của mình mới biết được kẻ gian, chẳng là thiếu thuật quá ư?"

Lời chê đó bất công. Tử Sản là một chính trị gia giỏi, cho đúc "hình thư", vậy là trọng pháp luật; trước khi chết lại dặn người sẽ nối chức ông - Du Cát - phải dùng hình phạt nghiêm khắc để cho dân sợ

mà tôn trọng pháp luật, khỏi phạm cấm. Vậy có lý nào ông không dùng bọn lại coi về ngục tụng, không làm sáng tỏ phép đo lường, mà chỉ cậy vào sự suy tư mệt trí để biết được kẻ gian. Việc Tử Sản phát giác án mạng đó chỉ là do ngẫu nhiên, không thể căn cứ vào đó mà bảo ông chủ trương chỉ dùng mưu trí để trị quốc. Nhưng lời khuyên của Hàn Phi đúng.

Chương này chứa nhiều tư tưởng rất tiến bộ của Hàn - nói chung là của Pháp gia - chương sau Hàn Phi sẽ hé mở cho ta cái “trí khôn” của cổ nhân.

CHƯƠNG VII

THUẬT

Chủ trương của Pháp gia là bậc vua chúa có nhiệm vụ làm sao cho dân theo đúng pháp luật, như vậy là nước trị. Công việc nhiều quá, vua không thể làm hết được, phải giao cho quan lại, hễ quan lại tốt thì dân không loạn, hễ dân nổi loạn thì luôn luôn là do quan lại xấu. Vì vậy bậc minh chủ trị quan lại chứ không trị dân.

□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□

(Văn hữu lại tuy loạn nhi hữu độc thiện chi dân, bất văn hữu dân loạn nhi hữu độc

trị chi lại, cố minh chủ trị lại bất trị dân - *Ngoại trừ thuyết hữu hạ* - Kinh 4). Rốt cuộc thuật trị nước tức là trị quan lại.

Hàn Phi rất chú trọng đến thuật trị quan lại, để riêng cả chục thiên xét riêng về vấn đề đó: *Bát thuyết*, *Bát gian*, *Bát kinh*, *Nam diện*, *Gian kiếp thí thần* hai thiên, 4 thiên *Ngoại trừ thuyết*; ngoài ra hầu hết các thiên khác cũng có vài câu nhắc tới.

Danh từ "thuật" ông dùng có hai nghĩa:

- *Kỹ thuật*, tức phương án để tuyển, dùng, xét khả năng của quan lại, đúng với định nghĩa của Thân Bất Hại:

"Thuật là nhân tài năng mà giao cho chức quan, theo cái danh mà trách cứ cái thực, nắm quyền sinh sát trong tay mà xét khả năng của quần thần" (*Định pháp*).

Thuật đó là thuật hình danh hoặc danh thực (sẽ được xét ở sau) có thể để cho mọi người biết, vua không cần phải giấu.

- *Tâm thuật*, tức những mưu mô để chế ngự quần thần, bắt họ phải để lộ thâm ý của họ ra, như những thuật trong *Ngoại trừ thuyết hữu thượng*:

* Làm bộ như ra lệnh và ra lệnh giả.

* Giấu điều mình biết rồi mà hỏi để biết thêm những điều khác.

* Nói ngược lại những điều mình muốn nói để dò xét gian tình của người.

* Ngầm hại những bề tôi mình không cảm hóa được,...

Cuối thiên *Nạn tam*, Hàn Phi bảo:

"Thuật thì không muốn cho người khác thấy... dùng thuật thì những kẻ yêu mến, thân cận cũng không được nghe"; chữ thuật ông dùng đó có nghĩa là tâm thuật.

Trong chương này chúng tôi không xét các tâm thuật vì chúng nhiều quá, thiên biến vạn hòa, không theo một quy tắc nào khác, ngoài quy tắc này: Gạt người sao cho có kết quả; độc giả sẽ thấy chúng rải rác trong các cố sự Hàn đã ghi lại trong các thiên *Nội trừ thuyết*, *Ngoại trừ thuyết*, *Nạn*, *Thuyết lâm*... Dưới đây chúng tôi chỉ phân tích kỹ thuật trừ gian và dùng người của Hàn Phi

A. TRỪ GIAN

Hàn cho rằng cái lợi của vua tôi khác nhau, mà ai cũng chỉ lo cho tư lợi, nên bề

tôi nào cũng mang ý phản vua (chữ bề tôi ở đây có nghĩa rộng trỏ cả anh em, vợ con của vua) và ông khuyên các vua chúa: “Bậc minh chủ không nên ỷ vào cái lẽ bề tôi không phản mình mà ỷ vào cái lẽ họ không thể phản mình được; không ỷ vào cái lẽ họ không gạt mình mà ỷ vào cái lẽ họ không thể gạt mình được”.

□ □□□□□□□□□□□□□□□□□□ □□□□□□□□□□□□□□

(Minh chủ giả bất thị kì bất ngã bạn dã, thị ngô bất khả bạn dã; bất thị kì bất ngã khi dã, thị ngô bất khả khi dã - *Ngoại trừ thuyết tả hạ*).

Trong thiên *Bát kinh*, Hàn kể sáu hạng người có thể làm loạn: Mẹ vua, hậu phi, con cháu vua, anh em vua, đại thần, người nổi danh là hiền, được lòng dân.

Trong thiên *Bát gian*, ông trở lại vấn đề đó, vạch ra tám hạng gian thần: Bọn chung giường với vua (vợ vua, cung nhân, sủng thần đẹp trai), bọn tả hữu thân cận (hề, kép hát...), bọn cha anh của vua, bọn thoả lòng ham vui, ham sắc của vua, bọn làm hao tán của công để mua chuộc lòng dân, bọn ăn nói khéo léo làm mê hoặc vua, bọn tụ tập các hiệp sĩ, kiếm khách để tỏ cái uy của họ, và bọn thờ nước ngoài.

Sự liệt kê đó lộn xộn: sắp lại thì có thể chia làm hai hạng: Kẻ thân thích của vua và quần thần. Cả hai đều đánh vào tình cảm, thị dục và nhược điểm của vua để lung lạc, che giấu vua. Họ lập bè đảng ở trong nước, ngầm giao kết với nước ngoài, nuôi uy thế để khi đủ mạnh rồi thì lật đổ vua. Để tự do hoành hành, họ ngăn cản,

hãm hại các trung thần. Hàn Phi coi họ là bầy chó dữ của nước.

Thiên *Ngoại trừ thuyết hữu thượng*, ông kể truyện nước Tống có người bán rượu ngay thẳng, ân cần với khách, rượu lại ngon mà bán vẫn ế chỉ vì tiệm nuôi một con chó dữ, hễ thấy người tới mua là xông ra cắn.

Các trung thần muốn giết bọn gian thần nhưng vua lại che chở chúng, thành thử chúng yên ổn ỷ quyền thế mà bóc lột dân làm giàu, lập bè đảng để che giấu tội ác của nhau, bịt mắt vua; cũng như loại chuột khoét đất, đào hang ở trong nền xã (nơi thờ thần đất đai) mà không ai làm gì được vì nếu hun khói thì sợ cây cột (thần vị) cháy, mà dội nước thì sợ trôi mất lớp đất màu tô ngoài cây cột.

Để ngăn cấm bọn đó, vua chúa phải:

- Đừng để lộ sự yêu thích, giận ghét của mình. "Bậc minh chủ phải giữ bí mật, nếu để lộ niềm vui ra, thì bề tôi nhân dịp vua vui mà xin gia ân cho người khác, nếu để lộ nỗi giận ra thì bề tôi nhân đó mà thị uy với người khác" (*Bát kinh*).

- Không cho họ biết mưu tính của mình, nếu là việc quan trọng thì vua phải ngủ riêng để hễ có nằm mơ, nói mớ thì cũng không ai biết được.

- Không cho họ mưu tính việc riêng, không để họ tự ý hành động, việc gì cũng phải hỏi mình trước.

- Bắt họ phải theo đúng pháp luật mà chính vua cũng phải theo pháp luật trong việc thưởng phạt họ.

- Xét xem hành động của họ có hợp với lời nói của họ không (coi tiết sau: Thuật dùng người).

- Không cho họ cùng phi tần, cung nữ xin riêng cái gì cả.

- Không cho họ lấy tiền bạc trong kho, lúa trong lẫm để thi ân riêng cho dân.

- Khi họ khen ai, chê ai, thì phải xét xem người được họ khen thực có tài năng không, người bị họ chê thực có tội lỗi không. Các yêu sách của chư hầu, hợp pháp thì nghe, không thì cự tuyệt (*Bát gian*).

^¤^

Có một cách để tìm kẻ gian là khi một việc xảy ra, hại cho nước hoặc cho một

người nào đó thì xét xem ai là kẻ có lợi.

Ví dụ: Trần Nhu là bề tôi của vua Ngụy; nước Kinh đánh Ngụy, ông ta vì vua Ngụy đứng ra hòa giải, rồi nhờ thế lực của Kinh mà ông ta được làm tướng quốc Ngụy. Việc đó có lợi cho Trần Nhu, cho nên ta biết được ông ta đã ngầm xúi Kinh đánh Ngụy.

Một ví dụ nữa: Chiêu Hi Hầu tắm, thấy trong nước có sạn, hỏi: - Nếu người coi việc tắm gội mất chức thì có ai thay chân không? Kẻ tả hữu đáp có.

Hi Hầu bảo: “Gọi nó vô” rồi mắng người đó: - Tại sao ngươi bỏ sạn vô nước nóng?

Hắn đáp: - Anh coi việc tắm gội mà mất chức thì thần được thay chân, vì vậy

thần bỏ sạn vô nước tắm. (*Nội trừ thuyết hạ*)



Muốn kiềm chế hạng người có địa vị cao, trách nhiệm lớn ta có ba cách:

- Nếu là người hiền, có thể bắt vợ con, thân thích của họ làm con tin;
- Nếu là kẻ tham lam thì cho họ tước lộc hậu hĩ như đã hứa với họ để "an định" họ, tức là mua chuộc họ để họ khỏi làm phản;
- Nếu là kẻ gian tà thì phải làm cho họ khốn khổ bằng cách trừng phạt (*Bát kinh*)



Dùng những cách đó mà vẫn không cải hóa được thì phải trừ họ đi. Muốn trừ họ

mà không thương tổn danh tiếng của vua thì nên đầu độc họ, hoặc dùng kẻ thù của họ để giết họ, như vậy là trừ gian một cách kín đáo (*Bát kinh*).

Điều cần nhất là phải diệt cho sớm, đừng để họ làm bậy lâu, mỗi ngày một chất chứa, sức họ mạnh lên, có thể giết mình được. Hàn Phi khuyên vua chúa nhớ lời của Tử Hạ (một môn đệ của Khổng tử): "Sách Xuân Thu chép cả chục vụ bề tôi giết vua, con giết cha; tất cả những vụ đó đều không phải chỉ trong một ngày mà xảy ra, mà do chất chứa lần lần rồi sau mới phát" (*Ngoại trừ thuyết hữu thượng*)



Mà cách tốt nhất để theo lời Tử Hạ là đừng dùng những kẻ không nên dùng để khỏi phải đề phòng họ. Hàn Phi trong thiên

Hữu độ cho ta biết năm hạng người không nên dùng:

1. Hạng người khinh tước lộc, dễ dàng bỏ chức vụ mà đi chọn vua khác.

2. Hạng người lánh đời, ở ẩn, chê bai vua.

3. Hạng người đặt lời giả dối trái pháp luật.

4. Hạng người thi ân để thu phục kẻ dưới.

5. Hạng người vì tư lợi mà giao thiệp với chư hầu.

Rồi trong thiên *Bát thuyết*, ông lại kể thêm năm hạng người nữa[91].

6. Hạng người vì người quen cũ

mà làm việc riêng tư, họ là bạn tốt nhưng là quan lại gian.

7. Hạng người bỏ chức quan mà thích giao du.

8. Hạng người tranh thắng với bề trên.

9. Hạng người uốn cong pháp luật vì người thân (giống hạng 6)

10. Hạng người đem của công ra bố thí (giống hạng 4).

Tuy nhiên ông cũng nhận rằng một số gian thần chính là kẻ tài giỏi, nếu vua có đủ thuật để khống chế họ thì họ sẽ trung thành với mình mà giúp mình đắc lực như trường hợp Triệu Giản Chủ dùng Dương Hổ, một phản thần của Lỗ mưu cướp quyền chúa, thất bại phải trốn qua Triệu. Kẻ tả

hữu can Giản chủ: “Hổ giỏi cướp chính quyền, sao nhà vua lại dùng làm tướng quốc?” Giản chủ đáp: “Hổ lo cướp chính quyền, ta lo giữ” và ông dùng thuật, khống chế nơi Dương Hổ, Dương Hổ tận tâm phụng sự, làm cho Triệu mạnh lên. Rốt cuộc quan trọng hơn cả vẫn là phải có thuật.

Phòng gian, diệt gian là khía cạnh tiêu cực của thuật, tuyển người, dùng người để tăng công hiệu hành chánh mới là khía cạnh tích cực.

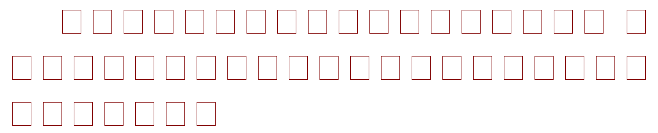
B. DÙNG NGƯỜI

Quy tắc căn bản của thuật dùng người theo Pháp gia là thuyết hình danh. Người đầu tiên lập thuyết về danh là Khổng tử. Thuyết chính danh của ông là một thuyết để

trị nước: Chính danh là để “minh phận”, phân sự sang hèn, cũng để nhắc nhở nhà cầm quyền nhớ đến bổn phận của họ: Đã mang danh là vua, là cha mẹ của dân thì phải giữ tư cách ông vua, làm tròn sứ mệnh ông vua, cũng như cái “cô” - một bình rượu - thì phải có khía, có cạnh, không có khía, có cạnh thì không được gọi là cái “cô” (*Luận ngữ* - *Ung dã* - 23 - Cô bất cô, cô tai, cô tai!)

Vì vậy mà chương *Tử Lộ*, bài 3, khi Tử Lộ hỏi ông nếu được vua Vệ mời tham chính thì ông sẽ làm gì trước hết, ông đáp phải chính danh trước hết, vì nếu danh không chính thì lời nói không thuận, lời nói không thuận thì việc không thành; việc không thành thì lễ nhạc không hưng, lễ nhạc không hưng thì hình phạt không trúng,

hình phạt không trúng thì dân không biết chỗ nào mà đặt tay chân (tức không biết hành động ra sao)



(Danh bất chính tắc ngôn bất thuận, ngôn bất thuận tắc sự bất thành, sự bất thành tắc lễ nhạc bất hưng, lễ nhạc bất hưng tắc hình phạt bất trúng, hình phạt bất trúng tắc dân vô sở thố thủ túc).

Mạnh tử cũng theo thuyết đó nhưng gay gắt hơn, bảo vua mà tàn bạo như Trụ thì không phải là vua, chỉ là một thất phu, vậy giết Trụ không phải là thí vua mà chỉ là giết một tên thất phu (tàn tặc chi nhân vị chi thất phu; văn tru nhất phu Trụ hĩ, vị văn thí quân dã - *Lương Huệ Vương*, hạ - bài

8).

Rồi sau Công Tôn Long áp dụng nguyên tắc chính danh vào tất cả các lĩnh vực, chứ không riêng trong lĩnh vực chính trị. Chính danh của ông là để phân biệt đồng và dị (giống và khác nhau).

Mặc gia cũng chính danh để phân biệt đồng, dị và bước thêm vào khu vực tri thức luận, vào ngôn ngữ học, chia danh thành ra ba loại: Đạt danh (danh phổ biến, như: Vật), loại danh (danh chỉ loài, như: Ngựa, mèo) và tư danh (danh riêng, như nhân danh, địa danh)[92].

Tuân tử tập đại thành Khổng tử, Công Tôn Long và Mặc gia. Mục đích chính danh của ông là vừa để "minh phận" vừa để phân biệt đồng và dị. Ông nêu lên phép

chế danh gồm 4 quy tắc mà quy tắc chính là "thực cùng thì danh phải cùng", "thực khác thì danh phải khác", nghĩa là danh và thực phải hợp nhau[93]. Hàn Phi là môn đệ của Tuân Tử chắc đã trực tiếp chịu ảnh hưởng của Tuân hơn là của phái Danh gia, nhưng ông có óc thực tế, không bàn về tri thức luận, chỉ áp dụng thuyết của Tuân vào chính trị: Mà trong phạm vi chính trị, ông cũng chỉ thu hẹp vào việc dùng người, gạt bỏ luân lý, đạo đức ra, vì vậy ông không hề nói đến việc chính danh, chỉ nói đến hình danh (□□), hoặc danh thực (□□). Sự vật hễ có hình, có thực thì có danh. Danh và hình (hay thực) phải hợp nhau, như vậy là "tuần danh trách thực" (□□□□) theo cái danh mà đòi, cầu cái thực; "hình danh tham đồng" (□□□□) hình và

danh hợp với nhau; “thẩm hợp hình danh” (□□□□) xét xem hình với danh có hợp nhau không.

Ví dụ một ông bạn hứa sẽ tới thăm ta, lời hứa đó là “danh”, mà việc ông ấy tới thăm là “hình” hay “thực”; nếu ông ấy giữ lời hứa, tới thăm thật thì “danh” và “hình” hợp nhau; “danh” và “thực” hợp nhau; nếu không thì chỉ có danh mà không có hình, không có thực.

Lấy pháp luật làm danh thì việc là hình: Sự việc mà hợp với pháp thì danh và thực hợp nhau. Lấy quan vị làm danh thì chức vụ là hình: Nếu hai cái không hợp nhau (chẳng hạn một người địa vị là trưởng ti mà không điều khiển nổi nhân viên trong ti, còn việc gì cũng giao cho một người phụ tá) thì là hình danh không hợp.

Hàn cho quy tắc hình danh hợp nhau là quan trọng bậc nhất trong việc trị quan lại (tức trị nước), nếu không theo nó thì không sao phân biệt được kẻ giỏi người dở, kẻ ngay người gian, không sao thưởng phạt cho đúng được, vua sẽ mất quyền, nước sẽ loạn.

Thiên *Dương giác* chép:

"Cái đạo (tức thuật) nắm được cái cốt yếu[94] *là lấy danh làm đầu, danh chính thì vật định, danh lệch thì vật đổi... vua nắm lấy danh, bề tôi làm ra hình. Hình và danh so sánh mà giống nhau thì trên dưới hòa điệu"*

□□□□, □□□□, □□□□, □□□□(...)□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□

(Dụng nhất chi đạo, dĩ danh vi thủ, danh chính vật định, danh ỷ vật tỉ... quân tháo kì danh, thần hiệu kì hình, hình danh tham đồng, thượng hạ hòa điệu).

Thiên đó, hiển nhiên không phải của Hàn Phi, vì dùng thể văn cân đối 4 chữ, đôi khi có vần; lại dùng từ ngữ "chính danh" mà chúng tôi không thấy trong các thiên khác. Nhưng ý nghĩa giống câu này trong thiên *Nhị bính*:

"Bậc vua chúa muốn ngăn cấm gian tà tất phải xét xem hình và danh có hợp nhau không, danh là lời nói mà hình là sự việc".

□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□

(Nhân chủ tương dục cấm gian, tắc

thẩm hợp hình danh; hình danh giả, ngôn dữ sự dã).

Thiên *Nạn nhị*, Hàn cũng viết:

“Bậc nhân chủ tuy sai khiến bề tôi, nhưng tất phải có độ lượng (tức pháp độ, pháp luật) làm tiêu chuẩn; việc mà hợp với pháp thì làm, không hợp thì ngưng; công (tức kết quả) xứng với lời nói thì thưởng, không xứng thì phạt, dùng quy tắc hình danh mà thu phục bề tôi, lấy độ lượng làm tiêu chuẩn cho kẻ dưới”.

□□ □□□□□□□□

(Nhân chủ tuy sử thần, tất dĩ độ lượng chuẩn chi, dĩ hình danh tham chi; sự ngộ ư pháp tắc hành, bất ngộ ư pháp tắc chỉ,

công đáng kì ngôn tắc thưởng, bất đáng tắc phạt; dĩ hình danh thu thần, dĩ độ lượng chuẩn hạ).

"Dùng quy tắc hình danh hợp nhau mà thu phục bề tôi" (dĩ hình danh thu thần) thì không được nghe lời giới thiệu của người khác mà phải đích thân xét xem người mình muốn dùng có xứng đáng không, vì người giới thiệu có thể vì tình riêng, vì tư lợi, vì tinh thần bè đảng mà đề cử hạng bất tài, vô đức. Mà trong đời, kẻ có tài chưa nhất định đã đáng tin, kẻ có đức lại chưa nhất định là có tài[95], cho nên việc bổ nhiệm người, nếu không có thuật thì sẽ thất bại.

Muốn cho khỏi bị gạt, khỏi thất bại thì phải rất thận trọng, tham bác ý kiến của

nhiều người, đích thân xét tài đức rồi mới giao việc.

Về điểm đó, Hàn cũng nghĩ như Mạnh tử. Mạnh tử khuyên các vua chúa:

"Như muốn dùng một người nào mà hỏi kẻ tả hữu, ai cũng bảo người đó là hiền, như vậy cũng chưa được; hỏi các đại phu, các đại phu cũng bảo người đó hiền, như vậy cũng chưa được, khi hết thảy quốc dân đều bảo người đó là hiền, lúc đó mới xét người ấy, xét xong mà thấy người đó quả là hiền thì mới dùng (Lương Huệ vương - hạ - 7).

Nhưng Mạnh tử nói vậy mà không chỉ cách xét người ra sao, Hàn Phi cho ta phương pháp "thính ngôn", "tham nghiệm" và "thí chi quan chức".

Thính ngôn

Phương pháp nghe

1. Khi nghe bề tôi nói thì vua phải trầm mặc, lầm lì, không khen không chê, không để lộ ý nghĩ cùng tình cảm của mình:

"Đạo nghe người nói là làm cho người say mèm. Môi chừ, răng chừ ta đừng hé trước. Răng chừ, môi chừ ta càng giữ yên, để kẻ đó tự hé môi, ta sẽ nhận đó mà biết ý và lòng họ"

□□

(Thính ngôn chi đạo, dong nhược thậm tuý. Thần hồ, xỉ hồ, ngô bất vi thủy hồ! Xỉ hồ, thần hồ, dũ hôn hôn hồ! Bỉ tự li chi, ngô nhân dĩ tri chi - *Dương giác*)

Thiên *Dương giác* như chúng tôi đã nói không phải là của Hàn Phi nhưng ý trong đoạn trên đúng là ý của Hàn: Bậc vua chúa phải bí hiểm, để bề tôi khỏi dò được lòng mình (coi cuối chương III phần này).

2. Phải bắt bề tôi nói, không được làm thinh, mà nói thì phải có đầu đuôi, có chứng cứ:

"Đạo làm chúa là khiến cho bề tôi biết rằng họ chịu trách nhiệm về điều họ đã nói, lại có trách nhiệm về chỗ họ không nói. Lời nói không có đầu đuôi, biện luận mà không có chứng cứ, đó là chịu trách nhiệm về điều đã nói: Không nói để trốn tránh trách nhiệm, để giữ địa vị quan trọng của mình, đó là chịu trách nhiệm về chỗ không nói. Bậc vua chúa

bắt bề tôi hễ nói thì phải có đầu đuôi, đúng với sự thực; nếu họ không nói thì phải hỏi họ lấy chỗ nào, bỏ chỗ nào trong đề nghị để rồi khi thực hành xét xem ý kiến họ có đúng hay không; như vậy bề tôi không dám nói bậy, cũng không dám làm thinh...".

□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□ □□□□□ □□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□ □□□□□□□□□□□□□□

(Chủ đạo giả, sử nhân thần tri hữu ngôn chi trách, hựu hữu bất ngôn chi trách. Ngôn vô đoan mạt, biện vô sở nghiệm giả, thử ngôn chi trách dã. Dĩ bất ngôn tị trách, trì trọng vị giả, thử bất ngôn chi trách dã.

Nhân chủ sử nhân thần ngôn giả, tất tri kì đoan mạt, dĩ trách kì thực; bất ngôn giả tất vấn kì thủ xã dĩ vi chi trách, tắc nhân thần mạc cảm vọng ngôn hĩ, hựu bất cảm mặc nhiên hĩ. - *Nam diện*).

3. Lời nói của bề tôi không được trước sau mâu thuẫn với nhau: *"Đạo làm chúa là khiến cho lời nói trước của bề tôi không trái với lời nói sau, lời nói sau không trái với lời nói trước, (nếu trái thì) dù việc thành cũng phải chịu tội".*

□□□□□□□□□□□□□□□□□□□
□□ □□□□□□□□□□

(Chủ đạo giả, sử nhân thần tiền ngôn bất phục ư hậu, hậu ngôn bất phục ư tiền, sự tuy hữu công, tất phục kì tội - Như trên).

4. Bề tôi phải đưa ra ý kiến rõ rệt, không được mập mờ, ba phải để trốn tránh trách nhiệm:

"Bề tôi đưa ra nhiều ý kiến là để tỏ rằng mình có nhiều trí và khiến cho vua phải tự lựa lấy một ý kiến mà mình tránh được tội. Cho nên chỉ hạng vua dở mới để bề tôi đưa ra nhiều ý kiến. Đừng để bề tôi đưa ra một ý kiến thứ nhì mà ý kiến đó với ý kiến thứ nhất xem ra giá trị như nhau...".

□□□□□□□□□□□□□□□□□□□ □□□□□□□□□□□□□□□□□□□

(Chúng gián dĩ hiệu trí, sử quân tự thủ nhất dĩ tị tội. Cố chúng chi gián dã, bại quân chi thủ dã. Vô phó ngôn ư thượng, dĩ thiết tương nhiên... *Bát kinh*).

5. Quan trọng nhất là lời nói phải có thiết thực, có công dụng, không phải là hư ngôn. Ý này, Hàn diễn đi diễn lại trong nhiều thiên:

“Minh chủ nghe lời nói thì đòi phải có công dụng”.

□□□ □□□□□□□

(Minh chủ thính kì ngôn tất trách kì dụng - *Lục phản*).

“Minh chủ dùng sức (của bề tôi) mà không nghe lời nói của họ”.

□ □□□□□□□□□□

(Minh chủ dụng kì lực, bất thính kì ngôn - *Ngũ đố*)

Nghĩa là lời nói hay mà không được việc thì cũng vô ích:

“Lời nói và hành vi, lấy công dụng

làm cái đích để nhắm".

□□□□□□□□□□□□□

(Ngôn hành giả, dĩ công dụng vi đích cấu giả dã).

"Bậc vua chúa khi nghe người nói mà không lấy công dụng làm mục đích thì kẻ biện thuyết sẽ nói nhiều về những thuyết mũi gai đâm và ngựa trắng"

□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□

(Nhân chủ chi thính ngôn dã, bất dĩ công dụng vi đích, tắc thuyết giả đa cức thích, bạch mã chi thuyết. *Ngoại trừ thuyết tả thượng* - Kinh 2).

Thuyết "bạch mã phi mã" (ngựa trắng không phải là ngựa) của Công Tôn Long, chúng ta đã biết rồi; còn thuyết mũi gai

đâm thì Hàn Phi đã chép lại trong phần truyện cùng thiên kể trên:

Một người nước Tống nói với vua Yên rằng có thể chạm hình con khỉ vào đầu một mũi gai, nhưng vua phải trai giới ba tháng rồi mới trông thấy hình cực nhỏ đó. Vua Yên tin, ban lộc cho anh ta để anh ta khởi công.

Một người hầu cận vua chỉ cho vua thấy sự vô lý của lời người nước Tống đó: Mũi nhọn để chạm phải nhỏ hơn vật được chạm (tức mũi gai). Mà không có người thợ nào đúc được mũi nhọn như vậy. Vả lại vua không thể trai giới 10 ngày mà không có một bữa tiệc, vậy thì làm sao trai giới luôn ba tháng được. Vậy lời của người đó chỉ là lời nói láo. Lúc đó vua Yên mới tỉnh ngộ, chất vấn, người đó phải

thú tội.

Tham nghiệm

Tham nghiệm là khảo sát nhiều mặt để biết lòng bề tôi và để xem lời nói của họ có giá trị hay không.

Thiên *Bát kinh* tiết *Lập đạo*, Hàn Phi bảo muốn biết lời nói của người thành thực hay không thì phải:

“Khảo sát việc đã qua để biết rõ lời nói (trước kia) có đúng không; đặt bề tôi ở gần mình để xét nội tình của họ, đưa họ ra xa để xét tình hình ở ngoài của họ; dùng những điều mình biết rồi để tra hỏi về những điều chưa biết; (...) có thái độ khiêm nhường để thấy kẻ nào cương trực, kẻ nào a dua; tiết lộ những ý khác

nhau để dễ biết ý kiến của kẻ dưới".

Lại phải tham khảo ý kiến nhiều người để biết thực tình; nếu chỉ nghe, tin một người thì sẽ bị bề tôi che lấp.

□□□□□□□□□□□□□□□□□□□

(Quan thính bất tham, tắc thành bất văn; thính hữu môn hộ tắc thần úng tắc - *Nội trừ thuyết thượng*).

Phải bắt kẻ bề tôi trình bày ý kiến, nghe hết thảy ý kiến từng người một, mới phân biệt được ai trí ai ngu. (Nhất thính tắc ngu trí phân - *Như trên*).

Tuy nhiên ý kiến mọi người như nhau thì phải đề phòng. Hàn Phi kể trường hợp Lỗ Ai Công việc gì cũng bàn tính với quần thần mà nước càng loạn thêm. Ai Công không hiểu tại sao, hỏi Khổng tử, Khổng

Tử đáp:

"Bậc minh chủ hỏi quần thần thì có người biết, lại có một người không biết, như vậy là minh chủ ở trên, quần thần bàn luận ở dưới. Nay quần thần đều răm rắp nói theo Quí Tôn (một trong ba đại phu chuyên quyền ở Lỗ), thành thử cả nước hòa là một, dù nhà vua có hỏi khắp người trong nước, nước cũng không khỏi loạn được" (*Như trên*).

Huệ tử trả lời vua Ngụy cũng như vậy, nhân việc hết thảy quần thần trừ Huệ tử đều theo Trương Nghi khuyên vua đánh Tề và Kinh.

"(Việc đó) cần phải xét kỹ. Nếu việc đánh Tề, Kinh quả thực có lợi (cho Ngụy) mà cả nước đều cho là có lợi thì sao người trí đông được đến thế! Nếu việc đó

quả thực là bất lợi mà cả nước đều cho là có lợi thì sao người ngu lại đông đến thế! Sở dĩ còn phải bàn tính vì còn nghi ngờ: Nếu quả thực có sự nghi ngờ thì tất phân nửa cho là nên, phân nửa cho là không nên. Nay cả nước cho là nên, tức thị nhà vua mất phân nửa người (đưa ý kiến) rồi đó. Chúa bị tấn hiếp nên mới mất phân nửa người như vậy”.

□□

(...Bất khả bất sát dã. Phù công Tề, Kinh chi sự dã, thành lợi, nhất quốc tận dĩ vi lợi, thị hà trí giả chi chúng dã! Công Tề,

Kinh chi sự thành bất lợi, nhất quốc tận dĩ vi lợi, hà ngu giả chi chúng dã! Phàm mưu giả, nghi dã; nghi dã giả, thành nghi, dĩ vi khả giả bán, dĩ vi bất khả giả bán. Kim nhất quốc tận dĩ vi khả, thị vương vong bán dã. Kiếp chủ giả, cố vong kì bán dã... - *Như trên*).

Vậy việc còn đáng ngờ, còn phải bàn mà thấy mọi người đều đưa ra một ý kiến như nhau, tất có sự âm mưu để gạt vua.

Giao chức

Giai đoạn cuối cùng là cho họ bắt tay vào việc rồi mới biết chắc được hay dở.

Nghe lời nói, biết đề nghị, kế hoạch của một người rồi, lại tham nghiệm để dò xét lòng kẻ đó có đáng tin không, tài năng

kẻ đó có đủ không, rồi mới giao chức cho để thử, như vậy mới khỏi lầm được:

"Chỉ vạch mõm, coi răng và nhìn hình dáng thì Bá Lạc (hay Nhạc) (người giỏi xem tướng ngựa) cũng không quyết định được giá trị con ngựa nhưng nếu cho ngựa kéo xe, xem nó chạy hết con đường thì bọn nô bộc cũng biết được ngựa tốt hay không. Nhìn dung mạo, y phục, nghe lời nói một kẻ sĩ thì Trọng Ni cũng không quyết định được kẻ đó trí tuệ ra sao, nhưng nếu thử bổ nhiệm rồi xét thành tích thì người thường cũng biết rõ được kẻ đó ngu hay không" (*Hiển học*).

Khi giao chức, phải nhớ ba quy tắc dưới đây:

1. *Mới đầu hãy giao cho một việc nhỏ đã*. Hàn Phi bảo: "Quan lại của vua chúa,

thì tể tướng phải bắt đầu từ một chức ở châu quận, mà tướng soái phải bắt đầu từ chân lính trơn... Cấp bậc cứ tuần tự mà lên thì chức càng lớn càng có tài cai trị.

□□□□□□□□□□□□□□□□□□ □□□(...)□□□□□□□□□□□□□

(Minh chủ chi lại, tể tướng tất khởi ư châu bộ, mãnh tướng tất phát ư tốt, ngũ... Thiên quan tập cấp, tắc quan chức đại nhi dũ trị - *Hiển học*).

Thiên *Vấn Điền* chép một cố sự để giải thích quy tắc đó:

Từ Cừ hỏi Điền Cưu sao lại bắt một danh tướng là Nghĩa Cừ mới đầu phải làm chức trưởng đồn, ông Công Tôn Đàn Hồi, một bậc hiền minh, phải xuất thân từ một chức ở châu quận. Điền Cưu đáp: Vì cần

phải thử tài họ, nếu không thì có thể lầm vì những lời biện thuyết của họ mà nước sẽ suy vong như trường hợp nước Sở dùng Tống Cô làm tướng soái, nước Ngụy dùng Phùng Li làm tướng quốc.

Cách dùng người như vậy hiện nay được đa số các xí nghiệp lớn áp dụng: Một kỹ sư tập sự dù có bằng cấp cao cũng phải qua một cuộc trắc nghiệm để dò xét tình hình, khả năng đã, rồi mới được giao một công việc thấp trong xí nghiệp, rồi từ địa vị đó càng ngày càng tiến lên những chức vụ quan trọng hơn. Như vậy các kỹ sư sẽ hiểu biết rõ mỗi ngành hoạt động, sau mới có đủ tư cách và kinh nghiệm để điều khiển.

2. *Không cho kiêm nhiệm*: Phải phân công rõ ràng, mỗi người lãnh một chức vụ,

hoàn toàn chịu trách nhiệm về chức vụ đó thôi. Không phải là chức vụ của mình thì không được làm dù biết việc đó có ích cho nước. Hàn Phi rất ngại sự vượt chức; bề tôi mà vượt chức thì không sao kiểm soát được, mối loạn do đó mà ra. Vượt chức là trái với nguyên tắc "hình danh" (hình vượt danh).

Thiên *Nhị bính*, Hàn chép truyện Hàn Chiêu hầu nằm ngủ, viên quan coi về mão sợ ông lạnh, lấy áo đắp cho ông; khi thức dậy ông phạt viên quan coi về áo vì không làm nhiệm vụ, lại phạt cả viên quan coi về mão vì vượt chức vụ. "Không phải là ông không sợ lạnh, nhưng ông cho rằng bề tôi vượt chức vụ thì hại còn hơn là mình bị lạnh... Hễ vượt chức vụ thì chết".

(□□□□ - Việt quan tắc tử)

3. Đã giao trách nhiệm cho một người nào rồi thì đừng *dùng một kẻ khác để dòm ngó* kẻ đó.

Đầu thiên *Nam diện*, Hàn viết:

"Cái lỗi của bậc vua chúa là đã giao trách nhiệm cho một bề tôi rồi lại dùng một bề tôi không được giao trách nhiệm đó để phòng họ. Sở dĩ vậy là vì chúa nghĩ rằng người không được giao trách nhiệm coi người được giao trách nhiệm là kẻ thù; nhưng hậu quả ngược lại, chính chúa bị người không được giao trách nhiệm đó chi phối... Chúa bỏ pháp luật mà dùng bề tôi để đề phòng bề tôi, thì những kẻ thân yêu nhau kết bè đảng mà khen lẫn nhau, những kẻ ghét nhau cũng kết bè đảng để chê lẫn nhau, hai bên khen chê lẫn nhau đó tranh nhau thì vua sẽ bị mê loạn".

Vậy cứ tin họ, để họ làm việc, rồi tùy họ làm việc được hay không mà thưởng phạt họ đúng pháp luật chứ không phải cho người dòm ngó họ. Vả lại, đã có lệ trên dưới tố cáo lẫn nhau thì cần gì phải dùng thêm sự dòm ngó nữa.

Trong việc dùng người, quy tắc là như vậy, nhưng đó chỉ là để cho các hạng vua chúa tầm thường theo; còn hạng minh chủ có pháp thuật thì chẳng cần theo quy tắc nào cả, dù là phản thần như Dương Hổ cũng dùng được (coi tiết *Trừ gian*, chương VII), mà dù có hai trọng thần cũng không sao như Tề Hoàn Công dùng Quản Trọng lẫn Bảo Thúc Nha, Thành Thang dùng cả Y Doãn lẫn Trọng Hủy (*Nạn thất*); trái lại, vua hôn ám, không có pháp thuật thì dùng người tốt họ cũng sẽ phản mình, dùng hai

trọng thần thì họ sẽ tranh quyền nhau mà kết giao với nước ngoài, chỉ dùng một trọng thần thì họ sẽ chuyên quyền mà giết mình. Thành hay bại đều do tư cách, tài năng của vua hết. Tuy trọng pháp thuật nhưng yếu tố người vẫn là chính; vậy pháp trị hay nhân trị đều cần có người tốt cả, chỉ khác một bên trọng pháp thuật, một bên trọng nhân nghĩa, lễ giáo.

C. THUẬT VÔ VI

Trung Hoa có điểm khác Ấn Độ, Ả Rập và phương Tây là các triết gia lớn của họ đều quan tâm tới đời sống của dân, đều muốn cứu đời bằng chính trị, mà bàn về chính trị thì hầu hết họ đều lấy sự "vô vi" làm lý tưởng.

Người ta quen cho "vô vi" là danh từ

của Lão, Trang chỉ vì hai nhà ấy dùng nó nhiều nhất, sự thực thì chính Khổng tử đã dùng nó trước tiên, mà đa số học giả ngày nay nhận rằng Lão có nhiều phần chắc là sinh sau Khổng.

Luận ngữ, chương Vệ Linh công, bài 4, chép: “Khổng tử bảo: “Không làm gì mà thiên hạ được trị, là vua Thuấn đó chăng? Ông có làm gì đâu? Chỉ cung kính giữ mình, (ngồi trên ngôi) quay mặt về hướng Nam, thế thôi.”

□ □□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□

(Tử viết: Vô vi nhi trị giả, kì Thuấn dã dư? Phù hà vi tai? Cung kỉ, chính Nam diện nhi dĩ hỉ). Chu Hi chú giải rằng: Bậc thánh nhân có đức cao, cảm hóa được dân, nên chẳng cần làm gì mà thiên hạ cũng

bình trị. Sở dĩ vua Thuấn được như vậy, một phần là do nối nghiệp vua Nghiêu, lại được một số bề tôi hiền giúp sức.

Sau Khổng tử tới Lão tử. Chương XLVIII *Đạo đức kinh*, ông viết:

"Theo đạo thì càng ngày càng bớt, bớt rồi lại bớt đến mức vô vi... Vô vi thì không cái gì không trị..."

□□□□□ □□□□□□□□□□(...)□□ □□□□□

(Vị đạo nhật tổn, tổn chi hựu tổn, dĩ chí ư vô vi... Vô vi tắc vô bất trị...)

Chương LVII, ông còn nói rõ hơn: "Ta vô vi mà dân tự hóa, ta ưa tĩnh mà dân tự sửa mình, ta không mưu tính gì mà dân tự giàu, ta không ham muốn mà dân tự thành chất phác"

□□□□□□□□□□□□□□□□□□□
□□□□□□□□□□□□□

(Ngã vô vi nhi dân tự hóa, ngã hiếu tĩnh nhi dân tự chính, ngã vô sự nhi dân tự phú, ngã vô dục nhi dân tự phác).

Ông cho rằng cứ theo đạo, tức theo tự nhiên, thì mọi sự hoàn hảo. Cứ cho dân tự lo lấy thì ai nấy được thoả ý mà trên dưới yên ổn, nhà cầm quyền càng can thiệp thì càng gây rối: Bắt dân đóng thuế nặng thì dân sẽ đói, ruộng đất bỏ hoang, hình phạt càng nghiêm thì dân càng phạm tội. Phải giảm chính phủ, đừng dùng nhân nghĩa, lễ giáo: "Mất Đạo rồi mới có Đức, mất Đức rồi mới có nhân, mất nhân rồi mới có nghĩa, mất nghĩa rồi mới có lễ". Trí tuệ cũng phải bỏ (khí trí), vì có bỏ "trí" rồi mới trở về tự nhiên được. Chỉ cần cho dân

khỏi đói, khỏi rét, rồi để dân muốn làm gì thì làm. Ông muốn trở về chế độ cộng sản nguyên thủy: Nước nhỏ, dân ít, không dùng khí cụ, xe thuyền, không có gươm giáo, không có văn tự, không ai đi đâu xa (coi thêm chương VII và phần XI - phần VI - *Đại cương Triết học Trung Quốc*, quyển hạ - Cảo Thơm - 1966).

Chủ trương vô vi của Liệt tử đại khái cũng như Lão tử (coi *Liệt tử và Dương tử*, phần II - Lá Bối - 1972).

Lão tử chỉ giảm thiểu chính phủ thôi, Trang tử mới hoàn toàn vô vi, cho chính phủ là vô dụng, không được dùng pháp độ mà phải theo tính của dân. "Con chim biết bay cao để tránh cái lưới và mũi tên; con chuột đồng biết đào hang sâu ở dưới gò thờ thần để tránh cái họa bị hun khói, đào

hang. Lẽ nào người không khôn bằng hai con vật đó?" (Trang tử - Ứng đế vương). Dùng pháp độ, bắt dân vào khuôn vào phép theo ý riêng, thành kiến của mình thì sẽ thất bại.

Vậy phải để cho dân hoàn toàn tự do (đói thì kiếm ăn, no thì vỗ bụng đi chơi), như vậy dân mới thảnh thơi tự tại, mới "tiêu dao", vui vẻ hưởng hết tuổi trời.

Trong thiên Ứng đế vương, Trang dùng một ngụ ngôn:

"Thiên Căn đi lên núi Ân dương, đến sông Liễu, gặp vô danh nhân, nói: "Xin hỏi làm sao trị thiên hạ". Vô danh nhân đáp: "Cút đi, ngươi là kẻ quê mùa... Ta muốn cùng tạo vật mà làm người (tức là hòa đồng với vạn vật), chán thì cưỡi con chim mang diều ra ngoài lục cực (trời

đất và bốn phương), ngao du ở làng Vô hà hữu (tức Đạo)... ngươi sao lại lấy việc trị thiên hạ làm rộn lòng ta?

Vô danh nhân trong ngụ ngôn đó chính là Trang. Tương truyền Sở Uy vương mời ông làm tể tướng, ông từ chối, chỉ thích ẩn dật. Có thể coi ông là một triết gia theo chủ nghĩa vô chính phủ.

Pháp gia cũng nói tới vô vi. Trong *Hàn Phi tử* có dăm ba chỗ dùng chữ "vô vi". Chẳng hạn:

Thiên *Dương giác*:

"Hư tĩnh vô vi là tình (thực) của Đạo. Tham khảo, đối chiếu, so sánh mọi việc là "hình" của công việc. Tham khảo để so sánh mọi vật, đối chiếu để nó hợp với sự không hư".

□□□□□□□□□□□□□□□□□□
□□□□□□□, □□□□□□

(Hư tĩnh vô vi, đạo chi tình dã; tham ngũ tỉ vật, sự chi hình dã; tham chi dĩ tỉ vật, ngũ chi dĩ hợp hư).

“Vật có chỗ thích nghi, tài có chỗ dùng. Mọi người đều có việc thích nghi thì trên dưới đều vô vi”.

□□□□□□□□□□□□□□□□□□□
□□□□□

(Vật giả hữu sở nghi, tài dã hữu sở thi; các xử kì nghi, cố thượng hạ vô vi - *Như trên*)

Thiên *Nạn nhị*:

“... Các ông già nước Trịnh có câu: “Hiểu đạo lý thì nên đừng làm gì, đừng cho thấy”

□□□□□□□□□□□□□□□□

(Trịnh trưởng giả hữu ngôn: "Thể đạo, vô vi, vô hiện dã")

Thiên *Ngoại trừ thuyết hữu thượng*, truyện 2 dẫn lời của Thân Bất Hại: "Sự sáng suốt của bề trên mà để lộ ra thì người dưới sẽ đề phòng, sự không sáng suốt của bề trên mà để lộ ra thì người dưới sẽ gạt bề trên, (...) sự không ham muốn của bề trên mà để lộ ra thì người dưới sẽ rình bề trên; sự ham muốn của bề trên mà để lộ ra thì người dưới sẽ nhử bề trên. Cho nên bảo: "Ta không dựa vào đâu mà biết người (tức bề tôi) được, chỉ có vô vi là có thể dò xét được họ thôi".

□□□□□□□□□□□□□□□

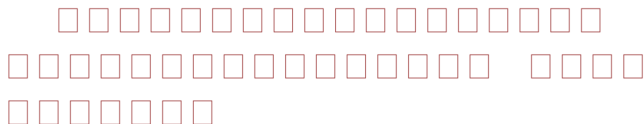
(Ngô vô tòng tri chi, duy vô vi, khả dĩ

qui chi).

Thiên *Dương giác* của người sau viết, mà những ý: "Hợp với sự không hư", "trên dưới đều vô vi" trong thiên đó không hợp với chủ trương của Pháp gia; còn câu trong *Nạn nhị*, chỉ là một cách xử thế của các ông già nước Trịnh, chứ không phải là một đường lối chính trị, nhưng đoạn dẫn trên trong *Ngoại trừ thuyết hữu thượng*, thì tuy là lời của một Pháp gia, Thân Bất Hại mà cũng hợp với học thuyết của Hàn Phi. Trong thiên *Hữu độ*, Hàn viết:

"Làm vua mà đích thân xem xét các quan thì không đủ thời gian mà cũng không đủ sức. Vả lại bề trên dùng mắt thì kẻ dưới tô điểm bề ngoài, người trên dùng tai thì kẻ dưới sửa giọng nói, người trên dùng trí óc để đoán xét thì kẻ dưới khéo nói, nói

nhiều”



(Phù vi nhân chủ nhi thân sát bách quan, tắc nhật bất túc, lực bất cập. Thả thượng dụng mục tắc hạ sức quan; thượng dụng nhĩ tắc hạ sức thanh; thượng dụng lự, tắc hạ phồn từ).

Tiên vương cho ba cái đó (mắt, tai, trí óc) là không đủ nên không ỷ vào tài năng của mình mà dựa vào pháp độ, xét kỹ việc thưởng phạt, tiên vương chỉ giữ cái cốt yếu, nên pháp độ giản dị, mà không bị vi phạm; một mình tự chế ngự dân trong bốn bể, khiến cho kẻ thông minh không gian trá được, kẻ miệng lưỡi không nịnh bợ được, kẻ gian tà không biết dựa vào đâu được;

dù cho kẻ ở xa ngoài ngàn dặm cũng không dám đổi lời, kẻ thân cận như các lang trung cũng không dám che dấu cái tốt, tô điểm cái xấu; như vậy từ các bề tôi tại triều, tụ họp ở bên vua cho đến những kẻ thấp hèn ở xa cũng không dám lấn nhau mà đều giữ chức phận mình. Cho nên công việc cai trị ít, ngày giờ dư, được vậy là do vua biết dùng quyền thế để trị nước”

□ □□□□□□□□□□□□□□□□

(Cố trị bất túc nhi nhật hữu dư, thượng chi nhiệm thế sử nhiên dã).

Thiên *Ngoại trừ thuyết hữu hạ*, Hàn Phi chép truyện Tư Trịnh tử ngồi trên càng xe ca hát mà qua được cây cầu cao:

“Tư Trịnh tử đánh xe lên một cây cầu cao không được, bèn ngồi trên càng xe mà

hát, (tức thì) người đi trước ngừng lại, người đi sau đẩy xe cho ông và xe lên được dốc cầu. Nếu ông không có thuật để lôi kéo người giúp ông thì dù ông có gắng sức đến chết, chiếc xe cũng không lên được cầu. Đằng này ông khỏi phải mệt thân mà xe lên được là nhờ ông có thuật lôi kéo người giúp ông".

Nhưng có thật là không mệt thân không? Tuy không phải làm một việc gì đấy, nhưng phải dò xét, đề phòng mỗi bề tôi, lúc nào cũng sợ họ làm phản mình, phải tìm hiểu tình hình, tài năng họ để giao việc, khi giao việc rồi phải theo dõi xem có kết quả không, kết quả có hợp với lời nói của họ không, sau cùng đích thân định việc thưởng phạt...; vì vậy mà thiên *Nạn nhị*, chính Hàn cũng nhận rằng trị nước

không phải là việc an nhàn:

"Sai khiến người lại không phải là việc an nhàn. Bậc vua chúa tuy (không làm gì) chỉ sai khiến người, (nhưng cũng) phải dùng sự đo lường (pháp độ) làm tiêu chuẩn, dùng thuật hình danh để tham bác.

Việc nào hợp pháp thì làm, không hợp pháp thì ngưng: Công trạng xứng đáng với lời nói thì thưởng, không xứng thì phạt. (...) Như vậy bậc vua chúa trị dân đâu được an nhàn!".

□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□ □□□□□□□□□□□(...)□□□□□□□

(Sử nhân hựu phi sở dật dã. Nhân chủ tuy sử nhân, tất dĩ độ lượng chuẩn chi, dĩ

hình danh tham chi. Sự ngộ ư pháp tắc hành, bất ngộ ư pháp tắc chỉ; công đáng kì ngôn tắc thưởng, bất đáng tắc tru... Quân nhân giả yên dật tai!).

Vậy vô vi của Hàn khác vô vi của Lão, của Khổng: Lão vô vi được là nhờ theo tự nhiên, theo đạo, không can thiệp vào đời sống của dân; Khổng vô vi được là nhờ có đức khéo cảm hóa dân, dùng lễ, nhạc, ít dùng hình pháp; Hàn chỉ dùng hình pháp để trị dân, dùng thuật bắt dân cáo gian, can thiệp vào đời sống của dân, nhất là dùng tâm thuật, phải tính toán lo lắng nhiều, không tin cậy ai cả, có khi không dám ngủ chung với vợ con nữa, lại phải giữ ý, dụng ý trong mỗi cử chỉ, lời nói, nét mặt, chẳng hạn cúi đầu xá con ếch (để khuyến khích các dũng sĩ) như vua Việt, giữ kỹ chiếc

khố cũ (để thưởng kẻ có công lao) như vua Hàn (*Nội trừ thuyết thượng*); như vậy đâu phải là vô vi, mà là cực hữu vi, đâu có ung dung, nhàn tản như họ Khổng, họ Lão.

Danh từ vô vi thời Chiến Quốc cũng như danh từ dân chủ ngày nay ai muốn hiểu sao thì hiểu. Phải chăng vì vậy mà nó thành một lý tưởng hấp dẫn.

KẾT

Ái quốc, ưu thời mẫn thế, có óc thực tế, được sinh vào cuối thời Chiến Quốc, được biết tất cả các giải pháp cứu thế của người trước, Hàn Phi đã có công suy nghĩ, so sánh, cắt chỗ này, lấy chỗ kia, rút kinh nghiệm để lập một học thuyết gần như là một tổng kết các tư tưởng chính trị thời Tiên Tần.

Ông đả Nho mạnh nhất vì Nho là một "hiển học" đương thời, cho chính sách giáo hóa bằng nhân nghĩa, chủ trương "hữu trị nhân vô trị pháp", người hiền còn sống thì chính sự còn, người hiền mất thì chính sự bỏ" [96] của họ, là không hợp thời, làm

loạn nước; nhưng sự "tôn quân" của Nho gia thì ông chẳng những vẫn giữ mà còn cho là rất quan trọng, căn bản nữa. Riêng đối với Tuân Tử, ông không trực tiếp chê, nhưng cũng không khen, mặc dầu ông mượn thuyết tính ác, chủ trương cấm tranh biện, "pháp hậu vương" của Tuân.

Ông rất ghét bọn hiệp sĩ làm loạn pháp và bọn ngụy biện trong phái Mặc gia thời ông, nhưng theo thuyết trọng "công dụng" và công lợi của Mặc Địch, mặc dù không cùng một quan niệm về lợi; lợi theo ông là lợi cho quốc gia, còn lợi theo Mặc Địch là lợi cho mọi người, cho khắp thiên hạ.

Đối với danh gia, ông mượn thuyết "hình danh" (danh thực của họ) và áp dụng nó trong thuật dùng người, nhưng phản đối thói ngụy biện của họ.

Ông cho thái độ ẩn dật, “li chúng độc hành” (tách khỏi quần chúng mà đi một mình), “độc thiện kỳ thân” (giữ riêng tư cách, đạo đức của mình) của Đạo gia (và của Mạnh Tử nữa) là có hại cho nước; nhưng ông mượn chủ trương “tuyệt thánh khí trí” (không dùng bậc thánh hiền, bỏ trí xảo) để thuyết minh chính sách “nhiệm pháp nhi bất nhiệm hiền”, “nhiệm pháp nhi bất nhiệm trí” (dùng pháp luật chứ không dùng người hiền, dùng pháp luật chứ không dùng trí tuệ) của ông, hậu quả là chủ trương vô vi của ông hóa ra cực hữu vi, trái ngược hẳn với bản ý của Lão, Trang.

Còn Âm dương gia và Tung hoành gia thì bị ông khinh rẻ.

Rốt cuộc chỉ còn có Pháp gia - đặc biệt là Thận Đáo, Thân Bất Hại và Thương

Uởng - là được ông gần như hoàn toàn tán đồng. Ông tập đại thành học thuyết của họ và của Tuân Tử, điều chỉnh, bổ túc, khai triển, dựng được một lịch sử quan tiến bộ, một xã hội quan thiên lệch nhưng độc đáo, nhất là đưa ra một chính sách trị dân lập trên ba chân vạc: Thế, pháp, thuật, làm cho lý thuyết về pháp luật được hoàn chỉnh và phương pháp dùng người được hữu hiệu. Đó là những cống hiến đáng kể trong học thuyết của ông thời Chiến Quốc.

Để cứu vãn một xã hội loạn lạc, chia rẽ, suy nhược, học thuyết của Hàn có lợi hiển nhiên; nhưng khi xã hội đã bình trị rồi, thì nó không cần thiết nữa mà còn có hại vì có nhiều khuyết điểm; dùng uy quá nhiều, không hợp tình, coi con người như loài vật; quá trọng nông nghiệp và võ bị,

ghìm công và thương, mà không một nước nào chỉ trông cậy vào nông nghiệp, võ bị mà giàu có, văn minh được; nhất là bỏ cả đạo đức, lễ nhạc, giáo dục, chỉ cho dân học luật pháp. Phải trọng sự thực khách quan và trong thời loạn thì pháp luật phải nghiêm (chỗ này chắc sắp chữ bị sót); thực tiễn có thể là cực chân lý nhưng chỉ nghĩ đến cái lợi ngắn hạn, mà quên cái lợi dài hạn thì chưa chắc đã phải là thực tiễn.

Chúng tôi không biết Lý Tư và Tần Thủy Hoàng đã áp dụng học thuyết của Hàn Phi tới mức nào trong việc thống nhất Trung Quốc, cũng không biết Hàn Phi chịu trách nhiệm tới mức nào trong sự suy sụp quá mau của nhà Tần; nhưng cả Lục Giả lẫn Giả Nghị ở đầu đời Hán đều cho rằng Tần mất thiên hạ vì quá trọng hình pháp,

quá bạo ngược với dân, không biết rằng không thể dùng chính sách lấy thiên hạ để trị thiên hạ được. Đời sau - Hán, Đường, Tống, Minh, Thanh - khôn hơn, đã dung hòa nhân trị của Khổng và pháp trị của Hàn, dùng chính sách chuyên chế, cực tôn quân của Hàn mà cũng dùng Tứ thư và Ngũ kinh để dạy dân, một mặt bắt dân phải tận trung với vua nhưng một mặt cũng nhận rằng vua phải được lòng dân theo ý dân, yêu dân.

Người đầu tiên chê Hàn Phi có lẽ là Lưu An (Hoài Nam vương). Lưu bảo Hàn không biết trọng cái gốc của việc trị nước, tức nhân nghĩa mà chỉ vụ cái ngọn, tức hình pháp.

Các nhà Nho thời sau phần nhiều đều theo luận điệu đó, như: "*giáo hóa không*

đủ mà dùng hình pháp thì dư" (Tô Thức); "*Tần, Hàn được yên một thời mà cái hại thì lâu dài*" (Tô Triệt)...; nhưng cũng có nhà công bình hơn, vừa khen vừa chê.

Tư Mã Thiên bảo: "*Hàn Tử... chú trọng tới thực tế* (thiết sự tình) *phân biệt rõ phải trái, nhưng lòng quá cứng như đá* (uy nhiều mà ít ân)".

Đường Tử Tây cho rằng Khổng Minh khuyên Hậu chủ (con Lưu Bị) đọc Hàn Phi là phải vì Hậu chủ quá khoan hậu, thiếu quyền lực, mưu trí.

Chu Hi chỉ khen thuật du thuyết của Hàn (thiên *Thuế nan*) là cực tinh vi.

Phùng Hữu Lan kín đáo bảo Hàn "*cũng là một kẻ sĩ tích cực cứu thế*" (diệc tích cực cứu thế chi sĩ dã). Lời đó gọn mà hàm

súc.

Muốn tích cực cứu thế thì phải cực đoan; thời càng loạn thì sức phản động phải càng mạnh, phải dùng độc để trị độc, phải mổ nhọt như Hàn đã nói. Cho nên ba nền văn minh lớn của nhân loại: Ấn, Hoa, Âu tới một thời loạn nào đó, đều sản xuất những chính trị gia trọng pháp luật.

Ở Ấn, khoảng một thế kỉ trước Hàn Phi, sau cuộc xâm lăng của vua Hi Lạp, Alexandre, dưới triều Chandragupta, có Kautilya, tác giả cuốn *Arthasastra*; ở Châu Âu, cuối thế kỷ XV, nước Ý bị chia rẽ cũng như Trung Hoa thời Chiến Quốc, có Machiavel, tác giả cuốn *Le prince*.

Đại khái Kautilya cũng coi thường đạo đức, dùng nhiều thuật như Hàn Phi, đối nội thì tổ chức ban mật vụ, đối ngoại thì dùng

mưu mô lừa gạt, nhưng ông hơn Hàn ở chỗ còn xét cả về phong tục, về cách tổ chức các cơ quan hành chánh.

Machiavel có nhiều điểm giống Hàn hơn nữa: cũng phản cổ, cho rằng tính dân vốn ác: Tham lợi, sợ nguy, bạc bẽo; trị dân thì cần làm cho dân sợ uy của mình, mọi việc phải quyết định lấy, phải quỉ quyệt, bất chấp luân lý, trọng võ bị, nhưng ông ta khác Hàn ở điểm trọng thương mại (nước Ý thời đó giàu nhờ thương mại) và biết mua chuộc lòng dân.

Cả ba nhà đó đều tách rời chính trị ra khỏi luân lý, nêu ra một số vấn đề cho hậu thế suy nghĩ: Làm chính trị có nên dùng "thuật" không, giáo dục có cải hóa được con người không hay phải dùng hình phạt nghiêm khắc; nhà cầm quyền là một hiền

triết như Khổng Tử chẳng hạn có lợi cho quốc gia bằng một chính trị gia có óc thực tế như Hàn Phi không? Khó đáp một cách dứt khoát là "không" hay "có" được. Chúng ta có thể nói rằng cho tới nay không có một nhà nào cầm quyền được lâu mà không phải trọng ý dân, dù chỉ là trọng ngoài miệng. Và bất kì thời nào, bất kì ở đâu, người ta tùy theo lời khuyên của những chính trị gia như Hàn Phi nhưng vẫn trọng những triết gia như Khổng Tử hơn. Hàn chỉ được coi là một kẻ "sĩ" như Phùng Hữu Lan gọi chứ không phải là một bậc hiền. Điều đó cũng dễ hiểu: Cần lập một chế độ hợp thời, hữu hiệu, nhưng phải có con người tốt để thực hiện mà chính những nhà như Khổng Tử mới có công đào tạo những con người ấy.

PHẦN IV

VĂN NGHỊ LUẬN CỦA HÀN

Trong phần II, chúng tôi đã nói tác phẩm *Hàn Phi tử* có phần ngụy tạo của người đời sau như thiên *Sơ kiến Tần* ý kiến không phải của Hàn Phi; những thiên *Giải lão, Dụ lão* tư tưởng trái ngược với Pháp gia, không thể do Hàn viết; những thiên *Tam thủ, Tâm độ, Nhân chủ*... giọng văn non nớt, rườm rà cũng rất đáng ngờ; nhất là những thiên có vần như *Chủ đạo, Dương giác* thì càng không thể tin được.

Vì vậy để viết phần này, chúng tôi bỏ qua một bên tất cả những thiên đó, chỉ dùng những thiên mà đa số học giả công nhận là của Hàn. Tóm lại, chúng tôi muốn xét văn nghị luận của Hàn Phi, chứ không xét văn nghị luận trong *Hàn Phi tử*.

Chúng ta hãy tạm đừng xét văn trong *Đạo đức kinh*: Nó thật đặc biệt, gồm những châm ngôn có những vế đối nhau, cân xứng, có khi có vần nữa, gần giống thể phú cuối đời Chiến Quốc và đầu đời Hán, khiến một số học giả vẫn tự hỏi nó xuất hiện vào đời nào, có thực của Lão Đam không, mà Lão Đam có sống thực không. Tạm gạt tác phẩm đó ra rồi, chúng ta thấy trong khoảng hai thế kỷ, từ thế kỷ V tới thế kỷ III trước T.L., văn của "chư tử", tức các triết gia Trung Hoa đã tiến bộ gần như

liên tục. Mới đầu là bộ *Luận ngữ* chỉ dùng một thể đơn giản nhất là kí ngôn; môn sinh của Khổng Tử ghi những lời của thầy. Rồi tới các cuốn *Trung Dung, Đại học* cũng vẫn là kí ngôn thêm những đoạn nghị luận ngăn ngắn. Bộ *Mặc tử* mở đầu cho thể nghị luận - hay biện luận - nhưng lý luận lắm chỗ ngây thơ và rườm. Bộ *Mạnh Tử* cũng là kí ngôn như *Luận ngữ*, đúng ra là ghi những đối thoại giữa Mạnh Tử và một số vua chư hầu hoặc một số học giả đương thời. Trang tử dùng ba lối: kí ngôn, lý luận vắn tắt và ngụ ngôn. Tới Tuân tử mới bỏ hẳn lối kí ngôn mà dùng thể lý luận theo đề tài. Sau cùng là Hàn Phi dùng hết thảy các thể của người trước, cho nên tác giả bộ *Trung Quốc văn học sử* của viện Đại học Bắc Kinh soạn, do Nhân dân văn học xã ở

Bắc Kinh xuất bản năm 1959, khen Hàn là "tập đại thành bút pháp thuyết lý của chư tử thời Tiên Tần" và "văn lý luận đến Hàn Phi đã hoàn toàn thành thục" (quyển 1 trang 93).

Trước khi phân tích bút pháp của Hàn, chúng ta nên biết quan niệm của ông về văn nghị luận. Thiên Bát thuyết, ông viết:

"Thư ước nhi đệ tử biện, pháp tỉnh nhi dân mạnh tụng. Thị dĩ thánh nhân chi thư tất trứ luận, minh chủ chi pháp tất tường sự".

□□□□□□□□□□□□□[97]□□□□
□□□□□□□□□□□□□□□

Nghĩa là: Sách mà giản ước thì (khó hiểu mà) học trò tranh biện về ý nghĩa trong sách; pháp luật mà tỉnh lược thì dân

chúng hay tranh tụng. Vì vậy sách của thánh nhân nghị luận tất rõ ràng, pháp luật của mình chủ ghi việc tất tường tận.

Ông chủ trương rằng trình bày một học thuyết cũng như soạn một bộ luật, phải thực rõ ràng, khiến cho ai đọc cũng hiểu rõ được, mà tất cả những người đọc đều hiểu như nhau, không thể có hai ba cách giải thích khác nhau được, như vậy để tránh những sự tranh luận, kiện tụng vô ích. Gọn là một đức tốt, nhưng gọn quá đến nỗi hóa ra mập mờ thì phải tránh. Chúng tôi nhớ thế kỷ XIX, tiểu thuyết gia Pháp Stendhal đọc đi đọc lại bộ dân luật của Napoléon để tập lối viết của các nhà thảo luật.

Viết là cốt để trình bày tư tưởng, tình cảm của mình, hễ người đọc hiểu là mình đạt được mục đích rồi. Lời không cần tô

chuốt. Vì nội dung có tầm thường thì mới phải tô chuốt, mà tô chuốt quá có thể làm cho người đọc quên mất nội dung đi.

Đầu thiên *Ngoại trừ thuyết tả thượng* Hàn Phi chép lại một cố sự lý thú. Vua Sở chê lời của Mặc Tử không văn nhã, tô chuốt, một môn đệ của Mặc Tử bênh vực thầy, kể ra hai việc: Con gái Tần Mục Công về làm dâu nước Tấn mà trang sức, không đẹp, sang bằng các nàng hầu, thành thử bọn nước Tấn yêu bọn thiếu nữ đó hơn cô dâu (họ choá mắt vì sự tô chuốt mà coi thường nội dung); một thương nhân nước Sở bán hạt châu cho nước Trịnh, quá trang sức cái hộp, và người nước Trịnh chỉ mua cái hộp và trả lại hạt châu (họ thấy nội dung tầm thường nên không dùng). Rồi môn đệ của Mặc Tử đó kết: “Ngày nay

người ta bàn luận đều thích dùng lời khéo léo văn hoa, bậc vua chúa thấy cái văn hoa mà quên rằng những lời đó vô dụng. Thuyết của Mặc Tử truyền cho cái đạo của tiên vương, luận lời của thánh nhân để tuyên cáo cho mọi người. Nếu dùng những lời văn hoa tô chuốt thì sợ người ta chỉ nhớ cái văn hoa mà quên cái hữu dụng của học thuyết, như vậy là lấy cái văn hoa làm hại cái hữu dụng (dĩ văn hại dụng), không khác gì việc người nước Sở bán hạt châu, vua Tần gả con gái".

"Dĩ văn hại dụng" là cái tật của rất nhiều người cầm bút trong những thời theo chủ trương duy mĩ. Ít nhất là về điểm đó Hàn Phi không phản đối Khổng Tử. Vì Khổng bảo: "Lợi cốt diễn được ý là đủ rồi" (□□□□□ - Từ đạt nhi dĩ hĩ - *Vệ*

Linh công 40).

Chúng ta còn nhớ "thực tế" là tính cách nổi bật nhất của Pháp gia. Đưa ra một lý thuyết nào, đặt ra một qui chế nào, họ nhằm trước hết sự ích lợi của quốc gia, nếu làm cho quốc gia phú cường là tốt, ngược lại thì dù cao siêu, tốt đẹp đến đâu cũng phải bỏ. Vì vậy họ áp dụng triệt để quy tắc danh phải hợp với thực của Danh gia, nhưng lại ghét bọn ngụy biện như bọn Công Tôn Long vì những biện luận của bọn đó đều là hư ngôn hết. Hàn Phi chỉ trong có mấy hàng đã cho ta thấy rõ ông khinh họ ra sao:

"Nghê Duyệt là người nước Tống, giỏi biện thuyết, đưa ra thuyết "ngựa trắng không phải là ngựa" - Hàn chắc là lầm, thuyết đó là thuyết của Công Tôn Long -

các biện sĩ ở Tắc Hạ không ai bác được, nhưng khi ông ta cưỡi ngựa trắng qua khỏi ải thì chịu nộp thuế. Vậy dựa vào lời hư không, có thể thắng được một nước, mà khảo về thực tế, xét về hình trạng thì không thể gạt nổi một người" (*Ngoại trừ thuyết tả thượng*).

Hơn nữa, ngay những thuyết nhân nghĩa của Nho và Mặc, ông cũng chê là không thực tế, không áp dụng được, nói chỉ để chơi thôi. Ông ví những thuyết đó như đất, bùn trẻ con làm bộ dùng làm cơm canh trong khi vui đùa, nhưng tới bữa vẫn về nhà ăn cơm canh của cha mẹ... (*Như trên*).

Vậy biện luận thì phải thiết thực, không được dùng "hư ngôn", đó cũng là một quy tắc nữa của Hàn Phi.

^¤^

Sau cùng, khi biện luận có khi phải dẫn chứng, không[98] phải tham nghiệm trước đã, nếu có đúng thì mới dùng làm chứng cứ, nếu không thì hoặc là ngu, hoặc là lừa gạt thiên hạ. Hàn Phi diễn ý đó trong đoạn đầu thiên *Hiển học* mà nhiều sách văn học sử Trung Quốc cho là tiêu biểu cho văn nghị luận của ông. Hàn viết:

(...) Khổng Tử và Mặc Tử đều xưng tụng Nghiêu Thuấn mà chủ trương khác nhau và đều tự cho là chân truyền của Nghiêu Thuấn. Nghiêu Thuấn đã không sống lại thì lấy ai là người quyết định được học thuyết nào mới thực là của Nghiêu Thuấn (...)[99]

Không tham nghiệm được mà cứ xác định là ngu; không xác định được mà dùng

làm chứng cứ thì là lừa gạt người ta. Vậy căn cứ vào các tiên vương mà theo đạo Nghiêu, Thuấn, nếu không phải là ngu cũng là lừa gạt thiên hạ. Cái học ngu và gạt người ấy, hỗn tạp và mâu thuẫn ấy, bậc minh chủ không chấp nhận.

□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□(...)□□□□□ □□

(Khổng Tử, Mặc Tử câu đạo Nghiêu Thuấn nhi thủ xả bất đồng, giai tự vị chân Nghiêu Thuấn; Nghiêu Thuấn bất phục sinh, tương thùy sử định Nho Mặc chi thành hồ (...) Vô tham nghiệm nhi tất chi giả, ngu dã; phất năng tất nhi cứ chi giả, vu dã. Cố minh cứ tiên vương, tất định

Nghiêu Thuấn giả, phi ngu tắc vu. Ngu vu chi học, tạp phản chi hành, minh chủ phất thụ dã).

"*Phi ngu tắc vu*" và "*ngu vu chi học*" đã thành những thành ngữ chúng ta thường gặp trên sách báo Trung Hoa. Lời mạt sát của Hàn Phi xác đáng, gọn mà mạnh, nhằm vào hầu hết các triết gia thời đó chứ không phải riêng Nho gia, Mặc gia vì cả Đạo gia, Danh gia cũng có tật viện Nghiêu Thuấn để chống đỡ học thuyết của họ. Họ đã chụp lên Nghiêu Thuấn đủ các thứ mũ, phái nào cũng đưa hai ông ấy lên làm ông tổ.[100]
Xét chung thì Hàn Phi luôn luôn theo đúng được ba quy tắc trên: Văn ông sáng sủa, lập luận rành mạch (thỉnh thoảng chúng ta gặp những chỗ khó hiểu là do người sau

chép sai hoặc thiếu và do có những chữ cổ ngày nay không dùng nữa), cho nên đọc không mệt như *Nam Hoa kinh* mà cũng không gây những cuộc tranh biện bất tận cho người sau như *Đạo đức kinh*; văn ông lại bình dị, không tô chuốt (chúng ta có cảm tưởng rằng thời ông người ta nói sao thì ông viết vậy); còn tính cách thiết thực, không hư ngôn, không quái đản, ngụy biện thì càng hiển nhiên hơn nữa. Độc giả đọc bất kì thiên nào trong phần dịch ở sau, nhất là các thiên *Hiển học*, *Ngũ đố, Thuế nan, Cô phẫn* sẽ nhận thấy rõ, chúng tôi khỏi phải dẫn chứng ở đây thêm rườm.

Về quy tắc cuối: Phải tham nghiệm, có thấy đúng rồi mới dùng làm chứng cứ, Hàn Phi có hai điểm đáng khen:

- Ông hiểu biết rộng, chịu tìm tòi,

thu thập rất nhiều cố sự để dẫn chứng: Sáu thiên dài *Nội trừ thuyết thượng và hạ, Ngoại trừ thuyết tả thượng hạ, Ngoại trừ thuyết hữu thượng và hạ* với bốn thiên *Nạn*, hai thiên *Thuyết lâm*, đã gồm trên 200 cố sự rồi; nếu kể cả những cố sự rải rác trong các thiên khác thì con số chắc tới 300. Nhờ vậy *Hàn Phi tử* khác hẳn *Tuân Tử*, nhiều màu sắc hơn, đọc vui hơn; nó cũng khác hẳn *Liệt Tử* vì *Liệt Tử* tuy cũng có mấy trăm cố sự nhưng phần lý thuyết, biện luận gần như thiếu hẳn. Hàn Phi dung hòa được bút pháp của hai nhà đó.

- Ông lại có tinh thần phê phán, biết tồn nghi: Gặp một cố sự nào có hai thuyết khác nhau, ông ghi cả hai. Trong sáu thiên *Nội trừ* và *Ngoại trừ* có cả chục trường hợp tồn nghi như vậy, chúng tôi chỉ

xin đan cử một truyện 2d/ *Nội trừ thuyết thượng* về phép nhà Ân trị tội kẻ đổ tro[101] ra đường nhưng không nói dùng hình phạt nào. Tử Cống cho vậy là nghiêm khắc, hỏi Khổng Tử, Khổng Tử đáp như vậy là biết đạo trị nước, rồi giảng tại sao: "Đổ tro (hoặc than) ra đường, nó bay lên, phủ cả người ta[102], người ta tất nổi giận, rồi ẩu đả nhau, tàn hại nhau nữa, gây loạn nên cần phải trị. Lại phải trị nặng thì mới có công hiệu; chỉ cần làm một việc dễ (không đổ tro ra đường) mà tránh được một tội nặng thì dân sẵn sàng nghe theo.

Thuyết thứ nhì nói rõ là nhà Ân chặt tay kẻ đổ tro ra đường. Tử Cống cũng cho là nghiêm khắc quá, nhưng Khổng Tử chỉ đáp vắn tắt: Không đổ tro là việc dễ, bị

chặt tay là điều dân ghét. Làm việc việc dễ để khỏi bị cái mình ghét, cổ nhân cho như vậy là dễ (nghĩa là dân sẵn sàng làm), nên ban hành luật đó".

Chúng ta thấy thuyết sau đáng tin hơn thuyết trước: Ghi rõ là chặt tay, như vậy mới hiểu tại sao Tử Cống cho là nghiêm khắc quá; Khổng Tử chỉ giảng lý do nhà Ân ban hành luật đó, chứ không khen là "biết đạo trị nước". Khổng Tử chủ trương trọng lễ hơn hình, trọng sự giáo hóa hơn sự trừng phạt, tất không nói những lời như trong thuyết thứ nhất. Có lẽ Hàn Phi cảm thấy vậy nên tồn nghi mà ghi thêm thuyết sau[103].

Tuy nhiên chúng ta phải nhận rằng một số cố sự Hàn đưa ra làm chứng cứ không

đáng tin và ông đã không luôn luôn theo đúng quy tắc cuối cùng của ông.

Chẳng hạn, trong phần truyện 2g - *Nội trừ thuyết thượng*, chuyện Khổng Tử ra lệnh cho dân nước Lỗ: Sai không cứu lửa (ở Chằm Tích) thì bị trừng trị như tội hàng giặc hoặc bỏ chạy", chúng tôi ngờ rằng cũng không hợp với chủ trương của Khổng Tử. Nhất là truyện 1a, thiên *Ngoại trừ thuyết tả hạ*, Hàn Phi chép rằng khi Khổng Tử làm tướng quốc nước Vệ, có người ghét ông, tâu với vua Vệ, vu oan cho ông muốn làm phản. Truyện đó sai: Khổng Tử không hề làm tướng quốc nước Vệ; thời đó kẻ làm loạn ở Vệ là Khổng Khôi, trùng họ với Khổng Tử, nên người ta lầm là Khổng Tử.

Về Quản Trọng, cũng có vài cố sự

chúng tôi vẫn còn ngờ.

Truyện 2k, *Nội trừ thuyết thượng* gây cho ta một hình tượng đáng tởm về vị tướng quốc của Tề Hoàn Công đó: Muốn cho dân Tề bỏ cái tục chôn cất trọng hậu làm tốn vải, tốn gỗ của quốc gia, Quản Trọng hạ lệnh: "Quan quách mà dầy quá mức thì thây người chết sẽ bị chặt mà kẻ chủ tang sẽ bị tội". Trị tội người chủ tang là điều có lý, chặt thây người chết thì vừa vô lý vừa tàn nhẫn quá, một chính trị gia được Khổng Tử khen là có lòng nhân, dân chúng được hưởng ân đức (*Luận ngữ* - Hiến vấn - 17); được Tư Mã Thiên ngưỡng mộ vì "dân chúng yêu ghét cái gì thì cũng yêu ghét cái đó", "mệnh lệnh nào ban xuống cũng thuận lòng dân, như nguồn nước xuôi dòng", "dân muốn cái gì thì cấp

cho cái đó, không muốn cái gì thì trừ cái đó", biết "phân biệt nặng nhẹ, cẩn thận về việc cân nhắc lợi hại", một người như vậy lẽ nào lại ra cái lệnh "bất nhân" kia.

Mà Quản Trọng cũng không thể có thái độ bỉ ổi như trong truyện 5b, thiên *Ngoại trừ thuyết tả hạ*; phàn nàn với Tề Hoàn Công rằng mình nghèo, Hoàn Công cho có đài tam qui; được đài tam qui rồi lại phàn nàn rằng địa vị thấp - làm tướng quốc địa vị còn thấp! - Hoàn Công cũng chiều lòng, đặt ông ta lên trên hai quí tộc Cao và Quốc của Tề; được địa vị đó rồi lại xin được coi là người trong họ nhà vua, vì vậy mà Hoàn Công mới "lập ông làm Trọng phụ" (như hàng cha chú của vua).

Truyện xin xỏ, vòi vĩnh đó chắc chắn không có; *Quản Tử* không chép, *Sử ký* của

Tư Mã Thiên cũng không; *Luận ngữ* chỉ chép lời Khổng Tử chê Quản Trọng xa xỉ vì cất đài tam qui, còn tên gọi là Trọng phụ và sự được tôn trọng hơn hai họ Cao và Quốc là những điều không thể xin được.

Hàn Phi giá bỏ hẳn thuyết đó đi, chỉ chép thuyết thứ nhì: "Quản Trọng ra ngoài thì dùng xe bọc màu đỏ, với người hầu mặc áo xanh, về nhà thì cho đánh trống, trước sân bày vạc, trong nhà có đài tam qui" thì hơn, nhưng thuyết này chỉ tỏ rằng Quản Trọng xa xỉ và không biết lễ như Khổng Tử chê thôi chứ không đủ chứng minh rằng Quản Trọng áp bức vua như Hàn Phi nói trong phần kinh.

Truyện đó *Luận ngữ* (Bát dật - 22) đã chép rành mạch như sau:

"Khổng Tử bảo: "Khí tượng của Quản

Trọng nhỏ thay! Có người hỏi: “Quản Trọng là người tiết kiệm không?” Ông đáp: “Quản Trọng có đài tam qui, về việc quan thì không kiêm nhiệm như vậy sao gọi là tiết kiệm được?” (Lại hỏi) “Nhưng Quản Trọng biết lễ chứ? Đáp: Vua chư hầu dựng cái tắc môn (một thứ cửa) trước dinh. Quản Trọng cũng dựng cái tắc môn. Vua chư hầu dùng giá để úp chén (phản điếm) khi dự yến với một vua chư hầu khác, Quản Trọng cũng có cái úp chén. Họ Quản mà biết lễ thì còn ai mà không biết lễ?”

Rõ ràng là Hàn Phi không tra cứu xem cố sự ông dùng để dẫn chứng có đúng không. Nhưng chúng ta cũng nên hiểu cho ông: Ông không có đủ sách để tra cứu như chúng ta ngày nay. Thời đó sách còn bằng

thẻ tre. Một bộ *Luận ngữ* khắc lên thẻ tre chắc chứa đầy một cái rương lớn, và những nhà nổi tiếng là có nhiều sách như Huệ Thi đi đâu cũng chở theo năm xe sách thì số sách cũng chỉ được khoảng năm sáu chục bộ như bộ *Luận ngữ*, không bằng một ngăn trong tủ sách của chúng ta. Rất có thể Hàn Phi không được đọc *Luận ngữ*, Tuân Tử không được đọc *Mạnh Tử*, Trang tử không được đọc *Đạo đức kinh*[104] và ngay cả Huệ Thi cũng không có đủ những bộ mà đời sau gọi là Tứ thư và Ngũ kinh. Không có đủ sách để đọc, cho nên già nửa sự hiểu biết của họ về lịch sử, về các triết thuyết, về đời sống của người trước phải dựa vào truyền thuyết, mà truyền thuyết thì 10 phần may lắm đúng sự thực được vài ba. Không có sách để tra cứu, cho nên Hàn

Phi dù có muốn tham nghiệm xem có đúng không trước khi dùng một cố sự nào làm chứng cứ cũng không được. Và ta có thể nói rằng họ không hiểu những triết gia sống cách họ một vài trăm năm, ngay cả người đồng thời với họ, bằng chúng ta ngày nay hiểu những người đó. Thiên *Thiên hạ* trong *Trang tử*, thiên *Phi thập nhị tử* trong *Tuân Tử*, tuy có những nhận xét đáng quí nhưng xét chung thì thiếu sót, thiên lệch, nhất là lời Tư Mã Đàm (cha Tư Mã Thiên) phê bình các triết gia lớn thời Tiên Tần thì càng nông cạn nữa. Vậy ta cũng không nên trách Hàn Phi không hiểu Khổng Tử và Quản Trọng; không ai có thể chỉ nghe những truyền thuyết mà hiểu một triết gia, một chính trị gia được.

Văn của Tuân Tử có tổ chức, lời tinh

luyện mà dụng ngữ phong phú, có cái giọng nghiêm túc, bình đạm của một bậc thầy, một triết gia thuần tuý tuy bàn về chính trị nhưng không chiến đấu cho chủ trương của mình. Văn của Hàn Phi thường thiếu những đức đó.

Văn của Mạnh Tử hùng hồn, lôi cuốn, bừng bừng cái nhiệt tâm của một chiến sĩ và tràn trề cái khí hạo nhiên của một đại trượng phu dám mắng thẳng vào mặt các vua chúa đương thời, như khi ông mạt sát vua chư hầu là hiếu chiến "cho đất ăn thịt dân, tội đáng chết" (*Li Lâu thượng* - 14); là "làm liều, hoang vọng", ham tiệc tùng, săn bắn làm cho dân phải nhịn ăn, phải hầu hạ, không được nghỉ ngơi (*Lương Huệ vương hạ* - 4); hoặc khi ông vạch tội Lương Huệ vương là giết dân rồi đổ lỗi

cho sự mất mùa: “Vua để cho loài chó, heo ăn hết đồ của dân mà chẳng biết ngăn cấm, trên đường đầy những kẻ chết đói mà không xuất lúa phát chẩn cho dân. Dân chết, vua nói rằng: “Chẳng phải tại ta, tại mất mùa đấy. Như vậy có khác nào đâm chết người ta rồi lại bảo: “Chẳng phải tại ta, tại mũi dao đấy!” (*Lương Huệ vương thượng* - 3), nhất là khi ông buộc tội Lương Huệ vương là đã khiến cho loài thú ăn thịt dân vì trong bếp nhà vua có thịt béo, trong tàu có ngựa mập mà dân không có gì ăn, trong đồng la liệt kẻ chết đói (*Lương Huệ vương thượng* - 4).

Trong bộ Mạnh Tử có tới non một chục chỗ giọng gay gắt như vậy; Hàn Phi không có khí phách đó vì ông chủ trương tôn quân triệt để; vua dù bất lực, có lỗi, bề tôi

cũng không được phê phán, cho nên trong tác phẩm của ông, chỉ có mỗi một chỗ ông nặng lời với vua, tức đoạn cuối thiên *Nạn ngôn*:

"... Tuy là hiền thánh thì cũng không thoát chết, không tránh khỏi bị lăng nhục. Tại sao vậy? Tại khó thuyết phục được kẻ ngu (tức bọn vua hôn ám). Lời nói phải thì trái tai, phật ý, không phải là hiền nhân, thánh nhân thì không chấp nhận được". Nhưng đoạn đó lại bị một số học giả ngờ rằng không phải của Hàn Phi mà của người sau ngụy tạo, vì nó trái hẳn với giọng các thiên khác.

Kém hùng hồn, kém cái khí hạo nhiên, nhưng văn Hàn Phi bi đát hơn. Khi cực kì chán nản, Mạnh Tử chỉ chua xót thở dài:

"Có người hồi nhỏ học đạo (trị quốc)

của thánh hiền, lớn lên, mong thi hành sở học của mình, nhưng nhà vua (Tề Tuyên vương) lại bảo: "Khoan, hãy để qua một bên sở học của ngươi mà làm theo ý ta đã". Như vậy mới làm sao! Nay nhà vua có một hạt ngọc chưa mài, dù đáng một vạn dật thì cũng giao cho thợ ngọc giũa mài. Đến việc trị quốc thì nhà vua lại bảo: "Khoan, hãy để qua một bên sở học của ngươi mà làm theo ý ta đã" Sao hành động khác thì giao ngọc cho thợ giũa mài?" (*Lương Huệ vương hạ* - 9).

Hàn Phi khi nào tuyệt vọng thì nghĩ tới chết, tự ví mình với Ngô Khởi và Thương Ưởng, một kẻ bị chặt chân tay, một kẻ bị xé thây.

Trong thiên *Cô phẫn*, sau khi xét cái lẽ không đội trời chung giữa bọn trọng nhân

(tức bọn quí tộc cầm quyền mà bảo thủ), và bọn sĩ giỏi pháp thuật như ông, sau khi nhận rằng bọn sĩ giỏi pháp thuật có năm cái thế phải thua bọn trọng nhân, mà không có một thế nào thắng nổi, Hàn Phi kết luận:

"Thế đã không thắng được mà lại không sống chung được, tất có kẻ mất người còn, thì kẻ sĩ giỏi pháp thuật làm sao khỏi bị nguy? Bọn trọng nhân nếu có thể vu tội lỗi cho ai thì sẽ dùng phép công mà giết người đó, không vu được thì sai người ám sát". Tóm lại là hạng sĩ nhiệt tâm cứu quốc như ông, dám cải cách, thì nếu không bị bọn cầm quyền dùng phép công mà giết, cũng sẽ bị chúng sai người ám hại.

Cuối chương *Hòa thị* ông kể hai trường hợp để dẫn chứng:

"Sở không dùng Ngô Khởi mà bị mất đất và loạn, Tần thi hành pháp của Thương quân mà phú cường. Lời hai ông ấy đều đúng mà Ngô Khởi bị chặt chân tay, Thương quân bị xé thây là tại sao? Tại bọn đại thần oán pháp thuật mà dân chúng ghét sự cai trị".

Hàn chủ trương không tô chuốt lời văn, nhưng một số thiên ông viết kỹ đáng làm mẫu mực cho thời sau, như các thiên *Hiển học, Ngũ đố, Cô phẫn* (coi phần dịch) nhất là thiên *Thuế nan* mà từ Tư Mã Thiên đến nay ai cũng nhận là bất hủ, bộ Cổ văn nào cũng trích dẫn.

Bố cục minh bạch: Có mở có kết, mở thì đột ngột, vào thẳng ngay vấn đề, kết thì gọn mạnh, đập vào óc ta, khiến ta không quên được. Phần giữa (khai triển) gồm đủ

cả lý thuyết: (những điều nên tránh và những điều nên theo khi thuyết phục các vua chúa) và chứng cứ (cố sự về Y Doãn, Bách Lý Hề, Quan Kì Tư, Nhiễu Triều, Di Tử Hà, và người nước Tống bị trộm).

Ông phân tích thuật du thuyết thực đầy đủ, đời sau không ai hơn, mà tâm lý sâu sắc, như khi ông bảo:

"Bậc quí nhân được người ta bày cho một mưu kế mà thích, coi đó là công (sáng kiến) của mình, kẻ du thuyết biết rõ đầu đuôi thì thân sẽ nguy".

hoặc:

"Bọn quí nhân muốn khoe trí thì nên kể cho họ nghe nhiều việc khác đồng loại với việc họ định làm để họ tham khảo được rộng, khiến cho họ dùng kiến nghị

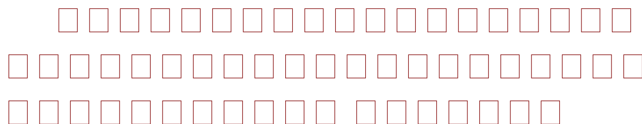
của ta mà ta cứ giả đò như không biết, để họ không ngờ rằng mình đã mở trí cho họ".

Các tâm lý gia ngày nay cũng khuyên ta như vậy.

Giọng của ông lúc thì thành khẩn, như khi ông chỉ ước ao được "làm tên đầu bếp (như Y Doãn), hay kẻ tôi mọi" (như Bách Lý Hề) miễn là được vua chúa nghe lời mình, dùng mưu mình để cứu đời; lúc thì dí dỏm một cách hơi ngạo đời, như hai câu kết:

"Rồng là một con vật thuần, có thể lấn lờn mà cưỡi, nhưng dưới họng nó có những vẩy ngược, chu vi rộng cả thước, ai mà đụng tới thì nó sẽ giết. Bọn vua chúa có những vẩy ngược, kẻ du thuyết mà biết đừng đụng tới thì là tạm được

rồi vậy”.



(Phù long chi vi trùng dã, nhu khả hiệp nhi kị dã; nhiên kì hầu hạ hữu nghịch lân kích xích, nhược nhân hữu anh chi giả, tắc tất sát nhân. Nhân chủ diệc hữu nghịch lân, thuế giả năng vô anh nhân chủ chi nghịch lân, tắc cơ hĩ).

Ví vua chúa với con rồng, vừa hợp vừa đúng với tục Trung Hoa. Đọc *Chiến Quốc sách* chúng ta thấy biết bao vua chúa bị bọn biện sĩ như Tô Tần, Trương Nghi, Phạm Tuy, Thái Trạch “lấn lờn mà cưỡi”. Hàn Phi đã khéo léo, không ví họ với loài nào khác mà ví với con rồng, cũng là hiểu tâm lý họ nữa. Tần Thủy Hoàng đọc tới

hai câu đó chắc chỉ mỉm cười chứ không trách Hàn vào đâu được, chưa biết chừng còn thích Hàn vì Hàn biết sợ những "vẩy ngược" của mình.

Chúng ta đã thấy nghệ thuật trình bày tư tưởng, học thuyết của Hàn trong thiên *Thuế nan*. Trong các thiên khác như *Hiển học, Ngũ đố, Nạn thế, Định pháp* v.v... ông vừa trình bày học thuyết của ông vừa đả kích tư tưởng của người khác. Riêng về việc bác bỏ lời ở nhân[105], ông viết tới bốn thiên: *Nạn nhất, nhị, tam, tứ* và chính trong 4 thiên đó, lý luận của ông xác đáng, sắc bén, đanh thép nhất, hơn Mạnh Tử nhiều. Ông phân tích kỹ một cố sự hoặc lời lẽ của một người, đả kích cả mọi mặt, không còn để lọt một sơ hở nào khiến cho

chúng ta khó có thể nói thêm được nữa.

Thí dụ bài 1 trong *Nạn nhất*. Cố sự như sau:

Tấn Văn Công sắp khai chiến với Sở, quân Sở đông mà quân Tấn ít, ngại khó thắng, nên hỏi ý kiến của hai người:

Cậu Phạm (tức Hồ Yển) và Ưng Quí. Cậu Phạm đáp: "Thần nghe nói người quân tử trọng lễ thì cực lực giữ sự trung tín, nhưng lúc chiến tranh thì không ngại trá ngụy, nhà vua cứ dùng mưu mô mà lừa gạt". Ung Quí đáp: "Đốt rừng để săn bắn thì được nhiều thú, nhưng sau sẽ không còn con nào. Dối trá với dân thì thu lợi được một lần thôi, sau không gạt được lần nữa".

Tấn Văn Công khen lời Ung Quí là phải nhưng lại dùng mưu của Cậu Phạm, đánh

thắng được Sở rồi, khi thưởng công, đặt Ung Quí ở trên Cậu Phạm, lấy lẽ rằng: "Lời Cậu Phạm chỉ là lời quyền biến dùng tạm một thời, còn lời Ung Quí là cái lợi muôn đời".

Khổng tử nghe truyện đó khen Văn Công là quyền biến lại hiểu cái lợi vạn đại, rất đáng làm bá chủ.

Hàn Phi bắt bẻ cả Ung Quí, Tấn Văn Công lẫn Khổng tử.

a. Trước hết Ung Quí không hiểu câu hỏi của Tấn Văn Công, đáp ra ngoài. Văn Công hỏi cách lấy ít chống đông, mà lại đáp rằng "Sau không gạt được lần nữa", như vậy là đáp không sát.

b. Văn Công (và cả Ung Quí nữa) không biết cái lẽ quyền biến một thời và

cái lợi muôn đời. "Đánh mà thắng thì được nước yên, binh mạnh, uy thế vững, sau có chiến tranh cũng không thể lớn hơn vậy, thế thì sao lại lo không có cái lợi muôn đời? Còn như đánh không thắng thì nước mất, thân chết (...) đâu còn rảnh để đợi cái lợi muôn đời?".

c. Văn Công cũng không hiểu lời của Cậu Phạm nữa. Cậu Phạm bảo "không ngại trá ngụy" là trá ngụy với Sở chứ đâu phải trá ngụy với dân mình. Địch là nước mình đánh, sau dù không lừa gạt được nữa thì có hại gì đâu?

d. Ung Quí không có công gì trong việc thắng Sở cả, chỉ khuyên giữ chữ tín (chữ tín trong trường hợp này vô dụng); Cậu Phạm đã có công trong việc thắng Sở lại cũng không quên khen chữ tín (Người

quân tử trọng lễ thì cực lực giữ sự trung tín), nghĩa là tuy khuyên Văn Công tạm dùng mưu để chiến thắng nhưng rồi sau phải nhớ chữ tín, như vậy là chính Cậu Phạm mới biết lẽ quyền biến, vừa hiểu cái lợi lâu dài. Văn Công khen và thưởng Ung Quí trên Cậu Phạm là bậy.

e. Mà Khổng tử khen Văn Công cũng bậy nữa.[106]

^¤^

Có khi một hành động của cổ nhân được Hàn mổ xẻ về nhiều khía cạnh, tùy nhiều hoàn cảnh, lúc khen, lúc chê. Thí dụ sự phê phán hành động phản chủ của Dương Hổ.

Dương Hổ (trong *Luận ngữ* chép là Dương Hóa) là gia thần của quan đại phu

họ Quí ở nước Lỗ, mà phản chủ, muốn đánh họ Quí với họ Mạnh, họ Thúc, việc thất bại, phải trốn ra khỏi Lỗ, mới đầu qua Tề, Tề Cảnh Công lấy lễ tiếp đãi. Bão Văn tử can:

"Không nên, Dương Hổ được họ Quí yêu mà đánh lại Quí tôn là vì ham sự giàu có của ông ấy. Nhà vua giàu có hơn Quí tôn mà nước Tề lớn hơn nước Lỗ, Dương Hổ sẽ còn hết sức gian trá nữa". "Cảnh Công bèn bỏ tù Dương Hổ".[107] (*Nạn tứ* - bài 2).

Hàn Phi chê Bão Văn tử, bảo: - Dương Hổ chỉ có tội là vụng về mà thất bại, còn gian trá, thì bề tôi nào mà chẳng có lòng gian trá, chẳng muốn cướp quyền vua để hưởng lợi, giữa vua và họ có tình ruột thịt

gì đâu mà bảo họ thương yêu vua. Mà họ thành ra gian trá chính là lỗi ở vua nhu nhược, hôn ám, chứ nếu vua sáng suốt, nghiêm khắc thì họ đâu dám không trung tín. Vậy Bão Văn tử khuyên vua trừng phạt Dương Hổ là bậy.

Nhưng rồi Hàn xét lại, bênh vực Bão Văn tử: Trừng trị Dương Hổ là phải vì vậy là ngăn ngừa cái loạn có thể phát ra (Dương Hổ có thể làm loạn ở Tề như đã làm loạn ở Lỗ), thị oai với bọn bề tôi có lòng gian tà, mà lại được tình thân ái của Quí tôn, Mạnh tôn, Thúc tôn ở Lỗ.

Dương Hổ bị nghi ở Tề, bèn trốn qua Triệu, được Triệu Giản chủ phong làm tướng quốc. *Ngoại trừ thuyết tả hạ*, truyện 2c chép:

Kẻ tả hữu hỏi Giản chủ: - Hổ giỏi cướp

chính quyền mà sao nhà vua lại dùng làm tướng quốc?

Giản chủ đáp: "Dương Hổ lo cướp chính quyền, ta lo giữ" và ông dùng thuật để khống chế Hổ. Hổ không dám làm bậy, trung thành phụng sự, làm cho Giản chủ mạnh hơn lên, gần thành một bá chủ chư hầu".

Đó mới là chủ trương của Hàn Phi: Vua đối với bề tôi, chỉ nên cậy vào cái thuật khống chế bề tôi của mình chứ không nên trông cậy vào sự trung thành của bề tôi vì bề tôi nào cũng có những quyền lợi ngược với quyền lợi của vua, cũng nuôi lòng phản vua. Hễ có bản lãnh như Triệu Giản tử mà không ngại làm mất lòng nước Lỗ (Triệu ở xa Lỗ) thì cứ dùng Dương Hổ: Nếu thiếu bản lĩnh như Tề Cảnh công lại ở

sát nước Lỗ, sợ mất lòng Lỗ thì đừng dùng Dương Hổ. Còn bản thân Dương Hổ thì chẳng có gì tội với Tề, với Triệu cả, không đáng trách. Quan niệm đó là quan niệm của Pháp gia, mà phân tích, xét tới, xét lui cả mọi mặt như vậy quả là kỹ.

Vandermeersch, trong sách đã dẫn trang 237, đã khen Hàn Phi có tài cùng bàn về một vấn đề mà đưa ra được hai lối nghị luận trái ngược nhau, như trong bài 6 thiên *Nạn nhị*. Cố sự như sau:

"Lý Khắc trị nước Trung Sơn. Quan lệnh ấp Khổ Hình trình bản kế toán, số thu quá nhiều. Lý Khắc bảo: "Lời nói khéo léo nghe thì thích, nhưng không hợp tình lý, như vậy gọi là "điệu ngôn" (hư ngôn, không thực). Không có mối lợi về núi rừng, chằm hang mà số thu được nhiều,

như vậy là “điệu hóa” (hư vật, không có thực). Người quản tử không nghe “điệu ngôn”, không nhận “điệu hòa”; ông nên từ chức đi”.

Hàn Phi bác bẻ lời của Lý Khắc theo hai cách: Cách thứ nhất theo lối ngụy biện, khúc luận của Danh gia. Ông bảo:

“Lý tử lập thuyết: “Lời nói khéo léo nghe thì thích nhưng không hợp tình lý, như vậy gọi là “điệu ngôn”.

Khéo nói là làm cho người nghe thích, cái đó tùy người nghe. Người nói không phải là người nghe thì sự khéo nói cũng không phải là sự thích[108]. Cái mà Lý tử bảo là không hợp tình lý không tùy thuộc người nghe mà tùy thuộc lời người đó nghe được. Người nghe nếu không phải là tiểu

nhân (vô học) thì là quân tử. Tiểu nhân không hiểu tình lý vậy không thể xét lời nói xem có hợp tình lý hay không; quân tử biết xét lời nói xem có hợp tình lý hay không thì tất không thể thích được (vì lời nói khéo không hợp tình lý). Vậy bảo "Lời nói khéo léo nghe thì thích nhưng không hợp tình lý" là nói sai".

"Tóm lại - đây là lời của Vandermeersch - "điệu ngôn" không phải là một đặc tính áp dụng cho một lời xác định được, mà cũng không thể làm cho một người hiểu biết thích được. Nó chỉ là một cái "danh" Lý Khắc dùng ở đây không hợp, thành thử ông ta lý luận sai. Công Tôn Long cũng cho rằng không thể bảo một con ngựa nào đó trắng được vì cái "danh" trắng không thể dùng để gọi một cái gì

không phải là màu sắc, mà là một sinh vật được”.

Chúng ta thấy lối lý luận, khúc mắc (cho nên gọi là khúc luận) chỉ dựa trên cái “danh” mà không dựa trên sự thực. Sự thực thì ai cũng thấy những lời khéo nói thường là sai (giấu giếm hoặc phóng đại) không nhiều thì ít, mà dù có học (quân tử) hay vô học (tiểu nhân) thì cũng có thể thấy được chỗ sai nhưng vẫn phải nhận là nói khéo.

Cách thứ nhì để bác bẻ Lý Khắc là dựa trên sự thực, và cách này, Vandermeersch gọi là lý luận của Pháp gia. Hàn Phi bảo: Thu được nhiều mà cho là “điệu hóa”, lời đó chưa phải là luôn luôn đúng. Lý Khắc không có thuật nào để biết là khai đúng hay gian mà sao cứ thấy thu được nhiều đã

vội cho là khai gian? Vì đất đai tuy xấu nhưng nếu làm đúng mùa, không bị thiên tai, không bị trở ngại trong công việc, lại tận lực làm ruộng, tận dụng kỹ thuật (lựa lúa giống, bón phân, có những tiện lợi của xe thuyền, máy móc...), biết tiết kiệm thì thu được nhiều, như vậy đâu phải là "điệu hóa". Không tham nghiệm, căn cứ vào sự thực mà chê trách bậy, Lý Khắc quả là không biết thuật trị nước (Coi bài 6 - *Nạn nhị* - phần dịch).

Hàn Phi đã dùng lý luận của Danh gia để bác bẻ hai chữ "điệu ngôn", lại dùng lý luận của Pháp gia để bác bẻ hai chữ "điệu hóa". Lý Khắc nếu còn sống cũng không thể cãi được. Lý luận thực xác đáng, sắc bén, tinh tế. Nhưng chúng tôi cũng tự hỏi: Hàn vốn ghét thói ngụy biện của Danh gia

mà sao lần này lại cao hứng dùng thuật đó? Kể cũng đáng ngờ.

Sau cùng, điểm này quan trọng nhất: Hàn Phi có công làm cho thể văn nghị luận của Trung Hoa thời Chiến Quốc rất mực phong phú, có đủ hình thức.

Ông tập đại thành của người trước, dùng.

- Hình thức vấn đáp trong *Luận ngữ, Mạnh tử*, như trong các thiên *Định pháp, Vấn biện*. Thiên *Định pháp* đáng coi là mẫu mực. Ông tưởng tượng một người ngồi đối thoại với ông, người đó hỏi, ông đáp, lại hỏi nữa, lại đáp nữa, như vậy ba lần. Nhờ cách đó, ông xét được mọi khía cạnh của vấn đề, mà chúng ta đọc không thấy chán.

- Hình thức cố sự và ngụ ngôn như trong sáu thiên *Nội, ngoại trừ thuyết*. Chúng tôi chỉ xin giới thiệu hai trong vô số truyện lý thú, một truyện là cố sự về Ngô Khởi, một viên tướng đạt tới tuyệt đỉnh quy tắc Đắc nhân tâm:

"Ngô Khởi làm tướng quốc nước Ngụy, đánh Trung Sơn. Quân sĩ có người bị nhọt, ông quì xuống tự hút mủ cho. Mẹ anh ta đứng bên khóc. Có người hỏi: - Tướng quân đối với con bà như vậy, sao bà lại khóc?

Đáp: - Ngô Khởi đã hút mủ vết thương của cha nó, mà cha nó chết (vì cảm mối tình đó, hi sinh đánh giặc cho Ngô Khởi). Nay nó lại sẽ chết mất thôi, vì vậy mà tôi khóc".

- Một truyện là ngụ ngôn: "Một

người nước Trịnh muốn mua giày, đo bàn chân mình rồi đặt cái ni ở chỗ ngồi. Anh ta ra chợ quên đem cái ni theo. Tìm được thứ giày muốn mua rồi, anh ta (sực nhớ lại) bảo: "Tôi quên đem cái ni theo, để tôi trở về lấy". Rồi trở về nhà, khi trở lại thì chợ đã tan, không mua giày được. Người ta hỏi: "Sao không lấy chân để thử giày?" Đáp: "Nên tin cái ni, chứ không nên tin mình (*Ngoại trừ thuyết tả thượng* - truyện 3s).

Hàn Phi mỉa bọn chính khách đương thời chỉ xưng tụng tiên vương mà không xét hành động của mình có thích hợp với việc nước, với xã hội trước mắt không.

Hàn lại có sáng kiến:

- Đưa các quy tắc lên trên, gọi là phần kinh, rồi mới chú thích ở dưới, gọi là

phần truyện, như trong sáu thiên *Nội, ngoại trừ thuyết*. Cách trình bày đó giống cuốn *Đại học*.

- Mở đầu loại phê bình nhân vật lịch sử cho các nhà văn sau này (Đường, Tống, Minh) như bài 3 thiên *Nạn nhất* chê Quản Trọng: "Lời Quản Trọng khuyên Hoàn Công đó (tức đuổi Thụ Điêu, Dịch Nha, công tử Khai Phương đi) - không phải là lời của một người biết pháp độ.

Ông ta muốn đuổi Thụ Điêu, Dịch Nha là cho rằng họ không yêu thân họ để thỏa ý muốn của vua. "Bản thân mà mình không yêu thì làm sao yêu vua được?". Như thế là muốn vua đuổi hết các trung thần đi. Vả lại lấy lẽ họ không yêu thân họ mà suy đoán rằng họ không yêu vua thì cũng có thể lấy lẽ Quản Trọng không chết vì Công Tử

Củ để suy đoán rằng ông ta sẽ không chết cho Hoàn Công, vậy thì ông cũng thuộc hạng bề tôi phải đuổi đi.

"Đạo của bậc minh chủ không phải vậy. Lập ra cái mà dân muốn để họ làm việc cho mình, vì vậy mà đặt ra tước lộc để khuyến khích họ; lập ra cái mà dân ghét để ngăn cấm sự gian tà, vì vậy mà đặt ra hình phạt để ra oai với họ. Khen thưởng mà xác thực, hình phạt mà cương quyết thì bề tôi có công được cất nhắc, mà kẻ gian tà không được dùng, như vậy dù có Thụ Điêu, hắn cũng không làm gì được vua; mà bề tôi sẽ tận lực thờ vua, vua ban tước lộc để báo đáp bề tôi. Vua tôi đối với nhau không có tình cha con, đều là tính toán với nhau cả; hễ vua có đạo (tức thuật) thì bề tôi tận lực mà việc, gian tà không phát

sinh, vua vô đạo thì bề tôi trên che lấp cái sáng của vua, dưới thực hành tư dục của mình. Quản Trọng không làm cho Hoàn Công hiểu rõ pháp độ đó, chỉ khuyên đuổi (Thụ Điêu), giả sử đuổi Thụ Điêu rồi thì một Thụ Điêu khác lại đến, đó không phải là cách tận diệt sự gian tà”.[109]

Xin độc giả so sánh đoạn đó với đoạn dưới đây trong bài *Quản Trọng luận* của Tô Tuân (cha Tô Đông Pha) đời Tống:

Quản Trọng đau nặng, Uy Công[110] hỏi ai có thể thay làm tể tướng được. Lúc đó tôi tưởng Trọng nên đề cử những bậc hiền tài trong thiên hạ để đáp Uy Công, mà Trọng chẳng qua chỉ bảo rằng Thụ Điêu, Dịch Nha, Khai Phương ba người đó

không hợp với nhân tình,[111] không thể thân cận được, thế thôi. Than ôi! Trọng cho rằng Uy Công quả có thể dùng được ba con người đó ư? Trọng với Uy Công gần nhau đã lâu năm cũng biết Uy Công là người ra sao chứ? Uy Công, sắc không lúc nào thiếu ở trước mắt, không có ba con người kia thì không thể thoả mãn được dục vọng. Ông ta mới đầu không để cho bọn đó chuyên quyền chỉ là nhờ có Quản Trọng. Ngày nào mà không có Trọng thì ba người kia có thể phủi bụi trên mũ[112] mà chúc mừng lẫn nhau. Trọng cho rằng lời mình dặn dò lúc lâm chung đủ để trói buộc chân tay Uy Công chăng?

"Nước Tề không lo rằng có ba người đó mà lo không có Quản Trọng. Có Trọng

thì ba con người đó chỉ là ba thất phu. Không vậy thì thiên hạ thiếu gì hạng người như ba tên đó? Dù Uy Công may ra mà nghe lời Trọng, giết ba người đó đi, thì còn những kẻ khác, Trọng có thể trừ hết được không? Than ôi! Có thể bảo rằng Trọng không biết cái căn bản vậy. Nhận lời hỏi của Uy Công mà tiến cử bậc hiền tài trong thiên hạ để thay mình. Trọng tuy mất, nhưng nước Tề cũng vẫn còn Trọng. Như vậy ba con người kia có đáng ngại đâu, chẳng cần nói nữa...”.[113]

Hai nhà sống cách nhau 13 thế kỉ (Hàn sinh năm -280, Tô sanh năm 1.009), một là pháp gia, một là nho gia, cùng phê bình một nhân vật mà sao giống nhau như thế; cùng không trách Hoàn Công mà chỉ kết tội

Quản Trọng. Hàn chê Quản Trọng là không làm cho Hoàn Công hiểu rõ pháp thuật, Tô bắt lỗi Quản là không tiến cử người hiền; cùng bất công thiên lệch cả: Hàn không xét rằng Hoàn Công không phải hạng vua đủ tư cách, bản lãnh để tự giữ được pháp thuật; Tô quên rằng Quản đã mấy lần tiến cử người hiền (như Thấp Bằng, Ninh Thích, Ninh Việt...) lên Hoàn Công, trước khi chết lại tiến cử Thấp Bằng thay mình nữa, chẳng may Thấp Bằng cũng chết sớm nên Tề mới mau loạn.

Lời văn cũng giống nhau. Hàn viết: "Quản Trọng không làm cho Hoàn Công hiểu rõ pháp độ (chỉ khuyên đuổi Thụ Điêu), giả sử đuổi Thụ Điêu rồi thì một Thụ Điêu khác lại đến, đó không phải là cách tận diệt sự gian tà...

□□□□□ □□□□□□ □□□□□□□

(Sử khử Thụ Điêu, nhất Thụ Điêu hựu chí, phi tuyệt gian chi đạo dã).

Tô viết: "Dù Uy Công may ra mà nghe lời Trọng, giết ba người đó đi thì còn những kẻ khác, Trọng có thể trừ hết được không?

□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□

(Tuy Uy Công hạnh nhi thính Trọng, tru thử tam nhân, nhi kì dư giả, Trọng năng tất số nhi khử chi da?).

Chúng tôi ngờ rằng Tô Tuân đã đọc *Hàn Phi tử*. Văn của ông tô chuốt hơn văn của Hàn, nhưng cũng hơi quá "kêu", chúng tôi ưa văn của Hàn hơn: Bình dị mà có khí, đúng là giọng một tư tưởng gia về

chính trị, chứ không phải một nhà văn.

PHẦN V
TRÍCH DỊCH

Như đã nói trong phần II, chúng tôi chỉ dịch những thiên chắc chắn của Hàn Phi viết, không chia thành quyển và không theo thứ tự trong các bản cổ, cứ thiên nào quan trọng thì chúng tôi đưa lên trên.

THIÊN L

HIỂN HỌC

(CÁC THUYẾT DANH TIẾNG)

Các học thuyết danh tiếng[114] nhất trong đời là Nho và Mặc. Đạt tới mức cao nhất của Nho là Khổng Khâu, của Mặc là Mặc Địch. Sau khi Khổng Tử mất, có phái Nho của Tử Trương, phái Nho của Tử Tư, các phái Nho của họ Nhan, họ Mạnh, họ Tất Điêu, họ Trọng Lương, họ Tôn, họ Nhạc Chính[115]. Sau khi Mặc Tử mất, có các phái Mặc của họ Tương Lý, Tương

Phu, họ Đặng Lăng[116]. Như vậy là sau Khổng Tử và Mặc Tử, Nho chia làm tám phái, Mặc tách làm 3 phái, chủ trương trái nhau, khác nhau mà đều tự cho là chân truyền của Khổng, Mặc. Khổng Tử và Mặc Tử đã không thể sống lại thì ai là người quyết định được học phái nào là chân chính cho đời?[117] Khổng Tử và Mặc Tử đều xưng tụng Nghiêu, Thuấn mà chủ trương khác nhau và đều tự cho là chân truyền của Nghiêu, Thuấn. Nghiêu, Thuấn đã không thể sống lại thì ai là người quyết định được học thuyết nào mới thực là của Nghiêu Thuấn? Đời Ngu và đời Hạ dài trên 700 năm, đời Ân và Chu dài trên 2000 năm,[118] mà còn không quyết định được Nho hay Mặc là chân chính; nay

muốn khảo sát đạo cách đây 3000 năm của Nghiêu, Thuấn thì cơ hồ không sao xác định được! Không tham nghiệm được mà cứ xác định thì là ngu; không xác định được mà làm dùng làm chứng cứ thì là lừa gạt người ta. Vậy cứ căn cứ vào các tiên vương mà theo đạo Nghiêu, Thuấn, nếu không phải là ngu, cũng là lừa gạt thiên hạ. Cái học ngu và gạt người ấy, hỗn tạp và mâu thuẫn[119] ấy bậc minh chủ không chấp thuận.

Lễ chôn cất của phái Mặc, mùa đông thì mặc y phục mùa đông, mùa hè mặc y phục mùa hè, áo quan làm bằng gỗ cây đồng, dày ba tấc, để tang ba tháng; các vua chúa đời nay khen là tiết kiệm và tôn trọng (phái Mặc). Phái Nho phá sản vào việc

chôn cất, không có tiền thì đi vay rồi đợ con trừ nợ, để tang ba năm, thân hình tiều tụy phải chống gậy mới đi được, các vua chúa đời nay khen là nhân hiếu, và tôn trọng (phái Nho). Nhưng nếu khen Mặc là tiết kiệm thì tất phải chê Nho là xa xỉ; khen Khổng Tử là hiếu thì phải chê Mặc Tử là có tội. Nho với Mặc, có hiếu với có tội, xa xỉ với tiết kiệm, (trái ngược nhau như vậy), mà các bậc vua chúa lại tôn trọng cả hai! Họ Tất Điêu chủ trương (trước sự nguy hiểm) không được biến sắc, chớp mắt (nghĩa là không tỏ vẻ sợ sệt); mình làm bậy thì dù là bọn nô tì mình cũng phải nhường, mình chính trực thì dù trước các vua chư hầu mình cũng dám nổi giận; các vua chúa đời nay cho là cương trực[120]

nên tôn trọng. Tống Vinh Tử[121] chủ trương không tranh đấu, không trả thù, không cho bị tù tội là xấu hổ, không cho bị người ta khinh là nhục, các bậc vua chúa cho là khoan dung, nên tôn trọng. Nhưng nếu khen sự cương trực của Tất Điêu là phải thì phải chê sự khoan thứ của Tống Vinh là sai; mà nếu khen sự khoan thứ của Tống Vinh là phải thì phải chê sự táo bạo của Tất Điêu là trái. Hai ông ấy (trái nhau như vậy) khoan dung với cương trực, nhân thứ với táo bạo, mà các bậc vua chúa lại tôn trọng cả hai! Cái học ngu và lừa gạt, các lời tranh luận hỗn tạp và mâu thuẫn đó, các bậc vua chúa đều tin cả, cho nên kẻ sĩ trong thiên hạ, bàn luận không biết lấy gì làm tiêu chuẩn, hành động không có chủ trương nhất định. Nước đá và than (hồng)

không thể đựng chung với nhau lâu được, nóng và lạnh không thể cùng tới một lúc; cái học hỗn tạp, mâu thuẫn không thể lưỡng lập mà không loạn. Nay cùng nghe theo những cái học hỗn tạp, cùng làm theo những lời mâu thuẫn nhau thì làm sao khỏi loạn cho được? Nghe và làm như vậy thì trong việc trị nước, kết quả tất cũng phải như vậy.



Đa số học giả đời nay nói đến việc trị nước đều bảo: "Cấp đất cho người nghèo, cho người không có tư sản được đủ ăn". Nay có người cũng như những người khác, không trúng mùa, không có nguồn lợi nào khác mà riêng được dư ăn, thì nếu không phải nhờ siêng năng, tất là nhờ tiết kiệm. Lại có những người như những người khác,

không gặp năm đói kém, không bị tật bệnh, tội lỗi gì mà riêng cùng khốn, thì nếu không phải là do xa xỉ, tất là do biếng nhác. Xa xỉ và biếng nhác thì nghèo, siêng năng và tiết kiệm thì giàu. Nay bậc vua chúa thu thuế của người giàu để bố thí cho người nghèo, thế là cướp của người siêng năng và tiết kiệm để phát cho kẻ xa xỉ, biếng nhác, như vậy mà muốn cho dân gắng sức làm lụng, tiêu pha bớt đi thì không thể được.

^¤^

Nay có người chủ trương không vô thành bị nguy, không vô quân đội, không chịu đổi một sợi lông chân lấy cái lợi lớn là có cả thiên hạ[122] mà bậc vua chúa đời này lại tôn kính, trọng cái trí, đề cao

cái đức của họ, khen là kẻ sĩ khinh ngoại vật, trọng đường sinh. Bậc vua chúa để sẵn ruộng tốt, nhà to, đặt ra quan tước bổng lộc, là để cho dân đem cái chết vì mệnh lệnh đổi lấy những cái đó; nay lại tôn kính kẻ sĩ khinh ngoại vật trọng đường sinh, mà muốn dân hi sinh cho vua chúa, thì không thể được. Thu chứa sách cho nhiều, tập tành đàm luận, tụ họp đồ đảng, nghiên cứu văn học và biện luận, mà bậc vua chúa đời nay lại tôn kính, bảo: "Trọng hiền sĩ là đạo của tiên vương". Nhưng quan lại đánh thuế là đánh vào nông dân, mà vua chúa nuôi là nuôi kẻ học sĩ. Nông dân phải nộp thuế nặng, mà kẻ học sĩ thì được thưởng nhiều, như vậy mà muốn cho dân gắng sức làm lụng và bớt bàn luận thì không thể được. Lập tiết tháo, gây danh

tiếng, giữ nghĩa khí không để cho ai xâm phạm, lời oán trách mà tới tai là rút kiếm ra đuổi theo, mà bậc vua chúa đời nay lại tôn kính, khen kẻ sĩ biết trọng danh dự. Người có công chém đầu giặc (cho nước) thì không thưởng mà kẻ dũng cảm chiến đấu cho mình thì được vinh hiển, như vậy mà muốn cho dân hăng chiến đấu, cự với địch, không đấu tranh riêng cho mình, thì không thể được. Thời bình thì nuôi nho sĩ và hiệp khách, tới thời loạn nạn thì dùng kẻ sĩ mang khí giới, thế là kẻ được nuôi không phải là kẻ cần dùng, mà kẻ cần dùng tới lại không được nuôi, loạn do đó mà ra. Vả lại bậc vua chúa nghe các học giả, nếu cho lời họ là phải thì nên bổ nhiệm họ làm quan mà dùng họ, nếu cho lời là trái thì nên đuổi họ đi để trừ mầm loạn. Nay cho

lời họ là phải mà không bổ nhiệm họ, cho lời họ là trái mà không trừ mầm loạn. Cái phải không được dùng, cái trái không bị trừ, suy vong do đó mà ra.

^¤^

Đạm Đài Tử Vũ[123] có dong mạo người quân tử, Trọng Ni cơ hồ vừa ý nên thu nhận, nhưng ở lâu rồi mới thấy hành vi ông ta không đúng với dong mạo. Tế Dư[124] có lời nói văn nhã, Trọng Ni cơ hồ vừa ý nên thu nhận, nhưng ở lâu rồi mới thấy trí năng không phù hợp với lời biện luận. Cho nên Khổng Tử bảo: "Coi dong mạo mà chọn người, ta đã lầm về Tử Vũ; nghe lời nói mà chọn người, ta đã lầm về Tế Dư[125]. Sáng suốt như Trọng Ni mà

còn than rằng đã xét lầm. Bọn biện sĩ mới[126] ngày nay còn lém hơn Tế Dư nữa mà bậc vua chúa lại mê muội hơn Trọng Ni, nghe họ nói mà bùi tai là bổ nhiệm họ làm quan, thì làm sao khỏi lầm lẫn được! Vì vậy, vua Ngụy nghe Mạnh Mão biện thuyết mà bổ nhiệm ông ta, nên bị cái họa ở chân núi Hoa[127]; vua Triệu nghe Mã Phục biện thuyết mà bổ nhiệm ông ta, nên bị cái họa Trường Bình[128]. Hai việc đó đều là lầm lẫn vì nghe lời biện thuyết mà bổ nhiệm. Xem đúc thiếc (để làm kiếm) mà chỉ căn cứ vào màu xanh màu vàng của ánh lửa thì dù là Âu Dã[129] cũng không quyết định được kiếm tốt xấu ra sao; nhưng nếu thử đâm con

ngỗng trời ở dưới nước, chém con ngựa tơ ở trên cạn, thì bọn nô bộc cũng biết được kiếm sắc hay nhụt. Chỉ vạch mồm coi răng, và nhìn hình dáng thì Bá Lạc[130] cũng không quyết định được giá trị con ngựa, nhưng nếu cho ngựa kéo xe, xem nó chạy hết con đường thì bọn nô bộc cũng biết được ngựa tốt hay không; Nhìn dong mạo, y phục, nghe lời nói một kẻ sĩ thì Trọng Ni cũng không quyết định được kẻ đó trí tuệ ra sao, nhưng nếu thử bổ nhiệm, rồi xét thành tích, thì người thường cũng biết rõ được kẻ đó ngu hay khôn. Cho nên quan lại của vua chúa, thì tể tướng phải bắt đầu từ một chức ở châu quận, mà tướng soái phải bắt đầu từ chân lính trơn.[131] Ai có công thì tất được thưởng, như vậy tước

càng cao, lộc càng hậu, thì càng phấn khởi; cấp bực cứ tuần tự mà lên thì chức càng lớn, càng có tài cai trị. Tước cao, lộc hậu mà quan chức giỏi cai trị, đó là cái đạo để lập được nghiệp vương.

^¤^

(Một nước) có một ngàn dặm đá tảng, không gọi là giàu được; có 100 vạn hình nộm không gọi là mạnh được. Đá không phải là không lớn, hình không phải là không đông, nhưng không gọi được là giàu mạnh vì đá không sản xuất được lúa, hình nộm không dùng để cự địch được. Nay bọn thương nhân[132] và công nhân cũng không cày cấy mà có ăn, (không cày cấy tức là) đất không được khai khẩn, (không sản xuất được lúa), như vậy không khác gì

hình nộm. Biết rằng đá tảng và hình nộm vô dụng, mà không biết rằng thương nhân, nho sĩ và hiệp sĩ là thứ đất không khai khẩn, thứ dân không dùng được, như vậy là không biết những thứ cùng một loại.

^¤^

Vua các nước ngang sức với ta tuy thích chính sách của ta, ta cũng không thể bắt họ nộp cống, làm bề tôi của ta; các tước hầu trong nước (không có nước riêng) tuy chê hành động của ta, nhưng ta có thể bắt họ cầm chim[133] mà triều cống ta. Như vậy là ta mạnh thì người triều phục ta, ta yếu thì phải triều phục người, cho nên bậc minh quân chỉ cần sao cho được mạnh. Nhà nghiêm thì không có đầy tớ ngỗ nghịch, còn mẹ hiền thì con hư. Do đó tôi

biết rằng uy thế có thể cấm được sự hung bạo, mà đức dày không đủ để ngăn loạn. Bậc Thánh nhân trị nước, không trông mong gì dân làm điều thiện[134], chỉ cốt sao cho dân đừng làm bậy. Trông mong dân làm điều thiện thì khắp nước không tìm được 10 người, cốt sao cho dân đừng làm bậy thì khắp nước có thể đều không làm bậy. Người trị nước dùng chính sách nào thích hợp với đại chúng mà bỏ chính sách nào chỉ thích hợp với một số ít người, cho nên không vụ đức mà chỉ vụ pháp luật. Nếu cứ mong có được một cây tên tự nó đã thẳng sẵn rồi thì cả trăm đời cũng không có được một cây; nếu cứ mong có được một khúc cây tự nó tròn sẵn rồi thì ngàn đời cũng không có được một cái bánh xe. Cây tên tự nó thẳng sẵn, khúc cây tự nó

tròn sẵn, trăm đời không có một; vậy mà người đời vẫn ngồi xe, vẫn bắn chim là nhờ đâu? Nhờ biết cách luộc rồi uốn lại[135]. Dù không phải dùng cách đó mà cũng có được cây tên tự nhiên thẳng, khúc cây tự nhiên tròn thì người thợ khéo cũng không quí. Tại sao vậy? Tại không phải chỉ có một người ngồi xe và người bắn tên không phải chỉ bắn một phát. Dù không phải dùng thưởng phạt mà có được người dân tự làm điều thiện thì bậc minh quân cũng không quí. Tại sao vậy? Tại phép nước không thể mất, mà số dân cần trị không phải chỉ có một người. Cho nên bậc vua chúa biết dùng thuật không tùy theo cái thiện ngẫu nhiên (khai hóa bằng đức) mà thi hành cái đạo tất nhiên (cai trị bằng pháp).

^¤^

Nay có kẻ bảo: “Tôi có thể làm cho ông nhất định sẽ thông minh và sống lâu”, thì người đời sẽ cho kẻ ấy là điên. Thông minh là bẩm sinh mà sống lâu là số mạng. Bẩm sinh và số mạng là cái không thể học được. Kẻ kia đem cái không thể học được mà hứa với người, cho nên người ta cho là điên. Hứa với người điều mình không thể làm được, như vậy là dua nịnh. Đem nhân nghĩa ra dạy người, cũng không khác gì hứa làm cho người hóa thông minh và sống lâu, bậc vua chúa có pháp độ không chấp nhận điều đó. Khen Mao Tường, Tây Thi là đẹp, có ích gì cho mặt của mình đâu; dùng son, phấn, dầu, thuốc màu đen[136] (mà tô điểm) thì mặt mới đẹp gấp bội.

Khen tiên vương là nhân nghĩa, có ích gì cho việc trị nước đâu; làm sáng pháp độ (phép tắc) thưởng phạt cho đúng và nghiêm, đó mới là thứ sơn, phấn, dầu, thuốc màu đen của quốc gia. Cho nên bậc minh chủ gấp lo việc có kết quả (tức pháp độ, thưởng phạt) mà hoãn cái chuyện ca tụng (tiên vương) lại. Vì vậy mà không nói đến nhân nghĩa.

^¤^

Bọn thầy cúng, cô đồng bảo một người: "Tôi sẽ cầu cho ông sống ngàn năm, vạn tuổi". Những tiếng ngàn năm vạn tuổi loạn cả tai người đó mà không có gì chứng tỏ rằng người đó thọ thêm được một ngày, vì vậy mà người ta khinh bọn thầy cúng, cô đồng. Ngày nay bọn nho sĩ thuyết các vua chúa thì không chỉ cách thời nay phải trị

nước ra sao mà cứ kể cái kết quả trị nước của thời xưa, không xét cách trị dân của quan lại[137] cùng lòng dạ kẻ gian tà, mà chỉ kể những lời khen đời thượng cổ truyền lại, cùng sự nghiệp của tiên vương. Họ huênh hoang: "Cứ nghe lời tôi thì sẽ lập được nghiệp bá vương"; họ chính là hạng thầy cúng, cô đồng trong giới du thuyết đấy; bậc vua chúa có pháp độ không dùng họ. Bậc minh chủ vụ cái thiết thực, bỏ cái vô dụng, không giảng thuyết nhân nghĩa, không nghe lời nói của bọn học giả.



Bọn không biết trị nước ngày nay nhất định bảo: "Cần được lòng dân". Nếu chỉ được lòng dân là nước được trị, thì còn cần dùng gì đến Y Doãn[138], Quản Trọng

nữa, cứ nghe lời dân là đủ rồi. Nhưng cái trí của dân không dùng được, cũng như cái lòng của trẻ con vậy. Một đứa trẻ đau ở đầu, không cạo đầu nó thì nó đau thêm, không nặn mụn nhọt thì mụn nhọt càng ngày càng tấy lên. Muốn cạo đầu, cắt mụn nhọt thì một người phải ghì nó để cho mẹ hiền của nó làm những việc ấy. Như vậy mà nó còn gào khóc không ngừng vì nó không biết phải chịu đau một chút rồi mới được cái lợi lớn (là hết bệnh). Nay bậc vua chúa gấp vỡ đất, cày ruộng để dân có thêm tài sản, mà dân oán là tàn khốc, sửa hình phạt và trừng phạt nặng, để ngăn cấm bọn gian tà, mà dân oán là nghiêm khắc; thu thuế bằng tiền gạo để cho kho lẫm được đầy, hầu cứu tế khi đói kém, cung cấp cho quân đội, mà dân oán là tham lam

(...)[139] gom sức lại đánh cho mạnh để bắt giặc mà dân oán là bạo ngược. Bốn việc đó là để trị an mà dân không biết mừng. Sở dĩ vua chúa cầu bậc sĩ thánh trí, thông đạt là vì dân trí không đủ cho mình theo được. Ngày xưa ông Vũ khơi sông (Dương Tử), đào sông (Hoàng Hà) mà dân gom ngói và đá (tính ném ông); Tử Sản vỡ đất trồng dâu, mà người nước Trịnh chê bai. Ông Vũ làm lợi cho thiên hạ, ông Tử Sản bảo tồn được nước Trịnh mà đều bị hủy báng, như vậy dân trí có thể dùng được không, là điều ta thấy rõ rồi.[140] Làm chính trị mà mong vừa lòng dân, đều là mối loạn, không thể theo chính sách đó mà trị nước được.

PHỤ LỤC

Chủ trương “tể tướng phải bắt đầu từ một chức ở châu quận, tướng soái phải bắt đầu từ chân lính trơn” được giảng rõ trong đoạn đầu thiên 42 Vấn Điền mà chúng tôi trích dịch thêm dưới đây:

Từ Cừ hỏi Điền Cưu[141]:

- Tôi nghe nói kẻ sĩ có trí không từ một địa vị thấp (tiến lên lần lần rồi sau mới) được yết kiến vua, bậc thánh nhân không đợi lập được nhiều công rồi mới được tiếp xúc với vua[142]. Nay ông Nghĩa Cừ ở Dương Thành là một danh tướng mà mới bắt đầu dùng làm trưởng đồn; ông Công Tôn Đàn Hồi là một tướng quốc hiền minh vào bậc thánh mà xuất thân từ một chức ở

châu quận (tức một chức quan nhỏ ở địa phương). Tại sao vậy?

Điền Cưu đáp:

- Lý do có gì khác đâu. Chỉ là vì vua có pháp độ và có thuật. Ông không nghe vua Sở dùng Tống Cô làm tướng soái mà quốc chính hóa loạn, vua Ngụy dùng Phùng Li làm tướng quốc mà suy vong đấy ư? Hai vua đó bị những lời rỗng lôi cuốn, bị lời biện thuyết mê hoặc mà không thử tài họ ở chức trưởng đồn và chức quan châu quận, nên quốc chính mới loạn, quốc gia mới suy vong. Do đó mà xét, không thử dùng người ở chức trưởng đồn, ở chức quan châu quận (rồi mới cho tiến lên lần lần) thì đâu phải là phép phòng bị của bậc minh chủ?

THIÊN XLIX

NGŨ ĐỐ

(NĂM LOẠI MỌT)

Đời thượng cổ nhân dân ít mà cầm thú nhiều, nhân dân không thắng được cầm thú, trùng, rắn. Sau có các thánh nhân ra đời, kết cành làm ổ (trên cây) để các loài đó khỏi xâm hại, nhân dân mừng, tôn làm vua thiên hạ, gọi là họ “Hữu Sào” (có ổ). Nhân dân ăn trái cây, rau cỏ, trai hến, tanh tao hôi hám mà hại ruột, bao tử, nhiều người đau ốm. Sau có thánh nhân ra đời, dùng cái “toại” dùi cây khô để lấy lửa, nướng

các thức ăn cho hết tanh tao, nhân dân mừng, tôn làm vua thiên hạ, gọi là họ "Toại Nhân". Thời trung cổ, thiên hạ bị lụt lớn, ông Cổn và ông Vũ[143] khơi ngòi (cho nước rút). Đời cận cổ, Kiệt, Trụ bạo loạn, ông Thang (nhà Thương), ông Võ (nhà Chu) đánh dẹp họ. Nếu có người ở đời Hạ dạy nhân dân kết cành làm ổ, hoặc dùng cái "toại" để lấy lửa, tất bị ông Cổn, ông Vũ chê cười; có người ở đời Ân (Thương), Chu khơi ngòi tất bị ông Thang, ông Võ chê cười. Hiện nay nếu có người ca tụng đạo đức các ông Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Võ, tất bị các ông thánh đời nay chê cười. Vậy thì thánh nhân không nhất định phải theo cổ, giữ lệ cũ, mà phải xét việc đương thời rồi tùy nghi tìm biện pháp. Nước Tống có người đi cày, trong

ruộng có mấy gốc cây khô, một con thỏ đâm bổ vào, gãy cổ, chết. Anh ta thấy vậy bỏ cày mà ôm gốc cây khô, hi vọng lại bắt được con thỏ nữa. Thỏ không được thêm, mà bị cả nước Tống chê cười. Nay muốn dùng chính sách của tiên vương để trị dân thì cũng không khác gì anh chàng ôm gốc cây đợi thỏ đó vậy.



Thời cổ đàn ông không phải cày ruộng, trái cây và hột cỏ đủ ăn rồi; đàn bà không phải dệt vải, da cầm thú đủ che thân rồi. Họ không phải gắng sức mà dư ăn đủ mặc, nhân dân ít mà vật dụng thừa cho nên không tranh giành nhau. Vì vậy khỏi phải thưởng hậu, phạt nặng mà dân tự nhiên không loạn. Ngày nay một người có năm người con, không phải là nhiều, mỗi người

con lại có năm người con nữa, thành thử ông chưa chết mà đã có hai mươi lăm đứa cháu, vì vậy nhân dân đông mà tài sản ít, phải lao lực nhiều mà thức ăn đồ mặc lại ít, cho nên họ phải tranh giành nhau, dù có thưởng hậu gấp hai, phạt nặng gấp mấy thì cũng không tránh khỏi loạn.

^¤^

Ông Nghiêu làm vua thiên hạ mà nhà lợp bằng cỏ tranh không xén, cột rui bằng gỗ không đẽo, ăn cơm gạo xấu với canh rau lê rau hoắc, mùa đông không mặc áo da hươu da nai, mùa hè mặc áo vải thô, dầu kẻ canh cổng cũng không sống đạm bạc hơn. Ông Vũ làm vua thiên hạ, tự cầm bừa và xách sọt đi trước nhân dân, đùi và ống chân trụi hết lông, đến kẻ nô lệ cũng không cực khổ hơn. Do đó mà xét, các vua

thời thượng cổ nhường ngôi thiên tử thì cũng chỉ là từ bỏ cuộc sống của người giữ cổng và đời lao khổ của tên nô lệ, có gì đáng khen đâu. Một viên huyện lệnh ngày nay khi chết rồi, thì con cháu mấy đời còn được (ung dung) ngựa xe, vì vậy mà người ta quí chức huyện lệnh. Cho nên về cái việc từ nhượng, thời xưa nhường ngôi thiên tử thật dễ mà ngày nay từ chức huyện lệnh thật khó, chỉ do cái lợi hậu hay bạc khác nhau xa. Người ở trong núi, lại hang múc nước, tới ngày lễ "lâu", lễ "lạp"[144] đem nước tặng nhau,[145] còn người ở chằm thì khổ vì úng nước, phải thuê người đào rãnh cho nước thoát. Mùa xuân những năm đói kém, dù là em ruột còn nhỏ, người ta cũng không nhường cho thức ăn, mà mùa

thu những năm được mùa, dù là khách lạ tới, cũng mời ăn, đâu phải sơ với tình ruột thịt mà thân với khách qua đường, chỉ là vì thực phẩm còn nhiều hay ít đấy thôi. Cho nên cổ nhân khinh tài vật, không phải là có lòng nhân, mà vì tài vật có nhiều; ngày nay người ta tranh đoạt của nhau không phải là ti tiện mà vì tài vật có ít; ngày xưa người ta coi thường và từ bỏ ngôi thiên tử, không phải cao thượng mà vì quyền thế ít; ngày nay người ta coi trọng và tranh nhau quan chức, không phải đê tiện mà vì quyền thế nhiều. Vì vậy thánh nhân xét xem tài vật nhiều hay ít, quyền thế nặng hay nhẹ mà tùy theo đó lập ra chính sách: Phạt nhẹ không phải là nhân từ, mà chém giết không phải là tàn bạo, chỉ là tùy thế tục mà thi hành pháp luật. Tóm lại việc phải theo thời, mà

biện pháp phải thích ứng.

^¤^

Thời xưa vua Văn vương ở đất Phong, đất Cảo[146], đất vuông trăm dặm, thi hành nhân nghĩa, vỗ về rợ Tây Nhung mà thống nhất được thiên hạ. Vua Yển Vương nước Từ ở phía đông sông Hán[147] đất vuông 500 dặm, thi hành nhân nghĩa, mà ba mươi sáu nước chư hầu cắt đất triều phục. Vua Văn vương nước Kinh (Sở) sợ (nước Từ mạnh lên) nguy hại cho mình, bèn đem quân diệt nước Từ[148]. Vậy ra Văn vương thi hành nhân nghĩa mà thống nhất thiên hạ còn Yển vương thi hành nhân nghĩa mà mất nước. Thế thì nhân nghĩa dùng được ở thời xưa mà không dùng

được ở thời nay. Cho nên bảo: "Đời khác thì việc cũng khác". Đời vua Thuấn, rợ Miêu không qui phục, ông Vũ muốn đem quân đi đánh, vua Thuấn can: "Không nên. Người trên đức không dày mà dùng vũ lực là trái đạo". Rồi vua Thuấn sửa sang việc giáo hòa trong ba năm, sau đó tổ chức lễ múa khiên múa búa, rợ Miêu coi rồi thuần phục. Tới khi lâm chiến với Cung Công[149], binh khí bằng sắt[150] ngắn quá, không đâm tới địch, áo giáp không chắc, bị địch đâm phạm thân thể, vậy việc múa khiên và búa dùng được thời xưa mà không dùng được thời nay. Cho nên bảo: "Việc khác thì biện pháp phải đổi". Đời thượng cổ người ta đua nhau trọng đạo đức, đời trung cổ người ta tranh nhau về mưu trí, đời nay người ta tranh nhau về

sức mạnh. Nước Tề muốn đánh nước Lỗ, vua Lỗ sai Tử Cống (một môn đệ của Khổng tử) qua Tề thuyết phục. Người nước Tề bảo: "Lời thầy nói không phải là không khéo. Nhưng cái chúng tôi muốn là đất đai kia chứ không phải cái mà thầy nói". Rồi họ đem quân chiếm Lỗ, cách kinh đô Lỗ mười dặm mới ngừng lại, lấy chỗ đó làm ranh giới. Vậy Yển vương thi hành nhân nghĩa mà nước Từ mất, Tử Cống dùng trí mưu, khéo nói mà nước Lỗ bị chiếm đất: theo đó mà xét, nhân nghĩa, trí mưu, khéo nói không giữ được nước. Bỏ cái nhân nghĩa của Yển vương, cái trí mưu của Tử Cống đi, mà dùng binh lực nước Từ, nước Lỗ, cự với nước địch vạn cỗ xe, thì tham vọng của Tề, Kinh làm sao thi hành với hai nước đó được.

^¤^

Phong tục xưa và nay khác nhau, biện pháp cũ và mới phải khác nhau. Muốn dùng chính sách khoan hòa để trị dân thời loạn thì không khác gì không dùng dây cương và roi mà muốn chế ngự một con ngựa bất kham. Đó là cái hại của sự bất trí. Nho và Mặc đều khen tiên vương kiêm ái thiên hạ, coi dân như con[151]. Để chứng minh điều đó, họ bảo: "Khi quan tư khấu (coi việc hình) hành hình thì vua không tấu nhạc; khi báo kẻ bị tử hình đã chết thì vua rơi lệ". Họ đem điều đó để khen tiên vương, rồi bảo vua tôi coi nhau như cha con thì nước trị. Cứ như họ nói thì cha nhân từ, con nhất định không loạn sao? Theo tình người, không ai yêu con bằng

cha mẹ, nhưng như vậy vị tất con đã không loạn: vậy thì dù vua rất yêu dân đi nữa, làm sao giữ cho dân không loạn được? Tiên vương yêu dân không hơn cha mẹ yêu con, mà cha mẹ yêu con vị tất con đã không loạn, thì tiên vương làm sao cho dân trị được? Vả lại theo pháp luật hành hình, mà vua rơi lệ, như vậy chứng tỏ rằng vua có lòng nhân từ chứ không phải làm cho nước được trị (vì nếu nước được trị thì sao còn phải hành hình?) Rơi lệ, không muốn hành hình, là nhân; nhưng vẫn không thể không hành hình được, đó là pháp luật. Tiên vương đã cho pháp luật thắng lòng nhân, không theo lòng thương của mình[152] vậy thì rõ ràng là nhân ái không dùng để trị nước được. Lại thêm, dân chúng đa số phục tùng quyền lực, đạo

nghĩa chỉ cảm hòa được một số ít thôi. Trọng Ni là bậc thánh trong thiên hạ, ông sửa đức, làm sáng đạo, chu du khắp thiên hạ, nhưng quí lòng nhân, khen lòng nghĩa mà phục dịch ông thì chỉ có bảy mươi người[153], vì số người quí đức nhân ái vốn ít mà thi hành đạo nghĩa là việc khó. Cho nên thiên hạ mênh mông như vậy mà kẻ phục dịch ông chỉ có 70 người, thi hành được nhân nghĩa thì chỉ có một người (tức Khổng tử). Lỗ Ai Công là hạng vua tồi, quay mặt về phương nam mà trị dân, thì dân trong nước không ai dám không thuần phục, vậy dân vốn phục tòng quyền thế mà quyền thế quả là dễ khiến cho người ta phải phục. Cho nên Trọng Ni mới phải làm bề tôi, Ai Công ngược lại, được làm vua. Trọng Ni (thờ Ai Công) đâu phải là khen

đạo nghĩa của Ai Công mà chỉ là phục tòng cái thế của ông ta thôi. Xét về đạo nghĩa thì Trọng Ni không phục Ai Công, mà nhờ cái thế, Ai Công bắt Trọng Ni phải làm bề tôi mình. Nay bọn học giả đi du thuyết các vua chúa không khuyên họ dùng cái thế tất thắng, mà lại bảo: "Trọng nhân nghĩa thì lập được nghiệp vương", như vậy là đòi bậc vua chúa phải (có đức) như Trọng Ni hết, mà phàm nhân trong đời đều phải như (bảy chục) môn sinh của ông hết. Đó là điều nhất định không thể được.

^¤^

Nay có đứa con hư, cha mẹ giận, la nó, nó không sửa tính, người trong làng trách nó, nó cứ trơ trơ, thầy dạy nó, nó cũng không chừa.

Lòng yêu của cha mẹ, hành động của

người trong làng và lời giáo huấn sáng suốt của thầy dạy, có đủ ba cái đẹp đẽ đó mà chung qui không động đến được một sợi lông ở ống chân của nó. Khi quan lại ở châu bộ đem binh tới thi hành phép nước, lùng bắt kẻ gian, lúc đó nó mới hoảng sợ, thay đổi tính khí hạnh kiểm. Vậy lòng yêu của cha mẹ không đủ để dạy con, phải đợi có nghiêm hình của châu bộ mới được, vì dân vốn được yêu thì nhờn, phải dùng uy lực mới chịu nghe. Thành cao mười nhẫn (bảy hay tám chục thước), dẫu Lâu Quí[154] cũng không vượt qua được vì nó dựng đứng; ngọn núi cao ngàn nhẫn thì con cừu què cũng dắt lên đó chăn được vì dốc thoai thoải[155]. Cho nên bậc minh chủ mới đặt ra hình pháp nghiêm khắc. Tấm

vải dài một tầm hay một thường[156] thì người thường (không tham lam) cũng không chịu bỏ, mà một trăm dật vàng chảy (nóng bỏng) thì Đạo Chích cũng không lấy đi. Biết rằng không hại gì cả nên không bỏ một tầm, một thường vải, biết rằng bỏng tay nên một trăm dật vàng chảy cũng không lấy. Cho nên bậc minh chủ cương quyết trừng trị. Thưởng thì không có gì bằng trọng hậu và tín thực để cho dân thấy là lợi; phạt thì không gì bằng nặng mà cương quyết để cho dân sợ; pháp luật không gì bằng thống nhất, cố định để cho dân dễ biết. Bậc vua chúa thưởng thì không đổi ý, phạt thì không ân xá, đã thưởng rồi lại khen thêm nữa, đã phạt rồi lại chê thêm nữa, như vậy người hiền và kẻ bất tiếu đều tận lực làm điều phải.

Ngày nay không vậy: ban tước cho kẻ có (quân) công nhưng lại khinh thị quan (võ); thưởng kẻ gắng canh tác nhưng lại coi rẻ nghề nông; kẻ mình không thu dùng được (tức bọn ẩn sĩ) thì bỏ ra ngoài, nhưng lại đề cao là biết khinh thế tục; kẻ nào phạm cấm thì bị tội, nhưng lại khen là dũng cảm (trỏ bọn hiệp sĩ). Khen chê, thưởng phạt trái ngược nhau như vậy cho nên pháp luật, cấm lệnh bị hủy hoại mà dân càng loạn. Ngày nay ai đánh kẻ xâm phạm đến anh em mình thì được khen là người có góc cạnh (có khí tiết); ai thấy bạn bị nhục mà trả thù cho bạn thì được khen là trung trinh. Cái phẩm hạnh có góc cạnh, trung trinh mà thành thì pháp độ của vua bị vi phạm. Bậc vua chúa tôn trọng cái hạnh góc cạnh, trung trinh mà quên cái tội phạm

cấm, cho nên dân ganh nhau xem ai mạnh mà quan lại không kiềm chế họ được. Không phải làm lụng khó nhọc mà có ăn có mặc thì khen là có tài năng; không có chiến công mà có chức vị tôn quí thì khen là hiền đức. Tài năng và hiền đức như vậy mà thành thì binh lực trong nước phải yếu mà đất bị bỏ hoang. Bậc vua chúa ưa thích cái hạnh tài năng hiền đức đó mà quên cái họa binh nhược đất hoang, như vậy là cái hạnh riêng được thành lập mà cái ích công bị tiêu diệt.

^¤^

Bọn nho sĩ dùng văn làm loạn pháp luật, bọn hiệp sĩ dùng võ phạm cấm, mà bậc vua chúa đều tôn trọng, do đó mới sinh loạn. Hễ trái phép thì bị tội, nhưng

các "tiên sinh"[157] lại nhờ văn học mà được dùng; phạm cấm thì bị giết, nhưng các hiệp sĩ chuyên ám sát lại được nuôi. Vậy người mà pháp luật cho là trái thì vua lại dùng, kẻ mà quan lại giết thì bề trên lại nuôi. Pháp luật, thu dụng, trên, dưới bốn cái đó trái nhau, không có gì nhất định, như vậy dù có mười ông Hoàng Đế cũng không làm cho nước trị được. Vậy kẻ thi hành nhân nghĩa là không nên khen, khen thì hại cho sự nghiệp; kẻ chuyên về văn học là không nên dùng, dùng thì loạn pháp. Nước Sở có người được tiếng là "ngay thẳng", cha ăn trộm cừu, anh ta đi báo quan. Quan lệnh doãn ra lệnh: "giết nó đi", vì anh ta ngay thẳng đối với vua mà có lỗi với cha, cho nên tuy báo quan mà bị giết. Do đó mà xét, người bề tôi chính trực đối

với vua là đứa con hung bạo đối với cha. Nước Lỗ có kẻ theo vua ra trận, ba lần đánh ba lần chạy. Trọng Ni hỏi nguyên do, người đó đáp: "Tôi có cha già, tôi chết thì không ai nuôi". Trọng Ni khen là hiếu, tiến cử người đó với vua Lỗ. Do đó mà xét, người con hiếu với cha là kẻ bề tôi phản vua. Cho nên quan lệnh doãn nước Sở giết kẻ tố cáo cha, mà không ai tố cáo kẻ gian với bề trên nữa; Trọng Ni thương kẻ bỏ chạy khi ra trận mà dân nước Lỗ dễ thua trận, hàng giặc; cái lợi của người trên kẻ dưới khác nhau như vậy đó. Bậc vua chúa muốn vừa khen hạnh tốt của nhân dân vừa mưu cái phúc cho xã tắc thì tất không thể được. Đời xưa, ông Thương Hiệt đặt ra chữ viết, dùng cái hình như cái vòng khép, gọi là chữ "tư" (nghĩa là riêng), trái với

“tư” thì gọi là “công” (chung)[158], vậy ông Thương Hiệt đã biết rằng công và tư trái với nhau rồi. Ngày nay coi công và tư, lợi hại như nhau, là do cái họa của sự không biết thẩm sát. Như vậy thì đối với người dân thường, lợi hơn hết là làm điều nhân nghĩa và luyện tập văn học. Làm điều nhân nghĩa thì được tin cậy và sẽ được giao cho chức vụ; luyện tập văn học thì thành ông thầy giỏi và sẽ được vinh hiển, đó là điều tốt đẹp đối với người dân thường. Nhưng không có quân công mà được giao cho chức vụ, không có tước mà được vinh hiển, theo chính sách đó, nước tất loạn, vua tất nguy. Hai cái đó không thể dung nhau được, không thể lưỡng lập được. Thưởng người chém được đầu quân địch mà đồng thời lại đề cao hành vi nhân

từ; ban tước lộc cho người phá được thành địch mà đồng thời lại tin thuyết kiêm ái; chế tạo áo giáp cho chắc và luyện binh cho nghiêm để phòng hoạn nạn mà đồng thời lại thích y phục của nhà Nho; trông cậy vào nông dân để cho nước giàu, trông cậy vào quân lính để cự địch mà đồng thời lại trọng kẻ sĩ chuyên về văn học; ruồng bỏ hạng dân biết kính bề trên, biết sợ pháp luật mà nuôi bọn hiệp khách ám sát kẻ thù riêng, hành động như vậy mà mong cho nước được trị và mạnh là điều không thể được. Thời bình nuôi nho sĩ và hiệp khách, thời loạn lại dùng binh sĩ như vậy là kẻ được ân huệ thì không dùng lại dùng kẻ không được ân huệ[159]. Vì vậy mà kẻ nhiệm sự bỏ bê công việc mà kẻ du học mỗi ngày mỗi đông, do đó mà đời hóa

loạn.

^¤^

Người đời mà gọi là hiền thì giữ khí tiết và có tín nghĩa; người đời mà gọi là trí thì lời nói tinh vi tế nhị. Lời nói tinh vi tế nhị thì ngay bậc rất thông minh cũng khó hiểu được. Nay, làm pháp luật cho quần chúng mà dùng những lời ngay bậc rất thông minh cũng khó hiểu được thì quần chúng biết đâu mà rờ. Tấm cám mà còn không có đủ ăn cho no thì đâu có nghĩ tới gạo thơm, thịt bổ; quần áo cụt mà không được lành lặn thì đâu có nghĩ tới gấm thêu. Chính sách trị nước, việc gấp kia mà chưa làm xong thì việc hoãn, tính tới làm gì. Làm chính trị lo việc trong dân gian, mà điều dân thường hiểu rõ được thì lại không dùng, đi hâm mộ ngôn luận của bọn thượng

trí, như vậy là trái ngược với việc trị dân. Cho nên những lời tinh vi tế nhị, không phải là cái cần thiết cho dân chúng. Nếu khen hành vi giữ khí tiết có tín nghĩa là hiền thì tất quí kẻ sĩ không dối trá, mà quí kẻ sĩ không dối trá thì tất cũng không có cái thuật làm cho người không lừa gạt mình được[160]. Người áo vải giao du với nhau, không vì ham của cải hoặc sợ uy thế của nhau, cho nên mới cầu kẻ sĩ không dối trá. Còn bậc vua chúa đã ở vào cái thế chế ngự được người, mà lại giàu có làm chủ cả một nước, thưởng hậu, phạt nặng, nắm hai quyền (thưởng, phạt) đó để làm sáng tỏ cái mà thuật của mình soi đến được (tức để biết rõ được kẻ gian tà), thì tuy có bề tôi như Điền Thường, Tử

Hãn[161] cũng không dám dối mình, vậy thì còn cần gì tới kẻ sĩ không dối trá? Kẻ sĩ giữ khí tiết có tín nghĩa (cả nước) không được tới mười người mà số quan lại trong cõi thì có tới trên trăm, nếu cứ phải hạng sĩ giữ khí tiết có tín nghĩa mới được bổ dụng thì kiếm đâu cho đủ người làm quan? Không có đủ người làm quan thì kẻ cai trị ít mà kẻ làm loạn nhiều. Cho nên cái đạo của bậc minh chủ là cứ nhất thiết theo pháp luật mà không cần có người trí, cứ nắm vững lấy thuật mà không hâm mộ kẻ trung tín, như vậy pháp luật không bị hủy hoại mà quan lại không sinh ra gian trá.



Ngày nay bậc vua chúa, đối với ngôn luận (của bọn du sĩ) chỉ thích lời nói khéo

mà không xét xem có thích đáng hay không; đối với hành vi (của bọn du sĩ) thì chỉ trọng hư danh của họ chứ không xem họ có công (cày ruộng hay đánh giặc) không, vì vậy mà dân trong thiên hạ hễ đàm luận thì chỉ vụ ăn nói cho khéo chứ không nghĩ đến thực dụng. Cho nên bọn dẫn chứng tiên vương, nói chuyện nhân nghĩa đầy cả triều đình mà quốc chính không khỏi loạn; kẻ lập thân chỉ tranh nhau cái tiếng thanh cao[162], không cầu cái công dụng thực tế, do đó bọn trí sĩ lui về ở ẩn trong hang núi, từ bỏ tước lộc không nhận mà binh lực không khỏi suy nhược. Binh lực không khỏi suy nhược, quốc chính không khỏi loạn, nguyên do ở đâu? Ở chỗ cái mà dân chúng khen, nhà vua trọng đều là những học thuyết làm loạn nước. Nay nhân dân

trong nước đều bàn về chính trị, chứa cất những sách về pháp luật của Thương Ưởng, Quản Trọng, mà nước càng nghèo, là vì kẻ bàn về nông nghiệp thì đông mà kẻ cầm cày lại ít. Trong nước ai cũng bàn về việc binh, chứa cất những sách về binh pháp của Tôn Tử, Ngô Tử[163], mà binh lực càng yếu là vì kẻ nói chuyện đánh giặc thì đông mà kẻ bận áo giáp lại ít. Cho nên bậc minh chủ chỉ dùng thực lực chớ không nghe lời nói suông, thưởng công lao mà nhất định cấm cái vô dụng, như vậy dân mới tận lực đến chết để theo bề trên. Cày ruộng là việc rất lao khổ mà dân làm vì biết rằng có vậy mới giàu được, đánh giặc là việc rất nguy hiểm mà dân làm vì biết có vậy mới sang được. Nếu trau dồi văn học, tập tành ngôn luận, không cày cấy khó

nhọc mà được giàu có, không nguy hiểm đánh giặc mà được tôn quí thì ai chả muốn làm như vậy? Kết quả là một trăm người dùng trí chỉ có một người dùng sức, người dùng trí mà đông thì pháp luật bại hoại, kẻ dùng sức mà ít thì nước nghèo, do đó mà đời hóa loạn. Cho nên một nước có minh chủ thì không dùng văn học trong sách[164] chỉ lấy pháp luật mà dạy dân, không dùng lời của các "tiên sinh"[165], chỉ dùng quan lại làm thầy (dạy pháp luật), không có bọn hiệp khách hung hãn, cho chém được đầu giặc mới là dũng cảm. Nhờ vậy dân trong nước hễ đàm luận là căn cứ vào pháp luật, hễ hành động là hướng về sự lập công, sự dũng cảm đem dùng hết vào việc quân, mà thời bình thì

nước giàu, lúc có giặc thì binh mạnh. Đó là cái vốn[166] để lập vương nghiệp. Súc tích cái vốn đó, thừa lúc địch sơ suất thì sự nghiệp sẽ vượt ngũ đế, bằng tam vương[167]. Theo phép đó nhất định phải thành công.

^¤^

Ngày nay khác hẳn. Bên trong thì sĩ dân làm theo ý mình, bên ngoài thì bọn biện sĩ mượn quyền gây thế lực, trong ngoài đều làm điều gian ác để đợi cường địch, như vậy chẳng nguy ư? Cho nên quần thần bàn về đối ngoại, nếu không chia ra hai phe hợp tung và liên hoành thì cũng nhân có mối thù với nước khác mà mượn sức nước mình để trả thù[168]. Hợp tung là liên hợp

các nước yếu (tức lục quốc Hàn, Triệu, Ngụy, Sở, Yên, Tề) để đánh một nước lớn (tức nước Tần); liên hoành là thờ một nước mạnh để đánh các nước yếu, hai phe đó đều không duy trì được quốc gia. Bọn bề tôi nói chuyện liên hoành đều bảo: "Không thờ nước lớn thì tất bị địch xâm lược". Thờ nước lớn đâu phải là nói suông, tất phải đem bản đồ nước mình và ấn của các quan giao cho nước lớn xin họ phân phát. Dâng bản đồ thì nước bị cắt xén, giao ấn thì danh phận bị hạ thấp; đất đai bị cắt xén thì nước yếu đí, danh phận bị hạ thấp thì chính trị hỗn loạn. Vậy là theo chủ trương liên hoành để nhờ nước lớn, lợi chưa thấy mà đã mất đất và loạn chính. Bọn bề tôi nói chuyện hợp tung đều bảo: "Không cứu nước nhỏ mà đánh nước

lớn thì thiên hạ sẽ bị thôn tính, mà thiên hạ mất thì nước mình nguy, nước nguy thì vua hóa thấp hèn". Cứu nước nhỏ đâu phải là nói suông, phải đem binh đánh nước lớn. Cứu nước nhỏ chưa chắc đã bảo tồn được nước đó mà đánh nước lớn vị tất đã không có sự sơ hở (?), có sự sơ hở thì sẽ bị nước mạnh chế ngự. Xuất quân thì quân thua, lui về cố thủ thì thành bị phá. Vậy là theo chủ trương hợp tung để cứu nước nhỏ, lợi chưa thấy mà đã mất đất, thua quân. Kẻ chủ trương thờ nước mạnh chỉ mong nhờ thế lực nước ngoài để có quan chức lớn ở trong nước[169]; kẻ chủ trương cứu nước nhỏ chỉ mong mượn thế lực của nước mình mà cầu lợi ở nước ngoài[170]. Quốc gia chưa được lợi gì mà họ đã được đất

phong, lộc hậu; địa vị của vua bị hạ thấp mà quyền thế của bề tôi lại thêm cao, đất đai của quốc gia bị cắt xén mà nhà riêng (của bề tôi) thì giàu thêm. Việc thành thì họ nắm quyền mà được trọng dụng hoài; việc hỏng thì họ cũng giàu có rồi, lui về mà hưởng. Còn bậc vua chúa nghe lời họ, việc chưa thành, tước lộc của họ đã thêm cao, việc hỏng thì lại không giết họ, thành thử kẻ sĩ du thuyết không người nào không dùng những lời hão huyền để cầu may, được tước lộc. Tại sao lại nghe những thuyết hão huyền đó để cho nước tan, vua chết? Tại vua chúa không hiểu rõ cái lợi công và tư, không xét kỹ xem lời nói của bọn biện sĩ có thích đáng hay không, mà sau khi thất bại rồi, lại không giết, trị tội bọn họ. Những kẻ chủ trương liên hoành

và hợp tung đó đều nói: "Việc đối ngoại (nghĩa là theo liên hoành hay hợp tung) thành công lớn thì có thể thành bá vương, nhỏ thì nước cũng được yên". Làm bá vương thì có thể tấn công người, mà nước yên thì không bị người tấn công. Nhưng cái sự mạnh và trị thì không thể trông vào việc ngoại giao, nó tùy nội chính (tốt hay không). Không thi hành pháp luật ở trong nước mà cứ trông vào mưu trí đối ngoại, thì không thể trị và mạnh được. Tục ngữ có câu: "Tay áo dài thì khéo múa, tiền của nhiều thì khéo buôn", nghĩa là có nhiều vốn thì dễ thành công. Nước trị và mạnh thì dễ mưu sự, nước yếu và loạn thì khó thiết kế. Cho nên dùng ở nước Tần (nước mạnh), mưu có thay đổi mười lần cũng ít thất bại; dùng ở nước Yên (nước yếu),

mưu chỉ một lần thay đổi mà cũng ít thành công; không phải vì mưu dùng ở Tần đều khôn cả, mưu dùng ở Yên đều ngu cả, chỉ vì cái "vốn" trị hay loạn khác nhau đấy thôi. Cho nên Chu li khai Tần mà theo hợp tung, mới một năm đã bị diệt, Vệ li khai Ngụy mà theo liên hoành, mới nửa năm đã mất. Chu vì hợp tung mà bị diệt, Vệ vì liên hoành mà mất nước. Giá Chu và Vệ khoan tính cái kế hợp tung hay liên hoành, mà gấp lo việc trị nước, làm cho phép lệnh nghiêm minh, thưởng phạt xác định, khai phá hết đất đai để súc tích cho nhiều khiến cho dân xuất tự lực ra giữ thành trì, thì thiên hạ dù có chiếm đất mình, lợi cũng không được bao, công phá được đất mình thì tổn thất cũng nặng, như vậy một nước vạn cỗ xe không dám đóng binh ở dưới

thành kiên cố của mình, mà chế ngự chỗ yếu kém của mình (?) đó là cái thuật chắc chắn giữ được nước cho khỏi mất. Bỏ cái thuật chắc chắn giữ được nước cho khỏi mất mà làm cái việc nhất định cho nước tới diệt vong, đó là lỗi của kẻ trị nước. Kết quả là mưu trí lúc ngoại giao bị khốn ở ngoài mà chính trị thì loạn ở trong như vậy tất mất nước, không sao cứu được.

^¤^

Nhân dân bao giờ cũng tìm sự an toàn, lợi ích mà tránh sự nguy nan, khốn cùng. Nay ta bắt họ ra trận, tiến lên thì chết vì địch mà lui về thì bị giết, đằng nào cũng nguy. Bỏ việc nhà cửa làm ăn mà tìm cái công lao hãn mã[171], nhà lâm cảnh khổ mà bề trên không xét cho thì tất phải khốn

cùng. Chỗ nào khốn cùng và nguy nan thì làm sao dân không tìm cách tránh? Cho nên họ thờ các tư gia có thế lực để được miễn quân dịch mà xa trận mạc, xa trận mạc thì được yên. Họ dùng hối lộ nhờ nhà cầm quyền để được cái họ muốn, được cái họ muốn thì có lợi. Chỗ nào yên ổn và có lợi thì sao dân không ùa tới? Do đó mà dân lo việc công thì ít mà dân lo việc tư thì nhiều. Chính sách trị nước của bậc minh chủ là khiến cho bọn thương nhân, công nhân và du thủ du thực ít và bị khinh để cho dân đổ xô vào các nghề gốc (trồng trọt, cày cấy) mà bỏ các nghề ngọn (công và thương). Nay lời xin của bọn thân cận với vua chúa được chấp nhận, thì quan tước có thể mua được, quan tước có thể mua được thì công nhân và thương nhân

không còn thấp hèn nữa. Của gian và đồ gian được dùng ở chợ, thì thương nhân tất nhiều. Tiền của họ tích tụ được nhiều gấp bội nhà nông, mà địa vị của họ lại cao hơn nông gia và chiến sĩ, như vậy thì chiến sĩ[172] tất ít, mà bọn con buôn phải nhiều. Cho nên nước loạn có cái thói: Bọn học giả thì khen đạo tiên vương, tạ khẩu là trọng nhân nghĩa, trau chuốt dung mạo và y phục, lời ăn tiếng nói để làm loạn pháp độ đương thời, làm mê hoặc lòng vua chúa; bọn du sĩ thì dùng thuyết gian trá mượn thế lực của nước ngoài để đạt được tư lợi, làm thiệt hại cho quốc gia, bọn đeo gươm thì tập hợp đàn em, lập tiết tháo để nổi danh mà phạm cấm lệnh của năm chức quan[173] (tức của triều đình) bọn thị thần

nịnh bợ, tích tụ tài sản, ăn hối lộ, mượn cái thế của nhà cầm quyền mà xin miễn dịch (cho kẻ hối lộ cho họ), còn bọn thương gia và công nhân thì sửa lại[174] những đồ xấu xí, tích trữ những vật thường dùng[175] để đợi thời (bán đắt giá mà) bóc lột cái lợi của nông phu. Năm hạng người đó là mọt của nước, bậc vua chúa không trừ chúng, không nuôi chiến sĩ thì trong thiên hạ có quốc gia bị tàn phá suy vong, có triều đại bị tiêu diệt, cũng không có gì lạ!

THIÊN XL

NẠN THẾ

(VẤN NẠN VỀ CÁI THẾ[176])

Thận Tử (tức Thận Đáo) bảo: - Con phi long cưỡi mây mà bay (lên trời), con đằng xà (một loại rắn như rồng, không có chân) chế ngự sương mù mà lượn (trong đó). Mây tan sương tạnh rồi thì hai con đó cũng chỉ như con giun, con kiến vì mất chỗ dựa. Người hiền mà chịu khuất kẻ bất tiếu (tài đức kém) là vì quyền (thế) nhẹ, (địa) vị thấp; kẻ bất tiếu mà khuất phục được

người hiền là vì quyền trọng, vị cao. Nghiêu hồi còn là dân thường thì không trị được ba người, mà Kiệt khi làm thiên tử thì có thể làm loạn cả thiên hạ. Do đó tôi biết rằng quyền thế và địa vị đủ để nhờ cậy được, mà bậc hiền trí không đủ cho ta hâm mộ. Cây ná yếu mà bắn được mũi tên lên cao là nhờ sức gió đưa đi; kẻ bất tiếu mà lệnh ban ra được thi hành là nhờ sức giúp đỡ của quần chúng. Nghiêu khi còn là kẻ lệ thuộc, đi giảng dạy thì dân không nghe; đến khi ngồi quay mặt về phương Nam, làm vua thiên hạ, lệnh ban ra là người ta thi hành liền, cấm đoán là người ta phải ngừng ngay. Do đó mà xét thì hiền và trí không đủ cho đám đông phục tòng, mà quyền thế và địa vị đủ khuất phục người hiền.

Có kẻ trả lời Thận Tử[177]: - Con phi long cưỡi mây mà bay, con đằng xà chế ngự sương mù mà lượn, tôi đồng ý rằng hai con đó dựa vào cái thế của mây và sương mù. Tuy nhiên, nếu bỏ người hiền mà chuyên dựa thế lực, có đủ để trị nước không, thì tôi chưa được thấy đấy. Có cái thế của mây, sương mù mà cưỡi, lượn được, quả là con rồng, con rắn có tài cao. Có mây dày mà con giun không cưỡi được; có sương mù đặc mà con kiến không lượn được vì tài năng của chúng kém. Kiệt Trụ quay mặt về phương Nam, làm vua thiên hạ, dùng uy thế của ngôi thiên tử làm mây và sương mù, mà thiên hạ không khỏi đại loạn là vì tài năng của họ kém. Vả lại ông đó (tức Thận Tử) bảo cái thế của vua Nghiêu trị được thiên hạ, thì cái thế đó có

khác gì cái thế Kiệt làm loạn thiên hạ đâu? Cái thế tự nó không thể khiến cho người hiền dùng nó, kẻ bất tiếu không dùng nó. Người hiền dùng nó thì thiên hạ trị, kẻ bất tiếu dùng nó thì thiên hạ loạn. Tính tình con người hiền thì ít, bất tiếu thì nhiều. Lấy cái lợi của uy thế mà giúp kẻ bất tiếu thời loạn thì kẻ dựa thế làm loạn thiên hạ sẽ rất đông, người nhờ thế làm cho thiên hạ trị rất ít. Cái thế rất tiện lợi cho việc trị mà cũng tiện lợi cho sự loạn. Cho nên Chu Thư[178] có câu: "Đừng chắp cánh cho cọp, cọp sẽ bay vào trong ấp, bắt người để ăn thịt". Giúp cho kẻ bất tiếu có thế lực tức là chắp cánh cho cọp. Kiệt Trụ bắt dân xây đài cao, đào ao sâu, làm kiệt sức dân, dùng cực hình bào lạc[179] làm hại mạng

dân. Kiệt Trụ làm được bốn việc đó[180] nhờ có cái uy thế thiên tử làm cánh cho họ. Nếu họ là thường nhân thì chưa làm được một (trong bốn việc đó) đã bị xử tử rồi. “Thế là cái nuôi lòng hổ lang để gây nên việc bạo loạn. Đó là mối hại lớn của thiên hạ. Thế có thể làm cho nước trị, cũng có thể gây loạn, chớ không nhất định. Như vậy mà chuyện nói rằng thế đủ để trị thiên hạ, thì kiến thức thực là nông cạn. Có ngựa tốt và xe chắc mà sai đầy tớ đánh xe thì bị thiên hạ cười, giao cho Vương Lương[181] đánh xe thì ngày đi được ngàn dặm. Cũng vẫn là ngựa ấy xe ấy mà người thì đi được ngàn dặm, người bị chê cười, chỉ do khéo vụng khác nhau xa vậy. Nay coi nước là chiếc xe, coi cái thế là con

ngựa, coi hiệu lệnh là dây cương, hình phạt là ngọn roi, để ông Nghiêu, ông Thuấn đánh xe thì thiên hạ trị, để Kiệt, Trụ đánh xe thì thiên hạ loạn, chỉ do hiền và bất tiếu khác nhau xa vậy. Muốn đi nhanh và xa thì biết dùng[182] Vương Lương; mà muốn tiến lợi trừ hại lại không biết dùng người hiền năng, đó là cái hại của sự không biết suy luận về những cái giống nhau. Nghiêu, Thuấn chính là Vương Lương trong việc trị nước đấy."

^¤^

Lại có kẻ[183] trả lời câu trả lời trên: - Ông ấy (Thận Tử) cho cái "thế" là đủ để vua dựa vào mà trị quan lại; mà ông (tức người bắt bẻ Thận Tử như trên) lại bảo: "Phải đợi có hiền thần rồi mới trị được",

như vậy không đúng. Cái thế, "danh" chỉ có một mà "thực" thì thay đổi rất nhiều[184]. Nếu cái thế tự nhiên[185] thì chẳng cần phải bàn. Nhưng cái tôi gọi là thế là cái thế do người thiết lập ra kia[186]. Ông bảo: Nghiêu, Thuấn đắc thế mà trị; Kiệt, Trụ đắc thế mà loạn. Tôi không bảo rằng dưới triều Nghiêu, Thuấn (vua Kiệt, Trụ), không phải như vậy, nhưng cái đó không phải do người thiết lập ra. Nghiêu, Thuấn sinh ra mà đã làm vua thì có mười Kiệt, Trụ (ở dưới) cũng không làm cho loạn được vì đó là cái thế trị; Kiệt, Trụ sinh ra mà đã làm vua thì có mười Nghiêu, Thuấn (ở dưới) cũng không làm cho trị được, vì đó là cái thế loạn. Cho nên bảo: "Thế mà trị thì không thể

làm cho loạn được, thế mà loạn thì không thể làm cho trị được". Đó là cái thế tự nhiên, không phải con người thiết lập được. Cái tôi nói là cái thế mà con người có thể thiết lập được kia (tức là quyền thế). Mà cái này thì sự hiền minh có liên quan gì tới? Làm sao biết được điều ấy?

Có người kể chuyện: "Một người bán mâu và thuẫn, khoe thuẫn của mình chắc, không vật gì đâm thủng được. Một lát sau lại khen mâu của mình bén, không vật gì là không đâm thủng".

Có người hỏi lại anh ta: "Thế bây giờ lấy cây mâu của ông mà đâm cái thuẫn của ông thì sao" - Anh ta bí. Cái thuẫn không gì đâm thủng với cái mâu không gì là không đâm thủng, hai cái đó không cùng tồn tại một lúc được. Sự hiền minh thì

không chịu sự cưỡng chế (như cái thuẫn), mà cái thế dùng làm đạo trị nước thì có tính cách công dụng cưỡng chế (như cái mâu). Hai cái đó để chung thì là mâu thuẫn. Hiền và thế, không thể dung nhau được, điều đó hiển nhiên[187].

Vả lại, Nghiêu, Thuấn, Kiệt, Trụ ngàn đời mới xuất hiện một lần; số đó rất ít[188]. Mà cái thường thấy trên đời thì là hạng người trung bình[189], cho nên tôi nói về thế là nói hạng trung bình. Hạng người trung bình thì trên không bằng Nghiêu, Thuấn, dưới không đến nỗi như Kiệt, Trụ. Nếu cứ giữ chặt pháp luật, dùng quyền thế thì nước trị, quay lưng lại pháp luật, bỏ quyền thế thì nước loạn. Nay bỏ

quyền thế, quay lưng lại pháp luật mà đợi Nghiêu, Thuấn. Nghiêu, Thuấn tới là nước trị, thì ngàn đời loạn mới có một đời trị. Giữ chặt pháp luật, dùng quyền thế mà đợi Kiệt, Trụ. Kiệt, Trụ tới là nước loạn, thì ngàn đời trị mới có một đời loạn. Ngàn đời trị mà một đời loạn, với ngàn đời loạn mà một đời trị, hai cái đó ngược hẳn nhau như hai người cưỡi con ngựa Kí và con ngựa Nhĩ[190], mà mỗi người phi nhanh về một phía vậy.

Bỏ đồ để uốn gỗ (ẩn quát)[191], bỏ đồ đo lường mà sai Hề Trọng[192] đóng xe thì một cái bánh xe ông ta đóng cũng không xong. Không có sự khuyến khích khen thưởng, không có cái uy của hình phạt, bỏ

quyền thế pháp luật, thì Nghiêu, Thuấn dù đi từng nhà thuyết phục, người ta cũng cãi lại, mà không trị nổi ba nhà. Vậy cái thế đủ để dùng được, điều đó hiển nhiên. Mà ông bảo: "Phải đợi có người hiền", thì là sai. Vả lại không ăn một trăm ngày, đợi có thịt ngon mới ăn thì tất chết đói mất. Đợi có bậc hiền như Nghiêu, Thuấn để trị dân đời nay thì khác gì đợi có thịt ngon để cứu người chết đói không?

Ông bảo: "Có ngựa tốt xe chắc mà sai đầy tớ đánh xe thì bị thiên hạ cười; giao cho Vương Lương đánh thì ngày đi được ngàn dặm". Tôi nghĩ không phải vậy. Một người Trung Quốc (tức ở Trung Nguyên, như miền Lỗ, Tề, Tấn, Chu...) chết đói mà đợi người nước Việt lội[193] giỏi tới cứu,

thì người Việt lội giỏi đến đâu cứu cũng không được. Đợi ông Vương Lương thời cổ để đánh cỗ xe ngày nay thì cũng không khác gì đợi người nước Việt cứu người chết đuối vậy. Đợi làm sao được, lẽ đó là hiển nhiên. Có ngựa tốt, xe chắc cứ năm chục dặm đặt một trạm (để tiếp sức), rồi sai người trung bình đánh xe thì có thể chạy nhanh, đi xa, một ngày đi được ngàn dặm, cần gì phải đợi có ông Vương Lương thời cổ! Vả lại nói tới việc đánh xe, không đưa ra trường hợp dùng Vương Lương thì đưa ra những trường hợp dùng kẻ tôi tớ không biết đánh xe, nói về việc trị nước, không đưa ra trường hợp Nghiêu, Thuấn thì đưa ra trường hợp Kiệt, Trụ, làm loạn nước; như vậy tức như nói về khẩu vị, nếu không đưa ra đường mật, thì đưa ra rau

đắng, rau đay, nghị luận như vậy là nói cho nhiều mà không hợp lý hợp phép vì đưa ra hai trường hợp cực đoan, làm sao có thể bắt bẻ những lời hợp đạo lý được? Lời ông bàn không bằng thuyết về thế trên kia của Thận Tử.

THIÊN XLIII

ĐỊNH PHÁP

(LẬP PHÁP[194])

Có người hỏi: - Thuyết của hai ông Thân Bất Hại và Công Tôn Ưởng, thuyết nào khẩn thiết cho quốc gia hơn?

Đáp: - Không thể quyết được. Người ta không ăn mười ngày thì chết, mà trời lạnh gắt, không có áo mặc cũng chết. Hỏi ăn mặc cái nào khẩn thiết cho người hơn thì không thể quyết được vì cả hai đều để dưỡng sinh, không thể thiếu một. Thân Bất

Hại nói về thuật, mà Công Tôn Ưởng nói về pháp. Thuật là nhân tài năng mà giao cho chức quan, theo cái danh mà trách cứ cái thực (nói sao thì phải làm đúng như vậy hoặc giữ chức vụ nào thì phải làm đúng nhiệm vụ), nắm quyền sinh sát, xét khả năng của quần thần. Đó là cái bậc vua chúa phải nắm trong tay. Pháp là hiến lệnh công bố ở các công sở, thưởng hay phạt[195] đều được dân tin chắc là thi hành[196], thưởng người cẩn thận giữ pháp luật, phạt kẻ phạm pháp, như vậy bề tôi sẽ theo pháp[197]. Ở trên vua không có thuật thì bị bề tôi che lấp; ở dưới bề tôi không có pháp luật thì loạn. Vậy không thể thiếu một trong hai cái đó, cả hai đều là công cụ của bậc đế vương.

^¤^

Người đó lại hỏi: “Chỉ theo thuật mà không có pháp luật hoặc chỉ có pháp luật mà không theo luật, đều không được, là tại sao?

Đáp: “Thân Bất Hại làm phụ tá cho Hàn Chiêu hầu, Hàn (lúc đó) là một phần của nước Tấn (mới) tách ra[198]. Vì vậy pháp luật cũ của Tấn chưa bỏ mà pháp luật mới của Hàn đã đặt ra: Lệnh của vua trước chưa thu về mà lệnh của vua mới đã ban hành. Nếu Thân Bất Hại không chỉnh đốn lại pháp luật, thống nhất lại hiến lệnh thì sẽ có nhiều kẻ gian vì pháp luật và lệnh cũ có lợi cho họ thì họ theo, pháp luật và lệnh mới có lợi cho họ thì họ theo. Cũ và mới trái ngược nhau, trước và sau nghịch nhau,

thì dù Thân Bất Hại có bảo Chiêu hầu cả chục lần phải dùng thuật, bọn gian thần vẫn còn có chỗ dối trá trong lời nói được. Vì vậy, Thân Bất Hại dựa vào sức mạnh của nước Hàn có vạn cỗ xe mà 17 năm[199] không lập được nghiệp bá vương cho Hàn. Đó là cái hại bề trên tuy dùng thuật mà các quan không chỉnh đốn, thống nhất pháp luật.

Công Tôn Ưởng trị nước Tần, đặt ra lệnh phải cáo gian, nếu tố cáo sai thì bị tội, 5 và 10 nhà phải cùng chịu trách nhiệm; thưởng hậu mà xác thực, phạt nặng mà cương quyết; nhờ vậy mà dân tận lực làm lụng không nghỉ, đánh đuổi địch, dù nguy cũng không lùi bước, làm cho nước giàu binh mạnh. Nhưng không dùng thuật

để biết kẻ gian, cho nên sự giàu mạnh đó chỉ lợi cho bọn đại thần mà thôi. Tới khi Hiếu Công và Thương quân (Thương Ưởng) chết, Huệ Vương lên nối ngôi, pháp luật của Tần chưa hủy hoại, mà Trương Nghi đem Tần hi sinh cho Hàn, Ngụy[200]. Rồi Huệ Vương chết, Võ Vương lên nối ngôi, Cam Mậu (Tả thừa tướng của Tần) đem Tần hi sinh cho nước Chu. Võ Vương chết, Chiêu Tương Vương lên nối ngôi, Nhương Hầu (tức Ngụy Nhiễm) vượt nước Hàn, nước Ngụy mà đánh Tề ở phía Đông, năm năm Tần không thêm được một thước đất, mà Nhương Hầu thì được phong ấp Đào, Ứng Hầu (tức Phạm Tuy) đánh Hàn tám năm, mà được phong đất Nhữ Nam. Từ đó trở đi, những kẻ được trọng dụng ở Tần đều thuộc hạng

Ứng Hầu, Nhương Hầu hết. Vậy, đánh giặc mà thắng thì đại thần được tôn quí, quốc gia được thêm đất thì đại thần được thêm đất riêng, chỉ vì nhà vua không có thuật để biết kẻ gian. Thương quân dù 10 lần sửa sang pháp luật, gian thần cũng ngược lại lợi dụng pháp luật làm lợi cho họ[201]. Cho nên nhân sức mạnh của Tần mà mấy chục năm không lập được sự nghiệp đế vương. Đó là cái hại của pháp luật được các quan áp dụng đúng, nhưng vua ở trên lại không có thuật.

^¤^

Lại nói: - Vua chúa dùng thuật của Thân tử, quan lại dùng pháp của Thương quân, như vậy là được rồi chứ (hay chưa đủ?)[202]

Đáp: - Thân tử chưa đạt đến chỗ hoàn toàn của thuật, Thương quân chưa đạt đến chỗ hoàn toàn của pháp.

Thân tử bảo: - Quan lại không được vượt chức (không thuộc quyền chức của mình thì) dù biết cũng không được nói.

Quan lại không được vượt chức, như vậy là giữ chức phận của mình, cái đó được; nhưng biết mà không nói thì là không tố cái lỗi[203] (của người khác với vua), cái đó sai. Bậc vua chúa lấy mắt của cả nước mà xem cho nên không ai nhìn sáng bằng, lấy tai của cả nước mà nghe cho nên không ai nghe tỏ bằng. Nay bề tôi biết mà không nói thì vua chúa còn nhờ vào đâu mà nhìn thấy, nghe thấy được nữa?

Pháp luật của Thương quân bảo: “Chém được 1 đầu giặc thì thăng tước 1 cấp, nếu muốn làm quan thì được một chức quan mà lương là 50 thạch (mỗi thạch là 10 đấu); chém được 2 đầu giặc thì thăng tước 2 cấp, nếu muốn làm quan thì được một chức quan lương 100 thạch. Việc thăng quan tước xứng với công chém đầu giặc. Nay nếu có một pháp lệnh bảo: “Ai chém được đầu giặc thì được làm thầy thuốc hay thợ mộc” thì nhà cất không xong mà bệnh trị không hết. Làm thợ cần khéo tay, làm thầy thuốc cần giỏi dùng thuốc. Cứ chém được đầu giặc là được làm những nghề đó thì không hợp với khả năng của họ. Làm quan trị dân thì cần có trí năng, còn chém đầu giặc thì cần sức mạnh. Dùng người chỉ có sức mạnh mà cho làm

quan trị dân cần có trí năng, thì cũng như cho người có công chém đầu giặc làm thầy thuốc hay thợ mộc. Cho nên tôi bảo: “Hai ông ấy - Thân tử và Thương quân - chưa đạt được đến chỗ hoàn toàn của thuật, pháp”.

THIÊN VII

NHỊ BÍNH

(HAI QUYỀN CỦA VUA[204])

Bậc minh chủ sở dĩ chế ngự được bề tôi là chỉ nhờ có hai cái quyền mà thôi. Hai cái quyền đó là "hình" và "đức". Thế nào là hình và đức? Giết phạt gọi là hình, khen thưởng gọi là đức[205]. Bề tôi nào cũng sợ bị giết phạt và ham được khen thưởng, cho nên vua chúa biết tự sử dụng hai cái quyền hình và đức thì quần thần đều sợ uy của vua mà mong được vua khen

thưởng. Bọn gian thần trên đời thì không vậy. Chúng ghét ai thì làm mê hoặc vua để được vua giao cho quyền trị tội người đó; chúng yêu ai thì làm mê hoặc vua chúa để được vua giao cho quyền thưởng người đó. Bậc vua chúa không giữ cho cái uy cùng cái lợi, phạt và thưởng xuất phát từ chính mình, mà nghe lời bề tôi, thưởng phạt theo ý họ thì dân chúng trong nước đều sợ bọn bề tôi đó mà coi thường vua, qui phục họ mà xa vua, đó là cái hại bậc vua chúa đánh mất hai cái quyền hình và đức. Cọp làm cho chó phải khiếp phục là nhờ nanh với vuốt: Nếu cọp bỏ nanh vuốt đi, để cho chó dùng thì ngược lại nó phải khiếp phục chó. Bậc vua chúa dùng hình và đức để chế ngự bề tôi, nếu bỏ hai quyền đó, để cho bề tôi dùng thì ngược lại bị bề

tôi chế ngự. Cho nên Điền Thường trên xin tước lộc để ban cho quần thần, dưới làm cái đấu cái hộc lớn hơn mẫu mực để thi ân cho trăm họ; thế là Giản Công mất cái quyền thi ân, để cho Điền Thường lấy mà dùng, rốt cuộc Giản Công bị giết. Tử Hãn tâu với vua Tống[206]: "Dân thích được khen thưởng, vậy việc đó xin đại vương tự làm lấy; dân ghét bị hình phạt, việc này thần xin đảm nhận". Thế là vua Tống mất cái quyền hình phạt để cho Tử Hãn lấy mà dùng, rốt cuộc vua Tống bị hiếp bức. Điền Thường chỉ dùng cái đức mà Giản Công bị giết; Tử Hãn chỉ dùng cái hình mà vua Tống bị hiếp. Vậy mà ngày nay bọn bề tôi dùng cả hai cái hình và đức, thì vua chúa tất nguy hơn Giản Công và vua Tống nhiều. Cho nên các vua chúa bị hiếp, bị

giết, bị che lấp, lừa dối là vì bỏ cả hai cái quyền hình và đức để cho bề tôi dùng. Như vậy mà không bị nguy vong là điều không thể có được.

^¤^

Bậc vua chúa muốn ngăn cấm gian tà, tất phải xét xem hình và danh có hợp nhau không; danh là lời nói mà hình là sự việc. Bề tôi trình bày một kiến nghị, vua theo kiến nghị đó mà giao việc cho, rồi tùy việc mà xét kết quả. Kết quả phù hợp với việc, việc phù hợp với lời nói thì thưởng; trái lại, kết quả không phù hợp với việc, việc không phù hợp với lời nói thì phạt. Lời nói của bề tôi huênh hoang, mà kết quả nhỏ thì phạt, không phải phạt vì kết quả nhỏ mà vì kết quả không phù hợp với lời nói. Lời nói của bề tôi nhũn quá mà kết quả lớn thì

cũng phạt, không phải không mừng vì kết quả lớn, nhưng kết quả không phù hợp với lời nói thì công không đủ bù hại, vì vậy nên phạt. Xưa Hàn Chiêu hầu say rồi ngủ. Viên điển quan (thị thần coi về mão) sợ vua lạnh, lấy áo đắp lên cho vua. Chiêu Hầu thức dậy, thấy vậy, vui lòng, hỏi kẻ tả hữu: “Ai đắp áo cho ta đó?”. Kẻ tả hữu đáp: “Viên quan coi về mão”. Chiêu Hầu bèn phạt cả viên điển y vì không làm nhiệm vụ; phạt viên điển quan vì vượt chức vụ. Không phải là ông không sợ lạnh, mà vì ông cho rằng để bề tôi vượt chức vụ thì cái hại còn hơn là mình bị lạnh. Cho nên bậc minh chủ đối với bề tôi, không để cho bề tôi vượt chức mà lập công, không để cho lời nói không phù hợp với việc làm. Vượt chức thì chết, lời nói không phù

hợp với việc làm thì bị tội. Bề tôi cứ giữ chức vụ của mình, lời nói phù hợp với việc, như vậy quần thần không thể kết bè đảng làm điều gian tà được.

^¤^

Bậc vua chúa có hai mối lo: Dùng người hiền[207], bề tôi nhân sự hiền tài của họ mà lấn vua; mà dùng người bừa bãi thì việc tất thất bại. Vua thích người hiền thì bề tôi trau dồi bề ngoài để làm vừa lòng vua, như vậy chân tình của họ không xuất hiện, mà chân tình của họ không xuất hiện thì vua không phân biệt được đâu là chân, đâu là ngụy. Cho nên vua Việt hiếu dũng mà đa số nhân dân coi thường sự chết; Sở Linh vương thích những lưng eo mà trong nước nhiều người (nhịn ăn tới)

chết đói; Tề Hoàn Công hay ghen mà hiếu sắc, nên Thụ Điêu tự hoạn để được làm thái giám; ông lại thích ăn ngon nên Dịch Nha luộc đứa con đầu lòng của mình[208] để dâng; vua nước Yên là Tử Khoái thích người hiền[209] cho nên Tử Chi làm bộ tỏ ra rằng mình (thanh cao) không nhận ngôi vua[210]. Vua để lộ lòng ghét của mình thì bề tôi làm ra bộ tài năng để hợp với sở thích của vua; vua để lộ lòng muốn thì bề tôi sửa đổi tính tình thái độ để thích ứng với lòng vua mà cầu lợi. Cho nên Tử Chi làm bộ hiền nhân mà đoạt được ngôi vua; Thụ Điêu, Dịch Nha lợi dụng sở thích của vua mà lấn vua; (kết quả là) Tử Khoái chết vì nội loạn, Hoàn Công chết tới khi dòi bò

ra ngoài cửa phòng[211] mà chưa được chôn. Nguyên do tại đâu? Tại vua để lộ tình dục của mình, để bề tôi lợi dụng (mà mưu lợi cho họ). Bề tôi vị tất đã yêu vua, họ chỉ tính cái lợi cho họ thôi. Bậc vua chúa không che giấu tình dục, ý tứ của mình mà để cho bề tôi có cơ hội lấn áp mình thì bề tôi học cái thói của Tử Chi, Điền Thường đâu có khó. Cho nên bảo: "Vua bỏ yêu, bỏ ghét đi thì chân tướng của bề tôi sẽ hiện, mà vua sẽ không bị che lấp".

THIÊN VI

HỮU ĐỘ

(CÓ PHÁP ĐỘ)

Không nước nào luôn luôn mạnh, không nước nào luôn luôn yếu. Người thi hành pháp luật mà cương cường (nghĩa là chí công vô tư) thì nước mạnh; người thi hành pháp luật mà nhu nhược thì nước yếu. Vua Kinh (Sở) Trang vương thôn tính hai mươi sáu nước, mở đất ba ngàn dặm mà khi mất rồi[212] thì nước Kinh suy vong. Vua Tề Hoàn Công thôn tính ba mươi nước, mở đất ba ngàn dặm mà khi mất rồi thì nước

Tề suy vong. Vua Yên Chiêu vương[213] lấy sông Hoàng Hà làm biên giới, lấy đất Kế làm đô mà bình phong là đất Trác và đất Phương Thành[214], tàn phá nước Tề, bình định nước Trung Sơn, khiến cho nước láng giềng nào là bạn của vua Yên thì được coi trọng, nếu không thì bị khinh, vậy mà khi Chiêu vương mất rồi thì nước Yên suy vong. Vua Ngụy là An Li vương đánh nước Yên, cứu nước Triệu, chiếm đất Hà Đông, công phá hết đất Đào và đất Vệ, rồi đem binh đánh Tề, chiếm Bình Lục; lại đánh nước Hàn, chiếm đất Quản, đại thắng quân Hàn ở dưới sông Kì; trong trận Thư Dương, làm cho quân Kinh bị đình đốn quá lâu phải bỏ chạy; phá tan quân Kinh ở Thái và Triệu Lăng; binh Ngụy bốn lần

giàn ra trong thiên hạ, uy thế lan khắp các nước (văn minh) “đội mão mang đai”, (tức khắp Trung Quốc), vậy mà An Li vương chết rồi thì nước Ngụy suy vong. Vậy có Trang Vương, Hoàn Công thì nước Kinh, nước Tề làm bá chủ; có Chiêu vương, An Li vương thì nước Yên và nước Ngụy mạnh lên. Nay các nước ấy đều bị suy nhược cả vì quần thần, quan lại của họ đều theo con đường loạn vong chứ không theo cái thuật trị cường. Nước đã loạn suy rồi, họ lại còn bỏ phép nước mà lo quyền lợi riêng, như vậy không khác gì vác củi để cứu lửa, càng loạn, suy hơn nữa.

^¤^

Cho nên ở vào thời này, nhà cầm quyền nào biết bỏ tư lợi tà tâm mà theo phép công thì dân sẽ yên, nước sẽ lợi, biết bỏ

hành động riêng tư mà mà làm theo phép công thì binh sẽ mạnh mà địch sẽ yếu. Cho nên vua (theo pháp độ mà) xét sự thành bại của việc[215], dùng người biết giữ pháp độ mà đặt lên trên các quần thần thì không kẻ nào gian trá gạt vua được; (theo pháp độ mà) xét sự thành bại của việc, dùng người biết cân nhắc mà giao cho các việc ở xa thì không kẻ nào lừa gạt về việc quan trọng hay không quan trọng trong thiên hạ được. Nếu nhờ vào danh tiếng mà được cất nhắc thì bề tôi xa bề trên (vua) mà kết bè phái ở dưới; nếu nhờ có phe đảng mà được làm quan thì dân sẽ chỉ lo kết giao với nhau mà không cần giữ pháp luật. Quan lại mà không được dùng đúng khả năng thì nước loạn. Nếu thưởng phạt ai chỉ do lời khen chê của người khác thì kẻ thích

được thưởng, ghét bị phạt sẽ bỏ phép công mà chỉ theo thuật riêng, kết bè đảng để làm lợi cho nhau, quên vua mình mà giao thiệp với nước ngoài, để đưa phe mình lên, mà bề tôi sẽ ít phục vụ cho vua. Bề tôi kết giao với nhau nhiều, trong ngoài đều có bè đảng thì dù có tội lớn, cũng che lấp hết, vua không sao biết được. Do đó mà bề tôi trung chẳng có tội cũng bị giết, còn bọn gian thần chẳng có công gì lại được yên ổn hưởng lợi. Bề tôi trung không có tội mà bị giết thì hạng lương thần (bề tôi tốt) phải ẩn mình; bọn gian thần không có công mà được yên ổn hưởng lợi thì bọn gian thần tiến lên. Đó là nguồn gốc sự suy vong. Như vậy thì bề tôi bỏ pháp luật mà lo việc riêng tư, coi thường phép công; thường lui tới nhà riêng của bọn cầm quyền mà không

tới triều đình của vua; trăm lần lo cái lợi cho tư gia mà không một lần mưu tính việc cho vua. Thuộc hạ tuy đông mà không phải để tôn quân, bách quan tuy đủ mà không phải để lo việc nước. Như vậy, vua chúa chỉ có cái danh là vua chúa mà thực tế thì phải nhờ cậy vào nhà của bề tôi. Cho nên thần (tức Hàn Phi) bảo: "Triều đình của nước suy vong không có người". Triều đình không có người, không phải là triều đình trống không, mà là bề tôi chỉ nghĩ đến cái lợi của tư gia, không lo làm lợi cho nước, các quan lớn lo tôn lẫn nhau mà không tôn quân, còn các quan nhỏ dùng bổng lộc để kết giao chứ không làm việc nước. Sở dĩ như vậy là vì vua chúa ở trên không quyết đoán theo pháp luật mà tin lời khen chê của kẻ gian, thưởng phạt theo ý

họ. Bậc minh chủ (trái lại) chọn người theo pháp luật, không theo ý riêng mà cất nhắc họ, xét công lao của bề tôi theo pháp luật, không theo ý riêng mà ước lượng, (như vậy) kẻ làm được việc không bị ghìm, kẻ làm hỏng việc không thể nói hay cho mình được; kẻ được khen (bậy) không được tiến cử (hay thăng chức), kẻ bị chê (oan) không bị cách chức (hay giáng chức); mà giữa vua tôi, thiện ác phân minh, nước dễ trị. (Tóm lại) vua theo đúng pháp luật thì thành công.

^¤^

Người hiền làm bề tôi thì quay mặt về hướng Bắc dâng lễ vật[216] (thề) không có hai lòng, ở triều đình không dám từ chối địa vị thấp hèn, trong quân đội, không

dám từ chối việc gian nan; một mực thuận tòng việc làm, pháp độ của vua, hư tâm[217] để đợi mệnh lệnh, không dám dị nghị phải trái, cho nên có miệng mà không nói ý riêng, có mắt không nhìn riêng, hoàn toàn do vua kiềm chế. Phận bề tôi, cũng như cánh tay, trên che đầu, dưới che thân, thân thể nóng hay lạnh thì phải cứu, dù lưỡi kiếm Mạc Da kề thân cũng không dám không bắt. Bề tôi hiền triết kẻ sĩ tài bằng làm việc riêng tư (mà phải lo việc công). Cho nên dân không dám ra khỏi làng mà giao du, không có thân thích ngoài trăm dặm. Sang hèn không lấn nhau, trí ngu đều có chỗ đứng. Như vậy là cực trị.

Hạng người khinh tước lộc, dễ dàng bỏ chức vụ mà đi chọn vua khác, thần không

gọi là liêm. Hạng người đặt lỗi giả dối[218], trái pháp luật, không theo vua, một mực can gián, thần không gọi là trung. Hạng người thi hành ân huệ, phân phát lợi lộc, thu phục kẻ dưới để được tiếng tốt, thần không gọi là nhân. Hạng người lánh đời, ở ẩn, chê bai vua, thần không gọi là nghĩa. Hạng người ra ngoài giao thiệp với chư hầu (để làm lợi cho mình), ở trong làm hao tổn cho nước, rình lúc nước nhà gặp cơn nguy hiểm để dọa vua, bảo: "Việc ngoại giao không có tôi thì không kết thân với nước ngoài được; nước khác thù oán mình, không có tôi thì không giải cho được", mà vua tin, giao việc nước cho, nhân đó họ làm cho uy danh của vua bị hạ thấp để cho uy danh của họ rực rỡ, hủy hoại thực lực của quốc gia làm lợi cho nhà

họ, hạng đó thần không gọi là trí. Mấy hạng (liêm, trung, nhân, nghĩa, trí) đó, thời loạn người ta quí trọng, nhưng phép của tiên vương thì gạt bỏ họ ra. Phép của tiên vương bảo: "Bề tôi không được ra oai, không được gian ác mà phải theo đường lối của vua". Đời xưa, khi quốc gia bình trị thì dân theo phép công, bỏ thuật riêng, thống nhất ý nghĩ và việc làm để đợi vua giao cho nhiệm vụ.



Làm vua mà đích thân xem xét bách quan thì không đủ thời giờ mà cũng không đủ sức. Vả lại người trên dùng mắt thì kẻ dưới tô điểm bề ngoài; người trên dùng tai thì kẻ dưới sửa giọng nói; người trên dùng trí óc để đoán xét thì kẻ dưới khéo nói, nói nhiều. Tiên vương cho ba cái đó (mắt, tai,

trí óc) là không đủ nên không ỷ vào tài năng của mình mà theo pháp độ, xét kỹ việc thưởng phạt. Tiên vương chỉ giữ cái cốt yếu, nên pháp độ giản dị mà không bị vi phạm; một mình tự chế ngự dân trong bốn bể, khiến cho kẻ thông minh không gian trá được, kẻ miệng lưỡi không nịnh bợ được, kẻ gian tà không biết dựa vào đâu được, dù kẻ ở xa ngoài ngàn dặm cũng không dám đổi lời, kẻ thân cận như các lang trung cũng không dám che dấu cái tốt, tô điểm cái xấu; như vậy từ các bề tôi tại triều tụ tập ở bên vua cho tới những kẻ thấp hèn ở xa cũng không dám lấn nhau mà đều giữ chức phận mình[219]. Cho nên việc cai trị ít, ngày giờ dư, được vậy là do vua biết dùng quyền thế để trị nước.

^¤^

Bề tôi lấn vua cũng như hình thế đất đai, mỗi ngày thêm một chút, lần lần làm cho vua mất đầu mối (tức pháp độ), đổi hướng từ đông sang tây mà không hay. Tiên vương đặt ra kim chỉ nam (tức quốc pháp) là để biết phương hướng mặt trời mọc và mặt trời lặn (tức biết đâu là chính, đâu là tà). Nhờ vậy mà bậc minh chủ khiến cho quần thần không dám nghĩ lông bông vượt ra ngoài pháp luật, không dám thi hành ân huệ quá sự qui định của pháp luật, mà nhất cử nhất động đều hợp pháp. Pháp luật nghiêm là để ngăn cấm tội lỗi, trừ bỏ riêng tư; hình phạt gắt là để lệnh được thi hành khắp và trừng trị kẻ dưới. Uy thế không thể ủy thác cho kẻ khác, quyền chế tài không thể cho người khác giữ chung.

Hai cái đó mà vua tôi giữ chung thì vô số sự gian tà xuất hiện. Pháp luật mà không xác định thì hành động và lời nói của vua trái ngược nhau[220], hình phạt không kiên quyết thì không trừ được kẻ gian. Cho nên bảo: "Người thợ khéo[221] thì mắt nhìn và ý đoán không sai với dây mực, nhưng cũng phải dùng cái qui cái củ để đo trước đã. Hạng thượng trí tuy xử sự nhanh chóng, thích đáng, nhưng cũng phải dùng pháp độ của tiên vương làm tiêu chuẩn". Nhờ dây mực thẳng mà đẽo được cây cong làm cho thành ngay; nhờ cái thủy chuẩn bằng mặt mà san phẳng được chỗ lồi lõm; nhờ cái cán cân và quả cân treo lên mà bớt được bên nặng bù vào bên nhẹ; nhờ có cái đấu, cái thạch[222] mà giảm được chỗ nhiều

thêm vào chỗ ít. Dùng pháp luật để trị nước chỉ là để khen đúng người phải, trách đúng kẻ quấy mà thôi. Pháp luật không thể a dua người sang cũng như dây mực không thể uốn theo gỗ cong. Áp dụng pháp luật thì kẻ trí phải theo mà kẻ dũng không dám cãi. Trị tội thì không chừa các quan lớn, thưởng công thì không bỏ sót dân thường. Kiểu chính lỗi của người trên, trách sự gian tà của kẻ dưới, trừ loạn, sửa tài[223], giảm cái hữu dư, bù cái bất túc[224] khiến cho toàn dân noi theo một đường, thì không gì bằng pháp luật. Khống chế quan lại, ra oai với nhân dân, trừ sự bậy bạ, biếng nhác, ngăn sự gian trá, thì không gì bằng hình phạt. Hình phạt nặng thì người sang không dám khinh kẻ hèn; pháp luật

phân mình thì người trên được tôn trọng, không bị lấn. Người trên được tôn trọng, không bị lấn, thì vua mạnh, nắm được các mối quan trọng. Vì vậy mà tiên vương quý pháp luật mà truyền lại đời sau. Bậc vua chúa bỏ pháp luật mà theo ý riêng thì trên dưới không phân biệt (nước sẽ loạn).

THIÊN XLVIII

BÁT KINH (trích)

(TÁM THUẬT PHẢI THEO)

Tám thuật trong thiên này là:

1 . Theo tình người mà lập ra thưởng phạt;

2 . Dùng một người không bằng dùng cả nước;

3 . Muốn phòng gian thì phải biết rằng cái lợi của vua và của bề tôi khác nhau;

4 . Dùng cái thuật "tham ngữ"

để xét gian;

5. Phải bí mật không để bề tôi biết mình vui hay giận;

6. Nghe bề tôi đề nghị thì phải xét xem có dùng được không;

7. Bề tôi phải làm cái gì có lợi chung thì mới thưởng, phải phục vụ bề trên thì mới được danh;

8. Bề tôi không được làm những chuyện riêng tư mà có hại cho cái uy của vua.

Tư tưởng rất hợp với Hàn Phi, nhưng lời văn nhiều chỗ tối, khó hiểu; có thể không phải của Hàn viết, hoặc nếu là của Hàn thì nhiều chỗ mất mát, sai lầm, người sau thêm vào, tự ý sửa chữa.

Chúng tôi chỉ trích dịch những tiết có

thể bổ túc cho các thiên khác.

1. Theo tình người[225]

Trị thiên hạ thì phải theo tình người, mà tình người là có ưa có ghét, vì vậy mà sự thưởng phạt có thể dùng được; thưởng phạt có thể dùng được thì có thể ban cấm lệnh (cái gì không được làm, cái gì phải làm); đạo trị thiên hạ như vậy là đủ. Vua nắm quyền để giữ cái thế, cho nên ban lệnh thì phải thi hành mà hễ cấm là phải ngừng. Quyền là để quyết định sự sống, chết; thế là để thắng quần chúng.

^¤^

Truất giáng hay cất nhắc người dưới mà không theo pháp chế thì quyền lờn; thưởng phạt mà kẻ dưới cũng được dự vào

thì uy của vua bị chia xẻ. Bởi vậy bậc minh chủ không vì thương yêu mà nghe người, không vì vui thích mà tính việc. Nghe lời người mà không tham khảo xem có đúng không thì quyền sẽ bị chia cho kẻ gian; không dùng trí thuật[226] thì bị khốn vì bề tôi. Cho nên bậc minh chủ thi hành pháp chế thì (không thiên vị) như trời[227], dùng người thì (kín nhẹm) như quỉ. Như trời thì không bị chê, như quỉ thì không bị người ta dò biết mà lợi dụng[228]. Quyền thế giữ được thì sự giáo hóa nghiêm mà dân không dám trái; sự khen chê theo đúng một nguyên tắc thì không ai dị nghị (...)

2. Đạo làm chúa[229]

Sức một người không địch nổi đám đông, trí một người không biết được mọi vật; dùng một người không bằng dùng cả nước. Cho nên dùng trí, lực một người (tức vua) mà địch với mọi người, mọi vật thì tất thua; dự đoán mà đúng thì mệt thân, không đúng thì phải chịu (hậu quả của) lỗi lầm. Bậc vua thấp kém dùng hết khả năng của mình, bậc vua chúa trung bình dùng hết sức của người, bậc vua chúa cao hơn cả dùng hết trí của người. Bởi vậy, khi có việc, vua tập hợp các người trí, nghe ý kiến từng người rồi hợp các ý kiến lại mà quyết đoán. Không nghe ý kiến của từng người, (mà chỉ mưu tính với một người thôi) thì lời sau sẽ ngược lại với lời trước,

lời sau ngược lại với lời trước thì không phân biệt được kẻ ngu người trí. Không tập hợp được các ý kiến lại thì sẽ do dự, không quyết đoán được: Không quyết đoán được thì công việc ngưng trễ[230]. Nghe ý kiến của từng người thì không bị người ta đánh bẫy (lập kế để hại mình). Bảo mỗi người báo cáo, báo cáo xong rồi thì vua rầy mắng (kẻ gian)[231]. Cho nên ngày trình bày ý kiến tất phải ghi chép (trong biên bản). Kết hợp các người trí rồi, khi việc phát ra thì trắc nghiệm lời nói của họ; kết hợp các tài năng rồi, khi việc đã thành, sẽ luận công mà thưởng. Thành hay bại đều có bằng chứng, thưởng hay phạt đều tùy theo đó. Như vậy việc mà thành, thì công về vua, việc mà bại thì tội về bề tôi.

Bậc làm vua, ngay đến việc phù tiết có hợp không cũng không tự mình xem xét huống hồ là tự mình ra sức; Việc tới rồi cũng không tự minh lo lấy, huống hồ là việc chưa tới. Cho nên vua dùng người thì không cho lập phe đảng mà cùng ý kiến với nhau, nếu cùng một ý với nhau thì phải rầy họ. Khiến cho người nào cũng dùng hết tài trí của mình thì vua như thần, vua như thần thì kẻ dưới tận lực, kẻ dưới tận lực thì bề tôi không lợi dụng vua được; đạo làm vua như vậy là hoàn tất.

3. Loạn do đâu mà dấy

Kẻ biết rằng bề tôi và vua có cái lợi khác nhau thì là bậc vương, kẻ cho rằng hai bên lợi giống nhau thì bị hiếp; kẻ cho bề tôi cùng dự vào việc thưởng phạt với

mình thì bị giết. Cho nên bậc minh chủ phân biệt rõ công với tư, lợi và hại ở đâu mà kẻ gian không có chỗ len vào được.

Loạn sở dĩ sinh là do sáu hạng người này: 1. mẹ vua, 2. hậu phi, 3. con cháu, 4. anh em, 5. đại thần, 6. người nổi danh là hiền. Cứ theo pháp luật mà bổ nhiệm quan lại, giao trách nhiệm cho bề tôi thì mẹ vua không thể phóng túng. Nghi lễ và thứ bậc khác nhau thì hoàng hậu và phi tần phân biệt hẳn, (không có sự tranh giành). Thế không chia hai cho đích tử và thứ tử (nghĩa là chỉ đích tử mới có quyền thế) thì dòng đích và dòng thứ không tranh nhau. Quyền thế không mất, (nghĩa là tập trung cả vào vua) thì anh em vua không lấn vua. Kẻ dưới không theo về một cửa đại thần thì đại thần không che lấp vua được. Lệnh

cấm và thưởng mà nhất định thi hành thì người nổi danh là hiền không làm loạn được (...)

Đối với người địa vị cao, trách nhiệm lớn thì có ba cách để kiềm chế: Con tin, an định, nắm chắc. Thân thích, vợ con họ là con tin; tước lộc hậu hĩ đúng như lời đã hứa là để an định họ; dùng nhiều cách để khảo sát ý kiến và định gian hay ngay của bề tôi[232], xét trách nhiệm và trừng phạt, là để nắm chắc họ. Đối với người hiền thì tìm cách chặn họ bằng cách giữ con tin, đối với kẻ tham lam thì cảm hóa bằng cách an định, đối với kẻ gian tà thì làm cho họ khốn cùng bằng cách nắm chắc (...). Có kẻ để cho sống thì việc nước mà giết đi thì tổn thương danh tiếng của vua, nên dùng

thức ăn uống mà trừ họ, hoặc giao cho kẻ thù của họ (giết họ) như vậy là trừ gian một cách kín đáo (...) Cha anh người hiền lương mà lưu vong ở nước ngoài là "cái họa trôi nổi", mối họa là họ mượn sức nước ngoài (để chống mình) và nước ngoài dùng họ (để xâm lược mình); Cho những kẻ bị mình làm nhục được hầu cận mình[233], là cái họa "giặc ở bên cạnh", mối họa ở chỗ họ sinh lòng oán hận vì bị nghi hay bị nhục; vua mà không để lộ ra, ghét mà không trừng trị ngay[234], là làm "tăng thêm loạn", mối họa ở chỗ bọn cầu may vọng động nổi lên (dùng kẻ mình ghét đó để cướp ngôi của mình); có hai đại quyền uy ngang nhau, không bên nào hơn bên nào, gọi là "nuôi họa", mối họa ở chỗ

các gia tộc lớn tranh cướp, giết chóc mà sinh loạn; không cẩn thận, không giữ cái thể uy nghiêm như thần của mình, gọi là "mất oai", mối lo ở chỗ loạn có thể nổi, mình bị đầu độc. Năm mối họa đó, bậc vua chúa mà không biết thì sẽ bị hiếp hay bị giết (...)

4. Lập đạo

(...) Khảo sát việc đã qua để biết rõ (lời trước kia) có đúng không; đặt bề tôi ở gần mình để xét cái tình của họ, đưa họ ra xa để xét tình hình ở ngoài của họ[235], dùng những điều mình biết rồi để tra hỏi về những điều chưa biết; giả vờ sai khiến họ làm bậy để chấm dứt thói khinh lờn của họ, đảo lộn lời nói của mình để thử kẻ sinh

nghi; dùng lý luận tương phản để tìm ra kẻ gian ngầm; đặt kẻ gián điệp để bẫy kẻ làm bậy; dùng sự bổ nhiệm và cách chức để xét hành động của kẻ gian; ra chỉ thị rành rọt để người dưới khỏi làm bậy vì hiểu lầm; có thái độ khiêm nhường để dễ thấy kẻ nào cương trực, kẻ nào a dua; nghe nhiều người để biết về những điều mình chưa biết; xúi cho kẻ dưới tranh đấu nhau để phá các bè đảng; nghiên cứu cho sâu một vấn đề để làm cho người ta sợ tài mình; tiết lộ những ý khác nhau để dễ biết ý kiến của kẻ dưới.

5. Giữ bí mật

Bậc minh chủ phải giữ bí mật, nếu để lộ niềm vui ra thì bề tôi nhân dịp vua vui mà xin gia ân cho người khác, nếu để lộ

nỗi giận ra thì bề tôi nhân đó mà thị uy với người khác[236]. Vì vậy, lời nói của minh chủ phải được ngăn cách, đừng cho thông ra ngoài, phải giữ kín đừng để cho người ta biết. Dùng trí của một người để biết cái gian của mười người, là cái đạo thấp; dùng trí của mười người để biết cái gian của một người là cái đạo cao[237].

Bậc minh chủ dùng cả đạo thấp và đạo cao, cho nên không kẻ gian nào thoát được. Trong một huyện, nhà nào cũng gần nhau, họp nhau thành từng ngũ (5 nhà), từng liên (250 nhà), hễ ai tố cáo lỗi của người khác thì được thưởng, không tố cáo thì bị trừng trị. Bề trên đối với người dưới, người dưới đối với bề trên đều như vậy cả; như vậy thì trên dưới, sang hèn,

đều đem pháp luật ra răn nhau, đem điều lợi ra dạy nhau. Bẩm tính của người dân là muốn có cái "thực" của sự sống, lẫn cái "danh" của sự sống[238]. Cái danh của bậc vua chúa là hiền, trí; cái thực của họ là quyền thưởng phạt. Danh thực có đủ là có phúc, tốt.

6. Tham nghiệm lời nói

Nếu không nghe lời nói của nhiều người và tham nghiệm với thực tế xem có công hiệu không thì (không phán đoán được), không trách kẻ dưới được; nếu không lấy sự công dụng làm tiêu chuẩn thì những tà thuật sẽ làm mê hoặc bề trên.

Hễ nhiều người cùng nói như nhau về một việc thì dễ tin. Chẳng hạn một việc

không có thực, mười người nói thì còn khả nghi, một trăm người nói thì đã đáng tin, một nghìn người nói thì đã tin chắc rồi không cởi bỏ được lòng tin nữa[239]. Nói mà ấp úng vụng về thì bị người ta nghi, nói mà lưu loát khéo léo thì người ta tin. Gian thần che lấp bề trên thì dựa vào người khác mà mưu tư lợi, dùng nhiều kẻ khéo nói (bảo họ khen mình) mà được bề trên tin, lấy những trường hợp giống nhau để tô điểm những hành động riêng tư[240]. Bậc vua chúa không nén sự bất mãn mà đợi tham nghiệm (lời nói với việc làm của bề tôi rồi mới thi hành) thì làm cho gian thần có cái thế thủ lợi được. Bậc vua chúa nào có thuật thì khi nghe bề tôi, buộc họ có ý kiến phải thiết thực rồi thi hành phải thành

công; có thành công mới thưởng, không thì phạt. Như vậy những lời vô dụng không được đem bàn ở triều đình, kẻ nào lãnh nhiệm vụ mà thấy không đủ khả năng thì đuổi về, thu ấn tín lại. Lời nào khoa trương thì bề trên xét kỹ từ đầu đến cuối xem có gian tình không, nếu có thì sẽ nổi giận mà trừng phạt. Lời nào không có chứng cớ mà khi thi hành không có kết quả như đã nói thì là lời vu khoát, bề tôi mà vu khoát thì phải trị tội. Lời nói phải thiết thực, lý thuyết phải có chỗ dùng, như vậy những lời nói thiên vị của bè đảng không dám tâu lên vua (...). Bề tôi đưa ra nhiều ý kiến là để tỏ rằng mình có trí và khiến vua phải tự lựa lấy một ý kiến, mà mình tránh được (trách nhiệm và) tội. Cho nên chỉ hạng vua dở mới để bề tôi đưa ra nhiều ý kiến.

Đừng để cho bề tôi đưa ra một ý kiến thứ nhì, mà ý kiến đó với ý kiến thứ nhất giá trị như nhau[241], bắt bề tôi lời nói phải phù hợp với hành động sau này, để biết họ nói thực hay nói láo. Đạo (thuật) của bậc minh chủ là không cho bề tôi đưa ra hai ý kiến để bắt họ phải chịu trách nhiệm về một ý kiến thôi; không cho họ tự ý hành động, phải tham nghiệm lời của họ, xem có đúng, có hợp với việc, có hiệu quả không; như vậy bọn gian thần không có đường tiến lên được.

(bỏ tiết 7 và 8).

THIÊN XVIII

NAM DIỆN

(THUẬT LÀM VUA)

Cái lỗi của bậc vua chúa là đã giao trách nhiệm cho một bề tôi rồi lại dùng một bề tôi không được giao trách nhiệm đó để đề phòng (tức dòm ngó) họ. Sở dĩ vậy là vì chúa nghĩ rằng người không được giao trách nhiệm coi người được giao trách nhiệm là kẻ thù; nhưng hậu quả ngược lại, chính chúa bị người không được giao trách nhiệm đó chi phối. Người mà chúa bây giờ đề phòng lại chính là

người mà trước kia chúa dùng để đề phòng người khác[242]. Bậc vua chúa không biết làm sáng tỏ pháp luật để chế ngự cái oai[243] của các quan lớn thì không có cách nào làm cho các quan nhỏ tin được. Chúa bỏ pháp luật mà dùng bề tôi để đề phòng bề tôi, thì những kẻ thân yêu nhau kết bè đảng mà khen lẫn nhau, những kẻ ghét nhau cũng kết bè đảng mà chê nhau, hai bên khen chê nhau đó tranh phân thì vua sẽ bị mê loạn. Bề tôi nếu không có danh tiếng, không yết kiến vua thường thì không làm sao tiến thân được, không làm trái phép mà tự chuyên thì không có oai được, không giả bộ trung tín thì không vượt cấm lệnh được. Ba cái đó làm cho vua hóa hôn mê mà pháp luật bị hủy hoại.

Vua phải khiến cho kẻ bề tôi dù có tài trí cũng không trái phép mà tự chuyên, dù có hiền đức cũng không vượt công mà được thưởng trước[244], dù trung tín cũng dám bỏ pháp luật mà vượt cấm lịnh. Như vậy là làm sáng tỏ pháp luật. Bậc vua chúa có khi bị gạt vì công việc, có khi bị che lấp vì lời nói, phải xét hai trường hợp đó.

Bề tôi đề nghị một công việc, cho là dễ dàng, giảm phí tổn, để dụ chúa, chúa bị gạt mà không xét kỹ, lại khen bề tôi đó là hiền tài, thế là bề tôi ngược lại, lấy công việc để chi phối chúa. Như vậy gọi là bị gạt vì công việc, bị gạt vì công việc thì phải khốn vì lo lắng. Khi đề nghị bảo là phí tổn ít, rồi sau phí tổn nhiều, như vậy dù có công, (tức việc thành) lời đề nghị vẫn là

không đúng. Không đúng là có tội, cho nên việc dù thành công cũng không thưởng, như vậy bề tôi sẽ không dám tô điểm lời nói để mê hoặc chúa. Đạo làm chúa là khiến cho lời nói trước của bề tôi không trái với lời nói sau, lời nói sau không trái với lời nói trước, (nếu trái thì) dù việc thành cũng phải chịu tội. Như vậy là phép dùng kẻ dưới.

Bề tôi lập kế cho chúa, sợ kẻ khác chê kế hoạch của mình, nên rào đón trước: "Kẻ nào chê bai kế hoạch là kẻ ấy ghen ghét (muốn phá) việc". Chúa để bụng lời đó mà không nghe lời can gián của quần thần, quần thần sợ lỗi đó, không dám bàn cãi nữa. Vì hai cái thế đó (một là chúa cự tuyệt lời can gián, hai là quần thần phải làm thinh), bề tôi trung không được nghe,

còn bề tôi (xảo quyệt) có hư danh thì lại riêng được trọng dụng. Như vậy gọi là bị che lấp vì lời nói: Bị che lấp vì lời nói thì bị bề tôi chế ngự. Đạo làm chúa là khiến cho bề tôi biết rằng mình chịu trách nhiệm về điều mình đã nói, lại cũng có trách nhiệm về chỗ mình không nói. Lời nói không có đầu đuôi, biện luận mà không có chứng cứ, đó là chịu trách nhiệm về điều mình đã nói: Không nói để trốn tránh trách nhiệm, để giữ địa vị quan trọng của mình, đó là chịu trách nhiệm về chỗ không nói. Bậc vua chúa bắt bề tôi hễ nói thì phải có đầu có đuôi, phải đúng với sự thực; nếu họ không nói thì phải hỏi họ lấy chỗ nào, bỏ chỗ nào trong đề nghị để rồi khi thi hành xét xem ý kiến của họ có đúng không; như vậy bề tôi không ai dám nói bậy mà cũng

không làm thinh; nói hay làm thinh đều chịu trách nhiệm cả. Bậc vua chúa muốn làm một việc gì, không hiểu đầu đuôi mà bày tỏ ý muốn của mình, rồi cứ làm thì việc làm không có lợi, trái lại có hại. Người hiểu lẽ đó[245] thì áp dụng cách này: Tính toán thấy vô nhiều, ra ít (lợi nhiều, phí tổn ít) thì là việc nên làm. Vị chúa bị mê hoặc thì không vậy, tính số vô mà không tính số ra, ra gấp bội vô mà không thấy hại, thế là được tiếng mà mất miếng, công ít mà hại nhiều. Phải vô nhiều, ra ít mới đáng gọi là có công. Nay xài phí nhiều mà vô tội, kết quả ít mà lại là có công, thì tất nhiên bề tôi cứ xài phí cho nhiều để được kết quả nhỏ; tuy có kết quả nhỏ mà vua vẫn có hại.

^¤^

Người không biết cách trị nước tất bảo: “Không biến cổ, không đổi tập tục.” Thánh nhân không nhất định phải biến đổi hay không biến đổi, miễn việc trị nước được thích nghi mà thôi. Thay đổi phép tắc cổ hay không là ở chỗ phép tắc cổ và tập tục còn thích hợp hay không. Y Doãn không biến đổi nhà Ân, Thái Công[246] không biến đổi nhà Chu thì vua Thang, vua Võ đâu lập được nghiệp vương. Quản Trọng không biến đổi nước Tề, Quách Yển[247] không biến đổi nước Tấn, thì Tề Hoàn Công và Tấn Văn Công đâu lập được nghiệp bá. Người ta sở dĩ không biến cổ là vì ngại làm cho đời của dân xáo

động[248]. Nhưng nếu không biến cổ, cứ theo dấu vết thời loạn để làm vừa lòng dân thì là thả lỏng cho các hành vi gian tà. Dân ngu không biết là loạn mà bề trên nhu nhược không dám sửa đổi thì sao còn là trị nước nữa. Bậc vua chúa phải sáng suốt đủ để biết cách trị nước, và nghiêm khắc nhất định thi hành cho được, cho nên dù trái ý dân cũng có lập lại sự bình trị. Chứng cứ là Thương Quân đi ra đi vô[249] lúc nào cũng dùng cái "thù" (một binh khí dài có mũi nhọn), cái thuẫn nặng để đề phòng (kẻ ám sát mình); khi Quách Yển bắt đầu trị nước Tấn thì Tấn Văn Công phải dùng vệ sĩ; khi Quản Trọng bắt đầu trị nước Tề, Tề Hoàn Công phải dùng xe có võ trang để đề phòng dân chúng (...)[250]

THIÊN XLV

NGUỴ SỬ

(TRỊ NƯỚC BẬY[251])

Thuật[252] trị nước của thánh nhân gồm có ba:

1. dùng lợi (tức bổng lộc, thưởng);
2. dùng uy;
3. dùng danh (tức quan tước, khen chê).

Lợi để mua chuộc dân, uy để thi hành

lệnh, danh để trên dưới cùng theo (cùng trọng)[253]. Ngoài ba thuật đó ra, tuy còn những thuật khác, nhưng không gấp bằng. Nay lợi tuy có mà dân không cảm hòa theo vua, uy tuy còn mà dân không nghe, quan chức tuy có luật định mà thực (chức) không hợp với danh (tước)[254]. Ba cái đó đều còn đấy mà đời thì cứ trị rồi loạn, loạn rồi trị là tại sao? Tại cái mà vua quí thường trái với cái làm cho nước trị.

^¤^

Đặt ra danh hiệu để tôn trọng, thế mà nay có kẻ coi thường cái danh, khinh rẻ cái thực (của quan tước), thì đời lại cho cao thượng; đặt ra tước vị để làm tiêu chuẩn cho sự sang hèn, thế mà kẻ xa lánh bề trên, không cầu được yết kiến thì đời lại cho là

hiền nhân; dùng uy và lợi là để dân thi hành mệnh lệnh, thế mà kẻ không ham lợi, coi thường cái uy thì đời cho là đáng trọng; ban bố pháp lệnh để trị nước, thế mà kẻ không tuân pháp lệnh, làm những điều họ riêng cho là thiện[255] thì đời lại cho là trung; đặt ra quan tước để khuyến khích dân, thế mà kẻ thích danh nghĩa, không chịu làm quan thì đời lại cho là liệt sĩ; đặt ra hình phạt để nắm cái uy, thế mà kẻ khinh pháp luật, không tránh hình phạt, tội chết thì đời gọi là dũng. Dân cầu danh[256] hơn cầu lợi như vậy thì kẻ sĩ nghèo đói túng thiếu làm sao không vô núi ở, chịu khổ thân để tranh danh với thiên hạ cho được? Cho nên đời sở dĩ không trị, không phải do tội của kẻ dưới mà do bề

trên bỏ mất cái thuật, thường quí cái làm cho nước loạn, khinh cái làm cho nước trị, mà cái kẻ dưới muốn thường trái ngược với cái bề trên (phải) dùng mới trị nước được. Nay cái cần gấp cho bề trên là người dưới nghe theo mình, thế mà kẻ đôn hậu, cung kính, thuần lương, thành tín, hết lòng dạ, dè dặt lời nói thì cho là bần tiện, quê mùa; kẻ giữ chặt pháp luật, tuân lệnh răm rắp thì cho là ngu; kẻ kính bề trên, sợ tội thì cho là khiếp nhược, kẻ nói đúng lúc và vắn tắt, làm hợp với đạo trung thì cho là bất tiếu (dở); kẻ không hai lòng, không theo cái học tư[257] mà nghe lời quan lại, theo sự giáo hóa của nhà nước, thì bị gọi là hủ lậu; kẻ không vời thì không tới, gọi là chính; kẻ thưởng cũng không nhận thì gọi là liêm; kẻ khó ngăn cấm thì gọi là đàng

hoàng; kẻ được lệnh mà không nghe thì được gọi là dũng; kẻ không cầu người trên thưởng, gọi là ít lòng dục; kẻ rộng rãi ban ân huệ, gọi là nhân từ; kẻ trịnh trọng tự tôn, gọi là trưởng giả[258]; kẻ hợp nhau theo cái học tư, gọi là thầy trò; kẻ nhàn nhã ở yên gọi là suy tư sâu sắc; kẻ hại người trục lợi gọi là lanh lợi; kẻ gian hiểm trái trở lại gọi là trí; kẻ trước vì người, sau mới vì mình, coi mọi người đều là đồng loại[259], đưa ra thuyết phiếm ái (yêu khắp mọi người), gọi là thánh; kẻ mà lời nói thì không hợp lý, không thể dùng được, hành vi thì trái với thế tục, gọi là đại nhân; kẻ khinh tước lộc, không phục tòng bề trên, gọi là hào kiệt. Bề dưới mà theo nhau làm như vậy thì trong đời tư làm loạn dân, ra

làm quan bề trên sẽ không sai khiến được. Bề trên nên cấm ý muốn, diệt "dấu vết" của họ, (như vậy) họ còn không chịu ngừng thay; (huống hồ) còn theo họ, tôn trọng họ[260] thì tức là dạy kẻ dưới làm loạn bề trên, mà lại cho là trị nước!

Hình phạt là cái bề trên dùng để trị dân, mà nay kẻ tự thi hành việc nghĩa (ân huệ) ở ngoài pháp luật lại được tôn trọng[261]. Nhờ yên tĩnh mà xã tắc đứng được, thế mà kẻ gian hiểm, gièm pha, a dua lại được bổ nhiệm. Trong nước, dân sở dĩ nghe theo bề trên là vì tin trên và có đức, thế mà kẻ gian dối phản phúc lại được làm quan lại. Lệnh sở dĩ được thi hành, uy sở dĩ lập được là vì dân cung kính nghe bề trên, thế mà kẻ ở trong núi,

mạt sát đời lại được vinh hiển. Kho lẫm đầy là nhờ nghề gốc, tức canh nông; thế mà kẻ làm những nghề ngọn như dệt gấm vóc, chạm vẽ lại giàu. Danh sở dĩ thành được, đất sở dĩ mở rộng được là nhờ chiến sĩ, mà nay con côi của tử sĩ chết đói xin ăn ngoài đường, còn bọn hề, kép hát, rượu chè lại ngồi xe mặc đồ lụa. Thưởng lộc là để cho dân tận lực, kẻ dưới dám liều chết, mà nay kẻ sĩ chiến thắng chiếm được thành địch, công lao khó nhọc mà không được thưởng, còn bọn bói toán, coi chỉ tay, dùng lời để mê hoặc nịnh hót vua thì ngày nào cũng được ban ơn. Bề trên cầm pháp độ để chuyên nắm quyền sinh sát trong tay, mà nay kẻ sĩ giữ trung can gián[262] vua thì không được yết kiến, còn kẻ khéo nói bẻm mép, dùng mưu gian, may mắn mà thành

công thì lại thường được vua vời. Căn cứ vào pháp luật mà nói thẳng, danh với thực[263] hợp nhau, theo đúng lằn dây mực[264], giết kẻ gian để bề trên trị nước, thì càng ngày càng bị bề trên xa cách; còn kẻ xiểm nịnh, thuận theo ý, chiều lòng dục của bề trên khiến cho nước nguy thì lại được gần gũi bề trên. Thu hết thuế, dùng hết sức dân là để phòng tai nạn (tức giặc), làm cho kho lẫm được đầy; thế mà những sĩ tốt bỏ bổn phận, trốn lánh, dựa vào các nhà có uy quyền để tránh xâu, thuế, bề trên không bắt được, nhiều có tới số muôn. Bày những ruộng tốt, nhà đẹp ra là để khuyến khích chiến sĩ, thế mà kẻ bị chặt đầu banh bụng, phơi xương nơi đồng hoang, khi tòng chinh không có nhà để ở, chết rồi ruộng bị

chiếm đoạt[265], còn kẻ cho con gái, em gái đẹp và bọn đại thần, tả hữu không có công lao gì thì được chọn nhà mà lãnh, chọn ruộng mà hưởng. Việc thưởng lợi chỉ do bề trên ban ra là để chế ngự người dưới, thế mà chiến sĩ không được ban chức còn kẻ ở không thì được tôn hiển. Bề trên giáo hóa dân như vậy thì danh làm sao không bị hạ thấp, địa vị làm sao không bị lung lay. Danh bị hạ thấp, địa vị bị lung lay thì kẻ dưới sẽ không tin pháp lệnh, sinh ra hai lòng, theo cái học riêng tư phản nghịch lại xã hội, như vậy mà không cấm hành động của họ, phá tan bè đảng của họ, lại còn theo họ mà tôn trọng họ, cầm quyền như vậy là lầm lớn! Bề trên đặt ra sự liêm sỉ là để khích lệ kẻ dưới, mà nay kẻ sĩ và đại phu không xấu hổ vì nhơ nhớp, thối tha

nhục nhã thì được làm quan, kẻ nhờ bọn con và em gái đẹp thì được nhảy bậc. Ban thưởng là để cho được quí trọng, thế mà các chiến sĩ có công thì nghèo hèn còn bọn sủng ái, kép hát thì được vượt bực. Danh hiệu mà thành tín (hễ có quan tước thì có thực quyền) là để bày tỏ cái uy, thế mà vua bị che lấp, kẻ thân cận và các sủng phi đều tự chuyên, nắm quyền ban phát tước lộc, đổi chỗ thăng giáng các quan lại, cầm quyền như vậy là lầm lớn. Đại thần khi bổ nhiệm ai làm quan thì mưu tính trước với kẻ đó, lập phe đảng không theo pháp luật, như vậy là uy và lợi nằm trong tay kẻ dưới (đại thần), vua bị hạ thấp mà hạ thần được tôn quí.

Đặt ra pháp lệnh là để bỏ cái riêng tư, hễ pháp lệnh được thi hành thì cái đạo

riêng bị phế. Riêng tư là cái làm loạn pháp. Kẻ sĩ có hai lòng, theo cái học riêng, ở trong núi, trong hang, mượn cớ để tìm những ý sâu xa, lớn thì mạt sát đời, nhỏ thì mê hoặc kẻ dưới mà bề trên không cấm lại mà còn theo, tặng họ danh hiệu tôn quí cùng tài sản, như vậy kẻ không có công thì được vinh hiển, kẻ không làm lụng khó nhhọc thì được giàu có. Như vậy kẻ sĩ có hai lòng, theo cái học riêng làm sao mà khỏi cố tìm ra những ý mà họ cho là sâu xa, gắng dùng lời xảo trá để phỉ báng pháp lệnh, tự tạo ra cái thế để chống lại với đời? Những kẻ làm loạn bề trên, chống lại với đời thường là những kẻ sĩ có hai lòng theo cái học riêng. Cho nên sách có câu[266]: "Làm cho trị là pháp luật, làm cho loạn là cái riêng tư; pháp luật đặt ra

rồi thì không ai còn làm điều riêng tư được nữa" Vì vậy mà "theo cái riêng tư thì loạn, theo pháp luật thì trị". Bề trên không theo đúng đạo (thuật), thì kẻ trí có những lời nói riêng tư, kẻ hiền có những ý nghĩ riêng tư, bề trên ban những ân huệ riêng tư, kẻ dưới có những ham muốn riêng tư. Những kẻ được tiếng là thánh, trí lập thành đám đông, lập thuyết giảng học, để chê bai pháp luật trước mặt bề trên đã không cấm chỉ lại còn theo mà tôn trọng, như vậy là dạy kẻ dưới không nghe lời bề trên, không tuân pháp luật, thành thử người hiền nổi danh mà không làm quan, kẻ gian nhờ được thưởng mà giàu có, cho nên bề trên không chế ngự được kẻ dưới.

THIÊN XLVI

LỤC PHẢN

(SÁU CÁI NGƯỢC ĐỜI)

Sợ chết, trốn tránh hoạn nạn, hạng dân đó tất thành giặc hoặc bỏ chạy, vậy mà người đời tôn là "kẻ sĩ quí trọng sự sống"; học đạo lập nên học thuyết, hạng dân đó tất làm trái pháp luật, vậy mà người đời tôn là "kẻ sĩ văn học"; đi nơi này nơi khác, ở không được hậu đãi[267], hạng dân đó ăn bám, vậy mà người đời tôn là có tài năng; nói quanh co, bậy bạ[268], đó là hạng dân

trá ngụy, vậy mà người đời lại tôn là "kẻ sĩ biện trí"[269]; cầm vũ khí đâm chém người, đó là hạng dân hung bạo, vậy mà người đời lại tôn là "kẻ sĩ dũng cảm"; cứu sống giặc, giấu giếm kẻ gian, đó là hạng dân đáng tội chết, vậy mà người đời lại tôn là "kẻ sĩ hào hiệp". Đó là sáu hạng dân được người đời khen.

Sấn vào chỗ nguy hiểm, trung thành tới hi sinh, đó là hạng dân tuẫn tiết, mà người đời lại chê là "kẻ không biết mưu tính"; trí thức kém nhưng (răm rắp) theo lệnh, đó là hạng dân bảo toàn pháp luật, thế mà người đời lại chê là "chất phác, hủ lậu"; làm lụng khó nhọc để kiếm ăn, đó là hạng sinh lợi, thế mà người đời lại chê là "không có tài năng"; trung hậu trong sạch, đó là hạng dân

ngay thẳng, tốt, thế mà người đời lại chê là "ngu dại", trọng mệnh lệnh, lo lắng về công việc, đó là hạng dân trọng bề trên, thế mà người đời lại chê là "khiếp nhược"; đánh bại giặc, ngăn kẻ gian tà (cáo gian), đó là hạng dân làm sáng pháp lệnh, mà người đời lại chê là "sàm báng" (vạch lỗi của người). Đó là sáu hạng dân bị người đời chê.

Sáu hạng dân gian ngụy, vô ích mà đời khen như thế kia, sáu hạng dân đi cày đánh giặc mà đời chê như thế này, tôi gọi đó là sáu cái ngược đời. Bọn áo vải theo lợi riêng mà khen sáu hạng người trên rồi bậc vua chúa nghe cái tiếng hão mà kính trọng họ, họ được kính trọng thì tất được hưởng lợi; bách tính theo cái lợi riêng mà chê sáu hạng người dưới, rồi bọn vua chúa bị thế

tục chê lấp mà khinh họ, họ bị khinh thì tất bị hại. Thành thử hạng dân mưu tư lợi, làm bậy, đáng tội thì được khen thưởng; còn hạng dân mưu lợi chung (lợi cho quốc gia), làm điều tốt đáng được thưởng thì bị chê, bị hại. Như vậy mà muốn cho nước giàu mạnh thì không thể được.

Đời xưa có câu tục ngữ này: "Làm chính trị cũng như gội đầu, tuy tóc rụng đấy nhưng vẫn phải gội". Sợ tóc rụng, uổng, mà quên cái lợi tóc sẽ dài ra, tức là không biết quyền nghi (không thông đạt). Mổ nhọt thì đau, uống thuốc thì đắng, nhưng không mổ, không uống thì thân không thể sống, bệnh không thể biết. Ngay trong sự giao tiếp giữa vua tôi, không có cái ân như cha đối với con mà mong lấy việc làm theo nghĩa để cấm bề tôi thì sự

giao tiếp tất sinh hiềm khích. Vả cha mẹ đối với con, sanh con trai thì mừng, sanh con gái thì giết; trai gái đều từ trong lòng cha mẹ mà ra, mà con trai thì mừng, con gái thì giết, là do nghĩ đến sau này, đứa con nào có lợi cho mình hơn. Vậy cha mẹ đối với con mà còn mang lòng tính toán lợi hại huống hồ là những người không có tình cha con với nhau. Các học giả ngày nay thuyết bậc vua chúa đều bảo phải bỏ cái lòng cầu lợi đi, đưa ra cái đạo tương ái, như vậy là đòi vua chúa đối với dân phải thân hơn cha mẹ đối với con nữa, đó là suy nghĩ chưa chín về ân tình, lầm lẫn gạt người, bậc minh quân không chấp nhận được. Thánh nhân trị nước thì xét kỹ pháp luật, cấm lệnh, hai cái đó mà minh bạch thì quan lại có kỉ luật; qui định thưởng phạt

cương quyết và giữ đúng, thưởng phạt mà không thay đổi vì tư tâm thì dân sẽ dễ sai khiến. Dân sai khiến được, quan có kỉ luật thì nước giàu, nước giàu thì binh mạnh mà nghiệp bá vương sẽ thành. Làm bá vương là cái lợi lớn của bậc vua chúa; bậc vua chúa nhắm cái lợi lớn mà trị nước, cho nên bổ nhiệm quan chức thì phải xứng với tài năng, thưởng phạt thì chí công vô tư, khiến cho sĩ dân đều thấy rõ điều đó mà (tin rằng) hễ tận lực liều chết lập công được, thì được ban tước lộc, do đó hóa giàu sang. Giàu sang là cái lợi lớn của bề tôi, bề tôi nhắm cái lợi lớn đó mà làm việc, nên mạo hiểm tới chết, kiệt sức mà không oán. Như vậy là vua không tư với dân, bề tôi không trung với vua (cứ theo pháp luật thôi) thì có thể lập được nghiệp

bá vương.

^¤^

Gian mà nhất định sẽ bị phát giác thì kẻ gian sẽ tự răn mình, nếu nhất định sẽ bị giết thì họ phải ngừng (không dám làm nữa): Vì không bị phát giác nên họ mới phóng túng, không bị giết nên mới làm. Bày một thứ hàng rẻ tiền ở chỗ u ẩn thì dù Tăng Sâm, Sử Ngư[270] cũng bị nghi là lấy trộm; treo trăm lượng vàng[271] ở chợ thì dù một tên cướp lớn cũng không dám lấy. Không ai biết, nên Tăng Sâm, Sử Ngư có thể bị nghi ở chỗ u ẩn; ai cũng biết, nên kẻ cướp không dám lấy vàng treo ở chợ.

Cho nên bậc minh chủ dùng nhiều người giữ (pháp luật)[272] mà trị tội nặng,

khiến cho dân vì sợ hình pháp chứ không vì tính liêm khiết mà không bậy. Mẹ yêu con gấp bội cha yêu con, mà cha ra lệnh thì con tuân lệnh gấp mười mẹ ra lệnh. Quan lại không yêu gì dân mà lệnh được dân tuân gấp vạn lệnh của cha. Mẹ tích lũy lòng yêu con mà không được con theo; quan lại dùng oai nghiêm mà dân tuân lệnh. Vậy dùng oai nghiêm hay dùng lòng yêu, cách nào nên theo, là điều dễ quyết định được rồi. Vả lại cha mẹ mong mỏi ở hành động của con cái là chúng được yên vui, có lợi, đừng mắc phải tội lỗi. Vua đối với dân (trái lại), khi có nạn thì muốn dân hi sinh tính mạng, khi bình an thì muốn dân tận lực với mình. Cha mẹ rất yêu con, muốn cho nó được yên vui và có lợi, mà nó không nghe; vua không yêu, không muốn

dân có lợi, đòi dân phải hi sinh tính mạng, tận lực vì mình, mà dân lại tuân lệnh. Bậc minh chủ biết lẽ đó, nên không nuôi lòng nhân ái mà chỉ tăng cái thế oai nghiêm. Mẹ rất yêu con, mà con phần nhiều lại hư hỏng, chỉ vì mẹ dùng lòng yêu; cha ít yêu con, dạy bằng roi, mà sau phần nhiều lại tốt, chỉ vì cha dùng sự oai nghiêm.



Một gia đình làm ăn, nếu cùng nhịn đói chịu rét, cùng gắng sức lao khổ thì (trong miền) tuy gặp binh đao, hay mất mùa, riêng gia đình đó vẫn được ăn no mặc ấm. Còn gia đình nào vì thương nhau, vì nhân từ mà cho nhau ăn mặc sung sướng, ở không vui chơi, thì gặp nạn đói kém, gia đình đó tất phải bán vợ đợ con. Cho nên, dùng pháp luật thì trước chịu khổ, sau

được lợi bền lâu; còn theo đạo nhân từ thì mới đầu tạm được vui mà sau sẽ khốn cùng. Bậc thánh nhân cân nhắc, lựa cái lợi lớn cho nên dùng pháp luật mà bắt nhau chịu cực, và bỏ sự nhân ái đối với nhau. Các học giả đều bảo: "Phải giảm nhẹ hình phạt đi", đó là thuật làm cho loạn vong. Thưởng phạt mà xác định là để khuyến thiện và cấm ác. Thưởng hậu thì mau được cái mình muốn; phạt nặng thì mau cấm được cái mình ghét. Người nào muốn cái lợi thì tất ghét cái hại, vì lợi và hại tương phản nhau. Trái với cái mình muốn thì làm sao mình không ghét cho được? Người nào muốn được trị thì tất ghét loạn, vì trị và loạn tương phản nhau. Cho nên rất ham bình trị thì phải thưởng cho hậu, rất ghét rối loạn thì phải phạt cho nặng. Nay chủ

trương giảm nhẹ hình phạt, tức là không mấy ghét rối loạn mà cũng không mấy ham bình trị. Như vậy chẳng những không có thuật (trị nước) mà còn không biết hành động nữa. Bởi vậy phương pháp quyết định có tài năng hay không, ngu hay trí ở chỗ thưởng phạt nặng hay nhẹ. Vả lại hình phạt nặng không phải để trị tội nhân, nó còn để làm sáng pháp độ của vua. (Chẳng hạn) giết giặc, không phải chỉ để trị kẻ mình giết, vì nếu trị kẻ mình giết thì tức là trị kẻ chết; (hoặc như) phạt kẻ cướp, không phải chỉ để trị kẻ mình phạt, vì nếu trị kẻ mình phạt thì tức là trị kẻ bị đày[273]. Cho nên bảo: "Phạt nặng tội một kẻ mà ngăn cấm được mọi sự gian tà trong nước. Đó là cái đạo trị nước. Kẻ bị phạt nặng là kẻ cướp mà kẻ sợ hãi là lương dân. Vậy

muốn trị nước còn trì nghi gì nữa mà không dùng trọng hình? Còn việc thưởng hậu, không phải chỉ để thưởng công, còn để khuyến khích toàn dân trong nước nữa. Người được thưởng vui, vì được lợi, mà người chưa được thưởng sẽ ham được thưởng. Đó là báo đáp công lao của một người mà khuyến khích được toàn dân trong cõi. Vậy muốn trị nước, còn trì nghi gì nữa mà không hậu thưởng? Nay những kẻ không biết cách trị nước đều bảo: "Hình phạt nặng làm thương tổn dân; hình phạt nhẹ có thể cấm được gian rồi, cần gì phải dùng hình phạt nặng?" Đó là không xét kỹ về sự trị nước. Một tội ác có thể ngăn cấm được bằng hình phạt nặng thì chưa chắc đã cấm được bằng hình phạt nhẹ; còn một tội ác ngăn cấm được bằng

hình phạt nhẹ thì lại càng dễ ngăn cấm bằng hình phạt nặng. Cho nên, bề trên đặt ra hình phat nặng thì mọi sự gian tà sẽ chấm dứt; mọi sự gian tà chấm dứt thì thương tổn cho dân chỗ nào? Khi kẻ gian chỉ được một cái lợi nhỏ thì bề trên bắt chịu một cái tội lớn, như vậy gọi là hình phạt nặng; dân không muốn vì cái lợi nhỏ mà bị một cái hại lớn, cho nên mọi sự gian tà đều chấm dứt. Vì vậy tiên hiền có câu: "Không vấp núi mà vấp đống kiến đùn"[274]. Núi lớn nên người ta phải cẩn thận, đống kiến đùn nhỏ nên người ta coi thường. Dùng hình phạt nhẹ thì tất người dân coi thường. Không trừng phạt kẻ phạm tội tức là phóng khí toàn dân; trừng phạt nhẹ kẻ phạm tội tức là làm bẫy cho dân sa

vào[275]. Cho nên hình phạt nhẹ tức là cái đống kiến đùn để cho dân vấp phải, mà cái đạo dùng hình phạt nhẹ nếu không làm cho nước loạn thì cũng làm cho dân sa vào bẫy. Cái đó mới làm thương tổn dân chúng đấy.

^¤^

Các học giả ngày nay đều giảng những lời hay trong sách mà không xét sự thực đương thời. Họ bảo: "Bề trên không thương dân, thuế má thường nặng, dân không đủ tiêu dùng nên oán bề trên, do đó mà thiên hạ đại loạn". Như vậy là họ cho rằng cho dân có đủ tiêu dùng rồi lại yêu dân nữa, dù dùng hình phạt nhẹ, nước cũng trị được. Lời đó sai. Đa số kẻ bị hình phạt nặng là sau khi họ có đủ để tiêu dùng rồi.

Họ đủ tiêu dùng rồi mà bề trên còn thương họ, giảm nhẹ hình phạt thì vẫn còn loạn. Chứng cứ là: Con cưng của nhà giàu, tài sản có đủ tiêu dùng; tài sản đủ tiêu dùng thì tiêu xài không tiếc, tiêu xài không tiếc thì hóa ra xa xỉ; cha mẹ thương yêu con thì không nỡ rầy mắng nó, không nỡ rầy mắng thì nó hóa kiêu căng, phóng túng. Xa xỉ thì nhà sẽ nghèo, kiêu căng phóng túng thì làm bậy, đó là cái hại có tài sản đủ dùng mà thương yêu nhiều, và trừng trị nhẹ. Con người bẩm sinh hễ có tài sản đủ dùng thì hóa ra lười biếng, không chịu gắng sức, bề trên không nghiêm trị thì kẻ dưới phóng túng làm bậy. Tài sản đủ dùng rồi mà vẫn gắng sức làm lụng thì chỉ có Thần Nông thôi; bề trên không nghiêm trị mà kẻ dưới vẫn có đức hạnh thì chỉ có Tăng Sâm và

Sử Ngư. Hạng dân thường không bằng được Thần Nông, Tăng Sâm và Sử Ngư, là điều hiển nhiên rồi. Lão Đam nói: "Biết đủ thì không nhục, biết ngừng thì không nguy"[276]. Vì sợ bị nhục và nguy, nên hễ có đủ rồi thì thôi, không cầu gì hơn nữa, chỉ có Lão Đam được như vậy. Nay bảo rằng cho dân có đủ rồi thì nước có thể bình trị, tức là coi dân ai cũng như Lão Đam cả. Như Kiệt kia, sang tới mức làm thiên tử mà vẫn chưa cho là đủ tôn quý; giàu tới mức có cả thiên hạ, mà vẫn chưa cho là có đủ châu báu. Bậc vua chúa dù (hết sức) cho dân có đủ, cũng không thể làm cho họ tới cái mức như thiên tử, mà Kiệt kia vẫn chưa cho làm thiên tử là đủ, thì làm cho dân có đủ, chắc gì đã làm cho nước bình trị được? Cho nên bậc minh chủ

trị nước phải thích nghi với thời mà sản xuất nhiều tài vật, định thuế má sao cho giàu nghèo bình quân (công bằng), ban nhiều tước lộc để dùng hết tài năng trong dân, dùng hình phạt nặng để ngăn cấm gian tà, khiến cho dân hễ gắng sức làm lụng thì sẽ giàu, hễ có công nghiệp thì sẽ sang, làm bậy thì bị tội, có công thì được thưởng chứ không mong được bề trên nhân từ ban ơn huệ cho. Đó là chính trị của bậc đế vương.

^¤^

Mọi người đều ngủ cả thì không biết ai đui, mọi người đều làm thinh thì không biết ai câm. Đánh thức họ dậy bảo họ nhìn, hỏi họ, bắt họ đáp, thì những người đui và câm vô phương giấu được[277]. Không nghe một người trình bày thì không biết

được rằng họ không có thuật (trị nước), không giao công việc cho họ thì không thể biết được rằng họ có tài cán. Nghe họ trình bày rồi xem xét lời họ có thích đáng không, giao công việc cho họ rồi xem xét có kết quả không, thì kẻ không có thuật, không có tài cán sẽ vô phương giấu được. Muốn lựa một lực sĩ mà chỉ căn cứ vào lời họ tự khoe thì không sao phân biệt được người tầm thường với Ô Hoạch[278], đưa cho họ một cái vạc[279] bảo họ nhấc lên thì ai yếu ai mạnh thấy rõ liền. Quan chức tức là "cái vạc" để thử kẻ sĩ có tài năng đấy; giao chức vụ cho họ thì ai ngu, ai trí, phân biệt được ngay. Cho nên thấy lời nói của ai vô dụng thì biết được kẻ đó không có thuật; thấy ai không làm được nhiệm vụ

thì biết được kẻ đó không có tài cán. Có kẻ lời không được ai dùng mà tự trau chuốt, cho mình là hùng biện; không được giao cho trách nhiệm mà tự khoe rằng mình cao thượng. Các vua chúa đời nay bị mê hoặc vì lời nói của họ, bị gạt vì sự cao ngạo của họ mà tôn quý họ, như vậy là không đợi họ có nhìn thấy không mà đã tin chắc mắt họ sáng, không đợi họ đáp được không mà đã tin chắc họ có khẩu tài, tức như không biết rõ được ai đui ai câm vậy. Bậc minh chủ nghe ai nói thì xét xem lời nói của họ có dùng được không, thấy ai làm thì xét xem có kết quả không, như vậy thì các học thuyết trống rỗng đời xưa không còn được đem ra bàn, mà các hành vi kiêu căng, gạt người không còn được tô điểm nữa.

THIÊN XVII

BỊ NỘI

(ĐỀ PHÒNG BÊN TRONG)

Cái họa của bậc vua chúa là tin người, tin người thì bị người chế ngự. Bề tôi đối với vua không có tình cốt nhục, bị cái thế bó buộc không thể không thờ vua, cho nên, luôn luôn dò xét lòng vua, không một phút nào ngưng; mà vua lại ngồi trên ngạo mạn, biếng nhác, vì vậy mới có những ông vua bị áp bức và bị giết.

Làm vua mà quá tin con thì gian thần sẽ dựa vào con vua để thực hiện tư dục của

họ. Vì vậy mà Lý Đoái giúp vua Triệu, bỏ Chủ Phụ chết đói[280]. Làm vua mà quá tin vợ thì gian thần sẽ dựa vào vợ vua để thực hiện tư dục của họ. Vì vậy mà Ưu Thi giúp Li Cơ giết Thân Sinh, lập Hề Tề[281]. Thân cận như vợ con mà còn không thể tin thì người khác làm sao có thể tin được? Vả lại chúa có vạn cỗ xe, vua có ngàn cỗ xe thì hoàng hậu, thứ phi, phu nhân, đích tử làm kế tự, thế nào cũng có người muốn cho vua chết sớm.

Làm sao biết được như vậy? Là vì vợ không có tính cốt nhục với chồng, hễ yêu thì thân, không yêu thì sơ. Tục ngữ có câu: "Mẹ được yêu thì con được chiều". Ngược lại, hễ mẹ bị ghét thì con bị bỏ. Đàn ông năm chục tuổi vẫn còn hiếu sắc,

đàn bả ba chục tuổi sắc đã tàn. Vợ sắc đã tàn mà thờ chồng hiếu sắc thì tất ngại bị hắt hủi, con tất ngờ sẽ không được nối ngôi. Đó là lẽ tại sao hoàng hậu, thứ phi, phu nhân mong cho vua chết sớm. Chỉ khi nào mẹ làm thái hậu, con làm vua thì lệnh mới được mọi người thi hành, điều cấm mới được mọi người tuân; cái vui trai gái không giảm so với khi tiên vương còn mà lại chắc nắm được quyền một ông vua vạn cỗ xe. Do đó mà có những vụ đầu độc bằng rượu mà thắt cổ lén. Vì vậy sách *Đào Ngột Xuân Thu*[282] bảo: "Bậc vua chúa chết vì bệnh chưa được phân nửa"[283]. Làm vua mà không hiểu điều đó thì loạn sẽ sinh ra nhiều. Cho nên có câu: "Số người có lợi thấy vua chết mà nhiều thì tính mạng

vua sẽ nguy.”

Vương Lương yêu ngựa, Việt Vương Câu Tiễn[284] yêu dũng sĩ vì thích cưỡi ngựa, đánh giặc. Thầy lang khéo mút vết thương, ngậm máu bệnh nhân đâu phải vì tình cốt nhục mà chỉ vì lợi. Thợ đóng xe mong cho nhiều người giàu sang, còn thợ đóng quan tài mong nhiều người chết yểu, không phải là thợ đóng xe có lòng nhân mà thợ quan tài tàn nhẫn, chỉ vì người ta không giàu sang thì không mua xe, người ta không chết thì quan tài không bán được. Thợ đóng quan tài không phải là ghét người, nhưng có người chết thì chú ta mới có lợi. Cho nên bè đảng của hoàng hậu, thứ phi, phu nhân, thái tử mà thành thì họ mong cho vua chết, vua không chết thì

quyền thế của họ không mạnh; họ không phải là ghét gì vua, nhưng vua có chết thì họ mới có lợi. Bởi vậy bậc vua chúa phải hết sức lưu ý tới những kẻ có lợi nhờ thấy mình chết. Mặt trời mặt trăng mà có quầng bên ngoài là tại chính bên trong của nó. Người ta thường đề phòng những kẻ mình ghét nhưng họa lại xảy ra do những kẻ mình yêu. Cho nên bậc minh chủ không làm những việc mình chưa tham khảo kỹ, không ăn những món khác thường; mà phải nghe những tin tức ở xa, xem tình hình ở gần để biết trong ngoài có cái gì sơ suất không; xét những lời giống nhau và khác nhau để phân biệt các bè đảng, khảo nghiệm lời người ta nói để bắt buộc người ta phải trung thực, không được hư trá; hễ dùng lời một người nào rồi thì xem kết quả

về sau có phù hợp với lời nói trước không; cứ theo pháp luật mà trị dân; xem xét tất cả các đầu mối của sự việc; kẻ sĩ không có công thì không thưởng, mà công nhỏ thì không thưởng nhiều; kẻ nào đáng giết thì mới giết, có tội thì không tha. Như vậy thì kẻ gian tà không thể làm chuyện riêng tư được.



Sưu dịch nhiều thì dân khổ, dân khổ thì quyền thế của bề tôi dấy lên (nghĩa là bề tôi nhân đó mà nắm lấy quyền thế); quyền thế của bề tôi dấy lên thì sự miễn dịch xảy ra nhiều, miễn dịch nhiều thì người sang càng giàu (vì dân phải hối lộ cho họ để được miễn dịch). Hậu quả là làm khổ dân để cho người sang được giàu làm dấy lên (tăng) cái quyền thế của bề tôi để bề tôi

dùng[285]; đó không phải cái lợi lâu dài của dân chúng. Cho nên có câu: "Sưu dịch ít thì dân được yên ổn, dân yên ổn thì bề tôi không có quyền lớn, bề tôi không có quyền lớn thì quyền thế bị diệt, quyền thế diệt thì "đức" tức việc ân thưởng thuộc về vua." Nước thắng (làm tắt) được lửa, điều ấy hiển nhiên. Nhưng nếu đựng nước trong nồi để ngăn cách nước với lửa, rồi đun, thì nước bốc hơi ở trên cho tới cạn, mà lửa ở dưới vẫn bừng bừng cháy; nước đã mất cái thế thắng lửa. Pháp luật là để cấm gian tà (pháp luật thắng được gian tà), điều đó còn hiển nhiên hơn nữa. Nhưng bề tôi thi hành pháp luật mà hành động như cái nồi (ngăn cách pháp luật với gian tà, nghĩa là không thi hành pháp luật với bọn gian tà) thì pháp luật chỉ còn sáng rõ trong lòng

(vua) mà mất cái thế cấm gian tà rồi. Căn cứ vào các truyền thuyết thời cổ và các điều ghi chép trong sách *Xuân Thu* thì những kẻ phạm pháp làm phản, thành đại gian ác đều từ trong giới bề tôi tôn quý mà ra. Còn những người bị pháp lệnh đề phòng, bị hình phạt trừng trị, đa số là trong bọn dân thấp hèn. Do đó mà dân chúng tuyệt vọng, không biết tố cáo ở đâu. Đại thần kết bè đảng nhất tề che lấp vua, ngầm thân nhau mà bề ngoài làm ra vẻ ghét nhau, để tỏ ra rằng mình không có tư tình; họ cùng dùng tai mắt để rình kẽ hở của vua. Vua bị che lấp, không có cách nào biết được chân tình nữa, thành thử chỉ có cái danh là vua mà mất cái thực; bề tôi chuyên thi hành pháp luật (theo ý họ). Các vua nhà Chu như vậy đó. Giao quyền thế cho bề tôi

thì vị trí của vua tôi sẽ đảo lộn. Vậy không nên giao quyền thế cho bề tôi.

THIÊN IX

BÁT GIAN

(TÁM THUẬT THÀNH GIAN THẦN)

Bề tôi thành gian thần là do tám thuật.

Thuật thứ nhất là “(do kẻ) chung giường”

Thế nào là chung giường?

Đáp: Phu nhân (vợ vua chúa chư hầu) được quí, cung nhân được yêu[286], sủng

thần đẹp trai[287], đó là những người dễ làm mê hoặc vua chúa. Họ nhân lúc chúa nhàn cư vui vẻ, hoặc lúc chúa no say mà xin điều họ muốn, chúa tất nghe. Bề tôi bên trong dùng vàng ngọc hối lộ họ để họ làm mê hoặc chúa, như vậy là [dùng thuật do kẻ] chung giường.

Thuật thứ nhì là (do kẻ) ở bên

Thế nào là kẻ ở bên?

Đáp: Bọn hề, kép hát, bọn lùn làm cho chúa cười, bọn tả hữu thân cận, chúa chưa ra lệnh họ đã dạ dạ, chưa sai bảo họ đã vâng vâng, đoán được ý chúa mà làm trước, dò nét mặt, sắc diện mà biết trước được lòng chúa, họ cùng tiến cùng thoái,

cùng ứng cùng đối, nói năng hành động như nhau để làm thay đổi lòng chúa. Bề tôi bên trong thì vàng ngọc, châu báu hối lộ họ, bên ngoài thì vì họ làm điều trái phép để họ lần lần thay đổi tính của chúa, như vậy là [dùng thuật do kẻ] ở bên.

Thuật thứ ba là (do bậc) cha anh

Thế nào là cha anh?

Đáp: Các người trong tôn thất vào hàng cha anh của chúa[288] là người được chúa thương yêu, quan lớn nhỏ ở triều đình, là những người cùng mưu tính việc nước với vua. Nếu họ tận lực thuyết phục (nói riết) thì chúa tất nghe. Bề tôi dùng âm nhạc nữ sắc cung phụng cho các người trong tôn

thất, dùng lời khéo léo thu phục các quan lớn quan nhỏ, ước với họ về một việc (tâu với chúa), nếu việc thành thì thăng tước, tăng lộc để khuyến khích họ, như vậy là (dùng thuật do bậc) cha anh.

Thuật thứ tư là nuôi tai ương

Thế nào là nuôi tai ương?

Đáp: Chúa thích có cung thất, đài và ao đẹp, thích gái đẹp, thích có chó ngựa tốt để giải buồn, đó là những tai ương của họ. Bề tôi dùng hết sức dân để xây cất, sửa sang cung thất, đài, ao cho đẹp, đánh thuế nặng để có gái đẹp, chó ngựa tốt làm cho chúa vui mà tâm trí hòa mê loạn; làm thỏa lòng muốn của chúa để nhân đó mưu lợi

riêng cho mình, như vậy là thuật nuôi tai ương.

Thuật thứ năm là do nhân dân

Thế nào là do nhân dân?

Đáp: Bề tôi làm hao tán của công để được lòng nhân dân, thi hành những ân huệ nhỏ để thu phục trăm họ, khiến cho triều đình, thành thị ai cũng khen mình, chúa bị che mắt, mà ước vọng cùa mình đạt được, như vậy là dùng thuật do nhân dân.

Thuật thứ sáu là ăn nói lưu loát

Thế nào là ăn nói lưu loát?

Đáp: Chúa vốn ở thâm cung, bị bế tắc về ngôn đàm, ít được nghe nghị luận, nên dễ bị thuyết phục. Bề tôi tìm hạng biện sĩ trong các nước chư hầu, nuôi những kẻ nói giỏi trong nước, dùng họ để thuyết về những việc riêng của mình, bằng những lời văn vẻ khéo léo, lưu loát, khi thì vạch cho chúa thấy cái lợi thế, khi thì đem tai họa ra dọa chúa, bày đặt ra để phá hoại chúa, như vậy là dùng thuật ăn nói lưu loát.

Thuật thứ bảy là dùng uy quyền và sức mạnh

Thế nào là dùng uy quyền và sức mạnh?

Đáp: Uy quyền và sức mạnh của vua chúa là do quần thần và trăm họ. Cái gì

quần thần và trăm họ cho là tốt thì vua cho là tốt, cái gì quần thần và trăm họ cho là không tốt thì vua cho là không tốt. Bề tôi tụ tập kẻ đeo gươm (tức bọn hiệp khách), nuôi hạng cảm tử để tỏ cái uy của mình, khiến cho bọn này thấy theo họ thì tất có lợi, không theo họ thì tất chết; do đó họ làm cho quần thần và trăm họ phải sợ họ mà đạt được mục đích riêng, như vậy là dùng quyền uy và sức mạnh.

Thuật thứ tám là do bốn phương

Thế nào là do bốn phương?

Đáp: Làm vua một nước, hễ nước nhỏ thì phải thờ nước lớn, binh lực yếu thì phải sợ binh lực mạnh. Nước lớn yêu sách điều

gì, nước nhỏ tất phải nghe; binh mạnh tấn công thì binh yếu tất phải hàng phục. Bề tôi đánh thuế nặng, dốc hết kho lẫm làm cho nước rỗng không để đem thờ nước lớn, rồi mượn uy nước lớn dụ dỗ vua mình; nặng thì xin nước lớn đem binh mạnh tụ họp ở biên giới để uy hiếp vua nước mình, nhẹ thì xin nước lớn sai người đi sứ làm chấn động vua mình, khiến vua sợ hãi, như vậy là thuật do bốn phương.

Do tám thuật đó mà bề tôi thành gian, vua chúa bị che mắt, hiếp đáp, mất quyền thế, cho nên bậc vua chúa phải lưu ý tới.

^¤^

Bậc minh quân:

- đối với các phi tần cung nữ, vui hưởng sắc đẹp của họ mà không làm

theo lời họ xin, không cho họ xin riêng cái gì cả;

- đối với kẻ tả hữu thì khi sai khiến họ, phải xét cách hành động của họ có hợp với lời nói của họ không, không cho họ nhiều lời, ngoài nhiệm vụ của họ mà cũng nói;

- đối với bậc cha anh, đại thần, dùng lời họ nhưng sau thấy lời không thích đáng (việc không thành) thì phạt, không để họ tự làm bậy;

- về các cung đài, châu báu, tất phải biết ở đâu ra, không để cho bề tôi tự ý dâng hay lấy đi, mà do đó họ đoán được sở thích của mỉnh;

- về việc thi ân đức thì lấy tiền bạc trong kho[289], phát lúa trong

lẫm để làm lợi cho dân tất phải có lệnh của vua, bề tôi không được thi ân riêng;

- về các lời thuyết nghị, nếu có ai được khen là tốt, bị chê là xấu thì phải xét xem người đó thực có tài năng, tội lỗi không, chứ không để cho quần thần tâng bốc, chê bai lẫn nhau;

- đối với dũng sĩ, nếu có quân công thì không quên thưởng cho xứng đáng, còn kẻ cậy sức mà gây lộn trong làng thì không tha tội, không để cho quần thần mưu tính chuyện riêng;

- về các yêu sách của chư hầu, nếu hợp pháp thì nghe không thì cự tuyệt. Ông vua mất nước không phải là ông vua không còn quốc gia, tuy còn đấy, nhưng không nắm được nó

nữa (thì cũng là mất). Cho bề tôi dựa vào nước ngoài, áp chế nước mình, như vậy vua tất suy vong. Nếu nghe lời nước lớn để cứu vãn nước mình thì còn mau suy vong hơn là không nghe họ, cho nên không nên nghe. Bề tôi biết vua không nghe lời nước lớn thì sẽ không kết nạp chư hầu ở ngoài; chư hầu biết vua không nghe lời mình[290] thì sẽ không kết nạp bọn bề tôi vu cáo vua.

^¤^

Bậc minh chủ, lập ra quan chức, tước lộc để tiến dụng người hiền tài, khuyến khích kẻ có công. Cho nên bảo: "Hễ hiền tài thì được có bổng lộc dồi dào, làm chức lớn; có công thì được tước cao, được

trọng thưởng”. Họ ước lượng tài năng của người giỏi rồi mới bổ nhiệm, ban lộc cho xứng với công, vì vậy mà người giỏi không mạo nhận những tài năng mình không có để thờ vua, người có công vui vẻ lập công thêm nữa, do đó mà mọi việc thành công. Nay thì không vậy. Vua chúa không phân biệt người giỏi người dở, chẳng kể bề tôi có công lao hay không, dùng những kẻ dựa vào uy thế của chư hầu, nghe lời thưa bẩm của kẻ tả hữu. Các bậc cha anh và đại thần xin vua tước lộc để bán cho kẻ dưới mà thu tiền của rồi lập bè đảng riêng. Vì vậy, kẻ có nhiều tiền thì mua quan chức để được sang, kẻ kết giao với bọn tả hữu của vua thì xin xỏ để gây quyền thế. Vua không biết tới các bề tôi có công lao, trong việc thăng quan giáng chức

lại lầm lẫn, bất công; kết quả là quan lại coi nhẹ chức vụ mà giao thiệp với nước ngoài, bỏ bê công việc mà lo làm tiền; người giỏi sinh ra biếng nhác, không gắng sức, kẻ có công chán ngán mà làm quấy quá cho xong. Cái thói của nước suy vong như vậy.

THIÊN XIV

GIAN KIẾP THÍ THẦN (trích)

(BỀ TÔI DÙNG MƯU GIAN ĐỂ HIẾP VÀ GIẾT VUA)

Ý nghĩa trong thiên này là phải dùng pháp luật, nghiêm hình để trị gian thần, chứ nếu dùng cái "ngu học" của Nho gia thì sẽ mất nước. Nội dung cũng giống các thiên ***Ngũ đố, Hiển học, Bát gian****. Có một đoạn ở giữa kể cái nguy của bọn sĩ dùng pháp thuật mà bị ghét và gièm pha, không liên lạc gì đến các đoạn trên và dưới; nên các học giả ngờ rằng ở*

thiên XIII - Hòa thị - sắp lộn vào đây.

Chúng tôi chỉ trích một đoạn 3 Hàn Phi đả Nho học và nửa đoạn 5 mạt sát chính sách dùng nhân nghĩa để trị dân.

^¤^

Các học giả ngu trên đời đều không hiểu tình hình trị loạn, cứ lảm nhảm tụng hoài các sách cổ, làm loạn sự cai trị hiện thời; trí lực của họ không đủ để tránh cái hố bẫy mà lại chê bậy các thuật sĩ (kẻ sĩ dùng pháp thuật), nghe lời họ thì nguy, dùng kế họ thì loạn, ngu tới vậy là cùng cực mà lại hại cùng tột bực. Họ với các thuật sĩ đều mang cái danh là biện sĩ, nhưng thực thì cách khác nhau cả ngàn vạn (dặm). Danh là một mà thực thì khác. Hạng người theo cái học ngu trên đời đó so với các thuật sĩ cũng như tổ kiến đùn so với gò

cao vậy, khác nhau xa lắc. Bậc thánh nhân xem sự thực của sự phải quấy, xét tình hình của sự trị loạn, cho nên trị nước thì minh định pháp luật, đặt ra hình phạt nghiêm khắc để cứu loạn cho quần chúng, trừ họa cho thiên hạ, khiến cho kẻ mạnh không lấn kẻ yếu, đám đông không hiếp đáp số ít, người già cả được hưởng hết tuổi trời, bọn trẻ con được nuôi lớn, biên giới không bị xâm phạm, vua tôi thân nhau, cha con bảo vệ nhau, không lo bị giết, bị giặc bắt hay cầm tù; đó cũng là cái công cực lớn vậy mà kẻ ngu không biết, cho là tàn bạo.

Kẻ ngu cũng muốn cho được trị đấy nhưng lại ghét cái làm cho trị; chúng ghét cái nguy đấy, nhưng cũng thích cái làm cho nguy. Làm sao biết được vậy? Hình phạt

nghiêm và nặng là cái dân ghét, nhưng nhờ đó mà nước trị; thương xót trăm họ, làm nhẹ hình phạt là cái dân thích nhưng vì đó mà nước nguy. Thánh nhân đặt pháp luật cho nước thì tất nghịch với đời mà thuận với đạo đức. Hiểu biết lẽ đó thì cứ theo điều nghĩa[291] không ngại khác thế tục. Trong thiên hạ số người hiểu lẽ đó mà ít thì điều nghĩa bị chê (mà thế tục thắng).

^¤^

Bọn học giả đời nay thuyết phục các vua chúa, không bảo: "Nên dùng cái thế uy nghiêm để làm khốn bọn bề tôi gian tà", mà đều bảo: "Chỉ nên dùng nhân nghĩa, huệ ái mà thôi". Bậc vua chúa đời nay quí cái "danh" là nhân nghĩa mà không xét cái "thực", cho nên (tai họa) lớn thì nước mất,

thân chết, nhỏ thì đất bị cướp, vua bị coi hèn. Làm sao biết rõ điều ấy? Thi ân cho kẻ cùng khốn, như vậy đời gọi là nhân nghĩa; thương xót trăm họ, không nỡ trừng phạt, như vậy đời gọi là huệ ái. Nhưng thi ân cho kẻ cùng khốn thì kẻ không có công được thưởng, không nỡ trừng phạt thì kẻ bạo loạn không ngừng làm bậy. Nước có kẻ không có công lao mà được thưởng thì dân, bên ngoài không lo việc cự địch, chém đầu giặc, bên trong không gấp ra sức canh tác, mà đều muốn dùng tiền của, hóa vật thờ kẻ giàu sang, làm việc thiện riêng, gây danh dự để được chức cao, lộc hậu. Vì vậy mà bọn bề tôi gian lo việc riêng càng đông mà bọn bạo loạn càng mạnh. Còn đợi gì nữa mà nước không mất? Hình nghiêm là cái dân sợ, phạt nặng là cái dân

ghét, cho nên thánh nhân bày cái dân sợ ra để cấm kẻ tà; lập ra cái dân ghét để phòng kẻ gian, nhờ vậy mà nước yên, bạo loạn không nổi dậy. Tôi xét vậy mà biết rõ rằng nhân nghĩa, huệ ái không dùng được mà nghiêm hình trọng phạt có thể trị nước được. Không có cái uy của cây roi, cái lợi ích của hàm thiếc thì dù là Tháo Phủ[292] cũng không trị được ngựa; không có cái qui cái củ để vẽ, dây mực để vạch, thì dù là Vương Nhĩ[293] cũng không làm được hình tròn hình vuông; không có cái thế uy nghiêm, cái phép thưởng phạt thì dù là Nghiêu, Thuấn cũng không làm cho nước bình trị được. Bậc vua chúa ngày nay đều khinh bỏ trọng phạt, nghiêm hình, để làm cho huệ ái, mà muốn lập sự nghiệp bá

vương thì cũng không thể được. Cho nên khéo trị nước thì làm sáng việc thưởng, đặt ra cái lợi để khuyến khích dân, khiến cho dân lập công để được thưởng chứ không mong được vua vì lòng nhân nghĩa mà ban ơn; đặt ra nghiêm hình, trọng phạt để cấm dân, khiến cho dân hễ có tội thì bị trừng phạt chứ không mong được vua vì lòng ân huệ mà tha cho. Như vậy kẻ không có công lao thì không mong được thưởng mà kẻ có tội thì không mong được tha. Ngồi xe có ngựa tốt thì đường bộ vượt được những hiểm trở trên dốc núi; cưỡi thuyền vững nắm cây chèo tốt thì đường thủy qua được thác ghềnh trên sông; nắm được pháp thuật; thi hành trọng phạt nghiêm minh thì lập được sự nghiệp bá vương. Trị nước mà dụng pháp thuật, thưởng phạt thì như trên

bộ có xe chắc ngựa tốt, trên thủy có thuyền nhẹ, chèo tốt, tất phải thành công.

THIÊN XIX

SỨC TÀ (trích)

(TÔ ĐIỂM SỰ GIAN TÀ)

Trong phần I chúng tôi đã nói thiên này có nhiều điểm đáng ngờ rằng người đời sau ngụy tác; tuy nhiên những ý chính đều hợp với chủ trương của Pháp gia. Chúng tôi chỉ trích dịch đoạn đầu: Đừng tin sự bói toán và đừng trông cậy vào chư hầu; bỏ ba đoạn sau nói về pháp luật, thưởng phạt mà trong các thiên khác Hàn Phi đã bàn quá nhiều rồi.

^¤^

Nước Triệu bói mai rùa, cỏ thi, được quẻ "đại cát" (rất tốt) bèn tấn công nước Yên (năm -242). Yên bói mai rùa cỏ thi, được quẻ "đại cát" bèn tấn công Triệu. Kịch Tân thờ Yên, không có công mà nước Yên nguy[294]; Trâu Diễn thờ Yên, không có công mà đạo nước không còn[295]. Triệu trước thắng Yên, sau lại thắng Tề, tuy loạn mà khí tiết vẫn còn cao, tự cho mình ngang hàng với Tần. Không phải là vì mai rùa của Triệu linh mà mai rùa của Yên không linh[296].

(Vả lại) Triệu cũng đã có lần bói mai rùa cỏ thi về việc đem quân lên phía Bắc tính cướp nước Yên để cự Tần (năm -236) được quẻ "đại cát". Nhưng Triệu mới bắt

đầu đánh Đại Lương thì Tần đã đánh Thượng Đảng[297]; khi binh Triệu đến đất Lý (ở Yên) thì Triệu đã mất sáu thành về Tần; khi họ đến Dương Thành thì Tần đã chiếm đất Nghiệp[298]; Bàng Viên[299] vội kéo binh trở về Nam thì các thành để bảo vệ (ở đất Nghiệp) đã mất về Tần hết rồi. Vì vậy mà thần (tức Hàn Phi)[300] bảo mai rùa ở Triệu nếu không biết được rằng đánh Yên không thắng thì cũng phải biết rằng cự Tần là có hại chứ. Tần được quẻ đại cát mà thực sự đã mở rộng được đất đai, lại thêm cái danh là cứu được Yên. Triệu cũng được quẻ đại cát mà đất bị cướp, binh bị nhục, vua[301] buồn rầu mà chết. Lại cũng không phải mai rùa của

Tần linh mà của Triệu không linh.

Mới đầu, nước Ngụy trong mấy năm quay về phía Đông, chiếm hết đất Đào và nước Vệ; rồi sau trong mấy năm quay về hướng Tây mà mất đất về Tần. Như vậy không phải là vì các sao (tốt) Phong long, Ngũ hành (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ), Thái ất, Vương tương, Nhiếp đề, Lục thần, Ngũ quát, Thiên hà, Ân thương, Tuế tinh trong mấy năm ở về phương Tây cả[302] cũng không phải các sao (xấu) Thiên khuyết, Hồ nghịch, Hinh đinh, Huỳnh hoặc, Khuê, Thai, trong mấy năm đều ở phương Đông cả[303].

Vì vậy thần báo: Mai rùa cỏ thi, quỉ thần không đủ cho ta luận được sẽ thắng hay không; các sao ở bên phải, bên trái,

sau lưng, trước mặt[304] không đủ cho ta quyết định nên ra quân hay không. Nếu ỷ vào đó thì không gì ngu bằng.

Xưa các đấng tiên vương hết sức thân dân và làm sáng tỏ pháp luật. Pháp luật sáng tỏ thì trung thần hăng hái, hình phạt cương quyết thì gian thần ngừng lại. Trung thần hăng hái, gian thần ngừng lại, mà đất mở rộng, vua được tôn, đó là trường hợp nước Tần. Quần thần kết bè đảng để che giấu chính đạo, làm việc cong queo riêng tư, đất bị cướp, vua bị khinh, đó là trường hợp lục quốc (Yên, Triệu, Hàn, Ngụy, Tề, Sở) ở phía đông núi Hoa. Yếu, loạn thì mất, thế thường con người là vậy; mạnh, trị thì lập được nghiệp vương, đạo từ thời xưa là vậy. Việt vương Câu Tiễn tin con

rùa đại bằng (rùa thiêng của đất Việt), đánh nhau với nước Ngô, không thắng, phải đem thân làm bề tôi, hầu hạ vua Ngô; sau được trở về nước thì bỏ rùa, làm sáng tỏ pháp luật, thân dân để mưu tính việc trả thù nước Ngô, kết quả là bắt được Ngô vương Phù Sai. Vậy ỷ vào quỉ thần thì bỏ bê pháp luật.

Mà ỷ vào chư hầu thì nước sẽ nguy. Nước Tào[305] ỷ vào nước Tề mà không nghe nước Tống, khi Tề đánh nước Kinh (Sở) thì Tống diệt Tào; nước Hình[306] ỷ vào nước Ngô mà không nghe nước Tề, khi Việt đánh Ngô thì Tề diệt Hình; nước Hứa ỷ vào nước Kinh mà không nghe nước Ngụy, khi Kinh đánh Tống thì Ngụy diệt Hứa; nước Trịnh ỷ vào nước Ngụy mà

không nghe nước Hàn, khi Ngụy đánh Kinh thì Hàn diệt Trịnh.

Nay nước Hàn nhỏ mà ỷ vào nước lớn, nhà vua bỏ bê (pháp luật) mà nghe Tần, Ngụy, ỷ vào Tề, Kinh thì càng mau mất nữa[307]. Ỷ vào người, không đủ để mở rộng đất đai, Hàn không thấy vậy. Kinh nhân đánh Ngụy mà tấn công luôn cả Hứa, Yên (đồng minh của Ngụy). Tề đánh Nhiệm và Hồ mà cướp đất của Ngụy, nhưng điều đó không đủ để cứu Trịnh[308], Hàn không biết vậy. Các nước đó[309] đồng không làm sáng tỏ pháp luật, cấm lệnh để trị nước, cứ ỷ vào nước ngoài mà khiến cho xã tắc bị diệt. (**Bỏ từ đây**)

THIÊN XLVII

BÁT THUYẾT (trích)

(TÁM ĐIỀU)

Nhan đề Bát thuyết (tám điều, tức tám hạng người không nên dùng) chỉ đúng với đoạn đầu; ba đoạn sau (lập pháp phải tùy thời, không thể trị nước bằng nhân ái được, đừng giao quyền cho bề tôi) không liên lạc gì với đoạn đầu mà cũng không liên lạc gì với nhau; vậy thiên này chỉ là một thiên tạp luận. Chúng tôi sẽ trích trọn đoạn đầu; vài câu trong đoạn 2 về thuyết "tam thế", và

phần đầu đoạn 4: Pháp luật phải rõ ràng, vua phải phán đoán lấy, quyết định lấy mọi việc.

^¤^

Vì người quen cũ mà làm việc riêng thì gọi là người không bỏ bạn; đem của công ra bố thí thì gọi là người nhân; khinh bổng lộc, trọng thân mình thì gọi là quân tử; uốn cong pháp luật vì người thân thì gọi là người có tình nghĩa[310]; bỏ chức quan mà thích giao du thì gọi là người hào hiệp; lánh đời trốn vua thì gọi là người cao ngạo; tranh thắng với người trên, làm trái lệnh trên, thì gọi là người cứng cỏi; thi ân để lấy lòng mọi người thì gọi là người được lòng dân.

Nhưng có người không bỏ bạn thì có

quan lại gian; có người nhân thì hao tổn của công; có quân tử thì dân khó sai khiến; có người tình nghĩa thì pháp chế bị hủy bỏ; có người hào hiệp thì quan chức bỏ trống; có người cao ngạo thì dân không làm nhiệm vụ; có người cứng cỏi thì lệnh không thi hành; có người được lòng dân thì vua cô độc. Tám hạng người được thế tục khen đó là cái hại lớn của vua chúa, mà tám hạng người ngược lại, bị thế tục chê, là cái lợi chung của vua chúa. Bậc vua chúa không xét cái lợi hại của xã tắc, dùng hạng người được thế tục khen mà muốn cho nước không nguy loạn là điều không thể được.

Bổ nhiệm người làm việc là cái then chốt của sự tồn vong, trị loạn. Không có thuật để bổ nhiệm thì sẽ luôn luôn thất bại.

Bậc vua chúa khi bổ nhiệm ai, nếu không lựa người có tài trí thì lựa người có đức; bổ nhiệm họ tức là cho họ có quyền hành. Nhưng kẻ sĩ có tài trí chưa nhất định đã đáng tin; vua thấy họ có tài trí mà không biết rằng họ vị tất đã đáng tin, nếu họ dùng mưu trí, dựa vào quyền hành của chức vụ, mà làm việc riêng tư thì vua tất bị gạt. Vì kẻ có tài trí chưa đáng tin, nên vua lại bổ nhiệm kẻ sĩ có đức. Bổ nhiệm ai là cho người đó quyết đoán công việc[311]. Nhưng kẻ sĩ có đức chưa nhất định là có tài trí, vua thấy họ giữ mình cho liêm khiết mà không biết rằng họ vị tất đã có tài trí. Kẻ ngu hôn ám mà giao cho một chức quan, để họ quyết định công việc, họ quyết định bậy mà cho là đúng[312] thì công

việc tất phải rối loạn. Do đó, không có thuật, mà bổ nhiệm người tài trí thì vua bị gạt, bổ nhiệm người có đức thì việc rối loạn, cái hại không có thuật như vậy.

Cái đạo minh quân là người hèn được quyền tố cáo việc gian của người sang, thượng cấp có tội, thuộc hạ không tố cáo thì bị liên lụy; vua muốn biết rõ sự thực thì phải tham bác ý kiến nhiều người, không nên chuyên nghe lời một người; như vậy kẻ sĩ tài trí mới không gạt vua được. Xét công rồi mới thưởng, lượng tài năng rồi mới giao việc, xét kỹ đầu đuôi, xem sự thành bại, kẻ có lỗi thì trị tội, kẻ có tài năng thì dùng; như vậy kẻ ngu sẽ không được bổ nhiệm. Kẻ có tài trí không dám gạt vua, kẻ ngu không được quyết đoán thì công việc không hỏng.

Cái gì mà kẻ sĩ có óc tinh tế[313] mới biết được thì không nên ban làm lệnh, vì không phải người dân nào cũng có óc tinh tế cả. Cái gì mà bậc hiền[314] mới làm được thì không nên dùng phép tắc, vì không phải người dân nào cũng hiền cả. Dương Chu, Mặc Địch là những người được coi là có óc tinh tế trong thiên hạ, nhưng họ gặp[315] thời loạn mà rốt cuộc không làm cho hết loạn được, cho nên tuy họ có óc tinh tế cũng không thể dùng làm chức trưởng quan được[316]. Bảo Tiêu và Hoa Giác[317] là những người được coi là bậc hiền nhưng Bảo Tiêu thì chết như cây khô, Hoa Giác thì nhảy xuống sông,

cho nên tuy họ là bậc hiền mà không thể dùng họ để cày ruộng, đánh giặc được. Vì vậy bậc vua chúa chỉ xem trọng[318] kẻ sĩ nào trổ hết tài hùng biện của họ, chỉ tôn kẻ sĩ nào có tài năng làm hết công việc của họ. Ngày nay bậc vua chúa xem trọng lời biện thuyết vô dụng, tôn những hành động không có công dụng; như vậy mà muốn cho nước giàu mạnh thì không thể được.

Học rộng mà hùng biện, sáng suốt (biện trí) thì như Khổng, Mặc, nhưng Khổng, Mặc không cày bừa thì nhờ họ được gì đâu? Luyện đức hiếu, ít ham muốn thì như Tăng Sâm, Sử Ngư, nhưng Tăng Sâm, Sử Ngư không ra trận thì có lợi gì cho nước đâu? Người dân thường có cái lợi riêng, bậc vua chúa có cái lợi chung. Không làm

lụng mà đủ ăn, không làm quan mà hiển danh, đó là lợi riêng. Chấm dứt văn học mà làm sáng pháp độ, ngăn chặn tư lợi, nhất thiết tước lộc đều do có công mới được, đó là cái lợi chung. Ban bố pháp luật để dẫn dắt mà lại còn quí văn học thì dân còn nghi ngờ khi tuân theo pháp luật; thưởng công để khuyến khích dân mà lại còn trọng sự sửa đức thì dân sẽ biếng nhác trong việc sản xuất. Quí văn học để cho dân nghi pháp lệnh, trọng đức hạnh, khiến cho việc lập công không do một đường (là làm ruộng đánh giặc) nữa, mà muốn cho nước giàu mạnh thì không thể được.

^¤^

Người đời (thượng) cổ gấp lo về đức hạnh, người đời trung cổ[319] ganh nhau

về trí, người đời nay tranh nhau về sức mạnh. Thời thượng cổ ít việc mà sự thiết bị đơn giản, chất phác thô lậu mà không tinh cho nên mài vỏ trai lớn để giẫy cỏ, dùng xe bánh không có tay hoa[320]. Thời thượng cổ người ít mà thân nhau, tài vật nhiều, nên người ta khinh cái lợi mà dễ nhường nhau, do đó mới có việc vái nhau mà nhường thiên hạ[321]. Nhưng thi hành chính sách vái nhường, đề cao lòng từ huệ và giảng đạo nhân hậu đều là thứ chính trị chất phác[322] cả. Sống ở thời nhiều việc mà dùng những khí cụ của thời ít việc, không phải là cách xử sự của người có trí. Giữa cái đời tranh nhau gay gắt mà theo lối vái nhường, không phải là phép trị nước của thánh nhân. Cho nên người có trí

không ngồi cỗ xe bánh không có tay hoa, thánh nhân không thi hành chính sách chất phác. Sách mà giản ước thì (khó hiểu mà) học trò tranh biện (về ý nghĩa trong sách); pháp luật mà tỉnh lược thì dân chúng hay tranh tụng. Vì vậy sách của thánh nhân nghị luận tất rõ ràng, pháp luật của mình chủ ghi việc tất tường tận. Hết sức suy nghĩ, tính trước sự đắc thất, thì người trí (cũng) cho là khó; không cần suy nghĩ (tính trước), cứ nắm lấy lời nói lúc đầu mà xét xem công việc làm về sau có hợp với lời nói đó không (để biết người nói có tài năng hay không), thì kẻ ngu cũng thấy là dễ. Bậc minh chủ làm theo cách kẻ ngu cho là dễ mà không dùng cách người trí cho là khó, vì vậy không dùng trí lự mà nước trị. Không dùng lưỡi để phán đoán các vị chua

ngọt mặn nhạt mà để cho người đầu bếp quyết định thì người bếp sẽ coi thường vua mà trọng đầu bếp; không dùng tai để phán đoán các thanh bổng trầm trong đục mà để cho nhạc trưởng quyết định thì nhạc công[323] sẽ coi thường vua mà trọng nhạc trưởng. Không dùng thuật để phán đoán việc trị nước phải hay quấy mà để cho kẻ được sủng ái quyết định thì bề tôi sẽ coi thường vua mà trọng kẻ được sủng ái. Bậc vua chúa không đích thân xem và nghe mà để người dưới quyết đoán mọi việc thì chỉ là kẻ ăn nhờ trong nước (**Bỏ từ đây**).

THIÊN XV

VONG TRƯNG

(ĐIỀM MẤT NƯỚC)

1. Hễ nước của vua nhỏ mà thái ấp của đại phu lớn, quyền vua nhẹ mà thế của bề tôi nặng thì có thể mất nước.

2. Bỏ pháp luật, cấm lệnh mà chuyên dùng mưu trí, trễ nải việc nội chính mà trông vào ngoại viện thì có thể mất nước.

3. Quần thần chăm giảng học, con em các đại phu thích diễn thuyết, con

buôn lo tích trữ ở ngoài, dân nghèo khốn đốn ở trong thì có thể mất nước.

4. Vua thích cung thất, đài tạ[324], đồi ao, ham xe ngựa, y phục, ngoại vật[325], khiến trăm họ lao khổ, tài sản cháy rụi (khô kiệt) thì có thể mất nước.

5. Coi ngày giờ (tốt xấu), thờ quỉ thần, tin bói toán, thích cúng tế thì có thể mất nước.

6. Nghe lời kẻ có chức tước, không tham khảo lời nói của nhiều người, lệnh ban xuống và lời tâu lên đều phải qua một người thì có thể mất nước.

7. Quan chức có thể nhờ người có

thế lực mà có, tước lộc có thể nhờ hối lộ mà được thì có thể mất nước.

8. Trì hoãn khiến việc không thành, nhu nhược mà không quyết đoán, lúc yêu lúc ghét, lập trường không nhất định thì có thể mất nước.

9. Tham lam không biết chán, chỉ ham lợi mà muốn được thì có thể mất nước.

10. Ham lạm dụng hình phạt mà không theo pháp luật, thích biện thuyết mà không cầu thực dụng, say mê hư văn, không xét xem có công hiệu hay không thì có thể mất nước.

11. Nông nổi, để người ta thấy lòng dạ mình, tiết lộ điều bí mật mà không giấu được, đem lời nói của

quần thần kể lại cho người khác nghe thì có thể mất nước.

12. Hung hãn, không hòa nhã, ương ngạnh không nghe lời can gián mà hiếu thắng, không nghĩ tới quốc gia, khinh suất tự tín thì có thể mất nước.

13. Ỷ vào sự kết giao, viện trợ (của nước xa) mà khinh thường các nước láng giềng gần, trông vào sự cứu giúp của nước lớn mà khiêu khích nước sát nách với mình thì có thể mất nước.

14. Để bọn cư sĩ kiều cư nước mình nhận nhiều tiền hối lộ của nước ngoài, trên thì bàn mưu kế với vua, dưới thì tiếp xúc với dân, như vậy có thể mất nước.

15. Dân không tín nhiệm tướng quốc, kẻ dưới không yêu quí bề trên, mà vua vẫn tin yêu không phế bỏ ông ta thì có thể mất nước.

16. Không dùng hào kiệt trong nước mà tìm và phong kẻ sĩ nước ngoài, không trắc nghiệm bằng công lao mà thích căn cứ vào danh vọng để cử dụng hay truất bỏ, bọn du sĩ kiều cư đột nhiên được tôn quí, lấn các bề tôi cố cựu, như vậy có thể mất nước.

17. Khinh đích tử (con trưởng, tức thái tử), coi ngang hàng với con thứ, (hoặc) ngôi thái tử chưa định mà vua đã qua đời thì có thể mất nước.

18. Không thận trọng[326] mà không biết hối hận, nước loạn mà tự

cho mình là hiền tài, không lượng thực lực trong nước mà khinh thị kẻ địch ở bên cạnh, thì có thể mất nước.

19. Nước nhỏ mà không xử nhũn, sức yếu mà không kiêng nước mạnh, vô lễ mà khinh lờn nước láng giềng mạnh, tham lam, ương ngạnh, vụng giao thiệp, thì có thể mất nước.

20. Đã lập thái tử rồi mà còn cưới vợ từ nước địch mạnh, lập làm hoàng hậu thì thái tử nguy, quần thần sinh ra nghi ngờ, suy nghĩ, thì có thể mất nước.

21. Khiếp nhược, cam phận, tuy sớm thấy mối họa mà vì nhu nhược, không ngăn cấm được, tuy biết rằng việc có thể làm được mà không dám làm, thì có thể mất nước.

22. Vua còn lưu vong tại nước ngoài, trong nước lập vua khác; thái tử làm con tin ở nước ngoài chưa về mà vua lập thái tử khác thì trong nước chia rẽ, như vậy có thể mất nước.

23. Làm nhục đại thần, sau lại thân cận với họ, trừng phạt nặng dân nhỏ, tàn ngược với họ[327], họ bị nhục, bị ngược đãi, sẽ nuôi lòng oán hận mà lại được gần vua thì tất âm mưu ám hại vua, như vậy có thể mất nước.

24. Có hai đại thần quyền cao ngang nhau, bậc cha anh có nhiều người mạnh thì ở trong họ sẽ kết bè đảng, ở ngoài sẽ cầu ngoài viện để

tranh việc, giành thế lực, như vậy có thể mất nước.

25. Nghe lời tì thiếp, dùng mưu trí của bọn sủng thần, khiến trong ngoài đều buồn hận, mà lại thường làm những điều trái pháp luật, thì có thể mất nước.

26. Khinh rẻ, làm nhục đại thần, vô lễ với bậc cha anh, làm cho dân chúng lao khổ, giết hại kẻ vô tội, thì có thể mất nước.

27. Thích dùng trí thông minh của mình để sửa đổi pháp luật, lại hay xen lẫn việc riêng vào việc công, thay đổi pháp luật hoài, lệnh bất nhất thì có thể mất nước.

28. Không có địa thế hiểm yếu,

thành quách lại không kiên cố, không tích trữ, tài vật ít không chuẩn bị việc phòng vệ mà lại khinh suất tấn công nước khác, thì có thể mất nước.

29. Dòng giống (nhà vua) không thọ, vua thường chết yểu, trẻ con lên nối ngôi, đại thần chuyên chế, nuôi ngoại kiều để gây đảng, thường cắt đất để kết giao cầu viện, thì có thể mất nước.

30. Thái tử được tôn hiển, có bộ hạ nhiều và mạnh, hay kết giao với nước lớn, sớm có đủ uy thế, thì có thể mất nước.

31. Lòng dạ hẹp hòi, nóng nảy, nông nổi dễ xúc động, lúc giận dữ thì không nghĩ trước nghĩ sau, như vậy có thể mất nước.

32. Vua hay nổi giận mà thích dùng binh, lơ là nghề gốc (nghề nông) và việc luyện binh mà khinh suất tấn công thì có thể mất nước.

33. Các quí nhân (bậc cha anh nhà vua) ganh ghét nhau, bọn đại thần có thế lực lớn, bên ngoài dựa vào nước địch, bên trong làm khốn khó trăm họ, để đả kẻ thù riêng, mà vua không trừng phạt, thì có thể mất nước.

34. Vua bất tiểu mà em thuộc dòng trắc thất (vợ lẽ của cha) lại hiền, thái tử bị khinh mà thứ tử bình đẳng với thái tử, quan lại nhu nhược mà nhân dân khó chế ngự thì nước hỗn loạn có thể mất nước.

35. Giấu nỗi giận không cho phát ra, treo tội đó không phạt ngay, khiến

cho bề tôi vừa thầm oán vừa thêm sợ, (hồi hộp) lâu mà không biết thân phận sẽ ra sao, như vậy có thể mất nước.

36. Tướng cầm quân có quyền lớn quá, quan giữ biên cương được tôn quá, họ chuyên chế, tự ý hành động, không xin lệnh của vua, thì có thể mất nước.

37. Hoàng hậu dâm loạn, thái hậu ô uế (không trinh tiết), người ngoài hỗn loạn ra vào cung cấm, trai gái không phân biệt, như vậy gọi là "có hai vua", có thể mất nước.

38. Hoàng hậu bị khinh mà tì thiếp được quí, thái tử bị biếm, mà thứ tử được tôn, tướng quốc bị khinh mà quan điển yết[328] được trọng,

như vậy thì trong ngoài khác nhau, có thể mất nước.

39. Đại thần quyền thế lớn quá, bè đảng đông và mạnh, ngăn cản quyết đoán của vua mà chuyên quyền trị nước, thì có thể mất nước.

40. Dùng tư nhân của đại thần làm quan, truất bỏ con cháu các chiến sĩ, cất nhắc người được làng xóm khen mà phế bỏ các quan chức có công lao với nước, trọng tứ đức mà coi nhẹ công với nước, thì có thể mất nước.

41. Nhà công trống rỗng mà nhà đại thần đầy (của cải), dân trong nước nghèo khổ mà kiều dân giàu có, kẻ làm ruộng và đánh giặc khốn cùng còn kẻ làm nghề ngọn (công và thương) thì có lợi, như vậy có thể mất

nước.

42. Thấy lợi lớn mà không sấn tới, biết có mầm họa mà không đề phòng, trễ nải việc tranh thủ, mà dùng nhân nghĩa để tự trau dồi thì có thể mất nước[329].

43. Không theo cái hiếu của bậc vua chúa mà hâm mộ cái hiếu của dân thường[330], không nghĩ tới cái lợi của quốc gia mà tuân theo mệnh lệnh của mẫu hậu, để cho đàn bà nắm chính quyền, bọn hoạn quan điều khiển việc nước, như vậy có thể mất nước.

44. Lời nói thì hay mà không theo pháp độ, lòng có trí mưu mà không có thuật, vua đa tài mà không dùng pháp

độ để làm việc thì có thể mất nước.

45. Bề tôi mới thì được tiến dụng, bề tôi cũ phải lui về, kẻ bất tiếu được dùng, người hiền lương phải ở ẩn, kẻ không có công lao được quí hiển mà kẻ lao khổ chịu cảnh thấp hèn, như vậy thì kẻ dưới sẽ oán hận, mà có thể mất nước.

46. Các bậc cha anh và đại thần, lộc và trật lớn hơn công lao, y phục vượt đẳng cấp của họ, cung thất và sự cung dưỡng quá xa xỉ mà vua không cấm, như vậy bề tôi tất tham lam không biết đâu là cùng, mà có thể mất nước.

47. Rể và cháu của vua ở cùng xóm với dân mà tàn bạo, ngạo mạn với hàng xóm thì có thể mất nước.

^¤^

"Điềm mất nước" không có nghĩa là nhất định sẽ mất nước mà có nghĩa là có thể mất nước. Hai ông Nghiêu không thể làm cho nhau cùng dựng được nghiệp vương, hai ông Kiệt không thể làm cho nhau cùng mất nước. Cái cơ mất nước và dựng nghiệp vương tất phải do (cùng một lúc có) một nước trị một nước loạn, một nước mạnh một nước yếu, khác nhau xa. Cây mà gẫy là do sâu mọt, tường mà đổ là do kẽ nứt. Nhưng cây tuy bị sâu mọt mà không có gió mạnh thì cũng không gẫy; tường tuy có kẽ nứt mà không có mưa to thì cũng không đổ. Ông vua một nước vạn cỗ xe mà biết thi hành pháp thuật, làm gió mưa đối với các ông vua có điềm mất nước thì việc thôn tính thiên hạ không có

gì là khó.

THIÊN XXX

NỘI TRỪ THUYẾT THƯỢNG – THẤT THUẬT (trích)

(CÁC THUẬT ĐỂ DÀNH MÀ DÙNG – THIÊN NỘI, THƯỢNG – BẢY THUẬT)

*Đây là thiên đầu trong một loạt sáu thiên mang chung một nhan đề: T**rừ thuyết**; nghĩa là những "thuyết", những quy tắc, những thuật để dành (trừ) mà dùng trong việc trị nước.*

Có hai thiên "nội": Thượng (XXX) và hạ (XXXI) với bốn thiên "ngoại": Tả

*thượng (XXXII) và tả hạ (XXXIII), hữu thượng (XXXIV), hữu hạ (XXXV). Những chữ thượng, hạ, tả, hữu chỉ để đánh số thứ tự. Còn hai chữ nội và ngoại thì có sách giảng rằng: **Nội** là những thuật liên quan tới việc bên trong, tức việc chế ngự bề tôi; **ngoại** là những thuật liên quan tới việc bên ngoài, tức việc quan sát lời nói và hành vi của bề tôi để dùng họ, thưởng hay phạt họ. Chúng tôi nghĩ cách giảng đó gượng ép vì thưởng phạt cũng là một cách chế ngự bề tôi. Cho nên chúng tôi theo thuyết của Dực Xuế: **Nội** và **ngoại** cũng chỉ để đánh số (như trong Trang Tử có **Nội thiên** và **Ngoại thiên**) chứ không có ý nghĩa gì cả.*

Cả sáu thiên đều chắc chắn là của Hàn Phi, đều chép những thuật để trị

*nước (chép một cách lộn xộn, trừ hai thiên Nội là hơi có thứ tự) và đều có một lối trình bày đặc biệt, không giống các thiên khác: Mới đầu Hàn Phi đưa ra các quy tắc, các thuật, dẫn chứng vắn tắt nên khó hiểu, phần đó gọi là **kinh**; khi đưa ra hết các quy tắc, tức hết phần kinh rồi, mới tới phần **truyện**, tức phần giải thích rõ ràng các chỗ dẫn chứng trong phần kinh.*

Sáu thiên đó rất dài và rườm, nhiều chỗ ý giống nhau, dịch hết thì phải trên một trăm trang, nên chúng tôi dịch trọn thiên XXX, còn những thiên khác thì chỉ dịch hết các thuật trong phần kinh, và lựa một số cố sự trong phần truyện thôi. Cố sự nào để giải thích kinh nào thì chúng tôi để ngay sau kinh đó, chứ không

theo cách trình bày trong nguyên tác: Gom hết các kinh lên trên và tách hết các truyện (cố sự) ra, đặt xuống dưới. Để phân biệt tôi cho in phần kinh bằng chữ ngả.

^¤^

Trong thiên XXX này, Hàn Phi đưa ra bảy thuật (bảy kinh):

Kinh 1. Tham khảo ý kiến

Không tham khảo nhiều ý kiến thì không biết được thực tình. Nếu chỉ nghe, tin một người thôi (cũng như vô nhà chỉ do một cửa) thì bề tôi sẽ che lấp vua. Thuật này rút từ:

a/ Truyện người (hề) lùn mộng thấy bếp;

b/ Lời của Ai công: "Không mưu tính với nhiều người thì sẽ mê hoặc";

c/ Truyện người nước Tề thấy Hà Bá;

d/ Lời Huệ tử bảo: "mất phân nửa số người".

Cái hại sẽ như:

đ/ Thúc Tôn bị Thụ Ngưu bỏ đói;

e/ Lời Giang Ất nói về tục nước Kinh;

g/ Vệ Tự công muốn trị nước mà không biết cách khiến cho thế lực của đại thần và sủng phi ngang nhau.

Bởi vậy bậc minh chủ phải:

h/ Biết chứa sắt (đề phòng mũi tên bắn vào nhà);

i/ Xét mối lo chợ có cọp.

*

Truyện 1a)

Thời Vệ Linh công, Di Tử Hà được vua yêu nên chuyên quyền ở Vệ. Một người (hề) lùn yết kiến Linh công, tâu:

- Giấc mộng của thần đã ứng nghiệm.

Công hỏi:

- Mộng thấy gì?

(chỗ này sắp chữ thiếu, đại khái người hề lùn nói mộng thấy bếp).

Công giận, bảo:

- Ta nghe nói sắp gặp vua thì mộng thấy mặt trời. Sao ngươi trước khi yết kiến quả nhân lại mộng thấy bếp?

- Mặt trời chiếu khắp một nước, không người nào làm khuất được; vì vậy mà khi sắp gặp vua mới mộng thấy mặt trời. Còn bếp, một người đứng nấu (phía trước) thì

người phía sau không thấy lửa nữa. Hoặc giả có một người nào đó[331] che khuất nhà vua chăng? Nếu vậy thì thần mộng thấy bếp, cũng là phải đấy chứ?

Truyện 1b)

Lỗ Ai Công hỏi Khổng Tử:

- Không cùng nhiều người mưu tính thì sẽ mê hoặc. Nay quả nhân làm việc gì cũng bàn tính với quần thần mà nước càng loạn thêm là tại làm sao?

Khổng tử đáp:

- Bậc minh chủ hỏi quần thần thì có một người biết lại có một người không biết, như vậy là minh chủ ở trên, quần thần thẳng thắn bàn luận ở dưới. Nay quần thần đều răm rắp nói theo Quí Tôn[332] thành

thử cả nước hóa là một, dù nhà vua có hỏi khắp người trong nước, nước cũng không khỏi loạn được.

^¤^

Một thuyết khác bảo[333]:

Khi Án Tử[334] qua thăm nước Lỗ, Ai Công cũng hỏi:

- Ngạn ngữ có câu: "Không có ba người cùng mưu tính thì sẽ mê hoặc". Nay quả nhân cùng với mọi người trong nước mưu tính mà nước Lỗ không khỏi loạn là sao?

Án Tử đáp:

- Người xưa bảo "không có ba người cùng mưu tính thì sẽ mê hoặc" là vì có một người sai thì có hai người tính đúng, ba

người đủ thành số đông rồi. Cho nên mới bảo: "không có ba người cùng mưu tính thì sẽ mê hoặc". Nay bề tôi nước Lỗ có hàng trăm, hàng ngàn mà đều nói theo ý riêng của họ Quí, như vậy số người tuy đông nhưng cũng chỉ là có một người nói, đâu được tới ba?

Truyện 1c)

Có người nước Tề tâu với vua Tề: "Hà Bá[335] là một vị thần lớn, sao đại vương không thử gặp ngài? Thần có thể làm cho đại vương gặp được". Rồi lập đàn trên sông lớn, cùng với vua Tề đứng trên đàn. Một lát sau, một con cá lớn quẫy lên, anh ta bảo: "Hà Bá đấy".

Truyện 1d)

Trương Nghi muốn mượn thế của Tần,

Hàn, và Ngụy để đánh Tề, Kinh (Sở), mà Huệ Thi muốn Tề, Kinh giúp để ngưng chiến. Hai người tranh luận với nhau. Các quần thần và tả hữu đều theo chủ trương của Trương Nghi, cho việc đánh Tề, Kinh là có lợi, mà không nghe lời của Huệ tử. Vua nghe lời Trương Nghi, cho lời Huệ tử là không thi hành được. Việc đánh Tề và Kinh đã quyết định, Huệ tử vô yết kiến vua. Vua bảo:

- Tiên sinh đừng nên nói thì hơn. Việc đánh Tề và Kinh quả là có lợi, cả nước đều nghĩ như vậy.

Huệ tử nhân đó mới tâu:

- Cần phải xét kỹ. Nếu việc đánh Tề, Kinh quả thực có lợi mà cả nước đều cho là có lợi thì sao người trí đông được đến thế! Sở dĩ phải bàn tính là vì còn nghi ngờ;

nếu quả thực có sự nghi ngờ thì tất phân nửa cho là nên, phân nửa cho là không nên. Nay cả nước cho là nên, tức thị là nhà vua mất phân nửa người (đưa ý kiến) rồi đó. Chúa bị lấn hiếp nên mới mất phân nửa người như vậy.

Truyện 1đ)

Thúc Tôn làm tướng quốc nước Lỗ, chức cao và chuyên quyền. Một người được ông ta yêu tên là Thụ Ngưu cũng tự chuyên, lạm dụng mệnh lệnh của ông. Con trai Thúc Tôn tên là Nhâm bị Thụ Ngưu ghét, muốn giết. Một hôm Thụ Ngưu cùng với Nhâm vô chơi trong cung vua Lỗ, vua Lỗ ban cho Nhâm một chiếc vòng ngọc. Nhâm vái nhận mà không dám đeo, nhờ Thụ Ngưu xin phép cha để đeo. Thụ Ngưu nói gạt cậu ta: “Tôi đã xin phép cho cậu

rồi, ngài bảo cậu đeo đi". Nhâm bèn đeo. Thụ Ngưu nhân đó bảo Thúc Tôn: "Sao ngài không dắt cậu Nhâm yết kiến vua?". Thúc Tôn đáp: "Nó còn con nít, không đáng cho yết kiến". Thụ Ngưu nói: "Cậu Nhâm đã mấy lần yết kiến vua, vua ban cho vòng ngọc, cậu đã đeo". Thúc tôn gọi Nhâm về, thấy Nhâm đeo vòng ngọc thật, ông nổi giận giết Nhâm.

Anh của Nhâm là Bính, cũng bị Thụ Ngưu ghét, muốn giết, Thúc Tôn đúc cho Bính một cái chuông, đúc xong Bính không dám đánh, nhờ Thụ Ngưu xin phép cho đánh. Thụ Ngưu không xin giùm, lại nói gạt cậu ta là: "Tôi đã xin phép cho cậu rồi đấy, ngài bảo cứ đánh đi". Thúc Tôn nghe tiếng chuông bảo: "Thằng Bính không xin phép tao mà tự ý đánh chuông", rồi nổi

giận đuổi đi. Bính chạy qua Tề; được một năm. Thụ Ngưu xin lỗi Thúc Tôn cho Bính. Thúc Tôn sai Thụ Ngưu triệu Bính về. Hắn không triệu mà báo với Thúc Tôn: "Tôi triệu về mà cậu ấy giận lắm, không chịu về". Thúc Tôn nổi dóa, sai người giết Bính.

Thế là hai người con đã chết cả. Vì vậy, khi Thúc Tôn đau, Thụ Ngưu một mình săn sóc ông ta, đuổi hết kẻ tả hữu, không cho ai vào, bảo: "Ông Thúc Tôn không chịu được tiếng người". Rồi không cho ông ta ăn, để ông ta chết đói. Thúc Tôn chết rồi. Thụ Ngưu không phát tang, lấy hết báu vật trong kho trốn qua Tề. Nghe lời người mình tin cậy đến nỗi cha lẫn con bị người giết, cái họa không tham khảo ý kiến nhiều người như vậy đó.

Truyện 1e)

Giang Ất vì vua Ngụy đi sứ nước Kinh, bảo vua Kinh:

- Thần vô biên cảnh nhà vua, nghe nói quí quốc có tục này: "Người quân tử không che cái tốt của người, không vạch cái xấu của người", có thực vậy chăng?

Vua đáp:

- Có.

- Vậy thì làm loạn như Bạch Công tất thành công mà nước Kinh phải nguy chứ? Nếu quả thực vậy thì bề tôi miễn tội chết (ý muốn nói: Có điều xấu mà không bị tố cáo thì có tội gì đâu)[336]

Truyện 1g)

Vệ Tự công (con Vệ Bình hầu) trọng

Như Nhĩ và yêu nàng Thế Cơ, sợ hai người đó được trọng được yêu mà che lấp mình, bèn cho Bạc Nghi một chức cao để địch với Như Nhĩ và tôn nàng Ngụy Cơ ngang với Thế cơ. Ông bảo: Như vậy để họ bàn bạc với nhau[337]. Ông muốn khỏi bị che lấp nhưng chưa nắm được cái thuật để khỏi bị che lấp. Không cho người hèn cùng bàn bạc với người sang, kẻ dưới tố cáo người trên mà cứ phải đợi có những kẻ quyền thế ngang nhau rồi mới được bàn bạc với nhau thì tức là làm cho có thêm nhiều bề tôi che lấp mình[338]. Tự công bị che lấp là bắt đầu từ đó.

Truyện 1h)

Nếu tên bắn tới có hướng nhất định thì phải chứa sắt để phòng bị phía đó; nếu

không có hướng nhất định thì phải cất nhà bằng sắt để phòng bị mọi phía; phòng bị như vậy thì mình không bị thương. Vua mà phòng bị hết các bề tôi thì bề tôi không còn ai là gian nữa.

Truyện 1i)

Bàng Cung (mưu thần nước Ngụy) sắp đưa thái tử qua làm con tin ở Hàm Đan (kinh đô nước Triệu, nay ở Hà Bắc), tâu với vua Ngụy:

- Có người nói rằng chợ có cọp, đại vương tin không?

Vua đáp:

- Không.

- Hai người nói thì đại vương tin không?

- Không.

- Ba người nói thì đại vương tin không?

- Quả nhân tin!

Bàng Cung bèn thưa:

- Chợ thì không có cọp được, điều đó hiển nhiên. Vậy mà ba người nói thì chợ hóa ra có cọp. Nay từ Hàm Đan cách nước Ngụy xa hơn là (từ triều đình tới) chợ, mà bọn bề tôi bàn ra nói vào đông hơn ba người, xin đại vương xét cho điều đó.

Bàng Cung đi Hàm Đan về, không được vô yết kiến vua nữa[339].

^¤^

Kinh 2. Cương quyết trừng phạt

Nhân ái thái quá thì pháp độ không

thi hành được, uy nghiêm không đủ thì kẻ dưới lấn người trên. Hình phạt không cương quyết thì cấm lệnh không được tuân.

Thuật này rút ra từ:

a/ Truyện Đổng Tử đi thăm Thạch ấp.

b/ Truyện Tử Sản dạy Du Cát.

c/ Lời Trọng Ni nói về sương rơi.

d/ Phép nhà Ân phạt việc đổ tro ra đường.

đ/ Truyện người điều khiển đoàn xe xin bỏ việc.

e/ Truyện Công Tôn Ưởng phạt nặng những tội nhẹ.

g/ Việc vàng sông Lệ không giữ được mà lửa đầm Tích không cứu được.

h/ Lời Thành Hoan cho rằng vua Tề

quá nhân từ mà nước Tề suy yếu.

i/ Lời Bốc Bì cho rằng vua Ngụy quá nhân từ mà làm cho nước Ngụy suy vong.

k/ Việc Quản Trọng biết thuật trừng phạt nên chặt thây người chết.

l/ Việc Vệ Tự công biết thuật trừng phạt nên mua người bị tội đồ.

Truyện 2a)

Đổng An Vu làm thái thú đất Thượng Địa cho Triệu, đi tuần trong núi miền Thạch Ấp, thấy một cái khe sâu cả trăm nhẫn, bờ dựng đứng như bức tường, bèn hỏi những người chung quanh chỗ đó:

- Đã có ai vào trong khe đó không?

Họ đáp:

- Không.

- Có trẻ con, người đui, người điếc, người điên, người khùng nào vào trong khe đó không?

- Không.

- Có bò, ngựa, chó, heo nào vào trong khe đó không?

- Không.

Đổng An Vu thở dài, bảo:

- Ta có phép trị dân rồi. Làm cho pháp luật của ta không tha ai, hễ trái phép thì phải chết như vào trong khe này vậy. Không ai dám phạm pháp thì làm sao không bình trị?

Truyện 2b)

Tử Sản làm tướng quốc nước Trịnh, khi đau nặng gần chết, dặn dò Du

Cát[340]:

- Tôi chết rồi, ông sẽ cầm quyền nước Trịnh, ông phải nghiêm khắc trị dân. Lửa có vẻ dữ dằn, nên ít người bị chết thiêu; nước có vẻ nhu nhược, nên nhiều người bị chết đuối. Ông nên dùng hình phạt nghiêm khắc, đừng để cho dân chết đuối vì sự nhu nhược của ông.

Tử Sản chết rồi, Du Cát không nhẫn tâm dùng nghiêm hình. Thiếu niên nước Trịnh theo nhau làm giặc cướp, tụ tập ở chằm cỏ hoàn[341] sắp làm loạn. Du Cát thống suất chiến xa và kỵ binh chiến đấu một ngày một đêm mới gần khắc phục chúng được. Ông thở dài, than:

- Giá ta sớm theo lời dạy của thầy (tức Tử Sản) thì không phải hối hận như vầy.

Truyện 2c)

Lỗ Ai công hỏi Trọng Ni:

- Sách *Xuân Thu* chép: “Mùa đông, tháng chạp, sương rơi, cỏ không chết khô”, là muốn nói gì vậy?

Trọng Ni đáp:

- Lời đó có nghĩa rằng có thể diệt (để cho chết khô) mà không diệt. Nên diệt mà không diệt thì đào, mận (đáng lẽ có trái vào mùa hè, lại) có trái vào mùa đông. Trời mất đạo trời (trái thời tiết) thì cây cỏ cũng phạm vào, huống hồ là vua chúa (nếu mất đạo thì tất bị bề tôi lấn).

Truyện 2d)

Theo phép nhà Ân thì kẻ nào đổ tro ra

ngoài đường thì bị trị tội, Tử Cống cho vậy là nghiêm khắc quá, hỏi Trọng Ni. Trọng Ni đáp: "(Không), như vậy là biết đạo trị nước. Đổ tro ra ngoài đường thì nó bay lên, phủ cả người ta[342], người ta tất nổi giận, nổi giận thì ẩu đả nhau, mà ba họ[343] mỗi bên tàn hại nhau. Làm tàn hại ba họ như vậy thì trị tội là phải. Vả lại không có ai muốn bị trị tội nặng, mà không đổ tro ra ngoài là việc dễ, khiến cho dân làm một điều dễ để khỏi bị cái tội mà họ ghét, đạo trị nước là vậy.

Một thuật khác bảo: Phép nhà Ân, ai đổ tro ra đường thì bị chặt tay, Tử Cống bảo:

- Đổ tro ra đường là tội nhẹ, chặt tay là hình phạt nặng, cổ nhân sao mà tàn khốc vậy?

Đáp:

- Không đổ tro là việc dễ, bị chặt tay là điều dân ghét. Làm việc dễ để khỏi bị cái mình ghét, cổ nhân cho như vậy là việc dễ nên ban hình luật đó.

Truyện 2đ)

Tướng quốc nước Trung Sơn là Nhạc Trì dùng một trăm cỗ xe đi sứ nước Triệu, lựa một người tài trí trong đám khách[344] để điều khiển đoàn xe, giữa đường đoàn xe hỗn loạn. Nhạc Trì bảo:

- Tôi cho ông là tài trí nên dùng ông điều khiển đoàn xe, giữa đường đoàn xe lại hỗn loạn là sao?

Người khách đó xin thôi việc, đáp:

- Người không biết cách trị người. Phải

có uy để người ta phục, phải có lợi để khuyến khích người ta thì mới trị người ta được. Nay tôi chỉ là một người khách nhỏ của ngài. Người nhỏ mà sửa sai người lớn, người hèn mà trị người sang, lại không có quyền ban phát lợi hại để chế phục họ, vì vậy mà sinh ra hỗn loạn. Giả sử khi sai khiến bề tôi, ai tốt tôi có thể cho làm khanh tướng, ai xấu tôi có thể chặt đầu, thì làm gì mà không trị họ được.

Truyện 2e)

Phép của Công Tôn Ưởng là trừng phạt nặng những tội nhẹ. Tội nặng người ta khó phạm vào, mà lỗi nhẹ thì người ta dễ bỏ. Khiến cho người ta bỏ cái dễ bỏ mà đừng phạm vào cái khó phạm, đó là phép trị nước. Lỗi nhỏ không sinh ra, tội nặng

không đến, thì dân không có tội mà loạn không phát.

Một thuyết khác bảo: Công Tôn Ưởng nói: "Phép thi hành hình phạt là phạt nặng tội nhẹ thì lỗi nhẹ không sinh mà tội nặng không đến, như vậy gọi là dùng hình phạt để trừ bỏ hình phạt."

Truyện 2g)

Sông Lệ[345] ở phía Nam nước Kinh có vàng, nhiều người lén đãi vàng. Có luật cấm đãi vàng, ai bị bắt thì bị phân thây giữa chợ. Thây người bị tội nhiều tới có thể lấp sông, vậy mà người ta vẫn đãi lén, không ngừng[346]. Tội không gì nặng bằng phân thây giữa chợ, vậy mà vẫn không ngăn được là vì kẻ phạm tội không nhất

định bị bắt. Thí dụ nay có người bảo: “tôi cho anh cả thiên hạ, nhưng rồi giết chết anh” thì tất người bình thường không ai chịu. Có cả thiên hạ là cái lợi lớn mà không nhận vì biết rằng sẽ phải chết; còn như không nhất định bị bắt thì dù sẽ bị tội phân thây, cũng vẫn trộm vàng. Biết rằng thế nào cũng chết thì cho cả thiên hạ, cũng không nhận.

Người nước Lỗ thiêu chằm Tích. Trời nổi gió bấc, cháy lan về phía Nam, sợ lấn tới khắp nước. Ai Công lo lắng, tự điều khiển việc cứu lửa. Nhưng chung quanh không có ai, mọi người đều mắc săn thú, nên lửa không cứu được. Ông bảo vời Trọng Ni đến hỏi.

Trọng Ni thưa:

- Việc săn thú vui mà không bị phạt,

việc cứu lửa khổ sở không được thưởng. Vì vậy mà không cứu được lửa.

Ai Công bảo: Phải.

Trọng Ni nói thêm:

- Việc gấp rồi, không kịp treo giải thưởng; vả lại nếu ai cứu lửa cũng được thưởng hết thì (tài sản) cả nước cũng không đủ để thưởng, vậy xin chỉ dùng hình phạt thôi.

Ai Công khen là phải. Trọng Ni bèn ra lệnh: "Ai không cứu lửa thì bị trừng trị như tội hàng giặc hoặc bỏ chạy, ai săn thú thì bị trừng trị như tội phạm cấm"[347]. Lệnh chưa truyền đi khắp mà lửa đã diệt được.

Truyện 2h)

Thành Hoan tâu với vua Tề:

- Đại vương quá nhân từ, quá bất nhẫn[348].

Vua Tề hỏi:

- Quá nhân từ, quá bất nhẫn, như vậy là không tốt sao?

Đáp:

- Đó là cái tốt của kẻ bề tôi, bậc vua chúa không nên theo. Bề tôi phải có lòng nhân từ rồi mới có thể cùng mưu tình việc được, phải có lòng bất nhẫn rồi mới có thể gần gũi được; không có lòng nhân thì không thể cùng mưu tính được; không có lòng bất nhẫn thì không thể gần gũi được.

Vua Tề hỏi:

- Vậy thì quả nhân quá nhân từ, quá bất

nhẫn ở chỗ nào?

- Đại vương quá nhân từ với Tiết công, quá bất nhẫn với những người họ Điền[349]. Quá nhân từ với Tiết công thì quyền của đại thần không gì lớn bằng[350] mà quá bất nhẫn với những người họ Điền thì bậc cha anh sẽ phạm pháp. Quyền đại thần không thể gì lớn bằng thì binh lực sẽ yếu so với nước ngoài, cha anh phạm pháp thì chính trị loạn ở trong. Binh lực yếu ở ngoài, chính trị loạn ở trong, đó là gốc của sự mất nước.

Truyện 2i)

Ngụy Huệ vương hỏi (một vị đại thần là) Bốc Bì:

- Ông nghe thiên hạ bàn về quả nhân ra sao?

- Thần nghe người ta đồn rằng đại vương từ huệ (nhân từ, hay gia ân).

Huệ Vương hoan hỉ:

- Như vậy thì sự nghiệp của quả nhân tới đâu?

- Sẽ tới mất nước.

- Từ huệ là làm điều thiện; làm việc thiện sao lại mất nước?

- Từ thì bất nhẫn, mà huệ thì gia ân. Bất nhẫn thì không trừng trị kẻ có tội, hay gia ân thì thưởng cả kẻ không có công. Kẻ có tội mà không bị trừng trị, kẻ không có công mà được thưởng, như vậy mất nước cũng là đáng chứ.

Truyện 2k)

Nước Tề thích chôn cất trọng hậu, vải lụa dùng hết vào việc tẩm liệm, cây gỗ dùng hết vào việc đóng quan quách. Vua Hoàn Công lo, hỏi Quản Trọng:

- Vải lụa hết thì không có gì làm màn che (chiến xa và ngựa cho địch khỏi thấy)[351], cây gỗ hết thì không có gì để phòng bị, mà dân chúng vẫn cứ chôn cất trọng hậu, làm sao cấm được bây giờ?

Quản Trọng đáp:

- Người ta hành động, nếu không phải vì danh thì vì lợi.

Rồi ông hạ lệnh: "Quan quách dầy quá mức thì thây người chết sẽ bị chặt mà kẻ chủ tang sẽ bị tội". Thây bị chặt thì không có danh, chủ tang bị tội thì không có lợi. Như vậy còn có lý do gì để chôn cất trọng

hậu nữa[352].

Truyện 2l)

Thời Vệ Tự công, có người bị tội đồ trốn qua nước Ngụy và trị bệnh cho hoàng hậu của Ngụy Tướng vương. Tự Công hay tin, sai người đem năm chục (lượng hay dật?) vàng để mua người có tội đó, sứ giả đi đi về về năm lần mà vua Ngụy không chịu giao; Tự công bèn lấy ấp Tả Thị để đổi. Bề tôi tả hữu can:

- Đem một ấp để mua một kẻ tội đồ, phỏng có nên chăng?

Tự công đáp:

- Các ông làm sao hiểu được. Muốn trị nước thì đừng coi thường những việc nhỏ, loạn không phải toàn là do việc lớn mà

phát đâu[353]. Pháp luật không vững, hình phạt không cương quyết thì dù có mười ấp Tả Thị cũng vô ích, ngược lại pháp luật mà vững, hình phạt mà cương quyết thì dù mất mười ấp Tả Thị cũng không hại.

Vua Ngụy hay tin đó, bảo: "Vua một nước muốn trị kẻ phạm tội mà mình không nghe theo thì là điều bất tưởng". Rồi sai chở tội nhân đó trả cho Vệ, không lấy vàng hoặc ấp.



Kinh 3. Khen thưởng

Khen thưởng đã bạc (trái với hậu) mà lại giả dối thì không dùng được kẻ dưới, khen thưởng hậu mà xác thực thì ở dưới coi thường sự chết. Thuật này rút từ:

a/ Lời Văn tử so sánh bề tôi với loài nai;

b/ Truyện Việt vương đốt cung thất;

c/ Truyện Ngô Khởi thưởng ai dời được càng xe đi;

d/ Truyện Lý Khôi xử kiện bằng cách cho bắn tên;

đ/ Truyện người Sùng Môn nước Tống hủy hoại thân thể đến chết;

e/ Truyện Câu Tiễn biết thuật khen nên kính chào con ếch nổi giận;

g/ Truyện Chiêu hầu biết thuật thưởng nên giữ cái khố cũ;

h/ Biết thưởng hậu thì khiến người ta biến thành Mạnh Bôn, Chuyên Chư; người đàn bà nhặt tằm, người đánh cá bắt lươn đủ chứng minh điều đó.

*

Truyện 3a)

Vua Tề hỏi (quan đại phu) Văn Tử (Trần Tu Vô):

- Trị nước phải làm sao? Cách nào?

Đáp:

- Việc thưởng phạt là một lợi khí, đại vương phải nắm chặt lấy nó, đừng để cho người khác thấy. Bề tôi chạy theo sự thưởng như bầy nai thấy cỏ tốt là chạy tới.

Truyện 3b)

Vua Việt hỏi quan đại phu Văn Chủng:

- Ta muốn đánh lấy nước Ngô được không?

- Được, ta chỉ cần thưởng hậu mà xác

thực (không giả dối), phạt nặng mà cương quyết. Đại vương cứ thử đốt cung thất thì biết (sự hiệu nghiệm của sự thưởng phạt).

Vua Việt bèn cho đốt cung thất, không ai tới cứu lửa cả. Rồi ông ra lệnh: “Kẻ nào cứu lửa mà chết thì được thưởng như chết vì địch, cứu lửa mà không chết thì được thưởng như thắng địch, không cứu lửa thì bị tội như hàng địch hoặc bỏ chạy”.

Dân chúng bèn lấy bùn trát vào người, bận áo ướt để nhảy vào lửa, bên trái 3000 người, bên phải 3000 người. Do đó vua Việt biết thế tất thắng của mình.

Truyện 3c)

Ngô Khởi làm quan thú đất Tây Hà (giữ biên cương) cho Ngụy Vũ hầu. Tần có

một cái "đình"[354] nhỏ ở biên giới, Ngô Khởi muốn triệt hạ nó vì nó có hại cho việc làm ruộng, nhưng lại không muốn trưng binh (vì nó quá nhỏ). Ông bèn chống một cái càng xe ở phía ngoài cửa Bắc và ra lệnh: "Ai dời được cái càng xe đó ra phía ngoài cửa Nam thì được thưởng ruộng, và nhà thượng hạng". Mới đầu, chẳng ai dời cả (vì không tin). Sau có một người dời đi và được ban thưởng như lịnh đã hứa. Một lát sau, ông lại đặt 1 thạch (10 đấu) đậu đỏ ở phía ngoài cửa Đông và ra lệnh: "Ai dời được thạch đậu đó ra phía ngoài cửa Tây thì cũng thưởng như lần trước". Người ta tranh nhau dời đi. Rồi ông hạ lệnh: "Ngày mai sẽ đánh chiếm cái "đình", người đầu tiên lên chiếm được sẽ được phong chức đại phu, ban cho ruộng

và nhà thượng hạng”. Người ta tranh nhau tới tấn công, chỉ một buổi sáng là chiếm được.

Truyện 3d)

Lý Khôi làm quan thú đất Thượng Địa cho Ngụy Văn hầu. Ông muốn cho người nơi đó bắn giỏi, nên hạ lệnh: “Trong việc tranh tụng mà còn hồ nghi thì cho hai bên bắn vào đích, ai bắn trúng sẽ thắng kiện, bắn trật thì thua”. Lệnh ban xuống, dân chúng vội vàng tập bắn, ngày đêm không nghỉ. Tới khi chiến đấu với quân Tần, ông đại thắng nhờ dân của ông đều bắn giỏi.

Truyện 3đ)

Trong ngõ Sùng Môn nước Tống có một người vì để tang mà tự hủy thân đến

nỗi ốm nhom. Vua Tống cho anh ta có lòng thương yêu cha mẹ, phong anh làm chức quan sư (một chức trung sĩ hay hạ sĩ đời xưa). Từ đó cứ mỗi năm có trên mười người tự hủy thân đến chết vì việc để tang. Con để tang cha mẹ vì tình yêu thương, vậy mà còn có thể ban thưởng để khuyến khích được, huống hồ là vua đối với dân.

Truyện 3e)

Vua Việt tính việc đánh Ngô, muốn cho ai cũng coi thường cái chết. Một hôm đi đường, gặp một con ếch nổi giận, ông vịn cây ngang trước xe, đứng dậy kính chào nó.

Kẻ theo hầu hỏi:

- Sao nhà vua kính nó tới vậy?

Đáp:

- Vì nó có dũng khí.

Từ đó cứ mỗi năm có trên mười người xin được dâng đầu cho nhà vua. Do đó mà xét thì lời khen cũng đủ khuyến khích người ta hi sinh. Một thuyết khác nói: (...)[355]

Truyện 3g)

Hàn Chiêu hầu sai người giữ kỹ chiếc khố cũ. Người hầu bảo:

- Đại vương bất nhân quá[356]. Chiếc khố cũ không cho kẻ tả hữu mà còn đem cất.

Chiêu hầu đáp:

- Nhà ngươi không biết được đâu. Ta

nghe nói bậc minh chủ tiếc cả một nét cau mày, một nụ cười (chứ không dùng bậy), cau mày phải có lý do, cười cũng phải có lý do. Chiếc khố này cũng vậy, há chỉ có nét cau mày và nụ cười mới đáng tiếc. Tuy chiếc khố với nét cau mày và nụ cười khác nhau xa đấy, nhưng ta cũng đợi ai có công lao rồi mới ban, cho nên giữ kỹ, chưa cho vội.

Truyện 3h)

Con lươn giống con rắn, con tằm giống con sâu. Người ta thấy con rắn thì kinh hoảng, thấy con sâu thì dựng tóc gáy. Vậy mà đàn bà vẫn lượm tằm, người đánh cá vẫn bắt lươn. Hễ có lợi thì người ta quên cái ghét mà hóa ra dũng cảm như Mạnh Bôn, Chuyên Chư cả (hai dũng sĩ thời

trước, Mạnh ở Tần, Chuyên ở Ngô).

^¤^

Kinh 4. Nghe hết thảy từng người một

Nghe hết thảy ý kiến từng người một thì phân biệt được bề tôi ai trí, ai ngu; bắt bề tôi trình bày ý kiến thì bề tôi sẽ cùng nhau tham nghị[357]

Thuyệt này rút từ các truyện:

a/ Vua Ngụy đòi sát nhập nước Trịnh.

b/ Tề Tuyên vương sai người thổi ống vu[358]

c/ Thân tử dùng Triệu Thiệu, Hàn Đạo để xét ý vua.

d/ Công tử Tỉ chủ trương cắt đất Hà Đông.

đ/ Và Ứng hầu muốn giảm binh lực Thượng Đảng.

*

Truyện 4a)

Vua nước Ngụy nói với vua nước Trịnh[359]:

- Trịnh và Lương[360] vốn là một nước, sau mới tách ra, nay xin Trịnh lại hợp vào Lương.

Vua Trịnh lo, triệu quần thần lại bàn mưu đối phó với Ngụy. Công tử nước Trịnh thưa với vua Trịnh:

- Việc này rất dễ đối phó. Xin nhà vua

cứ đáp vua Ngụy như vầy: “Lấy lẽ rằng nước Trịnh vốn là một phần của Ngụy mà bảo nên sáp nhập Trịnh vào Ngụy, thì tệ ấp[361] cũng xin cho Lương sáp nhập vào Trịnh”.

Vua Ngụy bèn bỏ việc đó.

Truyện 4b)

Tề Tuyên Vương mỗi khi sai thổi ống vu thì bắt ba trăm người cùng thổi một lượt. Nhiều xử sĩ ở Nam Quách (thành ngoài phía nam kinh đô) xin thổi. Tuyên Vương mừng, và cấp lương thực cho mấy trăm người như vậy. Tuyên Vương mất, Mân Vương lên nối ngôi, thích nghe từng người thổi một, các xử sĩ bỏ trốn hết.

Một thuyết khác nói:

Hàn Chiêu hầu bảo:

- Nhiều người cùng thổi ống vu, ta không biết ai thổi hay.

Điền Nghiệm thưa:

- Nên nghe từng người thổi một.

Truyện 4c)

Nước Triệu sai người nhờ Thân tử (Thân Bất Hại) xúi Hàn giúp binh để đánh nước Ngụy. Thân Tử muốn nói với vua Hàn (Chiêu Hầu) về việc đó, nhưng lại sợ Chiêu Hầu nghi mình nhận hối lộ của nước ngoài (Triệu); mà không nói thì sợ Triệu ghét. Ông ta bèn sai Triệu Thiệu và Hàn Đạp dò xét thái độ của Chiêu hầu ra sao rồi mới nói. Nhờ vậy bên trong ông biết được ý Chiêu Hầu, bên ngoài lập được

công với Triệu.

Truyện 4d)

Binh ba nước (Hàn, Triệu, Ngụy) đến ải Hàm Cốc (một ải hiểm yếu của Tần, nay ở Hà Nam). Vua Tần bảo Lâu Hoãn:

- Binh ba nước vô sâu rồi[362], quả nhân muốn cắt đất phía đông sông lớn[363] để giảng hòa, ông nghĩ sao?

Đáp:

- Cắt phía đông sông lớn, thì tổn thất nặng mà tránh được tai nạn cho nước là có công lớn. Đó là nhiệm vụ của bậc cha anh nhà vua, sao nhà vua không vời Công tử Tỉ[364] để hỏi ý kiến".

Vua Tần triệu Công tử Tỉ lại hỏi. Công

tử Tỉ đáp:

- Giảng hòa thì sẽ hối hận, không giảng hòa cũng sẽ hối hận. Nay nhà vua cắt đất ở phía đông sông lớn để giảng hòa, quân ba nước rút về rồi, nhà vua tất bảo: “Quân ba nước vốn muốn rút về rồi mà ta còn cắt ba thành để tiễn họ, (uổng quá). Còn như không giảng hòa, quân ba nước tất vào ải Hàm Cốc, cả nước sẽ nguy to, nhà vua sẽ ân hận lớn, bảo: “Chỉ tại không dâng ba thành cho họ”. Vì vậy mà thần mới nói: “Nhà vua giảng hòa thì sẽ hối hận, không giảng hòa cũng sẽ hối hận”.

Vua Tần bảo: “Bề nào cũng hối hận, thà mất ba thành mà hối hận, còn hơn là để nước bị nguy lớn mà hối hận. Quả nhân quyết định giảng hòa”.

Truyện 4đ)

Ứng hầu nói với vua Tần:

- Nhà vua được các đất Uyển, Diệp, Lam Điền và Dương Hạ, chiếm đất Hà Nội, áp bức Trịnh và Lương, mà chưa làm chủ cả thiên hạ là vì nước Triệu chưa phục. Nay nhà vua rút binh chiếm Thượng Đảng (ở Hàn) đi mà đem qua Đông Dương (ở Triệu) thì Hàm Đan (kinh đô của Triệu) sẽ nguy như con rận nằm trong miệng vậy (sẽ chiếm lúc nào cũng được), lúc đó (Triệu sẽ thần phục), nhà vua có thể khoanh tay mà thiên hạ sẽ về chầu nhà vua, kẻ nào tới sau, nhà vua sẽ đem quân đánh. Nhưng Thượng Đảng đang yên vui mà xé đó lại mạnh, khó trị, e rằng thần xin rút quân ở đó đi mà nhà vua không chịu nghe, biết làm cách nào bây giờ[365].

Vua Tần đáp: Ta sẽ rút quân ở đó mà dời đi.



Kinh 5. Làm bộ như ra lệnh và ra lệnh giả

Cho mộ người yết kiến nhiều lần, bắt chờ đợi lâu mà không bổ nhiệm thì những người khác cho rằng người đó đã được bí mật giao cho nhiệm vụ rồi, nên không dám làm điều gian mà sẽ phân tán như bầy nai. Sai một người dò xét một việc để mình biết một việc khác thì kẻ dưới không dám bàn cái lợi riêng (mưu tư lợi).

Do thuật đó mà

a/ Bàng Kính gọi vị công đại phu trở

lại.

b/ Đái Hoan sai người dò xem có xe bít kín không.

c/ Chúa nước Chu sai tìm cái trâm ngọc.

d/ Quan thái tể nước Thương nói về phân bò.

*

Truyện 5a)

Bàng Kính làm huyện lệnh, sai các viên lại đi tuần chợ, rồi gọi giật viên công đại phu (viên chỉ huy bọn đó) trở lại; bắt đừng gần mình một lúc, không ra lệnh gì cả, sau cùng lại sai đi. Các viên lại kia cho rằng quan huyện đã nói riêng gì với viên công đại phu, vì vậy mà họ không tin viên công

đại phu và không dám làm gian.

Truyện 5b)

Đái Hoan làm thái tể (như tướng quốc) nước Tống, ban đêm gọi bộ hạ vô bảo: "Ta nghe mấy đêm nay có người ngồi xe bít kín đến cửa nhà Lý Sử, các ngươi vì ta dò xét kỹ xem". Bọn họ dò xét rồi trở về báo: "Không thấy xe bít kín nào cả, chỉ thấy có người bưng cái giỏ (đựng quần áo hay thức ăn) tới nói chuyện với Lý Sử, một lát sau Lý Sử nhận giỏ"[366].

Truyện 5c)

Chúa nước Chu mất cái trâm ngọc, sai nha lại tìm, ba ngày không thấy. Rồi ông sai một người khác đi tìm trong nhà một

gia nhân[367] và tìm được. Ông bảo: “Ta biết bọn nha lại không lo làm hết phận sự, tìm cái trâm ba ngày mà không được. Ta sai người khác đi tìm, không đầy một ngày mà tìm được”. Do đó bọn nha lại đều run sợ, cho là vua thần minh.

Truyện 5d)

Quan thái tể nước Thương sai một viên thiếu thứ tử (một chức quan nhỏ) ra chợ, khi người đó về, ông hỏi: -Thấy gì ở chợ?

Đáp:

- Không thấy gì lạ cả.

- Thì cũng phải thấy cái gì chứ.

- Thưa, bên ngoài cửa Nam chợ, có rất nhiều xe bò, khó len lỏi qua được.

Quan thái tể bèn dặn người đó:

- Không được nói với ai rằng ta nói với ngươi như vậy, nghen

Rồi ông cho gọi viên lại coi chợ vô rầy:

- Sao ngoài cửa chợ có nhiều phân bò thế?

Viên lại coi chợ ngạc nhiên sao quan thái tế biết mau như vậy, từ đó đau đáu lo sợ rán hết hế sức làm việc[368].

^¤^

Kinh 6. Giấu điều mình biết rồi

Giấu điều mình biết rồi mà hỏi thì biết thêm được những điều mình không biết. Biết rõ một sự thật thì bao nhiêu

điều bí ẩn sẽ biến mất.

Thuật này rút từ các truyện:

a/ Chiêu hầu nắm một móng tay;

b/ Biết rõ về cửa Nam mà biết thêm được ba hướng khác;

c/ Chúa nước Chu tìm cây gậy cong mà quần thần đều sợ;

d/ Bốc Bì dùng viên thứ tử (chức quan nhỏ);

đ/ Tây Môn Báo giả bộ đánh mất cái chốt ở trục xe.

*

Truyện 6a)

Hàn Chiêu hầu (cắt móng tay) rồi nắm tay lại, nói dối rằng mình mất một móng, bảo phải tìm gấp. Kẻ tả hữu bèn cắt móng

tay của họ dâng lên. Nhờ vậy mà ông biết được sự thiếu thành thực của họ.

Truyện 6b)

Hàn Chiêu hầu sai kị sĩ đi thị sát các huyện. Khi sứ giả về báo cáo, ông hỏi:

- Thấy những gì?

Đáp:

- Không có gì lạ.

Ông lại hỏi:

- Thì cũng phải thấy gì chứ?

Đáp:

- Ngoài cửa Nam, có bầy bò con vàng gặm mạ ở bên tả đường đi.

Ông dặn người đó:

- Không được tiết lậu với ai điều ta

mới hỏi ngươi.

Rồi ông hạ lệnh:

- Mùa mạ đang mọc, cấm bò ngựa vô ruộng. Lệnh đã ban rồi mà bọn lại không làm hết phận sự, để rất nhiều bò ngựa vào ruộng người ta; vậy phải gấp điều tra số bò ngựa vào ruộng rồi trình lên, không điều tra được thì sẽ bị tội nặng.

Do đó ba hướng (đông, tây, bắc) điều tra rồi trình lên.

Ông bảo:

- Chưa hết.

Họ đi điều tra lại, thấy bầy bò con vàng ở ngoài cửa Nam. Bọn lại cho rằng ông biết rõ mọi việc, đều sợ hết sức làm việc, không dám làm bậy[369].

Truyện 6c)

Chúa nước Chu ra lệnh tìm một cây gậy cong (mà ông nói dối rằng đánh mất), bọn nha lại tìm thấy mấy ngày không thấy, ông sai riêng một người đi tìm, không đầy một ngày tìm được. Ông bèn rầy bọn nha lại kia:

- Ta vốn biết bọn bay không làm tròn phận sự. Cây gậy cong rất dễ tìm mà bay tìm không ra, ta sai người khác tìm, không đầy một ngày mà được. Như vậy có thể gọi là trung được không?

Do đó bọn nha lại đều sợ, hết sức làm việc và cho vua là thần minh.

Truyện 6d)

Bốc Bì làm huyện lệnh, viên lại coi về tụng ngục[370] của ông tham những bẩn thỉu, và có một người thiếp yêu. Ông cho một viên thứ tử (một chức quan nhỏ) giả vờ yêu người thiếp đó để dò xét ẩn tình của viên lại.

Truyện 6đ)

Tây Môn Báo[371] làm quan lệnh đất Nghiệp, giả vờ đánh mất cái chốt ở trục xe, sai một nha lại tìm, không được, sai một người khác tìm thì được trong nhà một gia nhân.

^¤^

Kinh 7. Nói ngược lại

Nói ngược lại, làm trái lại điều mình muốn nói, việc mình muốn làm để dò xét người mình nghi ngờ thì biết được gian tình.

Do thuật đó mà:

a/ Sơn Dương quân cố ý nhục mạ Cưu Thụ;

b/ Náo Xỉ sai người giả trang làm sứ thần nước Tần;

c/ Tử Chi nói dối rằng thấy con ngựa trắng.

d/ Tử Sản tách những người kiện nhau ra;

e/ Tự công sai người làm khách qua cửa ải;

*

Truyện 7a)

Sơn Dương quân[372] làm tướng quốc nước Vệ, nghe nói bị vua nghi bèn nhục mạ Cưu Thụ, để Cưu Thụ tức mà nói toạc ra cho ông biết về việc vua nghi mình.

Truyện 7b)

Náo Xỉ[373] nghe nói vua Tề ghét mình, sai người giả làm sứ thần nước Tần, chê bai Náo Xỉ trước mặt vua Tề, để dò biết lòng vua Tề.

Truyện 7c)

Một người nước Tề muốn làm loạn, sợ vua biết được bèn giả vờ đuổi các người

yêu, khiến cho vua biết việc đó mà không nghi mình.

Truyện 7d)

Tử Chi[374] làm tướng quốc nước Yên, đương ngồi với nhiều người, làm bộ nói láo: "Có con ngựa trắng nào chạy ngoài cửa đó?". Kẻ tả hữu đều bảo không thấy. Một người đuổi theo, về báo rằng: "Có con ngựa trắng". Tử Chi do đó mà biết trong số kẻ tả hữu, ai là người không thành thực.

Truyện 7đ)

Có hai người kiện nhau. Tử Sản[375] tách họ ra, không cho họ đối chất nhau (như vậy người này không biết người kia

nói về mình ra sao), rồi ông nói ngược lời của người này để tố cáo người kia, mà biết được sự thực.

Truyện 7e)

Vệ Tự quân sai người làm khách qua cửa ải. Viên quan coi ải làm khó (giữ lại không cho qua), người đó dùng vàng hối lộ, được thả cho qua. Tự công bảo viên quan coi ải: “Giờ đó có người khách qua cửa ải của người, cho ngươi vàng nên ngươi cho qua”. Viên đó kinh hoảng, cho rằng Tự công sáng suốt.

THIÊN XXXI

NỘI TRỪ THUYẾT HẠ - LỤC VI (trích)

(NHỮNG THUẬT ĐỂ DÀNH MÀ DÙNG – THIỆN NỘI, HẠ - SÁU ĐIỀU PHẢI XÉT KỸ)

Trong thiên này, Hàn Phi đưa ra 6 mối ẩn vi cần phải xét kỹ.

Kinh 1. Quyền thế không thể giao cho kẻ khác

Quyền thế không thể giao cho kẻ

khác; quyền vua mất đi một thì quyền bề tôi tăng lên gấp trăm. Vì vậy bề tôi mượn được quyền của vua thì thế lực thêm nhiều, thế lực thêm nhiều thì trong (bách quan) và ngoài (chư hầu) đều bị họ sử dụng, trong ngoài bị họ sử dụng thì vua bị che lấp (...)[376]

Truyện 1c)[377]

Thời Tấn Lệ công, sáu quan khanh được tôn quí. Tư Đồng và Trường Ngư Kiểu can: "Đại thần quá tôn quí thì đối địch với chúa và tranh giải quyết việc nước, tư thông với nước ngoài, lập bè đảng, dưới làm loạn phép nước, trên áp bức chúa, như vậy mà nước không nguy là điều chưa từng thấy."

Lệ công bảo: “Phải”, rồi giết ba quan khanh.

Tư Đồng và Trường Ngư Kiểu lại khuyên:

- Họ cùng một tội như nhau mà thiên vị không giết hết, thì kẻ còn sống sẽ oán hận, rình cơ hội mà hại mình.

Lệ công bảo:

- Một buổi sáng mà ta đã diệt ba quan khanh, ta không nỡ lòng nào diệt hết.

Trường Ngư Kiểu đáp:

- Chúa công không nỡ diệt họ, nhưng họ sẽ nhẫn tâm hại chúa công.

Lệ công không nghe. Được ba tháng, ba quan khanh còn lại gây loạn, giết Lệ công, chia đất của ông.

Truyện 1d)

Một người nước Yên không mê loạn mà bị (vợ bắt) tắm bằng nước phân chó[378] (Nguyên do như vầy): Vợ anh ta tư thông với một chàng trai trẻ. Người chồng sáng sớm từ ngoài về nhà, gặp chàng trai trẻ đó đi ra bèn hỏi:

- Khách nào đó?

Vợ đáp:

- Có khách nào đâu.

Hỏi kẻ tả hữu, họ đều bảo không có, mười miệng như một. Người vợ bảo: "Ông bị mê loạn rồi", bèn đem anh ta tắm bằng nước phân chó.

(Còn một thuyết nữa, ý nghĩa cũng như thuyết trên, nên chúng tôi bỏ).

^¤^

Kinh 2. Lợi mỗi bên khác nhau

Cái lợi của vua (công lợi) và của bề tôi (tư lợi) khác nhau cho nên bề tôi chẳng ai trung với vua cả, hễ bề tôi có lợi thì vua mất lợi. Vì vậy mà gian thần triệu quân địch để trừ kẻ chống đối trong nước, đem sự tình nước ngoài để huyễn hoặc vua; chỉ nghĩ thực hiện được tư loại, không đoái hoài gì tới tai họa của nước (...)

Truyện 2a)[379]

Vợ một người nước Vệ cầu đảo:

- Xin cho chúng tôi khi không[380] được mười bó vải.

Người chồng hỏi:

- Sao xin ít vậy?

Đáp:

- Xin nhiều hơn để anh mua nàng hầu à?

Truyện 2b)

Vua nước Kinh muốn cho các công tử qua làm quan các nước láng giềng. Đái Yết khuyên không nên. Vua Kinh bảo:

- Cho các công tử làm quan ở các nước láng giềng thì các nước đó sẽ trọng họ.

Đái Yết đáp:

- Các công tử qua các nước đó sẽ được trọng vọng, được trọng vọng thì về hùa với các nước đó, như vậy là nhà vua dạy cho con câu kết với nước ngoài, bất lợi cho

nước mình.

Truyện 2k)

Tống Thạch là tướng nước Ngụy, Vệ Quân là tướng nước Kinh. Hai nước gây chiến với nhau, mà Tống Thạch và Vệ Quân đều cầm quân. Tống Thạch viết thư cho Vệ Quân, bảo: "Quân hai bên gặp nhau, cờ hai bên đối nhau, nhưng đừng giao chiến với nhau nhé, vì giao chiến thì tất một còn một mất. Đây là việc riêng của hai vị chúa, tôi với ông không có tư thù gì với nhau, tốt hơn là nên tránh né nhau".

Truyện 2g)

Đại Thành Ngọ làm quan nước Triệu, qua nói với Thân Bất Hại ở Hàn:

"Nếu ngài dùng thế nước Hàn mà làm cho tôi được trọng hơn ở Triệu thì tôi cũng xin lấy thế nước Triệu giúp ngài được trọng hơn ở Hàn, như vậy cũng như ngài có hai nước Hàn, tôi có hai nước Triệu (ý nói: Thế của mỗi người tăng lên gấp đôi)".

^¤^

Kinh 3. Giống nhau

Những việc giả dối giống như việc thực làm cho vua (mê hoặc) trừng phạt sai, mà đại thần nhân đó sẽ được lợi riêng (...)

Truyện 3d)

Vua nước Kinh có một ái thiếp là Trịnh Tụ. Khi ông mới nạp một mĩ nữ, Trịnh Tụ

dạy cô ấy:

- Nhà vua rất thích người ta lấy tay che miệng, khi gần nhà vua, em nhớ che miệng đấy nhé.

Mĩ nữ đó (nghe lời) vào yết kiến, khi lại gần vua thì lấy tay che miệng. Vua hỏi (Trịnh Tụ) tại sao lại vậy?

Trịnh Tụ đáp:

- Cô ấy bảo không chịu được mùi hôi của đại vương.

Gặp lúc nhà vua, Trịnh Tụ và mĩ nhân đó cùng ngồi, Trịnh Tụ đã dặn trước người đánh xe cho vua rằng:

- Nếu vua ra lệnh gì thì phải thi hành ngay tức khắc.

Mĩ nữ tiến lại thật gần nhà vua, mấy lần che miệng. Nhà vua bỗng nổi giận bảo:

- Cắt mũi nó đi.

Người đánh xe liền rút dao ra cắt ngay mũi mĩ nữ.

Một thuyết khác bảo (...)[381]

Truyện 3đ)

Phí Vô Cực[382] là người thân của một quan lệnh doãn nước Kinh. Khích Uyển mới giúp việc quan lệnh doãn, được quan lệnh doãn rất yêu. Vô Cực (ghen ghét) bảo quan lệnh doãn:

- Ngài rất yêu Uyển, sao không bảo bày tiệc rượu một lần ở nhà ông ta?

Quan lệnh doãn khen phải và bảo Uyển bày tiệc một lần ở nhà. Vô Cực khuyên Uyển:

- Quan lệnh doãn rất ngạo mạn và thích binh khí. Ông nên tỏ vẻ kính cẩn và bầy binh khí ở sân và cửa.

Uyển làm theo. Quan lệnh doãn tới, thấy vậy, kinh hoảng hỏi:

- Thế nghĩa là làm sao?

Vô Cực bảo:

- Ngài chỉ có cách là về ngay đi. Sự việc chưa biết sẽ ra sao.

Quan lệnh doãn nổi giận, đem binh đánh Khích Uyển và giết ông ta.

Truyện 3e)

Tế Thủ[383] và Trương Thọ thù oán nhau. Trần Nhu mới (từ Sở) vô (Ngụy), không ưa Tế Thủ bèn sai người ám sát

Trương Thọ. Vua Ngụy cho rằng Tế Thủ làm việc đó, trách ông ta.



Kinh 4. Việc có bề trái

Việc có bề trái: Một sự tình phát sinh, nếu có lợi thì nhà vua làm chủ nó, nếu có hại thì nên xét ngược lại xem ai có lợi trong đó. Cho nên bậc minh chủ luận việc: Nếu có hại cho nước thì xem xét ai là kẻ có lợi trong việc đó (...)

Truyện 4a)

Trần Nhu là kẻ bề tôi của vua Ngụy, thân thiện với vua Kinh, xúi Kinh đánh Ngụy. Trần Nhu nhân đó xin vì vua Ngụy mà đứng ra hoà giải rồi nhờ thế lực của

Kinh được làm tướng quốc Ngụy.

Truyện 4b)

Thời Chiêu Hy hầu, người đầu bếp dâng thức ăn trong món canh có miếng gan còn sống. Chiêu Hy hầu kêu người phụ bếp vô mắng: "Tại sao ngươi bỏ miếng gan sống vào nồi canh của quả nhân?" Hắn khấu đầu chịu tội chết, đáp: "Thần muốn ngầm hại anh đầu bếp".

Một thuyết khác bảo:

Hy Hầu tắm thấy trong nước có sạn. Ông hỏi:

- Nếu người coi việc tắm gội mất chức thì có ai thay chân không?

Kẻ tả hữu đáp "có". Hy hầu bảo: "Gọi nó vào".

Rồi mắng người đó:

- Tại sao ngươi bỏ sạn vào nước nóng?

Hắn đáp:

- Anh coi việc tắm gội mà mất chức thì thần được thay chân, vì vậy thần bỏ sạn vô nước nóng.

^¤^

Kinh 5. Quyền thế ngang nhau

Quyền thế ngang nhau. Quyền thế ngang nhau thì mầm loạn phát sinh, vì vậy mà bậc minh chủ phải thận trọng (...)

Truyện 5d)

Sở Thành vương đã lập Thương Thần

làm thái tử rồi lại muốn lập công tử Chức[384] nữa. Thương Thần làm loạn, đánh và giết Thành vương.

Một thuyết khác bảo:

Sở Thành vương đã lập Thương Thần làm thái tử rồi lại muốn lập công tử Chức nữa. Thương Thần hay được mà chưa tin, hỏi quan sư phó (thày học) là Phan Sùng: "Làm cách nào mà cho biết chắc được!" Phan Sùng đáp: "Mời Giang Mi[385] lại dự tiệc mà tỏ vẻ không kính trọng bà ấy". Thái tử làm theo lời. Giang Mi mắng (Thương Thần):

- Hừ quân ti tiện, quân vương muốn phế mi lập thằng Chức là đáng lắm.

Thương Thần nói (với Phan Sùng): Tin

đồn đó đúng.

Phan Sùng hỏi:

- Có thể thờ Chức được không?

- Không!

- Có thể qua nước chư hầu được không?

- Không.

- Có thể làm lớn được không?

- Được.

Thương Thần bèn dùng binh túc vệ giữ dinh đánh Thành vương. Thành vương xin ăn món chân gấu[386] không được bèn tự sát.

Truyện 5k)

Vua Trịnh hỏi Trịnh Chiêu:

- Thái tử ra sao?

Đáp:

- Thái tử chưa sinh.

Vua hỏi:

- Thái tử đã lập rồi mà bảo chưa sinh là nghĩa làm sao?

Đáp:

- Thái tử tuy lập rồi nhưng tật hiếu sắc của vua chưa dứt, nếu bà phi nào được nhà vua yêu mến mà có con trai thì nhà vua tất yêu người con đó, yêu ai thì muốn cho người đó kế nghiệp, vì vậy mà thần bảo thái tử chưa sinh.

^¤^

Kinh 6. Sa thải và bổ dụng

Điều mà địch mưu tính là làm loạn sự phán đoán của ta để ta làm bậy, nếu bậc vua chúa không xét kỹ trong việc sa thải, bổ dụng quần thần, có thể mắc mưu địch (...)

Truyện 6c)

Trọng Ni cầm quyền ở Lỗ, ngoài đường không có kẻ lượm của rơi, Tề Cảnh công đâm lo, Lê Thả (mưu thần của Tề) tâu với Cảnh công:

- Làm cho Trọng Ni mất chức là việc dễ như thổi sợi lông. Nhà vua sao không dùng lộc hậu chức cao mà mời ông ta, rồi tặng Lỗ Ai công[387] một đoàn nữ nhạc để vua Lỗ hóa kiêu mà mê loạn? Ai công ham cái vui mới, tất bỏ bê việc chính trị. Trọng

Ni sẽ can gián, can gián (không được) sẽ bị coi thường ở Lỗ[388].

Cảnh công khen là phải, sai Lê Thả đưa hai đoàn nữ nhạc, mỗi đoàn tám người, qua tặng Ai công. Ai công ham vui, quả nhiên bỏ bê việc triều chính. Trọng Ni can gián không được, bỏ qua nước Sở[389].

Truyện 6g)

Thúc Hướng[390] muốn gièm Trành Hoằng[391], viết một bức thư giả là của Trành Hoằng gửi cho mình, bảo: "Xin ngài vì tôi nói với vua Tấn rằng điều nhà vua với tôi hẹn nhau, lúc này làm được rồi, sao không gấp gởi binh tới?"

Rồi Thúc Hướng giả vờ đánh rơi bức thư đó ở sân chầu vua nhà Chu và vội vàng đi về. Vua Chu cho rằng Tràng Hoằng phản nhà Chu, đem ông ta ra giết.

Truyện 6h)

Trịnh Hoàn công muốn đánh nước Khoái, trước hết hỏi tên họ tất cả những hào kiệt, lương thần cùng kẻ sĩ mưu trí, giỏi ăn nói, dũng cảm, rồi lựa những ruộng đất tốt của nước Khoái (làm bộ) hối lộ cho họ, và biên trong sổ những chức tước dành cho họ, sau cùng lập đàn tràng ở ngoài cửa quách[392] chôn sổ đó, lại bôi máu heo vào sổ như một tập thề ước. Vua Khoái (phát giác) cho rằng trong nước có kẻ muốn làm loạn, bèn giết hết các lương

thần. Trịnh Hoàn công lúc đó mới đem quân đánh, chiếm được nước Khoái.

Truyện 6i)

Người hề lùn nước Tần giao hảo với vua Kinh, lại ngầm kết giao với kẻ tả hữu vua Kinh, mà ở trong nước, anh ta được Huệ Văn quân[393] trọng. Thành thử hễ nước Kinh mưu tính điều gì, anh ta thường biết trước mà báo cho Huệ Văn quân hay.

THIÊN XXXII

NGOẠI TRỪ THUYẾT TẢ THƯỢNG (trích)

(NHỮNG THUẬT ĐỂ DÀNH MÀ DÙNG – THIÊN NGOẠI, TẢ, THƯỢNG)

Kinh 1

Đạo của bậc minh chủ cũng như lời Hữu Nhược đáp Mật tử. Các vị chúa thời nay[394] *khi nghe nói thì khen sự văn nhã, tô chuốt. Khi xem việc làm thì trọng*

sự xa vời, viển vông, vì vậy quần thần, sĩ dân nói những lời vu khoát mà hành động xa sự tình (...).

Truyện 1a)

Mật Tử Tiện[395] cai trị đất Đan Phụ. Hữu Nhược gặp ông ta, hỏi: "Sao ông gầy như vậy?"

Mật Tử đáp:

- Vua không biết rằng Bất Tề này vô dụng, sai cai trị đất Đan Phụ. Việc quan bận rộn, lòng rất lo âu, nên gầy.

Hữu Nhược bảo:

- Xưa vua Thuấn gảy cây đàn năm dây, ca bài thơ *Nam phong* (trong *Kinh Thi*) mà thiên hạ trị. Nay đất Đan Phụ nhỏ như vậy mà cai trị đã phải lo âu, nếu trị cả

thiên hạ mới làm sao? Biết thuật trị dân thì thân ngồi trên miếu đường, sắc diện (tươi) như gái đồng trinh, cũng chẳng hại gì cho việc cai trị; không biết thuật cai trị thì thân tuy gầy ốm tiều tụy, cũng chẳng có ích gì.

Truyện 1b)

Vua Sở hỏi Điền Cưu (một môn đệ của Mặc tử):

- Mặc tử là một học giả nổi danh, suốt đời tận lực làm việc, đáng khen, nhưng lời nói rườm mà không nhã, tô chuốt, tại sao vậy?

Đáp:

- Xưa Tần bá (Tần Mục công) gả con gái cho công tử nước Tấn (Trùng Nhĩ), trang sức cho cô dâu, đưa theo bảy chục

thiếu nữ bận áo gấm làm nàng hầu. Tới Tấn, người Tấn yêu những người thiếp đó mà coi thường con gái Tần Bá. Như vậy có thể bảo là khéo gả các nàng thiếp mà không khéo gả con gái. Nước Sở có người bán hạt châu qua nước Trịnh, làm cái hộp bằng gỗ mộc lan, xông bằng quế, tiêu cho thơm, điểm xuyết bằng châu ngọc, trang sức bằng ngọc mai khôi[396] lót bằng lông chim trả. Người nước Trịnh mua cái hộp mà trả lại châu. Như vậy có thể bảo là khéo bán cái hộp mà không khéo bán hạt châu. Ngày nay người ta thảo luận đều thích dùng lời khéo léo, văn hoa, bậc vua chúa thấy cái văn hoa mà quên rằng những lời đó vô dụng. Thuyết của Mặc Tử truyền cái đạo của tiên vương, luận lời của thánh nhân để tuyên cáo cho mọi người. Nếu

dùng những lời văn nhã tô chuốt sợ người ta chỉ nhớ tới cái văn hoa mà quên cái hữu dụng của học thuyết, như vậy tức là lấy văn hoa làm hại cái hữu dụng, không khác việc người nước Sở bán hạt châu, Tần bá gả con gái. Vì vậy mà lời của Mặc Tử rườm mà không văn nhã tô chuốt.

Truyện 1c)

Mặc tử làm con diều bằng gỗ 3 năm mới xong, bay được một ngày thì hỏng. Một môn sinh bảo:

- Thầy khéo tay thật, làm cho diều gỗ bay được.

Mặc tử đáp:

- Ta đâu khéo bằng người làm cái đòn ngang xe. Họ chỉ dùng một khúc cây dài,

không đầy một buổi sáng mà kéo được ba chục thạch[397] hóa vật, đi được rất xa mà dùng được mấy năm. Còn ta làm diều gỗ, ba năm mới xong mà bay chỉ được một ngày.

Huệ tử nghe chuyện đó bảo:

- Mặc tử rất khéo (vì) cho việc làm đòn ngang là khéo, làm diều gỗ là vụng.

^¤^

Kinh 2

Bậc vua chúa khi nghe người nói mà không lấy công dụng làm mục đích thì kẻ biện thuyết sẽ nói nhiều về những thuyết "mũi gai đâm" và "ngựa trắng"; (khi coi bắn) không lấy sự trúng đích làm quan

trọng thì người bắn tên nào cũng giỏi như Hậu Nghệ cả (vì bắn bậy thì thế nào cũng trúng một cái gì đó)(...).

Truyện 2a)

Một người nước Tống vì vua nước Yên chạm một con khỉ cái vào đầu một mũi gai, nhưng nhà vua phải trai giới 3 tháng rồi mới thấy (hình cực nhỏ đó) được. Vua Yên lấy lộc ba cỗ xe[398] để nuôi anh ta. Viên "hữu ngự" (đánh xe hay hầu?) là một thợ sắt tâu:

- Thần nghe nói vua không thể trai giới mười ngày mà không có một bữa tiệc trong thời gian đó. Người nước Tống đó biết đại vương không thể trai giới lâu được để coi một vật vô dụng nên mới đưa ra kì hạn ba

tháng. Hễ chạm trổ thì mũi nhọn để chạm phải nhỏ hơn vật được chạm. Thần là thợ đúc, không thể đúc cho anh ta dụng cụ để anh ta chạm hình đó. Vậy việc đó không có thực, (anh ta nói láo). Xin đại vương xét lại.

Vua Yên do đó bỏ tù anh ta, chất vấn, quả nhiên là nói láo, bèn đem giết. Người thợ đúc lại tâu thêm:

- Tính kế mà không có tiêu chuẩn thì kẻ sĩ đàm luận đa số đưa ra những thuyết như "mũi gai" đó.

(Còn một thuyết nữa đại khái cũng như thuyết trên, nhưng kết cục là anh chàng lừa bịp đó - người nước Vệ - khi biết lộ tẩy, trốn mất).

Truyện 2b)

Nghê Duyệt là người nước Tống, giỏi biện thuyết, đưa ra thuyết "ngựa trắng không phải là ngựa"[399] các biện sĩ ở Tắc Hạ[400] không ai bác được nhưng khi ông ta cưỡi ngựa trắng qua cửa ải thì chịu nộp thuế. Vậy dựa vào hư không, có thể thắng được một nước, mà khảo về thực tế, xét về hình trạng thì không gạt nổi một người.

Truyện 2d)

Có người khách (bảo có thể) dạy cho vua Yên cái phép không chết. Vua Yên sai người tới học, người này chưa học xong thì người khách đó chết. Vua Yên nổi giận, đem ra giết. Nhà vua biết rằng người khách nọ gạt mình, lại nhè giết người sai

đi học vì tội chậm trễ. Tin một việc không thể có được mà giết bề tôi vô tội, đó là cái hại không biết suy xét (...).

Truyện 2g)

Có người vẽ cho vua nước Tề. Vua Tề hỏi:

- Vẽ cái gì khó nhất?

- Vẽ chó ngựa khó nhất.

- Cái gì dễ nhất?

- Ma quỉ dễ nhất.

Chó với ngựa ai cũng biết, cũng thấy trước mắt từ sáng tới chiều không thể vẽ bậy, không giống được, cho nên khó vẽ. Còn ma quỉ không có hình trạng, không thấy trước mắt nên dễ vẽ.

Truyện 2h)

Trẻ con chơi với nhau, lấy đất sét làm cơm, bùn làm canh, dăm bào làm thịt, nhưng chiều thì về nhà ăn cơm, vì cơm bằng đất, canh bằng bùn, chơi thì được chứ ăn không được. Khen những điều thời thượng cổ truyền tụng lại, nghe thì hay thì thực tế vô dụng; giảng thuyết nhân nghĩa của tiên vương mà không biết chỉnh lý quốc gia, đó cũng là những việc để chơi chớ không thể đem trị nước được. Trọng nhân nghĩa, mà nước yếu loạn, đó là ba nước Tấn (Hàn, Triệu, Ngụy từ Tấn tách ra); không trọng nhân nghĩa mà trị mạnh là nước Tần. Nhưng Tần tuy mạnh mà chưa làm đế (thống nhất thiên hạ) được là vì việc trị nước chưa hoàn tất.

^¤^

Kinh 3

Cho tới đây chúng ta thấy mỗi kinh chỉ đưa ra một quy tắc, một thuật, kinh này đưa ra tới hai thuật.

Thuật thứ nhất: Hễ nuôi cái lòng "người khác phải vì mình" (nghĩa là nghĩ tới cái lợi của mình hơn cái lợi của họ) thì hai bên sẽ trách oán nhau; (ngược lại) nếu nuôi cái lòng "ai cũng vì bản thân của người đó thôi" (nghĩa là ai cũng nghĩ tới cái lợi của chính mình hơn cái lợi của người khác), thì sẽ nên việc[401].

Vì vậy mà có khi cha con oán trách nhau, mà mướn người làm công thì cho họ ăn ngon (...).

Thuật thứ nhì: Nếu theo các học giả (trỏ Nho gia) mà thi hành cái đạo mang mang xa vời (không thực tế) của các tiên vương, thì có lẽ không hợp thời nay chăng? (...) Hành động không thích hợp với việc nước mà cứ xưng tụng tiên vương thì cũng như về nhà lấy cái ni đo chân vậy.

(Trong phần truyện này Hàn Phi dẫn chứng tới 17 cố sự, nhưng có nhiều cố sự không liên quan gì tới hai thuật nêu ở phần kinh. Cơ hồ như Hàn Phi viết vội, chưa kịp sửa lại. Chúng tôi chỉ lựa 1 truyện a/ giải thích thuật thứ nhất và 3 truyện p/ r/ s/ giải thích thuật thứ nhì.)

Truyện 3a)

Cha mẹ không săn sóc con kỹ khi nó

còn nhỏ thì lớn lên nó oán mình. Con được nuôi thành người rồi, mà cung dưỡng cha mẹ không được hậu thì cha mẹ giận, oán trách nó. Cha con là tình chí thân mà có khi còn trách nhau, oán nhau là do ai nấy đều muốn cho người khác phải vì mình (cha muốn cho con phải vì cha, con muốn cho cha phải vì con), chứ không muốn cho mỗi người chỉ vì bản thân của người đó thôi.

Mướn người gieo mạ, cày ruộng cho mình thì người chủ không ngại phí tổn mà cho họ ăn ngon, lại còn lựa tiền, vải tốt[402] mà trả công cho họ, như vậy không phải vì yêu họ đâu mà vì nghĩ: "Có vậy họ cầy mới sâu, cào cỏ mới kỹ cho mình". Người làm công đó, hết sức cầy và

cào cỏ, sửa sang bờ ruộng, không phải vì yêu chủ, mà vì nghĩ: “Có như vậy chủ mới cho ăn ngon, mà tiền, vải mới tốt”. Như vậy một bên cung dưỡng hậu hĩ, một bên gắng sức làm việc, có cái ân trạch giữa cha con, hai bên đều hết nghĩa vụ (vì) đều mưu cái lợi cho chính mình cả. Bởi vậy con người làm việc với nhau, cho, tặng nhau, nếu thấy có lợi cho mình thì dù là người nước Việt[403] cũng dễ hòa, nếu lòng thấy có hại thì dù là cha con cũng xa nhau, oán nhau.

Truyện 3p)

(Chu) thư có câu: “Thắt nó, buộc nó”. Một người nước Tống đọc tới đó, lấy hai cái dây lưng tự thắt, buộc bụng.

Người ta hỏi:

- Làm gì vậy?

Đáp:

- Vì sách dạy như vậy[404].

Truyện 3r)

Người đất Dĩnh (kinh đô nước Sở thời Xuân Thu, nay là Hồ Bắc) viết thư cho vị tướng quốc nước Yên. Viết ban đêm, lửa không đủ sáng, bèn bảo người cầm đuốc: "Đưa cây đuốc lên". (Miệng nói vậy) tay viết lộn trong thư: "Đưa cây đuốc lên". Mấy chữ đó không phải là ý trong thư. Tướng quốc nước Yên đọc tới đó, mừng lắm, bảo: "Đưa cây đuốc lên là trọng sự sáng, trọng sự sáng tức là tiến cử, bổ dụng người hiền". Rồi ông ta tâu với vua, vua

hoan hỉ (theo lời) và nhờ vậy nước Yên thịnh trị. Tuy thịnh trị đấy, nhưng đâu phải là ý trong thư. Đa số các học giả ngày nay giống như vậy.

Truyện 3s)

Một người nước Trịnh muốn mua giày, đo bàn chân mình rồi đặt cái ni ở chỗ ngồi. Anh ta ra chợ mà quên đem cái ni theo. Tìm được thứ giày muốn mua rồi, anh ta sực nhớ lại, bảo: "Tôi quên đem cái ni theo, để tôi trở về lấy". Rồi quay về nhà, khi trở lại chợ thì chợ đã tan, không mua giày được. Người ta hỏi: "Sao không lấy chân để thử giày". Đáp: "Nên tin cái ni, chứ không nên tin mình".



Kinh 4

Đâu có lợi thì dân theo về, danh được hiển thì kẻ sĩ chịu chết. Vì vậy, tuy kẻ dưới có công nhưng không hợp pháp mà cũng được thưởng thì người trên không được lợi gì ở kẻ dưới cả; tuy có thanh danh nhưng không hợp pháp mà cũng được khen thì kẻ sĩ lo cầu cái danh cho họ mà không bồi đắp cho danh của vua[405] *(...)*

Truyện 4a)

Vương Đăng làm quan lệnh Trung Mâu, trình lên Tương chủ[406] rằng: "Trung Mâu có hai kẻ sĩ tên là Trung Chương và Tư Kì, đức rất trau giồi, học lại uyên bác,

sao nhà vua không dùng họ?”. Tương chủ đáp: “Ông tìm gặp họ đi, ta sẽ đề cử họ làm trung đại phu”. Quan tướng quốc can: “Trung đại phu là chức quan trọng của Tấn, họ không có công mà được chức đó, không hợp với quan chế của Tấn. Phải chăng nhà vua mới nghe nói về họ chứ chưa thấy họ?” Tương chủ đáp: “Khi ta thâu dụng (Vương) Đăng thì nghe nói rồi sau mới gặp; nay Đăng chọn người thì cũng lại nghe nói thì sau mới gặp; như vậy không ngớt dùng người khác làm tai mắt cho mình”. Thế là Vương Đăng một ngày tiến dụng hai trung đại phu, họ được cấp nhà và đất. Người Trung Mâu (thấy vậy) bỏ việc ruộng nương, bán nhà đất để theo học nghề văn đông đến phân nửa số dân trong ấp[407].

Truyện 4d)

Triệu Chủ phụ[408] sai Lý Tì xem nước Trung sơn có thể đánh được không. Lý Tì trở về đáp: “Đánh được. Nếu nhà vua không đánh gấp thì Tề, Yên sẽ đánh trước”. Chủ Phụ hỏi: “Đánh được là tại sao?” Đáp: “Vua nước đó thích thân cận với bọn sĩ ẩn trong hang núi, tự nghiêng lọng, ngồi chung xe[409] với hơn chục kẻ sĩ ở nơi hang cùng ngõ hẻm, dùng lễ bình đẳng đối với trên trăm kẻ sĩ áo vải”. Nhà vua bảo: “Theo lời ông nói thì ông ấy là một ông vua có hiền đức, sao lại nên đánh?”. Đáp: “Không phải vậy. Thích kẻ ẩn sĩ nổi danh mà dùng họ trong triều thì chiến sĩ sẽ biếng nhác ngoài mặt trận. Ở

trên tôn trọng bọn học giả, ở dưới kẻ sĩ được dùng tại triều thì nông phu biếng nhác ở ngoài ruộng. Chiến sĩ biếng nhác ở mặt trận thì binh yếu, nông phu biếng nhác ở ngoài ruộng thì nước nghèo; ở ngoài binh yếu hơn địch, ở trong thì nước nghèo, như vậy không mất nước là điều chưa từng thấy; đánh Trung Sơn cũng là phải chứ?" Chủ phụ khen "phải", rồi đem quân đánh Trung Sơn, diệt được.



Kinh 5

Kinh Thi có câu: "Không đích thân làm lấy thì dân không tin" (...) Nhưng nếu không định rõ chức phận cao thấp, không bắt bề tôi làm cho được việc, mà

tự mình làm việc của kẻ ở địa vị dưới thì cũng như xuống xe chạy bộ, ngủ khi đọc sách (...).

Truyện 5a)

Tề Hoàn Công thích mặc áo màu tía, (do đó) cả nước đều mặc đồ tía, mà lụa tía hóa ra đắt gấp năm lần lụa trắng. Hoàn Công lo, hỏi Quản Trọng: "Quả nhân thích mặc màu tía, màu tía đắt quá mà trăm họ vẫn cứ thích màu tía, làm sao bây giờ". Quản Trọng đáp: "Nhà vua muốn cấm chỉ sao không thử thôi không mặc màu tía!" Hoàn Công bảo: "Phải" rồi nói với kẻ tả hữu: "Ta rất ghét mùi hôi của màu tía". Từ lúc ấy kẻ tả hữu có ai bận màu tía lại gần ông, ông đều bảo: "Dang ra, ta ghét mùi hôi của màu tía". Hôm đó, trong cung

không ai mặc màu tía nữa, hôm sau tại kinh đô không ai mặc màu tía nữa, qua ngày thứ ba trong cõi không còn ai mặc màu tía hết.

(Còn một thuyết khác đại ý hệt như thuyết trên, nên chúng tôi bỏ).

Truyện 5c)

Tống Tương công giao chiến với Sở ở Trác cốc (một cái hang bên bờ sông Trác). Quân Tống đã bày thế trận rồi mà quân Sở chưa qua sông. Quan hữu tư mã là Cấu Cường chạy tới dâng kế:

- Quân Sở đông mà quân Tống ít, nên thừa lúc họ mới qua được nửa số, chưa bày xong thế trận mà đánh thì họ tất thua.

Tương Công đáp:

- Quả nhân nghe người quân tử bảo:

Đừng tàn hại người đã bị thương, đừng bắt người có hai thứ tóc, đừng đẩy người ta vào chỗ hiểm, đừng đánh trống thúc quân tấn công khi người ta chưa bày xong thế trận. Nay quân Sở chưa qua hết mà đánh họ, là trái với điều nghĩa; hãy đợi họ qua sông hết, rồi sẽ đánh trống thúc quân tiến lên.

Quan hữu tư mã bảo:

- Nhà vua không thương dân nước Tống, để cho kẻ tâm phúc không được trọn vẹn (tức là chết), chỉ là giả (nhân) nghĩa[410].

Tương công bảo:

- Ông không trở về hàng ngũ, ta sẽ thi hành quân pháp. Quan hữu tư mã trở về hàng. Quân Sở đã sắp thành thế trận,

Tương công mới đánh trống thúc quân. Quân Tống đại bại, ông bị thương ở bắp vế, ba ngày sau chết. Đó là cái họa hâm mộ nhân nghĩa.

Truyện 5d)

Tề Cảnh Công đi chơi Thiếu hải (tức Bột hải ở ngoài khơi tỉnh Sơn Đông). Một người trạm phi ngựa từ kinh đô tới tâu: "Tướng quốc Án Anh đau nặng sắp chết, e công về không kịp". Công vụt đứng dậy. Một người trạm khác lại phi ngựa tới. Công sai thắng gấp con ngựa Phiền Táng[411] vào cỗ xe và sai Hàn Khu[412] đánh xe. Mới chạy được vài trăm bước, cho rằng Hàn Khu đánh xe chậm quá, công giằng lấy dây cương, đánh xe lấy. Lại

được vài trăm bước nữa, cho rằng ngựa chạy chậm rì rì, công bỏ xe chạy bộ. Phiền Táng là con ngựa tốt, Hàn Khu là người đánh xe giỏi mà còn cho rằng không bằng xuống xe chạy bộ!

Truyện 5đ)

Ngụy Chiêu vương muốn dự vào công việc của các quan, bảo Mạnh Thường quân: "Quả nhân muốn dự vào công việc của các quan". Mạnh Thường quân nói: "Nhà vua muốn dự vào công việc của các quan thì sao không thử tập đọc luật pháp?" Chiêu vương mới đọc được trên mười cái thẻ[413] đã ngủ gục. Ông bảo: "Quả nhân đọc không nổi thứ luật pháp này".

Không đích thân nắm quyền bính mà

muốn làm công việc để cho bề tôi làm, thì tất nhiên là (mệt mỏi) phải ngủ gục!



Kinh 6

Việc nhỏ mà tin rồi thì việc lớn mới tin được. Cho nên bậc minh chủ phải thủ tín từ việc nhỏ tới việc lớn[414]*. Thưởng phạt mà không thủ tín thì cấm lệnh không được thi hành. (...)*

Truyện 6a)

Tấn Văn Công đánh đất Nguyên, đem theo mười ngày lương thực, hẹn với các quan đại phu mười ngày sẽ về. Tới Nguyên mười ngày rồi mà không hạ được,

ông đánh thanh la[415] rút quân về. Có người lính từ trong thành Nguyên ra thưa: "Đánh Nguyên ba ngày nữa thì tất hạ được". Quần thần tả hữu đều can ông: "Nguyên, lương thực đã hết, sức đã kiệt, xin nhà vua chịu khó đợi". Ông đáp: "Ta đã định kì hạn là mười ngày với sĩ tốt, nếu bây giờ không lui binh thì thất tín mất. Được đất Nguyên mà phải thất tín, ta không làm". Rồi ông bãi binh, rút về. Người đất Nguyên nghe thấy vậy, bảo: "Có ông vua thủ tín như vậy, có nên không qui phục chăng?", rồi kéo nhau ra hàng. Người nước Vệ nghe thấy vậy bảo: "Có ông vua thủ tín như vậy, có nên không đi theo chăng?" rồi hàng ông. Khổng tử nghe nói rồi ghi lại: "Đánh đất Nguyên mà được nước Vệ là nhờ chữ tín."

Truyện 6d)

Ngụy Văn hầu hẹn đi săn với người nước Ngu. Đúng ngày hẹn[416] thì trời nổi cơn giông. Kẻ tả hữu khuyên đừng đi, ông không nghe, bảo: "Không nên. Lấy lẽ trời nổi cơn giông gió mà thất tín, ta không làm vậy được". Rồi tự lấy xe xông pha cơn giông, tới chỗ hẹn, nhưng người nước Ngu chưa tới, bèn bãi cuộc đi săn[417].

Truyện 6đ)

Vợ Tăng tử (Tăng Sâm, môn sinh của Khổng tử) đi chợ, đứa con chạy theo khóc. Bà dỗ nó: "Con về đi, mẹ đi chợ về sẽ làm thịt heo cho con ăn". Lúc bà đi chợ về, Tăng tử muốn bắt heo để giết, bà vợ ngăn:

“Tôi nói đùa với nó vậy thôi mà”. Tăng tử bảo: “Mình cho là nói đùa, chứ trẻ không cho là nói đùa[418]. Trẻ không phải tự nhiên biết, toàn là học của cha mẹ, nghe lời cha mẹ bảo. Nay mình nói láo với nó tức là dạy nó nói láo. Mẹ nói láo với con, con mà không tin cha mẹ được, đó không phải là cách dạy con”. Rồi ông làm thịt con heo, đem luộc.

THIÊN XXXIII

NGOẠI TRỪ THUYẾT TẢ HẠ (trích)

(NHỮNG THUẬT ĐỂ DÀNH MÀ DÙNG – THIÊN NGOẠI, TẢ, HẠ)

Kinh 1

Có tội mà bị trừng phạt thì không oán bề trên như người giữ cửa cụt chân cứu Tử Cao: Có công mà được thưởng thì không cho đó là một ân huệ (...) như Chiêu Mão coi năm cỗ xe không hơn xà cạp và dép cỏ.

Truyện 1a)

Khổng tử làm tướng quốc nước Vệ[419], học trò là Tử Cao làm chức coi ngục, chặt chân một người phạm tội, người này sau làm chân giữ cửa. Có người ghét Khổng tử, nói với vua nước Vệ: "Trọng Ni muốn làm loạn". Vua nước Vệ bắt Khổng tử, Khổng tử chạy kịp, các môn sinh đều trốn thoát, (chỉ có) Tử Cao không ra được vì cửa (thành) đã đóng[420], người cụt chân dẫn ông ta núp trong cái phòng ở chân cửa, viên lại tìm ông không được. Nửa đêm, Tử Cao hỏi người cụt chân: "Tôi không thể không thi hành pháp lệnh của vua, nên đích thân chặt chân của ông. Nay là lúc ông báo thù, mà sao ông lại

giúp tôi trốn (ở đây)? Sao tôi lại được ông cứu như vậy?" Người cụt chân đáp: "Tôi bị chặt chân, vì tội tôi đáng vậy, làm sao khác được? Nhưng khi ngài định tội tôi, ngài xét mọi khía cạnh của pháp lệnh, tìm cách giúp tôi[421], muốn cho tôi khỏi tội, tôi biết vậy. Đến khi án đã quyết, tội đã định, ngài luôn buồn bã không vui, hiện rõ trên mặt, tôi thấy và biết vậy. Không phải ngài riêng thương tôi, bẩm tính ngài nhân từ như vậy. Tôi vui và mang ơn ngài là vì thế" (...).

Truyện 1c)

Tần và Hàn đánh Ngụy, Chiêu Mão (bề tôi nước Ngụy) qua phía Tây (Tần ở phía Tây) du thuyết mà Tần và Hàn bãi binh. Tề

và Kinh đánh Ngụy, Mão qua phía Đông (Tề ở phía đông) du thuyết mà Tề và Kinh bãi binh. Ngụy Tương vương thưởng ông lộc năm cỗ xe[422], Mão nói: "Bá Di được chôn cất theo cấp tướng quân ở chân núi Thú Dương, và thiên hạ đều bảo: "Hiền (có khí tiết) và có tiếng nhân nghĩa như Bá Di mà chôn cất theo cấp tướng quân thì (cũng như) chôn còn hở tay chân[423]. Ngay thần bãi binh được bốn nước mà nhà vua cho thần lộc năm cỗ xe thì khác chi cho thần xà cạp và dép cỏ[424]".

^¤^

Kinh 2

Nên cậy vào thế lực mà không nên cậy vào tín nhiệm[425]*, cho nên Đông Quách Nha chống lại việc Quản Trọng làm tướng quốc; nên cậy vào thuật mà không nên cậy vào tín nhiệm, cho nên Hồn Hiên chỉ trích Văn Công. Bậc vua chúa có thuật trị nước thì thưởng một cách xác đáng để bề tôi phát triển hết tài năng, trừng phạt một cách cương quyết để ngăn cản gian tà, như vậy bề tôi dù có hành động lộn xộn, mình cũng lợi dụng được (...)*

Truyện 2a)

Tề Hoàn Công sắp lập Quản Trọng làm trọng phụ[426], ra lệnh cho quần thần:

“Quả nhân sắp lập Quản Trọng làm Trọng Phụ, ai tán thành thì vào cửa rồi đứng qua bên trái, ai không tán thành thì vào cửa rồi đứng qua bên phải”, Đông Quách Nha đứng ở giữa. Hoàn công hỏi:

- Quả nhân lập Quản Trọng làm trọng phụ, ra lệnh ai tán thành thì đứng bên trái, không tán thành thì đứng bên phải, sao ông lại đứng ở giữa cửa?

Nha đáp:

- Thông minh như Quản Trọng có thể mưu tính lấy thiên hạ được không?

Công đáp:

- Được.

- Quyết đoán như Quản Trọng có dám làm đại sự không?

Công đáp:

- Dám.

Nha nói:

- Thông minh có thể lấy thiên hạ, quyết đoán dám làm đại sự, mà nhà vua giao quyền bính cho ông ta thì ông ta tất dựa vào thế lực của nhà vua để trị nước Tề, có thể không nguy được không.

Công khen phải, rồi cho Thấp Bằng coi về nội chính, Quản Trọng coi về ngoại giao, hai người dòm ngó nhau[427].

Truyện 2b)

Tấn Văn Công lưu vong ra nước ngoài. Cơ Trịnh bưng bình thức ăn theo hầu, lạc đường, mất dấu Văn công, khóc trên đường, nhịn đói rồi ngủ, chứ không dám ăn. Khi Văn công về nước, đem quân đánh

đất Nguyên, chiếm được. Ông bảo: "Người chịu nhịn đói để giữ thức ăn trong bình cho ta, chắc không vì đất Nguyên mà phản ta", rồi phong cho Cơ Trịnh làm huyện lệnh đất Nguyên. Quan đại phu Hồn Hiền nghe vậy, chê rằng: "Vì cái lẽ không đụng vào thức ăn trong bình mà tin rằng sẽ không vì đất Nguyên mà phản mình, chẳng phải là không có thuật trị nước ư? Bậc minh chủ không cậy vào cái lẽ bề tôi không phản mình mà ỷ vào cái lẽ họ không phản được mình, không ỷ vào cái lẽ họ không gạt mình mà ỷ vào cái lẽ họ không gạt được mình".

Truyện 2c)

Dương Hổ bàn rằng: "Chúa mà hiền minh thì mình hết lòng phụng sự, nếu bất

tài thi mình làm điều gian để thử chúa”. Ông ta bị đuổi ở nước Lỗ, bị nghi ở nước Tề[428], phải trốn qua Triệu, được Triệu Giản chủ tiếp, phong làm tướng quốc; kẻ tả hữu hỏi: “Hổ giỏi cướp chính quyền, sao nhà vua lại dùng làm tướng quốc?”. Giản Chủ đáp: “Dương Hổ lo cướp chính quyền, ta lo giữ”, và ông dùng thuật để khống chế Hổ, Hổ không dám làm bậy, trung thành phụng sự, làm cho Giản chủ mạnh hơn lên, gần thành một bá chủ chư hầu.



Kinh 3

Văn Vương bỏ cái lễ vua tôi mà buộc lấy dây vớ, có lỗi mà còn khoe; Quí Tôn

không phân biệt lúc ở triều, lúc về nhà, lúc nào cũng trang trọng, rốt cuộc bị hại.

Truyện 3a)

(Chu) Văn vương đem quân đánh nước Sùng, đến gò Phượng Hoàng thì dây vớ tuột, ông tự buộc lại. Thái Công Vọng hỏi: "Sao nhà vua lại tự buộc lấy?" Văn Vương đáp: "Những người mà vua dùng, bậc trên đều là thầy của vua, bậc giữa đều là bạn, bậc dưới đều là người sai khiến[429]. Ở đây đều là bề tôi của tiên vương, nên không có ai để sai khiến".

Một thuyết khác bảo:

Tấn Văn Công giao chiến với Sở, tới gò Phượng Hoàng, dây dép tuột ra, ông tự buộc lại. Kẻ tả hữu hỏi:

- Nhà vua không sai người buộc lại cho được ư?

Ông đáp

- Ta nghe nói vua bậc trên ở gần ai thì đều nể họ; vua bậc trung ở gần ai thì đều yêu họ; vua bậc dưới ở gần ai thì đều khinh họ. Quả nhân tuy bất tiếu nhưng người của tiên vương còn đó, cho nên khó sai ai được.

Truyện 3b)

Quí Tôn thích nuôi kẻ sĩ, suốt đời trang trọng, cách cư xử và ăn mặc ở nhà lúc nào cũng như ở triều đình. Nhưng có lần ông làm biếng nên sơ thất, không trang trọng được hoài. Các khách (kẻ sĩ ông nuôi) cho rằng ông đã chán và khinh họ nên oán ông, giết ông. Vì vậy bậc quân tử nên bỏ cái gì

thái quá[430].



Kinh 4

Khiến cho phạm điều mình cấm được lợi, hễ làm lợi cho mình lại bị cấm, như vậy vua dù là thần thánh cũng không trị nước được. Khen kẻ có tội, chê kẻ đáng thưởng thì dù là vua Nghiêu cũng không trị nước được. Làm cửa mà không cho người ta vào, bày cái lợi ra mà không cho người ta tiến lại (để hưởng), mối loạn sinh ra từ đó (...)

Truyện 4b)

Tây Môn Báo làm quan lệnh đất

Nghiệp, nghiêm khắc liêm khiết, không mảy may tư lợi, coi thường kẻ tả hữu của vua nên bọn họ kết bè nhau để hủy báng ông. Được một năm ông dâng báo cáo lên, nhà vua thu ấn của ông lại. Ông dâng biểu xin vua: “Trước thần không biết cách cai trị đất Nghiệp, nay thần biết rồi, xin được giao ấn lại để cai trị đất Nghiệp lần nữa, không được việc thì xin chịu tội chém.” (Vua là) Văn Hầu thương tình cho phục chức. Từ đó Báo đánh thuế nặng bách tính, hối lộ kẻ tả hữu của vua. Được một năm ông dâng báo cáo lên. Văn Hầu nghinh tiếp và bái tạ ông, ông thưa: “Năm trước thần vì nhà vua mà trị đất Nghiệp thì nhà vua thu ấn của thần; năm nay thần vì các tả hữu của nhà vua mà trị đất Nghiệp thì vua bái tạ thần. Thần không thể trị đất Nghiệp

được nữa". Rồi trả ấn mà đi. Văn Hầu không nhận, bảo: "Trước kia quả nhân không biết ông, nay biết rồi, xin ông vì quả nhân mà rán trị đất Nghiệp cho". Và trả lại ấn.

Truyện 4d)

Tử Xước nói không có thể đồng thời tay trái vẽ hình vuông và tay phải vẽ hình tròn được.

Truyện 4đ)

Dùng thịt đuổi kiến thì kiến càng đông, dùng cá đuổi ruồi thì ruồi càng bu lại[431].

^¤^

Kinh 5

Bề tôi nào quá tự ti và tiết kiệm thì tước lộc không đủ để khuyến khích; ân sủng và vinh quang mà ban phát không tiết độ thì bề tôi áp bức vua chúa (...)

Bè đảng phụ họa cho nhau, bề tôi thỏa mãn được tư dục thì vua bị cô lập; quần thần lấy công tâm mà đề cử người, kẻ dưới không phụ họa nhau (làm điều gian) thì là vua sáng suốt (...)

Truyện 5a)

Vu Hiến Bá làm tướng quốc nước Tấn[432] mà rau lê rau hoắc mọc đầy dưới sân, gai góc sum suê ngoài cửa, bữa ăn không hai món, chỗ ngồi không có hai

lớp chiếu, vợ không mặc đồ lụa, ở nhà không cho ngựa ăn lúa, ra ngoài không có xe theo hầu. Thúc Hưởng hay điều đó, lại nói với Miêu Bôn Hoàng, Bôn Hoàng chê: "Như vậy là lấy tước lộc của vua làm vui lòng kẻ dưới".

(Còn một thuyết khác, đại ý cũng vậy chúng tôi bỏ).

Truyện 5b)

Quản Trọng làm tướng quốc nước Tề, tâu với vua:

- Thần sang nhưng nghèo.

Hoàn Công bảo:

- Cho ông có nhà tam qui[433].

(Có nhà tam qui rồi) Quản Trọng lại tâu:

- Thần đã giàu rồi, nhưng địa vị thần còn thấp.

Hoàn Công đặt ông ta lên trên họ Cao, và họ Quốc (hai quí tộc lớn nhất của nước Tề). Ông ta lại xin:

- Địa vị của thần cao rồi, nhưng thần còn sơ với nhà vua (không được ở trong công tộc).

Hoàn Công bèn lập ông làm trọng phụ (như hàng cha chú của vua).

Khổng tử nghe chuyện đó, chê Quản Trọng là "xa xỉ quá đáng, bức hiếp vua"[434].

Còn 1 thuyết khác: "Quản Trọng ra ngoài thì dùng xe bọc màu đỏ với người hầu mặc áo xanh, về nhà thì cho đánh trống, trước sân bày vạc, trong nhà có đài

tam qui. Khổng Tử nói: "Ông ta là một quan đại phu giỏi, nhưng quá đáng, và bức cấp trên".

(Đoạn dưới chép về Tôn Thúc Ngao, tướng quốc Sở, chúng tôi bỏ).

Truyện 5d)

Đất Trung Mâu không có quan lệnh, Tấn Bình Công hỏi Triệu Võ:

- Trung Mâu là tay chân của Tấn, vai lưng của Hàm Đan, quả nhân muốn có một quan lệnh tốt ở đó, dùng ai được bây giờ?

Võ thưa:

- Có thể dùng Hình Bá Tử.

Công hỏi:

- Người đó không phải là kẻ thù của ông ư?

- Thù riêng không vào cửa công (nghĩa là việc công việc nước thì không kể đến thù riêng).

Công lại hỏi:

- Còn chức lệnh ở Trung phủ thì dùng ai?

- Dùng con của thần được.

Cho nên bảo: "Triệu Võ tiến cử người ở ngoài họ mình thì không chừa kẻ thù, tiến cử người trong thân thuộc của mình[435] thì không chừa con". Ông tiến cử 46 người, đến khi ông mất, họ đều đến điếu với tư cách là khách (chứ không thân mật như người nhà). Đức vô tư của ông như vậy đó (...)

Truyện 5e)

Giải Hồ tiến cử kẻ thù của mình làm tướng quốc cho Giản chủ. Người thù đó cho rằng mình may mắn được tha thứ rồi nên lại bái tạ. Hồ giương cung muốn bắn ông ta, bảo: "Tiến cử người là việc công, vì cho rằng ngươi lãnh được nhiệm vụ; còn thù ngươi thì là cái oán riêng, ta không vì oán riêng mà chặn đường của ngươi, không tiến cử ngươi lên với vua". Vì vậy có ân oán riêng thì không vào cửa công[436].



Kinh 6

Vua[437] *hèn kém thì kị lời nói thẳng, ân nghĩa riêng tư mà chiếm phần ưu*

thắng thì công nghiệp của vua sẽ ít.

Truyện 6

(Bốn truyện trong phần này không thực là những dẫn chứng mà chỉ hơi có liên quan tới phần kinh).

Truyện đầu là lời Võ tử khuyên con đừng nói thẳng mà nguy đến thân; truyện thứ 2 thì là lời Tử Quốc khuyên con là Tử Sản (tướng quốc nước Trịnh) đừng nên trung với vua vì bị quần thần ghét mà nguy đến thân; truyện thứ 3 Lương Xa có công tâm quá tới mức chặt chân chị khi chị phạm tội nhỏ, vua đã chẳng khen mà còn chê là bất từ, cách chức huyện lệnh của ông ta; truyện cuối cùng, Quản Trọng bị bắt, từ nước Lỗ giải về Tề, dọc đường đói khát, được một người giữ biên giới tặng

thức ăn. Người này hỏi sau này được trọng dụng thì Quản Trọng sẽ đền ơn anh ta ra sao. Quản Trọng không nghĩ đến ơn riêng đó, đáp sẽ dùng người hiền để giúp nước, và bị anh ta oán.

THIÊN XXXIV

NGOẠI TRỪ THUYẾT HỮU THƯỢNG (trích)

(NHỮNG THUẬT ĐỂ DÀNH MÀ DÙNG – THIÊN NGOẠI, HỮU, THƯỢNG)

Kinh 1

Bề tôi nào mà vua dùng quyền thế cải

hóa không được thì trừ đi (...)

Truyện 1a)

Thưởng và khen không khuyến khích được, phạt và chê cũng không sợ, dùng cả bốn cách mà không biến đổi được thì trừ đi.

Truyện 1d)

Người đi săn nhờ sự vững chắc của xe, dùng chân của sáu con ngựa, sai Vương Lương (một người giỏi đánh xe ngựa) cầm cương thì thân không mệt mà đuổi kịp những con thú chạy nhanh. Nay bỏ cái tiện lợi của xe, không dùng sáu con ngựa, không dùng tài đánh xe của Vương Lương mà xuống xe chạy bộ đuổi theo con thú thì dù có chân của Lâu Quí (một người chạy

rất nhanh) cũng không sao đuổi kịp thú. Dùng ngựa tốt xe bền thì dù kẻ tôi tớ (không quen đi săn) cũng dư sức săn được thú. Nước là xe của vua, quyền (thế) là ngựa của vua, không dùng cái thế để cấm và giết bọn bề tôi chuyên mua lòng dân (bằng cách ban ân huệ riêng cho dân), mà cứ muốn phải có đức để cùng tranh dân với bề tôi thì cũng như không dùng xe của vua, sức của ngựa mà bỏ xe xuống chạy bộ vậy.

Truyện 1đ)

Tử Hạ, môn đệ của Khổng Tử, nói: "Sách *Xuân Thu* chép cả chục vụ bề tôi giết vua, con giết cha, tất cả những vụ đó đều không phải chỉ trong một ngày mà xảy ra, trái lại do chất chứa dần dần rồi sau

mới phát”. Kẻ gian làm bậy với dân, mỗi ngày một chất chứa, chất chứa rồi thì sức mạnh lên, có thể giết vua, vì vậy mà bậc minh chủ nên sớm diệt họ. Nay Điền Thường[438] đã làm loạn, đã lần lần thấy rồi, mà vua (Tề Giản Công) không giết đi, Án Tử không khuyên vua giết bọn bề tôi xâm lăng mà khuyên ban ân huệ cho dân, vì vậy mà sau Giản Công bị họa. Cho nên Tử Hạ bảo: “Người nào giỏi nắm cái thế thì diệt ngay ý gian khi nó mới manh nha”.

Truyện 1g)

Thái Công Vọng được phong ở nước Tề, tại phía đông. Trên bờ biển đông nước Tề có hai anh em ruột đều là cư sĩ: Cuồng Duật và Hoa Sĩ. Họ bàn với nhau: “Chúng

ta không làm bề tôi thiên tử, không làm bạn chư hầu, cày ruộng mà ăn, đào giếng mà uống, không cầu gì ở người khác, không nhận danh hiệu (chức tước), bổng lộc của vua, không làm quan, mà lao động để sống”! Thái công Vọng khi đến Doanh Khâu (kinh đô Tề lúc đó) sai bắt giết hai người ấy, đó là đợt giết đầu tiên.

Chu công Đán ở nước Lỗ hay tin, phái người gấp tới hỏi: “Hai người đó là bậc hiền, nay ông mới tới nhận nước, đã giết ngay người hiền, tại sao vậy?” Thái công Vọng đáp: “Hai anh em nhà đó bàn với nhau: “Chúng ta không làm bề tôi thiên tử không làm bạn chư hầu, cày ruộng mà ăn, đào giếng mà uống, không cầu gì ở người khác, không nhận danh hiệu, bổng lộc của vua, không làm quan mà lao động để

sống”. Họ không chịu làm bề tôi của thiên tử thì Vọng này không coi họ là bề tôi được; họ cày ruộng mà ăn, đào giếng mà uống, không cầu gì ở người khác, thì tôi không thể thưởng phạt, khuyên cấm họ được. Vả lại họ không nhận danh hiệu vua ban thì dù họ có tài trí cũng không để cho Vọng tôi dùng; họ không cầu bổng lộc của vua thì dù họ có hiền đức cũng không lập công với Vọng được. Họ không chịu làm quan thì không trị họ được, họ không lãnh nhiệm vụ thì họ không trung với mình. Tiên vương sở dĩ sai khiến thần dân được là nhờ tước lộc hoăc hình phạt. Nay, dùng cả bốn cái đó không đủ để sai khiến họ thì Vọng tôi cai trị ai nổi bây giờ? Không đeo binh pháp mà được vẻ vang, không tự cày bừa mà nổi danh, đó cũng không phải là

điều đem ra dạy dân được (...). Họ tự cho là hiền sĩ trong đời mà không để cho chúa dùng, hạnh của họ cực hiền nhưng vô dụng cho vua, đó đâu phải là bề tôi của bậc minh chủ, có khác chi con ngựa kí (chạy rất nhanh) mà không lái qua tả qua hữu được, vì vậy mà tôi phải giết.



Kinh 2

Bậc vua chúa là cái đích lợi và hại (ai nhắm trúng, tức đoán đúng ý của vua, thì có lợi, ngược lại thì có hại. Người nhắm đích rất đông, cho nên bậc vua chúa dễ bị chia uy quyền với bề tôi[439]*. Vì vậy nếu điều yêu ghét của vua bộc lộ ra thì bề tôi lợi dụng mà làm cho vua bị mê*

hoặc; vua tiết lộ lời của bề tôi cho người khác biết thì bề tôi khó nói (tố cáo) mà vua không còn là thần thánh nữa (...)

Truyện 2a)

Thân tử (Thân Bất Hại) nói: “Sự sáng suốt của bề trên mà để lộ ra thì người dưới sẽ đề phòng; sự không sáng suốt của bề trên mà để lộ ra thì người dưới sẽ gạt bề trên; sự hiểu biết của bề trên mà để lộ ra thì người dưới sẽ dối sự thật; sự không ham muốn mà để lộ ra thì bề dưới sẽ rình bề trên; sự ham muốn của bề trên mà lộ ra thì người dưới sẽ nhử bề trên. Cho nên bảo: “Ta không dựa vào đâu mà biết người (tức bề tôi) được, chỉ có vô vi (không làm gì cả) là có thể dò xét được họ

thôi”[440].

Truyện 2d)

Tĩnh Quách quân (Điền Anh) làm tướng quốc nước Tề. Vợ vua chết, chưa biết ai sẽ được lập làm hoàng hậu, ông dâng vua hoa tai bằng ngọc để biết. (Truyện này giống Truyện Tề III 2 trong *Chiến Quốc sách*).

Truyện 2e)

(Tần Huệ vương đuổi Công tôn Diễn đi, vì nghe lời gièm pha của Cam Mậu mà ngờ Công tôn Diễm bép xép để tiết lộ việc ông cho Diễn làm tướng quốc thay Cam Mậu. (Truyện này chép trong *Chiến Quốc sách* - Tần II 13, nên chúng tôi không dịch

lại[441]).

Truyện 2g)

Đường Khê công nói với (Hàn) Chiêu hầu: “Nay có một cái chén ngọc đáng giá ngàn vàng mà không có đáy, có thể đựng rượu được không?”. Chiêu hầu đáp: “Không được”.

- Có cái vò bằng đất nung mà không rịn, có thể đựng rượu được không?

- Được.

- Cái vò bằng đất, cực xấu xí rẻ tiền, mà không rịn thì đựng được rượu, còn cái chén ngọc đáng giá ngàn vàng, cực quí mà không có đáy thì đựng nước cũng không được, thì còn ai rót nước uống vào đó nữa? Làm vua mà tiết lộ lời nói của bề tôi

thì không khác gì chén ngọc không đáy, dù là bậc thánh trí cũng không dùng hết thuật được vì không kín tiếng.

Chiêu hầu đáp:

- Phải.

Ông nghe lời khuyên của Đường Khê công, từ đó về sau, hễ muốn thi hành một việc lớn trong thiên hạ thì luôn luôn ngủ một mình sợ ngủ mê, nói mớ mà người khác biết mưu tính của mình.

(Còn một thuyết nữa, gần y hệt thuyết trên; bỏ).

^¤^

Kinh 3

Thuật sở dĩ không thi hành được là có lý do; (người bán rượu) không giết con

chó (dữ) thì rượu hóa chua, mà bọn bề tôi cầm quyền là bầy chó dữ của nước; còn bọn tả hữu của vua là bầy chuột làm hại nền xã tắc (vì dòm ngó tình ý của vua). (...) (Muốn diệt bọn đó thì phải cương quyết như) Trang vương trả lời thái tử (bắt thái tử giữ phép nước như mọi người) (...) (và phải nén đau khổ trừ bỏ bề tôi mình yêu nhất nếu họ phạm pháp như) Văn công chém Điên Hiệt[442]).

Truyện 3a)

Nước Tống có người bán rượu, đong rượu rất ngay thẳng, tiếp khách rất ân cần, bài rượu treo thật cao, nhưng vẫn ế, rượu (để lâu) hóa chua, lấy làm lạ, hỏi một ông

già trong xóm tên là Dương Thiến.

Thiến đáp:

- Tại chó của chú dữ quá!

Hỏi:

- Chó dữ thì tại sao rượu lại ế?

Đáp:

- Có người sai trẻ mang tiền, cầm bình hoặc vò tới mua, chó của chú xông ra cắn, vì vậy rượu để tới chua, không người mua.

Nước cũng vậy, có loài chó dữ. Những kẻ sĩ biết đạo đem thuật (trị nước) tới muốn soi sáng cho bậc chúa muôn cỗ xe thì bọn đại thần làm chó dữ, xông ra cắn, vì vậy mà chúa bị che lấp, lấn áp, kẻ sĩ có đạo không được dùng.

Do lẽ đó mà (xưa kia khi Tề) Hoàn công hỏi Quản Trọng: “Trị nước thì cái gì

đáng lo nhất?", Quản Trọng đáp: "Đáng lo nhất là bầy chuột nền xã". Hỏi: "Sao lại lo chuột nền xã?" Đáp: "Nhà vua đã thấy người ta lập nền xã (nơi thờ thần đất đai) rồi chứ? Người ta trồng một cây (tượng trưng cho thổ thần), rồi tô đất màu lên. Chuột khoét đất, đào hang ở trong nền xã; hun khói thì sợ cây cháy mà dội nước thì sợ trôi mất màu, vì vậy mà không sao bắt được chuột nền xã. Nay bọn tả hữu của nhà vua khi ra thì ỷ vào quyền thế mà bóc lột dân chúng, khi vào thì lập bè đảng che giấu tội ác không cho vua thấy, bên trong dò xét tình ý của vua để cho bên ngoài biết, ở trong và ở ngoài, quyền thế đều lớn, ăn hối lộ của các quan lại mà hóa giàu. Người chấp chính không giết họ thì phép nước sẽ loạn mà giết thì vua không

chịu, che chở mà giữ họ[443], họ cũng là loài chuột nền xã trong nước đấy".

Hạng bề tôi cầm quyền mà tự ý ra cấm lệnh, khiến cho thiên hạ thấy rõ rằng ai vị họ thì tất có lợi, không vị họ thì tất bị hại, hạng đó cũng là chó dữ đấy. Đại thần làm chó dữ, cắn kẻ sĩ có đạo; kẻ tả hữu làm chuột nền xã dò xét tình ý của chúa, chúa không giác ngộ thì làm sao khỏi bị che lấp mà nước khỏi bị suy vong[444]!

(Còn một thuyết khác nữa, nội dung không khác, nên bỏ)

Truyện 3c)

Kinh Trang vương có phép "mao môn" (cũng gọi là trĩ môn)[445] bảo: "Quần

thần, đại phu và các công tử vào triều, nếu móng ngựa đạp lên chỗ ở dưới máng xối thì viên đình lý (coi sân chầu) sẽ chặt đòn xe và giết kẻ đánh xe”. Một hôm thái tử vô triều, móng ngựa đạp lên chỗ ở máng xối, viên đình lý bèn chặt đòn xe và giết người đánh xe. Thái tử nổi giận, vô khóc lóc với vua: “Xin vua vì con mà giết tên đình lý đi”. Trang vương đáp: “Đặt ra pháp luật là để kính trọng tôn miếu, xã tắc; cho nên ai lập pháp, theo lệnh tôn kính xã tắc thì đều là bề tôi của xã tắc, sao lại giết được? Còn kẻ phạm pháp, bỏ lệnh, không tôn kính xã tắc là lấn quyền thế của vua, phạm thượng. Bề tôi lấn quyền thế của vua thì vua mất uy: Kẻ dưới phạm thượng thì địa vị của bề trên nguy. Uy mất, địa vị nguy, xã tắc không giữ được, ta lấy gì mà để lại

cho con cháu?" Thái tử liền trở về, không vào nhà mà ở ngoài ba ngày, hướng về phía bắc lạy mấy lần, xin tha tội chết.

(Một thuyết khác nữa cũng giống thuyết trên, nên bỏ)

Truyện 3g)

(Truyện này dài, chúng tôi cắt trên, cắt dưới, chỉ dịch đoạn giữa) (...)

Tấn Văn Công hỏi Hồ Yển[446]:

- Hình phạt thi hành đến đâu là cùng cực?

Hồ Yển đáp:

- Không tránh người thân và đại thần, thi hành cả với người mình yêu.

Công khen:

- Phải.

Hôm sau, Công ra lệnh đi săn ở Phố Lục, ra hẹn giữa trưa phải tới chỗ, ai tới trễ thì bị trị tội như quân pháp. Một sủng thần của Công là Điên Hiệt tới trễ. Viên lại (thi hành mệnh lệnh) xin trị tội Điên Hiệt. Văn công rơi lệ, lo lắng, do dự. Viên lại nói: "Xin thi hành pháp luật", chém Điên Hiệt ngang lưng để cho dân chúng thấy rõ ràng pháp luật đã ban thì thi hành đúng. Từ đó dân chúng đều sợ, bảo: "Vua quí trọng Điên Hiệt như vậy mà còn thi hành pháp luật, huống hồ là đối với chúng ta" (...).

THIÊN XXXV

NGOẠI TRỪ THUYẾT HỮU HẠ (trích)

(NHỮNG THUẬT ĐỂ DÀNH MÀ DÙNG – THIÊN HẠ NGOẠI, HỮU, HẠ)

Kinh 1

Việc thưởng phạt giao cho bề tôi thì cấm lệnh không được thi hành (...).

Truyện 1b)

Quan tư thành (một chức lớn) Tử Hãn tâu với vua Tống: "Khen thưởng và ban ơn

là làm cho dân thích, việc đó xin vua đảm nhiệm lấy; chém giết, trừng phạt là làm cho dân ghét, việc này thần xin đảm đương". Vua Tống bảo: "Được". Từ đó hễ có việc ban lệnh ra oai, trừng trị đại thần thì ông bảo: "Hãy hỏi Tử Hãn". Do đó đại thần sợ Tử Hãn, dân chúng theo ông ta. Được một năm, Tử Hãn giết vua Tống cướp ngôi. Vậy là Tử Hãn dùng cách thả con heo nái (làm cho ngựa sợ)[447] để cướp nước của vua.



Kinh 2

Nước trị và mạnh là nhờ pháp luật; nước loạn và yếu là do bề tôi lập bè đảng mưu tư lợi[448]*. Vua chúa hiểu rõ lẽ đó*

thì dùng hình phạt cho đúng mà bỏ lòng nhân đối với kẻ dưới. Có công lao thì mới được tước lộc, có tội thì bị hình phạt. Bề tôi biết rõ như vậy thì tận lực tới chết mà bỏ lòng trung với vua[449]*. Vua hiểu cái lẽ bất nhân (không ban ơn riêng), bề tôi hiểu rõ cái lẽ bất trung thì có thể lập được nghiệp vương (...).*

Truyện 2a)

Tần Chiêu vương đau, dân chúng mỗi lý (hai mươi lăm nhà là một lý) chung nhau mua bò và nhà nào cũng cầu cho vua hết bệnh. Công tôn Thuật ra ngoài thấy vậy, bèn vào mừng vua: "Trăm họ đều chung nhau mỗi lý mua bò để cầu nguyện cho nhà vua hết bệnh". Chiêu vương sai

người đi dò hỏi, quả có như vậy, ra lệnh: “Phạt mỗi lý phải nộp hai áo giáp (bằng da tê ngưu). Không ra lệnh mà tự ý cầu nguyện là thương quả nhân. Họ thương quả nhân thì quả nhân cũng phải đổi pháp luật mà làm vừa lòng họ, như vậy pháp luật không đứng được, pháp luật không đứng được sẽ đưa tới nước loạn và mất nước. Không bằng phạt mỗi lý hai áo giáp mà cho nước loạn được trị trở lại”.

(Còn một thuyết nữa cũng đại ý như vậy, bỏ)

Truyện 2b)

Nước Tần rất đói kém. Ứng hầu[450] xin với vua: “Rau cỏ hột quả trong năm vườn của nhà vua đủ để cứu đói cho dân,

xin nhà vua phát cho họ". Chiêu Tương vương bảo: "Theo pháp luật nước Tần ta thì dân có công mới được thưởng, có tội mới bị phạt. Nay phát cho dân rau quả trong năm vườn, tức là dân có công hay không đều được thưởng cả. Khiến cho dân có công hay không đều được thưởng là gây loạn cho nước. Phát rau quả trong năm vườn mà nước loạn sao bằng đừng phát mà nước được trị".

Truyện 2d)

Công Nghi Hưu làm tướng quốc nước Lỗ thích ăn cá. Cả nước tranh nhau mua cá tặng ông, ông không nhận. Em trai ông hỏi: "Anh thích ăn cá mà sao người ta tặng lại không nhận!". Đáp: "Chỉ vì thích ăn cá mà không nhận đấy, vì nhận phải chịu ơn của

người, chịu ơn của người thì phải uốn cong pháp luật, uốn cong pháp luật thì mất chức tướng quốc, mất chức tướng quốc thì người trong nước không tặng ta cá nữa mà ta cũng không tự cung cấp cá được (vì hết bổng lộc). Còn như không nhận cá thì vẫn còn làm tướng quốc, có thích ăn cá thì tự cung cấp cá hoài được". Truyện đó cho ta thấy rõ ràng trông cậy ở người không bằng trông cậy ở mình, nhờ người ta làm cho mình không bằng tự mình làm lấy.



Kinh 3

Bậc vua chúa[451] *lấy việc nước ngoài làm gương, thì việc bên ngoài không thể không thành, bởi vậy mà Tô*

Đại chê vua Tề. Bậc vua chúa lấy việc thời cổ làm gương thì bọn xử sĩ (không ra làm quan) mà tư tưởng không hợp với nhà cầm quyền sẽ không được vinh hiển, bởi vậy mà Phan Thọ nói về tình của vua (Hạ) Vũ, (...). Phương Ngô không ngồi cùng xe với kẻ mặc áo như mình, không ở cùng nhà với người trong họ, huống hồ là cho người khác mượn quyền mình, Ngô Chương nói chuyện thì không vờ thương ghét, huống hồ là thương ghét thật (...).

Truyện 3a)

Tử Chi làm tướng quốc nước Yên, chức cao mà chuyên quyền. Tô Đại được vua Tề sai đi sứ qua Yên. Vua Yên hỏi: "Vua Tề là ông vua ra sao?" Đáp: "Không

thể làm bá chủ được"

- "Sao vậy?"

- "Xưa Tề Hoàn Công làm bá chủ, nội chính giao cho Bảo Thúc, ngoại giao giao cho Quản Trọng. Ông bỏ xõa tóc mà vui với đàn bà, suốt ngày dạo phố phường. Còn vua Tề ngày nay thì không tin đại thần."

Nghe lời Tô Đại, vua Yên càng tin Tử Chi hơn. Tử Chi biết chuyện đó, sai người tặng Tô Đại trăm dật vàng (mỗi dật khoảng 20 - 30 lượng) để ông ta tiêu.

(Còn một thuyết nữa, bỏ).

Truyện 3b)

Phan Thọ nói với vua Yên: "Nhà vua nên đem nước nhường cho Tử Chi. Người

ta sở dĩ khen vua Nghiêu hiền đức là vì ông nhường thiên hạ cho Hứa Do, Hứa Do tất không nhận, như vậy vua Nghiêu được tiếng là nhường thiên hạ cho Hứa Do mà thực ra vẫn không mất thiên hạ. Nay nhà vua nhường nước cho Tử Chi, Tử Chi tất không nhận; nhà vua sẽ được tiếng là nhường nước cho Tử Chi mà đức hạnh sẽ ngang với vua Nghiêu". Vua Yên bèn đem việc nước giao hết cho Tử Chi, quyền của Tử Chi cực lớn.

(Còn hai thuyết nữa, và chỉ hai thuyết này mới nhắc đến vua Hạ Vũ trong phần kinh đã nói, nhưng chúng tôi cũng bỏ vì ý nghĩa không khác. - xin ghi thêm: *Chiến Quốc Sách* - Yên I. 9[452] - cũng chép truyện đó gần giống hết thuyết thứ nhất

chúng tôi đã dịch).

Truyện 3c)

Phương Ngô Tử (không rõ là ai) bảo: "Ta nghe nói theo lối cổ, vua đi đường không ngồi cùng xe với người y phục đẹp đẽ như mình, tại nhà thì không ở chung với người trong họ mình (để người ngoài khỏi lầm những người trong họ đó là vua); huống hồ là cho bề tôi mượn quyền của mình mà làm mất cái (uy) thế của mình đi.

Truyện 3d)

Ngô Chương (bề tôi nước Hàn) nói với Hàn Tuyên vương: "Bậc vua chúa không nên giả vờ thương người vì như vậy một ngày kia không thể lại ghét họ trở lại được; không nên giả vờ ghét người vì như vậy

một ngày kia không thể lại thương họ trở lại được. Sự giả vờ thương hay ghét mà để lộ ra một chút thì kẻ nịnh bợ nhân đó mà khen chê (người mình giả vờ thương hay giả vờ ghét), (lúc đó) dù là bậc minh chủ cũng không bỏ được thái độ vờ thương, vờ ghét của mình, huống hồ lại thành thực thương hay ghét (thì làm sao còn có thể bỏ thương bỏ ghét được nữa).

Một thuyết khác bảo: Ngô Chương nói: "Bậc vua chúa không nên giả thương giả ghét bề tôi; giả thương rồi thì không trở lại ghét được nữa, giả ghét rồi thì không thể trở lại thương được nữa".

^¤^

Kinh 4

Bậc vua chúa là người giữ pháp luật, xét bề tôi có thể làm được việc hay không để định công. Nghe nói quan lại dù loạn thì vẫn có hạng dân riêng giữ được đức hạnh, tiết tháo (độc thiện kì thân); chứ không nghe nói dân loạn mà có quan lại riêng tốt (nghĩa là dân loạn luôn luôn do quan lại xấu), cho nên bậc minh chủ trị quan lại chứ không (trực tiếp) trị dân (hễ quan lại tốt thì dân không loạn) (...)

Truyện 4)

Muốn lay cây thì không kéo từng cái lá một, như vậy tốn công mà không xuể; nắm thân nó mà lắc qua phải qua trái thì lá đều rung rinh hết (...) Người khéo bủa lưới thì kéo dây lưới; chứ nếu kéo từng mắt lưới một cho tới hết cả vạn cái mắt thì mệt và

khó. Kéo dây lưới lên là bắt được cá rồi. Quan lại là dây lưới của dân, cho nên thánh nhân trị quan lại chứ không (trực tiếp) trị dân.

Truyện 4c)

Tháo Phủ (một người giỏi đánh xe thời cổ) đương cào cỏ, thấy hai cha con nhà nọ đi ngang. Con ngựa sợ, chùn lại, không chịu đi nữa. Người con xuống xe lôi nó, người cha xuống đẩy xe, và nhờ Tháo Phủ tiếp tay đẩy giùm. Tháo Phủ xếp đồ cào cỏ, buộc lại, đặt trên xe, giúp (cha) con nhà đó đánh xe, mới bắt đầu so cương cầm roi, chưa kéo cương, quất roi mà ngựa đã lồng lên. Nếu Tháo Phủ không biết đánh xe thì dù hết sức cực nhọc đẩy xe, ngựa cũng không đi. Đằng này ông khỏe ru, được ngồi

xe mà người lại mang ơn, chỉ nhờ ông có thuật đánh xe. Nước là xe của vua, (quyền thế) là ngựa của vua. Không có thuật để điều khiển (việc nước) thì đã mệt sức mà không tránh khỏi loạn; có thuật để điều khiển thì đã an lạc mà lại lập được nghiệp đế vương.



Kinh 5

Tùy theo cái "lý" (tại sao, thế nào), của việc mà hành động thì không mệt mà thành công. Vì vậy mà Tư Trịnh ngồi trên càng xe mà hát để qua cây cầu cao (...).

Truyện 5a)

Tư Trịnh tử đánh xe lên một cây cầu

cao mà không được, bèn ngồi trên càng xe mà hát, (tức thì) người đi trước ông ngừng lại, người đi sau đẩy xe cho ông và ông lên được dốc cầu. Nếu ông không có thuật lôi kéo người (để giúp ông) thì dù ông có gắng sức đến chết, xe cũng không lên cầu được. Đằng này ông khỏi phải mệt thân mà xe lên được, là nhờ ông có thuật lôi kéo người để giúp ông.

Truyện 5d)

Diên Lăng Trác tử ngồi trên xe thắng con ngựa lớn màu xanh có vằn như lông chim trĩ, phía trước có dây cương mang móc, phía sau có cây roi đầu nhọn, vì vậy mà ngựa muốn tiến thì bị cái móc cản, muốn lui thì bị đầu roi đâm, nó đành phải quay ngang. Tháo Phủ đi ngang qua, (thấy

vậy) rơi lệ, bảo: "Đời xưa trị dân cũng vậy. Thưởng là để khuyến khích, vậy mà thưởng rồi mà còn chê trách; phạt là để ngăn cấm, vậy mà phạt rồi lại còn khen thêm. Dân đứng giữa mà không biết theo đường nào, thánh nhân khóc cho họ là vì vậy".

THIÊN XXXVI

NẠN NHẤT (trích)

(BIỆN NẠN)

Nạn là những điều khó khăn hoặc khó hiểu. Trong thiên này và ba thiên sau, Hàn Phi bác bẻ (biện) những hành động của cổ nhân ông cho là không hợp lý (nạn), chủ ý cũng là để làm sáng tỏ thêm một số thuật trị nước của ông.

Thiên gồm chín tiết. Mỗi tiết gồm hai phần: Bắt đầu từ hai chữ "hoặc viết" (có kẻ bảo) là lời bác bẻ của Hàn Phi. Chúng

tôi đánh số mỗi tiết, lại đặt một tiêu đề (tóm tắt đại ý) cho mỗi tiết.

1. Trong chiến tranh phải lừa gạt quân địch

Tấn Văn Công sắp khai chiến với Sở, vời Cậu Phạm[453] lại hỏi:

- Ta sắp khai chiến với Sở, họ đông, ta ít, làm sao bây giờ?

Cậu Phạm đáp:

- Thần nghe nói người quân tử trọng lễ thì cực lực giữ sự trung tín; (nhưng) trong lúc chiến tranh không ngại trá ngụy, nhà vua cứ dùng mưu mô mà lừa gạt.

Văn công từ biệt Cậu Phạm rồi, vời Ung Quí vô mà hỏi:

- Ta sắp khai chiến với Sở, họ đông, ta ít, làm sao bây giờ?

Ung Quí đáp:

- Đốt rừng để săn bắn thì bắt được nhiều thú, nhưng sau sẽ không còn con nào nữa. Dối trá với dân thì thu lợi được một lần thôi, sau không gạt được lần nữa.

Văn công khen phải. Từ biệt Ung Quí rồi, ông dùng mưu của cậu Phạm đánh thắng được Sở. Lúc khải hoàn, ông ban tước để thưởng người có công, đặt Ung Quí ở trên Cậu Phạm. Quần thần hỏi:

- Trận đánh Thành Bộc là nhờ mưu của Cậu Phạm, dùng lời của cậu ấy mà thưởng công lại đặt cậu ấy ở sau, như vậy có nên chăng?

Văn công đáp:

- Lẽ ấy các ông không biết được. Lời Cậu Phạm chỉ là lời quyền biến dùng tạm một thời, còn lời của Ung Quí là cái lợi muôn đời.

Trọng Ni nghe chuyên đó bảo:

- Văn Công làm bá chủ chẳng cũng đáng ư? Đã biết lẽ quyền biến một thời, lại hiểu cái lợi vạn đại.

^¤^

Có người bảo: Ung Quí không trả lời đúng câu hỏi của Văn công. Trả lời một câu hỏi thì phải tùy vấn đề lớn hay nhỏ, hoãn hay gấp mà đáp. Vấn đề cao lớn mà mình đáp như thể nó nhỏ và hẹp thì bậc minh chủ không nghe. Văn công hỏi về cách lấy ít chống đông, mà đáp rằng: "Sau không gạt được lần nữa", như vậy là đáp

không đúng.

Lại thêm Văn công không biết cái lẽ quyền biến một thời, cũng không biết cái lợi muôn đời. Đánh mà thắng thì nước và thân mình đều được yên; binh mạnh và uy thế vững, sau có chiến tranh nữa cũng không thể lớn hơn vậy, thế thì sao lại lo không có cái lợi muôn đời? Còn như đánh mà không thắng thì nước mất, binh yếu, thân chết, danh mất, lo tránh được cái chết trước mắt còn không kịp, đâu còn rảnh để đợi cái lợi muôn đời? Cái lợi muôn đời ở trong cái thắng lợi ngày nay, mà cái thắng lợi ngày nay ở chỗ gạt kẻ địch. Cho nên bảo Ung Quí không đáp đúng câu hỏi của Văn công.

Vả lại, Văn công không hiểu lời của Cậu Phạm. Cậu Phạm bảo "Không ngại trá

ngụy" không phải là bảo lừa gạt dân của mình mà bảo là lừa gạt địch. Địch là nước mình đánh, sau dù không lừa gạt được lần nữa thì có hại gì đâu? Văn công sở dĩ đặt Ung Quí lên trên cậu Phạm, là vì ông ấy có công chăng? Nhưng thắng được quân Sở là do mưu của Cậu Phạm, vậy lời của Cậu mới đúng? Ung Quí chỉ nói "sau không gạt được lần nữa", lời không có gì là hay cả. Mà Cậu Phạm thì đã có đủ cả công lẫn lời nói hay. Cậu bảo: "Người quân tử trọng lễ thì cực lực giữ sự trung tín"; trung là để yêu kẻ dưới, tín là để không gạt dân, còn lời nào hay hơn lời đó nữa? Nhưng Cậu lại nói trá ngụy phải là mưu kế hành quân. Vậy Cậu Phạm trước đã nói được lời hay, sau lại có công chiến thắng, thế là có hai công mà lại bị để ra sau, còn Ung Quí

không có công nào lại được thưởng trước. “Văn công làm bá chủ, chẳng cũng đáng ư?” Trọng Ni nói vậy là không biết thưởng đúng.

2. Trị dân không phải là đem thân mình ra làm gương để cảm hóa dân mà là dùng cái thế để trừng trị dân, sửa đổi họ

Nông phu ở Lịch Sơn lấn ruộng nhau, ông Thuấn lại đó cày ruộng được một năm thì bờ ruộng đều chỉnh tề cả. Dân chài ở bờ sông (Hoàng Hà) tranh nhau các bãi trên sông, ông Thuấn đến đó đánh cá, được một năm thì người trẻ nhường những bãi đó cho người lớn tuổi. Đồ gốm thợ Đông

Di làm đều xấu dễ vỡ, ông Thuấn lại đó làm lò gốm, được một năm, các đồ gốm đều tốt, chắc chắn. Trọng Ni khen: "Làm ruộng, đánh cá, làm đồ gốm không phải là chức vụ của ông Thuấn, mà ông đích thân tới làm tại chỗ, là muốn sửa khuyết điểm cho dân. Ông quả thực là bậc nhân đức. Ông chịu khó nhọc mà dân chịu theo ông, cho nên bảo: "Thánh nhân dùng đức mà cảm hóa người".

^¤^

Có người bảo (...)

Ông Thuấn sửa khuyết điểm (cho dân), một năm mới sửa được một tật, ba năm được ba tật. Tuổi thọ của ông có hạn mà tật của dân thì vô cùng: Lấy cái hữu hạn để trừ cái vô cùng, thì trừ được bao nhiêu đâu. Nếu dùng sự thưởng phạt bắt dân thi

hành, mà ra lệnh rằng: "Hễ làm đúng phép thì được thưởng, trái phép thì bị phạt" thì sáng ban lệnh, chiều sự tình đã thay đổi rồi, chiều ban lệnh, sáng hôm sau đã thay đổi, chỉ trong mười ngày là khắp nước thay đổi cả, đâu phải đợi tới một năm? Ông Thuấn không biết khuyên vua Nghiêu bắt dân theo lệnh của ông, mà lại đích thân chịu lao khổ, chẳng phải là không biết thuật trị dân ư? Vả lại nếu phải đích thân chịu lao khổ rồi mới cảm hòa được dân, thì ngay Nghiêu, Thuấn cũng khó làm được, còn dùng (quyền) thế mà uốn nắn kẻ dưới thì vị chúa tầm thường nào cũng cho là dễ. Muốn trị thiên hạ mà lại bỏ cái cách một vị chúa tầm thường cũng dễ dàng làm được, để theo cái cách mà Nghiêu, Thuấn cũng cho là khó làm, thì kẻ đó chưa có thể

cho làm chính trị được.

3. Thuật dùng bề tôi: Không cho một người kiêm nhiệm nhiều chức, không để cho bọn tả hữu ngăn cách vua với quần thần

Quản Trọng không biết giảng điều đó cho Hoàn công.

Quản Trọng đau. Tề Hoàn Công lại thăm, hỏi:

- Trọng phụ đau, nếu bất hạnh mà tận số thì có khuyên quả nhân điều gì không?

Quản Trọng đáp:

- Nhà vua không hỏi thì thần cũng đã tính tâu với vua. Thần xin nhà vua đuổi

Thụ Điêu, trừ Dịch Nha và xa công tử Khai Phương nước Vệ. Dịch Nha lo việc ăn uống cho nhà vua, biết chỉ có thịt người là nhà vua chưa được nếm, bèn luộc đầu con mình để dâng lên. Tình người là không ai không yêu con, nay con mình mà không yêu thì làm sao yêu vua được? Nhà vua hay ghen mà thích các cung tần, Thụ Điêu bèn tự thiến để được cai quản các cung tần. Nhân tình không ai không yêu bản thân, nay bản thân mà mình không yêu thì làm sao yêu vua được? Khai Phương thờ nhà vua 15 năm, Tề cách Vệ chỉ vài ngày đường, mà Khai Phương bỏ mẹ đi làm quan lâu như vậy không về thăm, mẹ mà còn không yêu thì làm sao yêu vua được? Thần nghe nói cố giả dối (giả đạo đức) thì không được lâu, che sự hư ngụy thì không

được bền. Xin nhà vua đuổi ba người đó đi.

Quản Trọng chết rồi, Hoàn công không làm theo lời khuyên đó, đến khi chết, giòi trong thây bò ra tới cửa[454] mà chưa chôn.

^¤^

Có người bảo:

Lời Quản Trọng khuyên Hoàn công đó không phải là lời của một người biết pháp độ. Ông ta muốn đuổi Thụ Điêu, Dịch Nha là cho rằng họ không yêu thân họ để làm thoả ý muốn của vua. "Bản thân mà mình không yêu thì làm sao yêu vua được?" Nếu vậy thì có bề tôi nào tận lực tới chết để thờ vua, Quản Trọng tất sẽ không dùng, mà bảo: "Họ không yêu cái sức của họ mà làm

cho tới chết thì làm sao yêu vua được?” Như thế là muốn vua đuổi hết các trung thần đi. Vả lại, nếu lấy lẽ họ không yêu thân họ mà suy đoán rằng họ không yêu vua, thì cũng có thể lấy lẽ Quản Trọng không chết vì công tử Củ để suy đoán rằng ông sẽ không chết cho Hoàn công, vậy thì ông cũng thuộc hạng bề tôi phải đuổi đi.

Đạo của bậc minh chủ không phải vậy. Lập ra cái mà dân muốn để họ làm việc cho mình, vì vậy mà đặt ra tước lộc để khuyến khích họ; lập ra cái mà dân ghét để ngăn cấm sự gian tà, vì vậy mà đặt ra hình phạt để ra oai với họ. Khen thưởng mà xác thực, hình phạt mà cương quyết thì bề tôi có công được cất nhắc mà kẻ gian tà không được dùng, như vậy dù có Thụ Điêu, hắn cũng không làm gì được vua; mà bề tôi sẽ

tận lực thờ vua, vua ban tước lộc để báo đáp bề tôi. Vua tôi đối với nhau không có cái tình cha con, đều là tính toán với nhau cả; hễ vua có đạo (tức thuật) thì bề tôi tận lực mà việc gian tà không phát sinh, vua vô đạo thì bề tôi trên che lấp cái sáng của vua, dưới thực hành tư dục của mình. Quản Trọng không làm cho Hoàn công hiểu rõ pháp độ đó (chỉ khuyên đuổi Thụ Điêu), giả sử đuổi Thụ Điêu rồi thì một Thụ Điêu khác lại đến, đó không phải là cách tận diệt được sự gian tà.

Hoàn công sở dĩ chết, giòi bò ra tới cửa mà không được chôn, là vì bề tôi thế lực mạnh quá, thế lực mạnh quá thì nắm hết quyền của vua; bề tôi nắm hết quyền của vua thì lệnh của vua không đạt tới cấp dưới mà tình thực của bề tôi không thông

lên vua được. Sức của một người có thể ngăn cách được vua tôi với nhau, khiến vua không biết được thiện và ác, không thấy được họa và phúc, do đó mà có cái họa chết không được chôn. Cái đạo của bậc minh chủ là một bề tôi không được kiêm nhiều chức, một chức không kiêm nhiều việc; kẻ hèn thấp không phải nhờ kẻ tôn quí mới được tiến dụng, đại thần không phải nhờ kẻ tả hữu của vua mới được yết kiến vua; bách quan đều được trình ý kiến lên vua, quần thần cùng nhau lo việc công; vua có thấy công bề tôi rồi mới thưởng, biết tội bề tôi rồi mới phạt; sự thấy, biết đó phải đúng, mà sự thưởng phạt không lầm, như vậy thì làm sao có cái họa chết không được chôn? Quản Trọng không giảng rõ lẽ đó cho Hoàn công hiểu, chỉ xin

đuổi ba người. Vì vậy mà tôi bảo Quản Trọng không có pháp độ.

4. Không có công thì không thưởng, không có tội thì không phạt

(lược bỏ)

5. Vua phải giữ đạo vua, bề tôi phải giữ lễ bề tôi

Tóm tắt: Tấn Bình công giữa đám bề tôi, bảo không gì sướng bằng làm vua vì nói ra, không ai dám cãi. Sư Khoáng, một nhạc sư đui có tư cách, ngồi ở bên, làm bộ không biết rằng chính vua đã nói câu đó, cầm cây đàn đập, Bình công đỡ được, hỏi

Sư Khoáng, Sư Khoáng thưa: "Có kẻ tiểu nhân nào nói đó nên thần đánh nó". Bình công nhận chính mình nói. Sư Khoáng không tạ tội, chỉ đáp: "Bậc vua chúa không nên nói như vậy."

Bình công đã không trừng trị mà còn khen.

Hàn Phi chê Bình công không giữ đạo vua, Sư Khoáng không giữ lẽ bề tôi.

6. Bề tôi mà khinh vua thì là loạn

Tóm tắt: Hàn Phi chê thái độ Tề Hoàn Công trọng một ẩn sĩ là Tiểu Thần Tắc tới nỗi hạ mình năm lần đến tìm Tiểu Thần Tắc rồi mới được gặp, và bảo: "Nếu Thần Tắc có tài mà giấu tài (không chịu thờ vua)

thì đáng bị tội; nếu không có tài mà kiêu căng với vua như vậy thì đáng giết".

7. Không tha kẻ có tội

(lược bỏ)

8. Bề tôi phải trọng vua, làm sáng tỏ pháp luật, không được đòi vua tăng tước lộc cho mình

(Truyện 5b thiên Ngoại trừ thuyết tả hạ, Hàn Phi đã chép lại việc Quản Trọng xin Hoàn công ban cho mình nhà Tam qui, cho mình ở trên họ Cao, họ Quốc, lại được vào hàng công tộc, để khuyên các vua chúa nên tiết độ trong việc ban

tước lộc, nếu không sẽ bị đại thần áp bức.

Ở đây ông nhắc lại truyện đó để bác ý kiến của một số người đã bênh Quản Trọng. Chúng tôi bỏ đoạn đầu chép những yêu sách của Quản Trọng).

(...) Tiêu Lược (không rõ là ai) bảo:

- Quản Trọng cho rằng hèn thì không trị được người sang nên xin được ở trên họ Cao, họ Quốc; nghèo thì không trị được người giàu, nên xin được có nhà Tam Qui; sơ thì không trị được người thân, nên xin được gọi là Trọng phụ. Xin như vậy không phải vì tham mà để cho tiện việc trị nước.

^¤^

Có người bảo: Sai một kẻ tôi tớ đem mệnh lệnh của vua đến các quan khanh

tướng thì không ai dám không nghe, không phải vì khanh tướng là hèn mà tôi tớ là sang mà vì lệnh vua ban xuống, không ai dám không theo. Nếu Quản Trọng trị nước mà không có lệnh của Hoàn Công thì là nước không có vua; nước không có vua thì không thể trị được. Còn như dựa vào uy của Hoàn Công để ban phát lệnh của Hoàn Công thì dù kẻ đó là tôi tớ, mọi người cũng phải tin (mà thi hành) chứ không phải đợi được ở trên họ Cao, họ Quốc, được vua tôn là Trọng phụ, rồi lệnh mới được thi hành! Các viên hành sự, đô thừa (quan chức rất nhỏ) ngày nay khi phụng mệnh vua đi trưng thu đâu có né tránh các bậc tôn quí mà chỉ tới các kẻ nghèo hèn? Cho nên hành sự mà hợp pháp thì dù (ti tiện như) hoạn quan cũng được khanh, tướng phục,

hành sự mà phi pháp thì dù là quan lớn cũng phải thua một tên dân thường. Quản Trọng không lo tôn vua, làm sáng tỏ pháp độ, mà chỉ nghĩ đến việc được vua thêm sủng ái, thêm chức tước, thì nếu không ham giàu sang cũng là mờ ám, không biết thuật. Cho nên tôi bảo rằng Quản Trọng là bậy mà Tiêu Lược đã ca tụng ông ta thái quá.

9. Có thuật thì dùng hai cận thần cũng không sao; không có thuật mà dùng họ thì họ sẽ tranh quyền nhau mà kết giao với nước ngoài, nếu chỉ dùng một thì người đó sẽ chuyên quyền giết mình

Hàn Tuyên vương hỏi Cù[455] Lưu:

- Ta muốn dùng cả hai ông Công Trọng và Công Thúc, nên chăng?

Cù Lưu đáp:

- Xưa nước Ngụy dùng cả hai ông Lâu và Địch[456] mà mất đất Tây Hà. Sở dùng cả hai ông Chiêu và Cảnh mà mất đất Yên và đất Dĩnh, nay nhà vua dùng cả Công Trọng và Công Thúc thì họ tranh quyền nhau, mà kết giao với nước ngoài, sẽ là mối lo cho nước.

^¤^

Có người bảo: Xưa Tề Hoàn Công dùng cả hai ông Quản Trọng và Bảo Thúc; Thành Thang dùng cả hai ông Y Doãn và Trọng Hủy. Nếu dùng cả hai người mà là

mối lo của nước thì Hoàn Công đã không làm nên nghiệp bá, Thành Thang không làm nên nghiệp vương, (Tề) Mân vương chỉ dùng một mình Náo Xỉ mà bị (Náo Xỉ) giết ở miếu Đông, (Triệu) Chủ phụ chỉ dùng một mình Lý Đoái mà bị (Lý Đoái) bỏ đói tới chết. Vậy nếu vua quả có thuật thì dùng hai người không phải là mối lo; không có thuật mà dùng hai người thì họ tranh quyền nhau, mà kết giao với nước ngoài, dùng một người thì họ sẽ chuyên quyền mà giết mình. Cù Lưu không có phép thuật để làm quy tắc cho vua, khuyên vua đừng dùng hai người mà dùng một thôi, như vậy nếu tránh được cái lo mất Tây Hà, Yên, Dĩnh thì tất mắc cái nạn bị giết hoặc bị bỏ đói tới chết (...)[457].

THIÊN XXXVII

NẠN NHỊ (trích)

(BIỆN NẠN - II)

1. Hình phạt cần phải thích đáng, nhiều ít không thành vấn đề

(Tề) Cảnh công qua nhà Án tử (Án Anh), bảo:

- Nhà ông nhỏ mà lại gần chợ, xin ông dời qua ở vườn Dự Chương.

Án tử vái hai lần, từ tạ:

- Anh tôi nghèo, sáng chiều đều phải đi chợ, nên không tiện dời đi xa.

Cảnh công cười, hỏi:

- Nhà ông thường đi chợ, vậy có biết hàng hòa mắc hay rẻ không?

Hồi đó Cảnh công dùng nhiều hình phạt quá, nên Án Anh đáp: - (Mọi vật giá đều) nhảy vọt lên[458], duy có giày là rẻ.

- Sao vậy?

- Vì hình phạt (chặt chân) nhiều quá.

Cảnh công kinh ngạc, biến sắc, bảo: "Quả nhân tàn bạo lắm ư?" rồi bớt bỏ đi năm hình phạt.

^¤^

Có người bảo: Án tử bảo giá nhảy vọt lên, không phải là nói thực, chỉ muốn

mượn lời đó khuyên vua đừng dùng nhiều hình phạt nữa. Đó là cái hại không biết thuật trị nước. Hình phạt mà thích đáng, thì nhiều cũng vô hại, nếu không thích đáng thì tuy ít cũng là hại. Án tử không giảng cho vua lẽ thích đáng của hình phạt, mà chỉ chê là nhiều quá, đó là cái hại vô thuật. Phạt quân thua trận thì đến số ngàn số trăm vẫn chưa ngăn được sự bại tẩu; vậy thì dùng hình phạt để dẹp loạn, chỉ sợ không xuể mà kẻ gian hãy còn. Án tử không xét là thích đáng hay không mà chỉ cho là nhiều quá chẳng là bậy ư? Tiếc cỏ tranh thì làm cho hại lúa má, nhân từ với đạo tặc là làm hại cho lương dân. Nay làm nhẹ hình phạt mà khoan dung tức là làm lợi cho kẻ gian, hại cho người.

2. Không có công thì không thưởng mà có tội thì phải phạt

Hàn Phi chê Tề Hoàn Công phát của kho, tha tội nhẹ cho dân khi ông ta ân hận vì mắc một lỗi nhỏ (uống rượu say đánh rớt mão).

3. Muốn tránh họa thì đừng làm, đừng cho thấy

Xưa, Văn Vương xâm lấn nước Vu, đánh nước Cử, chiếm nước Phong, ba lần dùng binh như vậy nên bị vua Trụ ghét. Văn Vương sợ, dâng đất Lạc Tây, một miền đất nhỏ (phì nhiêu)[459] rộng một

ngàn dặm vuông để xin bỏ hình bào lạc[460], thiên hạ đều mừng. Trọng Ni nghe chuyện đó bảo: “Văn Vương thật là nhân từ coi nhẹ một nước ngàn dặm mà xin bỏ hình bào lạc! Văn Vương thật là minh trí, bỏ đất ngàn dặm để được lòng thiên hạ!”



Có người bảo:

Trọng Ni khen Văn Vương là minh trí, chẳng là lầm ư? Bậc minh trí biết chỗ tai họa mà tránh, cho nên thân không bị hại. Nếu Văn Vương bị vua Trụ ghét vì ông không được lòng dân, mà ông tìm cách được lòng dân để vua Trụ không ghét nữa, như vậy là phải. Nay vua Trụ đã ghét ông vì ông rất được lòng dân, mà ông lại coi rẻ

đất đai để thu phục lòng dân thì cảng thêm bị vua Trụ nghi, nên mới bị xiềng xích trong ngục Dũu Lý đấy. Các ông già nước Trịnh có câu: "Hiểu đạo lý thì nên đừng làm gì, đừng cho thấy." Lời đó thật thích hợp với Văn Vương để cho người khác khỏi nghi ông, Trọng Ni khen Văn Vương minh trí là chưa hiểu lời nói đó[461]!

4. Ngũ Bá (Tề Hoàn Công, Tống Tương công, Tấn Văn Công, Tần Mục công, Sở Trang công) sở dĩ thành công là nhờ sức của các vua lẫn bề tôi, chứ không phải của riêng bề tôi, hoặc của riêng vua

Hàn Phi đưa ra chứng cứ: "Xưa Cung Chi Kì ở nước Ngu, Hi Phụ Kì ở nước Tào, đều là những bề tôi minh trí, đoán trúng việc, làm nên công, mà hai nước đó đều bị diệt vong là vì có bề tôi tốt mà không có vua hiền. Lại như Kiển Thúc giúp nước Ngu mà Ngu bị diệt vong, giúp nước Tần thì Tần thành bá chủ, như vậy đâu phải là ở nước Ngu thì tối tăm, ở Tần thì sáng suốt, chỉ do gặp được vua giỏi hay không". (...)

5. Trị nước không phải là việc dễ, nhàn, vì dù lựa được bề tôi giỏi rồi, cũng phải có thuật sai khiến họ, xét họ, đối phó với họ

6. Cần xét kỹ lý do rồi mới kết luận được

Lý Khắc[462] trị nước Trung Sơn. Quan lệnh ấp Khổ Hình trình bản kế toán, số thu quá nhiều, Lý Khắc bảo: "Lời nói khéo léo, nghe thì thích, nhưng không hợp tình lý, như vậy gọi là "điệu ngôn" (lời không thực, hư ngôn). Không có mối lợi về núi, rừng, chằm hang mà số thu được nhiều, như vậy gọi là "điệu hóa" (hóa vật không có thực, hư vật). Người quân tử không nghe "điệu ngôn", không nhận "điệu hóa"; ông nên từ chức đi.

^¤^

Có người bảo:

Lý tử lập thuyết: "Lời nói khéo léo,

nghe thì thích nhưng không hợp tình lý, như vậy gọi là "điệu ngôn". Khéo nói là làm cho người nghe thích, cái đó tùy người nghe. Người nói đã không phải là người nghe thì sự khéo nói cũng không phải là sự thích[463]. Cái mà Lý tử bảo không hợp tình lý không tùy thuộc người nghe mà tùy thuộc lời người đó nghe được. Người nghe nếu không phải là tiểu nhân (vô học) thì là quân tử. Tiểu nhân không hiểu tình lý, vậy không thể xét lời nói xem có hợp tình lý hay không; quân tử biết xét lời nói xem có hợp tình lý hay không thì tất không thể thích được (vì lời nói khéo không hợp tình lý). Vậy bảo "Lời nói khéo nghe thì thích nhưng không hợp tình lý" là nói sai".

- Thu được nhiều mà cho là "điệu

hóa", lời đó chưa phải là luôn luôn đúng[464]. Lý tử không sớm cấm điều gian, để cho viên lệnh làm kế toán như vậy, là có lỗi rồi. Ông không có thuật nào để biết là gian, mà cứ thấy ghi thu được nhiều là nói láo, thì mới làm sao đây khi số thu bất thường[465]? Thu được nhiều (có thể) là nhờ được mùa. Làm lụng mà chú trọng đến sự hòa hợp của âm dương, trồng trọt mà hợp với bốn mùa, không mất mát vì muộn quá, sớm quá, không bị các họa lạnh quá hay nóng quá thì thu hoạch được nhiều. Tìm hiểu kỹ thuật nuôi súc vật, nghiên cứu đất xem phù hợp với loại cây nào thì lục súc sinh sản nhiều, ngũ cốc tươi tốt mà thu được nhiều. Hiểu rõ việc cân, lường, kế toán, xét rõ địa hình, biết

dùng cái tiện lợi của xe thuyền, máy móc, thì dùng sức ít, kết quả lớn mà thu được nhiều. Làm cho sự đi lại các chợ, búa, cửa ải và cầu được tiện lợi để đem hàng hóa từ chỗ dư tới chỗ thiếu, khách mua bán qui lại, ngoại hóa tụ lại, rồi tiết kiệm trong việc tiêu xài, ăn uống, xây cất cung thất, chế tạo khí giới, có đủ vật thường dùng mà không phung phí vào những vui chơi xa xỉ, thì thu được nhiều. Những sự thu được nhiều đó đều do sức người; nếu lại thêm mưa thuận gió hòa, nóng lạnh thích hợp thì dù đất không tăng, gặp năm được mùa, số thu cũng nhiều. Sức người và thời tiết, hai cái đó đều làm cho thu vào nhiều, không phải là mối lợi của rừng núi, chằm hang. Vậy gọi là "điệu hóa" chỉ vì không có mối lợi rừng núi, chằm hang mà thu được

nhiều, là lời nói của kẻ không biết thuật trị nước.

7. Vua không cần xông pha tên đạn mà cần biết cách thưởng phạt

Tóm tắt: Triệu Giản tử vây một thành của Vệ, đứng phía sau đánh trống thúc quân mà quân không tiến. Nghe lời khuyên của Chúc Quá ông xông tới trước, đứng chỗ tên đạn mà thúc quân, lúc đó quân mới theo ông xông lên, mà đại thắng. Hàn Phi chê là không cần như vậy, cứ thưởng công cho xứng, phạt tội cho nghiêm thì quân sĩ sẽ tử chiến vì mình.

THIÊN XXXVIII

NẠN TAM (trích)

(BIỆN NẠN - III)

1. Phải trọng dụng kẻ cáo gian (tố cáo kẻ gian)

Lỗ Mục công hỏi Tử Tư (cháu nội của Khổng Tử):

- Ta nghe nói con của họ Bàng Giản[466] bất hiếu. Hạnh kiểm nó ra sao?

Tử Tư đáp:

- Người quân tử tôn hiền, trọng đức,

nêu điều tốt ra để khuyên người, còn những hạnh kiểm lầm lẫn là để cho tiểu nhân nhớ, thần không biết tới.

Tử Tư lui ra, Tử Phục Lệ Bá (một đại phu nước Lỗ) vô, Mục công hỏi về con họ Bàng Giản. Tử Phục Lệ Bá đáp:

- Nó có ba cái lỗi mà nhà vua chưa được nghe.

Từ đó, Mục Công quý Tử Tư mà coi thường Lệ Bá.

^¤^

Có người bảo:

Công Thất[467] nước Lỗ ba đời bị họ Quí lấn áp, cũng là đáng! Bậc minh quân tìm người tốt để thưởng, kẻ gian để phạt, hai việc đó đều chung một nghĩa. Cho nên kẻ báo cáo người tốt là để cùng với vua

mà mừng, kẻ báo cáo đứa gian là để cùng với vua mà ghét, và cả hai người báo cáo đó đều đáng khen thưởng. Không báo cáo với vua là không đồng lòng với vua mà kẻ dưới sẽ đứng về phe gian, thái độ đó đáng chê phạt. Tử Tư không báo cáo lỗi (của con họ Bàng Giản) mà Mục Công quí, Lệ Bá báo cáo mà Mục Công coi rẻ. Nhân tình ai cũng thích được quí mà ghét bị coi rẻ, vì vậy họ Quí làm loạn mà không biết, và vua Lỗ mới bị lấn áp. Đó là cái thói của các ông vua mất nước, dân nước Trâu và nước Lỗ[468] cho thói đó là đẹp, và riêng Mục Công lại quí, chẳng là trái lẽ ư?

2. Không nên nghe lời tô điểm (giả dối, tự biện hộ) của

bề tôi

(Hàn Phi ghét hạng bề tôi khi vua mình bị địch giết, vội đầu hàng địch và hứa sẽ thờ vua địch như thờ vua cũ của mình).

3. Không để cho kẻ dưới lấn người trên, địa vị trên dưới phải phân minh

Có người đố Tề Hoàn Công: "Cái khó thứ nhất, cái khó thứ nhì, cái khó thứ ba là cái gì?" Hoàn Công không giải đáp được, hỏi Quản Trọng, Quản Trọng đáp: "Cái khó[469] thứ nhất là gần bọn kép hát mà xa kẻ sĩ, cái khó thứ nhì là rời quốc đô để thường ra biển chơi, cái khó thứ ba là vua đã già mà chậm lập thái tử". Hoàn Công

khen phải rồi không đợi lựa ngày mà làm lễ lập thái tử ở thái miếu.

^¤^

Có người bảo:

Quản Trọng giải câu đố đó không đúng. Việc dùng kẻ sĩ không ở chỗ xa hay gần (xa họ vẫn có thể dùng được); còn bọn kép hát và hề lùn giải muộn cho vua lúc nhàn, cho nên vua gần bọn họ mà xa kẻ sĩ, nước vẫn trị được, không phải là điều khó. Có được (quyền) thế mà không biết dùng, chỉ cố giữ lấy quốc đô, không rời nó, tức là lấy sức một người (tức vua) mà cấm cả một nước (chiếm quốc đô); lấy sức một người mà cấm cả một nước, ít ai thành công được. Sáng suốt thì có thể soi thấu được việc gian ở xa, thấy được chỗ kín đáo nhỏ nhặt, hễ ra lệnh tất được thi hành,

thì dù có đi chơi xa ở biển, trong nước cũng không có biến loạn, vậy có bỏ quốc đô, ra chơi ở biển mà không bị cướp ngôi, bị giết, không phải là điều khó (...) Không chia hai địa vị và quyền thế, để cho con thứ ở địa vị thấp (không lấn được thái tử), không cho ái thiếp mượn quyền thế của mình, thì dù già mà chậm lập thái tử cũng không sao; vậy thì lập thái tử trễ mà con thứ không làm loạn, cũng không phải là điều khó. Những cái này mới khó: Để cho người ta lập được thế mạnh rồi mà giữ cho người ta không lấn hại mình, đó có thể gọi là cái khó thứ nhất; quí ái thiếp mà giữ sao cho khỏi có hai hoàng hậu (ái thiếp quyền ngang với hoàng hậu), đó là cái khó thứ nhì; yêu con thứ mà giữ sao cho con đích (con dòng lớn, tức thái tử) khỏi bị nguy;

chuyên nghe một bề tôi mà giữ sao cho họ không đối địch với mình, đó có thể gọi là cái khó thứ ba.

4. Làm cho dân vui, chọn người hiền và tiết kiệm, ba việc đó không cần bằng biết rõ bề tôi

Nhiếp[470] công (một đại phu nước Sở) tự là Tử Cao hỏi Trọng Ni về chính trị, Trọng Ni đáp: "Việc chính trị cốt làm cho kẻ ở gần vui mà kẻ ở xa tìm đến."

Lỗ Ai Công hỏi về chính trị, Trọng Ni đáp: "Chính trị cốt ở chỗ lựa người hiền".

Tề Cảnh công hỏi về chính trị, Trọng Ni đáp: "Việc chính trị cốt ở việc tiết

kiệm tài sản".

Ba ông đó ra, Tử Cống (một đệ tử của Trọng Ni) hỏi: "Ba ông đó cùng hỏi một câu về chính trị mà thầy đáp mỗi ông một khác là tại sao?" Trọng Ni đáp: "Nước Nhiếp kinh đô lớn mà đất đai nhỏ, dân có lòng phản bội, cho nên việc cai trị cốt làm cho kẻ ở gần vui mà kẻ ở xa tìm đến. Lỗ Ai Công có ba vị đại thần, họ ngoài thì ngăn cản kẻ sĩ các nước chư hầu bốn bên, trong thì kết bè đảng để gạt vua; khiến cho tôn miếu không được quét dọn, nền xã tắc (nơi thờ Thần Đất và Thần Nông) không được cúng tế, tất là tại ba đại thần đó cả, vì vậy mà thầy bảo việc chính trị cốt ở chỗ lựa người hiền. Tề Cảnh Công xây cửa Ung (cửa thành) và đài Lộ Tẩm, (nhân vui mà) trong một buổi sáng cho ba đại phu

một thái ấp ba trăm cỗ xe[471] bởi vậy thầy bảo việc chính trị cốt ở chỗ tiết kiệm tài sản".

^¤^

Có người bảo:

Câu trả lời của Trọng Ni là lời nói làm cho mất nước. Dân nước Nhiếp đã có lòng phản bội mà còn khuyên Nhiếp Công làm cho người ở gần vui, người ở xa tìm đến, như vậy là dạy cho dân chờ mong ân huệ. Dùng chính sách gia ân đó thì kẻ không có công được thưởng, kẻ có tội được tha, mà pháp độ sẽ bại hoại. Pháp độ bại hoại thì chính trị loạn, dùng chính trị loạn để trị dân bại hoại, là việc chưa từng thấy thành công. Vả lại dân có lòng phản bội là vì sự sáng suốt của vua có chỗ không thấu đáo.

Không chỉ cho Nhiếp Công thêm sáng suốt mà lại khuyên làm cho kẻ ở gần vui, kẻ ở xa tìm đến, đó là không dùng quyền thế của mình để cấm mà cùng với bề tôi tranh dân bằng ân huệ, như vậy làm sao giữ được quyền thế của mình (...)

Ai Công có bề tôi, ngoài thì ngăn cản (người nước khác đến), trong thì lập bè đảng mê hoặc vua; vậy mà Trọng Ni lại khuyên ông lựa người hiền không phải theo cách xét công nghiệp của người, chỉ chọn người lòng mình cho là hiền thôi. Nếu Ai Công biết rằng ba đại thần của mình (tức Mạnh Tôn, Thúc Tôn, Quí Tôn) ngoài thì ngăn cản kẻ sĩ các nước chư hầu, trong thì kết bè đảng, thì ba người đó không đứng được một ngày nữa; chính vì Ai Công không biết lựa người hiền, chỉ lựa người

mà lòng ông cho là hiền, nên họ mới được giao cho việc nước. Tử Khoái nước Yên cho Tử Chi là hiền mà chê Tôn Khanh[472] cho nên phải chết nhục. Phù Sai cho thái tử Phỉ là có trí, Tử Tư[473] là ngu cho nên bị nước Việt diệt. Vua Lỗ nhất định không biết ai là hiền, mà lại khuyên ông lựa người hiền, tức là khiến ông bị cái họa của Phù Sai và Tử Khoái nước Yên. Bậc minh quân không tự đề cử bề tôi mà để cho bề tôi tự tiến thân (bằng cách lập công), không tự cho ai là hiền mà xét ai tùy theo công nghiệp của người đó; bổ nhiệm họ để xét họ, giao cho công việc để thử tài rồi phán đoán tùy theo kết quả, cho nên quần thần ngay thẳng, không mưu lợi riêng, không giấu người hiền, không

tiến cử kẻ bất tiếu, như vậy vua đâu có khó nhọc về việc chọn người hiền?

Cảnh Công ban 100 cỗ xe cho bề tôi mà Trọng Ni khuyên ông phải tiết kiệm tài sản, là không có thuật để phân biệt xa xỉ và tiết kiệm; vả lại riêng vua phải kiệm ước thì đâu đủ tránh được sự nghèo. Ví dụ có ông vua lấy lộc ngàn dặm để nuôi miệng mình thì dù Kiệt, Trụ cũng không xa xỉ bằng; hoặc nước Tề rộng ba ngàn dặm mà Hoàn Công lấy lộc một nửa nước để tự cung dưỡng thì là xa xỉ hơn Kiệt, Trụ. Nhưng Hoàn Công đứng đầu ngũ bá chính là nhờ khi nào nên xa xỉ, khi nào nên tiết kiệm (...) Bậc minh quân khiến cho bề tôi không lo việc riêng, cấm họ nhờ gian trá mà sống; bề tôi nào tận lực làm việc thì tất biết, biết thì tất thưởng; bề tôi nào tham ô

làm việc riêng tư thì tất biết, biết thì tất phạt. Như vậy bề tôi trung sẽ hết lòng với việc công, dân và kẻ sĩ hết sức với việc nhà, bách quan sẽ thanh liêm, tự kiềm chế mình để phục vụ vua, và trong việc thưởng vua có xa xỉ gấp hai Cảnh công cũng không hại gì cho nước. Vậy lời khuyên tiết kiệm tài sản không phải là điều cần gấp cho Cảnh Công. Trọng Ni chỉ trả lời ba ông Nhiếp công, Ai công, Cảnh công một câu này thôi là họ không lo gì nữa cả: "Phải biết kẻ dưới". Biết rõ người dưới thì cấm ngay từ khi ý gian mới hiện, cấm như vậy thì sự gian không tích lũy, thì không có lòng làm phản. Biết rõ người dưới thì thấy một cách tường tận, thấy tường tận thì sáng suốt trong việc thưởng phạt, sáng suốt trong việc thưởng phạt thì nước không

nghèo. Cho nên tôi bảo rằng chỉ trả lời ba ông ấy một câu: "Phải biết kẻ dưới" là họ không còn lo gì nữa.

5. Trị dân thì đừng cậy ở trí khôn của mình mà cứ theo pháp luật - Phải lấy vật trị vật, lấy người trị người

Tử Sản nước Trịnh sáng sớm ra đi, qua cửa phường Đông Tượng[474] nghe tiếng một người đàn bà khóc, bèn vỗ vào tay người đánh xe, (bảo ngừng lại), lắng tai nghe một lát rồi sai người thuộc hạ bắt người đàn bà đó, lại tra hỏi thì ra mụ ta đã tự tay thắt cổ chồng. Hôm khác, người đánh xe hỏi ông: "Ngài làm sao biết

được?” Ông đáp: “Vì thấy tiếng khóc mụ đó run sợ. Thường tình hễ người thân của mình mới đau thì mình lo lắng, khi sắp chết thì mình run sợ, khi chết rồi thì mình đau xót. Mụ đó khóc chồng chết, không đau xót mà run sợ, vì vậy mà biết có tình ý gian”.

^¤^

Có người bảo:

Tử Sản trị dân cách đó cũng chẳng rắc rối ư? Phải đợi trông thấy, nghe thấy rồi mới biết được là gian thì nước Trịnh bắt được ít kẻ gian lắm. Không dùng bọn lại coi về ngục tụng, không dùng chính sách khảo sát nhiều mặt, không làm sáng tỏ phép đo lường, mà cậy vào sự tận dụng trí thông minh, sự suy tư mệt trí của mình mới biết được kẻ gian, chẳng là thiếu thuật quá

ư? Vả lại sự việc thì nhiều mà trí lực thì ít, ít không thắng được nhiều, cho nên phải lấy vật mà trị vật; kẻ dưới thì nhiều mà người trên thì ít, ít không thắng được nhiều, cho nên phải dùng người mà trị người; như vậy không lao lực mà được việc, không dùng nhiều trí lực mà bắt được kẻ gian. Người Tống có câu: "Nếu Nghệ (người bắn giỏi) bảo con chim sẻ nào bay qua cũng bắn được thì là Nghệ nói khoác. Nếu lấy thiên hạ làm cái lưới thì không một con chim sẻ nào sẽ thoát được." Muốn biết kẻ gian thì cũng phải có cái lưới lớn mới không để thoát một kẻ nào cả. Không sửa cái lưới[475] mà cứ lấy lòng (trí khôn) mình làm cung tên thì dù Tử Sản cũng là khoác lác. Lão tử bảo: "Lấy trí khôn trị nước, tức là giặc (cái

họa) của nước”[476] lời đó áp dụng vào Tử Sản được.

6. Trị nước chỉ nên dựa vào cái thế của mình thôi

(Lược bỏ)

7. Thưởng phạt mà chỉ căn cứ vào bề ngoài thì bề tôi gian dối sẽ gạt mình được

(Lược bỏ).

8. Pháp (luật) thì phải cho mọi người biết, thuật thì phải giấu mọi người

Quản Tử (Quản Trọng) nói: “Lời nói ở nhà riêng thì phải đầy nhà riêng (nghĩa là ai cũng nghe thấy, không giấu ai cả), lời nói ở công đường thì phải đầy công đường, như vậy gọi là làm vua thiên hạ”.

^¤^

Có người bảo:

Quản Trọng bảo “Lời nói ở nhà riêng phải đầy nhà riêng, lời nói ở công đường thì phải đầy công đường” không phải chỉ riêng trỏ những việc du hí, ăn uống, mà tất còn trỏ những việc lớn[477] nữa. Những việc lớn của bậc vua chúa nếu không phải là pháp luật thì là thuật. Pháp luật là cái chép trong sách vở, bày ở công sở và công bố cho toàn dân. Thuật là cái giấu trong lòng để so sánh mọi việc mà ngầm chế ngự

quần thần. Cho nên pháp luật không gì bằng phải bày ra cho mọi người biết, mà thuật thì không muốn người khác thấy. Bậc minh chủ nói đến pháp luật thì hết thảy những kẻ ti tiện trong nước đều được nghe biết, chớ nào phải đầy nhà riêng mà thôi; còn như dùng thuật thì những kẻ yêu mến, thân cận cũng không được nghe, làm sao có thể đầy nhà riêng được? Vậy lời nói của Quản Tử không phải là lời nói đúng với pháp thuật.

THIÊN XXXIX

NẠN TỨ (trích)

(BIỆN NẠN - IV)

Thiên này gồm bốn tiết và khác với ba thiên trên ở chỗ sau lời phê bình lại dẫn thêm một lời phê bình lời phê bình đó - đều của Hàn Phi - để bác ý kiến trên hoặc xét thêm một khía cạnh nữa của vấn đề.

1. Bề tôi và vua nên giữ phận mình

Lược bỏ.

2. Vua nên sáng và nghiêm

Dương Hổ nước Lỗ muốn đánh Tam Hoàn (ba đại phu trong công thất Lỗ, con của Lỗ Hoàn Công: Mạnh tôn, Thúc tôn và Quí tôn) không được, phải trốn qua Tề, Tề Cảnh Công lấy lễ tiếp đãi. Bão Văn tử can: "Không nên, Dương Hổ được họ Quí yêu mà lại đánh Quí tôn, là vì ham sự giàu có của họ ấy. Nhà vua giàu có hơn Quí tôn và nước Tề lớn hơn nước Lỗ, Dương Hổ sẽ còn hết sức gian trá nữa". Cảnh Công bèn bỏ tù Dương Hổ[478].

^¤^

Có người bảo:

Nhà có ngàn vàng thì con cái bất nhân,

vì họ quá gấp mưu lợi. (Tề) Cảnh Công đứng đầu trong ngũ bá, (mới đầu) tranh nước mà giết anh là vì cái lợi lớn quá. Giữa vua tôi không có tình anh em ruột thịt. Trong việc cướp quyền giết vua, chế ngự một nước vạn cỗ xe để hưởng cái lợi lớn thì bề tôi nào chẳng là Dương Hổ. Việc làm hễ tinh tế, khéo léo thì thành, sơ suất, vụng về thì thất bại. Bề tôi chưa khởi loạn là vì dự bị chưa đủ. Nhưng bề tôi nào cũng có cái lòng (cướp ngôi) như Dương Hổ mà vua không biết, là vì việc làm của họ tinh tế, khéo léo. Dương Hổ vì tham muốn đánh bề trên, mà để cho thiên hạ biết được là do hắn sơ suất, vụng về. (Không khuyên Cảnh Công trừng phạt bọn bề tôi gian xảo của Tề mà khuyên ông trừng phạt tên Dương Hổ vụng về, đó là chỗ sai trong

lời khuyên của Bão Văn tử. Bề tôi trung tín hay gian trá là tùy hành động của vua: Vua sáng suốt và ngiêm khắc thì họ trung tín, vua nhu nhược và hôn ám thì họ gian trá. Sáng suốt là biết được cái tinh tế, nghiêm khắc là không tha tội. Không biết ai là bề tôi gian xảo của Tề[479] mà trị loạn thần của Lỗ, chẳng cũng bậy ư?

^¤^

(Lại) có người bảo:

(...) Vua sáng và nghiêm thì bề tôi trung tín. Dương Hổ làm loạn ở Lỗ, việc không thành, chạy qua Tề, Tề không trừng trị, tức là để cho Hổ lại làm loạn ở Tề. Vua sáng suốt thì biết rằng việc trừng trị Dương Hổ có thể cứu loạn được cho Tề, như vậy là tinh tế thấy được tình thế (khi loạn chưa

phát). Lời xưa có câu: "Chư hầu lấy nước làm tình thân". Vua nghiêm khắc thì tội của Dương Hổ không thể bỏ qua, đó là phép "không tha tội". Vậy giết Dương Hổ là để cho bề tôi phải trung tín. Chưa biết được bọn bề tôi của Tề kẻ nào gian xảo, mà bỏ sự trừng phạt một kẻ đã hiển nhiên làm phản, thế là trách kẻ chưa hẳn đã làm bậy mà không trừng trị cái tội rành rành, hành động đó bậy. Trừng phạt một kẻ làm loan ở Lỗ để thị oai với bọn bề tôi có lòng gian (ở Tề) mà lại được tình thân ái của Quí tôn, Mạnh tôn, Thúc tôn, lời khuyên của Bão Văn có gì là trái đâu.

3. Chưa đáng giận thì đừng tỏ sắc giận ra, chưa đáng phạt thì đừng tỏ ý

muốn phạt ra

(Lược bỏ)

4. Dùng người thì tránh đừng dùng kẻ mình yêu mà không thực hiền

(Hàn Phi chép lại ở đây cố sự một người hầu bàn (đúng ra là hề lùn) đem giấc mộng thấy bếp để khuyên Vệ Linh Công đừng để cho một sủng thần là Di Tử Hà "che khuất". Cố sự đó ông đã kể trong truyện là thiên *Nội trừ thuyết thượng*. Cuối truyện Hàn Phi thêm câu này:

"Vệ Linh công khen phải rồi đuổi Ung Tư, không dùng Di Tử Hà nữa mà dùng Tư không Cẩn", rồi ông phê bình như sau:

Có người bảo:

Người hề lùn đó khéo đặt sự chuyện nằm mộng để bày tỏ cái đạo làm vua, nhưng Linh công không hiểu hết lời của anh ta. Đuổi Ung Tư, không dùng Di Tử Hà mà dùng Tư không Cẩn là bỏ người mình yêu mà dùng người hiền. Nhưng Tử Đô nước Trịnh cho Khánh Kiến là hiền mà bị Khánh Kiến che lấp. Tử Khoái nước Yên cho Tử Chi là hiền[480] mà bị Tử Chi che lấp. Bỏ người mình yêu mà dùng người mình cho là hiền, chưa chắc đã khỏi bị một người đứng phía trước mà che mình. Kẻ bất tiếu đứng phía trước của chúa, không nhất định là làm hại sự sáng suốt của chúa. Nếu không thấy sự sáng suốt cho mình mà để cho người (mình cho

là) hiền đứng phía trước thì đất bị nguy.

^¤^

(Lại) có người bảo:

Khuất Đào (một ông quan đời Xuân Thu) thích củ ấu, vua Văn vương thích dưa xương bồ. Hai món đó không phải là món ngon mà hai bậc hiền đó đều chuộng, vậy hợp khẩu vị chưa nhất định là ngon. Tấn Linh hầu ưa Tham Vô Tuất[481], Tử Khoái nước Yên cho Tử Chi là hiền, hai người bề tôi đó không phải là kẻ sĩ chính trực mà được hai ông tôn trọng, vậy người mình cho là hiền vị tất đã hiền. Dùng người mình cho là hiền mà thực ra không hiền thì cũng như dùng người mình yêu, không khác gì. Dùng người thực sự hiền với dùng người mình yêu, hai cái khác

nhau. Vì vậy Sở Trang vương dùng Tôn Thúc (Ngao) (một hiền thần) mà làm bá chủ, còn Thương Tân (tức vua Trụ nhà Thương) dùng Phí Trọng (một nịnh thần) mà bị diệt, hai ông vua đó đều dùng người mình cho là hiền mà kết quả trái ngược nhau. Tử Khoái nước Yên tuy đề cử người ông cho là hiền mà chỉ như dùng người ông yêu thôi. Trường hợp Vệ Linh Công có khác gì vậy? Người hề lùn đó chưa nhận ra được điều ấy. Vua Vệ bị che lấp mà không biết mình bị che lấp, sau khi anh ta nói, vua mới biết rằng mình bị che lấp, cho nên đuổi bọn bề tôi che lấp mình đi, như vậy là thêm sự sáng suốt cho mình rồi. Bảo: "Không thêm sự sáng suốt cho mình, mà để cho người (mình cho là) hiền đứng phía trước che mình thì tất bị nguy" (lời

đó đúng); nhưng nay vua Vệ đã thêm sự sáng suốt cho mình rồi, thì dù bị (người mới dùng) che lấp mình, tất không bị nguy nữa.

THIÊN XXII

THUYẾT LÂM THƯỢNG (trích)

(RỪNG MƯU MÔ – PHẦN TRÊN)

*Thuyết lâm có thể hiểu là rừng truyện, rừng cố sự; chúng tôi dịch là **Rừng mưu mô** vì thiên này cũng như thiên sau, (Thuyết lâm hạ), (mà mọi học giả đều nhận là của Hàn Phi) chép toàn những mưu mô của người trước, đa số là chính trị gia, một số ít là người thường. Hàn Phi nhớ đâu chép đấy, không sắp đặt, phân loại, cũng không nhằm mục đích chứng minh học thuyết của ông mà*

cơ hồ chỉ để tặng các nhà cầm quyền và độc giả của ông một cái "túi thuật" của cổ nhân thôi.

Thiên này gồm 34 truyện, thiên sau gồm 37 truyện, tổng cộng là 71 truyện[482].

Có một số truyện chép cả,

+ Trong ***Chiến Quốc sách****, như:*

*- Truyện XXII.8 tức truyện Ngụy sách I.1 (****Chiến Quốc sách****, Lá Bối 1972)*

- XXII.10 - Tống sách -1 nt.

- XXII.13 - Đông Chu sách 10 nt.

- XXII.17 - Sở sách IV 8 nt.

- XXII.22 - Ngụy sách I.2[483] *nt.*

- XXII.28 - 8 - Ngụy sách II.13 nt.

- XXII.34 - Tề sách I.3 nt.

*+ Hoặc trong **Liệt tử**, như:*

- Truyện XXII.31 tức truyện Liệt tử II 16[484] *(**Liệt tử - Dương tử** - Lá Bối 1972)*

- XXIII.9 - Liệt tử VIII 24 nt[485].

Những truyện trùng nhau đó chép gần y hệt nhau, chỉ khác nhau ít chữ, không rõ sách nào chép của sách nào.

Chúng tôi bỏ không dịch lại những truyện đó, trừ truyện XXII.10[486], *và chỉ trích trong thiên này 8 truyện để giới thiệu với độc giả, vì cho cả hai thiên đều không quan trọng, chỉ đáng coi là phần phụ lục thôi. Chúng tôi đánh số từng*

truyện cho dễ kiếm.

^¤^

1. Thang đã diệt nhà Hạ (vua Kiệt), sợ mang tiếng là tham nên (làm bộ) đem thiên hạ nhường cho (một ẩn sĩ là) Vụ Quang, nhưng sợ Vụ Quang nhận, lại sai người thuyết Vụ Quang: "Thang giết vua mà muốn gieo tiếng xấu cho ông đấy". Do đó, Vụ Quang nhảy xuống sông tự tử[487].

2. Tần Vô vương bảo Cam Mậu tự lựa lấy cho mình một trong hai chức: "bộc" (một chức hầu cận) hay "hành" (sứ thần). Mạnh Mão khuyên Cam Mậu[488]:

- Ông nên xin làm quan "bộc". Sở trường của ông là đi sứ. Tuy ông giữ chức "bộc", nhà vua cũng sẽ sai ông đi sứ; mà

ông vừa cầm ấn quan "bộc" vừa làm việc của quan "hành", như vậy là kiêm cả hai chức.

5. Nước Tấn đánh nước Hình, Tề Hoàn Công muốn cứu; Bảo Thúc tâu[489]:

- Còn sớm quá! Nước Hình không mất thì nước Tấn không mệt, Tấn không mệt thì Tề không được trọng. Vả lại cái công cứu một nước nguy không lớn bằng cái đức phục hưng một nước đã mất. Tốt hơn, đại vương nên chậm cứu nước Hình để làm cho nước Tấn mệt, đợi cho Hình mất rồi, phục hưng lại cho; như vậy xét về "thực" là có lợi mà xét về "danh" lại càng tốt.

Hoàn Công không cứu Hình nữa.

10. Tề đánh Tống. Tống sai Tang Tôn tử xuống phía Nam cầu cứu với nước Kinh

(Sở). Vua Kinh rất mừng, hứa sẽ tận lực giúp.

Tang Tôn tử lo lắng ra về, người đánh xe thấy vậy hỏi:

- Việc cầu cứu có kết quả mà sao ngài lại có vẻ lo lắng?

Tang Tôn tử đáp:

- Tống nhỏ mà Tề lớn. Cứu nước Tống nhỏ mà để cho nước Tề lớn ghét, điều đó ai cũng lấy làm lo mà vua Kinh lại mừng, chắc ông ta (hứa hão) để chúng ta kiên tâm chống cự. Chúng ta kiên tâm chống cự, (Tề?) sẽ mệt; đó là điều có lợi cho Kinh.

Tang Tôn tử về nước. (Quả nhiên) Tề chiếm năm thành của Tống rồi mà Kinh vẫn chưa đem quân cứu.

16. Quản Trọng và Thấp Bằng[490]

theo Tề Hoàn Công đi đánh nước Cô Trúc. Mùa xuân đi, mùa Đông về, quên đường lạc lối. Quản Trọng bảo:

- Có thể dùng trí nhớ của con ngựa già được.

Họ bèn thả con ngựa già đi trước rồi theo nó mà tìm được đường về. Tới một chỗ trong núi, thiếu nước, Thấp Bằng bảo:

- Loài kiến, mùa đông ở phía nam của núi (vì có ánh nắng, ấm áp), mùa hè ở phía Bắc của núi (vì có bóng mát). Chỗ nào ổ kiến cao một tấc, đào xuống một nhẫn (8 thước thời đó) thì có nước.

Họ cho đào và được nước.

Quản Trọng là bậc thánh, Thấp Bằng là bậc trí, mà có điều không biết cũng không ngại học con ngựa già và loài kiến. Ngày

nay, người ta không biết rằng mình ngu để học cái sáng suốt của thánh nhân, chẳng là lầm lẫn ư?

26. Vua Trụ uống rượu suốt đêm[491], vui say[492] không biết ngày nào nữa, hỏi kẻ tả hữu, không kẻ nào biết, bèn sai người hỏi Cơ tử[493]. Cơ tử nói với môn đồ:

- Làm chúa thiên hạ mà tới nỗi cả nước không ai biết ngày, như vậy thiên hạ nguy rồi. Cả nước không ai biết mà ta biết thì ta cũng nguy rồi.

Rồi ông lấy cớ là say cũng không biết ngày.

30. Thấp Tư Di (một vị quan nước Tề) lại thăm Điền Thành tử[494], Điền Thành

tử cùng ông ta lên lầu ngắm cảnh bốn phía. Ba phía đều trống, duy có phía Nam là bị cây nhà Thấp tử che khuất. Điền Thành tử không nói gì. Thấp tử sai người đốn cây đó, mới chặt được vài nhát thì ông ta bảo thôi. Người quản gia hỏi sao đổi ý như vậy. Ông ta đáp:

- Người xưa có ngạn ngữ này: "Biết cá trong vực sâu là điều bất tường". Họ Điền đương mưu tính đại sự[495] mà tôi tỏ cho ông ta thấy rằng tôi hiểu được ẩn ý của ông thì tôi tất nguy. Không đốn cây này, chưa phải là có tội, mà biết được điều người ta không nói ra mới là tội lớn.

Bèn thôi không đốn cây nữa.

32. Một người nước Vệ gả con gái, dạy nó: "Con phải góp nhặt của riêng, nghen.

Làm vợ người ta mà bị đuổi về là chuyện thường; sống với nhau tới già mới là chuyện hiếm có”. Người con nghe lời, gom góp của riêng, mẹ chồng cho là quá lo việc riêng tư, đuổi cô ta về. Lúc về nhà tiền của cô ta gấp bội lúc về nhà chồng. Người cha không tự nhận rằng mình dạy con sai mà còn tự đắc rằng mình khôn, đã làm giàu thêm được. Ngày nay bọn bề tôi làm việc quan đều một loại như vậy.

THIÊN XXIII

THUYẾT LÂM HẠ (trích)

(RỪNG MƯU MÔ – PHẦN HẠ)

1. Bá Lạc dạy hai người coi tướng những con ngựa hay đá, dắt họ lại chuồng ngựa của Triệu Giản tử. Một người lựa một con ngựa hay đá đưa ra, còn người kia đi theo sau ba lần vỗ vào chỗ xương cụt ở mông của con ngựa, nhưng nó không đá; người lựa ngựa tự cho rằng mình coi tướng ngựa sai. Người kia bảo: "Anh coi không sai đâu, nó hay đá đấy nhưng vai ngắn mà đầu gối sưng. Ngựa khi đá thì cất chân sau

lên mà chân trước phải chịu tất cả sức nặng; đầu gối nó sưng thì làm sao chịu được, cho nên chân sau không cất lên được. Anh giỏi coi tướng ngựa nhưng dở coi đầu gối sưng”. Việc gì cũng có lý do, mà chỉ bậc trí giả mới biết rằng đầu gối sưng thì không chịu được sức nặng. Huệ tử[496] bảo: “Nhốt con vượn vào cũi thì nó không khác gì con heo”. Hễ cái thế bất lợi thì không tỏ được khả năng của mình.

2. Hoàn Hách nói: “Phép tạc tượng thì mũi nên cho lớn, mắt cho nhỏ vì mũi lớn thì có thể đục lại cho nhỏ, chứ đã nhỏ thì không làm cho lớn lên được; còn mắt nhỏ thì có thể đục lại cho lớn, chứ đã lớn thì không thể làm cho nhỏ lại được”. Làm việc gì khác cũng vậy, hễ việc làm rồi, sau

sửa lại được thì ít khi thất bại.

8. Quan thái tể nước Tống quyền lớn mà chuyên chính. Quí tử sắp yết kiến vua Tống. Lương tử[497] hay tin bảo Quí tử: "Trong khi hầu chuyện vua, tất phải có quan thái tể cùng ngồi nghe chứ? Nếu không thì ông khó tránh được họa đấy". Quí tử bèn khuyên vua Tống nên trọng sức khoẻ, đừng quan tâm quá đến việc nước.

16. Ba con bọ chét (sống bám vào con heo) sắp đi kiện nhau. Một con khác đi ngang qua, hỏi: "Kiện nhau về việc gì vậy?" Ba con kia đáp: "Vì tranh nhau chỗ béo bở". Con thứ tư bảo: "Các anh không lo ngày tế chạp[498] tới, người ta đốt cỏ mao thui con heo ư? Mà còn tranh nhau nữa?" Ba con kia nghe vậy bèn xúm nhau

hút máu con heo (cho thật nhiều); con heo gầy đi, khỏi bị giết.

24. Chu Táo hỏi Cung Tha[499]:

- Xin ông vì tôi mà tâu với vua Tề rằng nếu vua Tề giúp tôi làm quan ở Ngụy thì tôi xin làm cho Ngụy sẽ phải thờ Tề.

Cung Tha bảo:

- Không được. Như vậy tỏ rằng ông không có thế lực gì ở Ngụy, vua Tề tất không giúp một người không có thế lực gì ở Ngụy để kết oán với một người khác đã có thế lực ở Ngụy. Tốt hơn ông nên nói: "Nhà vua muốn thì thần xin thuyết nước Ngụy thờ nhà vua". Như vậy vua Tề cho rằng ông đã có thế lực ở Ngụy, tất ưng ông. Rốt cuộc ông có thế lực ở Tề, rồi nhờ Tề mà có thế lực ở Ngụy nữa.

27. Vua nước Kinh (Sở) đánh nước Ngô. Vua Ngô sai bắt Tư Vệ Quệ Dung[500] khao quân Kinh. Tướng nước Kinh bảo: "Bắt trói hắn lấy máu thoa trống". (Khi bắt rồi) ông ta hỏi (Tư Vệ Quệ Dung): "Người có bói rồi mới đi không?"

Đáp:

- Có.

- Quẻ tốt không?

- Tốt!

Người nước Kinh hỏi:

- Nay Tướng nước Kinh sắp lấy máu chú thoa trống, quẻ tốt ở chỗ nào?

Đáp:

- Chính vì vậy mà quẻ tốt đấy. Nước

Ngô sai người qua đây xem tướng Kinh có giận hay không. Nếu tướng quân giận thì nước Ngô sẽ đào hào cho sâu thêm, đắp lũy cho cao thêm; nếu không giận thì nước Ngô sẽ thủng thẳng. Nay tướng quân giết tôi thì nước Ngô sẽ phòng thủ gắt. Và quẻ đó bói cho cả nước, không phải cho một bề tôi. Giết một bề tôi còn cả nước được bảo tồn, thì sao không gọi là tốt được? Lại thêm, nếu kẻ chết rồi không biết gì nữa thì lấy máu tôi bôi trống có ích gì đâu; nếu chết rồi mà còn biết thì trong khi lâm chiến, tôi sẽ làm cho trống không kêu.

Người Kinh nghe vậy thôi không giết ông ta.

32. Tề đánh Lỗ, đòi cái đỉnh đất Sàm. Lỗ đưa một cái đỉnh giả qua. Người Tề bảo: "Đỉnh đó giả". Người Lỗ cãi: "Đỉnh

đó thật”. Người Tề bảo: “Mời ông Nhạc Chính Tử Xuân[501] sang đây, chúng tôi sẽ tin lời ông ấy”. Vua Lỗ cho mời Nhạc Chính Tử Xuân, ông hỏi: “Sao không dám đưa cái đỉnh thật qua?” Nhà vua bảo: “Ta quí cái đó”. Ông đáp: “Thần cũng quí cái tín nghĩa của thần vậy”.

37. Người nước Trịnh có một cậu con sắp đi xa[502]. Trước khi đi, cậu ta dặn người nhà: “Phải sửa bức tường hư để kẻ bất lương khỏi vô trộm.” Một người hàng xóm cũng nói vậy. Chưa kịp sửa tường thì quả nhiên bị trộm rồi. Người nước Trịnh đó cho con mình là khôn mà ngờ hàng xóm là kẻ trộm.

THIÊN XLI

VẤN BIỆN

(HỎI VỀ SỰ TRANH BIỆN)

Có người hỏi:

- Do đâu mà có sự tranh biện?

Đáp:

- Do bề trên (vua chúa) không sáng suốt.

Lại hỏi:

- Tại sao bề trên không sáng suốt mà lại sinh ra tranh biện?

Đáp:

- Trong nước của một vị minh quân thì lệnh là lời nói rất quí, pháp luật là rất thích đáng. Lời không thể có hai cùng quí[503], pháp luật không thể có hai cùng thích đáng. Cho nên lời nói và việc làm mà không theo pháp lệnh thì phải cấm. Nếu có người nào (bảo) không theo pháp lệnh mà có thể đối phó với sự gian trá, thích ứng với sự biến động, mưu lợi, dò đoán được sự tình thì bậc vua chúa nên thu nạp lời người đó mà xét xem có thực tế không. Lời nói của họ mà thích đáng thì thưởng lớn[504], không thích đáng thì phạt nặng. Như vậy người ngu sợ tội mà không dám nói (bậy), người thông minh không cãi lý, do đó mà không có sự tranh biện. Đời loạn thì không vậy. Vua ban lệnh mà dân lấy

văn học để chê bai, công sở có pháp luật mà dân lấy hành động riêng để sửa pháp luật theo ý mình; vua làm loạn pháp lệnh mà trọng trí lược, hành vi của bọn học giả, vì vậy mới có nhiều văn học. Phàm lời nói và hành vi phải lấy công dụng làm tiêu chuẩn. Mài mũi tên cho thật bén rồi lấy bắn càn thì thế nào mũi tên cũng trúng một sợi lông mùa thu (lông tơ), nhưng như vậy không thể bảo là bắn giỏi được, vì không có cái đích nhất định. Đặt một cái đích rộng năm tấc, đứng cách xa trăm bước thì nếu không phải là Nghệ và Phùng Mông[505] tất bắn không trúng được, vì phải nhắm một cái đích nhất định. Cho nên nhắm đích nhất định, thì đích rộng tới năm tấc mà bắn được như Nghệ và Phùng Mông đã là khéo rồi; không có đích nhất

định mà bắn càn thì dù trúng mười cái lông mùa thu cũng là vụng. Nay nghe lời nói, xét hành vi (của ai) mà không lấy công dụng làm tiêu chuẩn thì lời tuy rất tinh thâm, hành vi tuy rất kiên cường, cũng chỉ là lời nói càn (việc làm càn) thôi. Cho nên thời loạn thì người ta cho lời khó hiểu là tinh thâm, cho sự uyên bác là hùng biện; xét hành vi thì người ta cho sự xa rời quần chúng là hiền minh, cho sự phạm thượng là cao ngạo. Bậc vua chúa thích lời tinh thâm, hùng biện, trọng hành vi hiền minh, cao ngạo, cho nên tuy có người lập ra pháp luật, định hành vi nào nên giữ nên bỏ, phân biệt lời nào phải lời nào trái, (tới chỗ này chắc sắp chữ thiếu?) nên kẻ mặc áo nhà Nho và bọn đeo kiếm (hiệp khách) mới đông, nông phu và chiến sĩ mới ít, lời

luận về “chắc, trắng”, “không có chiều dầy”[506] mới nổi lên mạnh, mà pháp lệnh của quốc gia không còn. Vì vậy mà tôi bảo rằng bề trên không sáng suốt thì sinh ra tranh biện.

THIÊN XII

THUẾ NAN

(DU THUYẾT KHÓ)

1. Du thuyết khó ở chỗ hiểu được tâm lý đối phương[507]

Du thuyết khó, nhưng không khó ở chỗ trí thức của ta đủ thuyết phục được vua chúa hay không, cũng không khó ở chỗ khẩu tài của ta phát biểu được rõ ý của ta hay không, cũng không khó ở chỗ ta dám

tung hoành phóng dật diễn hết ý của ta hay không, mà khó ở chỗ hiểu được tâm lý đối phương để cho lời chúng ta hợp với tình ý của họ. Như đối phương nghĩ tới danh dự thanh cao mà ta đem tài lợi ra thuyết thì tất họ cho ta là bỉ lậu, tư cách đê hèn mà không dùng ta, xa lánh ta. Nếu đối phương nghĩ tới tài lợi mà ta đem danh dự thanh cao thuyết thì họ cho ta là không biết thời thế, không hiểu sát sự tình, tất không thu dụng ta. Đối phương trong lòng thích tài lợi mà ngoài mặt bộ thích danh dự cao, nếu ta đem danh dự thanh cao ra thuyết thì bề ngoài họ thu dụng ta mà thực tâm xa lánh ta; nếu ta đem tài lợi ra thuyết thì bề trong họ dùng lời ta mà bề ngoài xa lánh ta. Những điều đó không thể không xét được.

2. Những điều nên tránh để khỏi nguy hiểm tới thân

Việc làm phải kín đáo mới thành công, lời nói vì tiết lậu mà thất bại. Không nhất định là mình có ý tiết lậu ra, có khi chỉ vì vô tình nói đến điều đối phương muốn giấu mà thân cũng nguy rồi. Đối phương bề ngoài làm việc đó mà thực sự nhắm mục đích khác, kẻ du thuyết không những biết việc mưu tính của họ lại còn biết họ vì lẽ gì mà làm như vậy, thế là thân sẽ nguy. Mình giúp họ lập kế hoạch về một việc đặc biệt nào đó mà thỏa đáng, có kẻ thông minh ở ngoài dò xét biết được, việc tiết lậu ra, họ sẽ cho là chính mình tiết lậu, như vậy thân sẽ nguy. Tình chưa thân, ân huệ chưa thấm nhuần, mà nói hết ra như

chỗ cực thân với nhau, nếu ý kiến của mình được thi hành mà thành công thì rồi mình cũng bị quên; còn nếu như ý kiến của mình thi hành không được mà thất bại thì sẽ bị nghi, như vậy thân sẽ nguy. Bậc quí nhân có điều lầm lỗi mà kẻ du thuyết đem lễ nghĩa ra bàn để che cái ác của họ, như vậy thân sẽ nguy. Bậc quý nhân được người ta bày cho một mưu kế nào mà thích, coi đó là công của mình, kẻ du thuyết biết rõ đầu đuôi, như vậy thân sẽ nguy. Ép buộc họ làm một việc mà họ không làm được, ngăn cản không cho họ làm một việc mà họ không thể không làm, như vậy thân sẽ nguy. Cùng phê bình với họ về các đại thần của họ thì họ cho là mình có lòng li gián bọn họ với nhau; cùng phê bình với họ về hạng quan nhỏ của họ thì họ cho rằng

mình được yêu mà lộng quyền. Phê bình những người họ yêu thì họ cho rằng mình muốn nhờ cậy bọn đó; phê bình những kẻ họ ghét thì họ cho rằng mình muốn dò xét lòng họ. Lời của mình thẳng tuột mà vắn tắt thì họ cho là mình bất trí, vụng về; còn như mình biện bác tế toái thì họ cho là mình rườm rà, tô điểm. Bày tỏ sự tình, ý kiến một cách sơ lược thì họ bảo mình nhút nhát, không dám nói hết; suy xét kỹ sự tình và trình bày một cách phóng túng thì họ bảo mình lỗ mãng, khinh mạn. Đó là những chỗ khó khăn trong sự du thuyết, không thể không biết được.

3. Những thuật để thành công

Điều cốt yếu của phép du thuyết là biết tô điểm cái mà đối phương khoe khoang tự phụ và che giấu cái đối phương lấy làm hổ thẹn. Họ gấp muốn làm một việc thì phải thuyết sao cho việc riêng đó thành ra nghĩa chung mà khuyến khích họ làm. Trong ý họ, họ cho việc đó là đê hèn nhưng không thể không làm được thì kẻ du thuyết phải tô điểm sao cho việc đó hóa ra đẹp đẽ, nếu không làm thì đáng tiếc. Trong lòng họ cho việc đó là cao thượng nhưng thực tế họ không làm được, kẻ du thuyết phải vạch rõ chỗ hỏng của việc cho họ thấy nó xấu, rồi khen rằng không làm là sáng suốt. Họ muốn khoe trí thì kể cho họ nghe nhiều việc khác đồng loại với việc họ định làm để họ tham khảo được rộng, khiến cho họ dùng kiến nghị của ta mà ta cứ giả đò như

không biết, để họ không ngờ rằng mình đã mở trí cho họ. Muốn dâng cái ý rằng đôi bên (họ và người khác) nên chung sống với nhau thì phải khen rằng hành động như vậy sẽ được tiếng tốt mà đồng thời ám chỉ rằng cũng hợp với tư lợi của họ nữa; muốn bày tỏ sự nguy hại thì cho họ thấy rằng như vậy sẽ bị phỉ báng mà đồng thời ám chỉ rằng có hại riêng cho họ nữa. Nên khen những người hành vi giống hành vi của họ, mưu tính những việc giống việc của họ. Nếu có kẻ nào cũng dơ dáy như họ thì nên tô điểm cho là không có gì thương phong bại tục; có kẻ nào cũng thất bại[508] như họ thì nên tỏ rõ rằng kẻ đó không hề lầm lẫn. Nếu họ tự nhận rằng năng lực dồi dào thì đừng đem những nỗi khó khăn ra làm

nhụt chí của họ[509]; nếu họ tự cho là quyết đoán hơn người thì đừng vạch những lầm lẫn của họ cho họ giận, nếu họ cho rằng mưu tính sáng suốt thì đừng đem sự thất bại ra nén lòng họ. Đừng trái với chủ ý của họ, đừng xung đột trong lời nói với họ, như vậy rồi mới đem hết tài trí ra trần thuyết. Đó là cái phép làm cho họ thân cận, không hoài nghi, rồi mới có thể hết lời thuyết phục họ được.

Y Doãn làm đầu bếp, Bách Lý Hề[510] làm tôi mọi, đều là vì muốn bề trên biết tới mình. Hai ông đó đều là bậc thánh mà còn làm những việc ti tiện để cầu tiến thân, xấu xa như vậy đó. Nay ta làm tên đầu bếp hay kẻ tôi mọi mà có thể được vua chúa lắng nghe lời ta, dùng mưu ta để cứu đời

thì có gì đáng xấu hổ cho hạng sĩ có tài năng đâu. Trên dưới ở gần nhau đã lâu ngày, tình đã thân thiết mà ân trạch đã thấm nhuần, bàn những kế hoạch sâu sắc mà không bị nghi ngờ, tranh biện mà không bị tội, lúc đó ta mới có thể phân tích lợi hại để lập sự nghiệp cho vua, nói thẳng điều phải trái để sửa đức hạnh của vua; vua tôi đối đãi với nhau được như vậy là ta thành công trong sự du thuyết.

4. Dẫn cố sự để chứng minh

Xưa kia Trịnh Vũ Công muốn đánh nước Hồ, mới đầu đem con gái gả cho vua Hồ để làm cho vua Hồ vui lòng. Rồi hỏi quần thần: "Trẫm muốn dùng binh thì nước

nào nên đánh?” Quan đại phu là Quan Kỳ Tư bảo: “Nên đánh nước Hồ”. Vũ Công giận, sai đem giết Quan Kỳ Tư, bảo: “Hồ là nước anh em, sao nhà ngươi lại bảo nên đánh?” Vua Hồ nghe chuyện đó, cho là nước Trịnh thân với mình, không đề phòng, quân Trịnh đánh úp mà chiếm được.

Nước Tống có một nhà giàu, trời mưa, tường đổ. Người con nói” “Không xây lại thì sẽ bị trộm”. Cha người hàng xóm cũng nói như vậy. Tối, quả nhiên mất trộm lớn; người trong nhà rất khen người con là khôn ngoan mà nghi cha người hàng xóm.

Lời hai người đó nói đều đúng cả mà nặng (Quan Kỳ Tư) thì bị giết, nhẹ (cha người hàng xóm) thì bị nghi, vậy đủ thấy: Biết không phải là khó, biết dùng cái biết

mới khó. Cho nên lời đoán của Nhiễu Triều[511] rất xác đáng, người nước Tống coi ông là bậc thánh mà người nước Tần coi ông là vô dụng[512]. Điều đó không thể không xét được.

5. Phải xem vua yêu hay ghét mình; đừng làm trái ý vua

Xưa Di Tử Hà được vua Vệ yêu. Theo phép nước Vệ, hễ lén đánh xe của vua thì bị tội chặt chân. Mẹ Di Tử Hà đau, có người hay tin, đương đêm báo cho Di Tử Hà; Di Tử Hà truyền lệnh giả rồi ngồi xe vua ra khỏi cung. Vua hay được khen: "Thực có hiếu, vì mẹ mà quên tội chặt

chân”. Một hôm khác, Di Tử Hà cùng dạo trong vườn với vua, ăn một trái đào, thấy ngọt, lấy nửa trái đào ăn dở đút cho vua. Vua bảo: “Thực là yêu ta. Quên miếng ngon mà đút cho ta”. Đến khi dung nhan Di Tử Hà suy kém, tình yêu của vua lơi là, có tội với vua, vua bảo: “Nó đã tự tiện lên ngồi xe của ta, lại đút cho ta trái đào nó ăn dở”. Hành vi của Di Tử Hà có thay đổi gì đâu mà trước thì được khen, sau lại bắt tội, chỉ tại lòng yêu ghét đã thay đổi vậy. Cho nên được vua yêu thì tài trí hóa ra hợp ý, bị vua ghét thì tài trí hóa ra không hợp ý, bị tội mà càng hóa sợ. Cho nên kẻ sĩ can gián, du thuyết, đàm luận, không thể không xét vua chúa yêu hay ghét mình rồi sau mới nên thuyết.

Rồng là con vật thuần, có thể lấn lờn

mà cưỡi, nhưng dưới họng nó có những vẩy ngược chu vi rộng cả thước, ai mà đụng tới thì nó sẽ giết. Bậc vua chúa cũng có những vẩy ngược, kẻ du thuyết mà biết đừng đụng tới thì là tạm được rồi.

THIÊN III

NAN NGÔN

(KHÓ NÓI)

Thần là Phi, không phải là khó nói. Sở dĩ khó nói là vì: Lời nói xuôi tai, thân mật, hoạt bát, trơn tru đẹp đẽ, có thứ tự thì bị xem là hoa mĩ, không thành thực; lời nói đôn hậu, cung kính, cương trực, cố chấp thận trọng, chu đáo thì bị xem là vụng về, mà lộn xộn; nói nhiều mà tường tận dẫn chứng, so sánh đưa tỉ dụ bị xem là trống rỗng, vô dụng; lời nói tóm tắt, giản lược, trình những phép chính mà không tô điểm

thì bị xem là khái quát không rõ ràng; lời nói đụng chạm tới người thân cận của vua và thấu đáo nhân tình thì bị xem là lấn người, không khiêm nhượng; lời nói mênh mông, quảng bác xa xôi, khó lường thì bị xem là khoe khoang, vô dụng; nói những chuyện vặt trong nhà, đưa cả những con số ra thì thì bị xem là bỉ lậu; nói mà hợp thế tục, tránh xa không làm phật ý người thì bị xem là tham sống, nịnh bề trên, nói mà khác thế tục, không cận nhân tình thì bị xem là quái đản; lời nói mẫn tiệp, hùng hồn nhiều văn vẻ thì bị xem là tô điểm, không thành thật; bỏ hết văn hoa, cái chất phác nói thẳng sự việc ra thì bị xem là quê mùa; thường dẫn thi thơ kinh điển, kể những phép tắc thời xưa thì bị xem là chỉ biết tụng sách cổ. Đó là những lẽ làm cho

thần là Phi khó nói mà rất sợ sệt. Cho nên đồ đo lường tuy đúng vị tất đã được theo, nghĩa lý tuy hoàn bị, vị tất đã được dùng. Nếu đại vương không tin lời thần muốn nói thì (xin xem người đời xưa can vua), tội nhẹ thì bị hủy báng mà tội nặng thì bị họa chết chóc đến mình[513].

(Chúng tôi cắt bỏ đoạn giữa Hàn Phi dẫn chứng hơn một chục cổ nhân - như Ngũ Tử Tư, Khổng Tử, Quản Trọng, Y Doãn, Văn Vương, Tỉ Can, Tôn Tử, Ngô Khởi, Thương Ưởng... đều là “bậc hiền tài, trung lương, có đạo thuật, vì chẳng may gặp một ông vua hung bạo, hôn ám mà phải chết” Cuối cùng Hàn Phi kết luận:)

Vậy tuy là hiền thánh cũng không thoát chết, không tránh khỏi bị lăng nhục. Tại

sao vậy? Tại khó thuyết phục được kẻ ngu[514]. Lời nói phải thì trái tai, phật ý, không phải là hiền nhân, thánh nhân thì không chấp nhận được. Xin đại vương xét kỹ cho.

Nhận định: Vì đoạn cuối có câu "Tại khó thuyết phục được kẻ ngu" nên nhiều học giả ngờ rằng thiên này không phải là một bài biểu do Hàn Phi viết, mà do người sau ngụy tạo. Nhưng có nhà như Léon Vandermeersch (trong sách đã dẫn, trang 183) lại bảo chính giọng phạm thượng đó chứng tỏ rằng thiên đó của Hàn Phi, chứ nếu người sau viết thì tất không dám cho Hàn Phi mạt sát vua là "kẻ ngu" như vậy. Và ông đoán rằng bài biểu đó không phải để dâng lên vua Hàn, mà để gởi Tần Thủy

Hoàng khi Hàn Phi biết chắc rằng mình không thoát chết, chẳng cần giữ ý nữa. Chúng tôi ghi lại cả hai ý kiến. Thực hư ra sao, chưa dám quyết đoán.

THIÊN XI

CÔ PHẪN

(NỖI UẤT CÔ ĐƠN)

Kẻ sĩ biết thuật[515] tất nhìn xa, xét rõ; không xét rõ thì không thấu được tư tâm của kẻ khác. Kẻ sĩ giỏi pháp độ tất cương nghị mà ngay thẳng, không ngay thẳng thì không hiểu chính được kẻ gian. Bề tôi nào cứ tuân lệnh (vua) mà làm, theo pháp luật mà thi hành chức vụ thì không gọi là "trọng nhân"[516]. Kẻ nào không có lệnh (vua) mà tự chuyên, làm trái pháp luật để lợi cho

mình, làm hao tốn của nước để ích cho nhà, dùng khí lực khiến được vua theo mình, như vậy mới là trọng nhân. Kẻ sĩ biết thuật, xét rõ mà được dùng thì thấu được tình mờ ám của trọng nhân. Kẻ sĩ giỏi pháp độ, ngay thẳng mà được dùng thì kiểu chứng được hành vi gian tà của trọng nhân. Cho nên kẻ sĩ biết thuật, giỏi pháp độ mà được dùng thì hạng bề tôi tôn quí tất bị gạt ra ngoài[517], thành thử họ với bọn cầm quyền thù nhau đến một mất một còn.

Bọn cầm quyền mà nắm sự thưởng phạt thì chư hầu ở ngoài và bách quan trong triều đều bị họ sai khiến. Chư hầu không nương tựa vào họ thì việc không thành, cho nên địch quốc ca tụng họ; bách quan không nhờ cậy họ thì công nghiệp không tiến, cho

nên quần thần bị họ sai khiến; kẻ tả hữu của vua không nhờ cậy họ thì không được gần vua, cho nên che giấu lỗi của họ; hạng học sĩ không nhờ cậy họ thì lộc ít, lễ thấp[518], cho nên nói tốt cho họ. Bọn gian thần nhờ bốn sự yểm trợ đó (của chư hầu, quần thần, kẻ thù của nhà vua, các học sĩ) mà tự tô điểm cho chúng. Bọn trọng nhân không thể trung với chúa mà tiến cử kẻ thù (tức các kẻ sĩ có pháp thuật), các vua chúa không vượt được bốn sự yểm trợ trên mà xét rõ bọn gian thần, cho nên vua chúa bị che lấp thì đại thần càng quyền cao chức trọng. Bọn đại thần đương cầm quyền, ít khi không được tin yêu, lại được vua biết từ lâu, cho nên đón được ý vua, vua thích hay ghét cái gì họ cũng thích, ghét cái đó, nhờ vậy mà tiến thân. Quan

tước cao quí mà bè đảng lại đông nên được cả nước khen. Còn kẻ sĩ giỏi pháp thuật có muốn yết kiến vua thì lại thiếu tình thân yêu tin cậy, không được cái may mắn được vua biết từ lâu, mà lại đem lời pháp thuật ra kiểu chính lòng vua, tất làm trái ý vua. Địa vị họ đã thấp, lại không bè đảng nên bị cô lập. Họ là kẻ sơ tình mà muốn tranh với kẻ thân cận của vua, tất nhiên là không thắng được; họ mới tới mà muốn tranh với kẻ quen biết từ lâu, tất nhiên là không thắng được; họ làm trái ý vua mà muốn tranh với kẻ chiều ý vua, tất nhiên là không thắng được; họ ở địa vị thấp hèn mà muốn tranh với kẻ cao quí, tất nhiên là không thắng được; họ chỉ có một miệng mà muốn tranh với cả nước, tất nhiên là không thắng được. Kẻ sĩ giỏi pháp thuật ở vào

năm cái thế không thắng được đó nên có đợi mấy năm nữa cũng không được yết kiến vua, còn bọn đương cầm quyền thừa năm cái thế thắng được kia mà sớm chiều trình bày trước mặt vua, như vậy thì kẻ sĩ giỏi pháp thuật do đường nào mà được tiến cử, còn vua chúa biết bao giờ mới được giác ngộ? Thế đã không thắng được vua mà lại không sống chung được (với bọn trọng nhân); tất có kẻ mất người còn, kẻ sĩ giỏi pháp thuật làm sao khỏi bị nguy? Bọn trọng nhân nếu có vu tội lỗi cho ai thì sẽ dùng phép công mà giết người đó; không thể vu được thì sai người ám sát[519]. Tóm lại, làm sáng tỏ pháp luật là trái ý vua chúa, nếu không bị quan giết thì tất cũng chết vì bị ám sát.

Những kẻ lập bè đảng vào hùa với nhau để che lấp vua, nói những lời trái pháp luật để mưu tư lợi thì tất được bọn trọng nhân tin dùng; ai có thể gán cho công lao thì trọng nhân sẽ tặng cho quan tước cao sang, ai có thể gán cho tiếng tốt thì mượn thế nước ngoài mà cho được quí trọng. Vậy che lấp vua mà hùa theo một họ riêng (trỏ bọn đại thần tự chuyên) thì nếu không được chức tước vinh hiển, cũng được quí trọng nhờ thế nước ngoài. Nay các vua chúa không dùng cách tham nghiệm[520] mà trừng phạt, không đợi thấy công lao rồi mới ban tước lộc, thì kẻ sĩ biết pháp thuật làm sao dám liều chết mà đưa ý kiến, bọn gian thần làm sao chịu bỏ tư lợi mà rút lui? Thành thử vua chúa càng mất địa vị còn các họ riêng càng

được tôn quí. Nước Việt tuy giàu, mạnh, mà các vua Trung nguyên (như Chu, Tề, Lỗ...) đều cho là vô ích cho mình, bảo: "Nước đó (ở xa) ta không chế ngự được" (có ích lợi gì cho ta đâu). Nay bậc làm vua một nước đất rộng dân đông, mà bị đại thần chuyên quyền che lấp thì nước đó cũng như nước Việt vậy (vô ích cho vua). Nước Việt, mình không chế ngự được, mà nước mình, mình cũng không chế ngự được, đó là chỗ giống nhau; vậy mà nước Việt thì mình biết là vô ích cho mình, còn nước mình thì mình lại không biết vậy, thế là không biết xét sự giống nhau ở đâu[521]. Người ta bảo nước Tề mất, không phải vì đất và thành mất, mà vì họ Lữ mất quyền mà quyền về họ Điền

hết[522]. Người ta bảo nước Tấn mất cũng không phải vì đất và thành mất, mà vì họ Cơ[523] mất quyền mà sáu quan khanh chuyên quyền. Nay đại thần cầm quyền độc đoán mà chúa ở trên không biết thâu quyền lại, tức là không sáng suốt. Mắc cùng bệnh với một người chết thì không sao sống được; cùng có những hành vi với một nước mất thì nước cũng không sao còn được. Theo dấu vết của Tề, Tấn mà mong cho nước yên ổn tồn tại, là điều không thể được.

Pháp và thuật khó thi hành được, không phải chỉ những nước vạn cỗ xe (nước lớn) mới vậy, mà các nước ngàn cỗ xe (nước nhỏ) cũng vậy. Kẻ tả hữu của bậc vua chúa không nhất định là người trí; bậc vua chúa

nghe lời được hay của người trí, rồi đem lời đó bàn với kẻ tả hữu, như vậy là cùng với người ngu luận về người trí[524]; bậc vua chúa thấy hành vi của người hiền mà trọng, rồi đem hành vi đó bàn với kẻ tả hữu, như vậy là cùng với kẻ càn dở luận về người hiền. Kế hoạch của người trí phải do người ngu quyết định, hành vi của người hiền phải do kẻ gàn dở phê phán, thì kẻ sĩ trí mưu và hiền lấy làm xấu hổ mà lời bàn của bậc vua chúa sai lầm hết. Bề tôi mà muốn được làm quan, thì hạng sĩ có đức hạnh phải sửa mình cho liêm khiết, hạng sĩ có trí mưu phải luyện tài biện luận để tiến nghiệp, chứ không thể dùng của cải đút lót và thờ người; chỉ trông vào đức liêm khiết, tài biện luận của mình, mà lại không chịu bẻ cong pháp luật để trị nước,

như vậy không thể thờ kẻ tả hữu của vua chúa, không thỏa mãn yêu cầu của chúng được. Bọn tả hữu có đức không được như Bá Di[525], yêu sách (kẻ sĩ) không được, không được (kẻ sĩ) đút lót, tất không kể gì tới công sửa mình cho liêm khiết, luyện tài biện luận cho hơn người của kẻ sĩ mà chỉ hủy báng, vu oan cho họ thôi. Thế là cái công luyện tài biện luận hóa công toi, cái đức liêm khiết bị hủy báng, rốt cuộc kẻ sĩ hiền, trí bị bỏ rơi mà sự sáng suốt của vua chúa bị che lấp. Không xét công lao nhiều ít mà phán đoán về tài trí, đức hạnh, không dùng cách khảo nghiệm để thẩm xét tội lỗi, chỉ nghe lời kẻ tả hữu thân cận, như vậy, triều đình tất đầy kẻ bất tài mà bọn ngu xuẩn tham ô nắm hết các chức vụ. Mối lo của nước có vạn cỗ xe là đại thần có

quyền lớn quá; mối lo của nước có ngàn cỗ xe là kẻ tả hữu được tin dùng quá; đó là những mối lo chung của các bậc vua chúa. (Tới nông nỗi đó thì) bề tôi có tội nặng của bề tôi mà vua chúa cũng có lỗi lớn của vua chúa.

Cái lợi của vua chúa và bề tôi vốn khác nhau. Sao biết được điều ấy?

Đáp: Cái lợi của vua chúa ở chỗ kẻ nào có tài thì giao cho quan chức, còn cái lợi của bề tôi ở chỗ mình vô tài mà được làm quan; cái lợi của vua chúa ở chỗ ai có công lao thì mới thưởng cho tước lộc, còn cái lợi của bề tôi ở chỗ mình không có công mà cũng được giàu sang; cái lợi của vua chúa ở chỗ khiến cho hào kiệt trổ hết tài năng, còn cái lợi của bề tôi ở chỗ kết bè đảng mà mưu tư lợi. Do đó mà đất đai

của nước bị tước lần đi[526] mà tư gia cứ giàu thêm, vua chúa mạt địa vị mà quyền của đại thần mạnh lên; vua thất thế mà bề tôi nắm quyền trong nước, vua phải xưng là phiên thần[527] cho nước ngoài mà tướng quốc thì chẻ phù[528] (ra lệnh cho quần thần), như vậy là bề tôi lừa vua để mưu lợi riêng cho mình. Cho nên đại thần cầm quyền, một khi vua có sự thay đổi[529] mà còn được sủng ái như trước thì mười người không chắc được hai ba. Tại sao vậy? Tại tội của họ lớn quá. Bề tôi có tội lớn, lừa gạt chúa, tội đó đáng chết. Kẻ sĩ có trí, thấy xa, sợ tội chết nên không theo chúng. Kẻ sĩ có đức, liêm khiết, cho sự vào bè với gian thần là xấu

hổ, nên không theo chúng. Vậy kẻ đi theo bọn đại thần đương cầm quyền, nếu không phải là ngu xuẩn, không sợ chết thì tất là tham ô không tránh bọn gian. Bọn đại thần nắm hạng người ngu xuẩn tham ô đó để trên thì gạt chúa, dưới thì thu lợi, vơ vét của dân[530], kết bè đảng, vào hùa nhau, trăm miệng như một làm mê hoặc chúa, bại hoại pháp luật để loạn sĩ dân, khiến cho nước suy vong, mất lần đất đai, chúa bị hao tổn, nhục nhã, tội đó lớn lắm. Bề tôi có tội lớn mà vua chúa không cấm được, cũng là có lỗi lớn. Khiến cho ở trên vua có lỗi lớn, như vậy mà mong nước không bị diệt vong, là điều không thể được.

THIÊN XIII

HOÀ THỊ

(HỌ HOÀ)

Người nước Sở là (Biện) Hòa tìm được trong núi Sở một khối ngọc sống, đem dâng vua Lệ vương. Lệ vương sai thợ ngọc xem. Thợ ngọc bảo chỉ là một cục đá. Lệ vương cho (Biện) Hòa là nói láo, ra lệnh chặt chân trái ông ta. Khi Lệ vương mất, Võ vương nối ngôi, (Biện) Hòa lại dâng ngọc lên. Võ vương lại sai thợ ngọc xem, thợ ngọc lại bảo chỉ là đá. Võ vương lại cho là Biện Hòa nói láo, ra lệnh chặt

chân phải ông ta, Võ vương chết, Văn vương[531] lên nối ngôi, (Biện) Hòa ôm khối ngọc mà khóc ở chân núi Sở ba ngày đêm, hết nước mắt thì khóc ra máu. Văn vương hay tin, sai người hỏi nguyên do:

- Trong thiên hạ có nhiều người bị chặt chân, sao mà riêng ông khóc lóc bi thảm đến vậy?

(Biện) Hòa đáp:

- Tôi không đau xót vì bị chặt chân mà vì nỗi: Thiệt là ngọc mà lại bảo là đá, kẻ sĩ ngay thẳng mà lại bảo là nói láo, tôi đau xót vì lẽ đó.

Nhà vua bèn sai thợ mài khối ngọc đó, được một hòn ngọc quí, và đặt tên là: “ngọc bích Biện Hòa”.

^¤^

Châu ngọc là thứ mà nhà vua muốn có gấp, dù Biện Hòa dâng một khối ngọc không tốt thì cũng không hại gì cho nhà vua, thế mà phải bị chặt hai chân rồi khối ngọc mới được nhận là quí; nhận ra được của báu, khó như vậy đó. Ngày nay bậc vua chúa cần có pháp thuật để ngăn cấm quần thần, sĩ dân, gian tà chưa chắc đã gấp như cầu có ngọc bích Biện Hòa[532]; sở dĩ kẻ sĩ có đạo (tức có pháp thuật) chưa bị giết là vì họ chưa dâng thứ ngọc lập nên nghiệp đế vương (tức pháp thuật) cho vua vậy. Vua chúa dùng thuật thì đại thần không thể tự chuyên, kẻ thân cận không dám bán quyền chức; quân thi hành pháp luật thì bọn du thủ du thực vội quay về nghề nông, bọn sĩ du thuyết phải chịu cảnh

nguy hiểm ngoài mặt trận[533]. Vậy thì pháp thuật là cái quần thần, sĩ dân cho là tai họa; bậc vua chúa nếu không phản đối lời bàn bạc của đại thần, không bất chấp lời chê bai của nhân dân, cứ làm đúng theo đạo thì kẻ sĩ có pháp thuật dù chết, đạo[534] vẫn không được chấp nhận.

^¤^

Xưa Ngô Khởi dạy[535] Sở Điệu vương về tục (tình hình) nước Sở: "Quyền thế của đại thần lớn quá, các vị hầu được phong đất nhiều quá, như vậy họ áp bức chúa ở trên, ngược đãi dân ở dưới, nước tất nghèo mà binh tất yếu. Chi bằng đối với con cháu các vị hầu được phong đất, cứ ba đời thì thu tước lộc lại, tài giảm lương

bổng của thư lại, bỏ các chức quan không cần thiết đi để có tiền nuôi các chiến sĩ được chọn và huấn luyện kỹ”. Điệu vương mới thi hành kế hoạch đó được một năm thì chết và Ngô Khởi bị chặt tay chân ở Sở. Thương quân (tức Thương Ưởng) dạy Tần Hiếu công thi hành phép ngũ gia và thập gia liên bảo, nhà nào có tội, nhà khác phải tố cáo, nếu không thì bị liên lụy; đốt thi thư[536] mà làm rõ pháp luật; chặn những lời thỉnh cầu của tư gia mà thưởng những người có công lao với đất nước; cấm bọn đi nơi này đi nơi khác xin xỏ làm quan, hiển dương nông dân và chiến sĩ. Hiếu Công thi hành kế hoạch đó mà vua được tôn sùng, yên ổn, nước được phú cường, tám năm[537] sau chết, Thương

quân bị xe xé thây ở nước Tần. Sở không dùng Ngô Khởi mà bị mất đất và loạn. Tần thi hành phép của Thương quân mà phú cường. Lời hai ông ấy đều đúng mà Ngô Khởi bị chặt chân tay. Thương quân bị xe xé thây là tại sao? Tại bọn đại thần oán[538] pháp thuật mà dân chúng ghét sự cai trị. Đời nay, đại thần tham quyền, dân chúng quen cảnh loạn còn hơn Tần và Sở thời xưa nữa, mà bậc vua chúa không có ai nghe lời phải như Điệu vương, Hiếu Công, như vậy kẻ sĩ giỏi pháp thuật làm sao được mạo hiểm cái nguy của hai ông ấy mà làm sáng tỏ pháp thuật của mình được? Do đó mà đời nay mới loạn mà không ai thực hiện nghiệp bá vương được.

ĐỌC THÊM

A. TRÍCH CHIẾN QUỐC SÁCH

TẦN SÁCH II.13: VUA TẦN ĐUỔI CÔNG TÔN DIỄN

(Cam Mậu tướng Tần)

Cam Mậu làm tể tướng nước Tần. Vua Tần (Vũ Vương) yêu Công Tôn Diễn, hứa có cơ hội sẽ phong chức cao cho, vì vậy bảo Công Tôn Diễn:

- Quả nhân sắp phong ông làm tể tướng.

Một kẻ lại của Cam Mậu giữa đường vô tình nghe được, cho Cam Mậu hay. Cam Mậu bèn vào yết kiến vua:

- Đại vương lựa chọn tể tướng giỏi, xin lạy mừng đại vương.

Vua hỏi:

- Quả nhân giao việc nước cho ông, sao lại còn được tể tướng nào giỏi nữa?

Đáp:

- Đại vương sắp phong tê thủ[539] *làm tể tướng mà.*

Vua hỏi:

- Ông nghe ai nói vậy?

Đáp:

- Tê thủ cho thần hay.

Vua Tần giận tê thủ bép xép, đuổi tê thủ đi.

*

YÊN SÁCH I.9: VUA YÊN NHƯỜNG NGÔI CHO TỬ CHI

(Yên Vương Khoái tức vị)

Vua Yên tên là Khoái[540] tức vị, Tô Tần đã bị đâm chết ở Tề. Hồi Tô Tần ở nước Yên, kết thân[541] với tướng quốc nước Yên là Tử Chi, Tô Đại giao du với Tử Chi. Khi Tô Tần chết, Tề Tuyên Vương lại dùng Tô Đại. Năm thứ ba triều đại Yên Khoái, Yên cùng với Sở, Triệu, Hàn,

Nguỵ đánh Tần, không thắng được rồi về. Lúc đó Tử Chi là tướng quốc nước Yên, quyền hành rất cao, quyết đoán mọi việc. Tô Đại vì Tề đi sứ qua Yên[542], vua Yên hỏi:

- Tề Tuyên Vương là người ra sao?

Đáp:

- Không dựng nghiệp bá được.

- Tại sao?

- Vì không tín nghiệm bề tôi.

Tô Đại đáp như vậy là muốn kích phát vua Yên để Yên trọng nhiệm Tử Chi. Tử Chi tặng Tô Đại trăm nén vàng để tiêu dùng.

Lộc Mao Thọ[543] bảo vua Yên:

- Nên đem nước nhường Tử Chi đi. Người ta khen vua Nghiêu là hiền vì đã nhường thiên hạ cho Hứa Do, tất nhiên là Hứa Do không nhận, như vậy được cái danh là đã nhường thiên hạ cho người khác mà sự thực vẫn không mất thiên hạ. Nay đại vương đem nước nhường cho Tử Chi, Tử Chi tất không dám nhận, như vậy hành vi của đại vương y như của vua Nghiêu.

Vua Yên bèn đem nước nhường Tử Chi, quyền thế của Tử Chi càng lớn.

Có kẻ lại bảo vua Yên:

- Vua Vũ hứa đem thiên hạ giao cho ông Ích mà dùng ông Khải[544] làm quan.

Tới khi già, thấy ông Khải trị nước không được mới truyền ngôi cho ông Ích; ông Khải và bè đảng tấn công ông Ích mà chiếm được thiên hạ. Như vậy là ông Vũ có cái danh truyền ngôi cho ông Ích mà thực là khiến cho ông Khải tự chiếm lấy ngôi vua. Nay đại vương nói giao phó quốc gia cho ông Tử Chi mà các quan lại đều là người của thái tử, như vậy là chỉ có cái danh phó thác quốc gia cho ông Tử Chi mà thái tử vẫn là nắm quyền.

Vua Yên bèn thu ấn của các quan bổng lộc từ ba trăm thạch[545] trở lên, giao cả cho Tử Chi, Tử Chi quay mặt về phía nam[546] mà cầm quyền quốc vương, còn Khoái thì già rồi, không màng tới chính sự

nữa, tự nguyện làm bề tôi, mọi việc nước đều do Tử Chi quyết đoán.

Tử Chi cầm quyền được ba năm[547], nước Yên đại loạn, trăm họ thống hận; tướng quân là Thị Bị và thái tử là Bình tính tấn công Tử Chi. Trữ Tử[548] bảo Tề Tuyên Vương:

- Nhân cơ hội này đánh Yên thì Yên tất tan tành.

Tề Tuyên Vương bèn sai người bảo thái tử Bình:

- Quả nhân nghe nói thái tử có nghĩa khí, muốn dẹp lòng riêng mà lập ích công, sửa lại danh nghĩa vua tôi, phận vị cha con. Nước của quả nhân nhỏ, không thể

cung cấp hết được, nhưng xin thái tử tuỳ tiện sử dụng.

Thái tử bèn tụ tập bè đảng, tướng quân là Thị Bị vây cung thất, tấn công Tử Chi, không thắng; tướng quân Thị Bị với trăm họ quay lại tấn công thái tử Bình, và tướng quân Thị Bị chết trận. Nước loạn mấy tháng, người chết mấy vạn. Dân Yên thống hận, trăm họ có ý phản bội.

Mạnh Kha bảo Tề Tuyên Vương:

- Lúc này mà đánh Yên là đúng cái thời cơ của vua Văn vua Võ[549], không nên bỏ lỡ!

Vua Tề bèn sai Chương Tử thống lãnh binh sĩ năm thành, nhân đất phía bắc tiếp cận với đất Yên, dân chúng đông đúc, đem

binh đánh Yên. Quân lính Yên không chiến đấu, cửa thành bỏ ngỏ, vua Yên là Khoái chết, quân Tề đại thắng. Tử Chi bỏ trốn[550]. Hai năm sau người Yên lập thái tử Bình làm vua, tức Yên Chiêu Vương.

Trước kia em Tô Tần là Lệ, nhân lúc vua Yên cho thái tử qua làm con tin ở Tề, mà xin được yết kiến vua Tề. Vua Tề oán Tô Tần, muốn bỏ tù Lệ, thái tử Yên làm con tin phải tạ tội thay cho Lệ, Tề mới thôi, rồi Lệ dâng lễ làm bề tôi ở Tề.

Tướng quốc nước Yên là Tử Chi kết thân với Tô Đại mà muốn được cầm quyền nước Yên, mới sai Tô Đại qua Tề hầu hạ thái tử Yên làm con tin ở Tề. Tề sai Tô Đại về báo tin (về thái tử) cho Yên. Vua Yên là Khoái, hỏi:

- Vua Tề có thể lập được nghiệp bá không?

Đáp:

- Không được.

Hỏi:

- Tại sao?

Đáp:

- Không tín nhiệm bề tôi.

Vì vậy mà vua Yên chuyên tin dùng Tử Chi, rồi lại nhường ngôi cho và Yên hoá ra đại loạn. Tề đánh Yên, giết Vương Khoái, Tử Chi; nước Yên bèn lập Chiêu Vương lên ngôi. Tô Đại và Tô Lệ đều không dám vô nước Yên nữa, đều quay về với Tề, được Tề ưu đãi. Tô Đại qua Nguỵ, vua Nguỵ (Ai Vương) vì Yên mà bắt giam

Tô Đại. Tề sai người bảo vua Nguỵ:

- Tề xin đem đất Tống phong cho Kinh Dương Quân mà Tần không nhận, Tần không phải là không ham được Tề giúp sức và được thêm đất của Tống, chính là vì Tần không tin vua Tề và Tô Đại đấy. Nay Tề, Nguỵ bất hoà với nhau, như vậy quá lắm là Tề tất không lừa gạt Tần và Tần sẽ tin Tề, Tề và Tần sẽ liên hợp với nhau, Kinh Dương Quân sẽ được đất Tống, điều đó không phải là cái lợi cho Nguỵ. Cho nên đại vương nên thả tô Đại cho về phía đông (tức nước Tống), Tần sẽ sinh nghi mà không tin Tô Đại. Tề, Tần không liên hợp với nhau thì thiên hạ sẽ yên, và việc đánh Tề có thể thành công được.

Nhờ vậy, Tô Đại được vua Nguỵ thả,

cho qua Tống, và được Tống ưu đãi.

*

NGUỴ SÁCH I.1: TRÍ BÁ VÌ THAM VÀ KIÊU MÀ MẤT NƯỚC

(Trí Bá sách địa ư Nguỵ Hoàn Tử)

Trí Bá đòi Nguỵ Hoàn Tử cắt đất cho mình, Nguỵ Hoàn Tử không cho. Nhiệm Chương[551] hỏi:

- Sao không cho?

Hoàn Tử đáp:

- Vô cố mà đòi đất, cho nên không cho.

- Hắn vô cố mà đòi đất thì các nước

láng giềng sẽ sợ vì được rồi hắn lại muốn nữa, không bao giờ cho là đủ, mà rồi thiên hạ sẽ hoảng. Nhà vua cứ cho đất đi, Trí Bá tất sẽ kiêu căng, kiêu căng thì khinh địch; các nước láng giềng hoảng sợ thì sẽ kết thân với nhau mà đợi quân của một nước khinh địch, mạng của Trí Bá không thọ được đâu! *Chu Thư* có câu: "Muốn hại nó thì hãy tạm giúp nó; muốn chiếm lấy nó thì hãy tạm cho nó". Nhà vua nên cho đi để Trí Bá hoá kiêu căng. Sao nhà vua lại bỏ lỡ cơ hội cùng với thiên hạ diệt Trí Bá mà ngược lại để Trí Bá đem riêng nước ta ra làm cái đích[552].

Vua bảo: "Phải", rồi tặng Trí Bá một ấp vạn nóc nhà. Trí Bá rất mừng rồi quen mùi đòi Triệu những đất Thái, Cao,

Lương. Triệu không cho, Trí Bá bèn vây Tấn Dương; Hàn, Nguỵ phản Trí Bá ở ngoài, Triệu tiếp ứng ở trong, họ Trí bị diệt[553].

Hàn, Triệu tranh chấp với nhau, Hàn đòi mượn binh của Nguỵ, bảo:

- Xin cho mượn binh để đánh Triệu.

Nguỵ Văn Hầu[554] đáp:

- Nước quả nhân và Triệu là anh em với nhau, nên không dám vâng lời.

Triệu cũng đòi mượn binh để đánh Hàn. Văn Hầu đáp:

- Nước quả nhân với Hàn là hai anh em với nhau, nên không dám dâng lời.

Hàn, Triệu xin mượn binh mà không được, đều giận mà đem binh về, sau mới biết rằng, Nguỵ Văn Hầu ở giữa muốn giải hoà cho hai bên, nên đều triều phục Nguỵ.

*

ĐÔNG CHU SÁCH 10: NGƯỜI ĐẤT ÔN KHÉO ĐỐI ĐÁP MÀ KHỎI BỊ GIAM

(Ôn nhân chi Chu)

Một người đất Ôn (thuộc nước Nguỵ), qua nước Chu, nước Chu đuổi đi, không cho ở. Người đó bảo: "Tôi là người ở đây mà!". Hỏi: "(Nếu chú ở đây thì chú phải biết tên đường này. Vậy) đường này là đường gì?". Người đó không biết, nên bị

bắt giam. Vua Chu sai người hỏi:

- Chú không phải là người nước Chu mà sao lại tự xưng là người Chu?

Người đó đáp:

- Thần hồi nhỏ đọc *Kinh Thi*. *Kinh Thi*[555] có câu: "Khắp gầm trời, không đâu không phải đất của nhà vua; khắp mặt đất bến nước, không người nào không phải là bề tôi của vua". Nay vua Chu làm vua thiên hạ thì tôi tức là bề tôi của thiên tử, chứ sao lại là người lạ được? Cho nên tôi bảo tôi là người Chu.

Vua Chu bèn ra lệnh thả người đó[556].

*

SỞ SÁCH IV. 2: TRỊNH DỮU GHEN

(Nguỵ Vương di Sở Vương mỹ nhân)

Vua Nguỵ tặng vua Sở (Hoài Vương) một mỹ nữ, vua Sở rất thích. Bà Trịnh Dữu biết rằng vua quí người mới (tức mỹ nữ đó), cũng rất yêu người mới. Y phục cùng đồ trang sức, nàng thích thứ nào bà lựa cho thứ đó; cung thất cùng giường nệm, nàng thích thế nào thì bà trang bị cho thế ấy, bà yêu nàng còn hơn vua yêu nàng nữa.

Vua Sở nói:

- Đàn bà nhờ sắc mà được thờ chồng (được chồng yêu), thì ghen tuông là thường tình. Nay Trịnh Dữu biết rằng quả nhân yêu người mới, nàng cũng yêu người mới

còn hơn quả nhân yêu nữa, như vậy là có lòng hiếu của người con thờ cha, lòng trung của bề tôi thờ vua.

Trịnh Dữu biết nhà vua tin mình không ghen, mới bảo mỹ nữ kia:

- Vua yêu vẻ đẹp của em nhưng ghét cái mũi của em. Khi gặp vua thì em che mũi đi nhé.

Mỹ nữ nghe lời, gặp vua thì che mũi. Vua hỏi Trịnh Dữu:

- Người mới hễ thấy quả nhân là che mũi, sao vậy?

Trịnh Dữu đáp:

- Thiếp biết tại sao, nhưng…

Vua bảo:

- Có cái gì xấu cũng cứ nói đi.

Trịnh Dữu đáp:

- Cơ hồ như nó không ưa cái hơi thối của đại vương.

Vua Sở bảo:

- Hỗn láo thật!

Rồi ra lệnh cắt mũi của nàng đó, không được trái lệnh.

*

NGUY SÁCH I.2: NHẠC DƯƠNG ĂN THỊT CON

(Nhạc Dương vi Nguỵ tướng)

Nhạc Dương là tướng nước Nguỵ, đem quân đánh nước Trung Sơn. Con ông ta ở

Trung Sơn. Vua Trung Sơn đem mổ thịt người con đó, nấu canh, gởi cho Nhạc Dương. Nhạc Dương ngồi ở dưới trướng, húp hết một tô. Nguỵ Văn Hầu bảo Đổ Sư Tán:

- Nhạc Dương vì ta mà ăn thịt con.

Tán đáp:

- Thịt con mà ông ấy còn ăn được thì thịt ai ông ấy không ăn?

Nhạc Dương đánh bại quân Trung Sơn rồi, Văn Hầu thưởng công nhưng nghi lòng[557].

*

NGUỴ SÁCH II.13: TRỒNG KHÓ, NHỔ DỄ

(Điền Nhu quí ư Nguỵ Vương)

Điền Nhu được vua Nguỵ (An Hi Vương) quí mến. Huệ Tử[558] bảo:

- Ông nên lấy lòng kẻ tả hữu của vua. Cây dương[559] kia trồng ngang nó cũng sống, trồng ngược nó cũng sống, cắt đi rồi cắm xuống nó cũng vẫn sống; nhưng nếu mười người trồng dương mà một người nhổ thì không có cây dương nào sống được. Dùng tới mười người để trồng một loại cây dễ sống mà phải thua một người là tại sao? Là tại trồng thì khó mà nhổ thì dễ. Nay ông tuy tự trồng ông ở trước mặt vua nhưng kẻ muốn nhổ ông thì đông, cho nên ông sẽ nguy mất[560].

*

TỀ SÁCH I.3: NƯỚC VỚI CÁ

(Tĩnh Quách Quân tương thành Tiết)

Tĩnh Quách Quân[561] muốn xây thành Tiết, trong số khách có nhiều người can ngăn. Tĩnh Quách Quân ra lệnh cho người hầu hễ có khách nào muốn can ngăn thì đừng cho vô. Có người nước Tề xin rằng: "Cho tôi được nói ba tiếng thôi. Nếu tôi nói thêm một tiếng thì xin cứ luộc tôi đi".

Tĩnh Quách Quân bèn cho vô. Ông khách tiến tới, nói:

- Biển cá lớn.

Rồi quay lưng chạy.

Tĩnh Quách Quân gọi lại:

- Mời khách ở lại.

Khách đáp:

- Kẻ thô bỉ này không dám đùa với cái chết.

Tĩnh Quách Quân bảo:

- Không sao. Cứ nói tiếp đi.

Đáp:

- Ngài không nghe nói loài cá lớn chăng? Lưới không bủa được nó, câu không kéo được nó, nhưng nếu nó xông xáo mà sa vào chỗ cạn thì con dế, con kiến có thể bu lại hành hạ nó. Nước Tề nay đối với ngài cũng như nước đối với con cá lớn

đấy. Ngài còn nước Tề thì đất Tiết này có kể chi, nếu mất Tề thì dù có cất thành Tiết cao tới đụng trời cũng vô ích.

Tĩnh Quách Quân khen:

- Phải.

Rồi dẹp việc xây thành Tiết.

A. TRÍCH LIỆT TỬ VÀ DƯƠNG TỬ

II.15. ĐỪNG TỰ PHỤ

(Dương Chu quá Tống)

Dương Chu qua nước Tống, vô nghỉ một quán trọ ở phía Đông nước đó. Chủ quán có hai người vợ, một người đẹp, một người xấu, quí người vợ xấu mà ghét người vợ đẹp. Dương Chu hỏi tại sao, chủ quán đáp:

- Con vợ đẹp của tôi tự cho mình là đẹp cho nên tôi không thấy nó đẹp; con vợ xấu của tôi tự cho mình là xấu, nên tôi

không thấy nó xấu.

Dương Chu bảo các đệ tử:

- Các con nên nhớ điều đó. Hành động như hiền nhân, mà đừng có thái độ tự cho mình là bậc hiền nhân, thì đi tới đâu mà chẳng được người ta quí[562].

*

VIII.15. ĐI TRẮNG VỀ ĐEN

(Dương tử chi đệ viết Bố)

Em của Dương Chu là Dương Bố, một hôm bận áo trắng đi chơi; khi gặp mưa thì cởi áo trắng ra, bận áo đem mà về. Con chó trong nhà không nhận ra được, chạy ra sủa. Dương Bố giận, muốn đập.

Dương Chu bảo:

- Đừng đánh nó! Chú ở vào cảnh nó chú cũng hành động như nó. Ví dụ con chó của chú, lúc đi lông đen, lúc về lông trắng, thì chú có lấy làm lạ không?[563]

C. TRÍCH SỬ TRUNG QUỐC

Phái Pháp trị - Cực hữu vi

Hàn Phi

Tôi gọi họ là một phái. Sự thực họ không có liên hệ gì với nhau cả, không ai nhận ai là thầy trò của nhau như Khổng phái, Mặc phái.

Họ xuất hiện từ cuối đời Xuân Thu, như Phạm Lãi, tướng quốc nước Việt, chủ trương "phú quốc cường binh" mà giúp Câu Tiễn thắng được Phù Sai; có thể còn sớm hơn nữa như Quản Trọng nước Tề, Tử Sản nước Trịnh rồi lác đác cho tới cuối thời Chiến Quốc, người ở

nước này, người ở nước khác, không thời nào không có như:

- Thân Bất Hại (thế kỉ thứ IV) người nước Trịnh, chuyên dùng thuật, thủ đoạn, mưu mẹo để trị dân.

- Thận Đáo (cũng thế kỉ thứ IV) người nước Triệu (?), rất trọng cái thế của nhà cầm quyền. Thế tức là quyền thế, địa vị. Có cái thế mạnh thì dù không có tài đức, cũng bắt được người hiền phải phục mình; không có cái thế thì dù hiền như Nghiêu, Thuấn, cũng không được người nào.

- Nhất là Thương Ưởng người nước Vệ (cho nên còn có tên là Vệ Ưởng, cũng ở thế kỉ thứ IV), chủ trương dùng pháp cho nghiêm, mà cuối chương IV tôi đã

giới thiệu.

Họ chỉ có những điểm này giống nhau:

- hầu hết là ở trong những công tộc đã mất đất, mất quyền, có học, có kinh nghiệm về chính trị và thường làm quân sư hoặc tướng quốc các nước chư hầu (trừ Thận Đáo).

- có tinh thần thực tế, hiểu bản tính người là hiếu lợi, sợ đau đớn. Muốn cho xã hội khỏi loạn thì phải đánh vào hai nhược điểm đó của dân, thưởng phạt cho nghiêm minh: thưởng bằng tiền, bằng danh phận, chức tước; trừng trị bằng những khổ hình nặng. Đừng giảng đạo đức với họ; giảng đạo đức mà mong họ trung thành, tận trung với mình là mơ

mộng hão.

- do đó, không cần lựa người hiền để trị dân, như Khổng, Mặc chủ trương. Quan lại chỉ cần có khả năng trung bình, biết sợ vua và tuân lệnh thôi, có thể thay thế lúc nào cũng được. Cũng phải áp dụng chính sách thưởng phạt đối với họ.

- việc gì cũng chỉ có vua mới được quyết định; vua phải nắm hết quyền hành, nếu chia một chút quyền với kẻ dưới thì bọn này sẽ lộng hành, che mắt vua, gây bè gây đảng mà ngôi vua sẽ lung lay.

- vua phải kiểm soát hành vi của họ, dò xét tâm lí họ và đừng cho đoán được ý muốn, sở thích của mình. Vua không cần quan lại thương yêu mình, chỉ cần họ

thừa hành đúng lệnh của mình mà không được phê phán; dù lệnh đó, họ thấy hại cho quốc gia, cho bản thân họ, thì cũng phải tuân triệt để.

Tóm lại, pháp gia là chính trị gia, không phải là triết gia. Người có tài nhất là Hàn công tử nước Hàn, môn đồ của Tuân Tử, học rất rộng, tập đại thành tư tưởng của các pháp gia trước ông mà viết một bộ sách, bộ Hàn Phi Tử. Tần Thủy Hoàng đọc bộ đó, ngưỡng mộ ông lắm, ước ao được gặp ông, thì may mắn cơ hội tới: Vua Hàn sai Hàn Phi đi sứ qua Tần. Có lẽ Hàn Phi thấy cái thế của Trung Quốc thời đó sắp thống nhất được, mà chỉ có thể thống nhất được bằng võ lực nên ở lại Tần để giúp Thủy Hoàng thực hiện việc đó.

Ông theo thuyết tính ác của thầy là Tuân Tử một cách triệt để, bảo không gì thân bằng tình cha con, vậy mà có nhiều người cha sinh con trai thì nuôi, sinh con gái thì giết đi, coi cái lợi của mình nặng hơn tình ruột thịt như vậy là con người bẩm sinh vốn đại ác. Do đó ông không bàn đến nhân nghĩa, cũng không trọng lễ như Tuân Tử, mà đề cao phương pháp dùng thế, dùng thuật, dùng luật của Pháp gia để trị nước.

Ông chủ trương cho dân chúng tự do cạnh tranh trong phạm vi kinh tế để nước được mau giàu. Và ông tin rằng theo chính sách độc tài về chính trị, tự do về kinh tế, thì nhà vua chẳng cần làm gì, cứ ngồi ở trên kiểm soát kẻ dưới, là nước sẽ trị. Chủ trương "vô vi nhi trị" đó thực

trái hẳn chủ trương của Lão, Trang; chính ra nó là một thứ cực hữu vi.

Nhưng Hàn Phi chỉ giúp Thủy Hoàng được ít lâu thôi. Hàn bị một bạn học là Lí Tư (lúc đó làm tướng quốc Tần) hãm hại vì ghen tài, và ông phải tự tử ở trong ngục. Mặc dầu vậy, cái học của ông cũng được thi hành ở Tần và giúp Thủy Hoàng hoàn thành được công việc thống nhất Trung Quốc, lập chế độ quân chủ chuyên chế thay chế độ phong kiến.

Thế là các học thuyết của Khổng, Mặc đã thất bại trong việc cứu vãn thời thế; Hàn Phi đã thành công nhờ dùng trọn các thuyết của Pháp gia. Phái nhân trị quá lí tưởng trong thời loạn, phải hạ lần lần lí tưởng của mình xuống: mới

đầu Khổng Tử đề cao đức nhân, sau Mạnh Tử hạ xuống mà trọng nghĩa, Tuân Tử hạ xuống nữa, trọng lễ mà chính môn sinh của ông cũng không theo, họ trọng pháp, thấp nhất, và dẹp được loạn. Nhưng chính họ, từ Thương Ưởng đến Hàn Phi, Lí Tư, Triệu Cao, đều bất đắc kì tử và nhà Tần bị diệt. Sẽ tới một thời bình, phe nhân trị sẽ được trọng. Lịch sử loài người như vậy: trị là thời của đạo đức, tự do, loạn là thời của sức mạnh, hình pháp, độc tài.

---

[1] Có sách cho nhà Chu bắt đầu từ năm -1134, năm Võ Vương nối ngôi cha làm Tây bá.

[2] Đời Thương, vua chết thì truyền ngôi cho em trai, không có em trai mới truyền cho con. Đời Chu đổi

hẳn: Chỉ truyền cho con, không có con mới truyền cho em.

[3] Các học giả Trung Quốc chưa nhất trí về sự phân định các thời đại. Quách Mạt Nhược trong Trung Quốc cổ đại xã hội nghiên cứu (Khoa học xuất bản xã - Bắc Kinh -1960) cho đời Ân là chế độ thị tộc, Tây Chu là chế độ nô lệ, Đông Chu là chế độ phong kiến; còn Lã Chấn Vũ đồng thời với Quách cho Ân là chế độ nô lệ, Tây Chu là chế độ phong kiến (Phong là rừng cây chia ranh giới, kiến là kiến quốc; phong kiến là cắt đất, định ranh giới cho chư hầu lập quốc).

[4] Theo Quách Mạt Nhược (sách đã dẫn) thì chế độ **tỉnh điền** còn là một nghi vấn, vì trong các kinh Thi, Thư không thấy nói tới, mà nó cũng khó thực hành được, nhưng Maspéro trong Le Chine antique (PUF - 1965), trang 90, chứng minh là nó có

[5] Áo vải tức là gốc bình dân, không phải trong giới quý tộc, chứ không hẳn nghèo vì nghèo quá thì không học hành được.

[6] Môn đồ đó là Phàn Trì (xem *Luận ngữ*, bài Tử Lộ 8). (Goldfish).

[7] La formation du Légisme - École française d' Extrême Orient - Paris – 1965.

[8] Hàn Phi cũng dùng tiếng "vô vi", nhưng theo một nghĩa khác. Khi xét học thuyết Hàn Phi chúng tôi sẽ giảng rõ.

[9] Thuyết Mặc tử từng làm quan ở Tống đã bị các học giả có tiếng bác.

[10] Xét chung thì các triết gia theo phái trên hầu hết ở trong giai cấp quý tộc suy vi, còn muốn duy trì quyền lợi của giai cấp mình nên có tinh thần bảo thủ hoặc phục cổ (Khổng tử, Lão tử, Mạnh tử, Tuân tử); còn phái dưới ở trong giai cấp địa chủ mới, nên chống lại giai cấp quý tộc cũ (Lý Khôi, Ngô Khởi, Thận Đáo, Thân Bất Hại). Nhưng cũng có nhiều lệ ngoại; Mặc tử ở trong giai bình dân chống cả quý tộc lẫn địa chủ mới; Trang tử ở trong giai cấp quý tộc suy vi mà quá yếm thế, hoài nghi; Thương Uởng, Hàn Phi đều ở trong giai cấp quý tộc mà chống lại giai cấp đó, bênh vực giai cấp địa chủ mới

[11] Theo Cương giám di tri lục của Ngô Thừa Quyền (đời Thanh) thì nước Tề chia làm 21 hương, 6 dành cho công nghệ và thương mại, 15 dành cho sĩ và

nông - 21 hương tức 2000 x 21 = 42.000 người. Sao mà ít vậy? 420.000 người thì đúng hơn.

[12] Chúng ta nên nhớ đạo Nho có trước Khổng tử. Từ Nghiêu, Thuấn, hoặc trễ nhất là từ Chu công, cho nên Khổng tử bảo ông chỉ thuật đạo người xưa chớ không sáng tác.

[13] Thực ra là 11 lần.

[14] Nguyên văn: "như kỳ nhân?" Có thể hiểu là: Hãy làm nhân như ông ấy.

[15] Theo Lã Thị Xuân Thu thì Đặng Tích là người đầu tiên ở nước Trịnh nêu việc phải đặt ra hình pháp. Đặng về phe các tân địa chủ, thường chỉ trích các lệnh của giai cấp quý tộc, Tử Sản cấm không được. Ông có óc "thầy cãi", xúi người ta kiện nhau. Tương truyền có người vớt được xác một người nhà giàu, gia đình người này xin chuộc. Người vớt xác đòi nhiều tiền quá, người nhà giàu nói với Đặng Tích. Đặng bảo: "cứ yên, mặc họ, họ còn bán được cho ai đâu?". Người vớt được xác đâm lo, lại hỏi ông, ông bảo: "cứ yên, mặc họ, họ còn mua ở đâu được nữa". Đặng có cái tài lấy trái làm phải, lấy phải làm trái; lại dám đặt ra pháp luật riêng chép lên thẻ tre, treo ở trước cửa khiến cho dư luận xôn xao. Tử Sản phải

giết ông, nhưng vẫn dùng chính sách cải lương pháp luật của ông.
Sách Tả Truyện bảo Từ Thuyên giết Đặng Tích rồi dùng Trúc hình của Đặng, như vậy Đặng với Tử Sản không sống cùng một thời.
Có học giả lại cho rằng họ sống cùng thời, nhưng Đặng Tích chết sau Tử Sản hai chục năm.
Chưa biết thuyết nào đúng

[16] Có học giả ngờ là bằng đồng đỏ vì thời đó Trịnh hoặc Tấn chưa có sắt hoặc mới có mà chỉ làm những đồ thường dùng thôi.

[17] Chúng tôi bỏ dấu "-" trước những năm này, vì không thể lầm được là năm Tây lịch.

[18] Hàn Phi chê chủ trương đó, coi một chương sau.

[19] Trong bộ Trang tử đã đưa ra những lý lẽ tại sao tác giả không tin thiên này là do Trang tử viết (N.X.B Văn hóa, 1991) (B.T.)

[20] Mạnh tử, Cáo tử hạ, bài 8, có chép truyện Mạnh tử thuyết Thận tử đừng nghe lời vua Lỗ, đem quân đánh Tề. Thận tử đó là người khác, không phải Thận

Đáo.

[21] Chiến Quốc sách - Sở II.7- có một truyện lý thú về Thận Đáo, nhưng không đáng tin nên không chép vào đây.

[22] Khuất: chữ □, Thiều Chửu phiên âm là "truất". (Goldfish).

[23] Chính sách cáo gian này, Mặc tử đã đề nghị khoảng 100 năm trước - coi các thiên Thượng đồng - bộ Mặc tử.

[24] Nguyên văn là "kim". Chữ này có thể trỏ một đồng tiền vàng, một nén, một dật, một cân vàng; lại có thể trỏ một kim loại khác, như đồng.

[25] Mặc tử cũng đã đề nghị chỉ người hiền mới được giàu sang, còn quý tộc bất tài thì cũng phải nghèo hèn - coi các thiên Thượng hiền, bộ Mặc tử.

[26] Tần: bản nguồn chép sai thành "Tấn". (Goldfish).

[27] Sđd, trang 275.

[28] Chúng tôi nhấn mạnh.

[29] Như vậy Hàn, Ngụy thêm sẽ cho Triệu, mượn cái phúc của Triệu, cái họa của Tần", thật khó hiểu (có lẽ sách in sai). Câu tương ứng trên trang http://baike.baidu.com/view/7980865.htm#1 như sau: □□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□(Như thử, tắc dĩ Hàn, Ngụy tư Triệu giả Tề dĩ cố kì tòng, nhi dĩ dữ tranh cường, Triệu chi phúc nhi Tần chi họa dã). Tạm dịch: Như vậy Hàn, Nguỵ sẽ thêm sức cho Triệu, Tề cũng theo, nếu phải tranh cường, thì đó là cái phúc của Triệu, cái hoạ của Tần. (Goldfish).

[30] Vì Hàn đã tự coi là một quận huyện của Tần.

[31] Tức con trai thứ của một vua chư hầu: Con trưởng là thái tử hay thế tử.

[32] Hàn Vương An.

[33] Tần Thủy Hoàng.

[34] Trong thiên II Hàn Phi tử sau bài Tồn Hàn của Hàn Phi, cá nhân bài biểu của Lý Tư khuyên vua Tần đừng nghe lời Hàn Phi vì Hàn Phi chỉ muốn mưu lợi cho nước Hàn thôi, mà nên tấn công ngay Hàn đi.

[35] Chú thích của người hiệu đính: chỗ này chắc

sắp chữ thiếu.

[36] Cho nên dân khi không muốn ở trong nước mình nữa vì vua tàn bạo hay vì chiến tranh liên miên thì chạy qua một nước khác mà ông vua nào cũng muốn dân các nước khác về với mình: Dân có đông nước mới mạnh.

[37] Chúng tôi có nhiều điểm không đồng ý với ông Nguyễn, nhưng ngay các nhà hiệu chú Trung Hoa tới nay vẫn chưa có ai hoàn toàn đồng ý với ai thì bản dịch của ông và của chúng tôi sẽ phải có những điểm khác nhau, không thể tránh được.

[38] Trừ Khổng Tử: bản nguồn chép là: Từ Khổng Tử. (Goldfish),

[39] Vì trong thiên nhiên thì dân tộc Trung Hoa đã biết luật thịnh suy hữu thời từ hồi mới có nông nghiệp, mà Lão tử, Khổng tử đã cho nó là một luật tự nhiên.

[40] úc úc: bản nguồn chép thiếu một chữ úc. (Goldfish).

[41] Thù: bản nguồn chép là: thú. (Goldfish).

[42] Mấy chữ "tắc thần thị quân như quốc nhân;

quân chi thị thần như thổ giới” là do tôi chép thêm. Nguyên văn chữ Hán cả câu là: □ □□□□□□, □□□□□□□, □□□□□□□, □□□□□□□; □□□□□□□, □□□□□□□ . (Goldfish).

[43] Trong cuốn Mạnh tử của cụ Nguyễn Hiến Lê có đoạn sau: Từ khi Trời sinh ra loài người đến nay đã lâu rồi, cứ một đời trị lại một đời loạn. (Thiên hạ chi sinh cửu hĩ, nhất trị nhất loạn) □□□□□□ , □□□□. (Goldfish).

[44] Sự thực thì (1) = -1783-(-2357) = 574 năm; (2) = -1185-(-1783) = 598 năm; (3) = -551- (-1185) = 635 năm.

[45] Lịch: có lẽ là: lịch sử. (Goldfish).

[46] Coi chú thích chương 5 - Phần V thiên Hiển học.

[47] Tuân tử là Tuân Hướng, người trong thời tôn xưng là Khanh; Tuân và Tôn đọc giống nhau, nên Tuân Khanh thành ra Tôn Khanh.

[48] Nhân: bản nguồn chép lầm thành “nhiên”. Ý cả câu là: Trời và người không quan hệ gì với nhau.

(Goldfish).

[49] Trang tử - Nam Hoa kinh, NXB Văn hóa, 1994. [Không biết chú thích này là của ai. Theo tôi 2 cụ Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê muốn nói đến Tuân Tử chứ không phải bộ Trang Tử - Nam Hoa Kinh. (Goldfish)].

[50] Phụ tử: chữ Hán ở trên chép là: □□ (tử phụ). (Goldfish).

[51] Có người đọc là duyện.

[52] Trong *Luận ngữ* (Tử lộ - 18) Khổng tử có dùng chữ "ngô đảng" mà có người dịch là xóm tôi, có người dịch là đoàn thể của tôi.

[53] Cũng đọc là nhu.

[54] Phi xỉ tắc nọa dã. Xỉ nhi nọa giả bần: bản nguồn chép là: "phi xa tắc nọa dã. Xa phi họa giả bần". (Goldfish).

[55] Tòng: bản nguồn chép là "phòng". (Goldfish).

[56] Nguyên văn: *Vi ngô thiện*, có thể hiểu là làm điều thiện theo ý ta. [Vi ngô thiện: bản nguồn chép lầm thành "Vi vô nghiêm". (Goldfish)].

[57] Coi Nhà giáo họ Khổng - Cảo Thơm - 1972, trang 77-78.

[58] Cho vua nắm dân: bản nguồn chép là: "cho vua, nắm dẫn (?)". (Goldfish).

[59] Ở đây có 9 chữ không ai hiểu nghĩa, ngờ rằng thiếu sót hoặc sai lầm.

[60] Bản nguồn không có chữ "duyệt" này. (Goldfish).

[61] *Bách tính mãi ngưu*: nhiều bản chữ Hán trên mạng chép là: □□□□□ (bách tính lí mã ngưu); tức có chữ "lý", điều này phù hợp với lời dịch ở trên: "dân chúng mỗi lý (hai mươi lăm nhà là một lý) chung nhau mua bò". (Goldfish).

[62] Tứ: Chữ □, Thiều Chửu đọc là: tí, ti. (Goldfish).

[63] Mới gặp Mạnh Tử lần đầu, Lương Tương vương đã hỏi ngay: "Thiên hạ làm sao yên định được?". Lại hỏi: "Ai gom được về một mối?". Mạnh tử đáp: "Ông vua nào không ham giết người (nghĩa là thi hành nhân nghĩa) thì gom được về một mối". (Mạnh Tử - Lương

Huệ vương - thượng - bài 6).

[64] Chữ "tư" này và 2 chữ "tư" sau, bản nguồn chép chữ Hán trong nguyên văn là □, nhưng trong phần dịch lại chép là: "(□), gọi là chữ "tư" (nghĩa là riêng). Có lẽ trong bản thảo, nguyên văn Hán là□ (đọc là "khư") và chữ này, theo cụ Nguyễn Hiến Lê, "gọi là tư". (Goldfish).

[65] Nguyên văn là đảng, một khu có 500 nhà là một đảng. Cũng có thể là đoàn thể.

[66] Trong bộ *Đại cương Triết học Trung Quốc*, quyển hạ trang 195 (Cảo Thơm 1966) chúng tôi dịch là "hiện từng chùm". Nhưng nhiều học giả đã cho chữ "đảng hiện" nên sửa là "thảng hiện" vì không bao giờ các sao xuất hiện từng chùm cả.

[67] Tiền: bản nguồn chép là "tài". (Goldfish).

[68] Nghĩa là người quân tử giúp người làm việc tốt. (Goldfish).

[69] Học tư: bản nguồn chép là "tư học". (Goldfish).

[70] Bản nguồn chép là □□ (thành trì), tôi thay 2 chữ đó bằng chữ □ (địa) cho phù hợp với phiên âm và

lời dịch. Có nhiều trang mạng chép□□, trong đó có trang bảo 2 chữ đó là lầm và sửa lại thành□. (Goldfish).

[71] Sắc: chữ □, Thiều Chửu đọc là sổ, số, sác, xúc. (Goldfish).

[72] Nguyên văn: "tị kiên tùy chủng nhi sinh dã". Chúng tôi dịch theo Trần Khải Thiên. Có vẻ ngược với nguyên văn mà ý thì hợp với cả đoạn.

[73] Bản nguồn chép là □ (thất), tôi sửa lại thành □. (phù). (Goldfish).

[74] Thái: chữ □, Thiều Chửu đọc là "lai". (Goldfish).

[75] Thiên này có người ngờ không phải của Hàn Phi viết (coi phần I) nhưng tư tưởng trong đoạn chúng tôi trích đây hợp với pháp gia, nên có thể dùng được.

[76] Vua Thang giết Kiệt, dựng nên nhà Thương; vua Võ (nhà Chu) đánh bại Trụ, Trụ nhảy vào lửa tự thiêu, mà vua Võ còn xông vào chém thây Trụ.

[77] Phụ: bản nguồn và các bản chữ Hán trên mạng chép là "thị" □. (Goldfish).

[78] Hữu khúc phụ: bản nguồn và các bản chữ Hán trên mạng chép là "hữu khúc ư phụ" □□□□. (Goldfish).

[79] [Do Trần Trọng Kim dịch và dẫn trong *Nho Giáo* - Quyển thượng - sách đã dẫn. Những chữ trong dấu móc do chúng tôi thêm vào].

[80] Dắt: bản nguồn chép là "bắt". (Goldfish).

[81] Cài này, trong cuốn *Luận ngữ*, cụ Nguyễn Hiến Lê dịch là: "Dùng chính lệnh để dắt dẫn dân, dùng hình phạt để bắt dân vào khuôn phép, dân tránh khỏi tội nhưng không biết hổ thẹn. Dùng đạo đức để dắt dẫn dân, dùng lễ giáo để đặt dân vào khuôn phép, dân biết hổ thẹn mà lại theo đường chính." (Goldfish).

[82] □□□□ (Thuấn thọ hữu tận): bản nguồn chép là: □□□□□□□□ (Thuấn hữu tận, thọ hữu tận). (Goldfish).

[83] Sau câu này, bản nguồn chép thừa 2 câu: "Tương trị thiên hạ, thích dung chủ chi sở dị dã. Tương trị thiên hạ, thích dung chủ chi sở dị dã". (Goldfish).

[84] Bản nguồn chép thiếu chữ□ (thả) này. (Goldfish).

[85] Nhiều học giả ngờ giọng văn thiên này không phải của Hàn nhưng nhận rằng tư tưởng hợp với Hàn, nên có thể tạm dùng được. Riêng mấy hàng đầu dưới đây thì rõ ràng là ý kiến của Hàn. [Tâm độ: bản nguồn chép lầm thành "Tân độ". (Goldfish)].

[86] Phủ: bản nguồn chép là "phỉ". (Goldfish).

[87] □ (ư): nguyên văn chữ Hán, bản nguồn chép là □ (dĩ) - các trang mạng chữ Hán cũng chép như vậy, tôi tạm sửa thành□ (ư) cho phù hợp với phiên âm (bản Lạc Việt cũng chép là □. (Goldfish).

[88] Tắc chủ bất khả khi nguỵ trá : bản nguồn chép là: "tắc chủ bất khả dĩ khi trả Nguỵ". (Goldfish).

[89] Chi: bản nguồn không có chữ này. (Goldfish).

[90] Tất dĩ: bản nguồn chép là "tất nhiên dĩ". (Goldfish).

[91] Coi thêm *Đại cương triết học Trung Quốc* - quyển thượng thiên II, chương II - Cảo Thơm 1965.

[92] Coi thêm *Đại cương triết học Trung Quốc* - quyển thượng thiên II, chương II - Cảo Thơm 1965.

[93] Coi thêm *Tuân tử* của tác giả - NXB Văn hóa, 1994.

[94] Nguyên văn là "dụng nhất", chúng tôi hiểu theo Trần Khải Thiên, có sách giảng là "điều khiển công việc một mình".

[95] Thiên Bát thuyết: "Bổ nhiệm người làm việc là cái then chốt của sự tồn vong trị loạn (...) Bậc vua chúa bổ nhiệm ai, nếu không lựa người có tài trí thì lựa người có đức; bổ nhiệm họ là cho họ có quyền hành. Nhưng kẻ sĩ có tài trí chưa nhất định đã đáng tin; vua thấy họ có tài trí không xét rằng vị tất họ đã đáng tin, nếu họ dùng mưu trí, dựa vào quyền hành của chức vụ mà làm việc riêng tư thì vua tất bị gạt. Vì kẻ tài trí chưa đáng tin, nên vua lại bổ nhiệm kẻ sĩ có đức. Bổ nhiệm ai là cho người đó quyết đoán công việc. Nhưng kẻ sĩ có đức chưa nhất định là có tài; vua thấy họ giữ mình cho liêm khiết mà không biết rằng vị tất họ đã có tài. Kẻ ngu hôn ám mà giao cho một chức quan, để họ quyết định công việc, họ quyết định bậy mà cho là đúng thì công việc tất phải rối loạn".

[96] Lời Khổng tử đáp Lỗ Ai Công: "Chính sự vua Văn, vua Vũ chép trong sách, người còn sống thì chính

còn, người mất thì chính bỏ (Trung Dung, chương 20)

[97] □□ (manh tụng): bản nguồn chép là: □□ (tụng giản). (Goldfish).

[98] Theo tôi chữ "không" này thừa. (Goldfish).

[99] Chúng tôi đã cắt đi nhiều, xin coi toàn văn ở phần dịch.

[100] Dân tộc Trung Hoa không thích bàn về siêu hình (như dân tộc Ấn Độ), cho nó là bất khả tri, nên các triết gia của họ, bắt đầu từ Nho gia, phải đưa [có lẽ là "dựa" – Goldfish] vào lịch sử, tái tạo một thời đại lý tưởng - thời Nghiêu Thuấn - làm căn bản cho tư tưởng chính trình, coi Nghiêu Thuấn là những bậc thánh. Nhưng Thánh của họ không phải là thánh (Saint) của phương Tây mà đại khái chỉ là những chính trị gia minh triết.

[101] Theo Trần Khải Thiên thì là than chưa vạc.

[102] Theo Trần Khải Thiên thì là làm bỏng chân người ta.

[103] Vương Ứng Lân đã thiếu đức chính trực, bỏ thuyết sau đi mà chỉ căn cứ vào thuyết trên mà mắng Hàn Phi là đem pháp trị dân của Thương Uởng gán cho

nhà Ân và vu cáo Khổng Tử đã khen "đạo trị nước đó" (Trần Khải Thiên dẫn trong Hàn Phi tử hiệu thích - trang 1025). Nhưng Vương có lý khi trách Hàn không tra cứu kỹ: Phép trị tội kẻ đổ tro đó không phải của nhà Ân mà của Thương Ưởng.

[104] Điểm này tác giả đã xét trong bộ *Trang Tử*, NXB Văn hóa; nên nghĩ vậy vì trong Nội thiên (phần chắc chắn của Trang Tử viết) không thấy dẫn một câu nào trong *Đạo đức kinh* cả (BT).

[105] Có lẽ là người bị in lầm thành nhân. (Goldfish).

[106] Có thực là Khổng tử khen Văn công không, đó là vấn đề khác, không cần xét ở đây.

[107] Có lẽ chỉ đuổi Dương Hổ ra khỏi nước thôi, hoặc nếu bỏ tù thì sau cũng thả.

[108] Ý muốn nói: Không phải có người thích mà là khéo nói, mà khéo nói chưa nhất định đã được mọi người thích.

[109] Chúng tôi bỏ đoạn sau chê Hoàn Công cho bề tôi có thế lực mạnh quá nên mới chết thảm, không được

chôn.

[110] Tức Tề Hoàn Công. Đời Tống kị tên huý của Khâm tôn, cho nên đổi Hoàn ra Uy.

[111] Tức như Hàn Phi bảo "Bản thân mà họ không yêu thì làm sao yêu vua được?" Thụ Điêu tự thiến để tiến thân, Dịch Nha giết con để lấy thịt nấu cho Hoàn Công ăn, Khai Phương không nghĩ tới cha mẹ mà ở hoài với Hoàn Công.

[112] Khi Vương Dương được làm thứ sử Ích Châu thì bạn là Cống công sửa mũ cho ngay, phủi bụi cho sạch để vào mừng rồi được tiến cử làm đại phu.

[113] Chúng tôi bỏ đoạn sau. Coi trọn bài trong *Cổ văn Trung Quốc* - Tao đàn - Sài Gòn – 1966.

[114] Trần Khải Thiên giảng là các học thuyết chủ yếu (dominant schools).

[115] Tử Trương và Tử Tư đều là học trò Khổng Tử - Họ Nhan đây không chắc là Nhan Hồi vì học trò Khổng Tử có 8 người họ Nhan, mà Nhan Hồi chết sớm khi Khổng Tử còn sống. - Họ Mạnh là Mạnh Tử; họ Tất Điêu là Tất Điêu Khai; họ Trọng Lương là Trọng Lương

Hoài; họ Tôn có thể là Công Tôn Sửu, cũng có thể là Tôn Khanh, tức Tuân Khanh (Tuân Tử); họ Nhạc Chính là Nhạc Chính Tử, học trò Khổng Tử. Chúng ta chỉ cần biết Tất Điêu Khai, Trọng Lương Hoài đều là học trò mấy đời sau của Khổng Tử.

[116] Tương Lý là Tương Lý Cần; Tương Phu và Đặng Lăng (tên đất dùng làm tên người) không rõ là ai. Cả ba có lẽ là học trò Mặc Tử.

[117] Nguyên văn là "hậu thế" (đời sau); các nhà chú giải đều bảo: Dư chữ hậu (sau).

[118] Nguyên văn ngược lại: "Ân, Chu dài trên 700 năm, Ngu, Hạ dài trên 2000 năm" - Các nhà hiệu đính sửa lại như chúng tôi đã dịch. Thực ra Ngu và Hạ dài khoảng 500 năm thôi, Ân và Chu dài khoảng 1400 năm thôi. Hàn Phi ghi theo truyền thuyết, nên sai.

[119] Hỗn tạp vì đạo Nho có tới 8 phái, đạo Mặc có tới 3 phái; mâu thuẫn vì chủ trương của Mặc trái với Nho.

[120] Nguyên văn là "liêm" (như liêm khiết), có sách giảng là có cạnh góc.

[121] Cũng có chỗ gọi là Tống Kiên, sanh khoảng 383, mất khoảng 290, đồng thời với Mạnh Tử.

[122] Ám chỉ phái theo Dương Tử.

[123] Môn sinh của Khổng Tử.

[124] Môn sinh của Khổng Tử.

[125] Câu này ở trong *Khổng Tử gia ngữ*.

[126] Biện sĩ mới là biện sĩ thời Chiến Quốc, còn Tế Dư là biện sĩ cũ.

[127] Mạnh Mão là tướng Ngụy bị Bạch Khởi tướng nước Tần, đánh bại ở núi Hoa, giữa hai nước Tần và Ngụy.

[128] Mã Phục tức Triệu Quát, tướng nước Triệu bị Bạch Khởi đánh bại ở Trường Bình (một ấp nước Triệu) trận này là trận Bạch Khởi chôn sống 40 vạn quân Triệu đã đầu hàng.

[129] Người đời Xuân Thu, giỏi đúc gươm.

[130] Người đời Xuân Thu, giỏi xem tướng ngựa, tức Tôn Dương. Có người đọc là Bá Nhạc.

[131] Coi phụ lục ở cuối thiên.

[132] Nguyên văn "thương quan", có sách giảng là thương nhân và quan lại, có sách lại giảng là thương nhân mua chức quan; Trần Khải Thiên cho rằng chữ quan chính là chữ cổ (hai chữ hơi giống nhau); thương cổ tức là con buôn.

[133] Xưa, muốn yết kiến người trên thì phải mang chim hay một vật quí như ngọc lại làm lễ vật.

[134] Nguyên văn: "Vi ngô thiện", có thể hiểu là làm điều thiện cho ý ta, cho ta.

[135] Nguyên văn là "ẩn quát" có học giả đọc là "ẩn thiểm", và mỗi sách giảng một khác: Sách thì bảo là kéo cho ngay và uốn cho cong, có sách bảo là uốn cho cong và đẽo bớt đi. "Ẩn quát" là một đồ để uốn gỗ cong lại cho thẳng.

[136] Dầu và thuốc màu đen tức như kem và than (để vẽ lông mày).

[137] Chúng tôi theo bản Trần Khải Thiên: Quan trị. Vương Tiên Thận chép là quan pháp.

[138] Y Doãn là khai quốc công thần của Thành Thang.

[139] Chỗ này có 9 chữ, không ai hiểu là gì, ngờ thiếu sót hoặc sai lầm.

[140] Cho nên đề cử kẻ sĩ mà cầu kẻ hiền sĩ Hàn Phi đã chủ trương “thượng hiền” của Nho, Mặc.

[141] Những nhân vật Từ Cừ, Điền Cưu, Nghĩa Cừ, Đàn Hồi, Tống Cô, Phùng Li trong đoạn này, đều chưa rõ là ai, không thấy chép trong sách nào khác.

[142] Từ Cừ muốn bảo những bậc có tài đức thì nên dùng ngay vào những chức vụ cao như Quản Trọng chẳng hạn.

[143] Ông Cổn là cha của ông Vũ, người sáng lập nhà Hạ. Vua Thuấn sai ông Cổn trị lụt không thành công, bị giết; sau ông Vũ trị lụt, vua Thuấn truyền ngôi cho. Đừng lộn ông Vũ này với ông Võ của nhà Chu đời sau.

[144] Tục nước Sở, tháng hai có lễ “lâu”, đông chí có lễ “lạp” để tế thần.

[145] Vì ở núi ít nước, nước hóa quí.

[146] Phong và Cảo đều ở Thiểm Tây, nhà Chu mới đầu đóng đô ở đất Cảo.

[147] Một con sông phát nguyên từ Thiểm Tây, chảy vào Hồ Bắc rồi đổ vào sông Dương Tử.

[148] Tương truyền vua Yển vương vì thương dân không kháng cự nên Sở chiếm được nước Từ.

[149] Cung Công là một bộ lạc thời thượng cổ, trước thời vua Vũ đã có lần xâm phạm Trung Nguyên, thời vua Vũ cũng có thể gây chiến với Trung Nguyên nữa, nhưng không thấy sử chép việc đó.

[150] Theo các nhà khảo cổ gần đây thì thời đó chưa có sắt, cuối đời Xuân Thu mới có.

[151] Nguyên văn: "thị dân như phụ mẫu". Câu này theo Trần Khải Thiên tỉnh lược mấy chữ (... như phụ mẫu) chi phụ mẫu.

[152] Nguyên văn: "Bất thính kì khấp" là không theo sự khóc lóc.

[153] Tức thất thập nhị hiền.

[154] Một người nổi tiếng chạy nhanh thời xưa.

[155] Nguyên văn là *di*, có sách giảng là phẳng, có sách giảng là phẳng lần lần.

[156] Một tầm là tám thước, một thường là hai tầm, thước hồi đó bằng khoảng một gang tay.

[157] Chữ "tiên sinh" mới đầu trỏ các danh sĩ khắp nơi tụ tập ở Lâm Tri (Tề) mà được vua Tề trọng đãi (coi phần I), ở đây trỏ hạng người mà ngày nay chúng ta gọi là học giả.

[158] Coi chú thích phần III chương IV.

[159] Mấy chữ "thì không dùng lại dùng kẻ không được ân huệ" là do tôi tạm ghi thêm; bản nguồn đánh dấu "(?)". Nguyên văn đoạn đó là: □□□□□□□□□□□ □ (*sở lợi phi sở dụng, sở dụng phi sở lợi*: kẻ được hưởng lợi thì không dùng, (mà) dùng kẻ không được hưởng lợi). (goldfish).

[160] Chúng ta nên nhớ Hàn Phi chủ trương vua phải dùng thuật để chế ngự bề tôi.

[161] Điền Thường hay Điền Thành, Điền Hằng,

một đại phu nước Tề đời Xuân Thu, giết vua Tề là Giản Công để lập Bình Công. Sau con cháu ông ta cướp luôn ngôi vua nước Tề - Tử Hãn chưa rõ là ai, có lẽ là một Đại phu nước Tống.

[162] Ám chỉ bọn Đạo gia ở ẩn.

[163] Tôn Tử tức Tôn Võ, người nước Tề, giỏi binh pháp, tác giả một bộ binh thư nổi tiếng. Ngô Tử tức Ngô Khởi, một danh tướng đời Chiến Quốc, gốc nước Vệ, làm quan ở Lỗ, Nguỵ, Sở, mấy lần thắng được Tần.

[164] Tức các Thi, Thư, điển tích của Nho gia.

[165] Tức các học giả (như các Tắc hạ tiên sinh). Có sách chép là tiên vương.

[166] Tức nước giàu binh mạnh.

[167] Ngũ đế là Hoàng đế, Chuyên Húc, Đế Cốc, Nghiêu, Thuấn. Tam vương là vua đời Tam đại: Hạ Vũ, Thương Thang, Chu Văn vương.

[168] Như trường hợp Ngũ Viên, người nước Sở, cha là Ngũ Xa bị vua Sở giết, ông qua nước Ngô, thuyết phục vua Ngô là Hạp Lư đánh nước Sở để báo thù cho cha.

[169] Khuyên vua thờ nước mạnh mà vua nghe thì họ được nước mạnh trọng dụng, thăng quan, phong đất cho.

[170] Khuyên vua cứu nước nhỏ mà vua nghe thì họ được nước nhỏ mang ơn, tặng cho tiền của, bảo vật.

[171] Công lao lập trên lưng con ngựa toát mồ hôi, tức chiến công.

[172] Nguyên văn là cảnh giới chi sĩ nghĩa là kẻ sĩ ngay thẳng, nhưng ý đồ không hợp với tiền hậu vận, cho nên một số học giả ngờ là chiến giới chi sĩ (chiến sĩ) hoặc canh chiến chi sĩ (nông gia và chiến sĩ).

[173] Năm chức đó là: Tư đồ, tư mã, tư không, tư sĩ và tư khấu.

[174] Tức như ta nói: Đánh bóng lại cho có vẻ mới, trông được.

[175] Nguyên văn: Phất mị tài, có sách giảng là tiền của vô dụng hoặc vô hạn. Chúng tôi thấy không xuôi nên theo Trần Khải Thiên: Phất mị tài - bất gia hòa - tiện nghi hòa.

[176] Vấn nạn là đặt câu hỏi để bắt bẻ.

[177] Hàn Phi thay lời Nho gia mà bác thuyết về thế của Thận Đáo.

[178] Phần trong kinh Thư chép về nhà Chu.

[179] Tương truyền do vua Trụ đặt ra nhưng không chắc đúng; Trụ sai bôi mỡ lên một cái trụ bằng đồng, dưới để than hồng, bắt tội nhân đi lên cái trụ (đặt nằm ngang), để hắn trượt chân té xuống than hồng, cho Đát Kỉ thấy mà cười. Có thuyết nữa cho rằng tội nhân bị cột vào một cái ống đồng rỗng, rồi người ta đổ than hồng vào cho nó đỏ lên làm cháy da thịt tội nhân.

[180] Trên chỉ mới kể ba việc: Xây đài cao, đào ao sâu, dùng cực hình bào lạc, cho nên có người bảo bào và lạc là 2 cực hình (không đáng tin), có người bảo trên chép thiếu một việc (đáng tin hơn).

[181] Người nước Tấn giỏi đánh xe, thời Xuân Thu.

[182] Có bản thêm chữ bất: Muốn đi xa và nhanh mà không biết dùng Vương Lương... Chúng tôi cho là sai vì như vậy không hợp với kết luận ở cuối câu: Cái hại của sự không biết suy luận về những cái giống nhau.

[183] Đây là ý kiến của Hàn Phi.

[184] Có sách giảng là ý nghĩa rất nhiều. Nguyên văn: Biến vô số.

[185] Có học giả hiểu là thiên mệnh, có học giả lại hiểu là sự truyền ngôi.

[186] Có học giả hiểu là sự vận dụng chủ quyền (quyền thế).

[187] Cả đoạn này nguyên văn rất khó hiểu.

[188] Nguyên văn là: *Thị tị kiên, tùy chủng nhi sinh*, dịch từng chữ là: Là sánh vai nối gót mà sinh, mỗi sách giảng một khác, có sách ngờ là sai hay thiếu chữ. Chúng tôi theo Trần Khải Thiên đoán ý mà dịch.

[189] Nguyên văn là: *Thế chí trị giả, bất tuyệt ư trung*; mỗi sách cũng hiểu một khác, chúng tôi cũng đoán ý mà dịch.

[190] Những loài ngựa tốt, ngày đi ngàn dặm.

[191] Coi chú thích ở thiên *Hiển học*.

[192] Bề tôi vua Hạ Vũ, coi về xe cộ

[193] Có bản thêm chữ *hải*: Lội bể giỏi.

[194] *Lập pháp*: Theo Trần Khải Thiên, cũng có thể hiểu là giải thích pháp luật. Nhưng chúng tôi nghĩ nghĩa đó hẹp quá. Nhan đề này không tóm được ý toàn thiên.

[195] Có bản chép là hình phạt, nhưng đọc hàng dưới sẽ thấy thưởng phạt đúng hơn.

[196] Nghĩa là pháp luật đã ban thì phải thi hành đúng, dân mới tin.

[197] Nguyên văn: Nhân thần chi sở sư, có bản giảng là: Bề tôi sẽ coi là thầy.

[198] Năm 376 trước Tây Lịch, nước Tấn chia ba thành Ngụy, Triệu và Hàn.

[199] Sự thực chỉ có 15 năm thôi, mà Hàn không phải là nước lớn có vạn cỗ xe.

[200] Trương Nghi làm tướng quốc cho Tần Huệ vương, chủ trương liên hoành, thuyết lục quốc họp nhau lại phục vụ Tần. Vậy thì sao lại bảo đem Tần hi sinh cho Hàn, Ngụy.

[201] Chính nghĩa là "nhờ cậy vào đó"

[202] Nguyên văn: *Khả hồ?* Nhiều sách dịch sát là "được không"? Chúng tôi nghĩ dịch như vậy thì lời đáp của Hàn Phi ở dưới hóa ra không nhầm, cho nên chúng tôi lấy ý mà dịch như trên.

[203] Nguyên văn: *Thị bất yết* (□) quá dã. Có sách không dịch chữ yết đó, có sách dịch là không nói cái gì không thuộc chức vị của mình. Nhưng thiên *Bát kinh* viết: *Yết quá thưởng*, thì rõ ràng yết có nghĩa là tố cáo. Tố cáo tội lỗi của người khác nên được thưởng.

[204] *Bính* nghĩa gốc là cái cán, là cầm. Ở đây bính là quyền bính, nghĩa là quyền thế nằm trong tay như cầm cái cán của vật.

[205] Chữ *đức* ở đây có nghĩa khác nghĩa người ta thường dùng.

[206] Điền Thường và Giản công; Tử Hãn và vua Tống: Coi chú trang 10 thiên *Ngũ đố*.

[207] Chữ *hiền* này trỏ hạng người đa tài đa thuật, không phải hạng hiền nhân quân tử theo quan niệm Nho gia.

[208] Thụ Điêu và Dịch Nha đều là bọn gian trá được Tề Hoàn Công tin dùng. Nguyên văn bản Trần Khải Thiên: *Thủ tử*. Có bản chép là tử thủ (luộc) đầu đứa con (của mình).

[209] Chữ hiền này hiểu theo quan niệm Nho gia.

[210] Việc này chép trong *Chiến Quốc sách* - Yên sách-9 - (Lá Bối - 1973) Yên vương là Khoái đem nước nhường cho Tử Chi để được tiếng là hiền như vua Nghiêu (người đã nhường ngôi cho Hứa Do), nhưng Tử Chi không được người nước Yên phục, nước Yên hóa loạn, sau bị Tề đánh. Sử không chép Tử Chi mới đầu có làm bộ cao thượng như Hứa Do mà từ chối hay không.

[211] Nguyên văn bản của Trần Khải Thiên: *Trùng lưu xuất hộ*. Có bản chép là *trùng lưu xuất thi* (giòi từ thây bò ra). Hai chữ *hộ* và *thi* chỉ khác nhau một nét chấm.

[212] Nguyên văn là chữ *manh* □ (nghĩa là dân), mỗi nhà bàn một khác; có nhà ngờ là chữ *mẫn* □ (nghĩa là tiêu diệt). Chúng tôi lấy ý mà dịch.

[213] Có sách chép là *Tương vương*, sai.

[214] Có sách cho rằng Phương Thành ở trong đất Trác.

[215] Ý muốn nói trước khi dùng ai, vua phải xét xem người đó được việc hay không đã.

[216] Vì vua quay mặt về phương Nam (phương có nhiều ánh sáng). Thời xưa, khi mới yết kiến, người dưới dâng lễ vật cho người trên, như quan khanh dâng con dê con, quan đại phu dâng con nhạn lên vua.

[217] Không có sẵn ý riêng.

[218] Lời: bản nguồn chép là "lỗi". Hạng người đặt lời giả dối: nguyên văn là "trá thuyết" □□. (Goldfish).

[219] Nguyên văn: *Triều đình trực tấu, đan vi bất cảm tương du việt*. Câu đó tối nghĩa. Trần Khải Thiên hiểu là: Các bề tôi tụ họp ở bên vua mà không tơ hào lấn áp nhau (chữ *đan vi* hiểu là tơ hào chứ không phải là kẻ thấp hèn ở xa); lại có nhà hiểu: *Bất cảm tương du việt* là không dám vượt pháp độ.

[220] Chữ *nguy* □ ở đây, các nhà chua giải bảo phải đọc là *quỉ* □, như trong chữ quỉ biện mà ta thường đọc là ngụy biện.]

[221] Bản nguồn chép là: "Người thợ không khéo", tôi sửa lại thành "người thợ khéo" (nguyên văn: *xảo tượng* □□. (Goldfish).

[222] Thạch là một đồ đo lường bằng 10 đấu.

[223] Sửa tài: có lẽ là *xử trá* (xử kẻ gian trá); nguyên văn là *quyết mậu* □□. (Goldfish).

[224] Nguyên văn: *Chuất tiện tề phi* □□□□, có sách giảng là khen đúng người phải, trách đúng kẻ bậy. Chúng tôi theo Trần Khải Thiên.]

[225] *Người:* Trong nguyên bản có những tiêu đề này (đây cũng là một điểm đặc biệt của thiên) nhưng đặt ở cuối mỗi đoạn, chúng tôi theo lối trình bày ngày nay, đưa lên đầu.

[226] Có bản chép là *trí lực* (trí và sức mạnh).

[227] Có sách giảng là "khó lường như trời". Thi hành pháp chế tức là thưởng phạt. Vì vậy chúng tôi hiểu là không thiên vị. Nguyên văn: *Chủ chi hành chế dã thiên*.

[228] Nguyên văn là *nhân* (□), có bản chép là

khốn (□).

[229] Có bản chép là “kết trí”: Kết hợp các người trí.

[230] Nguyên văn: *Sự lưu tự thủ*. Hai chữ *tự thủ* chúng tôi không hiểu nghĩa, không sách nào giảng thông cả.

[231] Nguyên văn: *Phúng định nhi nộ*. Có sách giảng là: Ý kiến nêu rồi thì dựa vào đó mà bắt người đưa ý kiến phải làm theo cho đúng. Chúng tôi châm chước ý kiến của Trần Khải Thiên.

[232] Nguyên văn *tham ngũ*: Ba, năm, nghĩa bóng là khảo sát nhiều cách, nhiều mặt. Chúng tôi hiểu theo Trần Khải Thiên và Từ Hải. Có sách cho ngũ đó là chính sách dùng năm nhà dò xét lẫn nhau.

[233] Nguyên văn: *Lục nhục chi nhân cận tập*, có sách giảng là hoạn quan hầu cận.

[234] Nguyên văn: *Tàng nộ, trì tội như bất phát*, có sách hiểu là bề tôi giấu cái giận, che tội mà không phát giác ra.

[235] Cả đoạn này rất tối nghĩa, mỗi sách giải thích

một khác. Chúng tôi không dám tin rằng địch đúng.

[236] Có sách giảng là nếu vua để lộ niềm vui ra thì bị lờn, để lộ nỗi giận ra thì uy bị phân chia. Nên để ý: Đoạn trên Hàn mới bảo giận mà không để lộ ra thì có thể nguy.

[237] Đạo ở đây nên hiểu là thuật trị nước. Có học giả ngộ rằng hai chữ cao và thấp trong câu này dùng lộn với nhau.

[238] Thực là quyền, lợi; danh là tiếng tăm.

[239] Nguyên văn: *Thiên nhân bất khả giải dã*. Trần Khải Thiên giảng là: Mặc dầu một nghìn người không giảng được tại sao lại có điều đó.

[240] Câu này cũng rất tối nghĩa, mỗi người hiểu một khác.

[241] [Nguyên văn: Vô phó ngôn ư thượng dĩ thiết tương nhiên. Thí dụ: Vua hỏi bề tôi: Địch đòi ta cắt đất cho chúng, nên cắt hay không? Bề tôi đáp: Cắt đất thì mình yếu đi, sẽ nguy; mà không cắt thì địch sẽ tấn công mình, mình không chống nổi, cũng sẽ nguy. Như vậy không dứt khoát mà lơ lửng, vua không biết quyết định ra

sao.]

[242] Ví dụ giao trách nhiệm cho A, dùng B để dòm ngó đề phòng A; nhưng làm sao tin B được; lại phải dùng C để dòm ngó đề phòng B. Vậy là B người ngày nay bị C dòm ngó chính là người mà trước kia vua dùng để dòm ngó A.

[243] Oai: Bản nguồn chép là "oan (oai?)" (chắc sách chép là "oan", những người đánh máy đoán là "oai"); nguyên văn là *uy* □ . (Goldfish).

[244] Nghĩa là công chưa đáng thưởng mà đã được thưởng "trước", đây không phải là trước người, mà chỉ có nghĩa là sớm quá, trước khi đáng thưởng.

[245] Ở đây có bản thêm 4 chữ: *Nhiệm lý, khử dục* = theo lý bỏ tư dục. Trần Khải Thiên cho là do người đời Tống thêm vào.]

[246] Y Doãn là khai quốc công thần của Thành Thang, ông vua sáng lập nhà Thương. Thái Công, tức Lã Vọng, là công thần bậc nhất của Văn vương và Võ vương nhà Chu.

[247] Quách Yển: Một đại phu có tài của nước

Tấn.

[248] Nguyên văn: *Đạn dịch dân chi an dã*. Có học giả bảo không hiểu hai chữ *dịch* (□) *dân* đó nghĩa là gì, ngờ là ngư dân mà cổ nhân chép lầm. Chúng tôi hiểu là sợ làm biến đổi sự an tĩnh của dân nên dịch như vậy.

[249] Nguyên văn: Thuyết tại *Thương Quân chi nội ngoại*. Có sách dịch là: Thuyết này ở thiên Nội ngoại của sách *Thương Quân*. Chúng tôi theo Trần Khải Thiên mà dịch như trên.

[250] Chúng tôi bỏ câu cuối gồm 48 chữ vì các nhà chú giải đều ngờ rằng chép lầm hoặc sót, không sao hiểu nổi.

[251] Chữ *ngụy*, chính ra phải đọc là *quỉ*, có nghĩa là trái, lầm. Sử là sai khiến, ở đây trỏ việc trị nước. Trần Khải Thiên giảng *ngụy sử* là trái với đạo trị nước.

[252] Nguyên văn là *đạo*, tức cách trị nước, thuật trị nước.

[253] Rốt cuộc cũng chỉ là hai thuật: *Thưởng* (bằng lợi, danh) và *phạt* (dùng uy).

[254] Có thể hiểu là cái mà vua quí (danh) không

hợp với cái mà sự trị nước cho là quan trọng (thực).

[255] Chẳng hạn lòng nhân từ của đạo Nho, lòng nghĩa hiệp của đạo Mặc, Nho, Mặc cho là "thiện"(tốt) nhưng chính quyền theo Pháp gia, cho là xấu.

[256] Cầu danh ở đâu là cầu cho được đời gọi là trung, là liệt sĩ, dũng... chứ không phải cầu được chức tước, được chính quyền khen.

[257] Pháp gia chủ trương dân phải học pháp luật do quan lại dạy, cái học đó là học công, còn ngoài ra (như Nho học, Mặc học, Lão học...) đều là học tư hết.

[258] Trưởng giả thời đó có nghĩa kính trọng như trưởng thượng.

[259] Nguyên văn: "loại danh hiệu ngôn", chúng tôi hiểu theo Trần Khải Thiên, có người dịch là: Đặt ra các danh hiệu.

[260] Có người chấm câu khác và giảng là: Lại không ngăn chặn họ mà còn theo họ.

[261] Theo Pháp gia thì bọn đó đáng trừng trị.

[262] Nguyên văn là *anh*, tức là xúc phạm. Đoạn

này Hàn Phi chủ trương vua phải có đức, bề tôi trung phải can gián vua, tư tưởng mâu thuẫn với các thiên khác, nên người ta ngờ rằng viết từ lúc đầu, khi Hàn Phi mới thôi học Tuân Tử và trở về nước Hàn, sau tư tưởng ông thay đổi đó không có gì lạ. Nhưng chúng ta cũng có thể hiểu rằng các thiên khác ông chê bọn trung thần can gián vua theo quan niệm Nho gia, như Tỷ Can, Ngũ Tử Tư... vì theo ông họ muốn uy hiếp vua; còn ở đây ông trách vua không nghe lời nói thẳng của kẻ sĩ có pháp thuật như ông.

[263] Nguyên văn là danh với hình.

[264] Nghĩa là không vượt ra ngoài phép tắc.

[265] Thời đó không phát tiền lương cho quân sĩ nhưng cấp cho họ "lộc điền" để gia đình họ cày cấy mà ăn.

[266] Nguyên văn là *bản ngôn*. Theo Trần Khải Thiên, Hàn Phi ám chỉ một cuốn sách của pháp gia khá lưu truyền thời Chiến Quốc, sau thất truyền.

[267] Hàn Phi ám chỉ các triết gia, học giả - như thầy trò Mạnh Tử - tới nước nào - như Tề, Lương chẳng hạn - cũng được vua trọng đãi.

[268] Nguyên văn *mâu tri*, bốn năm học giả, mỗi nhà giảng một khác, mà không nhà nào giảng xuôi cả; chúng tôi tạm theo Trần Khải Thiên: *mâu* cùng nghĩa với mậu là lầm, bậy.

[269] Ám chỉ bọn "danh gia".

[270] Tăng Sâm, môn sinh của khổng tử, nổi tiếng là hiền. Sử Ngư, một đại phu nước Vệ, được Khổng tử khen là ngay thẳng. Tương truyền ông can vua, vua không nghe, khi chết bảo vợ con đem xác bỏ ngoài đồng để vua động lòng mà tỉnh ngộ.

[271] Chữ Kim có thể trỏ một lạng vàng, một đồng tiền vàng, lại có thể trỏ một cân, một lượng, một đồng tiền bằng đồng.

[272] Tức dùng nhiều kẻ cáo gian.

[273] Hàn Phi muốn nói: Dùng hình phạt không cốt ở sự trừng trị kẻ gian mà cốt để ngăn ngừa sự gian, để người khác thấy mà sợ, không dám làm điều gian.

[274] Tựa như câu của ta: "Đi sông đi biển không chết mà chết lỗ chân trâu".

[275] Hàn Phi muốn nói: “Không ngăn cấm gian tà (bằng hình phạt nặng), để dân phạm tội rồi mới trừng phạt, tức là đánh bẫy dân.

[276] *Đạo Đức Kinh* - Chương 44: Tri túc bất nhục, tri chỉ bất đãi.

[277] Nguyên văn là *cùng* nghĩa là cùng đường.

[278] Một dũng sĩ nước Tần.

[279] Thời xưa, muốn thử dũng sĩ, người ta bảo họ cầm chân một cái vạc nhấc lên rồi đi (cử đỉnh).

[280] Lý Đoái (có chỗ gọi là Lý Khắc), quan thái phó nước Triệu, theo phe Huệ Vương, bao vây cung của Triệu Chủ Phụ để Chủ Phụ chết đói.

[281] Ưu Chính Nghĩa là người kép hát. Ưu Thi là kép hát tên Thi, tình nhân của Li Cơ - một mỹ nhân - vợ sau của Tấn Hiến Công, xui Hiến Công giết thế tử Thân Sinh để lập con Lý Cơ là Hề Tề.

[282] Một bộ sử nước Sở. Có sách chép là Đào Tả Xuân Thu.

[283] Còn già nửa bị ám hại, bất đắc kì tử.

[284] Vương Lương, người nước Tần thời Xuân Thu, giỏi đánh xe. Câu Tiễn vua nước Việt, muốn có binh mạnh để diệt Phù Sai, vua nước Ngô báo thù. Sau ông làm bá chủ cả vùng sông Dương Tử và sông Hoài.

[285] Nguyên văn: *Khổ dân dĩ phú quí nhân, khởi thế dĩ tạ nhân thần*. Câu này tối nghĩa. Diệp Ngọc Lân dịch là: Làm khổ dân vì bọn người phú quí được khởi thế (quyền thế được nổi lên, được tăng lên) mượn bề tôi giúp sức (?). Nghe không thông chút nào cả. Có dịch giả dịch chữ *khởi* trong câu đó là bỏ (vua bỏ cái thế của mình) cho bề tôi mượn dùng. Dịch như vậy thông, chỉ ngặt một điều: Chữ khởi ở câu trên dịch là dấy lên (rất đúng) sau ở đây là bỏ đi? Cách dịch của chúng tôi cũng gượng lắm.

[286] Nguyên văn là *nhụ tử*. Có ba nghĩa: Con còn nhỏ, vợ bé, thiếu nữ đẹp. Ở đây, trỏ những cung nhân đẹp.

[287] Như Di Tử Hà được vua Vệ yêu vì đẹp trai. Coi thiên *Thuế nan*.

[288] Nguyên văn: *Trắc thất công tử*, có sách giảng là con vợ nhỏ.

[289] Nguyên văn là *cấm tài*: Tiền của cấm, tức tiền bạc của vua, của quốc gia. Cái gì riêng của vua thì thường gọi là cấm, như cấm thành, cấm uyển.

[290] Nguyên văn ghi chép là *bất thính*, có sách giảng là không nghe lời bề tôi.

[291] Tức điều nên làm, theo quan điểm Pháp gia, khác với điều nghĩa theo quan điểm Nho gia.

[292] Một người đánh xe giỏi thời xưa.

[293] Một người thợ giỏi thời xưa.

[294] Kịch Tân là tướng Yên, thua Triệu, bị Triệu bắt.

[295] Trâu Diễn là triết gia sáng lập phái Âm dương, người nước Tề, làm quân sư cho Yên Chiêu vương; "đạo nước không còn", nguyên văn là: *"quốc đạo tuyệt"*, có người giảng là quốc đạo đó là đạo trị nước theo pháp gia; có người lại bảo là đường đi trong nước, (đường đi vắng người - tuyệt - vì Yên thua Triệu).

[296] Vì được quẻ "đại cát" mà sao Yên lại thua Triệu.

[297] Đại Lương là kinh đô Ngụy, không phải ở Yên, Triệu muốn cướp Yên mới đầu đánh Đại Lương có lẽ để Yên không ngờ; Thượng Đảng vốn là đất của Hàn, lúc đó thuộc về Triệu; Tần thấy Thượng Đảng bỏ trống thì Triệu không đề phòng, nên đem quân đánh.

[298] Dương Thành của Yên; đất Nghiệp của Triệu.

[299] Một danh tướng của Triệu, có sách gọi là Bàng Quyên.

[300] Một số học giả cho rằng thiên này là một bài biểu Hàn Phi dâng vua Hàn, nhưng thuyết đó không đáng tin.

[301] Tức Điệu Tương vương.

[302] Các sao tốt ở phương Tây, cho nên Ngụy ở phương Tây mới chiếm được Đào, Vệ ở phương Đông.

[303] Các sao xấu ở phương đông, cho nên Ngụy ở phương đông (đối với Tần) mới bị Tần (ở phương Tây)

chiếm hết đất.

[304] Theo sách *Hoài Nam tử* thì môn thiên văn thời đó cho rằng nếu sao Hình ở phía trái hay phía trước, sao Đức ở phía phải hay sau lưng, mà ra quân thì tất thắng.

[305] Một nước nhỏ ở Sơn Đông ngày nay.

[306] Một nước nhỏ ở Trực Lệ ngày nay.

[307] Câu này có sách chấm câu ở sau chữ Tần mà dịch là: "... mà nghe Tần. Các nước nhỏ ỷ vào Ngụy, Tề, Kinh mà mau mất nước". Chúng tôi theo Trần Khải Thiên.

[308] Câu này nữa cũng rất khó hiểu, ngờ rằng thiếu sót hoặc sai lầm.

[309] Có lẽ là các nước Hứa, Yên, Trịnh nói trong câu trên.

[310] Nguyên văn là *hạnh*: Chúng tôi theo chú thích của Trần Khải Thiên.

[311] Hai câu này có nhà chấm câu khác và dịch là: Vậy kẻ sĩ có tài trí không thể tin được. Bổ nhiệm kẻ sĩ có

đức là khiến họ quyết đoán công việc.

[312] Câu này có người hiểu là... mà làm theo ý họ. Nguyên văn nhi vi kì sở nhiên. Nghĩa cũng vậy.

[313] Nguyên văn là *"sát sĩ"*. Sát là xét. Trần Khải Thiên bảo "sát sĩ" cũng như "trí sĩ", kẻ sĩ sáng suốt. Có nhà bảo là kẻ sĩ biết xa. Chúng tôi theo *Giả Nghị tân thư*. Có óc tinh tế nghĩa là thấy những điều tế vi mà thiên hạ không thấy.

[314] *Hiền* ở đây không phải là bậc hiền tài, mà là người theo đạo, ở ẩn.

[315] Nguyên văn là "can", có sách giảng là làm bớt (cái loạn).

[316] Nguyên văn là: *Quan chức chi lệnh*. Chữ lệnh này như chữ huyện lệnh, chủ một huyện. Có sách dịch là: Không dùng làm lệnh cho quan chức theo được.

[317] Bảo Tiêu: ẩn sĩ đời Chu không chịu thần phục nhà Chu, ôm gốc cây mà chết - Hoa Giác: Chưa biết là ai.

[318] Nguyên văn là "sát", nhưng nên theo nghĩa thường là "xét", chứ không phải nghĩa trong "sát sĩ" ở

trên.

[319] Thời thượng cổ đây trỏ đời Nghiêu, Thuấn, Thang, Vũ, Văn vương, Võ vương; thời trung cổ trỏ đời Xuân Thu.

[320] Nguyên văn là *"truy xa"*. "Truy" nghĩa là chậm chạp; có thể hiểu là chất phác. Trần Khải Thiên giảng là thứ xe mà bánh là một khối không có tay hoa, thời Nghiêu, Thuấn người Trung Hoa chưa biết dùng bánh xe có tay hoa. Nhưng có sách bảo là "thối xa" nghĩa là xe đẩy, chứ chưa có ngựa kéo; e lầm.

[321] Ám chỉ việc Nghiêu, Thuấn nhường ngôi.

[322] Nguyên văn: *"truy chính"*. Có sách bảo là "thôi chính"; e sai.

[323] Nguyên văn là "cổ công" là nhạc công mù. Thời đó người ta thường dùng những nhạc công mù.

[324] Nền cao gọi là đài, trên nền đó dựng một ngôi nhà gọi là tạ.

[325] Đồ chơi quí, đẹp.

[326] Nguyên văn: Đại tâm, trái với tiểu tâm. Tiểu

tâm là cẩn thận.

[327] Nguyên văn: Nghịch kì sử, có sách cho rằng chữ nghịch đó chính là chữ cận (gần) và dịch là: Cho giữ chức ở bên mình. Chúng tôi theo Trần Khải Thiên, cho chữ nghịch đó là ngược.

[328] Coi về việc các tân khách xin yết kiến vua.

[329] Bản nguồn không tách cho điều 42 này ra mà đặt chung với điều 41. (Goldfish).

[330] *Hiếu kinh* có câu: Phân biệt cái hiếu của chư hầu (bảo tồn được xã tắc, hoài với nhân dân) với cái hiếu của dân thường (giữ gìn thân mình, tiết kiệm để nuôi được cha mẹ). Vì vậy có người ngờ rằng thiên này hoặc ít nhất điều 43 này không phải của Hàn Phi viết.

[331] [Ám chỉ Di Tử Hà. Về Di Tử Hà coi thiên Thuế nạn. Cũng nên coi lời Hàn Phi phê bình truyện này trong thiên Nạn tứ, tiết 4.

[332] Một trong ba đại phu chuyên quyền ở Lỗ.

[333] Xét giọng văn trong "thuyết này" thì không phải là của Hàn Phi, vì rườm, non, như câu (4) ở đây quả là thừa. Vì vậy có người nói rằng Hàn Phi đọc thấy ở

đâu đó rồi chép lại nguyên văn, chứ không viết lại; có người lại bảo do người đời sau thêm vào.

[334] Án tử tên là Anh, tự là Bình Trọng, làm tướng quốc nước Tề, có tài có đức. Bộ *Án tử xuân thu* do người đời sau viết, chứ không phải ông.

[335] Hà Bá là thần sông Hoàng Hà.

[336] Bạch Công tên là Thắng, là cháu nội Sở (Kinh) Bình Vương. Cha là thái tử Kiến bị Bình vương từ bỏ, phải chạy qua nước Trịnh, bị người Trịnh giết, Thắng phải chạy qua nước Ngô. Khi Sở Huệ vương lên ngôi, Thắng về nước được phong là Bạch Công. Ông muốn đánh Trịnh để báo thù cho cha, quần thần Sở không chịu, ông âm mưu làm loạn để cướp chính quyền, thất bại, phải tự tử.

[337] Nguyên văn: *Tương tham*. Có sách giảng là: So sánh với nhau.

[338] Vì những kẻ quyền ngang nhau đó sẽ lập riêng một đảng để mưu tư lợi mà che lấp vua.

[339] Truyện này chép trong *Chiến Quốc sách* - Ngụy II 17. *Chiến Quốc sách* gọi là Bàng Thông.

[340] Lúc đó làm quan khanh, sau nối chức Tử Sản.

[341] Có bản chép: Chằm tên là Quán, chúng tôi theo bản Trần Khải Thiên.

[342] Theo Trần Khải Thiên thì "hôi" là hỏa hôi (than chưa vạc, còn lửa) và yểm là: Làm bỏng người ta

[343] Nguyên văn: *Tam lộc*. Có thuyết giảng là họ cha, họ mẹ, họ vợ, có thuyết bảo: Cha, con, cháu; có thuyết lại bảo: Cha mẹ, anh em, vợ con.

[344] Thời đó những người có quyền thế như Mạnh Thường quân, Bình Nguyên quân, Xuân Thân quân... nuôi rất nhiều khách trong nhả để được tiếng là trọng kẻ sĩ, và đôi khi hỏi ý kiến họ, sai bảo họ.

[345] Nay ở Vân Nam.

[346] Nguyên văn: *Thậm chúng ung li kì thủy*. Chữ *kì* có sách bảo nên đọc là lệ (sông Lệ) và giảng như chúng tôi đã dịch; có sách lại bảo là chữ *li* (hàng rào tre) và giảng là: Chính quyền rào hai bờ sông...

[347] Chúng tôi ngờ rằng truyện này do Pháp gia đặt ra chứ Khổng Tử không chủ trương như vậy, hai chữ

"phạm cấm" có sách giảng là vào chỗ cung cấm của vua.

[348] Bất nhẫn là không nhẫn tâm, không nỡ lòng thấy người khác đau khổ.

[349] Tiết công là chúa đất Tiết, thuộc Tề. Đất đó vua Tề cho Điền Anh (Tịnh Quách quân) hoặc Điền Văn (Mạnh Thường quân) làm thực ấp

[350] Nguyên văn: *Đại thần vô trọng*. Trần Khải Thiên cho rằng chữ vô đó, cũng giống chữ vô trong vô địch, và giảng như chúng tôi đã dịch. Có sách giảng: *Vô trọng* là *đắc vô trọng hồ* (làm sao mà không lớn cho được?). Phép hành văn đó cổ nhân thường dùng.

[351] Nguyên văn: *Dĩ vi tế*; có sách bảo chữ *tế* đó phải sửa lại là *tệ* (lụa, tiền bạc).

[352] Chúng tôi nghĩ Quản Trọng không tàn nhẫn tới mức đó. Truyện này có lẽ cũng do Pháp gia đặt ra.

[353] Nguyên văn: *Trị vô tiểu nhi vô đại*. Có sách giảng là: Không trị cái tội nhỏ thì loạn lớn sẽ phát, hoặc: Phép trị nước không coi thường việc nhỏ thì sẽ không có loạn lớn.

[354] Đình là một cái nhà trống cất trên một nền cao. Có sách giảng đình đây là phong hỏa đài, một đền canh trên chỗ cao, lính đốt lửa lên khi có giặc cướp để báo cáo cho các đồn ở xa.

[355] Không khác gì thuyết trên mà rườm hơn, nên chúng tôi bỏ.

[356] Ý nói: Keo cú.

[357] Thuật này tức là thuật 2 trong thiên 48 - *Bát Kinh*.

[358] Một loại sáo tựa như cái sênh (quả bầu khoét lỗ).

[359] Lúc này Trịnh đã bị Hàn diệt, sáp nhập vào Hàn, vậy vua Trịnh đây chính là vua Hàn.

[360] Ngụy lập đô ở Đại Lương, cho nên cũng gọi Ngụy là Lương.

[361] Lời nói nhũn: Cái ấp nhỏ của tôi.

[362] Nguyên văn là *thâm*. Có sách giảng là nguy lớn, có lẽ nghĩ rằng Hàm Cốc ở biên giới Tần, nên chưa

gọi là vô sâu được.

[363] Sông lớn đây là sông Hoàng Hà. Có sách bảo: Hà Đông là tên đất, mới đầu thuộc Ngụy, sau thuộc Tần (nay ở Sơn Tây) và ba thành đây là ba huyện của đất Hà Đông.

[364] Truyện này có trong *Chiến Quốc sách*, Tần sách IV 3 (Lá Bối), và chép là công tử Trì; cũng có chỗ gọi là công tử Tha. Ba chữ (tỉ) (trì) (tha) hơi giống nhau.

[365] Truyện này, nguyên văn khó hiểu, mỗi nhà hiệu đính, giải thích một khác. Chúng tôi theo Trần Khải Thiên.

[366] Ám chỉ rằng Lý Sử ăn hối lộ.

[367] Chắc chúa nước Chu giấu cây trâm ở nhà gia nhân đó rồi làm bộ đánh mất. Có vậy thì mới là dùng thuật.

[368] Truyện đầu a/ là làm bộ như ra lệnh mà không ra lệnh; còn ba truyện sau b/ c/ d/ là ra một lệnh giả. Vì vậy nhan đề kinh 5 này chỉ có hai chữ "ngụy sử" mà chúng tôi phải dịch là "làm bộ như ra lệnh và ra lệnh giả" cho đủ nghĩa.

[369] Truyện 6b/ này giống truyện 5d/ ở trên, và truyện 6c/ này giống truyện 5c/ vậy mà 5d và 5c sắp vào kinh 5, còn 6b và 6c, 6d/ sắp kinh 6. Sự sắp đặt, phân loại không hợp lý.

[370] Nguyên văn là ngự sử (□□), có sách cho là ngự lại (□□): Người lại đánh xe.

[371] Tây Môn Báo là một viên quan nước Ngụy, nổi tiếng cai trị.

[372] Nghĩa là chúa đất Sơn Dương, một ấp nước Ngụy.

[373] Người nước Sở gởi qua giúp Tề Mân vương.

[374] Tức Công tôn Tháo, làm ra bộ hiền nhân quân tử, được vua Yên là Khoái nhường ngôi cho, người Yên không phục, nổi loạn. Coi *Chiến Quốc sách* - Yên sách 9 (Lá Bối) - Thuật trong truyện này cũng như thuật trong truyện 6a/

[375] Tức Công tôn Kiều, tướng quốc nước Trịnh - coi phần I.

[376] Bỏ mấy hàng dẫn chứng.

[377] Hàn Phi chép 5 truyện a, b, c, d, e để giải thích những điều dẫn chứng ở trên. Chúng tôi chỉ dịch hai: c và d.

[378] Nguyên văn: *Yên nhân vô hoặc, cố dục cẩu thỉ*. Có học giả sửa lại là: Yên nhân hoặc dị... nghĩa là người nước Yên dễ bị mê loạn (nên phải tắm bằng nước phân chó). Người Trung Hoa thời đó cho rằng chứng đó bị quỉ ám, nên trị như vậy.

[379] Coi chú thích (1) và chú thích (2) Kinh 1 ở trên. Sau cũng vậy.

[380] Không tốn công, của gì cả.

[381] Thuyết này gần giống y hệt truyện Sở IV 2 trong *Chiến Quốc sách*, nên chúng tôi không dịch lại. *Chiến Quốc sách* chép là Trịnh Dữu. [Xem phần Đọc thêm. (Goldfish)].

[382] Có chỗ gọi là Phí Vô Kị, một gian thần của Kinh Bình vương.

[383] Tế Thủ là một chức quan võ của Ngụy như tướng soái. Theo Chiến Quốc sách, Tế Thủ tức Công tôn Diễn, đồng thời với Trương Nghi.

[384] Chức là em khác mẹ của Thương Thần

[385] Giang Mi là em gái Thành vương. Theo *Sử ký* của Tư Mã Thiên thì là một ái phi của Thành vương. Có sách chép là Giang Thiên, hoặc Giang Vu và cho Giang Vu là một cận thần của Thành vương.

[386] Món ăn thời đó cho là rất quí. Món đó nấu lâu chín, Thành vương xin ăn món đó là có ý kéo dài để chờ cứu viện.

[387] Hàn Phi lầm: Chính là Lỗ Định công.

[388] Nguyên văn: *Khinh tuyệt ư lễ*. Có sách dịch là: Tất bỏ nước Lỗ.

[389] Có sách sửa lại là qua Tề.

[390] Tức Dương Thiệt Chất, học rộng, làm quan nước Tấn, viết thư phản kháng Tử Sản làm hình thư - Coi phần I

[391] Trành Hoằng là một đại phu của Chu Kính vương.

[392] Quách là bức tường ngoài của một thị trấn

thời đó.

[393] Vua Tần, người giết Thương Uởng

[394] Các bản xưa chép là *"minh chủ"*, nghĩa không thông. Nên các học giả sửa lại là "ám" (hôn ám) hoặc là "thời". Chúng tôi nghĩ chữ "thời" (□) có thể lầm với chữ minh (□) được, chứ chữ "ám" thì khác xa quá.

[395] Học trò Khổng Tử, người nước Lỗ, tên là Bất Tề.

[396] Một loại ngọc màu đỏ.

[397] Mỗi thạch là 120 cân thời đó.

[398] Coi chú thích ở truyện 1 Thiên sau.

[399] Thuyết này các sách khác cho là của Công Tôn Long - Công Tôn Long phân biệt con ngựa và màu trắng. Ngựa là một ý niệm khái quát, ngựa trắng là một con ngựa thật, hai cái khác nhau, do đó ngựa trắng không phải là ngựa. Công Tôn Long ngụy biện.

[400] Ở Lâm Tri, kinh đô Tề, Tề Tuyên vương lập một công quán cho các kẻ sĩ mọi nơi lại đó giảng luận, coi phần I.

[401] Nguyên văn: *Hiệp phù tương vị tắc trách vọng, tự vị tắc sự hành*. Chúng tôi phiên âm và hiểu theo Trần Khải Thiên. Có nhà phiên âm là:... *tương vi...*, *tự vi* và dịch: Khi hai người làm chung nhau (tương vi) thì họ trách nhau, còn tự mình làm riêng rẽ (tự vi) thì việc chạy. E sai.

[402] Nguyên văn là *dị*. Có sách giảng là dễ lấy. Thời đó vải có thể dùng làm tiền để trả công, trao đổi hàng hòa.

[403] Thời đó người Trung Hoa ở miền Trung và miền Bắc coi người Việt ở Đông Nam là ngoại nhân.

[404] Sách nói về việc tu thân, phải giữ gìn, đừng phóng túng, người đó hiểu lầm.

[405] Nguyên văn: *Bất súc ư quân*. Có sách dịch là: Khống chế vua.

[406] Tức Triệu Vô Tuất, một trong ba người diệt Trí Bá, dọn đường cho việc chia ba nước Tấn.

[407] Pháp gia cho nghề văn là vô dụng.

[408] Vua Triệu, tức Võ Linh vương, ông tự xưng là

Chủ phụ (như Thái thượng hoàng) sau khi lập con là Hà làm vua.

[409] Khi gặp kẻ sĩ ở trên đường, ông ta nghiêng lọng (tỏ vẻ kính trọng) rồi mời họ lên ngồi chung xe.

[410] Nguyên văn: *Đặc vị nghĩa nhĩ*. Chữ *vị* đó, chúng tôi theo Trần Khải Thiên, đọc là ngụy.

[411] Tên một con ngựa quí.

[412] Một người đánh xe giỏi.

[413] Thời đó luật pháp viết hay khắc trên thẻ tre, vì chưa có giấy.

[414] Nguyên văn: *Tích ư tín*: Tích luỹ niềm tin.

[415] Thời đó, tiến quân thì đánh trống, lui quân thì đánh thanh la.

[416] Nguyên văn: *Minh nhật* (hôm sau). *Chiến Quốc sách* - Ngụy 4 - chép là *thị nhật* (hôm ấy), có phần đúng hơn.

[417] Nguyên văn: *Bãi Ngu nhân*. Chúng tôi theo Trần Khải Thiên mà dịch như vậy. Có thể dịch là: (xông

pha cơn dông) để bảo người nước Ngu bãi cuộc đi săn.

[418] Nguyên văn: *Anh nhi phi dữ hí dạ*. Có thể dịch là: Không thể nói láo với trẻ được.

[419] [Khổng tử không làm tướng quốc nước Vệ. Thời đó Khổng Khôi làm loạn: Ngẫu nhiên cùng họ với Khổng tử, nên người ta lầm là Khổng Tử.]

[420] Nguyên văn: *Tử Cao hậu môn*. Có sách dịch là Tử Cao đi ra ngõ sau, có sách dịch là: Ra cửa sau cùng. Chúng tôi theo Trần Khải Thiên.

[421] Nguyên văn: *Tiên hậu thần di ngôn*. Trần Khải Thiên giảng: Tiên hậu là tả hữu, nghĩa là giúp.

[422] Thời đó thiên tử có vạn cỗ xe, vua chư hầu có 1000 cỗ, quan đại phu có 100 cỗ. Mỗi cỗ xe tương đương cho lộc của 6 dặm vuông đất.

[423] Bá Di con vua Cô Trúc có đạo đức, không ham ngôi vua, lại chê Chu Võ vương giết Vua Trụ trong lúc còn tang cha, nến không phục tòng Võ Vương, bỏ vào núi Thú Dương, chết đói ở đó.

[424] Ý nói: Thưởng không hậu. Mấy hàng cuối này nguyên văn khó hiểu, mỗi sách giảng một khác. Chúng tôi

theo bản của Trần Khải Thiên.

[425] Tức không nên quá tin bề tôi.

[426] Trọng phụ là tiếng tôn xưng (coi Quản Trọng như hàng cha chú mình) chứ không phải là chức tước.

[427] Truyện này e không có thực. Theo sử thì Quản Trọng nắm trọn quyền hành.

[428] Theo thiên 39 - *Nạn tứ* 2 thì Dương Hổ bị Tề Cảnh Công bỏ tù. *Luận ngữ* chép là Dương Hóa (Hóa là tên tự).

[429] Câu này nguyên văn có bản chép khác và nghĩa cũng khác:... vua vào bậc trên (hiền đức nhất) coi các bề tôi đều là thầy cả, bậc giữa thì coi bề tôi đều là bạn, bậc thấp nhất coi bề tôi đều là người để sai khiến.

[430] Năm truyện sau từ c/ đến g/, không được nói tới trong phần Kinh mà cũng chẳng liên quan gì đến Kinh.

[431] Ba truyện sau không liên quan đến phần Kinh, riêng truyện cuối h/ không được nói tới trong phần Kinh.

[432] Có sách chép là Mạnh Hiến Bá và nước Lỗ,

sai.

[433] Về danh từ "tam qui" này có tới 5-6 thuyết: 1 - một lần cưới 3 vợ, 2 - phép đánh thuế, 3 - dựng đài tam qui; ngụ ý rằng 3 hạng người qui phục mình: Dân qui phục, chư hầu qui phục, các rợ qui phục, chỉ bậc thiên tử mới đáng dựng đài đó, 4 - thuế chợ nộp vào kho nhà nước, 5 - chỗ chứa tiền của. Trần Khải Thiên nghiên cứu kỹ và cho rằng thuyết sau đây của Dực (?) có lý hơn; tam qui là tam bách thặng (300 cỗ xe). Quan Đại Phu có 100 cỗ xe, lộc mỗi cỗ xe bằng thuế một xã 30 nóc nhà, 6 dặm vuông. Quản Trọng được lộc tam qui, tức lộc ba trăm cỗ xe, bằng ba lộc đại phu, cho nên mới gọi là giàu.

[434] Trong *Luận ngữ* - Bất dật -22, Khổng Tử chê Quản Trọng là khí tượng nhỏ nhen, không tiết kiệm, không biết lễ.

[435] Nguyên văn: *Ngoại cử và nội cử*, có sách giảng là cử người bên ngoài, bên trong.

[436] Truyện g/ không được nói tới trong phần kinh.

[437] Nguyên văn: Công thất.

[438] Điền Thành (hoặc Điền Thường, coi chú thích

thiên *Ngũ đố*) ban ân huệ riêng cho dân để dân theo mình mà xa vua, như vậy là có ý chiếm ngôi của Tề giản công. Giản Công biết là nguy cho mình, hỏi Án Tử cách đối phó ra sao. Án Tử khuyên Giản Công ban ân huệ cho dân hơn Điền Thành thì dân sẽ bỏ Điền Thành mà theo mình.

[439] Nguyên văn: "cố nhân chủ công hĩ" thật khó hiểu, chúng tôi theo bản của Trần Khải Thiên. Có người dịch là: Cho nên bậc vua chúa có nhiều kẻ bao vây.

[440] Vì không làm gì thì không để lộ ý của mình ra, cứ núp vào sự hư tĩnh thì bề tôi thì không đoán được ý mình mà mình dò được ý họ.

[441] Xem phần Đọc thêm. (Goldfish).

[442] Đoạn này nếu dịch sát thì rất khó hiểu nên chúng tôi bất đắc dĩ phải cắt bớt và giảng giải.

[443] Nguyên văn: *Quân bất an, cứ nhi hữu chi*. Có bản chép là: *Cứ quân sở an, cứ nhi hữu chi?* và dịch là: Vua căn cứ vào đâu mà bắt tội họ (vì họ lập bè đảng che giấu cho nhau rồi).

[444] Sáu hàng cuối này, Trần Khải Thiên cho là lời

của Quản Trọng. Chúng tôi cho là giọng của Hàn Phi.

[445] Cung điện vua chư hầu có 3 cửa: Ngoài, giữa, trong. Mao môn là cửa giữa.

[446] Cậu của Văn công, tòng vong với công, sau giúp công lập được nghiệp bá. Thường gọi là cậu Phạm.

[447] Theo chú thích của bản đời Tống. Ý nói dùng hình phạt để cho quần thần và dân chúng sợ mình.

[448] Nguyên văn là: □, có sách giảng là: Quanh co, không theo đúng pháp luật. [Chữ □, Thiều Chửu đọc là: a, á. (Goldfish)].

[449] Nghĩa là có được thưởng thì mới hết lòng, chứ không vì tình riêng mà trung với vua.

[450] Tức Phạm Tuy (cũng có sách là Phạm Thư), có tài biện bác, được Tần trọng dụng, phong chức là Ứng hầu.

[451] Có bản chép là *minh chủ*.

[452] Xem phần Đọc thêm. (Goldfish).

[453] Tức Hồ Yển, cậu của Tấn Văn Công, có

công giúp Văn công dựng nghiệp bá.

[454] Có bản chép là giòi từ thây (□) bò ra. Sửa là từ cửa (□) bò ra thì đúng hơn vì Hoàn Công chết mấy tuần rồi chưa được chôn.

[455] Ta quen đọc là cù, chính ra phải đọc là cu hoặc cưu.

[456] Có sách bảo là Lâu Hoãn và Địch Hoàng; có sách bảo là Lâu Tị và Địch Cường.

[457] Bỏ câu cuối: *Thi Cù Lưu vi hữu thiện dĩ tri ngôn dã*, mà bản Trần Khải Thiên giảng là: Thế là Cù Lưu chưa làm điều thiện (hữu = vị) mà biết nói (dĩ: nhị). Thật lúng túng, khó hiểu.

[458] Nguyên văn: *dũng quí* □□có sách giảng (tức là) tả một đồ dùng để chôn cất (vì nhiều người chết chém mà đồ đó đắt giá). Có sách lại giảng "dũng" là giày cho người cụt chân (vì tội mà bị chặt chân) hoặc chân giả cho người cụt chân dùng.

[459] Nguyên văn là *xích nhưỡng*, có sách cho là tên đất, tên nước.

[460] Coi chú thích ở Thiên 40 - *Nạn thế*.

[461] Tư tưởng trong đoạn này giống Đạo gia, nên có học giả còn ngờ.

[462] Lý Khắc, hoặc Lý Đoái, Lý Khôi - coi phần I.

[463] Nguyên văn: *Ngôn phi thích giả dã, tắc biện phi duyệt giả dã*. Câu này có sách không chép, đại ý là: Không phải có người thích mà là khéo nói.

[464] Nguyên văn: *Vị khả viễn hạnh giả*. Trần Khải Thiên cho viễn = cửu (lâu). Chúng tôi đoán ý mà dịch như trên.

[465] Nguyên văn là □ (bội) (chữ tiếng Trung này trong sách viết sai thành chữ (vị □: Vị trí) bản Trần Khải Thiên bảo chữ bội □ (nghĩa là gấp đôi) đó xưa dùng như chữ (bội = trái đạo ngược lý) □.

[466] Bộ mễ bên chữ gian - Tự điển không có - Các nhà chú thích cho là chữ □ (giản).

[467] Họ vua một nước chư hầu.

[468] Trâu và Lỗ là nơi phát nguyên của đạo Nho, nên dân hai nước đó được sự giáo hóa của Nho gia, có thói quen khen đức hạnh và giấu tội lỗi của người khác.

[469] Khó giữ cho nước khỏi loạn, ngôi vua khỏi mất.

[470] Chữ *diệp* là lá, đây đọc là *Nhiếp*, tên đất và tên họ.

[471] Thời đó thái ấp của đại phu là 100 cỗ xe, mỗi cỗ bằng sáu dặm vuông. Coi chú thích thiên 33 - *Ngoại trừ thuyết tả hạ*.

[472] Tức Tuân Khanh, sư phụ của Hàn Phi. Hàn chỉ nhắc tới thầy ở mỗi đoạn này, mà không ai biết việc đó ra sao. Tử Khoái là vua nước Yên, xem chú thích thiên VII *Nhị Bính*.

[473] Phù Sai là vua nước Ngô không nghe lời Tử Tư, sau bị Câu Tiễn, vua Việt diệt.

[474] Có sách giảng là xóm thợ phía đông.

[475] Có sách chép là "bất tu kì lý" và giảng là không học cái lẽ đó.

[476] *Đạo đức kinh* - Chương LXV 2. Dĩ trí trị quốc, quốc chi tặc (dã).

[477] Nguyên văn: *Đại vật* (vật lớn), có người giảng là lễ pháp.

[478] Sau Dương Hổ qua Triệu, được Triệu Giản chủ trọng dủng. Coi truyện 2c, thiên 33, *Ngoại trừ thuyết tả hạ*.

[479] Các nhà hiệu chú đều cho rằng phải thêm như vậy mới đủ nghĩa.

[480] Coi chú thích thiên 7 *Nhị kinh* - chưa rõ truyện Tử Đô và Khánh Kiến.

[481] Chưa rõ là ai.

[482] Vài truyện là ngụ ngôn hoặc danh ngôn.

[483] Bản nguồn chép là: "Nguỵ sách 122", nhưng vì trong bộ *Chiến Quốc sách* của 2 cụ Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê không có bài *Nguỵ I.22* mà có bài *Nguỵ I.2* (bài này giống một đoạn trong thiên *Thuyết lâm thượng* □□□đăng trên trang http://zh.wikisource.org/wiki/%E9%9F%93%E9%9D%9I cũng bắt đầu bằng mấy chữ *Nhạc Dương nhi Nguỵ tướng* □□□□□, nên tôi sửa lại thành *Nguỵ sách I.2*. (Goldfish).

[484] Truyện Liệt tử II.16, tức bài *Đừng quá tự phụ* (xem phần đọc thêm). (Goldfish).

[485] Bản nguồn chép là "XXII.9 – Liệt tử VIII.24", tôi sửa XXII.9 thành XXIII.9 vì trong thiên X X I I I *Thuyết lâm hạ* (http://zh.wikisource.org/wiki/%E9%9F%93%E9%9D%9 có đoạn giống bài Liệt tử VIII.24: *Đi trắng về đen* (xem phần Đọc thêm). (Goldfish).

[486] Các truyện còn lại trong bộ *Chiến Quốc sách*, xin xem phần Đọc thêm. (Goldfish).

[487] Truyền thuyết truyền ngôi này không chắc có thực, và được nhiều sách nhắc tới; nhưng chỉ Hàn Phi là cho rằng Thang không thực tâm, chỉ làm bộ nhường thôi và dùng "thuật" đó.

[488] Cam Mậu là tả thừa tướng của Tần Võ Vương, Mạnh Mão làm xá nhân, thuộc quyền Cam Mậu.

[489] Hình là một nước nhỏ ở tỉnh Trực Lệ ngày nay. Bảo Thúc là bạn thân của Quản Trọng (Coi tiểu sử Quản Trọng trong phần nhất).

[490] Một bề tôi giỏi của Hoàn Công.

[491] Tương truyền vua Trụ ở trong cung, đóng cửa, đốt đước để dâm lạc, "lấy 120 ngày làm một đêm", vì vậy mà quên ngày.

[492] Có bản chép là cu (sợ). Chữ cu với chữ hoan (vui) hơi giống nhau.

[493] Cơ tử là chú vua Trụ, can Trụ không được, giả điên, làm tên nô lệ. Chu Võ Vương diệt Trụ rồi, phong ông làm vua Triều Tiên.

[494] Điền Thành tử hay Điền Thành, Điền Thường, Điền Hằng, hay Trần Hằng ở đời Xuân Thu, làm đại phu triều Tề Giản công, giết Giản Công để lập Bình Công. Sau con cháu ông ta cướp ngôi nước Tề.

[495] Ám chỉ việc Điền Thành tử mưu giết Giản Công. Coi thêm chú thích thiên 34, *Ngoại trừ thuyết hữu thượng*.

[496] Tức Huệ Thi, một triết gia đồng thời với Trang tử, làm tướng quốc cho Lương Huệ Vương.

[497] Ba nhân vật: Hoàn Hách, Quí tử, Lương tử này không rõ là ai.

[498] Một ngày tế lễ chư thần trong tiết đông chí.

[499] Chu Táo: Chỉ biết là một người nước Ngụy - Cung Tha là một mưu thần nước Tề.

[500] Chỉ biết là bề tôi nước Ngô.

[501] Người nước Lỗ, học trò ông Tăng tử nổi tiếng là hiền sĩ.

[502] Nguyên văn là hoạn. Có sách giảng là đi làm quan, hoặc đi du học. Truyện này trong thiên Thuế nạn chép là người nước Tống.

[503] Nghĩa là về một việc đã ra lệnh thì phải theo, chứ không thể vừa theo lệnh đó vừa theo một mệnh lệnh ngược hoặc khác hẳn.

[504] Nguyên văn: Hữu đại lợi = có lợi lớn (cho người nói), tức là người đó sẽ được thưởng.

[505] Hai người bắn giỏi thời xưa - Phùng Mông là học trò của Nghệ. Nhiều người đọc là Bàng Mông hoặc Bồng Mông, nhưng lối đọc này bị các học giả Nhân Sư Cổ và Nguyễn Nguyên bác.

[506] Công Tôn Long tách rời cái cứng và cái trắng (li kiên bạch) Như phiến đá trắng, lúc thì ta thấy nó trắng mà không thấy nó chắc, lúc thì thấy nó chắc mà không thấy nó trắng, thấy cái nọ, không thấy cái kia, như vậy là cái nọ lìa cái kia, không chứa cái kia.

Huệ Thi bảo: Cái không có chiều dày thì không chồng chất lên được, vậy mà nó lớn tới ngàn dặm (vô hậu, bất khả tích dã, kì đại thiên lý).

Coi thiên Thiên hạ trong *Trang tử*. Không rõ Huệ Thi (một nhà ngụy biện cũng như Công Tôn Long) muốn nói gì. Có người không chấm câu sau chữ hậu và giảng là: Không có cái gì có chiều dày mà không chồng chất lên được, chất hoài nó sẽ lớn tới ngàn dặm.

[507] Chúng tôi chia đoạn, đánh số và đặt tiêu đề cho mỗi đoạn. Thiên này chúng tôi đã dịch trong *Cổ văn Trung Quốc* (Tao đàn 1966) nay sửa lại vài chỗ.

[508] Đồng thất bại (nguyên văn: đồng bại□□): bản nguồn chép là "đồng thất loại". (Goldfish).

[509] Nguyên văn: *Khái* (□) là cái ống để gạt thóc, sau trỏ công việc gạt thóc, do đó có nghĩa là làm cho vơi đi.

[510] Y Doãn là một tể tướng giỏi đời Thương, có công đánh vua Kiệt, hồi trẻ nghèo, muốn được tiến cử lên vua Thương, phải xin làm đầu bếp đem phép gia vị trong thuật nấu ăn để giảng cho vua Thang hiểu về vương đạo. Đó chỉ là truyền thuyết, chưa đáng tin.

Bách Lý Hề là một vị tể tướng giỏi nhà Tần. Trước làm đại phu nước Ngu, ông bị bắt làm tù binh, sau trốn được, bị nước Sở bắt phải làm đầy tớ chăn bò. Tần Mục công đem năm bộ da dê chuộc ông, giao cho việc nước. Vậy ông vì hoàn cảnh mà phải chăn bò chứ không cố ý chăn trâu bò để cầu cạnh vua Tần biết đến. Tác giả dẫn thí dụ đó hơi ép.

[511] Nhiễu Triều là một đại phu nước Tần. Một vị công khanh nước Tấn tên là Sĩ Hội trốn qua Tần, được Tần Mục Công trọng: Nước Tấn thấy vậy sai người lén qua Tần thuyết phục Sĩ Hội và đón Sĩ Hội về. Nhiễu Triều biết trước việc đó, can vua Tần, vua Tần không nghe.

[512] Chữ *lục* (□) (giết) ở đây, (vi lục ư Tần) theo Cổ kim văn tuyển, nên coi là chữ nhục, có nghĩa là bị nhục không được vua Tần tin dùng.

[513] Nguyên văn: *Đại vương nhược dĩ thử bất*

tín, tắc tiểu giả dĩ vi hủy, tỉ phỉ báng, đại giả hoạn họa tai hại tử vong cập kì thân. Có sách giảng là: Nếu đại vương không tin lời người nói thì người nói ít ra cũng bị cho là có ý hủy báng, nhiều hơn thì bị tai họa chết chóc đến mình.

[514] Ở đây có bản thêm 6 chữ: Cố quân tử bát thiểu dã; ngờ rằng sai.

[515] Nguyên văn là *tri* (□) *thuật chi sĩ*, có sách đọc là *trí thuật*; chúng tôi nghĩ nên đọc là tri để ứng với năng (*năng pháp chi sĩ*) ở dưới. Cả hai đều là động từ hết.

[516] Hạng quý tộc quyền cao chức trọng thủ cựu, chỉ nghĩ tới tư lợi.

[517] Nguyên văn: *Tại thằng chi ngoại* = phần ở ngoài lằn dây mực tức phần phải đẽo hoặc cưa bỏ đi.

[518] Nguyên văn: *Lễ ti*, có sách giảng là không được thấy (dự) những lễ lớn; ý nói là không được trọng vọng.

[519] Nguyên văn: Dĩ tư kiếm nhi, cùng chi = mượn cây kiếm riêng mà trừ đi, tức là dùng thích khách để trừ.

[520] Xét mọi mặt xem có hợp nhau không rồi mới quyết đoán.

[521] Câu này chúng tôi lấy ý mà dịch.

[522] Họ Lữ đây là hậu duệ của Lữ Vọng, được phong làm vua nước Tề. Họ Điền làm đại thần ở Tề, sau cướp ngôi Tề. Coi chú thích thiên *Ngũ đố*.

[523] Họ Cơ là họ vua Chu và một số vua chư hầu: Lỗ, Tấn, Trịnh.

[524] Chỗ này chắc thiếu một câu: Kẻ tả hữu của bậc vua chúa không nhất định là người hiền.

[525] Một ẩn sĩ liêm khiết đời Chu: Coi truyện Bá Di trong *Sử ký* của Tư Mã Thiên - Văn Học tái bản 1994.

[526] Vì gian thần cấu kết với nước ngoài, khuyên vua cắt đất để thờ nước ngoài.

[527] Nước nhỏ chịu lệ thuộc nước lớn, tức như thuộc địa của nước lớn.

[528] Phù là thẻ tre (hay gỗ) để làm tin. Ghi hiệu

lệnh trên thẻ đó rồi chẻ làm hai, một nửa giao cho kẻ thừa hành, một nửa thì mình giữ lại.

[529] Như khi vua chết hoặc bị tiếm ngôi. Có sách giảng là khi vua thay đổi chính sách. Trường hợp này có thể có, nhưng rất hiếm.

[530] Nguyên văn: *Xâm ngư*, nghĩa là xâm đoạt như bủa lưới bắt cá.

[531] Có sách chép là Văn vương, Vũ vương và Thành vương.

[532] Chỗ này ngờ mất một câu.

[533] Nghĩa là phải đánh giặc, không nói nhảm nữa. Có sách giảng là bọn sĩ du thuyết không dám nói bậy về chiến tranh nữa.

[534] Đạo đây là pháp thuật.

[535] Nguyên văn là "giáo": Có lẽ Hàn Phi muốn tỏ lòng kính trọng Ngô Khởi và Thương Ưởng.

[536] Sử không chép việc này, chỉ chép việc Tần Thủy Hoàng nghe lời Lý Tư mà đốt sách thôi. *Thi thư* là sách của Nho gia.

[537] 18 năm thì đúng hơn; chắc thiếu chữ *thập*.

[538] Nguyên văn là *khổ pháp*, có sách giảng là khổ vì pháp thuật.

[539] Tức Công Tôn Diễn (tê thủ là một chức quan).

[540] *Khoái*: con của Dịch Vương. [Yên Khoái: 320 tr.T.L -314 tr.T.L. (Goldfish)].

[541] Kết thân với nhau là một bên hoặc làm thông gia hoặc làm rể, làm dâu của bên kia.

[542] *Tô Đại vì Tề mà đi sứ qua Yên*: tướng quốc nước Yên là Tử Chi sai Tô Đại qua Tề hầu hạ thái tử Yên đương làm con tin ở Tề. Và thái tử sai Tô Đại về Yên báo tin cho vua cha.

[543] Cũng gọi là Thố Mao Thọ hoặc Phan Thọ.

[544] *Khải*: là con vua Vũ.

[545] Một thạch là 120 cân.

[546] Vua Trung Hoa thời xưa lâm triều thì quay mặt về hướng nam.

[547] Từ 317 tr.T.L đến 314 tr.T.L. (Goldfish).

[548] *Trữ Tử*: lúc đó làm tướng quốc nước Tề.

[549] Võ Vương nhà Chu, nối nghiệp của Văn Vương, diệt Trụ tàn bạo. Theo sách *Mạnh Tử* thì Mạnh Tử không hề nói vậy. [Mạnh Tử tức Mạnh Kha. (Goldfish)].

[550] Nhưng rồi bị Tề bắt được và giết.

[551] *Nhiệm Chương*: là tể tướng của Nguy.

[552] Ý nói: nếu không cho thì Trí Bá sẽ đánh Nguy, Nguy phải chịu nguy một mình, không nước nào cứu; để tới lúc các nước khác cùng oán Trí Bá, lúc đó sẽ hợp lực nhau đánh Trí Bá thì hơn.

[553] Coi bài Triệu I 2. Phần trên bài này, (tới: họ Trí bị diệt) có chép trong thiên *Thuyết lâm thượng*, bộ *Hàn Phi Tử*.

[554] *Nguỵ Văn Hầu* (445 tr.T.L-396 tr.T.L), tên là Tư. (Goldfish).

[555] Trong thiên *Bắc Sơn*, tập *Tiểu Nhã*.

[556] Bài này có chép trong thiên *Thuyết lâm thượng*, bộ *Hàn Phi Tử*.

[557] Bài này có chép trong *Thuyết lâm thượng*, bộ *Hàn Phi Tử*.

[558] Tức Huệ Thi.

[559] *Dương*: là một cây lá dày và rộng, hoa trắng.

[560] *Cổ học tinh hoa* ghi xuất xứ của bài *Trồng khó, nhổ dễ* là *Bách tử toàn thư*. Câu kết hơi khác một chút: "Nay ngươi muốn được vua tin dùng lâu dài, nhưng có nhiều người muốn bỏ ngươi thì ngươi nguy mất". (Goldfish).

[561] *Tĩnh Quách Quân*: tức Điền Anh, được phong ở đất Tiết, muốn xây thành Tiết cho thật kiên cố. Tiết là một miền của Tề, tại đó có tôn miếu của các vua Tề. Điền Anh chỉ nghĩ cách củng cố địa vị của mình mà không nghĩ đến nước Tề. Bài này có chép trong thiên *Thuyết lâm hạ*, bộ *Hàn Phi Tử*.

[562] Nguyên văn: An vãng như bất ái tai? Không hiểu B.G theo bản nào mà dịch là: Cứ vui vẻ theo đường đó, đừng miễn cưỡng. Bài này có trong *Nam Hoa kinh*,

thiên Sơn mộc.

[563] Truyện này trong *Cổ học tinh hoa* có nhan đề là: Lúc đi trắng, lúc về đen. (Goldfish)